

TRẦN TRỌNG KIM

# VIỆT NAM SỬ LƯỢC



TRẦN TRỌNG KIM

# VIỆT NAM SỬ LƯỢC

**“Người trong nước có thông hiểu những sự tích nước mình thì mới có lòng yêu nước yêu nhà, mới biết cố gắng học hành, hết sức làm lụng để vun đắp thêm vào cái nền xã hội của tiên tổ đã xây nên mà để lại cho mình”.**



[nhasachminhthang.vn](http://nhasachminhthang.vn)

TRẦN TRỌNG KIM

# VIỆT NAM SỬ LƯỢC

**“Người trong nước có thông hiểu những sự tích nước mình thì mới có lòng yêu nước yêu nhà, mới biết cố gắng học hành, hết sức làm lụng để vun đắp thêm vào cái nền xã hội của tiên tổ đã xây nên mà để lại cho mình”.**



**[nhasachminhthang.vn](http://nhasachminhthang.vn)**



TRẦN TRỌNG KIM

# VIỆT NAM SỬ LƯỢC

**“Việc chép lịch sử cũng như việc dệt vải dệt lụa, dệt xong tấm nào mới biết tấm ấy tốt hay xấu, còn tấm đang dệt, chưa biết thế nào mà nói được.**

**Ta chỉ biết rằng các dây sợi dệt tấm Nam sử này còn dài, người dệt tuy phải lúc đau yếu, bỏ ngừng công việc, nhưng còn mong có ngày khỏe mạnh lại dệt thêm, có lẽ lại dệt được tốt đẹp hơn, cũng chưa biết chừng.**

**(...) Có một điều thiết tưởng nên nhắc lại là ta nên giữ lấy những điều hay của ta vẫn có, bỏ những điều hủ bại đi, và bắt chước lấy những điều hay của người, để gây lấy cái nhân cách đặc biệt của dân tộc ta và cùng tiến với người mà không lẫn với người. Muốn được như thế, ta phải biết phân biệt cái hay cái dở, không ham muốn những cái huyền hảo bề ngoài, rồi đồng tâm hiệp lực với nhau mà làm mọi việc cho thành cái hiệu quả mỹ mãn”.**

ISBN: 978-604-9829-95-6



9 786049 829956

**VIỆT NAM SỬ LƯỢC**



**MINH THANG BOOKS**

*"Khởi nguồn tri thức"*



8 935236 412919

[nhasachminhthang.vn](http://nhasachminhthang.vn)

**GIA: 145.000 VNĐ**



# VIỆT NAM SỬ LƯỢC

*Mọi ý kiến đóng góp và liên hệ xin gửi về:*

---

**Phòng Biên tập: minhthangbooks**

Địa chỉ: 808 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 024.3 775 5620 - 024.3 999 7777

Email: minhthangbooks@gmail.com

Website: nhasachminhthang.vn

Liên hệ mua sách ĐT-Zalo: 0932 321 719 - 091 226 9229

Facebook.com/nhasachminhthang808duonglang/



TRẦN TRỌNG KIM



# VIỆT NAM SỬ LƯỢC

(Tái bản)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

# LỜI NÓI ĐẦU

Trần Trọng Kim (1883 - 1953) là một học giả danh tiếng đầu thế kỷ XX, cùng thời với những tên tuổi lớn như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh... Với bút hiệu Lệ Thần, ông đã có nhiều thành tựu trong lĩnh vực khảo cứu, biên soạn, dịch thuật, để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị về lịch sử, văn hóa như *Việt Nam sử lược*, *Việt Nam văn phạm*, *Nho giáo*...

Trần Trọng Kim, sinh năm 1883 tại làng Kiều Linh, xã Đan Phố, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, cha ông là Trần Bá Huân (1838-1894), đã từng tham gia phong trào Cần Vương do Phan Đình Phùng lãnh đạo. Sinh trưởng trong một gia đình có truyền thống Nho học, lại được tiếp xúc với nền học thuật Âu Tây, Trần Trọng Kim vừa thấm nhuần văn hóa dân tộc, vừa có kiến thức sâu rộng về văn hóa phương Tây. Có lẽ bởi vậy, đến với các tác phẩm của ông, chúng ta đồng thời được tiếp xúc với một nguồn tri thức uyên thâm và một tinh thần dân tộc sâu sắc. Đúng như lời nhận xét của nhà phê bình Vũ Ngọc Phan trong *Nhà văn hiện đại*: “Đọc tất cả các văn phẩm của Trần Trọng Kim, người ta thấy tuy không nhiều, nhưng quyển nào cũng vững vàng chắc chắn, không bao giờ có sự cầu thả. Ông có cái khuynh hướng rõ rệt về loại biên khảo; chỉ đọc qua nhan đề các sách của ông, người ta cũng có thể thấy ngay hết lịch sử đến đạo Nho, đến đạo Phật, rồi lại đến mẹo luật tiếng Việt Nam. Ông là một nhà giáo dục, nên những sách của ông toàn là sách học cả. Văn của ông là một thứ văn rất hay, tuy rất giản dị mà không bao giờ xuống cái mức tầm thường; lời sáng suốt, giọng lại thiết tha, như người đang giảng dạy. Lối văn ấy là lối văn của một nhà văn có lòng thành thật”.

Bên cạnh vai trò một nhà giáo mẫu mực, từng giữ nhiều chức vụ trong ngành giáo dục thời Pháp thuộc, một học giả có uy tín đã



cho ra đời nhiều công trình biên khảo nghiêm túc, thời cuộc cũng đưa đẩy Trần Trọng Kim đến với một hướng rẽ đầy phong ba bão táp, khiến ông trở thành một chính khách bất đắc dĩ. Nhưng lịch sử luôn luôn công bằng, rũ bỏ đi lớp bụi của thời gian, đặt sang một bên những bó buộc và hạn chế của thời cuộc, hậu thế đã nhìn nhận lại những việc làm của Trần Trọng Kim bằng lòng thấu hiểu, cảm thông và trân trọng. Đọc lại những trang viết của ông, đặc biệt là những phần viết về lịch sử nước nhà, ta sẽ hiểu hơn tấm lòng ưu thời mẫn thế ông còn để lại cho đời sau cơn gió bụi.

Trong hệ thống tác phẩm phong phú của Trần Trọng Kim, những công trình viết về lịch sử không thật nhiều, nhưng chỉ với một cuốn *Việt Nam sử lược* thôi, chúng ta đã có thể khẳng định được vị trí của ông đối với nền sử học nước nhà.

*Việt Nam sử lược* là cuốn sách lịch sử Việt Nam đầu tiên viết bằng chữ quốc ngữ, hệ thống lại toàn bộ lịch sử nước Việt (cho đến thời Pháp thuộc). Song, nếu chỉ khái quát giản đơn như vậy, e rằng chưa phản ánh được hết tấm lòng của nhà viết sử. Tại sao Trần Trọng Kim lại muốn viết sử? Ông muốn “làm thế nào cho những thiếu niên nước ta ngày nay ai cũng có thể biết đôi chút sự tích nước nhà cho khỏi tủi quốc hồn”. Tại sao ông gọi cuốn sách của mình là “sử lược”? Bởi nó “chỉ cốt ghi chép những chuyện trọng yếu”, để người đọc nó có được cái nhìn tổng thể, xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc. Nhưng cứ liệu tác giả dựa vào để viết sách đâu có giản lược. Từ những tư liệu bề bộn viết bằng Hán văn, Trần Trọng Kim đã sắp xếp lại cho thành một cuốn sử, có đầu có đuôi, rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với trình độ đương thời của đại chúng.

Trần Trọng Kim chủ trương: “Sử là của chung cả quốc dân, chứ không phải riêng cho một nhà, một họ nào, cho nên mới phải lấy công lý mà xét đoán mọi việc và không vị tình riêng để phạm đến lẽ công bằng”, dù vậy ông cũng phải theo quan điểm cũ để xếp

các nhà Hồ, nhà Mạc v.v... là nguy triều. Thêm vào đó, *Việt Nam sử lược* được viết khi nước ta còn tồn tại chế độ phong kiến, lại phải chịu sự kiểm duyệt gắt gao của người Pháp, hẳn nhiên, tác giả không tránh khỏi những chỗ phải lựa bút, lựa lời. Suy cho cùng, đó là hạn chế của thời đại, không phải căn cứ chính yếu để đánh giá giá trị của tác phẩm.

Ghi nhận một cách công tâm những đóng góp của Trần Trọng Kim với lịch sử, văn hóa nước nhà, nhiều tác phẩm của ông đã được tái bản như một sự tri ân đối với người muôn năm cũ, trong số đó không thể thiếu *Việt Nam sử lược*. Nhà xuất bản Văn học trân trọng giới thiệu đến bạn đọc ấn bản *Việt Nam sử lược* mới nhất, in theo bản in lần thứ 5 của Nhà xuất bản Tân Việt (1954), có bổ sung nhiều chú thích về nhân danh, địa danh, sự kiện, cuối sách có Bảng chỉ mục để độc giả tiện theo dõi, đối chiếu. Dù quá trình biên tập đã được tiến hành rất công phu, vẫn không thể tránh khỏi sai sót, kính mong độc giả lượng thứ và phản hồi, góp ý để chúng tôi kịp thời sửa chữa trong những lần tái bản về sau!

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

**Nhà xuất bản Văn học**



# TỰA

**S**ử là sách không những là chỉ để ghi chép những công việc đã qua mà thôi, nhưng lại phải suy xét việc gốc ngọn, tìm tòi cái căn nguyên những công việc của người ta đã làm để hiểu cho rõ những vận hội trị loạn của một nước, những trình độ tiến hóa của một dân tộc. Chủ đích là để làm cái gương chung cổ cho người cả nước được đời đời soi vào đấy mà biết cái sự sinh hoạt của người trước đã phải lao tâm lao lực những thế nào, mới chiếm giữ được cái địa vị ở dưới bóng mặt trời này.

Người trong nước có thông hiểu những sự tích nước mình mới có lòng yêu nước yêu nhà, mới biết cố gắng học hành, hết sức làm lụng để vun đắp thêm vào cái nền xã hội của tiên tổ đã xây nên mà để lại cho mình. Bởi những lẽ ấy cho nên phạm dân tộc nào đã có đủ cơ quan và thể lệ làm cho một nước độc lập, thì cũng có sử cả. Nước Việt ta khởi đầu có sử từ đời nhà Trần, vào quãng thế kỷ thứ XIII. Từ đó trở đi nhà nào lên làm vua cũng trọng sự làm sử. Nhưng cái lối làm sử của ta theo lối biên niên của Tàu, nghĩa là năm nào tháng nào có chuyện gì quan trọng thì nhà làm sử chép vào sách. Mà chép một cách rất vắn tắt cốt để ghi lấy chuyện ấy mà thôi, chứ không giải thích cái gốc ngọn và sự liên can việc ấy với việc khác là thế nào.

Nhà làm sử lại là người làm quan, vua sai coi việc chép sử, cho nên dẫu thế nào sự chép sử cũng không được tự do, thường có ý thiên vị về nhà vua, thành ra trong sử chỉ cần chép những chuyện quan hệ đến nhà vua, hơn là những



chuyện quan hệ đến sự tiến hóa của nhân dân trong nước. Vả, xưa nay ta vẫn chịu quyền chuyên chế, vẫn cho việc nhà vua là việc nước. Cả nước chỉ cốt ở một họ làm vua, cho nên nhà làm sử cứ theo cái chủ nghĩa ấy mà chép sử, thành ra sử đời nào cũng chỉ nói chuyện những vua đời ấy mà thôi. Bởi vậy xem sử ta thật là tẻ, mà thường không có ích lợi cho sự học vấn là mấy.

Sử của mình đã không hay, mà người mình lại không mấy người biết sử. Là vì cái cách học tập của mình làm cho người mình không có thể biết được sử nước mình. Bất kỳ lớn nhỏ, hễ ai cấp quyền sách đi học thì chỉ học sử Tàu, chứ không học sử nước nhà. Rồi thơ phú văn chương gì cũng lấy điển tích ở sử Tàu, chứ chuyện nước mình thì nhất thiết không nói đến. Người mình có ý lấy chuyện nước nhà làm nhỏ mọn không cần phải biết làm gì. Ấy cũng là vì xưa nay mình không có quốc văn, chung thân chỉ đi mượn tiếng người, chữ người mà học, việc gì cũng bị người ta cảm hóa, chứ tự mình thì không có cái gì là đặc sắc, thành ra thật rõ như câu phương ngôn: “Việc nhà thì nhác, việc chú bác thì siêng”!

Cái sự học vấn của mình như thế, cái cảm tình của người trong nước như thế, bảo rằng lòng vì dân vì nước mở mang ra làm sao được?

Nhưng dầu thế nào mặc lòng, nước ta đã có sử ta thì cũng có thể bởi đó mà biết được những sự đã qua ở nước ta, và có thể bởi đó mà khảo cứu được nhiều việc quan hệ đến vận mệnh nước mình từ xưa đến nay xoay vần ra làm sao. Hiềm vì sử nước ta thì làm bằng chữ Nho cả, mà chữ Nho thì từ rày trở đi chắc rồi mỗi ngày một kém đi. Hiện nay số người đọc được chữ Nho còn nhiều, mà trong nước còn không có mấy người biết chuyện nước nhà, huống chi mai sau này chữ Nho bỏ không học nữa, thì sự khảo cứu về những việc quan hệ đến lịch sử nước mình sẽ khó biết bao nhiêu!





Nay nhân sự học ở nước ta đã thay đổi, chữ quốc ngữ đã phổ thông cả trong nước, chi bằng ta lấy tiếng nước nhà mà kể chuyện nước nhà, ta soạn ra bộ **Việt Nam sử lược**, xếp đặt theo thứ tự, chia ra từng thời đại, đặt thành chương, thành mục rõ ràng, để ai ai cũng có thể xem được sử, ai ai cũng có thể hiểu được chuyện, khiến cho sự học sử của người mình được tiện lợi hơn trước.

Bộ **Việt Nam sử lược** này, soạn giả chia ra làm 5 thời đại: Thời đại thứ nhất là **Thượng cổ thời đại**, kể từ họ Hồng Bàng cho đến hết đời nhà Triệu. Trong thời đại ấy, từ chương thứ III, bàn về xã hội nước Tàu trước đời nhà Tần, phần nhiều là những chuyện hoang đường, huyền hoặc cả. Những nhà chép sử đời trước cũng theo tục truyền mà chép lại, chứ không có di tích gì mà khảo cứu cho đích xác. Tuy vậy, soạn giả cũng cứ theo sử cũ mà chép lại, rồi cũng phê bình một đôi câu để tỏ cho độc giả biết rằng những chuyện ấy không nên cho là xác thực.

Thời đại thứ nhì là **Bắc thuộc thời đại**, kể từ khi vua Vũ Đế nhà Hán lấy đất Nam Việt của nhà Triệu, cho đến đời Ngũ Quý, ở bên ta có họ Khúc và họ Ngô xướng lên sự độc lập. Những công việc trong thời đại ấy, thì sử cũ của nước ta chép rất là sơ lược lắm. Vì rằng trong thời đại Bắc thuộc, người mình chưa được tiến hóa, sự học hành còn kém, sách vở không có, cho nên về sau những nhà làm sử của ta chép đến thời đại này cũng không kê cứu vào đâu được, chỉ theo sử Tàu mà chép lại thôi. Vả, người Tàu lúc ấy vẫn cho mình là một xứ biên địa dã man, thường không ai lưu tâm đến, cho nên những chuyện chép ở trong sử, cũng sơ lược lắm, mà đại để cũng chỉ chép những chuyện cai trị, chuyện giặc giã, chứ các công việc khác thì không nói đến.

Thời đại Bắc thuộc dai dẳng đến hơn một nghìn năm, mà trong thời đại ấy dân tình thế tục ở nước mình thế nào, thì



bây giờ ta không rõ lắm, nhưng có một điều ta nên biết là từ đó trở đi, người mình nhiễm cái văn minh của Tàu một cách rất sâu xa, dần về sau có giải thoát được cái vòng phụ thuộc nước Tàu nữa, người mình vẫn phải chịu cái ảnh hưởng của Tàu. Cái ảnh hưởng ấy lâu ngày đã thành ra cái quốc túy của mình, dần ngày nay có muốn trừ bỏ đi, cũng chưa dễ một mai mà tẩy gột cho sạch được. Những nhà chính trị toan sự đổi cũ thay mới cũng nên lưu tâm về việc ấy, thì sự biến cải mới có công hiệu vậy.

Thời đại thứ ba là **Thời đại tự chủ**, kể từ nhà Ngô, nhà Đinh cho đến Sơ diệt nhà Hậu Lê. Nước mình từ thời đại ấy về sau là một nước độc lập, tuy đối với nước Tàu vẫn phải xưng thần và chịu cống, nhưng kỳ thực là không ai xâm phạm đến cái quyền tự chủ của mình.

Buổi đầu, nhà Đinh, nhà Lê mới dấy lên, còn phải xây đắp cái nền tự chủ cho vững bền, phải lo sửa sang việc võ bị để chống với kẻ thù nghịch, cho nên sự văn học không được mở mang lắm. Về sau đến đời nhà Lý, nhà Trần, công việc ở trong nước đã thành nền nếp, kẻ cừu địch ở ngoài cũng không quấy nhiễu nữa, lại có nhiều vua hiền tài giỏi nối nhau mà lo việc nước, cho nên từ đó trở đi việc chính trị, việc tông giáo và việc học vấn mỗi ngày một khai hóa ra, làm cho nước ta thành một nước có thể lực, Bắc có thể chống được với Tàu, Nam có thể mở rộng thêm bờ cõi. Nhà Lý và nhà Trần lại có công gây nên cái quốc hồn mạnh mẽ, khiến cho về sau đến đời Trần mạt, nhân khi họ Hồ quấy rối, người Tàu đã toan đường kiêm tính, người mình biết đồng tâm hiệp lực mà khôi phục lại giang sơn nhà. Kế đến nhà Lê, trong khoảng một trăm năm về buổi đầu, nước mình cũng có thể gọi là thịnh trị, nhất là về những năm Quang Thuận (1460 - 1469) và Hồng Đức (1470 - 1497), thì sự văn trị và võ công đã là rực rỡ lắm. Nhưng về sau



gặp những hôn quân dung chúa, việc triều chính đổ nát, kẻ gian thần dấy loạn. Mối binh đao gây nên từ đó, người trong nước đánh giết lẫn nhau, làm thành ra Nam Bắc chia rẽ, vua chúa tranh quyền. Ấy thật là một cuộc biến lớn ở trong nước vậy.

Thời đại thứ tư là **Nam Bắc phân tranh**, kể từ khi nhà Mạc làm sự thoán đoạt cho đến nhà Tây Sơn. Trước thì Nam Lê, Bắc Mạc, sau thì Nguyễn Nam, Trịnh Bắc, sự cạnh tranh càng ngày càng kịch liệt, lòng ghen ghét càng ngày càng dữ dội. Nghĩa vua tôi mỏng mảnh, đạo cương thường chênh mảng: nước đã có vua lại có chúa. Trong Nam ngoài Bắc mỗi nơi một giang sơn, công việc ở đâu chủ trương ở đấy. Tuy vậy việc sửa đổi ở ngoài Bắc cũng có nhiều việc hay, mà việc khai khẩn ở trong Nam thật là ích lợi. Nhưng cuộc thành bại ai đâu dám chắc, cơn gió bụi khởi đầu từ núi Tây Sơn, làm đổ nát cả ngôi vua cùng nghiệp chúa. Anh em nhà Tây Sơn vấy vùng không được 20 năm, thì bản triều nhà Nguyễn lại trung hưng lên, mà đem giang sơn về một mối, lập thành cái cảnh tượng nước Việt Nam ta ngày nay vậy.

Thời đại thứ năm là **Cận kim thời đại**, kể từ vua Thế Tổ bản triều cho đến cuộc Bảo hộ bây giờ. Vua Thế Tổ khởi đầu giao thiệp với nước Pháp Lan Tây để mượn thế lực mà đánh Tây Sơn. Nhưng về sau vì những vua con cháu ngài đổi chính sách khác, nghiêm cấm đạo Thiên Chúa và đóng cửa không cho ngoại quốc vào buôn bán. Những đình thần thì nhiều người trí lự hẹp hòi, cứ nghiêm nhiên tự phụ, không chịu theo thời mà thay đổi. Đối với những nước ngoại dương, thì thường hay gây nên sự bất hòa, làm cho nước Pháp phải dùng binh lực để bênh vực quyền lợi của mình. Vì những chính sách ấy cho nên mới thành ra có cuộc Bảo hộ.

Đại khái đó là những mục lớn trong những phần mà soạn giả đã theo từng thời đại để đặt ra. Soạn giả đã cố sức xem



xét và góp nhặt những sự ghi chép ở các sách chữ Nho và chữ Pháp<sup>(1)</sup>, hoặc những chuyện rải rác ở các dã sử, rồi đem trích bỏ những sự huyền hoặc đi mà soạn ra bộ sách này, cốt để người đồng bang ta biết được chuyện nước nhà mà không tin nhầm những sự huyền hoặc. Thời đại nào nhân vật ấy và tư tưởng ấy, soạn giả cứ bình tĩnh cố theo cho đúng sự thực. Thỉnh thoảng có một đôi nơi soạn giả có đem ý kiến riêng của mình mà bàn với độc giả, thí dụ như chỗ bàn về danh hiệu nhà Tây Sơn thì thiết tưởng rằng sử là của chung cả quốc dân, chứ không phải riêng cho một nhà một họ nào, cho nên mới phải lấy công lý mà xét đoán mọi việc và không vị tình riêng để phạm đến lẽ công bằng vậy.

Độc giả cũng nên biết cho rằng bộ sử này là bộ **Sử lược** chỉ cốt ghi chép những chuyện trọng yếu để hãy tạm giúp cho những người hiếu học có sẵn quyển sách mà xem cho tiện. Còn như việc làm thành ra bộ sử thật là đích đáng, kê cứu và phê bình rất tường tận, thì xin để dành cho những bậc tài danh sau này sẽ ra công mà giúp cho nước ta về việc học sử. Bây giờ ta chưa có áo lụa, ta hãy mặc tạm áo vải, tuy nó xấu xí nhưng nó có thể làm cho ta đỡ rét. Nghĩa là ta hãy làm thế nào cho những thiếu niên nước ta ngày nay ai cũng có thể biết một đôi chút sự tích nước nhà, cho khỏi tủi quốc hồn. Ấy là cái mục đích của soạn giả, chỉ có thể thôi. Nếu cái mục đích ấy mà có thể tới được thì tưởng bộ sách này là bộ sách có ích vậy.

TRẦN TRỌNG KIM

---

(1) Những sách mà soạn giả đã dùng để kê cứu sẽ kể riêng ra ở chỗ khác, để độc giả có nghi hoặc điều gì, thì có thể tìm những sách ấy tra soát lại.



## NHỮNG SÁCH DÙNG ĐỂ KÊ CỨU

(Liste des ouvrages consultés par l'auteur)

### A. Sách chữ Nho và chữ quốc ngữ

1. *Đại Việt sử ký*, của Ngô Sĩ Liên
2. *Khâm định Việt sử Thông giám cương mục*
3. *Trần triều thế phổ hành trạng*
4. *Bình Nguyên công thần thực lục*
5. *Hoàng Lê nhất thống chí*
6. *Lịch triều hiến chương*<sup>(1)</sup>, của Phan Huy Chú
7. *Đại Nam thực lục tiền biên*
8. *Đại Nam thực lục chính biên*<sup>(2)</sup>
9. *Đại Nam thống chí*
10. *Đại Nam chính biên liệt truyện*<sup>(3)</sup>
11. *Đại Nam điển lễ toát yếu*, của Đỗ Văn Tâm
12. *Minh Mệnh chính yếu*
13. *Quốc triều sử toát yếu*, của Cao Xuân Dục
14. *Thanh triều sử ký*
15. *Trung Quốc lịch sử*
16. *Hạnh Thục ca*, của bà Nguyễn Nhược Thị

---

(1) Các tài liệu khác ghi nhận tên bộ sách của Phan Huy Chú là *Lịch triều hiến chương loại chí* [BT].

(2) *Đại Nam thực lục tiền biên* và *Đại Nam thực lục chính biên* là 2 phần thuộc *Đại Nam thực lục*, bộ sử được các sử quan của Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn [BT].

(3) Một phần của *Đại Nam liệt truyện* - bộ sách do các sử quan của Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, gồm 2 phần *Tiền biên* và *Chính biên* [BT].



## B. Sách chữ Pháp

1. *Cours d'Histoire Annamite*, par Trương Vĩnh Ký
  2. *Notion d'Histoire d'Annam*, par Maybon et Ruissier
  3. *Pays d'Annam*, par E. Luro
  4. *L'Empire d'Annam*, par Gosselin
  5. *Abrégé de l'Histoire d'Annam*, par Shreiner
  6. *Histoire de la Cochinchine*, par P. Cultru
  7. *Les Origines du Tonkin*, par J. Dupuis
  8. *Le Tonkin de 1872 à 1886*, par J. Dupuis
  9. *La Vie de Monseigneur Puginier*, par E. Louvet
  10. *L'insurrection de Gia Định*, par J. Silvestre
- (Revue Indochinoise - Juillet - Aout 1915)

# NƯỚC VIỆT NAM



- |                      |                        |
|----------------------|------------------------|
| 1. Quốc hiệu         | 2. Vị trí và diện tích |
| 3. Địa thế           | 4. Chủ ngữ loại        |
| 5. Gốc tích          | 6. Người Việt Nam      |
| 7. Sự mở mang bờ cõi | 8. Lịch sử Việt Nam    |

## 1. Quốc hiệu

Nước Việt Nam 越南 ta về đời Hồng Bàng (2897 - 258 tr. Tây lịch) gọi là Văn Lang 文郎, đời Thục An Dương Vương (257 - 207 tr. Tây lịch?) thì gọi là Âu Lạc 甌貉. Đến nhà Tần 秦 (246 - 206 tr. Tây lịch?) lược định phía Nam thì đặt làm Tượng Quận 象郡, sau nhà Hán (202 tr. Tây lịch - 220 sau Tây lịch) dứt nhà Triệu, chia đất Tượng Quận ra làm ba quận là Giao Chỉ 交趾, Cửu Chân 九真 và Nhật Nam 日南. Đến cuối đời nhà Đông Hán, vua Hiến Đế đổi Giao Chỉ 交趾 làm Giao Châu 交州. Nhà Đường (618 - 907) lại đặt là *An Nam đô hộ phủ* 安南都護府.

Từ khi nhà Đinh (968 - 980) dẹp xong cái loạn Thập nhị sứ quân, lập nên một nước tự chủ, đổi quốc hiệu là *Đại Cồ Việt* 大瞿越. Vua Lý Thánh Tông đổi là *Đại Việt* 大越, đến đời vua Lý Anh Tông, nhà Tống bên Tàu mới công nhận là *An Nam quốc* 安南國.

Đến đời vua Gia Long thống nhất được cả Nam Bắc (1802), lấy lẽ rằng Nam là An Nam, Việt là Việt Thường mới đặt quốc hiệu là *Việt Nam* 越南. Vua Minh Mệnh lại cải làm *Đại Nam* 大南. Quốc hiệu nước ta thay đổi đã nhiều lần, tuy rằng ngày nay ta vẫn theo thói quen dùng hai chữ *An Nam* 安南, nhưng vì hai



chữ ấy có ngụ ý phải thần phục nước Tàu, vậy thì ta nên nhất định lấy tên *Việt Nam* 越南 mà gọi nước nhà.

## 2. Vị trí và diện tích

Nước Việt Nam ở về phía Đông Nam châu Á Tế Á, hẹp bề ngang, dài bề dọc, hình cong như chữ S, trên phía Bắc và dưới phía Nam phình rộng ra, khúc giữa miền Trung thì eo hẹp lại.

Đông và Nam giáp bể Nam Hải<sup>(1)</sup>; Tây giáp Ai Lao và Cao Miên; Bắc giáp nước Tàu, liền với tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam.

Diện tích cả nước rộng chừng độ 312.000 km<sup>2</sup> chia ra như sau này:

Bắc Việt : 105.000 km<sup>2</sup>

Trung Việt : 150.000 km<sup>2</sup>

Nam Việt : 57.000 km<sup>2</sup>

## 3. Địa thế

Nước ta hiện chia làm ba cõi: Bắc Việt, Trung Việt và Nam Việt. Đất Bắc Việt thì có sông Hồng Hà (tức là sông Nhị Hà) và sông Thái Bình. Mạn trên gọi là *thượng du* lắm rừng nhiều núi, ít người ở. Mạn dưới gọi là *trung châu*, đất đồng bằng, người ở chen chúc đông lắm.

Đất Trung Việt thì chỉ có một dải ở men bờ bể, còn ở trong có núi Tràn Sơn chạy dọc từ Bắc Việt vào gần đến Nam Việt, cho nên người chỉ ở được mạn gần bể mà thôi.

Đất Nam Việt thì ở vào khúc dưới sông Mê Kông (tức là sông Cửu Long), lại có sông Đồng Nai chảy ở mé trên, cho nên đất tốt, ruộng nhiều, dân gian trù phú và dễ làm ăn hơn cả.

---

(1) Nay gọi là biển Đông [BT].



## 4. Chủng loại

Nước Việt Nam có nhiều dân tộc ở, như là ở về miền thượng du Bắc Việt thì có dân Thái, Mường, Mán, Mèo; ở về miền rừng núi Trung Việt thì có dân Mọi và Chàm (tức là Hời); ở về miền Nam Việt thì có dân Mọi, Chàm, Chà Và và Khách, v.v... Những dân ấy ở trong ba nơi tất cả đến non một triệu người. Còn thì dân tộc Việt Nam ở hết cả.

Số người Việt Nam ở trong ba nơi có thể chia ra như sau này:

Bắc Việt : 8.700.000 người

Trung Việt : 5.650.000 người

Nam Việt : 4.616.000 người

Cả thấy cộng lại được độ chừng non 19 triệu người<sup>(1)</sup>.

## 5. Gốc tích

Theo ý kiến những nhà kê cứu của nước Pháp, thì người Việt Nam và người Thái đều ở miền núi Tây Tạng xuống. Người Việt Nam theo sông Hồng Hà lần xuống phía Đông Nam, lập ra nước Việt Nam ta bây giờ; còn người Thái thì theo sông Mê Kông xuống, lập ra nước Tiêm La (tức là Thái Lan) và nước Lào.

Lại có nhiều người Tàu và người Việt Nam nói rằng nguyên khi xưa đất nước Tàu có giống Tam Miêu 三苗 ở, sau giống Hán tộc (tức là người Tàu bây giờ) ở phía Tây Bắc đến đánh đuổi người Tam Miêu đi, chiếm giữ lấy vùng sông Hoàng Hà lập ra nước Tàu, rồi dần dần xuống phía Nam, người Tam Miêu phải lẩn núp vào rừng hay là xuống ở miền Việt Nam ta bây giờ.

Những ý kiến ấy là theo lý mà suy ra đó thôi, chứ cũng chưa có cái gì làm chứng cho đích xác. Chỉ biết rằng người Việt Nam ta trước có hai ngón chân cái giao lại với nhau, cho

---

(1) Số này là theo sách *Địa lý* của ông H. Russier (1939) chép lại chứ không chắc đã đúng số nhất định của người mình.



nên Tàu mới gọi ta là Giao Chỉ; mà xem các loài khác, không có loài nào như vậy, thì tất ta là một loài riêng, chứ không phải là loài Tam Miêu.

Dẫu người mình thuộc về chủng loại nào mặc lòng, về sau người Tàu sang cai trị hàng hơn một nghìn năm, lại có khi đem sang nước ta hơn bốn mươi vạn binh, chắc là nòi giống cũ của mình cũng đã lai đi nhiều rồi, mới thành ra người Việt Nam ngày nay.

## 6. Người Việt Nam

Người Việt Nam thuộc về loài da vàng, nhưng mà người nào phải đi làm lụng dầm mưa dãi nắng lấm, thì nước da ngăm ngăm đen, người nào nhàn hạ phong lưu, ở trong nhà luôn, thì nước da trắng trắng như màu ngà cũ.

Trạc người thì thấp nhỏ hơn người Tàu, mà lăn lắn con người, chứ không to béo. Mặt thì xương xương, trông hơi bèn bẹt, trán thì cao và rộng, mắt thì đen và hơi xếch về đằng đuôi, hai gò má thì cao, mũi hơi tẹt, môi hơi dày, răng thì to mà lại nhuộm đen. Râu thì thưa mà ít, tóc thì nhiều và dài, đen và hơi cứng. Dáng điệu đi đứng thì nhẹ nhàng và xem ra bộ vững vàng chắc chắn.

Áo quần thì dài rộng, đàn ông thì búi tóc và quấn khăn vành dây, áo mặc dài quá đầu gối, tay áo thì chặt, ống quần thì rộng. Đàn bà ở Bắc Việt và phía Bắc Trung Việt thì đội khăn, mà ở chỗ thành thị thì mặc quần, còn ở nhà quê thì hay mặc váy. Ở phía Nam Trung Việt và Nam Việt thì đàn bà mặc quần cả và búi tóc, chứ không đội khăn bao giờ.

Về đàng trí tuệ và tính tình, thì người Việt Nam có cả các tính tốt và các tính xấu. Đại khái thì trí tuệ mình mẫn, học chóng hiểu, khéo chân tay, nhiều người sáng dạ, nhớ lâu, lại có tính hiếu học, trọng sự học thức, quý sự lễ phép, mến điều đạo đức: lấy sự *nhân*, *nghĩa*, *lễ*, *trí*, *tín*, làm năm đạo thường cho sự





ăn ở. Tuy vậy vẫn hay có tính tình vặt, cũng có khi quở quyết và hay bài bác nhạo chế. Thường thì nhút nhát, hay khiếp sợ và muốn sự hòa bình, nhưng mà đã đi trận mạc thì cũng có can đảm, biết giữ kỷ luật.

Tâm địa thì nông nổi, hay làm liều, không kiên nhẫn, hay khoe khoang và ưa trương hoàng bề ngoài, hiếu danh vọng, thích chơi bời, mê cờ bạc. Hay tin ma tin quỷ, sùng sự lễ bái, nhưng mà vẫn không nhiệt tín tông giáo nào cả. Kiêu ngạo và hay nói khoác, nhưng có lòng nhân, biết thương người và hay nhớ ơn.

Đàn bà thì hay làm lụng và đảm đang, khéo chân, khéo tay, làm được đủ mọi việc mà lại biết lấy việc gia đạo làm trọng, hết lòng chiều chồng, nuôi con, thường giữ được các cái đức tính rất quý là *tiết, nghĩa, cần, kiệm*.

Người Việt Nam từ Bắc chí Nam, đều theo một phong tục, nói một thứ tiếng<sup>(1)</sup> cùng giữ một kỷ niệm, thật là cái tính đồng nhất của một dân tộc từ đầu nước đến cuối nước.

## 7. Sự mở mang bờ cõi

Người nòi giống Việt Nam ta mỗi ngày một nảy nở ra nhiều, mà ở phía Bắc thì đã có nước Tàu cường thịnh, phía Tây thì lắm núi nhiều rừng, đường đi lại không tiện, cho nên mới theo bờ bể lần xuống phía Nam, đánh Lâm Ấp, dứt Chiêm Thành, chiếm đất Chân Lạp, mở ra bờ cõi bây giờ.

## 8. Lịch sử Việt Nam

Từ khi người Việt Nam lập thành nước đến giờ, kể hàng mấy nghìn năm, phải người Tàu cai trị mấy lần, chịu khổ sở biết bao nhiêu phen, thế mà sau lại lập được cái nền tự chủ, và vẫn giữ được cái tính đặc biệt của giống mình, ấy là đủ tỏ ra

---

(1) Tuy rằng mỗi nơi có một ít tiếng thổ âm riêng và cái giọng nói nặng nhẹ khác nhau, nhưng đại để thì vẫn là một thứ tiếng mà thôi.

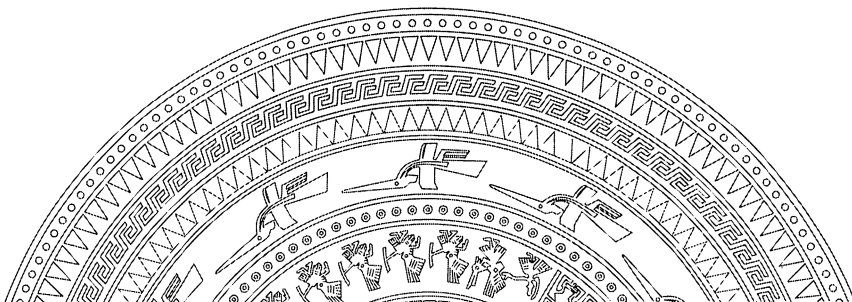


rằng khí lực của người mình không đến nỗi kém hèn cho lắm. Tuy rằng mình chưa làm được việc gì cho vẻ vang bằng người, nhưng mình còn có thể hy vọng một ngày kia cũng nên được một nước cường thịnh.

Vậy ghi chép những cơ hội gian truân, những sự biến cố của nước mình đã trải qua, và kể những công việc của người mình làm từ đời nọ qua đời kia, để cho mọi người trong nước đều biết, ấy là sách **Việt Nam sử**.

Nay ta nên theo từng thời đại mà chia sách **Việt Nam sử** ra 5 quyển để cho tiện sự kê cứu:

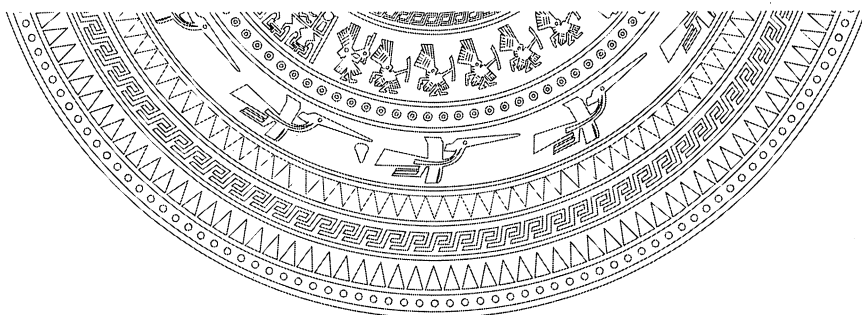
<i>Quyển I:</i>	Thượng cổ thời đại
<i>Quyển II:</i>	Bắc thuộc thời đại
<i>Quyển III:</i>	Tự chủ thời đại
<i>Quyển IV:</i>	Nam Bắc phân tranh thời đại
<i>Quyển V:</i>	Cận kim thời đại.



QUYỂN I

THƯỢNG CỔ THỜI ĐẠI

上古時代





## CHƯƠNG I

# HỌ HỒNG BÀNG

鴻龐氏

(2879 - 258 tr. Tây lịch)



1. *Họ Hồng Bàng*
2. *Nước Văn Lang*
3. *Truyện cổ tích về đời Hồng Bàng:*  
*Phù Đổng Thiên Vương; Sơn Tinh Thủy Tinh*

## 1. Họ Hồng Bàng

Cứ theo tục truyền thì vua Đế Minh là cháu ba đời của vua Thần Nông, đi tuần thú phương Nam đến núi Ngũ Lĩnh (thuộc tỉnh Hồ Nam bây giờ) gặp một nàng tiên, lấy nhau, đẻ ra người con tên là Lộc Tục 禄續. Sau Đế Minh truyền ngôi lại cho con trưởng là Đế Nghi làm vua phương Bắc, và phong cho Lộc Tục làm vua phương Nam, xưng là Kinh Dương Vương 涇陽王, quốc hiệu là Xích Quỷ 赤鬼.

Bờ cõi nước Xích Quỷ bấy giờ phía Bắc giáp Động Đình hồ (Hồ Nam), phía Nam giáp nước Hồ Tôn (Chiêm Thành), phía Tây giáp Ba Thục (Tứ Xuyên), phía Đông giáp bể Nam Hải.

Kinh Dương Vương làm vua nước Xích Quỷ vào quãng năm Nhâm Tuất (2879 tr. Tây lịch?) và lấy con gái Động Đình quân là Long Nữ đẻ ra Sùng Lãm 崇纁, nối ngôi làm vua, xưng là Lạc Long Quân 貉龍君.



Lạc Long Quân lấy con gái vua Đế Lai tên là Âu Cơ, đẻ một lần được một trăm người con trai<sup>(1)</sup>. Lạc Long Quân bảo Âu Cơ rằng: “Ta là dòng dõi Long Quân, nhà người là dòng dõi thần tiên, ăn ở lâu với nhau không được; nay được trăm đứa con thì nhà người đem 50 đứa lên núi, còn 50 đứa ta đem xuống bể Nam Hải”.

Gốc tích chuyện này có lẽ là từ Lạc Long Quân về sau, nước Xích Quỷ chia ra những nước gọi là Bách Việt. Bởi vậy ngày nay đất Hồ Quảng (tỉnh Hồ Nam, tỉnh Quảng Đông và tỉnh Quảng Tây) còn xưng là đất Bách Việt 百越. Đây cũng là một điều nói phổng, chứ không có lấy gì làm đích xác được.

## 2. Nước Văn Lang

Lạc Long Quân phong cho người con trưởng sang làm vua nước Văn Lang 文郎, xưng là Hùng Vương 雄王.

Cứ theo sử cũ thì nước Văn Lang chia ra làm 15 bộ:

1. Văn Lang 文郎 (Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên)
2. Châu Diên 朱鳶 (Sơn Tây)
3. Phúc Lộc 福祿 (Sơn Tây)
4. Tân Hưng 新興 (Hưng Hóa - Tuyên Quang)
5. Vũ Định 武定 (Thái Nguyên - Cao Bằng)
6. Vũ Ninh 武寧 (Bắc Ninh)
7. Lục Hải 陸海 (Lạng Sơn)
8. Ninh Hải 寧海 (Quảng Yên)
9. Dương Tuyền 陽泉 (Hải Dương)
10. Giao Chỉ 交趾 (Hà Nội, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình)
11. Cửu Chân 九真 (Thanh Hóa)
12. Hoài Hoan 懷驩 (Nghệ An)

---

(1) Có sách chép là Âu Cơ đẻ ra một trăm cái trứng nở ra một trăm con.





13. Cửu Đức 九德 (Hà Tĩnh)

14. Việt Thường 越裳 (Quảng Bình, Quảng Trị)

15. Bình Văn 平文 (?)

Hùng Vương đóng đô ở Phong Châu 峰州 (bây giờ ở vào địa hạt huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên<sup>(1)</sup>), đặt tướng văn gọi là Lạc hầu 貉侯, tướng võ gọi là Lạc tướng 貉將, con trai vua gọi là Quan lang 官郎, con gái vua gọi là Mỵ nương 媚娘, các quan nhỏ gọi là Bồ chính 蒲正<sup>(2)</sup>. Quyền chính trị thì cứ cha truyền con nối, gọi là phụ đạo 父道.

Về đời bấy giờ, sử Tàu có chép rằng năm Tân Mão (1109 tr. Tây lịch), đời vua Thành Vương nhà Chu 周成王 có nước Việt Thường 越裳 ở phía Nam xứ Giao Chỉ sai sứ đem chim bạch trĩ sang cống, nhà Chu phải tìm người làm thông ngôn mới hiểu được tiếng, và ông Chu Công Đán 周公旦 lại chế ra xe chỉ nam để đem sứ Việt Thường về nước. Vậy đất Việt Thường và đất Giao Chỉ có phải là đất của Hùng Vương lúc bấy giờ không?

Họ Hồng Bàng làm vua được 18 đời, đến năm Quý Mão (258 tr. Tây lịch) thì bị nhà Thục lấy mất nước.

Xét từ đời Kinh Dương Vương đến đời Hùng Vương thứ 18, cả thảy 20 ông vua, mà tính từ năm Nhâm Tuất (2879 tr. Tây lịch) đến năm Quý Mão (258 tr. Tây lịch) thì vừa được 2622 năm. Cứ tính hơn bù kém, mỗi ông vua trị vì được non 150 năm! Dẫu là người đời thượng cổ nữa, thì cũng khó lòng mà có nhiều người sống lâu được như vậy. - Xem thế thì đủ biết chuyện đời Hồng Bàng không chắc là chuyện xác thực.

### 3. Truyện cổ tích về đời Hồng Bàng

Sử chép rằng đời Hùng Vương thứ nhất, người nước Văn Lang làm nghề chài lưới, cứ hay bị giống thuồng luồng làm hại,

(1) Tỉnh Vĩnh Yên cũ nay trở thành một phần của tỉnh Vĩnh Phúc [BT].

(2) Bây giờ còn có nơi gọi Chánh tổng là Bồ đình, chắc là bởi Bồ chính mà ra.



vua mới bắt dân lấy chàm vẽ mình để những giống ấy tưởng là đồng loại không làm hại nữa<sup>(1)</sup>. Sử lại chép rằng thuyền của ta ở đằng mũi thường hay làm hai con mắt, cũng có ý để cho các thú thủy quái ở sông ở bể không quấy nhiễu đến.

Trong đời Hùng Vương lại có hai truyện mà ngày nay người ta thường hay nói đến, là truyện *Phù Đổng Thiên Vương* và truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

**Phù Đổng Thiên Vương:** Đời Hùng Vương thứ 6 có đám giặc gọi là giặc Ân, hùng mạnh lắm, không ai đánh nổi. Vua mới sai sứ đi rao trong nước để tìm người tài giỏi ra đánh giặc giúp nước. Bấy giờ ở làng Phù Đổng, bộ Võ Ninh (nay là huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh)<sup>(2)</sup>, có đứa trẻ xin đi đánh giặc giúp vua. Sứ giả về tâu vua, vua lấy làm lạ, cho đòi vào chầu. Đứa trẻ ấy xin đúc cho một con ngựa và cái roi bằng sắt. Khi ngựa và roi đúc xong thì đứa trẻ ấy vươn vai một cái, tự nhiên người cao lớn lên một trượng, rồi nhảy lên ngựa cầm roi đi đánh giặc.

Phá được giặc Ân rồi, người ấy đi đến núi Sóc Sơn 朔山 thì biến đi mất. Vua nhớ ơn, truyền lập đền thờ ở làng Phù Đổng, về sau phong là Phù Đổng Thiên Vương 扶董天王<sup>(3)</sup>.

Truyện này là truyện tục truyền như vậy, chứ không có lẽ tin làm sự thực được. Họa chăng đời bấy giờ có người tướng

(1) Sử chép rằng người Việt Nam ta có thói vẽ mình mãi đến đời vua Anh Tông nhà Trần mới bỏ.

(2) Làng Phù Đổng nay thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Hà Nội [BT].

(3) Có người chép truyện này nói rằng: Giặc Ân là quân của nhà Ân bên Tàu sang đánh nước ta. Nói như thế thật là một điều lầm. Về đời nhà Ân nước Tàu chỉ ở vào mạn sông Hoàng Hà là đất tỉnh Hà Nam, Trực Lệ, Sơn Tây và Thiểm Tây bây giờ mà thôi. Còn những đất ở bên này sông Trường Giang là man di hết cả. Từ Trường Giang sang đến Bắc Việt ta xa cách bao nhiêu đường đất. Dẫu lúc ấy ở bên ta có họ Hồng Bàng làm vua nữa, thì chắc cũng chưa có kỷ cương gì, có lẽ cũng giống như một người làm quan lang trên Mường mà thôi, như thế thì đã có giao thiệp gì với nhà Ân mà đánh nhau. Và lại, sử Tàu cũng không có chỗ nào chép đến chuyện ấy. Vậy thì lấy lẽ gì mà nói rằng giặc Ân là người nhà Ân bên Tàu?



giỏi, đánh được giặc, về sau người ta nhớ ơn làm đền thờ thì hợp lẽ hơn. Hiện bây giờ có đền thờ ở làng Gióng tức là làng Phù Đổng. Năm nào đến mồng 8 tháng 4 cũng có hội vui lắm, tục gọi là Đức Thánh Gióng.

**Sơn Tinh, Thủy Tinh:** Tục truyền rằng vua Hùng Vương thứ 18 có người con gái tên là My Nương, nhan sắc tuyệt trần. Sơn Tinh và Thủy Tinh đều muốn hỏi làm vợ. Hùng Vương hẹn rằng ngày hôm sau ai đem đồ lễ đến trước thì gả cho người ấy. Ngày hôm sau Sơn Tinh đến trước lấy được My Nương đem về núi Tản Viên (tức là núi Ba Vì ở tỉnh Sơn Tây<sup>(1)</sup>).

Thủy Tinh đến sau, thấy Sơn Tinh lấy mất My Nương, tức giận vô cùng, mới làm ra mưa to gió lớn, rồi dâng nước lên đánh Sơn Tinh. Sơn Tinh ở trên núi không việc gì: hễ nước lên cao bao nhiêu, thì Sơn Tinh làm núi cao lên bấy nhiêu. Sơn Tinh lại dùng sấm sét đánh xuống, Thủy Tinh phải rút nước chạy về. Từ đó Sơn Tinh và Thủy Tinh thù nhau, mỗi năm đánh nhau một lần, dân gian thật là cực khổ.

Truyện này là nhân vì ở Bắc Việt năm nào đến tháng 6 tháng 7 cũng có nước lũ ở trên mạn ngược chảy xuống tràn vào trong đồng áng, ngập mất cả ruộng đất. Người ta không hiểu là tại lẽ gì, mới tưởng tượng mà đặt ra câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh đánh nhau vậy.

Tóm lại mà xét, nước ta khởi đầu có quốc sử từ cuối thập tam thế kỷ: đến đời vua Thánh Tông nhà Trần, mới có quan Hàn lâm học sĩ là Lê Văn Hưu 黎文休 soạn xong bộ *Đại Việt sử ký* 大越史記, chép từ Triệu Vũ Vương 趙武王 đến Lý Chiêu Hoàng 李昭皇. Hai trăm rưỡi năm về sau lại có ông Ngô Sĩ Liên 吳士連, làm quan Lễ bộ Tả Thị lang đời vua Thánh Tông nhà Lê, soạn lại bộ *Đại Việt sử ký*: chép từ họ Hồng Bàng đến vua Lê Thái Tổ. Nghĩa là từ ông Ngô Sĩ Liên, ở về thập ngũ thế kỷ

---

(1) Nay thuộc Hà Nội [BT].



trở đi, thì sử ta mới chép chuyện về đời Thượng cổ. Xem thế thì đủ biết những chuyện về đời ấy khó lòng mà đích xác được. Chẳng qua nhà làm sử cũng nhặt nhạnh những chuyện hoang đường tục truyền lại, cho nên những chuyện ấy toàn là chuyện có thần tiên quỷ quái, trái với lẽ tự nhiên cả.

Nhưng ta phải hiểu rằng nước nào cũng vậy, lúc ban đầu mờ mịt, ai cũng muốn tìm cái gốc tích mình ở chỗ thần tiên để cho vẻ vang cái chủng loại của mình. Chắc cũng bởi lẽ ấy mà sử ta chép rằng họ Hồng Bàng là con tiên cháu rồng, v.v...

Nay ta theo sử cũ mà chép mọi chuyện, người xem sử nên phân biệt chuyện nào là chuyện thực, chuyện nào là chuyện đặt ra, thì sự học mới có lợi vậy.



## CHƯƠNG II

# NHÀ THỤC

蜀 氏

(257 - 207 tr. Tây lịch)



- |                           |                      |
|---------------------------|----------------------|
| 1. Gốc tích nhà Thục      | 2. Nước Âu Lạc       |
| 3. Nhà Tần đánh Bách Việt | 4. Nhà Thục mất nước |

### 1. Gốc tích nhà Thục

Nhà Thục chép trong sử nước ta không phải là nước Thục bên Tàu, vì rằng cứ theo sử nước Tàu thì đời bấy giờ đất Ba Thục 巴蜀 (Tứ Xuyên) đã thuộc về nhà Tần 秦 cai trị rồi, thì còn có vua nào nữa. Vả, sử lại chép rằng khi Thục Vương Phán 蜀王泮 lấy được nước Văn Lang thì đổi quốc hiệu là Âu Lạc 鷗駱, tức là nước Âu Lạc gồm cả nước Thục và nước Văn Lang. Song xét trong lịch sử không thấy đâu nói đất Ba Thục thuộc về Âu Lạc. Huống chi lấy địa lý mà xét thì từ đất Ba Thục (Tứ Xuyên) sang đến Văn Lang (Bắc Việt) cách bao nhiêu đường đất và có bao nhiêu núi sông ngăn trở, làm thế nào mà quân nhà Thục sang lấy nước Văn Lang dễ dàng như vậy? Sử cũ lại có chỗ chép rằng An Dương Vương họ là Thục 蜀 tên là Phán 泮. Như vậy chắc hẳn Thục tức là một họ nào độc lập ở gần nước Văn Lang, chứ không phải là Thục bên Tàu. Sách *Khâm định Việt sử* cũng bàn như thế.



## 2. Nước Âu Lạc

Sử chép rằng Thục Vương 蜀王 hỏi con gái của Hùng Vương 雄王 thứ 18, là My Nương 媚娘 không được, trong bụng lấy làm tức giận, dặn con cháu ngày sau đánh báo thù lấy nước Văn Lang. Hùng Vương bấy giờ cậy mình có binh cường tướng dũng, bỏ trễ việc nước, chỉ lấy rượu chè làm vui thú. Người cháu Thục Vương tên là Phán 泮 biết tình thế ấy, mới đem quân sang đánh lấy nước Văn Lang. Hùng Vương thua chạy, nhảy xuống giếng mà tự tử.

Năm Giáp Thìn (257 tr. Tây lịch), Thục Vương dẹp yên mọi nơi rồi, xưng là An Dương Vương 安陽王, cải quốc hiệu là Âu Lạc 鷗駱, đóng đô ở Phong Khê 封溪 (nay thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc An)<sup>(1)</sup>. Hai năm sau là năm Bính Ngọ (255 tr. Tây lịch), An Dương Vương xây Loa Thành 螺城. Thành ấy cao và từ ngoài vào thì xoáy tròn ốc, cho nên mới gọi là Loa Thành. Hiện nay còn dấu tích ở làng Cổ Loa, huyện Đông Anh, tỉnh Phúc An<sup>(2)</sup>.

## 3. Nhà Tần đánh Bách Việt

Khi An Dương Vương làm vua nước Âu Lạc ở bên này, thì ở bên Tàu vua Thi<sup>(3)</sup> Hoàng nhà Tần 秦始皇 đã nhất thống thiên hạ. Đến năm Đinh Hợi (214 tr. Tây lịch) Thi hoàng sai tướng là Đồ Thư 屠睢 đem quân đi đánh lấy đất Bách Việt 百粵 (vào quãng tỉnh Hồ Nam, Quảng Đông và Quảng Tây bây giờ). An Dương Vương cũng xin thần phục nhà Tần. Nhà Tần mới chia đất Bách Việt và đất Âu Lạc ra làm ba quận, gọi là: Nam Hải 南海 (Quảng Đông), Quế Lâm 桂林 (Quảng Tây) và Tượng Quận 象郡 (Bắc Việt).

(1) Nay là vùng Cổ Loa, huyện Đông Anh, Hà Nội [BT].

(2) Tỉnh Phúc An, cũng gọi là Phúc Yên, nay thuộc Hà Nội [BT].

(3) Thi là âm đọc khác của chữ Thủy [BT].





Người bản xứ ở đất Bách Việt không chịu để người Tàu cai trị, trốn vào rừng ở. Được ít lâu quân của Đồ Thư, vốn là người ở phương Bắc, không chịu được thủy thổ, phải bệnh rất nhiều. Bấy giờ người Bách Việt thừa thế nổi lên giết được Đồ Thư.

#### 4. Nhà Thục mất nước

Chẳng được bao lâu thì nhà Tần suy, nước Tàu có nhiều giặc giã, ở quận Nam Hải có quan úy là Nhâm Ngao 壬囂 thấy có cơ hội, muốn mưu đánh lấy Âu Lạc để lập một nước tự chủ ở phương Nam. Nhưng công việc chưa thành, thì Nhâm Ngao mất. Khi sắp mất, Nhâm Ngao giao binh quyền lại cho Triệu Đà 趙佗 để thay mình làm quan úy 尉 quận Nam Hải.

Năm Quý Tỵ (208 tr. Tây lịch) là năm thứ 50 đời vua An Dương Vương. Triệu Đà đem quân sang đánh lấy nước Âu Lạc, lập ra nước Nam Việt 南越<sup>(1)</sup>.

Tục truyền rằng khi An Dương Vương xây Loa Thành, có những yêu quái quấy nhiễu xây mãi không được. An Dương Vương mới lập đàn lên cầu khẩn, có thần Kim Quy hiện lên bày phép cho vua trừ những yêu quái đi, bấy giờ mới xây được thành. Thần Kim Quy lại cho An Dương Vương một cái móng chân, để làm cái lẫy nỏ. Lúc nào có giặc thì đem cái nỏ ấy ra bắn một phát, giặc chết hàng vạn người.

Cũng nhờ có cái nỏ ấy cho nên Triệu Đà đánh không được An Dương Vương. Triệu Đà dùng kế, cho con là Trọng Thủy 仲始 sang lấy My Châu 媚珠 là con gái An Dương Vương, giả kết nghĩa hòa thân để do thám tình thực.

Trọng Thủy lấy được My Châu rồi, hỏi dò vợ rằng: “Bên Âu Lạc có tài gì mà không ai đánh được?”. My Châu nói chuyện cái nỏ, và lấy cho chồng xem. Trọng Thủy bèn lấy cái móng của

---

(1) Xin đừng lầm nước Nam Việt ngày xưa với Nam Việt của nước Việt Nam hiện nay.



Kim Quy đi, làm cái lầy giả thay vào, rồi định về báo tin cho cha biết. Khi sắp ra về, Trọng Thỉ hỏi My Châu rằng: “Tôi về, mà nhờ có giặc giã đánh đuổi, thì rồi tôi biết đâu mà tìm?”. My Châu nói rằng: “Thiếp có áo lông ngỗng, hễ khi thiếp có chạy về đâu, thiếp sẽ lấy lông ấy mà rắc ra ở dọc đường thì rồi sẽ biết”.

Trọng Thỉ về kể lại với Triệu Đà tình đầu mọi sự, Triệu Đà bèn khởi binh sang đánh Âu Lạc. An Dương Vương cậy có cái nỏ, không phòng bị gì cả, đến khi quân giặc đến gần chân thành mới đem nỏ ra bắn, thì không thấy hiệu nghiệm nữa. An Dương Vương mới đem My Châu lên ngựa mà chạy về phía Nam. Chạy đến núi Mộ Dạ 暮夜山 (thuộc huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An) gần bờ bể, vua thấy giặc đuổi kịp quá, mới khẩn Kim Quy lên cứu. Kim Quy lên nói rằng: “Giặc ngồi sau lưng nhà vua đấy!”. An Dương Vương tức giận quá, rút gươm ra chém My Châu đi, rồi nhảy xuống bể mà tự tận<sup>(1)</sup>.

Trọng Thỉ theo dấu lông ngỗng của vợ rắc, đem binh đuổi đến núi Mộ Dạ, thấy xác vợ chết nằm đó, thương xót vô cùng, vội vàng đem về cấp táng, xong rồi, nhảy xuống cái giếng ở trong Loa Thành mà tự tử.

Nay ở làng Cổ Loa trước đền thờ An Dương Vương có cái giếng tục truyền là Trọng Thỉ chết ở giếng ấy. Tục lại truyền rằng My Châu bị giết rồi, vì nổi tình thực mà phải thác oan, cho nên máu nàng ấy chảy xuống bể, những con trai ăn phải hóa ra có ngọc trên châu. Hễ ai lấy được ngọc ấy đem về rửa vào nước cái giếng ở trong Loa Thành là chỗ Trọng Thỉ đã tự tử, thì ngọc ấy trong và đẹp thêm ra.

---

(1) Nay ở trên núi Mộ Dạ, gần xã Cao Ái, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An, có đền thờ An Dương Vương. Ở đây có nhiều cây cối và có nhiều chim công, cho nên tục gọi là đền Công hay Công.



### CHƯƠNG III

## **XÃ HỘI NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI TAM ĐẠI VÀ ĐỜI NHÀ TẦN**



- |               |              |
|---------------|--------------|
| 1. Phong kiến | 2. Quan chế  |
| 3. Pháp chế   | 4. Binh chế  |
| 5. Điền chế   | 6. Học hiệu  |
| 7. Học thuật  | 8. Phong tục |

Khi Triệu Đà sang đánh An Dương Vương thì ở bên Tàu nhà Tần đã suy, nhà Hán sắp lên làm vua, nước Tàu đang vào lúc đại loạn, phong tục, chính trị đều đổi khác cả. Vả lại Triệu Đà là người Tàu, làm quan nhà Tần, cho nên đến khi lấy được Âu Lạc, gồm cả các quận ở phương Nam, lập làm một nước tự chủ, bèn đem chính trị, pháp luật nước Tàu sang cai trị đất Nam Việt<sup>(1)</sup>. Vậy trước khi nói đến chuyện nhà Triệu, ta nên xét xem xã hội nước Tàu lúc bấy giờ là thế nào.

### **1. Phong kiến**

Nguyên về đời thái cổ, nước Tàu chia ra từng địa phương một. Mỗi một địa phương thì có một người làm thủ lĩnh, lập thành một nước, gọi là nước chư hầu 諸侯, phải triều cống nhà vua.

Số những nước chư hầu ấy thì mỗi đời một khác. Xem như khi vua Đại Vũ 大禹 nhà Hạ 夏, hội các nước chư hầu ở núi Đồ

---

(1) Xin đừng lầm nước Nam Việt ngày xưa với Nam Việt của nước Việt Nam hiện nay.



Sơn, kể có hàng vạn nước. Đến khi vua Vũ Vương 武王 nhà Chu周 đi đánh Trụ Vương nhà Ân 殷紂王, thì các nước chư hầu hội lại cả thấy được 800 nước.

Đánh xong nhà Ân, vua Vũ Vương 武王 phong cho hơn 70 người làm vua chư hầu, chia ra làm 5 bậc là: *công*, *hầu*, *bá*, *tử*, *nam*. Nước phong cho người tước *công*, tước *hầu* thì rộng 100 dặm gọi là *đại quốc*; nước phong cho người tước *bá* thì rộng 70 dặm, gọi là *trung quốc*; nước phong cho người tước *tử*, tước *nam* thì rộng 50 dặm, gọi là *tiểu quốc*. Những nước không đủ 50 dặm, thì gọi là nước *phụ dung* 附庸.

## 2. Quan chế

Nhà Hạ đặt tam công 三公, cửu khanh 九卿, 27 đại phu 大夫, 81 nguyên sĩ 元士.

Nhà Ân đặt hai quan tướng 二相, sáu quan thái 六太 là: thái tể, thái tông, thái sử, thái chúc, thái sĩ, thái bốc; năm quan 五官 là: tư đồ, tư mã, tư không, tư sĩ, tư khấu; sáu phủ 六府 là: tư thể, tư mộc, tư thủy, tư thảo, tư khí, tư hóa; sáu công 六工 là: thổ công, kim công, thạch công, thủy công, thú công và thảo công.

Đến nhà Chu, ông Chu Công đặt ra sáu quan 六官 gọi là: thiên quan 天官, địa quan 地官, xuân quan 春官, hạ quan 夏官, thu quan 秋官, đông quan 冬官. Mỗi một quan lại có 60 thuộc quan, cộng cả lại là 360 người.

Người làm đầu thiên quan 天官, gọi là Trừng tể 冢宰, thống cả việc chính trị trong nước, việc thu nạp cả năm và mọi việc ở trong cung. Người làm đầu địa quan 地官 gọi là Đại Tư đồ 大司徒, giữ việc nông, việc thương, việc giáo dục và việc cảnh sát. Người làm đầu xuân quan 春官 gọi là Đại Tông bá 大宗伯, giữ việc tế, tự, triều, sinh, hội đồng, v.v... Người làm đầu hạ quan 夏官 gọi là Đại Tư mã 大司馬, giữ việc binh mã và việc đi đánh dẹp. Người làm đầu thu quan 秋官, gọi là Đại Tư khấu 大司寇,

giữ việc dân, việc hình và việc kiện tụng. Người làm đầu đông quan 冬官 gọi là Đại Tư không 大司空 giữ việc khuyến công, khuyến nông và việc thổ mộc, v.v...

Trên lục quan lại đặt tam công 三公, là: Thái sư 太師, Thái phó 太傅, Thái bảo 太保; tam cô 三孤 là: Thiếu sư 少師, Thiếu phó 少傅, Thiếu bảo 少保, để bàn xét việc trị nước yên dân, chứ không dự vào việc hành chính.

### 3. Pháp chế

Về đời thái cổ thì có năm hình, ngoài năm hình lại có phép đánh bằng roi da và tội lưu. Đến đời nhà Hạ, nhà Ân và nhà Chu thì lại đặt phép chặt chân, gọt đầu và tội đồ. Đến cuối đời nhà Chu thì đặt ra tội bêu đầu, xé thịt, lăng trì, mổ, muối, v.v...

### 4. Binh chế

Binh chế nhà Hạ và nhà Ân thì không rõ, đến đời nhà Chu thì đặt 5 người làm một ngũ 伍; 5 ngũ tức là 25 người làm một lượng 两; 4 lượng tức là 100 người làm một tốt 卒; 5 tốt tức là 500 người làm một lữ 旅; 5 lữ tức là 2.500 người làm một sư 師; 5 sư tức là 12.500 người làm một quân 軍.

Quân thì đặt quan Mạnh khanh làm tướng, sư thì đặt quan Trung Đại phu làm súy, lữ thì đặt quan Hạ Đại phu làm súy, tốt thì đặt quan Thượng sĩ làm Trưởng, lượng thì đặt quan Trung sĩ làm Tư mã.

Thiên tử có 6 quân; còn những nước chư hầu, nước nào lớn thì có 3 quân, nước vừa có 2 quân, nước nhỏ có 1 quân.

Trong nước chia ra làm tỉnh 井, mỗi tỉnh 8 nhà, 4 tỉnh làm một ấp 邑, 32 nhà; 4 ấp làm một khâu 邱, 128 nhà; 4 khâu làm một diện 甸, 512 nhà. Cứ mỗi diện phải chịu một cỗ binh xa, bốn con ngựa, 12 con bò, 3 người giáp sĩ, 72 người bộ tốt, 25 người để khiêng tải những đồ nặng. Cả thảy là 100 người.



## 5. Điền chế

Về đời thái cổ thì không biết cách chia ruộng đất ra làm sao. Từ đời nhà Hạ trở đi thì chia 50 mẫu làm một *gian* 間, 10 gian làm một *tô* 組. Cứ 10 nhà cày một lô ruộng, hoa lợi được bao nhiêu chia làm 10 phần, nhà nước lấy một, gọi là phép *cống* 貢.

Nhà Ân và nhà Chu thì dùng phép *tĩnh điền*, nghĩa là chia đất ra làm chín khu hình chữ *tĩnh* (井). Những khu ở chung quanh làm tư điền, khu ở giữa để làm công điền. Mỗi một *tĩnh* cho 8 nhà ở, đều phải xuất lực cày cấy công điền rồi nộp hoa lợi cho nhà vua.

Về đời nhà Ân thì mỗi *tĩnh* có 630 mẫu, mỗi nhà được 70 mẫu; phép đánh thuế gọi là phép *trợ* 助. Đến đời nhà Chu thì mỗi *tĩnh* có 900 mẫu, mỗi nhà có 100 mẫu, phép đánh thuế gọi là phép *triệt* 徹.

Nhà Chu lại đặt ra lệ cứ 20 tuổi thì được 100 mẫu ruộng, đến 60 tuổi thì trả lại cho nhà nước. Nhà nào có con thứ nhì gọi là *dư phu* 餘夫 đến 16 tuổi thì được lĩnh 25 mẫu ruộng.

Nhờ có phép chia ruộng như thế cho nên lúc bấy giờ không có người nào nghèo lắm mà cũng không có người giàu lắm. Về sau đến đời Chiến Quốc 戰國, người Lý Khôi 李悝 làm tướng nước Ngụy 魏, bắt dân hết sức làm ruộng, không định hạn như trước nữa; người Thương Ưởng 商鞅 làm tướng nước Tần 秦, bỏ phép *tĩnh điền* 井田, mở *thiên mạch* 阡陌, cho mọi người được tự tiện làm ruộng. Phép chia đất từ đó mới mất dần dần đi.

## 6. Học hiệu

Nhà Hạ đặt nhà *Đông tự* 東序 làm đại học, nhà *Tây tự* 西序 làm tiểu học. Nhà Ân đặt nhà *Hữu học* 右學 làm đại học, nhà *Tả học* 左學 làm tiểu học. Những nhà đại học, tiểu học ấy, là chỗ để tập bắn, để nuôi những người già cả và để tập văn nghệ.



Nhà Chu thì đặt nhà *Tích ung* 辟雍 hoặc nhà *Thành quân* 成均 làm nhà đại học, để cho con vua, con các quan và những người tuấn tú tuyển ở các thôn xã đến học; còn ở châu, ở đảng<sup>(1)</sup> thì đặt nhà tiểu học gọi là *Tự* 序 và nhà *Tường* 庠 để cho con dân gian vào học. Lại đặt lệ cứ từ 8 tuổi đến 14 tuổi làm niên hạn cho tiểu học, từ 15 đến 20 tuổi, làm niên hạn cho đại học. Đại học thì dạy lễ, nhạc, thi, thư; tiểu học thì dạy cách kính trên nhường dưới và cách ứng đối, v.v...

## 7. Học thuật

Học thuật ở nước Tàu về đời nhà Chu đã thịnh lắm, cho nên đến đời Xuân Thu 春秋 có nhiều học giả như là Lão Tử 老子 bàn *đạo*; Khổng Tử 孔子 bàn *hiếu, lễ, nhân, nghĩa*; Mặc Địch 墨翟 bàn *lẽ kiêm ái*, nên chuộng sự tiết kiệm, bỏ âm nhạc; Dương Chu 楊朱 thì bàn *lẽ vị kỷ*, nên tự trọng thân mình và không chịu thiệt mình để lợi người.

Lại có những pháp gia như Thân Bất Hại 申不害, Hàn Phi 韓非 bàn việc trị thiên hạ thì chỉ nên dùng pháp luật, chứ không nên dùng nhân nghĩa. Còn những người như Quỷ Cốc 鬼谷, Thi Giáo 尸佼, Điền Biên 田駢, v.v... mỗi người đều xướng một học thuyết để dạy người đương thời.

## 8. Phong tục

Nước Tàu lấy sự cày ruộng làm gốc, nhưng mà việc nuôi tằm, dệt lụa, việc họp chợ, việc buôn bán cũng phát đạt cả.

Dân trong nước chia ra làm 4 thứ: *sĩ, nông, công, thương*, nhưng mà con người làm quan lại làm quan, con người làm ruộng cứ làm ruộng, chứ con người làm ruộng không được làm quan. Tuy vậy, đến đời Xuân Thu những người thứ dân lên làm tướng văn tướng võ cũng nhiều.

---

(1) Cứ 12.500 nhà làm một châu, và 500 nhà làm một đảng, ở châu thì có nhà *Tự*, ở đảng thì có nhà *Tường*.



Ở trong gia đình thì già trẻ trên dưới phân biệt nghiêm lắm. Con phải theo cha, vợ phải theo chồng, con trai con gái từ 7 tuổi trở đi, là không được ăn một mâm, nằm một chiếu nữa. Con trai 30 tuổi mới lấy vợ, gái 20 tuổi mới lấy chồng mà hai người cùng họ không được lấy nhau.

Nước Tàu về đời Tam Đại 三代 cũng sùng sự tế tự lắm. Thường cúng tế thiên, địa, nhật, nguyệt, sơn, xuyên, lâm, trạch. Nhà vua lập đàn Nam giao để tế Thượng đế. Lại có nhà Xã tắc để tế Thổ thần và Hậu Tắc. Còn sự thờ phụng tổ tiên thì từ vua cho đến thứ dân đều lấy làm một việc rất quan trọng trong đời người.

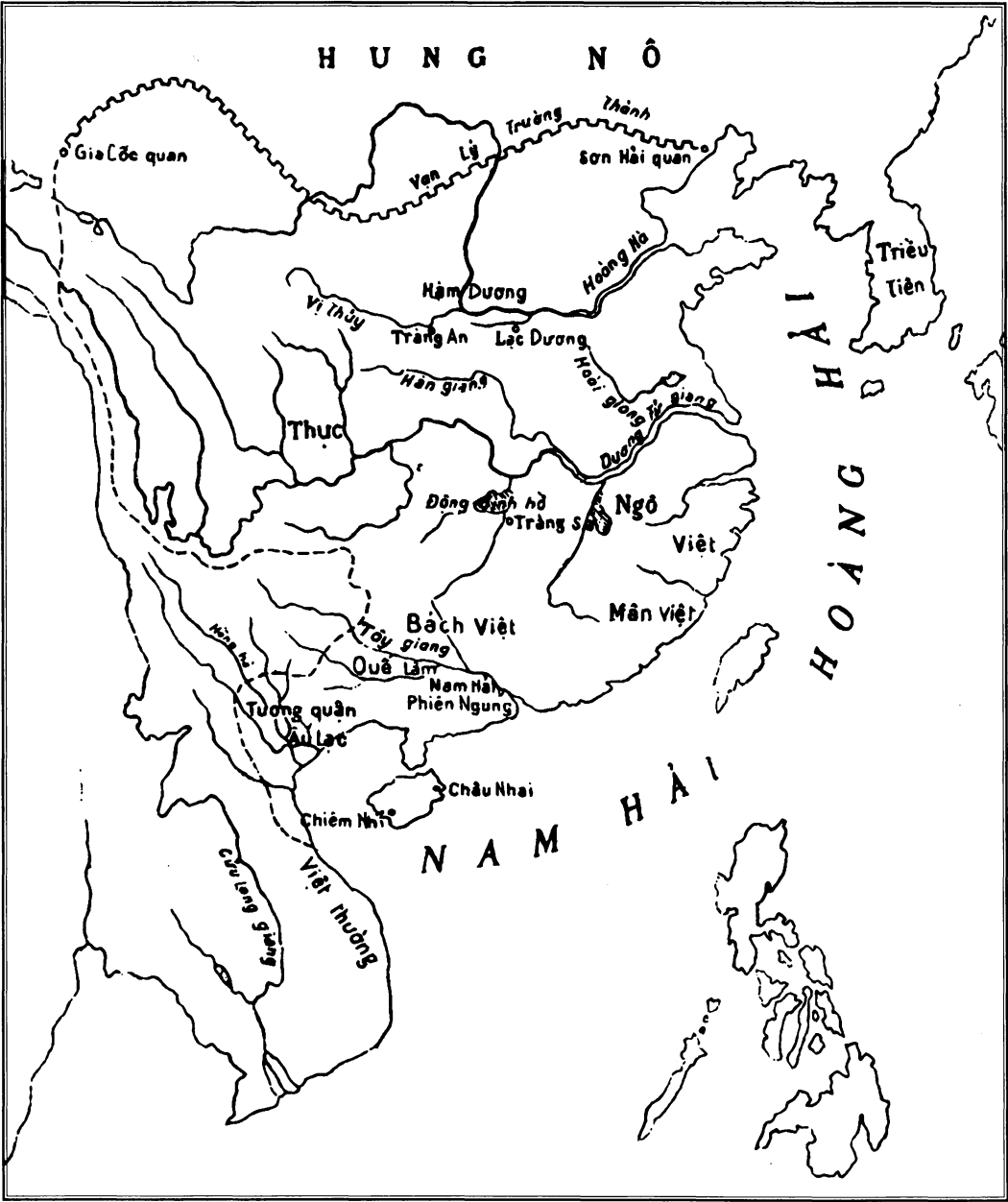
Xem như thế, thì xã hội nước Tàu về đời Tam Đại đã văn minh lắm, nhưng sau đến cuối đời nhà Chu, vì nhà vua suy nhược, cho nên chư hầu, người xưng hầu, kẻ xưng vương rồi tranh nhau, đánh nhau như Ngũ bá đời Xuân Thu, Thất hùng đời Chiến Quốc, làm cho trăm họ lầm than khổ sở.

Sau nhà Tần thống nhất được thiên hạ, mới bỏ lệ phong kiến, lập ra quận huyện; bỏ phép tỉnh điền, lập thiên mạch; cấm Nho học, đốt sách vở, việc chính trị thì cốt dùng pháp luật, để lấy quyền lực mà áp chế.

Đang khi phong tục nước Tàu biến cải như thế, thì Triệu Đà lập ra nước Nam Việt, đem văn minh nước Tàu sang truyền bá ở phương Nam, cho nên từ đó về sau người nước mình đều nhiễm cái văn minh ấy.



NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI NHÀ TẦN

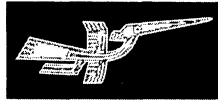


## CHƯƠNG IV

# NHÀ TRIỆU

趙氏

(207 - 111 tr. Tây lịch)



- |                     |                               |
|---------------------|-------------------------------|
| 1. Triệu Vũ Vương   | 2. Vũ Vương thụ phong nhà Hán |
| 3. Vũ Vương xưng đế | 4. Vũ Vương thần phục nhà Hán |
| 5. Triệu Văn Vương  | 6. Triệu Minh Vương           |
| 7. Triệu Ai Vương   | 8. Triệu Dương Vương          |

### 1. Triệu Vũ Vương (207 - 137 tr. Tây lịch)

Năm Quý Tỵ (207) Triệu Đà đánh được An Dương Vương rồi, sáp nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, lập thành một nước gọi là Nam Việt 南越, tự xưng làm vua, tức là Vũ Vương 武王, đóng đô ở Phiên Ngung 番禺, gần thành Quảng Châu bây giờ.

### 2. Vũ Vương thụ phong nhà Hán

Trong khi Triệu Vũ Vương gây dựng cơ nghiệp ở Nam Việt, thì ở bên Tàu, ông Lưu Bang 劉邦 trừ được nhà Tần 秦, diệt được nhà Sở 楚, nhất thống thiên hạ, rồi lên ngôi Hoàng đế, tức là vua Cao Tổ nhà Hán 漢高祖. Vua Cao Tổ thấy Triệu Vũ Vương độc lập ở phương Nam, bèn sai Lục Giả 陸賈 sang phong cho Vũ Vương. Bấy giờ là năm Ất Tỵ (196 tr. Tây lịch), năm thứ 12 đời vua Vũ Vương nhà Triệu và năm thứ 11 đời vua Cao Tổ nhà Hán.



Vũ Vương vốn là người kiêu căng, có ý không muốn phục nhà Hán 漢, đến khi Lục Giả sang đến nơi, vào yết kiến Vũ Vương, Vũ Vương ngồi xếp vành tròn, không đứng dậy tiếp. Lục Giả thấy vậy mới nói rằng: “Nhà vua là người nước Tàu, mồ mả và thân thích ở cả châu Chân Định 真定. Nay nhà Hán đã làm vua thiên hạ, sai sứ sang phong vương cho nhà vua, nếu nhà vua kháng cự sứ thần, không làm lễ thụ phong, Hán Đế tất là tức giận, hủy hoại mồ mả và giết hại thân thích của nhà vua, rồi đem quân sang đánh thì nhà vua làm thế nào?”. Vũ Vương nghe lời ấy vội vàng đứng dậy làm lễ tạ, rồi cười mà nói rằng: “Tiếc thay ta không được khởi nghiệp ở nước Tàu, chứ không thì ta cũng chẳng kém gì Hán Đế!”.

### 3. Vũ Vương xưng đế

Năm Mậu Ngọ (183 tr. Tây lịch) vua Cao Tổ nhà Hán mất rồi, bà Lữ Hậu 呂后 lâm triều, tranh quyền Huệ Đế 惠帝, rồi lại nghe lời gièm pha, cấm không cho người Hán buôn bán những đồ vàng, đồ sắt và những đồ điền khí với người Nam Việt. Vũ Vương lấy làm tức giận, lại ngờ cho Trường Sa Vương 長沙王 xui Lữ Hậu làm như vậy, bèn tự lập làm Nam Việt Hoàng đế, rồi cử binh mã sang đánh quận Trường Sa (tỉnh Hồ Nam bây giờ).

Năm Canh Thân (181 tr. Tây lịch) Hán triều sai tướng đem quân sang đánh Nam Việt. Quân nhà Hán chịu không được thủy thổ phương Nam, nhiều người phải bệnh tật, bởi vậy phải thua chạy về Bắc. Từ đó thanh thế Triệu Vũ Đế lung lay, đi đâu dùng xe ngựa theo nghi vệ Hoàng đế, như vua nhà Hán vậy.

### 4. Vũ Vương thần phục nhà Hán

Đến khi Lữ Hậu mất, Hán Văn Đế 漢文帝 lên ngôi, lại sai Lục Giả đưa thư sang khuyên Vũ Đế về thần phục nhà Hán. Thư rằng:



“Trẫm là con trắc thất vua Cao Đế, phụng mệnh ra trị nước Đại, vì non sông cách trở, thẹn mình phác lậu, cho nên lâu nay chưa từng đưa thư sang hỏi thăm nhà vua.

Từ khi đức Cao Đế xa bỏ quần thần, đức Huệ Đế qua đời, bà Cao Hậu lâm triều, không may bị bệnh, để cho họ Lữ chuyên quyền, toan đem con họ khác để nối vì đức Huệ Đế. May nhờ nhà Tông miếu linh thiêng, các công thần ra sức dẹp kẻ tiếm nghịch.

Trẫm vì các vương hầu cùng bách quan cố ép, cho nên phải lên ngôi Hoàng đế. Mới rồi trẫm nghe nhà vua có đưa thư cho Long Lư Hầu, nhắn tin anh em họ hàng ở quận Chân Định, và xin bãi binh ở quận Trường Sa.

Trẫm cũng nghe lời thư của nhà vua, thì đã bảo tướng quân Bác Dương Hầu bãi binh về, còn anh em họ hàng nhà vua ở Chân Định thì trẫm đã cho người thăm nom, lại sai sửa sang phần mộ nhà vua, thật là tử tế.

Thế mà vừa rồi trẫm nghe nhà vua còn đem binh quấy nhiễu ngoài biên, quận Trường Sa thật khổ, mà Nam Quận lại còn khổ hơn. Làm như thế, nước nhà vua có chắc lợi được một mình không? Tất là tướng tá quân sĩ chết nhiều, làm cho vợ người góa chồng, con người mồ côi bố, cha mẹ mất con, được một mất mười, trẫm không lòng nào nỡ làm như vậy.

Vả lại được đất nhà vua cũng không lấy làm to, được của nhà vua cũng không đủ làm giàu. Vậy từ phía Nam núi Lĩnh thì mặc ý nhà vua tự trị lấy. Nhưng nhà vua cứ xưng đế hiệu, hai bên cùng là đế quốc mà không sai sứ giao thông, thế chẳng hóa ra ganh nhau ư? Ganh nhau mà không nhường, thì người nhân không thêm làm.

Trẫm nay xin cùng nhà vua gác bỏ điều cũ, từ rày trở đi, thông sứ như xưa. Vậy trẫm sai Lục Giả sang đem ý trẫm khuyên nhà vua nên nghe, chớ làm chi nhiều sự cướp bóc tai hại”.



Xem thư của Hán Văn Đế lời lẽ tử tế, thật là có nhân từ, vì thế cho nên Triệu Vũ Đế phải chịu phục, và đáp thư lại rằng:

*“Nam di đại trưởng lão phu thân, Đà, muối tử tái bái, dâng thư lên Hoàng đế bệ hạ. Lão phu là kẻ cố lại nước Việt, khi Hiếu Huệ Hoàng đế lên ngôi, tình nghĩa không dứt, vẫn hậu đãi lão phu. Đến khi Cao Hậu lâm triều, lại phân biệt ra trung hoa, ngoại di, hạ lệnh cấm không được bán cho Nam Việt những đồ vàng sắt và điền khí; còn ngựa, trâu, dê thì chỉ bán cho giống đực, chứ không bán cho giống cái.*

*Lão phu ở phương xa mà không có vật cúng tế thì phải tội, vì thế có sai Nội sử Phan, Trung úy Cao và Ngự sử Bình, ba lượt dâng thư sang thượng quốc tạ quá, đều không trở về cả.*

*Lão phu lại phong văn rằng nhà Hán đem hủy hoại cả phần mộ lão phu cùng giết cả anh em tông tộc lão phu, cho nên có bàn riêng với chúng rằng: Nay trong đã không vẻ vang với nhà Hán, ngoài lại không có gì hơn được nước Ngô, vậy có xưng đế hiệu; mà chẳng qua tự đế nước mình, không dám hại gì đến thiên hạ.*

*Cao Hậu nghe thấy thế, lấy làm tức giận, đem tước bỏ số Nam Việt đi, không cho thông sứ, lão phu trộm nghĩ rằng hẳn vì Trường Sa Vương gièm pha, cho nên lão phu có đem binh đánh.*

*Lão phu ở đất Việt đã bốn mươi chín năm nay, bây giờ đã có cháu rồi, nhưng mà sớm khuya trần trọc, ăn không ngon, ngủ không yên, mắt không dám trông sắc đẹp, tai không dám nghe đàn vui, là chỉ vì cố không được phụng thờ nhà Hán. Nay nhờ bệ hạ đoái thương, cho phục lại hiệu cũ, thông sứ như xưa, lão phu nhờ ơn, dầu chết xương cũng không nát.*

*Vậy xin cải hiệu từ đây, và xin có cống phẩm phụng hiến Hoàng đế bệ hạ”.*

Từ khi Triệu Vũ Vương chịu bỏ đế hiệu, Nam, Bắc lại giao thông hòa hiếu không có điều gì nữa.



Năm Giáp Thìn (137 tr. Tây lịch), Triệu Vũ Vương mất. Sử chép rằng ngài thọ được 121 tuổi và làm vua được hơn 70 năm.

## 5. Triệu Văn Vương (137 - 125 tr. Tây lịch)

Triệu Vũ Vương truyền ngôi lại cho cháu đích tôn, tên là Hồ 胡, tức là Triệu Văn Vương 趙文王, trị vì được 12 năm.

Triệu Văn Vương vốn là người tâm thường, tính khí nhu nhược, không được như Triệu Vũ Vương. Khi mới lên làm vua được hai năm, thì vua Mân Việt 閩越 (tỉnh Phúc Kiến bây giờ) đem quân sang đánh phá ở chỗ biên thùy nước Nam Việt. Triệu Văn Vương không dám cử binh mã ra chống cự, sai sứ sang cầu cứu bên Hán triều.

Vua nhà Hán sai người Vương Khôi 王恢 và người Hàn An Quốc 韓安國 đi đánh Mân Việt. Quân Mân Việt thấy quân nhà Hán đến nơi, bèn bắt quốc vương giết đi, đưa đầu nộp cho quan nhà Hán và xin hàng. Mân Việt đã bình rồi vua nhà Hán sai người Trang Trợ 莊助 sang dụ Triệu Văn Vương vào châu, nhưng mà đình thần xin đừng đi, bèn cho Thái tử là Anh Tề 嬰齊 đi thay.

Anh Tề ở bên Hán triều mười năm, đến năm Bính Thìn (125 tr. Tây lịch) vua Văn Vương mất thì mới về nối ngôi.

## 6. Triệu Minh Vương (125 - 113 tr. Tây lịch)

Anh Tề lên làm vua tức là Triệu Minh Vương 趙明王, trị vì được 12 năm.

Khi Anh Tề ở bên Hán thì có lấy người vợ lẽ là Cù Thị 繆氏, đẻ được một người con tên là Hưng 興. Đến khi về làm vua Nam Việt, Minh Vương lập Cù Thị lên làm Hoàng hậu và Hưng làm Thái tử.



## 7. Triệu Ai Vương

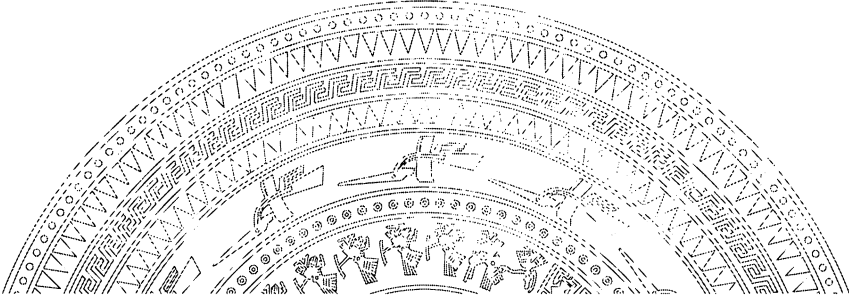
Năm Mậu Thìn (113 tr. Tây lịch) Triệu Minh Vương mất, Thái tử Hưng lên làm vua, tức là Triệu Ai Vương 趙哀王, trị vì được một năm.

Bấy giờ vua nhà Hán cho An Quốc Thiệu Quý 安國少季 sang dụ Nam Việt về châu. Thiệu Quý nguyên là tình nhân của Cù Thị lúc trước, đến khi sang Nam Việt gặp nhau, lại tư thông với nhau rồi dỗ dành Ai Vương đem nước Nam Việt về dâng nhà Hán.

Khi Cù Thị và Ai Vương đã định về Hán triều, thì có quan Tể tướng là Lữ Gia 呂嘉, biết rõ tình ý, đã can ngăn mãi không được, mới truyền hịch đi mọi nơi nói rằng vua và Cù Thái hậu sắp đem nước dâng cho nhà Hán; rồi Lữ Gia cùng với mấy người đại thần đem quân cấm binh vào giết sứ nhà Hán, Cù Thị và Ai Vương. Đoạn rồi tôn Kiến Đức 建德 lên làm vua. Kiến Đức là con trưởng của Minh Vương, mẹ là người Nam Việt.

## 8. Triệu Dương Vương

Kiến Đức lên làm vua, tức là Dương Vương 陽王. Dương Vương mới lên làm vua được độ một năm thì vua Vũ Đế nhà Hán 漢武帝 sai Phục Ba tướng quân là Lộ Bác Đức 路博德 và Dương Bộc 楊僕 đem 5 đạo quân sang đánh lấy Nam Việt. Quan Thái phó Lữ Gia ra chống cự không nổi, phải đem Dương Vương chạy. Quân nhà Hán đuổi theo bắt được, vua tôi đều bị hại cả. Năm ấy là năm Canh Ngọ (111 tr. Tây lịch), nước Nam Việt bị người Tàu chiếm lấy, cải là Giao Chỉ bộ 交趾部, chia ra làm 9 quận và đặt quan cai trị như các châu quận bên Tàu vậy.

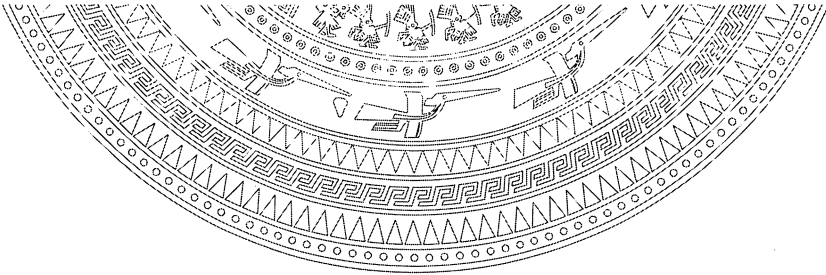


**QUYỂN II**

**BẮC THUỘC THỜI ĐẠI**

北 屬 時 代

(111 tr. Tây lịch - 931 Tây lịch)



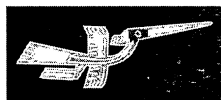




## CHƯƠNG I

# BẮC THUỘC LẦN THỨ NHẤT

(111 tr. Tây lịch - 39 sau Tây lịch)



1. Chính trị nhà Tây Hán
2. Tích Quang và Nhâm Diên

### 1. Chính trị nhà Tây Hán

Năm Canh Ngọ (111 tr. Tây lịch) vua Vũ Đế nhà Hán 漢武帝 sai Lộ Bác Đức 路博德 và Dương Bộc 楊僕 sang đánh nhà Triệu 趙, lấy nước Nam Việt, rồi cải là Giao Chỉ bộ 交趾部, và chia ra làm 9 quận, là những quận này:

1. Nam Hải: 南海 (Quảng Đông)
  2. Thương Ngô: 蒼梧 (Quảng Tây)
  3. Uất Lâm: 鬱林 (Quảng Tây)
  4. Hợp Phố: 合浦 (Quảng Đông)
  5. Giao Chỉ: 交趾
  6. Cửu Chân: 九真
  7. Nhật Nam: 日南
  8. Châu Nhai: 珠崖 (đảo Hải Nam)
  9. Chiêm Nhĩ<sup>(1)</sup>: 儋耳 (đảo Hải Nam)
- } (Bắc Việt và mấy tỉnh ở phía Bắc Trung Việt)

(1) Sách gốc ghi là *Đạm Nhĩ* do đọc nhầm chữ 儋 (*chiêm*) thành *đạm*. Ở đây và ở bản đồ trang 38, chúng tôi đã sửa lại [BT].



Mỗi quận có quan Thái thú 太守 coi việc cai trị trong quận và lại có quan Thứ sử 刺史 để giám sát các quận. Ở trong quận Giao Chỉ thì có những Lạc tướng hay Lạc hầu vẫn được thế tập giữ quyền cai trị các bộ lạc tựa hồ như các quan lang ở mạn thượng du đất Bắc Việt bây giờ.

Quan Thứ sử trước tiên là Thạch Đái 石戴, đóng phủ trị ở Long Uyên 龍淵. Có sách chép là phủ trị thừa ấy đóng ở Lũng Khê 隴溪, thuộc phủ Thuận Thành bây giờ.

Từ đời vua Vũ Đế cho đến hết đời nhà Tây Hán không thấy sử nói gì đến đất Giao Chỉ nữa. Mãi đến năm Kỷ Sửu (năm 29 Tây lịch) là năm Kiến Võ thứ 5 đời vua Quang Vũ 光武 nhà Đông Hán 東漢 thì mới thấy chép rằng Thứ sử Giao Chỉ là Đặng Nhượng 鄧讓 sai sứ về cống nhà Hán. Bởi vì khi Vương Mãng 王莽 cướp ngôi nhà Hán, bọn Đặng Nhượng 鄧讓, Tích Quang 錫光 và Đỗ Mục 杜穆 ở Giao Chỉ giữ châu quận, không chịu phục Vương Mãng. Đến khi vua Quang Vũ trung hưng lên, bọn Đặng Nhượng mới sai sứ về triều cống.

## 2. Tích Quang và Nhâm Diên

Về đầu thế kỷ đệ nhất có hai người sang làm Thái thú trị dân có nhân chính. Một người tên là Tích Quang 錫光 làm Thái thú Giao Chỉ, một người tên là Nhâm Diên 壬延 làm Thái thú quận Cửu Chân.

Tích Quang sang làm Thái thú quận Giao Chỉ từ đời vua Bình Đế 平帝 nhà Tây Hán, vào quăng năm thứ hai thứ ba về thế kỷ đệ nhất. Người ấy hết lòng lo việc khai hóa, dạy dân lấy điều lễ nghĩa, cho nên dân trong quận có nhiều người kính phục.

Nhâm Diên thì sang làm Thái thú quận Cửu Chân từ năm Kiến Võ nhà Đông Hán. Bấy giờ dân quận ấy chỉ làm nghề chài lưới và săn bắn, chứ không biết cày cấy làm ruộng nương.



Nhâm Diên mới dạy dân dùng cày bừa mà khai khẩn ruộng đất, bởi vậy chẳng bao lâu mà quận ấy có đủ thóc gạo ăn. Người ấy lại dạy dân làm lễ cưới hỏi trong khi lấy vợ lấy chồng, và bắt những lại thuộc trong quận lấy một phần lương bổng của mình mà giúp cho những kẻ nghèo đói để lấy vợ lấy chồng.

Nhâm Diên ở Cửu Chân được 4 năm thì được thăng chức về Tàu đi làm quan chỗ khác. Dân sự quận ấy ái mộ Nhâm Diên, làm đền thờ. Có người vì được nhờ quan Thái thú cho nên sau sinh con ra, lấy tên Nhâm 壬 mà đặt tên cho con, để tỏ lòng biết ơn.



## CHƯƠNG II

# TRƯNG VƯƠNG

徵王

(40 - 43)



1. Trưng Thị khởi binh
2. Mã Viện sang đánh Giao Chỉ

### 1. Trưng Thị khởi binh

Năm Giáp Ngọ (34) là năm Kiến Võ thứ 10, vua Quang Vũ sai Tô Định 蘇定 sang làm Thái thú quận Giao Chỉ.

Tô Định là người bạo ngược, chính trị tàn ác, người Giao Chỉ đã có lòng oán giận lắm. Năm Canh Tý (40) người ấy lại giết Thi Sách 詩索 người ở huyện Châu Diên 朱鳶 (phủ Vĩnh Tường, trước thuộc về Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên<sup>(1)</sup>).

Vợ Thi Sách là Trưng Trắc 徵側 con gái quan Lạc tướng ở huyện Mê Linh 麋冷 (làng Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên)<sup>(2)</sup> cùng với em gái là Trưng Nhị 徵貳 nổi lên đem quân về đánh Tô Định. Bọn Tô Định phải chạy trốn về quận Nam Hải.

Lúc bấy giờ những quận Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố cũng nổi lên theo về với hai bà Trưng Thị. Chẳng bao lâu quân hai bà hạ được 65 thành trì. Hai bà bèn tự xưng làm vua, đóng đô ở Mê Linh, là chỗ quê nhà.

---

(1) Nay thuộc địa phận tỉnh Vĩnh Phúc [BT].

(2) Nay thuộc Hà Nội [BT].



## 2. Mã Viện sang đánh Giao Chỉ

Năm Tân Sửu (41) vua Quang Vũ sai Mã Viện 馬援 làm Phục Ba tướng quân 伏波將軍, Lưu Long 劉隆 làm phó tướng cùng với quan Lâu Thuyền tướng quân 樓船將軍 là Đoàn Chí 段志 sang đánh Trưng Vương.

Mã Viện là một danh tướng nhà Đông Hán, lúc bấy giờ đã ngoài 70 tuổi, nhưng vẫn còn mạnh, đem quân đi men bờ bể phá rừng đào núi làm đường sang đến Lãng Bạc 浪泊, gặp quân Trưng Vương hai bên đánh nhau mấy trận<sup>(1)</sup>. Quân của Trưng Vương là quân ô hợp không đương nổi quân của Mã Viện, đã từng đánh giặc nhiều phen. Hai bà rút quân về đóng ở Cấm Khê 禁谿 (phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên). Mã Viện tiến quân lên đánh, quân hai bà vỡ tan cả. Hai bà chạy về đến xã Hát Môn 喝門, thuộc huyện Phúc Lộc (nay là huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây)<sup>(2)</sup>, thế bức quá, bèn gieo mình xuống sông Hát Giang (chỗ sông Đáy tiếp vào sông Hồng Hà) mà tự tận. Bấy giờ là ngày mồng 6 tháng 2 năm Quý Mão (43).

Những tướng của hai bà là bọn Đô Dương 都陽 chạy vào giữ huyện Cư Phong 居封 thuộc quận Cửu Chân. Sau Mã Viện đem quân vào đánh, bọn Đô Dương đều phải ra hàng cả.

Hai bà họ Trưng làm vua được 3 năm, nhưng lấy cái tài trí người đàn bà mà dấy được nghĩa lớn như thế, khiến cho vua tôi nhà Hán phải lo sợ, ấy cũng là đủ để cái tiếng thơm về muôn đời. Đến ngày nay có nhiều nơi lập đền thờ hai bà để ghi tạc cái danh tiếng hai người nữ anh hùng nước Việt Nam ta<sup>(3)</sup>.

---

(1) Sử chép rằng Lãng Bạc là Hồ Tây ở gần Hà Nội [Hồ Tây nay thuộc Hà Nội], nhưng có người bác đi, bảo không phải.

(2) Nay thuộc Hà Nội [BT].

(3) Nay ở làng Hát Môn, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây và ở bãi Đồng Nhân, ở gần Hà Nội có đền thờ Hai Bà, đến ngày mồng 6 tháng 2 thì có hội. [Các địa danh này nay đều thuộc Hà Nội - BT].

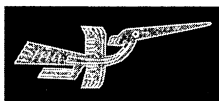


Sử gia Lê Văn Hưu 黎文休 nói rằng: “Trưng Trắc, Trưng Nhị là đàn bà nổi lên đánh lấy được 65 thành trì, lập quốc xưng vương dễ như giở bàn tay. Thế mà từ cuối đời nhà Triệu cho đến đời nhà Ngô hơn một nghìn năm, người mình cứ cúi đầu bó tay làm tôi tớ người Tàu, mà không biết xấu hổ với hai người đàn bà họ Trưng!”.

### CHƯƠNG III

## **BẮC THUỘC LẦN THỨ HAI**

**(43 - 544)**



### **I. NHÀ ĐÔNG HÁN**

- 1. Chính trị nhà Đông Hán*
- 2. Lý Tiến và Lý Cầm*
- 3. Sĩ Nhiếp*

### **II. ĐỜI TAM QUỐC**

- 1. Nhà Đông Ngô*
- 2. Triệu Ẩu*
- 3. Nhà Ngô chia đất Giao Châu*

### **III. NHÀ TẤN**

- 1. Chính trị nhà Tấn*
- 2. Nước Lâm Ấp quấy nhiễu Giao Châu*

### **IV. NAM BẮC TRIỀU**

- 1. Tình thế nước Tàu*
- 2. Việc đánh Lâm Ấp*
- 3. Sự biến loạn ở đất Giao Châu*



## I. NHÀ ĐÔNG HÁN (25 - 220)

### 1. Chính trị nhà Đông Hán

Mã Viện đánh được Trưng Vương đem đất Giao Chỉ về thuộc nhà Hán như cũ, rồi chinh đồn binh lương, đem quân đi đánh dẹp các nơi, đi đến đâu xây thành đắp lũy đến đấy và biến cải mọi cách chính trị trong các châu quận. Dem phủ trị về đóng ở Mê Linh<sup>(1)</sup> và dựng cây đồng trụ ở chỗ phân địa giới, khắc sáu chữ: “*Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt*” (銅柱析, 交趾滅). Nghĩa là cây đồng trụ mà đổ thì người Giao Chỉ mất nòi.

Sử chép rằng người Giao Chỉ đi qua lại chỗ ấy, ai cũng bỏ vào chân cột đồng trụ một hòn đá, cho nên về sau chỗ ấy thành ra núi, phủ mất cả, đến bây giờ không biết cột ấy ở vào chỗ nào.

Từ đó chính trị nhà Đông Hán càng ngày càng ngặt thêm, mà những quan lại sang cai trị Giao Chỉ thường có lắm người tàn ác, tham nhũng, bắt dân lên rừng xuống bể để tìm những châu báu. Dân ở quận Hợp Phố cứ phải xuống bể mò ngọc trai khổ quá, đến nỗi phải bỏ xứ mà đi.

Triều đình thì xa, quan lại ra cai trị thì tha hồ mà tung hoành, tiếng oan ức kêu không thấu vào đâu, cho nên thường hay có sự loạn lạc, làm cho dân gian phải nhiều sự khổ sở.

### 2. Lý Tiến và Lý Cầm

Quan cai trị đã tàn ác, nhà vua lại bạc đãi người bản xứ. Đời bấy giờ người mình đâu có học hành thông thái cũng không được giữ việc chính trị. Mãi đến đời vua Linh Đế 靈帝 (168 - 189) cuối nhà Đông Hán mới có một người bản xứ là Lý Tiến 李進 được cất lên làm Thứ sử ở Giao Chỉ. Lý Tiến dâng sớ

---

(1) Về cuối đời Đông Hán lại dời về Long Biên 龍編.





xin cho người Giao Chỉ được bổ đi làm quan như ở trung châu bên Tàu. Nhưng Hán Đế chỉ cho những người đỗ mậu tài 茂才 hoặc hiếu liêm 孝廉 được làm lại thuộc ở trong xứ mà thôi, chứ không được đi làm quan ở châu khác. Bấy giờ có người Giao Chỉ tên là Lý Cầm 李琴 làm lính túc vệ hầu vua ở trong điện, rủ mấy người bản xứ ra phục xuống sân mà kêu cầu thăm thiết. Hán Đế mới cho một người Giao Chỉ đỗ mậu tài đi làm quan Lệnh ở Hạ Dương 夏陽令 và một người đỗ hiếu liêm làm quan Lệnh ở Lục Hợp 六合令. Về sau Lý Cầm làm đến quan Tư lệ Hiệu úy 司隸校尉 và lại có Trương Trọng 張重 cũng là người Giao Chỉ làm Thái thú ở Kim Thành 金城太守. Người Giao Chỉ ta được làm quan như người bên Tàu, khởi đầu từ Lý Tiến và Lý Cầm vậy.

### 3. Sĩ Nhiếp (187 - 226)

Về cuối đời nhà Đông Hán, giặc cướp nổi lên khắp cả bốn phương, triều đình không có uy quyền ra đến ngoài, thiên hạ chỗ nào cũng có loạn. Đất Giao Chỉ bấy giờ nhờ có quan Thái thú là Sĩ Nhiếp 士燮 cùng với anh em chia nhau giữ các quận huyện, cho nên mới được yên.

Tiên tổ nhà ông Sĩ Nhiếp là người nước Lỗ 魯, vì lúc Vương Mãng 王莽 cướp ngôi nhà Hán, mới tránh loạn sang ở đất Quảng Tín 廣信, quận Thương Ngô 蒼梧, đến đời ông thân sinh ra Sĩ Nhiếp là sáu đời. Ông thân sinh tên là Sĩ Tứ 士賜 làm Thái thú quận Nhật Nam 日南, cho Sĩ Nhiếp về du học ở đất kinh sư, đỗ hiếu liêm được bổ Thượng thư lang, vì việc quan phải cách, rồi về chịu tang cha. Sau lại đỗ mậu tài được bổ sang làm Thái thú ở quận Giao Chỉ.

Năm Quý Mùi (203) là năm thứ 3 đời vua Hiến Đế 獻帝, quan Thứ sử là Trương Tân 張津 cùng với quan Thái thú Sĩ Nhiếp dâng sớ xin cải Giao Chỉ 交趾 làm Giao Châu 交州. Vua nhà Hán thuận cho. Sau vì trong châu có lắm giặc giã, Sĩ Nhiếp



mới tâu xin vua nhà Hán cho mấy anh em làm Thái thú quận Cửu Chân, quận Hợp Phố và quận Nam Hải. Sĩ Nhiếp giữ được đất Giao Châu khỏi loạn và vẫn giữ lệ triều cống như cũ, cho nên vua Hiến Đế lại phong cho chức An Viễn tướng quân 安遠將軍 Long Độ Đình hầu 龍度亭侯. Sĩ Nhiếp trị dân có phép tắc, và lại chăm sự dạy bảo dân cho nên lòng người cảm mộ công đức, mới gọi tôn lên là Sĩ Vương.

Nhà làm sử thường cho nước ta có văn học là khởi đầu từ Sĩ Nhiếp. Cái ý kiến ấy có lẽ không phải. Vì rằng từ khi nhà Hán sang cai trị đất Giao Chỉ đến đời Sĩ Nhiếp đã được hơn 300 năm, người Giao Chỉ đã có người học hành thi đỗ hiếu liêm, mậu tài. Vậy nói rằng đến ông Sĩ Nhiếp mới có Nho học thì chẳng sai lắm ru. Hoặc giả ông ấy là một người có văn học rồi trong khi làm quan, lo mở mang sự học hành, hay giúp đỡ những kẻ có chữ nghĩa, cho nên về sau mới được cái tiếng làm học tổ ở nước ta, tưởng như thế thì có thể hợp lẽ hơn.

## II. ĐỜI TAM QUỐC (220 - 265)

### 1. Nhà Đông Ngô (222 - 280)

Nhà Đông Hán mất ngôi thì nước Tàu phân ra làm ba nước: Bắc Ngụy 北魏, Tây Thục 西蜀, Đông Ngô 東吳. Đất Giao Châu bấy giờ thuộc về Đông Ngô.

Sĩ Nhiếp ở Giao Châu được 40 năm, tuy thiết có uy quyền ở cõi Giao Châu, nhưng vẫn theo lệ triều cống nhà Hán, và đến khi nhà Hán mất thì lại triều cống nhà Ngô.

Năm Bính Ngọ (226) là năm Hoàng Vũ 黃武 thứ 5 nhà Ngô, Sĩ Nhiếp mất, con là Sĩ Huy 士徽 tự xưng làm Thái thú. Ngô chủ là Tôn Quyền 孫權 bèn chia đất Giao Châu, từ Hợp Phố về Bắc gọi là Quảng Châu 廣州, từ Hợp Phố về Nam gọi là Giao Châu 交州, sai Lữ Đại 呂岱 làm Quảng Châu Thứ sử, Đái



Lương 戴良 làm Giao Châu Thứ sử, và sai Trần Thì 陳辰 sang thay Sĩ Nhiếp làm Thái thú quận Giao Chỉ.

Bọn Đái Lương và Trần Thì sang đến Hợp Phố thì Sĩ Huy đem quân ra chống giữ. Thứ sử Quảng Châu là Lữ Đại mới tiến quân sang đánh dẹp, và cho người đến dụ Sĩ Huy ra hàng. Sĩ Huy đem 5 anh em ra hàng, Lữ Đại sai bắt Sĩ Huy đem chém đi, còn mấy anh em thì đem về Ngô triều làm tội.

Ngô chủ lại hợp Quảng Châu và Giao Châu lại làm một, và phong cho Lữ Đại làm Thứ sử. Lữ Đại đem quân đi đánh quận Cửu Chân có công được phong làm Giao Châu mục 交州牧.

## 2. Triệu Âu<sup>(1)</sup>

Năm Mậu Thìn (248) là năm Xích Ô 赤烏 thứ 11 nhà Đông Ngô, Ngô chủ sai Lục Dận 陸胤 sang làm Thứ sử Giao Châu.

Năm ấy ở quận Cửu Chân 九真 có người đàn bà tên là Triệu Âu khởi binh đánh nhà Ngô.

Sử ta chép rằng bà Triệu là người ở huyện Nông Cống bảy giờ. Thuở nhỏ cha mẹ mất cả, ở với anh là Triệu Quốc Đạt 趙國達, đến độ 20 tuổi gặp phải người chị dâu ác nghiệt, bà ấy giết đi rồi vào ở trong núi. Bà ấy là một người có sức mạnh, lại có chí khí và lắm mưu lược. Khi vào ở trong núi chiêu mộ hơn 1.000 tráng sĩ để làm thủ hạ. Anh thấy thế mới can bà, thì bà bảo rằng: “Tôi muốn cưới cơn gió mạnh, đập đường sóng dữ, chém cá tròng kình ở bể Đông, quét sạch bờ cõi, để cứu dân ra khỏi nơi đắm đuối, chứ không thèm bắt chước người đời cúi đầu cong lưng để làm tỳ thiếp người ta”.

Năm Mậu Thìn (248) vì quan lại nhà Ngô tàn ác, dân gian khổ sở, Triệu Quốc Đạt mới khởi binh đánh quận Cửu Chân. Bà đem quân ra đánh giúp anh, quân sĩ của Triệu Quốc Đạt thấy

---

(1) Tức là Triệu Thị Trinh. Một số bản in sau 1954 có sửa lại thành Bà Triệu. Để đảm bảo tính nguyên gốc, chúng tôi giữ nguyên là Triệu Âu [BT].



bà làm tướng có can đảm, bền tôn lên làm chủ. Khi bà ra trận thì cưỡi voi và mặc áo giáp vàng xung là *Nhụy Kiều tướng quân*.

Thứ sử Giao Châu là Lục Dận đem quân đi đánh, bà chống nhau với nhà Ngô được năm sáu tháng. Nhưng vì quân ít thế cô, đánh mãi phải thua, bà đem quân chạy đến xã Bồ Điền (nay là xã Phú Điền thuộc huyện Mỹ Hóa)<sup>(1)</sup> thì tự tử. Bấy giờ mới 23 tuổi.

Về sau vua Nam Đế nhà Tiền Lý, khen là người trung dũng, sai lập miếu thờ, phong là: “*Bật chính anh liệt hùng tài trinh nhất phu nhân*”. Nay ở xã Phú Điền, tỉnh Thanh Hóa còn có đền thờ.

### 3. Nhà Ngô chia đất Giao Châu

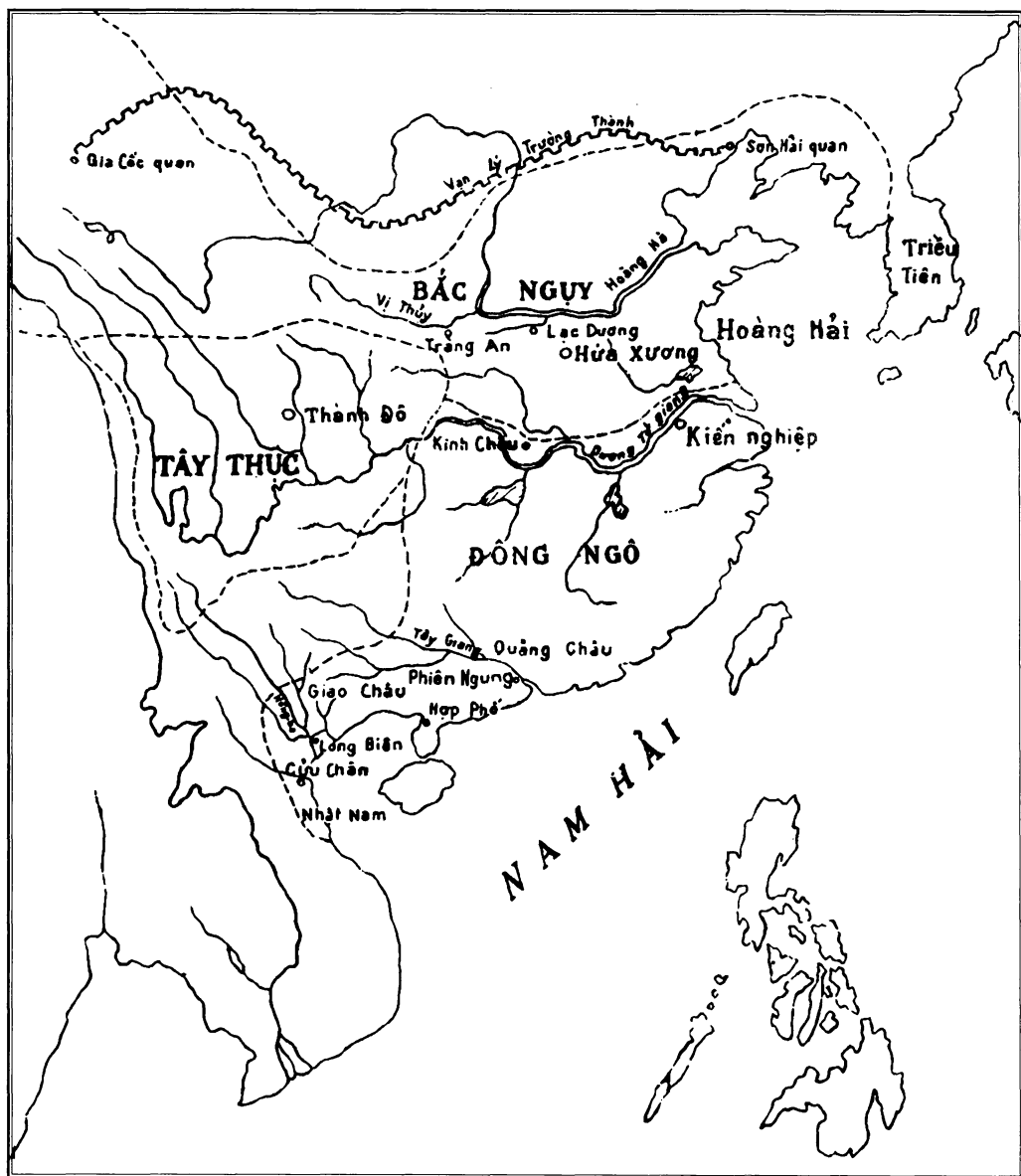
Năm Giáp Thân (264) là năm Nguyên Hưng nguyên niên, vua nhà Ngô lại lấy đất Nam Hải, Thương Ngô và Uất Lâm làm Quảng Châu 廣州, đặt châu trị ở Phiên Ngung 番禺; lấy đất Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam làm Giao Châu 交州, đặt châu trị ở Long Biên 龍編. Đất Nam Việt của nhà Triệu ngày trước thành ra Giao Châu và Quảng Châu từ đấy.

Đất Giao Châu đời bấy giờ cứ loạn lạc mãi, những quan lại nhà Ngô thì thường là người tham tàn, vợ vét của dân, bởi vậy người Giao Châu nổi lên giết quan Thái thú đi rồi về hàng nhà Ngụy.

Năm Ất Dậu (265) nhà Tấn 晉 cướp ngôi nhà Ngụy, rồi sai quan sang giữ Giao Châu. Nhà Ngô sai Đào Hoàng 陶璜 sang lấy lại. Đào Hoàng được phong là Giao Châu mục. Năm Canh Tý (280) nhà Ngô mất nước. Đào Hoàng về hàng nhà Tấn, được giữ chức cũ. Đất Giao Châu từ đó thuộc về nhà Tấn.

(1) Nơi Bà Triệu tuấn tiết nay thuộc xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa, hiện nay ở đây còn có đền thờ Bà Triệu [BT].

# NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI TAM QUỐC





### III. NHÀ TẤN (265 - 420)

#### 1. Chính trị nhà Tấn

Nhà Tấn 晉 được thiên hạ rồi, thấy nhà Ngụy 魏 vì thế cô mà mất, bèn đại phong cho họ hàng và sai ra trấn các nơi để làm vây cánh cho nhà vua. Nhưng cũng vì lẽ ấy mà các thân vương thường vì lòng tham danh lợi cứ dấy binh đánh giết lẫn nhau, làm cho anh em trong nhà, cốt nhục tương tàn, mà ngôi vua cũng thành ra suy nhược.

Thời bấy giờ ở phía Tây Bắc có những người hung địch thấy nhà Tấn có nội loạn, bèn lũ lượt nổi lên chiếm giữ dần dần lấy cả vùng phía Bắc sông Trường Giang 長江 rồi xưng đế, xưng vương, như nước Triệu 趙, nước Tần 秦, nước Yên 燕, nước Lương 涼, nước Hạ 夏, nước Hán 漢, v.v... cả thấy trước sau đến 16 nước, gọi là loạn Ngũ Hồ 五胡<sup>(1)</sup>.

Nhà Tấn làm vua được hơn 50 năm thì mất cả đất ở phía Tây Bắc. Dòng dõi nhà vua lại dựng nghiệp ở phía Đông Nam, đóng đô ở thành Kiến Nghiệp 建業 (tức là thành Nam Kinh bây giờ) gọi là nhà Đông Tấn 東晉.

Đất Giao Châu ta vẫn thuộc nhà Tấn. Những quan lại sang cai trị cũng như quan lại đời nhà Hán, nhà Ngô, thỉnh thoảng mới gặp được một vài người nhân từ tử tế, thì dân gian được yên ổn, còn thì là những người tham lam, độc ác, làm cho nhân dân phải lầm than khổ sở. Cũng lắm khi bọn quan lại có người phản nghịch đánh giết lẫn nhau, làm cho trong nước cứ phải loạn lạc luôn.

#### 2. Nước Lâm Ấp quấy nhiễu Giao Châu

Đất Giao Châu lúc bấy giờ trong thì có quan lại những nhiễu, ngoài thì có người nước Lâm Ấp 林邑 vào đánh phá.

---

(1) Ngũ Hồ là 5 rợ: Hung Nô 匈奴 và rợ Yết 羯 (chủng loại Mông Cổ), rợ Tiên Ti 鮮卑 (chủng loại Mãn Châu), rợ Chi 氏 và rợ Khương 羌 (chủng loại Tây Tạng).



Nước Lâm Ấp (sau gọi là Chiêm Thành 占城) ở từ quận Nhật Nam vào cho đến Chân Lạp, nghĩa là ở vào quãng từ tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị cho đến đất Nam Việt bây giờ. Người Lâm Ấp có lẽ là nòi giống Mã Lai, theo tông giáo và chính trị Ấn Độ. Nước ấy cũng là một nước văn minh và cường thịnh ở phía Nam lúc bấy giờ, nhưng không chắc rõ nước ấy khởi đầu thành nước từ lúc nào. Sách *Khâm Định Việt sử* 欽定越史 chép rằng: năm Nhâm Dần (102) đời vua Hòa Đế 和帝 nhà Đông Hán 東漢, ở phía Nam quận Nhật Nam có huyện Tượng Lâm 象林, người huyện ấy cứ hay sang cướp phá ở quận Nhật Nam, bởi vậy vua nhà Hán mới đặt quan cai trị ở huyện ấy, để phòng giữ sự rối loạn.

Đến cuối đời nhà Hán có người huyện Tượng Lâm tên là Khu Liên 區連 giết Huyện lệnh đi, rồi tự xưng làm vua, gọi là nước Lâm Ấp 林邑. Dòng dõi Khu Liên thất truyền, bởi vậy cháu ngoại là Phạm Hùng 范熊 lên nối nghiệp.

Trong đời Tam Quốc, người Lâm Ấp hay sang cướp phá ở quận Nhật Nam và quận Cửu Chân, bởi vậy khi nhà Tấn đã lấy được Đông Ngô rồi, ý muốn giảm bớt quân ở các châu quận, nhưng quan Thứ sử Giao Châu là Đào Hoàng 陶璜 dâng sớ về tâu rằng: “Vua nước Lâm Ấp là Phạm Hùng thông với nước Phù Nam 扶南 hay sang quấy nhiễu ở đất Nhật Nam, nếu lại giảm bớt quân ở Giao Châu đi, thì sợ quân Lâm Ấp lại sang đánh phá”.

Xem như vậy thì nước Lâm Ấp đã có từ đầu đệ nhị thế kỷ.

Phạm Hùng truyền cho con là Phạm Dật 范逸. Phạm Dật mất, thì người gia nô là Phạm Văn 范文 cướp mất ngôi. Phạm Văn truyền cho con là Phạm Phật 范佛.

Năm Quý Sửu (353) đời vua Mục Đế 穆帝 nhà Đông Tấn, Thứ sử Giao Châu là Nguyễn Phu 阮敷 đánh vua Lâm Ấp là Phạm Phật, phá được hơn 50 đồn lũy. Phạm Phật mất, truyền ngôi lại cho con cháu là Phạm Hồ Đạt 范胡達. Năm Kỷ Hợi (399) Phạm Hồ Đạt đem quân sang đánh lấy hai quận Nhật Nam và



Cửu Chân rồi lại đi đánh Giao Châu. Bấy giờ có quan Thái thú quận Giao Chỉ là Đỗ Viện 杜瑗 đánh đuổi người Lâm Ấp, lấy lại hai quận. Đỗ Viện được phong làm Giao Châu Thứ sử.

Năm Quý Sửu (413) Phạm Hồ Đạt lại đem quân sang phá ở quận Cửu Chân. Khi bấy giờ con Đỗ Viện là Đỗ Tuệ Độ 杜慧度 làm Giao Châu Thứ sử đem binh ra đuổi đánh, chém được tướng Lâm Ấp là bọn Phạm Kiện 范健 và bắt được hơn 100 người.

Người Lâm Ấp vẫn có tính hay đi cướp phá, cứ năm ba năm lại sang quấy nhiễu ở đất Nhật Nam. Đỗ Tuệ Độ định sang đánh Lâm Ấp để trừ cái hại về sau, bèn đến năm Canh Thân (420) cất binh mã sang đánh, chém giết tàn hại, rồi bắt người Lâm Ấp cứ hàng năm cống tiến: voi, vàng, bạc, đồi mồi, v.v... Từ đó mới được tạm yên.

Dòng dõi Phạm Hồ Đạt làm vua được mấy đời lại bị quan Lâm Ấp là Phạm Chư Nông 范諸農 cướp mất ngôi. Phạm Chư Nông truyền cho con là Phạm Dương Mại 范陽邁.

Khi Phạm Dương Mại làm vua nước Lâm Ấp, thì nhà Tấn đã mất rồi, nước Tàu phân ra Nam Triều và Bắc Triều. Phạm Dương Mại lại nhân dịp đó mà sang quấy nhiễu ở Giao Châu.

## IV. NAM BẮC TRIỀU (420 - 588)

### 1. Tình thế nước Tàu

Năm Canh Thân (420) Lưu Dụ 劉裕 cướp ngôi nhà Đông Tấn, lập ra nhà Tống ở phía Nam. Lúc bấy giờ ở phía Bắc thì nhà Ngụy 魏 gồm được cả nước Lương 涼, nước Yên 燕, nước Hạ 夏. Nước Tàu phân ra làm Nam triều 南朝 và Bắc triều 北朝.

Bắc triều thì có nhà Ngụy 魏, nhà Tề 齊, nhà Chu 周 nối nhau làm vua; Nam triều thì có nhà Tống 宋, nhà Tề 齊, nhà Lương 梁 và nhà Trần 陳 kế nghiệp trị vì.

Lúc bấy giờ ở đất Giao Châu phụ thuộc về Nam triều.



## 2. Việc đánh Lâm Ấp

Trong đời nhà Tống về năm Quý Dậu (433) đời vua Văn Đế 文帝, vua nước Lâm Ấp là Phạm Dương Mại 范陽邁 thấy nước Tàu loạn lạc, bèn sai sứ sang cống nhà Tống và xin lĩnh đất Giao Châu để cai trị. Nhưng vua nhà Tống không cho.

Từ đó nước Lâm Ấp lại sang cướp phá ở mạn Nhật Nam và Cửu Chân. Vua nhà Tống bèn sai quan Thứ sử là Đàn Hòa Chi 檀和之 và Tông Xác 宗慤 làm phó tướng đem binh sang đánh Lâm Ấp. Phạm Dương Mại đem quân ra chống cự.

Đàn Hòa Chi và Tông Xác tiến quân chém được tướng, phá được thành, quân Lâm Ấp vỡ tan, Phạm Dương Mại cùng với con chạy thoát được. Đàn Hòa Chi vào đất Lâm Ấp lấy được vàng bạc châu báu rất nhiều. Sử chép rằng Đàn Hòa Chi lấy được một cái tượng bằng vàng mấy người ôm không xuể, đem nấu đúc được hơn 10 vạn cân. Từ đấy người Tàu biết Lâm Ấp có nhiều của, cứ chực sang lấy. Đàn Hòa Chi cũng từ đấy mà bị gièm pha, phải cách chức đuổi về.

## 3. Sự biến loạn ở đất Giao Châu

Năm Kỷ Mùi (479) nhà Tống mất ngôi, nhà Tề kế nghiệp, trị vì được 22 năm thì nhà Lương lại cướp ngôi nhà Tề.

Trong đời Nam Bắc triều đất Giao Châu không được mấy khi yên ổn, vì quan Tàu sang cai trị có nhiều người thấy bên Tàu loạn, cũng muốn tìm cách để độc lập, bởi vậy quan lại cứ giết lẫn nhau.

Đời nhà Lương lại sai Tiêu Tư 蕭諮 sang làm Thứ sử Giao Châu. Tiêu Tư là một người tàn bạo, làm cho lòng người ai cũng oán giận. Bởi vậy ông Lý Bôn 李賁 mới có cơ hội mà nổi lên, lập ra nhà Tiền Lý 前李.



## CHƯƠNG IV

# NHÀ TIỀN LÝ

前李氏

(544 - 602)



1. Lý Nam Đế
2. Triệu Việt Vương
3. Hậu Lý Nam Đế

### 1. Lý Nam Đế (544 - 548)

Năm Tân Dậu (541) là năm Đại Đồng 大同 thứ 7 đời vua Vũ Đế nhà Lương 梁武帝, ở huyện Thái Bình<sup>(1)</sup> có một người tên là Lý Bôn 李贲, tài kiêm văn võ, thấy nước mình trong thì quan lại Tàu làm khổ, ngoài thì người Lâm Ấp cướp phá, bèn cùng với những người nghĩa dũng nổi lên, đánh đuổi Tiêu Tư 蕭諮 về Tàu, rồi chiếm giữ lấy thành Long Biên 龍編.

Lý Bôn có người gọi là Lý Bí, vốn dòng dõi người Tàu. Tổ tiên ở đời Tây Hán 西漢 phải tránh loạn chạy sang Giao Châu, đến lúc bấy giờ đã là bảy đời, thành ra người bản xứ. Khi chiếm giữ được đất Giao Châu rồi, ông sửa sang mọi việc,

---

(1) Cứ theo sách *Khâm Định Việt sử* thì huyện Thái Bình thuộc về Phong Châu ngày trước, nay ở vào địa hạt tỉnh Sơn Tây [nay thuộc Hà Nội - BT] nhưng mà không rõ là chỗ nào, chứ không phải là phủ Thái Bình ở Sơn Nam mà bây giờ là tỉnh Thái Bình.



định lập nghiệp lâu dài. Qua năm Quý Hợi (543) quân Lâm Ấp lại sang phá quận Nhật Nam, Lý Bôn sai tướng là Phạm Tu 范修 vào đánh ở Cửu Đức 九德 (Hà Tĩnh), người Lâm Ấp thua chạy về nước.

Năm Giáp Tý (544) dời nhà Lương bên Tàu, ông Lý Bôn tự xưng là Nam Việt Đế 南越帝, đặt quốc hiệu là Vạn Xuân 萬春, niên hiệu là Thiên Đức 天德, rồi phong cho Triệu Túc 趙肅 làm Thái phó, Tinh Thiều 并韶 làm tướng văn, và Phạm Tu 范修 làm tướng võ.

Năm Ất Sửu (545) vua nhà Lương sai Dương Phiêu 楊慄 sang làm Thứ sử Giao Châu, và sai Trần Bá Tiên 陳霸先 đem quân sang đánh Nam Việt. Lý Nam Đế thua phải bỏ Long Biên chạy về giữ thành Gia Ninh 嘉寧 (huyện Yên Lãng, tỉnh Phúc Yên). Trần Bá Tiên đem quân lên vây thành Gia Ninh, Lý Nam Đế chạy về giữ thành Tân Xương 新昌, tức là đất Phong Châu cũ thuộc tỉnh Vĩnh Yên bây giờ.

Quân nhà Lương lại tiến lên đuổi đánh, Lý Nam Đế thấy thế mình yếu, chống không nổi, mới rút quân lên đóng ở động Khuất Liêu 屈僚峒 (thuộc đất Hưng Hóa), để đợi thu xếp được quân sĩ lại ra đánh. Được non một năm, Lý Nam Đế đem hai vạn quân ra đánh nhau với Trần Bá Tiên ở hồ Điển Triệt 典澈, lại thua. Lý Nam Đế bèn giao binh quyền lại cho tả tướng quân Triệu Quang Phục 趙光復 chống nhau với quân nhà Lương rồi trở về Khuất Liêu.

Triệu Quang Phục là con quan Thái phó Triệu Túc 趙肅 người ở Châu Diên (Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Yên) theo cha giúp Lý Nam Đế lập được nhiều công, nay đem quân chống cự với nhà Lương được ít lâu, rồi sau thấy thế quân Tàu còn mạnh, địch không nổi, bèn rút quân về Dạ Trạch 夜澤<sup>(1)</sup>. Dạ Trạch là chỗ đồng lầy, chung quanh cỏ mọc như rừng, ở giữa có bãi cát

---

(1) Bây giờ thuộc phủ Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.



làm nhà ở được. Triệu Quang Phục vào ở đấy ngày nấp ẩn, tối thì cho lính chở thuyền độc mộc ra đánh quân của Trần Bá Tiên, cướp lấy lương thực về nuôi quân sĩ. Trần Bá Tiên đánh mãi không được. Người thời bấy giờ gọi Triệu Quang Phục là Dạ Trạch Vương 夜澤王.

## 2. Triệu Việt Vương (549 - 571)

Năm Mậu Thìn (548<sup>(1)</sup>) Lý Nam Đế ở trong Khuất Liêu phải bệnh mất, sang năm sau Triệu Quang Phục ở Dạ Trạch được tin ấy bèn xưng là Việt Vương. Bấy giờ quân của Việt Vương đã sắp hết lương, mà mãi không phá được quân Tàu. May nhờ gặp lúc ở bên Tàu có loạn Hầu Cảnh 侯景, vua nhà Lương phải triệu Trần Bá Tiên về để người tỳ tướng là Dương Sàn 楊孱 ở lại chống cự với Triệu Quang Phục. Quang Phục mới thừa thế đem quân ra đánh phá quân Tàu, rồi về lấy lại thành Long Biên.

Khi Lý Nam Đế thất thế chạy về Khuất Liêu thì người anh họ là Lý Thiên Bảo 李天寶 cùng với người họ là Lý Phật Tử 李佛子 đem quân chạy vào quận Cửu Chân, rồi bị quân nhà Lương đuổi đánh chạy sang Lào, đến đóng ở động Dã Năng 野能, xưng là Đào Lang Vương 桃郎王, quốc hiệu là Dã Năng.

Năm Ất Hợi (555) là năm thứ 7 đời Triệu Việt Vương, Lý Thiên Bảo mất, không có con, binh quyền về cả Lý Phật Tử. Đến năm Đinh Sửu (557), Lý Phật Tử đem quân về chống với Triệu Việt Vương. Đánh nhau mấy trận không được, Phật Tử mới xin chia đất giảng hòa. Triệu Việt Vương nghĩ tình họ Lý, cũng thuận chia đất cho Lý Phật Tử.

Lý Phật Tử đóng ở Ô Diên 烏鳶 (nay ở vào làng Đại Mỗ, thuộc huyện Từ Liêm, tỉnh Hà Đông<sup>(2)</sup>). Triệu Việt Vương đóng

---

(1) Sách gốc ghi nhầm là 458, ở đây, chúng tôi đã sửa lại [BT].

(2) Nay thuộc Hà Nội [BT].



ở Long Biên, lấy bãi Quân Thần 君臣洲 làm giới hạn (bãi ấy thuộc làng Thượng Cát, huyện Từ Liêm). Triệu Việt Vương lại gả con gái cho Phật Tử để tỏ tình hòa hiếu với nhau. Nhưng Phật Tử vẫn có ý muốn thôn tính, bởi vậy bề ngoài tuy là hòa hiếu, nhưng bên trong vẫn sửa soạn để đánh lấy Long Biên.

Năm Tân Mão (571), Phật Tử bất thành lĩnh đem quân đánh Triệu Việt Vương. Triệu Việt Vương thua chạy đến sông Đại Nha 大鴉 (nay ở huyện Đại An, tỉnh Nam Định), nhảy xuống sông tự tận. Người ở đấy cảm nhớ Triệu Việt Vương, mới lập đền thờ ở chỗ sông Đại Nha. Nay còn có đền thờ ở làng Độc Bộ, gần huyện Đại An.

### 3. Hậu Lý Nam Đế (571 - 602)

Lý Phật Tử lấy được thành Long Biên rồi, xưng đế hiệu, đóng đô ở Phong Châu (thuộc huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên), sai Lý Đại Quyền 李大權 giữ Long Biên và Lý Phổ Đĩnh 李普鼎 giữ Ô Diên.

Trong khi Lý Phật Tử làm vua ở Nam Việt thì vua Văn Đế nhà Tùy 隋文帝 đã gồm cả Nam Bắc, nhất thống nước Tàu. Đến năm Nhâm Tuất (602) vua nhà Tùy sai tướng là Lưu Phương 劉方 đem quân 27 doanh sang đánh Nam Việt.

Lưu Phương sai người lấy lễ họa phúc để dụ Lý Phật Tử về hàng. Hậu Lý Nam Đế sợ thế không địch nổi bèn xin về hàng.

Từ đấy đất Giao Châu lại bị nước Tàu cai trị vừa 336 năm nữa.



## CHƯƠNG V

# BẮC THUỘC LẦN THỨ BA

(603 - 939)



### I. NHÀ TÙY

1. Việc đánh Lâm Ấp

### II. NHÀ ĐƯỜNG

1. Chính trị nhà Đường
2. An Nam Đô hộ phủ
3. Mai Hắc Đế
4. Giặc bể
5. Bố Cái Đại Vương
6. Việc đánh nước Hoàn Vương
7. Nam Chiếu cướp phá Giao Châu
8. Cao Biền bình giặc Nam Chiếu
9. Công việc của Cao Biền
10. Sự trị loạn của nước Tào

### III. ĐỜI NGŨ QUÝ

1. Tình thế nước Tào
2. Họ Khúc dấy nghiệp: Khúc Thừa Dụ
3. Khúc Hạo
4. Khúc Thừa Mỹ
5. Dương Diên Nghệ và Kiều Công Tiễn
6. Ngô Quyền phá quân Nam Hán



## I. NHÀ TÙY (589 - 617)

### 1. Việc đánh Lâm Ấp

Nhà Tùy 隋 làm vua bên Tàu được 28 năm thì mất. Trong bấy nhiêu năm thì sử không chép chuyện gì lạ, chỉ nói rằng năm Ất Sửu (605), vua nhà Tùy nghe nói ở Lâm Ấp có nhiều của, bèn sai tướng là Lưu Phương đem quân đi đánh.

Vua Lâm Ấp lúc bấy giờ là Phạm Phạm Chí 梵范志 đem quân ra giữ những chỗ hiểm yếu, ở bên này sông Đồ Lê (?) để chống cự với quân Tàu. Nhưng chẳng bao lâu quân Lâm Ấp phải thua bỏ chạy. Lưu Phương thừa thế tiến quân sang sông Đuối đánh, gặp đại binh Lâm Ấp kéo đến, có nhiều voi, thế rất mạnh. Lưu Phương bèn dùng mưu: sai quân đào hố lấy cỏ phủ lên, rồi sai quân đánh nhử, giả tảng bại trận. Quân Lâm Ấp đuổi theo được một quãng, voi sa xuống hố, quân si loạn cả. Khi bấy giờ quân Tàu mới quay trở lại lấy cung nỏ bắn, voi khiếp sợ xéo cả lên quân Lâm Ấp mà chạy. Lưu Phương cũng phải bệnh về đến nửa đường thì chết.

## II. NHÀ ĐƯỜNG (618 - 907)

### 1. Chính trị nhà Đường

Năm Mậu Dần (618) nhà Tùy mất nước, nhà Đường 唐 kế nghiệp làm vua nước Tàu. Đến năm Tân Tỵ (621) vua Cao Tổ nhà Đường 唐高祖 sai Khâu Hòa 邱和 làm Đại Tổng quản 大總管 sang cai trị Giao Châu.

Từ khi nước ta thuộc về nước Tàu, chỉ có nhà Đường cai trị là nghiêm hơn cả. Nhưng sử chép lược quá: thường cách hai ba



năm mới chép một việc, chắc là những nhà làm sử nước ta sau cứ theo sử Tàu mà chép lại, cho nên mới sơ lược như vậy.

## 2. An Nam Đô hộ phủ

Năm Kỷ Mão (679) vua Cao Tông nhà Đường 唐高宗 chia đất Giao Châu ra làm 12 châu, 59 huyện, và đặt An Nam Đô hộ phủ 安南都護府<sup>(1)</sup>.

Nước ta gọi là An Nam khởi đầu từ đấy.

Mười hai châu đời nhà Đường là những châu này:

1. *Giao Châu* 交州 có 8 huyện (Hà Nội, Nam Định, v.v...)
2. *Lục Châu* 陸州 có 3 huyện (Quảng Yên, Lạng Sơn)
3. *Phúc Lộc Châu* 福祿州 có 3 huyện (Sơn Tây)
4. *Phong Châu* 峰州 có 3 huyện (Sơn Tây)
5. *Thang Châu* 湯州 có 3 huyện (?)
6. *Trường Châu* 長州 có 4 huyện (?)
7. *Chi Châu* 芝州 có 7 huyện (?)
8. *Võ Nga Châu* 武峨州 có 7 huyện (?)
9. *Võ An Châu* 武安州 có 2 huyện (?)
10. *Ái Châu* 愛州 có 6 huyện (Thanh Hóa)
11. *Hoan Châu* 驩州 có 4 huyện (Nghệ An)
12. *Diễn Châu* 演州 có 7 huyện (Nghệ An)

Ở về phía Tây Bắc đất Giao Châu lại đặt một châu nữa, gọi là Man Châu 蠻州 gồm cả những Mường ở mạn ấy, lệ cứ hằng năm phải triều cống vua nhà Đường.

---

(1) Nhà Đường lúc ấy chia nhiều tỉnh bên Tàu ra làm Đô hộ phủ như Tứ Xuyên Đô hộ phủ, An Nam Đô hộ phủ, v.v... Vậy Đô hộ là một chức quan chứ không phải là một chính thể cai trị các thuộc địa như ta hiểu bây giờ.



Ấy là đại để cách chính trị nhà Đường như vậy. Còn thường thì cũng loạn lạc luôn: khi thì người trong nước nổi lên đánh phá như Mai Hắc Đế và Bố Cái Đại Vương; khi thì những nước ở ngoài vào xâm phạm, như nước Hoàn Vương và nước Nam Chiếu.

### 3. Mai Hắc Đế (722)

Năm Nhâm Tuất (722) là năm Khai Nguyên thứ 10 về đời vua Huyền Tông 玄宗 nhà Đường, ở Hoan Châu có một người tên là Mai Thúc Loan 梅叔鸞 nổi lên chống cự với quân nhà Đường.

Mai Thúc Loan là người huyện Thiên Lộc, tức là huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh bây giờ, mặt mũi đen sì, sức vóc khỏe mạnh, thấy quan nhà Đường làm nhiều điều tàn bạo, dân gian khổ sở, lại nhân lúc bấy giờ lăm giặc giã, ông ấy bèn chiêu mộ những người nghĩa dũng, rồi chiếm giữ lấy một chỗ ở đất Hoan Châu (nay thuộc huyện Nam Đường tỉnh Nghệ An)<sup>(1)</sup> rồi xây thành đắp lũy, xưng Hoàng đế, tục gọi là Hắc Đế 黑帝.

Mai Hắc Đế lại kết hiếu với nước Lâm Ấp và nước Chân Lạp để làm ngoại viện.

Vua nhà Đường sai quan nội thị là Dương Tư Húc 楊思勗 đem quân sang cùng với quan Đô hộ là Quang Sở Khách 光楚客 đi đánh Mai Hắc Đế. Hắc Đế thế yếu chống không nổi phải thua chạy, được ít lâu thì mất.

Nay ở núi Vệ Sơn 衛山, huyện Nam Đường, tỉnh Nghệ An, còn có di tích thành cũ của vua Hắc Đế, và ở xã Hương Lãm, huyện Nam Đường còn có đền thờ.

---

(1) Nay là Nam Đàn, Nghệ An [BT].



#### 4. Giặc bể

Năm Đinh Mùi<sup>(1)</sup> (767) là năm Đại Lịch thứ 2, đời vua Đại Tông 代宗 nhà Đường, sử chép rằng có quân Côn Lôn 崑崙 và quân Đồ Bà 閼婆 là quân ở những đảo ngoài bể vào cướp phá ở đất Giao Châu, lên vây các châu thành.

Quan Kinh lược sứ là Trương Bá Nghi 張伯儀 cùng với quan Đô úy là Cao Chính Bình 高正平 đem quân đánh phá được lũ giặc ấy. Trương Bá Nghi bèn đắp La Thành 羅城 để phòng giữ phủ trị. La Thành khởi đầu từ đấy.

#### 5. Bố Cái Đại Vương (791)

Năm Tân Mùi (791) quan Đô hộ là Cao Chính Bình bắt dân đóng sưu thuế nặng quá, lòng người oán giận. Khi bấy giờ ở quận Đường Lâm 唐林 (bây giờ là làng Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, tỉnh Sơn Tây) có người tên là Phùng Hưng 馮興 nổi lên đem quân về phá phủ Đô hộ. Cao Chính Bình lo sợ thành bệnh mà chết. Phùng Hưng mới chiếm giữ phủ thành, được mấy tháng thì mất. Quân sĩ lập con Phùng Hưng là Phùng An 馮安 lên nối nghiệp. Dân ái mộ Phùng Hưng mới lập đền thờ và tôn lên là Bố Cái Đại Vương 布蓋大王, bởi vì ta gọi cha là *bố*, mẹ là *cái*, nghĩa là tôn Phùng Hưng lên làm cha mẹ.

Tháng 7 năm Tân Mùi ấy, vua nhà Đường sai Triệu Xương 趙昌 sang làm Đô hộ. Phùng An liệu thế chống không nổi xin ra hàng.

#### 6. Việc đánh nước Hoàn Vương

Nước Lâm Ấp từ khi bị tướng nhà Tùy là Lưu Phương sang đánh, rồi quốc vương là Phạm Phạm Chí dâng biểu tạ tội và

(1) Trong sách gốc, các năm Mùi đôi khi được tác giả gọi là “Vị”, do hai âm “Mùi” và “Vị” cùng được thể hiện bằng chữ 未, ở bản in lần này, chúng tôi dùng thống nhất là Mùi [BT].



xin triều cống như cũ. Đến quang năm Trinh Quán đời vua Thái Tông 太宗 nhà Đường, vua Lâm Ấp là Phạm Đầu Lê 范頭黎 mất, con là Phạm Trấn Long 范鎮龍 cũng bị người giết, dân trong nước mới lập người con của bà cô Phạm Đầu Lê, tên là Chư Cát Địa 諸葛地 lên làm vua.

Chư Cát Địa đổi quốc hiệu là Hoàn Vương Quốc 環王國. Từ đó về sau thường thường người nước Hoàn Vương lại sang quấy nhiễu ở Giao Châu, và chiếm giữ lấy Châu Hoan và Châu Ái.

Năm Mậu Tý (808) đời vua Hiến Tông 憲宗, quan Đô hộ là Trương Chu 張舟 đem binh thuyền đi đánh giết hại quân Hoàn Vương rất nhiều. Vua nước ấy bèn lui về ở phía Nam (ở vào Quảng tỉnh Quảng Nam, Quảng Nghĩa bây giờ) và đổi quốc hiệu là Chiêm Thành 占城.

## 7. Nam Chiếu cướp phá Giao Châu

Về cuối đời nhà Đường, quan lại Tàu lắm người chỉ vì tư lợi, ức hiếp nhân dân như Đô hộ Lý Trác 李琢 cứ vào những chợ ở chỗ Mường Mán mua trâu mua ngựa, mỗi con chỉ trả có một đấu muối, rồi lại giết tù trưởng 酋長 Mán là Đỗ Tồn Thành 杜存成. Vì thế cho nên người Mường Mán tức giận bèn dụ người Nam Chiếu sang cướp phá, làm cho dân Giao Châu khổ sở trong 10 năm trời.

Ở phía Tây Bắc đất Giao Châu, tức là ở phía Tây tỉnh Vân Nam bây giờ có một xứ người nòi Thái ở. Người xứ ấy gọi vua là *chiếu* 詔. Trước có 6 chiếu là Mông Huê 蒙嶠, Việt Thác 越柝, Lãng Khung 浪穹, Đằng Đạm 濛淡, Thi Lãng 施浪, Mông Xá 蒙舍. Chiếu Mông Xá ở về phía Nam cho nên gọi là Nam Chiếu 南詔.

Trong khoảng năm Khai Nguyên (713 - 742) đời vua Huyền Tông nhà Đường, Nam Chiếu là Bì La Cáp 皮邏閣 cường thịnh lên, mà 5 chiếu kia suy hèn đi. Bì La Cáp mới dứt lót cho quan



Tiết độ sứ đạo Kiếm Nam 劍南節度使 là Vương Dục 王昱 để xin hợp cả 6 chiếu lại làm một. Triều đình nhà Đường thuận cho, và đặt tên là Quy Nghĩa 歸義. Từ đó Nam Chiếu càng ngày càng thịnh lên, đem quân đi đánh Thổ Phồn 吐蕃 (Tây Tạng) rồi dời đô lên đóng ở thành Thái Hòa 太和 (thành Đại Lý 大理 bây giờ).

Năm Bính Dần (846) quân Nam Chiếu sang cướp ở Giao Châu, quan Kinh lược sứ là Bùi Nguyên Dụ 裴元裕 đem quân đánh đuổi đi.

Năm Mậu Dần (858), nhà Đường sai Vương Thúc 王式 sang làm Kinh lược sứ. Vương Thúc là người có tài lược, trị dân có phép tắc, cho nên những giặc giã đều dẹp yên được cả, mà quân Mường và quân Nam Chiếu cũng không dám sang quấy nhiễu.

Năm Canh Thìn (860), nhà Đường gọi Vương Thúc về làm Quan sát sứ 觀察使 ở Tích Đông 浙東 và sai Lý Hộ 李鄠 sang làm Đô hộ.

Bấy giờ Nam Chiếu đã mạnh lắm, bèn xưng là Đế và đặt quốc hiệu là Đại Mông 大蒙 rồi lại đổi là Đại Lễ 大禮<sup>(1)</sup>. Lý Hộ giết người tù trưởng là Đỗ Thủ Trùng 杜守澄, người Mường lại đi dụ quân Nam Chiếu sang đánh lấy mất phủ thành. Lý Hộ phải bỏ chạy về Tàu. Vương Khoan 王寬 đem binh sang cứu, quân Nam Chiếu bỏ thành rút về.

Năm Nhâm Ngọ (862), quân Nam Chiếu đánh Giao Châu, nhà Đường sai Thái Tập 蔡襲 đem ba vạn quân sang chống giữ. Quân Nam Chiếu thấy quân nhà Đường nhiều lại rút về. Bấy giờ có quan Tiết độ sứ Lĩnh Nam là Thái Kinh 蔡京 sợ Thái Tập lập được công to bèn mật tâu với vua nhà Đường rằng ở Giao

(1) Đến đời Ngũ Quý vào quãng nhà Hậu Tấn có người tên là Đoàn Tư Bình 段思平 lên làm vua đổi quốc hiệu là Đại Lý 大理 truyền đến đời Hồng Võ (1368 - 1392) nhà Minh mới mất. Nhà Minh đặt là Đại Lý phủ, thuộc về tỉnh Vân Nam.



Châu đã yên, thì nên rút quân về. Thái Tập xin để lại 5.000 quân cũng không được.

Tháng giêng năm Quý Mùi (863), Nam Chiếu đem 50.000 quân sang đánh phủ thành. Thái Tập cầu cứu không kịp, thế bức quá phải tự tử. Trận ấy có tướng nhà Đường là Nguyên Duy Đức 元維德 đem hơn 400 quân Kinh Nam 荆南 chạy ra đến bờ sông, thuyền bè không có, Nguyên Duy Đức bảo chúng rằng chạy xuống nước cũng chết, bất nhược trở lại đánh nhau với giặc, một người đổi lấy hai người thì chẳng lợi hơn hay sao. Nói đoạn quay trở lại giết được hơn 2.000 người, nhưng đêm đến tướng Nam Chiếu là Dương Tư Tấn 楊思縉 đem binh đến đánh, bọn Nguyên Duy Đức chết cả.

Quân Nam Chiếu vào thành giết hại nhiều người. Sử chép rằng Nam Chiếu hai lần sang đánh phủ thành, giết người Giao Châu hơn 15 vạn.

Vua Nam Chiếu là Mông Thế Long 蒙世隆 cho Dương Tư Tấn 楊思縉 quản lĩnh 20.000 quân và cho Đoàn Tù Thiên 段酋遷 làm Tiết độ sứ ở lại giữ Giao Châu.

Vua nhà Đường hạ chỉ đem An Nam Đô hộ phủ về đóng ở Hải Môn 海門 (?), rồi lấy quân các đạo về ở Lĩnh Nam 嶺南 và đóng thuyền lớn để tải lương thực, đợi ngày tiến binh.

Mùa thu năm Giáp Thân (864) vua nhà Đường sai tướng là Cao Biền 高駢 sang đánh quân Nam Chiếu ở Giao Châu.

## 8. Cao Biền bình giặc Nam Chiếu

Cao Biền là người tướng giỏi nhà Đường, vốn dòng võ tướng môn, tính ham văn học, quân sĩ đều có lòng mến phục.

Năm Ất Dậu (865), Cao Biền cùng với quan Giám quân là Lý Duy Chu 李維周 đưa quân sang đóng ở Hải Môn. Nhưng Lý Duy Chu không ưa Cao Biền, muốn tìm mưu làm hại. Hai người bàn định tiến binh. Cao Biền dẫn 5.000 quân đi trước, Lý Duy Chu không phát binh tiếp ứng.



Tháng chín năm ấy quân rợ đang gặt lúa ở Phong Châu (huyện Bạch Hạc, tỉnh Vĩnh Yên), Cao Biền đến đánh cất lên một trận, giết được nhiều người, rồi lấy thóc gạo nuôi quân lính.

Đến tháng 4 năm sau (866), Nam Chiếu cho bọn Dương Tập 楊緝, Phạm Nê Ta 范坭些, Triệu Nặc Mi 趙諾眉 sang giúp Đoàn Tù Thiên<sup>(1)</sup> để giữ Giao Châu. Khi bấy giờ có tướng nhà Đường là Vi Trọng Tế 韋仲宰 đem 7.000 quân mới sang, Cao Biền nhân dịp mới phát binh đánh được mấy trận, cho người đưa tin thắng trận về kinh, nhưng mà đi đến Hải Môn, Lý Duy Chu giữ lại, không cho triều đình biết.

Trong triều mãi không thấy tin tức gì, cho ra hỏi, thì Lý Duy Chu tâu dối rằng Cao Biền đóng quân ở Phong Châu không chịu đánh giặc. Vua nghe tin ấy, nổi giận sai Vương Ân Quyền 王晏權 ra thay, và đòi Cao Biền về hỏi tội. Ngay tháng ấy Cao Biền phá quân Nam Chiếu và vây La Thành đã được hơn 10 ngày rồi, chỉ nay mai thì lấy được, bỗng chốc được tin Vương Ân Quyền và Lý Duy Chu sang thay. Cao Biền liền giao binh quyền cho Vi Trọng Tế, rồi cùng với mấy người thủ hạ về Bắc. Nhưng trước Cao Biền đã sai người đi lén về kinh dâng biểu tâu rõ tình trạng. Vua nhà Đường biết rõ sự tình, mừng lắm, lại cho Cao Biền thăng trật và sai trở sang cầm quân đánh Nam Chiếu.

Bọn Vương Ân Quyền và Lý Duy Chu lười biếng không vây đánh gì cả, đến khi Cao Biền trở sang mới đốc quân binh đánh thành, giết được Đoàn Tù Thiên và người thổ làm hướng đạo là Chu Cổ Đạo 朱古道. Còn những động mán thổ ở các nơi xin về hàng rất nhiều.

Đất Giao Châu bị Nam Chiếu phá hại vừa 10 năm, đến bấy giờ Cao Biền lại lấy lại, đem về nội thuộc nhà Đường như cũ.

---

(1) Sách gốc nhầm là Đoàn Tú Thiên, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



## 9. Công việc của Cao Biên

Vua nhà Đường đổi An Nam làm Tĩnh Hải 靜海, phong cho Cao Biên làm Tiết độ sứ. Cao Biên chỉnh đốn mọi công việc, lập đồn ải ở mạn biên thùý để phòng giữ giặc giã, làm sổ sớ thuế để chi dụng việc công<sup>(1)</sup>. Cao Biên trị dân có phép tắc cho nên ai cũng kính phục, bởi vậy mới gọi tôn lên là Cao Vương 高王. Cao Biên đắp lại thành Đại La 大羅 ở bờ sông Tô Lịch 蘇瀝江. Thành ấy bốn mặt dài hơn 1.982 trượng linh 5 thước, cao 2 trượng linh 6 thước, đắp một đường đê bao bọc ở ngoài dài hơn 2.125 trượng linh 8 thước, cao 1 trượng rưỡi, dày 2 trượng. Trong thành cho dân sự làm nhà hơn 40 vạn nóc (?).

Sử chép rằng Cao Biên dùng phép phù thủy khiến Thiên Lôí phá những thác ghềnh ở các sông để cho thuyền bè đi được. Thiên Lôí ấy có lẽ là Cao Biên dùng thuốc súng chăng?

Tục lại truyền rằng Cao Biên thấy bên Giao Châu ta lắm đất đế vương, thường cứ cõi diều giấy đi yểm đất, phá những chỗ sơn thủy đẹp và hại mất nhiều long mạch. Những chuyện ấy là chuyện ngoa ngôn, không có lẽ gì mà tin được.

Năm Ất Mùi (875) vua Đường sai Cao Biên sang làm Tiết độ sứ ở Tây Xuyên (Tứ Xuyên). Biên dâng người cháu họ là Cao Tâm 高潯 làm Tiết độ sứ ở Giao Châu.

Nhà Đường tuy lấy lại được đất Giao Châu nhưng bên Tàu lại sắp loạn, giặc cướp dần dần nổi lên, ngôi nhà vua cũng dần dần sắp đổ, nước Tàu lại chia rẽ làm mấy nước, cho nên ở xứ Giao Châu cũng có sự biến cải.

---

(1) Có người bảo rằng người Việt Nam ta phải đóng sớ thuế khởi đầu từ Cao Biên.



## 10. Sự trị loạn của nước Tàu

Xét chuyện nước Tàu từ đời nhà Hán 漢 cho đến đời bấy giờ, cứ mỗi nhà lên cầm quyền chính trị được vài ba trăm năm, rồi trong nước lại biến loạn, Nam Bắc phân tranh độ chừng năm bảy mươi năm, khi ấy có một nhà đứng lên dẹp loạn yên nước, lập nên cơ nghiệp một nhà khác.

Phàm sự trị loạn thay đổi trong một xã hội là thường lý, nhưng chỉ lạ có một điều mấy lần bên Tàu loạn cũng tương tự như nhau cả. Xem như khi nhà Hán suy, thì nước Tàu phải cái loạn Tam Quốc; hết Tam Quốc thì có nhà Tấn nhất thống. Đến khi nhà Tấn suy, thì có Nam Bắc triều; hết Nam Bắc triều thì có nhà Đường nhất thống. Nay nhà Đường suy lại phải cái loạn đời Ngũ Quý. Cái cơ hội trị loạn bên Tàu giống nhau như thế là cũng có lẽ tại cái phong tục và cái xã hội của Tàu. Sự giáo dục không thay đổi, nhân quần trong nước không tiến bộ, cách tư tưởng không khai hóa, cho nên nước tuy lâu đời, mà trình độ xã hội vẫn đứng nguyên một chỗ. Khi có biến loạn là chỉ có mấy người có quyền thế tranh cạnh với nhau, chứ dân trong nước thì hể thấy bên nào mạnh là làm tôi bên ấy. Nhà Hán làm vua là dân nhà Hán, nhà Đường làm vua là dân nhà Đường, việc gì cũng đổ cho thiên mệnh, làm dân chỉ biết thuận thụ một bề mà thôi.

Xứ Giao Châu mình tự đời nhà Hán cho đến đời Ngũ Quý vẫn là đất nội thuộc của Tàu, cho nên sự trị loạn bên Tàu cũng ảnh hưởng đến nước mình. Nhờ khi bên Tàu loạn lạc, người Tàu phải bận việc nước, thì bên Giao Châu cũng rục rịch tự lập được ba năm. Nhưng chỉ vì nước thì nhỏ, người thì ít, mà người trong nước lại không biết đồng tâm với nhau, không hiểu các lẽ hợp quần đoàn thể là thế nào, cho nên không thành công được.





### III. ĐỜI NGŨ QUÝ (907 - 959)

#### 1. Tình thế nước Tàu

Năm Đinh Mão (907) nhà Đường mất ngôi, nhà Hậu Lương 後梁, Hậu Đường 後唐, Hậu Tấn 後晉, Hậu Hán 後漢, Hậu Chu 後周, tranh nhau làm vua. Mỗi nhà được mấy năm, gồm tất cả là 52 năm, gọi là đời Ngũ Quý 五季 hay là Ngũ Đại 五代.

#### 2. Họ Khúc dấy nghiệp: Khúc Thừa Dụ (906 - 907)

Trước khi nhà Đường sắp mất ngôi độ mấy năm, thì bên Tàu loạn, giặc cướp nổi lên khắp cả mọi nơi. Uy quyền nhà vua không ra đến ngoài, thế lực ai mạnh thì người ấy xưng đế, xưng vương. Ở Giao Châu, lúc bấy giờ có một người họ là Khúc tên là Thừa Dụ 曲承裕, quê ở Hồng Châu (thuộc địa hạt Bình Giang và Ninh Giang ở Hải Dương). Khúc Thừa Dụ vốn là một người hào phú trong xứ, mà tính lại khoan hòa, hay thương người, cho nên có nhiều người kính phục. Năm Bính Dần (906) đời vua Chiêu Tuyên nhà Đường 唐昭宣, nhân khi trong châu có loạn, chúng cử ông ấy lên làm Tiết độ sứ 節度使 để cai trị Giao Châu. Nhà Đường bấy giờ suy nhược, thế không ngăn cấm được, cũng thuận cho ông ấy làm Tĩnh Hải Tiết độ sứ và gia phong Đồng Bình chương sự 同平章事.

Năm sau nhà Đường mất ngôi, nhà Hậu Lương 後梁 phong cho Lưu Ẩn 劉隱 làm Nam Bình Vương 南平王, kiêm chức Tiết độ sứ Quảng Châu và Tĩnh Hải, có ý để lấy lại Giao Châu.

Khúc Thừa Dụ làm Tiết độ sứ được non một năm thì mất, giao quyền lại cho con là Khúc Hạo 曲顥.



### 3. Khúc Hạo (907 - 917)

Khúc Hạo lên thay cha làm Tiết độ sứ, lập ra lộ, phủ, châu, xã ở các nơi, đặt quan lại, sửa sang việc thuế má, việc sưu dịch và lại cho con là Khúc Thừa Mỹ 曲承美 sang sứ bên Quảng Châu, tiếng là kết hiếu với nhau, nhưng cốt để do thám mọi việc hư thực.

Lưu Ẩn ở Quảng Châu đóng phủ trị ở Phiên Ngung được 4 năm thì mất. Em là Lưu Cung 劉龔 (trước gọi Lưu Nham 劉巖) lên thay. Được ít lâu, nhân có việc bất bình với nhà Hậu Lương, Lưu Cung tự xưng đế, quốc hiệu là Đại Việt 大越. Đến năm Đinh Sửu (917<sup>(1)</sup>) cải quốc hiệu là Nam Hán 南漢.

### 4. Khúc Thừa Mỹ (917 - 923)

Năm Đinh Sửu (917) Khúc Hạo mất, truyền nghiệp lại cho con là Khúc Thừa Mỹ. Khúc Thừa Mỹ nhận chức Tiết độ sứ của nhà Lương, chứ không thần phục nhà Nam Hán. Vua nước Nam Hán lấy sự ấy làm hiềm, đến năm Quý Mùi (923) sai tướng là Lý Khắc Chính 李克正 đem quân sang đánh bắt được Khúc Thừa Mỹ, rồi sai Lý Tiến 李進 sang làm Thứ sử cùng với Lý Khắc Chính giữ Giao Châu.

### 5. Dương Diên Nghệ<sup>(2)</sup> và Kiều Công Tiễn<sup>(3)</sup> (931 - 938)

Năm Tân Mão (931) Dương Diên Nghệ 楊延藝 là tướng của Khúc Hạo ngày trước mới nổi lên, mộ quân đánh đuổi bọn Lý Khắc Chính và Lý Tiến đi, rồi tự xưng làm Tiết độ sứ. Được 6 năm, Dương Diên Nghệ bị người nha tướng là Kiều Công Tiễn 矯公羨 giết đi mà cướp lấy quyền.

(1) Sách gốc chép là năm 947, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

(2) Nhiều tài liệu chép là Dương Đình Nghệ [BT].

(3) Nhiều tài liệu chép là Kiều Công Tiễn [BT].



## 6. Ngô Quyền phá quân Nam Hán

Khi ấy có người tướng của Dương Diên Nghệ là Ngô Quyền 吳權 cử binh đánh Kiều Công Tiện để báo thù cho chúa. Ngô Quyền là người làng Đường Lâm 唐林, cùng một làng với Phùng Hưng ngày trước (huyện Phú Thọ, tỉnh Sơn Tây)<sup>(1)</sup> làm quan với Dương Diên Nghệ. Dương Diên Nghệ thấy người có tài trí mới gả con gái cho, và phong cho vào giữ Ái Châu (Thanh Hóa). Khi được tin Kiều Công Tiện đã giết mất Dương Diên Nghệ, Ngô Quyền liền đem quân ra đánh.

Kiều Công Tiện cho sang cầu cứu ở bên Nam Hán, Hán chủ nhân dịp cho Thái tử là Hoàng Tháo 弘操 đưa quân đi trước, mình tự dẫn quân đi tiếp ứng.

Khi quân Hoàng Tháo vào gần đến sông Bạch Đằng 白藤江, thì bên này Ngô Quyền đã giết được Kiều Công Tiện (938), rồi một mặt truyền lệnh cho quân sĩ phải hết sức phòng bị, một mặt thì sai người lấy gỗ cặp sắt nhọn, cắm ngầm ở dưới lòng sông Bạch Đằng, xong rồi chờ đến lúc nước thủy triều lên, cho quân ra khiêu chiến; quân Nam Hán đuổi theo, đến lúc nước xuống, Ngô Quyền hời quân đánh ập lại, quân Nam Hán thua chạy, bao nhiêu thuyền mắc vào cọc gỗ thủng nát mất cả, người chết quá nửa. Hoàng Tháo bị Ngô Quyền bắt được, đem về giết đi.

Hán chủ được tin ấy, khóc òa lên, rồi đem quân về Phiên Ngung, không dám sang quấy nhiễu nữa.

Ngô Quyền trong thì giết được nghịch thần, báo thù cho chủ, ngoài thì phá được cường địch, bảo toàn được nước, thật là một người trung nghĩa lưu danh thiên cổ, mà cũng nhờ có tay Ngô Quyền, nước Nam ta mới cởi được cái ách Bắc thuộc hơn một nghìn năm, và mở đường cho Đinh, Lê, Lý, Trần, về sau này được tự chủ ở cõi Nam vậy.

---

(1) Hiện nay, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng quê hương của Ngô Quyền nằm ở vùng Thanh Hóa - Nghệ An [BT].

# NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI NGŨ QUÝ





## CHƯƠNG VI

# KẾT QUẢ CỦA THỜI BẮC THUỘC



1. *Người nước Nam nhiễm văn minh của Tàu*
2. *Nho giáo*
3. *Đạo giáo*
4. *Phật giáo*
5. *Sự tiến hóa của người nước Nam*

### **1. Người nước Nam nhiễm văn minh của Tàu**

Từ khi vua Vũ Đế nhà Hán sai Lộ Bác Đức 路博德 sang đánh lấy Nam Việt cho đến đời Ngũ Quý, ông Ngô Quyền 吳權 đánh đuổi người Tàu về Bắc, tính vừa 1.050 năm.

Xứ Giao Châu ta bị người Tàu sang cai trị bấy lâu năm thì chắc là sự sinh hoạt của người bản xứ cũng bị thay đổi một cách khác hẳn với trước. Khi đất Giao Châu còn gọi là Văn Lang hay là Âu Lạc thì người bản xứ ăn ở thế nào, phong tục làm sao, nay cũng không có di tích gì mà kê cứu ra cho rõ được. Có lẽ cũng tự hồ như Mường hay là Mán ở mạn thượng du đất Bắc Việt bây giờ. Giả sử có đem vua Hùng Vương họ Hồng Bàng và vua An Dương Vương họ Thục mà sánh với mấy người quan lang ở mạn thượng du thì dễ thường cũng không xa sự thực là mấy. Nhưng đây là một điều nói phỏng mà thôi, chứ lấy gì làm đích xác?

Vả lại, khi người một xã hội đã văn minh như người Tàu mà đi mở đất chưa khai như đất Giao Châu lúc bấy giờ, thì e



rằng người Tàu chiếm giữ lấy chỗ bình địa rồi tụ họp với nhau mà làm ăn, còn những người bản xứ thì hoặc là lẫn với kẻ khỏe hơn mình, hoặc giết hại đi, hoặc vào ở trong rừng trong núi rồi chết mòn chết mỏi đi. Kể như thế thì người mình bây giờ cũng không xa người Tàu là bao nhiêu.

Dẫu thế nào mặc lòng, hết đời Bắc thuộc rồi thì người Giao Châu ta có một cái nghị lực riêng và cái tính chất riêng để độc lập, chứ không chịu lẫn với nước Tàu. Duy chỉ có sự sùng tín, sự học vấn, cách cai trị thì bao giờ mình cũng chịu cái ảnh hưởng của Tàu.

Nguyên nước Tàu từ đời Tam Đại 三代 đã văn minh lắm, mà nhất là về đời nhà Chu 周 thì cái học thuật lại càng rực rỡ lắm. Những học phái lớn như là Nho giáo 儒教 và Lão giáo 老教, đều khởi đầu từ đời ấy. Về sau đến đời nhà Hán 漢, nhà Đường 唐, những học phái ấy thịnh lên, lại có Phật giáo 佛教 ở Ấn Độ truyền sang, rồi cả ba đạo cùng truyền bá đi khắp cả mọi nơi trong nước. Từ đó trở về sau nước Tàu và những nước chịu ảnh hưởng của Tàu đều theo tông chỉ của những đạo ấy mà lập ra sự sùng tín, luân lý và phong tục tương tự như nhau cả. Vậy ta xét qua xem những học phái ấy gốc tích từ đâu, và cái tông chỉ của những học phái ấy ra thế nào.

## 2. Nho giáo

Nho giáo sinh ra từ đức Khổng Tử 孔子. Ngài húy là Khâu 邱, tên chữ là Trọng Ni 仲尼, sinh ở nước Lỗ 魯 (thuộc tỉnh Sơn Đông) vào năm 551 tr. Tây lịch, về đời vua Linh Vương nhà Chu 周靈王.

Ngài sinh ra vào đời Xuân Thu 春秋, có Ngũ bá tranh cường, dân tình khổ sở, phong tục bại hoại. Ngài muốn lấy đạo luân thường mà dạy người ta cách ăn ở với nhau trong đời. Ngài đi du lịch trong mấy nước chư hầu, hết nước nọ qua nước kia, môn đệ theo ngài cũng nhiều. Đến lúc già, ngài trở về nước

Lỗ, soạn *Kinh Thi* 詩, *Kinh Thư* 書, *Kinh Dịch* 易, định *Kinh Lễ* 禮, *Kinh Nhạc* 樂 và làm ra kinh *Xuân Thu* 春秋, rồi đến năm 478 tr. Tây lịch về đời vua Kính Vương nhà Chu 周敬王 thì ngài mất, thọ được 72 tuổi.

Ngài chỉ cốt lấy những điều hợp với bản tính của loài người mà dạy người, chứ không dạy những điều u ẩn huyền diệu khác với đạo thường. Ngài nói rằng: “*Đạo bất viễn nhân, nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo*” 道不遠人, 人之爲道而遠人, 不可以爲道. Nghĩa là: đạo không xa cái bản tính người ta, hễ vì đạo mà xa cái bản tính ấy thì đạo ấy không phải là đạo. Bởi vậy cái tông chỉ của ngài là chủ lấy *hiếu, đễ, trung, thứ* làm gốc, và lấy sự *sửa mình* làm cốt mà dạy người. Ngài chỉ dạy người về sự thực tế hiện tại, chứ những điều viễn vông ngoài những sự sinh hoạt ở trần thế ra thì ngài không bàn đến. Nói đến sự sống chết thì ngài bảo rằng: “*Vị tri sinh, yên tri tử*” 未知生, 焉知死 - chưa biết được việc sống, sao đã biết được việc chết. Nói đến việc quỷ thần thì ngài bảo rằng: “*Quỷ thần kính nhi viễn chi*” 鬼神敬而遠之 - quỷ thần thì nên kính, mà không nên nói đến.

Tổng chi, đạo ngài có nhiều lý tưởng cao siêu (xem sách *Nho giáo*<sup>(1)</sup>) nhưng về đường thực tế thì chú trọng ở luân thường đạo lý. Cái đạo luân lý của ngài có thể truyền cho muôn đời về sau không bao giờ vượt qua được. Đối với mọi người thì ngài dạy: “*Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân*” 己所不欲, 勿施於人 - điều gì mà mình không muốn người ta làm cho mình, thì mình đừng làm cho ai. Đối với việc bổn phận của mình thì ngài dạy: “*Quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo, hành nhi thế vi thiên hạ pháp, ngôn nhi thế vi thiên hạ tắc, viễn chi tắc vọng, cận chi tắc bất yém*” 君子動而世爲天下道, 行而世爲天下法, 言而世爲天下則, 遠

(1) *Nho giáo* - công trình nghiên cứu của Lê Thành Trần Trọng Kim, xuất bản từ đầu những năm 30 của thế kỷ XX, đến nay, bộ sách vẫn được nhiều nhà xuất bản tái bản [BT].



之 則 望, 近 之 則 不 厭 - người quân tử cử động việc gì là để làm đạo cho thiên hạ, làm lụng việc gì là để làm phép cho thiên hạ, nói năng điều gì là để làm mực cho thiên hạ; người ở xa thì muốn lại gần, người ở gần thì không bao giờ chán<sup>(1)</sup>.

Đạo của Khổng Tử truyền cho thầy Tăng Sâm 曾參; Tăng Sâm truyền cho Khổng Cấp 孔伋; Khổng Cấp truyền cho thầy Mạnh Kha 孟軻 tức là thầy Mạnh Tử 孟子.

Thầy Mạnh Tử là một nhà đại hiền triết nước Tàu, làm sách *Mạnh Tử*, bàn sự trọng *nhân nghĩa*, khinh *công lợi*, và cho tính người ta vốn lành, ai cũng có thể nên được Nghiêu Thuấn cả.

Đến đời nhà Tần 秦, vua Thi Hoàng 始皇 giết những người Nho học, đốt cả sách vở, đạo Nho phải một lúc gian nan. Đến đời vua Cao Tổ nhà Hán 漢高祖 lại tôn kính đạo Nho, sai làm lễ thái lao tế đức Khổng Tử. Đến đời vua Vũ Đế nhà Hán 漢武帝 lại đặt quan bác sĩ để dạy năm kinh. Từ đấy trở đi, đạo Nho mỗi ngày một thịnh, dẫu trong nước có đạo Lão, đạo Phật mặc lòng, bao giờ đạo Nho vẫn trọng hơn.

### 3. Đạo giáo

Đạo giáo là bởi đạo của ông Lão Tử 老子 mà thành ra. Lão Tử là người nước Sở 楚 (thuộc tỉnh Hồ Bắc) họ là Lý 李, tên là Đàm 聃, sinh vào năm 604 tr. Tây lịch về đời vua Định Vương nhà Chu 周定王, sống được 81 tuổi, đến năm 523 tr. Tây lịch, vào đời vua Cảnh Vương nhà Chu 周景王 thì mất.

Tông chỉ của Lão Tử là trước khi có trời đất, thì chỉ có Đạo 道. Đạo là bản thể của vũ trụ, là cái gốc nguyên thủy của các sự

---

(1) Sánh với lời của Khang Đức tiên sinh là một nhà đại triết học ở phương Âu: "Agis de telle que la maxime de ton vouloir puisse être acceptée comme règle universelle" - ăn ở thế nào cho bao nhiêu những việc mình làm có thể làm cái công lệ cho thiên hạ.



tạo hóa. Vạn vật đều bởi Đạo mà sinh ra. Vậy sửa mình và trị nước nên phải theo Đạo, nghĩa là người ta nên *điềm tĩnh, vô vi*, cứ tự nhiên, chứ không nên dùng trí lực mà làm gì cả.

Lão Tử soạn ra sách *Đạo Đức kinh* 道德經, rồi sau có Văn Tử 文子, Thi Tử 尸子, Trang Tử 莊子, và Liệt Tử 列子 noi theo mà truyền bá cái tông chỉ ấy.

Đạo của Lão Tử lúc đầu là một môn triết học rất cao siêu, nhưng về sau cái học thuyết biến đổi đi, rồi những người giảng thuật thần tiên cũng phụ theo đạo ấy mà nói những chuyện số kiếp và những sự tu luyện để được phép trường sinh bất tử v.v... Bởi vậy đạo Lão mới thành ra Đạo giáo là một đạo thần tiên, phù thủy, và những người theo Đạo giáo gọi là *đạo sĩ* 道士.

Nguyên từ đời vua Thỉ Hoàng nhà Tần và vua Vũ Đế nhà Hán, người Tàu đã tin sự thần tiên, sau đến cuối đời nhà Đông Hán có Trương Đạo Lăng 張道陵 soạn ra 24 thiên *Đạo kinh* 道經 giảng cái thuật trường sinh. Bọn giặc Hoàng cân Trương Giác 張角 chính là học trò Trương Đạo Lăng. Đến đời nhà Đông Tấn lại có Cát Hồng 葛洪 nói rằng được tiên thuật, rồi làm sách dạy những thuật ấy. Từ đấy về sau Đạo giáo thịnh dần lên, tôn Lão Tử làm Thái thượng Lão quân 太上老君.

Đời vua Cao Tổ nhà Đường có người nói rằng thấy Lão Tử hiện ra ở núi Dương Giác Sơn 羊角山 xưng là tổ nhà Đường<sup>(1)</sup>! Vua Cao Tổ đến tế ở miếu Lão Tử và tôn lên là Thái thượng Huyền nguyên Hoàng đế 太上玄元皇帝. Bởi vậy nhà Đường trọng đạo Lão Tử lắm, bắt con cháu phải học *Đạo Đức kinh*.

Tuy đạo Lão về sau thịnh hành ở nước Tàu, nhưng cũng không bằng đạo Phật. Đạo Phật là một đạo ở Ấn Độ đem vào nước Tàu, và lại là một tông giáo rất lớn ở thế gian này.

(1) Lão Tử và vua nhà Đường cùng họ Lý 李.

#### 4. Phật giáo

Ty tổ đạo Phật là đức Thích Ca Mâu Ni 釋迦牟尼. Không biết rõ ngài sinh vào đời nào. Cứ ý kiến của đạo phái ở về phía Bắc đất Ấn Độ thì cho là ngài sinh về năm 1028 tr. Tây lịch kỷ nguyên, vào đời vua Chiêu Vương nhà Chu 周昭王. Còn đạo phái ở phía Nam thì cho vào năm 624 tr. Tây lịch. Những nhà bác học thời bây giờ cho ngài sinh vào năm 558 hay là 520 tr. Tây lịch, cùng với Khổng Tử một thời.

Đức Thích Ca là con một nhà quý tộc ở đất Ấn Độ. Ngài đã lấy vợ, có con, nhưng vì thấy người ta ở trần thế này không ai khỏi được những sự khổ não như là *sinh, lão, bệnh, tử*, cho nên ngài bỏ cả vợ con mà đi tu, để cầu phép giải thoát. Vậy đạo Phật cốt có hai chủ ý: một là đời là cuộc *khổ não*; hai là sự *thoát khỏi khổ não*.

Người ta gặp phải những sự khổ não như thế là tại mình cứ mắc trong vòng *luân hồi* 輪迴 mãi. Vậy muốn cho khỏi sự khổ não thì phải ra ngoài *luân hồi* mới được; mà ra ngoài *luân hồi* thì phải cắt cho đứt những cái *nhân duyên* nó trói buộc mình ở trần gian này. Ra được ngoài *luân hồi* thì lên đến cõi nát bàn (nirvana) tức là thành Phật, bất sinh bất tuyệt (xem sách *Phật giáo* và sách *Phật lục* của tác giả)<sup>(1)</sup>.

Nguyên đạo Phật 佛 là do ở đạo Bà La Môn (Brahmane) mà ra, nhưng tông chỉ đạo Phật không giống đạo Bà La Môn cho nên hai đạo chống nhau mãi, thành ra đến ba bốn trăm năm sau, khi đức Thích Ca mất rồi, đạo Phật mới phát đạt ra ở Ấn Độ.

Đạo Phật sang nước Tàu kể từ nhà Tây Hán. Đời vua Hán Vũ Đế 漢武帝 (140 - 86) quân nhà Hán đi đánh Hung Nô 匈奴 đã lấy được tượng Kim nhân và biết rằng người Hung Nô có thói đốt hương

(1) Các sách của Trần Trọng Kim: *Phật giáo thuở xưa và Phật giáo ngày nay*, Tân Việt, 1953; *Phật lục*, Lê Thăng xuất bản, 1940 [BT].

thờ Phật<sup>(1)</sup>. Đời vua Ai Đế 哀帝 năm Nguyên Thọ nguyên niên, là lịch Tây năm thứ 2, vua nhà Hán sai Tần Cảnh Hiến 秦景憲 sang sứ rợ Nhục Chi 肉氏 có học khẩu truyền được kinh nhà Phật.

Đến đời vua Minh Đế nhà Đông Hán, có người Ban Siêu 班超 đi sứ các nước ở Tây vực 西域 biết đạo Phật thịnh hành ở phương Tây. Vua bèn sai Thái Am 蔡愔 đi sang Thiên Trúc 天竺 lấy được 42 chương kinh và rước thầy tăng về dạy đạo Phật. Bấy giờ nhân có con bạch mã đem kinh về, cho nên nhà vua mới lập chùa Bạch Mã để thờ Phật ở đất Lạc Dương 洛陽.

Từ đó đạo Phật cứ dần dần truyền bá ra khắp nước Tàu, nhưng chỉ có người Ấn Độ sang dạy đạo Phật mà thôi, mãi đến đời Tam Quốc mới có người Tàu đi làm thầy tăng. Về sau người Tàu sang Ấn Độ lấy kinh đem về giảng dạy cũng nhiều.

Đời vua An Đế nhà Đông Tấn (402) đất Trường An 長安 có ông Pháp Hiển 法顯 đi chơi hàng 30 nước ở xứ Ấn Độ, qua đảo Tích Lan (Ceylan) rồi theo đường hải đạo về Tàu, đem kinh nhà Phật dịch ra chữ Tàu và làm sách *Phật quốc ký* 佛國記.

Đến đời Nam Bắc triều, vua Hiếu Minh 孝明 nhà Ngụy 魏 sai tăng là Huệ Sinh 惠生 và Tống Vân 宋雲 sang Tây Vực lấy được hơn 170 bộ kinh đem về. Từ đó đạo Phật rất thịnh, kinh điển có đến 450 bộ, chùa chiền được hơn 3 vạn, tăng ni có đến 2 triệu người.

Đời vua Thái Tông 太宗 nhà Đường (630), có ông Huyền Trang 玄奘 (tục gọi là Đường Tăng hay là Đường Tam Tạng) đi sang Ấn Độ ở hơn 10 năm lấy được 650 bộ kinh nhà Phật. Đến đời vua Cao Tông 高宗 (672) ông Nghĩa Tịnh<sup>(2)</sup> 義淨 lại sang Ấn Độ lấy được 400 bộ kinh nhà Phật nữa.

(1) Tục lệ đốt hương mà thờ cúng khởi đầu từ đó.

(2) Nguyên bản viết nhầm là Nghĩa Tĩnh, ở đây chúng tôi đã sửa lại. Nghĩa Tịnh (635 - 713) là một nhà sư thời nhà Đường của Trung Quốc, ông đã sang Ấn Độ lấy kinh và dịch một số kinh Phật sang tiếng Trung Quốc [BT].



Từ đời nhà Đường trở đi, thì ở bên Tàu đạo Phật càng ngày càng thịnh, mà người đi lấy kinh cũng nhiều.

## 5. Sự tiến hóa của người nước Nam

Khi những đạo Nho, đạo Khổng, đạo Phật phát đạt ở bên Tàu, thì đất Giao Châu ta còn thuộc về nước Tàu, cho nên người mình cũng theo những đạo ấy. Về sau nước mình đã tự chủ rồi, những đạo ấy lại càng thịnh thêm, như là đạo Phật thì thịnh về đời nhà Đinh 丁, nhà Tiền Lê 前黎 và nhà Lý 李, mà đạo Nho thì thịnh từ đời nhà Trần 陳 trở đi.

Phàm phong tục và chính trị là do sự học thuật và tông giáo mà ra. Mà người mình đã theo học thuật và tông giáo của Tàu thì điều gì ta cũng noi theo Tàu hết cả. Nhưng xét ra thì điều gì mình cũng thua kém Tàu, mà tự người mình không thấy có tìm kiếm và bày đặt ra được cái gì cho xuất sắc, gọi là có cái tinh thần riêng của nòi giống mình, là tại làm sao?

Có lẽ một là tại địa thế nước Nam ta, hai là cách ăn ở của người mình.

Phàm sự tiến hóa của một xã hội cũng như công việc của một người làm, phải có cái gì nó đùn đẩy mình, nó bắt phải cố sức mà tiến hóa thì mới tiến hóa được. Sự đùn đẩy ấy là sự cần dùng và sự đua tranh.

Nếu không có cần dùng thì không có cố gắng, không cố gắng thì không tiến hóa. Nếu không có đua tranh thì không có tìm kiếm, không tìm kiếm thì không tài giỏi, sự lý tất nhiên là vậy.

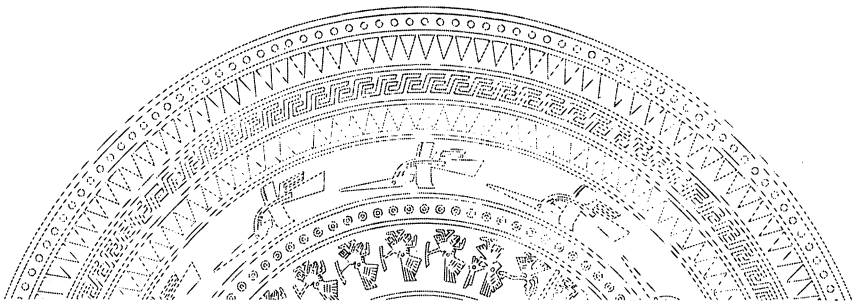
Xem như nước Nam ta, thì hai cái yếu điểm ấy đều kém cả. Người mình ở về xứ nóng nực, cách ăn mặc giản dị, đơn sơ, không phải cần lao lo nghĩ cũng đủ sống, cho nên ai cũng thích nhàn lạc, quý hồ khỏi chết thì thôi, chứ không muốn lao tâm lao lực lắm như những người ở nước văn minh khác. Tính người mình như thế, thì hễ ai có cái gì, mình chỉ bắt



chước được mà thôi, chứ không phát khởi bày đặt ra được điều gì nữa.

Còn như sự đua tranh, phải có nhiều người, nhiều nước thì mới đua tranh được. Nhưng nước ta ở phía Đông thì có bể, ở phía Tây, phía Nam, thì những người Mường, người Lào là những người văn minh kém mình cả, còn ở phía Bắc có nước Tàu là hơn mình, nhưng Tàu lại to quá, sự giao thông với mình thì cách trở sơn xuyên, đường sá khó khăn không tiện, chỉ có quan tư thỉnh thoảng đi lại mà thôi, chứ dân trong nước không mấy khi ra đến ngoài bờ cõi nước nhà. Người mà cả đời không đi đến đâu, mắt không trông thấy cái hay cái dở của người, thì tiến hóa làm sao được? Mà sự học của mình thì ai cũng yên trí rằng cái gì đã là của Tàu là hay, là tốt hơn cả: từ sự tư tưởng cho chí công việc làm, điều gì mình cũng lấy Tàu làm gương. Hễ ai bắt chước được Tàu là giỏi, không bắt chước được là dở. Cách mình sùng mộ văn minh của Tàu như thế, cho nên không chịu so sánh cái hơn cái kém, không tìm cách mà phát minh những điều hay tốt ra, chỉ đình ninh rằng người ta hơn mình, mình chỉ bắt chước người ta là đủ.

Địa thế nước mình như thế, tính chất và sự học vấn của người mình như thế, thì cái trình độ tiến hóa của mình tất là phải chậm chạp và việc gì cũng phải thua kém người ta vậy.

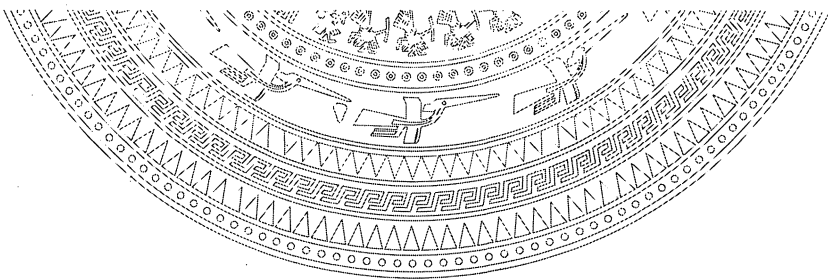


QUYỂN III

**TỰ CHỦ THỜI ĐẠI**

自主時代

(Thời kỳ thống nhất)





## CHƯƠNG I

# NHÀ NGÔ

吳 氏  
(939 - 965)



- |                   |                     |
|-------------------|---------------------|
| 1. Tiền Ngô Vương | 2. Dương Tam Kha    |
| 3. Hậu Ngô Vương  | 4. Thập nhị sứ quân |

### 1. Tiền Ngô Vương (939 - 965)

Năm Kỷ Hợi (939) Ngô Quyền 吳權 xưng vương, đóng đô ở Cổ Loa 古螺 (thuộc huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên). Ngô Vương đặt quan chức, chế triều nghi, định phục sắc và chỉnh đốn việc chính trị trong nước, chí muốn dựng nghiệp lâu dài, nhưng chỉ làm vua được có 6 năm, đến năm Giáp Thìn (944) thì mất, thọ 47 tuổi.

### 2. Dương Tam Kha (945 - 950)

Ngô Vương trước lấy con Dương Diên Nghệ là Dương Thị lập làm vương hậu; đến lúc mất, vương ủy thác con là Ngô Xương Ngập 吳昌岌 cho Dương Tam Kha 楊三哥 là em Dương Hậu 楊后. Dương Tam Kha bèn cướp lấy quyền của cháu, tự xưng là Bình Vương 平王.

Ngô Xương Ngập thấy biến, chạy trốn sang Nam Sách 南冊 (thuộc Hải Dương) vào ẩn ở nhà Phạm Linh Công 范令公 ở Trà Hương 茶鄉 (huyện Kim Thành). Tam Kha sai quân đi đuổi



bắt. Phạm Linh Công đem vào giấu trong núi. Dương Tam Kha bắt em Ngô Xương Ngập là Ngô Xương Văn 吳昌文 nuôi làm con nuôi.

Năm Canh Tuất (950<sup>(1)</sup>) có dân ở tại thôn Thái Bình (thuộc Sơn Tây) làm loạn. Dương Tam Kha sai Ngô Xương Văn cùng với tướng là Dương Cát Lợi 楊吉利 và Đỗ Cảnh Thạc 杜景碩 đem quân đi đánh. Đi đến Từ Liêm, Ngô Xương Văn mưu với hai tướng đem quân trở về bắt Dương Tam Kha.

Ngô Xương Văn nghĩ tình cậu cháu không nỡ giết, chỉ giáng xuống làm Trương Dương Công 張楊公.

### 3. Hậu Ngô Vương (950 - 965)

Ngô Xương Văn bỏ Dương Tam Kha đi rồi, xưng là Nam Tấn Vương 南晉王 và sai người đi đến làng Trà Hương rước anh là Ngô Xương Ngập về cùng coi việc nước. Ngô Xương Ngập về xưng là Thiên Sách Vương 天策王. Cả hai anh em làm vua, sử gọi là Hậu Ngô Vương.

Làm vua được ít lâu, Thiên Sách Vương đã toan giữ lấy quyền một mình, nhưng đến năm Giáp Dần (954) thì mất.

Thế lực nhà Ngô lúc bấy giờ mỗi ngày một kém, giặc giã nổi lên khắp cả mọi nơi. Nam Tấn Vương phải thân chinh đi đánh dẹp. Khi đi đánh giặc ở hai thôn Thái Bình, không may bị tên bắn chết. Bấy giờ là năm Ất Sửu (965), Nam Tấn Vương làm vua được 15 năm.

### 4. Thập nhị sứ quân (945 - 967)

Từ khi Dương Tam Kha tiến vị rồi, những người thổ hào ở các nơi như bọn Trần Lãm, Kiều Công Hãn v.v... đều xưng lên độc lập, xưng là *sứ quân* 使君. Về sau Nam Tấn Vương đã khôi phục được nghiệp cũ, nhưng mà các sứ quân vẫn không chịu

---

(1) Sách gốc chép nhầm là năm 905, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].





về thân phục. Bởi vậy nhà vua cứ phải đi đánh dẹp mãi, mà không yên được. Đến khi Nam Tấn Vương bị giặc bắt chết, thì con Thiên Sách Vương là Ngô Xương Xí 吳昌熾 lên nối nghiệp, nhưng thế nhà vua lúc ấy suy nhược lắm, không ai phục tùng nữa. Ngô Xương Xí về đóng giữ đất Bình Kiều. Tướng nhà Ngô là Đỗ Cảnh Thạc cũng giữ một chỗ xưng là sứ quân.

Lúc bấy giờ trong nước có cả thảy 12 sứ quân, gây ra cảnh nội loạn kéo dài đến hơn 20 năm. Mười hai sứ quân là:

1. Ngô Xương Xí 吳昌熾 giữ Bình Kiều 平橋 (nay là làng Bình Kiều, phủ Khoái Châu, Hưng Yên).
2. Đỗ Cảnh Thạc 杜景碩 giữ Đỗ Động Giang 杜洞江 (thuộc huyện Thanh Oai).
3. Trần Lãm 陳覽, xưng là Trần Minh Công 陳明公 giữ Bố Hải Khẩu 布海口 (Kỳ Bố, tỉnh Thái Bình).
4. Kiều Công Hãn 矯公罕, xưng là Kiều Tam Chế 矯三制 giữ Phong Châu 峰州 (huyện Bạch Hạc).
5. Nguyễn Khoan 阮寬, xưng là Nguyễn Thái Bình 阮太平 giữ Tam Đái 三帶 (phủ Vĩnh Tường).
6. Ngô Nhật Khánh 吳日慶, xưng là Ngô Lãm Công 吳覽公 giữ Đường Lâm 唐林 (Phúc Thọ, Sơn Tây).
7. Lý Khuê 李奎, xưng là Lý Lang Công 李郎公 giữ Siêu Loại 超類 (Thuận Thành).
8. Nguyễn Thủ Tiệp 阮守捷, xưng là Nguyễn Lĩnh Công 阮令公 giữ Tiên Du 仙遊 (Bắc Ninh).
9. Lữ Đường 呂唐, xưng là Lữ Tá Công 呂佐公 giữ Tế Giang 細江 (Văn Giang, Bắc Ninh).
10. Nguyễn Siêu 阮超, xưng là Nguyễn Hữu Công 阮右公 giữ Tây Phù Liệt 西扶烈 (Thanh Trì, Hà Đông).



11. Kiêu Thuận 矯順, xưng là Kiêu Lệnh Công 矯令公 giữ Hồ Hồ 回湖 (Cẩm Khê, Sơn Tây).
12. Phạm Bạch Hổ 范白虎, xưng là Phạm Phòng Át 范防遏 giữ Đằng Châu 藤洲 (Hưng Yên).

Những sứ quân ấy cứ đánh lẫn nhau, làm cho dân gian khổ sở. Sau nhờ có ông Đinh Bộ Lĩnh ở Hoa Lư đem quân đi đánh, mới dẹp xong cái loạn sứ quân, đem giang sơn lại làm một mối, và lập nên cơ nghiệp nhà Đinh vậy.

### NGÔ TRIỀU THẾ PHỔ 吳朝世譜

**Ngô Vương Quyền**

吳王權

**Thiên Sách Vương Ngô Xương Ngập**

天策王吳昌岌

**Sứ quân Ngô Xương Xí**

使君吳昌熾

**Nam Tấn Vương Ngô Xương Văn**

南晉王吳昌文



## CHƯƠNG II

# NHÀ ĐÌNH

丁氏

(968 - 980)



1. Đình Tiên Hoàng

2. Đình Phế Đế

### 1. Đình Tiên Hoàng (968 - 979)

Đình Bộ Lĩnh<sup>(1)</sup> là người ở Hoa Lư động 花間洞 (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình), con ông Đình Công Trứ 丁公著 làm Thứ sử ở Hoan Châu về đời Dương Diên Nghệ và đời Ngô Vương Quyền. Đình Công Trứ mất sớm, Bộ Lĩnh theo mẹ về quê ở, thường đi chơi với trẻ chăn trâu bò, bắt chúng khoanh tay làm kiểu để ngồi cho chúng rước, và lại lấy bông lau làm cờ bầy trận đánh nhau. Trẻ xứ ấy đứa nào cũng sợ, tôn lên làm anh. Đến lúc khôn lớn lên, dân làng ở đấy theo phục rất nhiều, nhưng sau vì không hòa với chú, cho nên Bộ Lĩnh cùng với con là Liễn 璉 sang ở với sứ quân Trần Minh Công ở Bồ Hải khẩu (phủ Kiến Xương, Thái Bình).

Trần Minh Công thấy người khôi ngô, có chí khí, đem lòng yêu mến, cho được giữ binh quyền. Đến khi Trần Minh Công mất, Đình Bộ Lĩnh đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ những người hào kiệt, hùng cứ một phương. Năm Tân Hợi (951) đời

---

(1) Có sách chép rằng Đình Tiên Hoàng tên là Hoàn 桓, chứ không phải là Bộ Lĩnh. Bộ Lĩnh là tước quan của Trần Lãm phong cho Đình Hoàn. Nhưng xét trong *Khâm định Việt sử* và các sách khác thì thấy chép Đình Bộ Lĩnh chứ không thấy Đình Hoàn. Vậy nay cứ theo sách *Khâm định* mà chép.



Hậu Ngô Vương, Nam Tấn Vương và Thiên Sách Vương đã đem quân vào đánh không được. Đến khi nhà Ngô mất rồi, Đinh Bộ Lĩnh hàng được sứ quân Phạm Phòng Át 范防遏, phá được Đỗ Động của Đỗ Cảnh Thạc 杜景碩. Từ đó đánh đâu được đấy, cho nên chúng tôn là Vạn Thắng Vương 萬勝王. Chỉ trong một năm mà vương bình được các sứ quân và lập thành nghiệp đế.

Năm Mậu Thìn (968) Vạn Thắng Vương lên ngôi Hoàng đế, tức là Tiên Hoàng Đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt 大瞿越, đóng đô ở Hoa Lư. Tiên Hoàng xây cung điện, chế triều nghi, định phẩm hàm quan văn quan võ, phong cho Nguyễn Bặc 阮匐 làm Định Quốc Công, Lê Hoàn 黎桓 làm Thập đạo tướng quân 十道將軍, và phong cho con là Đinh Liễn làm Nam Việt Vương.

Năm Canh Ngọ (970) Tiên Hoàng đặt niên hiệu là Thái Bình nguyên niên 太平元年, và đặt năm ngôi Hoàng hậu.

Trong khi vua Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn sứ quân ở nước ta, thì ở bên Tàu ông Triệu Khuông Dận 趙匡胤 nổi nghiệp nhà Hậu Chu 後周 tức là vua Thái Tổ nhà Tống. Đến năm Canh Ngọ (970) vua Thái Tổ nhà Tống sai tướng là Phan Mỹ 潘美 sang đánh lấy Nam Hán 南漢. Vua Tiên Hoàng sợ quân nhà Tống 宋 sang đánh, bèn sai sứ sang thông hiếu với Tống triều.

Năm Nhâm Thân (972) Tiên Hoàng lại sai Nam Việt Vương là Liễn đem đồ phương vật sang cống nhà Tống. Vua nhà Tống sai sứ sang phong cho Tiên Hoàng làm Giao Chỉ quận vương 交趾郡王 và phong cho Nam Việt Vương Liễn làm Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ.

Từ đó nước ta cứ giữ lệ sang triều cống nước Tàu.

Việc chính trị trong nước thì lúc bấy giờ còn có nhiều người quen thói lúc loạn, không chịu tuân theo luật lệ. Tiên Hoàng phải dùng oai để trừng trị những bọn gian ác: đặt vạc dầu ở trước điện, nuôi hổ báo ở trong vườn, rồi hạ lệnh rằng hễ ai phạm tội thì bỏ vạc dầu hay là cho hổ báo ăn. Hình luật uy



nghiêm như thế, thì cũng quá lắm, nhưng nhờ có những hình luật ấy thì dân trong nước mới dần dần được yên.

Việc binh lính thì Tiên Hoàng phân ra *đạo, quân, lữ, tốt, ngũ*. Mỗi một đạo có 10 quân; 1 quân 10 lữ; 1 lữ 10 tốt; 1 tốt 10 ngũ; 1 ngũ 10 người.

Vậy một đạo là 100.000 người, và cứ số ấy mà tính thì nhà Đinh bấy giờ có 10 đạo, là 1.000.000 người.

Thiết tưởng nước ta bấy giờ đất thì nhỏ, người thì ít, lấy đâu làm một triệu quân được, và lấy cơm gạo đâu mà nuôi được bấy nhiêu người. Họa chẳng Tiên Hoàng có được độ 10 vạn người đã là nhiều.

Tiên Hoàng bỏ trưởng lập ấu, cho đứa con út là Hạng Lang 項郎 làm Thái tử. Con trưởng là Nam Việt Vương Liễn đã theo Tiên Hoàng đi trận mạc từ thuở hàn vi, nay không được ngôi Thái tử, lấy sự ấy làm tức giận bèn khiến người giết Hạng Lang đi. Ấy là gây nên mối loạn ở trong nhà.

Năm Kỷ Mão (979) vua Tiên Hoàng và Nam Việt Vương Liễn bị tên Đỗ Thích 杜釋 giết chết. Sử chép rằng tên Đỗ Thích trước làm lại, đêm nằm thấy sao rơi vào mồm, tưởng là triệu mình được làm vua, bèn định bụng làm sự thí đoạt. Một hôm Đỗ Thích thấy Tiên Hoàng say rượu nằm trong cung, bèn lên vào giết Tiên Hoàng đi, rồi giết cả Nam Việt Vương Liễn.

Đinh thần tìm bắt được Đỗ Thích đem làm tội, và tôn Vệ Vương 衛王 Đinh Tuệ 丁穗<sup>(1)</sup> lên làm vua.

Tiên Hoàng làm vua được 12 năm, thọ được 56 tuổi.

## 2. Phế Đế (979 - 980)

Vệ Vương mới có 6 tuổi lên làm vua, quyền chính ở cả Thập đạo tướng quân là Lê Hoàn 黎桓. Lê Hoàn lại cùng với Dương Thái hậu 楊太后 tư thông.

---

(1) Có sách chép là Đinh Toàn [BT].



Các quan đại thần bấy giờ là bọn Đinh Điền 丁佃, Nguyễn Bặc 阮弼 thấy Lê Hoàn nhiếp chính lộng quyền quá, mới cử binh mã đến đánh, nhưng bị Lê Hoàn giết cả.

Lúc bấy giờ nhà Tống nghe tin Tiên Hoàng đã mất, tỵ quân còn đại, muốn thừa thế sang lấy nước ta, mới hội đại binh ở gần biên giới.

Bên ta được tin quân Tàu sắp sang, Lê Hoàn sai Phạm Cự Lượng 范巨倆 làm đại tướng đem binh đi chống giữ. Trước khi khởi hành, Phạm Cự Lượng họp cả quân sĩ lại ở trong điện, rồi nói rằng: “Bây giờ quân nghịch sắp vào cõi, mà vua thì còn bé, lấy ai mà thưởng phạt cho chúng mình. Dẫu chúng mình có hết sức lập được chút công nào, thì rồi ai biết cho? Chi bằng nay ta tôn Thập đạo tướng quân lên làm vua rồi ra đánh thì hơn”<sup>(1)</sup>.

Quân sĩ nghe nói đều hô vạn tuế. Thái hậu thấy quân sĩ thuận cả, mới sai lấy áo long cổn mặc vào cho Lê Hoàn.

Lê Hoàn lên làm vua, giáng Đinh Tuệ xuống làm Vệ Vương, sử gọi là Phế Đế.

Nhà Đinh làm vua được 2 đời, cả thấy là 14 năm.



(1) Xem sử Tàu, nhà Tống lấy ngôi nhà Hậu Chu cũng giống như bên ta nhà Tiền Lê lấy ngôi nhà Đinh. Nhà làm sử có chép lẫn nhau không?

### CHƯƠNG III

## NHÀ TIỀN LÊ

前 黎 氏

(980 - 1009)



- |                     |   |
|---------------------|---|
| 1. Lê Đại Hành      | 2. Phá quân nhà Tống                    |
| 3. Đánh Chiêm Thành | 4. Việc đánh dẹp và sửa sang trong nước |
| 5. Lê Trung Tông    | 6. Lê Long Đĩnh                         |

### 1. Lê Đại Hành (980 - 1005)

Lê Hoàn 黎桓 là người làng Bảo Thái, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam bây giờ, làm quan Thập đạo tướng quân nhà Đinh. Nhân khi vua nhà Đinh còn trẻ tuổi, và lại có quân nhà Tống sang xâm, quân sĩ tôn Lê Hoàn lên làm vua, tức là Đại Hành Hoàng đế 大行皇帝, niên hiệu là Thiên Phúc 天福 (980-988), Hưng Thống 興統 (989-993) và Ứng Thiên 應天 (994-1005).

Vua Đại Hành lên làm vua rồi sai sứ đưa thư sang nhà Tống nói dối là thư của Đinh Tuệ (Phế Đế) xin phong, có ý để nhà Tống hoãn binh lại. Nhưng vua nhà Tống không nghe, sai sứ sang trách Đại Hành rằng sao được xưng đế, và lại nói rằng: “Nhà Đinh truyền tập đã ba đời rồi, vậy cho Đinh Tuệ làm Thống soái, Lê Hoàn làm phó. Nhược bằng Đinh Tuệ còn trẻ tuổi không làm được, thì Lê Hoàn phải bắt mẹ con Đinh Tuệ sang châu Bắc Triều, rồi sẽ phong quan tước cho Lê Hoàn”. Vua Đại Hành biết mưu nhà Tống bèn không chịu và sửa sang sự phòng bị.

## 2. Phá quân nhà Tống

Nhà Tống thấy vua Đại Hành không chịu nghe lời, bèn sai tướng đem quân sang đánh. Tháng 3 năm Tân Tỵ (981) thì bọn Hầu Nhân Bảo 侯仁寶 và Tôn Toàn Hưng 孫全興 tiến quân sang mặt Lạng Sơn, bọn Lưu Trừng 劉澄 đem thủy quân sang mặt Bạch Đằng giang.

Vua Đại Hành đem binh thuyền ra chống giữ ở Bạch Đằng. Quân nhà Tống tiến lên thế mạnh lắm, quan quân đánh không lại phải lùi. Bấy giờ lực quân của bọn Hầu Nhân Bảo tiến sang đến Chi Lăng 支陵 (thuộc Ôn Châu, Lạng Sơn), vua Đại Hành sai người sang trá hàng để dụ Hầu Nhân Bảo đến chỗ hiểm bắt chém đi, rồi đuổi đánh quân nhà Tống chém giết được quá nửa, và bắt được hai người bộ tướng.

Bọn Lưu Trừng thấy lực quân đã tan vỡ, vội vàng đem thủy quân rút về.

Quân ta tuy thắng trận, nhưng vua Đại Hành sợ thế lực không chống với Tàu được lâu, bèn sai sứ đem hai viên tướng bắt được sang trả nhà Tống và xin theo lệ triều cống. Lúc ấy ở phía Bắc nước Tàu có quân Khiết Đan 契丹 (Hung Nô) đang đánh phá, cho nên vua nhà Tống cũng thuận, thôi việc chiến tranh với nước ta, và phong cho vua Đại Hành làm chức Tiết độ sứ.

Năm Quý Tỵ (993) nhà Tống sách phong cho vua Đại Hành làm Giao Chỉ Quận vương, rồi đến năm Đinh Dậu (997) lại gia phong là Nam Bình vương 南平王.

Bấy giờ sứ nhà Tống thường hay đi lại, có khi vua Đại Hành phụng chiếu mà không lấy, nói dối rằng đi đánh giặc ngựa đau chân. Nhà Tống biết là dối, nhưng cũng làm ngơ đi.

## 3. Đánh Chiêm Thành

Vua Đại Hành phá được quân nhà Tống rồi, định sang đánh Chiêm Thành 占城, vì lúc vua Đại Hành lên ngôi, có sai



sứ sang Chiêm Thành, bị vua nước ấy bắt giam sứ lại. Đến khi việc phía Bắc đã yên, vua Đại Hành đem binh sang đánh báo thù. Quân vua Đại Hành sang chiếm giữ được kinh thành nước Chiêm và bắt được người, lấy được của rất nhiều. Từ đấy nước Chiêm Thành phải sang triều cống nước ta.

#### 4. Việc đánh dẹp và sửa sang trong nước

Việc trong nước thì có các quan đại thần là bọn Từ Mục 徐穆, Phạm Cự Lượng 范巨倆, Ngô Tử An 吳子安 giúp rập. Đặt luật lệ, luyện quân lính và sửa sang mọi việc.

Bấy giờ thường hay có các động Mường và những người các châu quận làm phản, vua Đại Hành phải thân chinh đi đánh dẹp, bình được 49 động Hà Man 何蠻洞 (thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa) và dẹp yên những người phản nghịch ở các nơi. Bởi vậy thanh thế vua Đại Hành lúc bấy giờ rất là hùng lầy.

Năm Ất Tỵ (1005) là năm Ứng Thiên thứ 12, vua Đại Hành mất, thọ 65 tuổi, làm vua được 24 năm.

#### 5. Lê Trung Tông (1005)

Vua Đại Hành đã định cho người con thứ ba là Long Việt 龍越 làm Thái tử, nhưng đến lúc vua Đại Hành mất, các hoàng tử tranh ngôi đánh nhau trong bảy tháng. Đến khi Long Việt vừa mới lên ngôi được 3 ngày thì bị em là Long Đĩnh 龍鋌 sai người vào cung giết đi, thọ 23 tuổi. Sử gọi là Lê Trung Tông 黎中宗.

#### 6. Lê Long Đĩnh (1005 - 1009)

Long Đĩnh là người bạo ngược, tính hay chém giết, ác bằng Kiệt, Trụ ngày xưa. Khi đã giết anh rồi, lên làm vua thường cứ lấy sự giết người làm trò chơi: có khi những tù phạm phải hình, thì bắt lấy rơm tẩm dầu quấn vào người rồi đốt sống; có khi bắt tù trèo lên cây rồi ở dưới sai người chặt gốc cho cây đổ; có khi bỏ

người vào sọt rồi đem thả xuống sông. Làm những điều ác như thế thì lấy làm thích chí. Một hôm lấy mía để lên đầu nhà sư mà róc vỏ, rồi thỉnh thoảng giả tảng nhổ tay bổ dao vào đầu sư chảy máu ra, trông thấy thế lấy làm vui cười. Còn khi ra buổi chiều, có ai tấu số điều gì thì cho những thằng hề nói khôi hài hay là nhại tiếng làm trò.

Long Đĩnh làm vua được 2 năm đổi niên hiệu là Cảnh Thụy (1008 - 1009). Sang năm sau là năm Kỷ Dậu (1009) thì mất, làm vua được 4 năm, thọ 24 tuổi.

Vì lúc sống dâm dục quá độ, mắc bệnh không ngồi được, đến buổi chiều thì cứ nằm mà thị triều, cho nên tục gọi là Ngọa Triều.

Long Đĩnh mất rồi, con thì bé, đình thần nhân dịp tôn Lý Công Uẩn lên làm vua, khai sáng nên cơ nghiệp nhà Lý.

Nhà Tiền Lê làm vua được 3 đời, cả thảy được 29 năm.





## CHƯƠNG IV

### NHÀ LÝ

李氏

(1010 - 1225)



#### I. LÝ THÁI TỔ

- |                        |                               |
|------------------------|-------------------------------|
| 1. Thái Tổ khởi nghiệp | 2. Dời đô về Thăng Long thành |
| 3. Lấy kinh Tam Tạng   | 4. Việc chính trị             |

#### II. LÝ THÁI TÔNG

- |                            |                     |
|----------------------------|---------------------|
| 1. Lê Phụng Hiếu định loạn | 2. Sự đánh dẹp      |
| 3. Giặc Nùng               | 4. Đánh Chiêm Thành |
| 5. Việc chính trị          |                     |

#### III. LÝ THÁNH TÔNG

- |                   |                        |
|-------------------|------------------------|
| 1. Việc chính trị | 2. Lấy đất Chiêm Thành |
|-------------------|------------------------|

#### IV. LÝ NHÂN TÔNG

1. Ý Lan Thái phi
2. Lý Đạo Thành
3. Việc sửa sang trong nước
4. Việc đánh nhà Tống
5. Nhà Tống lấy đất Quảng Nguyên
6. Đánh Chiêm Thành



## I. LÝ THÁI TỔ (1010 - 1028)

*Niên hiệu:* Thuận Thiên 順天

### 1. Thái Tổ khởi nghiệp

Lý Công Uẩn 李公蘊 người ở làng Cổ Pháp, nay thuộc về huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (ở làng Đình Bảng có lăng và đền thờ nhà Lý).

Tục truyền rằng Công Uẩn không có cha, mẹ là Phạm Thị 范氏 đi chơi chùa Tiêu Sơn 樵山 (làng Tiêu Sơn, phủ Từ Sơn)<sup>(1)</sup>, nằm mộng thấy đi lại với thần nhân rồi về có thai đẻ ra đứa con trai. Lên ba tuổi đem cho người sư ở chùa Cổ Pháp tên là Lý Khánh Văn 李慶文 làm con nuôi, mới đặt tên là Lý Công Uẩn.

Công Uẩn lớn lên vào Hoa Lư làm quan nhà Tiền Lê, đến chức Tả thân vệ Điện tiền Chỉ huy sứ 左親衛殿前指揮使. Khi Lê Long Đinh mất, thì Lý Công Uẩn đã ngoài 35 tuổi. Bấy giờ lòng người đã oán giận nhà Tiền Lê lắm, ở trong triều có bọn Đào Cam Mộc 陶甘沐 cùng với sư Vạn Hạnh 萬行 mưu tôn Lý Công Uẩn lên làm vua.

Lý Công Uẩn bèn lên ngôi Hoàng đế, tức là vua Thái Tổ nhà Lý 李太祖.

### 2. Dời đô về Thăng Long thành

Thái Tổ thấy đất Hoa Lư chật hẹp không có thể mở mang ra làm chỗ đô hội được, bèn định dời đô về La Thành. Tháng 7 năm Thuận Thiên nguyên niên (1010), thì khởi sự dời đô. Khi ra đến La Thành, Thái Tổ lấy cố có điềm rồng thấy rồng vàng hiện ra, bèn đổi Đại La thành là Thăng Long thành 昇龍城, tức là thành Hà Nội bây giờ. Cải Hoa Lư làm Trường An phủ và Cổ Pháp làm Thiên Đức phủ.

---

(1) Chùa Tiêu Sơn nay thuộc xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh [BT].



### 3. Lấy kinh *Tam Tạng*

Nhà Lý bấy giờ sùng đạo Phật, nhà vua trọng đãi những người đi tu, lấy tiền kho ra để làm chùa đúc chuông. Tháng 6 năm Mậu Ngọ (1018) vua sai quan là Nguyễn Đạo Thanh 阮道清 và Phạm Hạc 范鶴 sang Tàu lấy kinh *Tam Tạng* 三藏經 đem về để vào kho Đại Hưng.

### 4. Việc chính trị

Lúc bấy giờ ở bên nhà Tống có nhiều việc, cho nên cũng không sinh sự lôi thôi gì với nước ta. Bởi vậy khi Thái Tổ lên làm vua, sai sứ sang cầu phong, vua nhà Tống liền phong cho làm Giao Chỉ Quận vương, sau lại gia phong Nam Bình Vương. Nước Chiêm Thành và nước Chân Lạp đều sang triều cống, cho nên việc bang giao thời bấy giờ đều yên trị.

Ở trong nước cũng có đôi ba nơi nổi lên làm loạn, như ở Diễn Châu (thuộc Nghệ An) và ở mạn thượng du hay có sự phản nghịch, nhà vua phải thân chinh đi đánh dẹp mới yên được.

Thời bấy giờ các hoàng tử đều phong tước vương và phải cầm quân đi đánh giặc, bởi vậy ai cũng giỏi nghề dùng binh.

Thái Tổ lưu tâm về việc sửa sang trong nước: đổi phép cũ của nhà Tiền Lê; chia nước ra làm 24 lộ, gọi Hoan Châu và Ái Châu là trại. Lại định ra 6 hạng thuế là: thuế ruộng, đầm, ao; thuế đất trồng dâu và bãi phù sa; thuế sản vật ở núi; thuế mắm muối đi qua ải quan; thuế sừng tê, ngà voi và hương ở trên mạn núi xuống; thuế tre gỗ hoa quả. Vua cho những bậc công chúa coi việc trưng thu các thứ thuế ấy.

Thái Tổ trị vì được 19 năm thì mất, thọ 55 tuổi.



## II. LÝ THÁI TÔNG (1028 - 1054)

*Niên hiệu:* Thiên Thành 天成 (1028 - 1033) -  
Thông Thụy 通瑞 (1034 - 1038) - Càn Phù Hữu Đạo 乾符  
有道 (1039 - 1041) - Minh Đạo 明道 (1042 - 1043) -  
Thiên Cảm Thánh Vũ 天感聖武 (1044 - 1048) -  
Sùng Hưng Đại Bảo 崇興大寶 (1049 - 1054)

### 1. Lê Phụng Hiểu định loạn

Thái Tổ vừa mất chưa tế táng xong, thì các hoàng tử là bọn Võ Đức Vương 武德王, Dục Thánh Vương 翊聖王 và Đông Chinh Vương 東征王 đã đem quân đến vây thành để tranh ngôi của Thái tử 太子.

Bấy giờ các quan là bọn Lý Nhân Nghĩa 李仁義 xin Thái tử cho đem quân ra thành quyết được thua một trận. Khi quân của Thái tử và quân các vương đối trận, thì quan Võ vệ tướng quân là Lê Phụng Hiểu 黎奉曉 rút gươm ra chỉ vào Võ Đức Vương mà bảo rằng: “Các người dòm ngó ngôi cao, khinh dễ tự quân, trên quên ơn Tiên đế, dưới trái nghĩa tôi con, vậy Phụng Hiểu xin dâng nhất gươm này!”. Nói xong chạy xông vào chém Võ Đức Vương ở trận tiền. Quân các vương trông thấy sợ hãi bỏ chạy cả. Dục Thánh Vương và Đông Chinh Vương cũng phải chạy trốn.

Thái tử Phật Mã lên ngôi, tức là vua Thái Tông 太宗.

Dục Thánh Vương và Đông Chinh Vương xin về chịu tội.

Thái Tông nghĩ tình cốt nhục bèn tha tội cho và lại phục chức cũ cho cả hai người.

Cũng vì sự phản nghịch ấy cho nên vua Thái Tông mới lập lệ: cứ hàng năm, các quan phải đến đền Đồng Cổ 銅鼓神廟 (ở



làng Yên Thái, Hà Nội)<sup>(1)</sup> làm lễ đọc lời thề rằng: “Làm con phải hiếu, làm tôi phải trung, ai bất hiếu bất trung, xin quỷ thần làm tội”. Các quan ai trốn không đến thề, phải phạt 50 trượng.

## 2. Sự đánh dẹp

Thái Tông là người có thiên tư dĩnh ngộ, thông lục nghệ, tinh thao lược, gặp lúc trong nước có nhiều giặc giã, nhưng ngài đã quen việc dùng binh, cho nên ngài thường thân chinh đi đánh đông dẹp bắc.

Thời bấy giờ nhà vua không đặt quan tiết trấn; phạm việc binh việc dân ở các châu, là đều giao cả cho người châu mục. Còn ở mạn thượng du thì có người tù trưởng quản lĩnh. Cũng vì quyền những người ấy to quá, cho nên thường hay có sự phản nghịch. Lại có những nước lân bang như Chiêm Thành và Ai Lao thường hay sang quấy nhiễu, bởi vậy cho nên sự đánh dẹp về đời vua Thái Tông rất nhiều.

## 3. Giặc Nùng

Lúc ấy châu Quảng Nguyên 廣源洲 (Lạng Sơn) có những người Nùng cứ hay làm loạn. Năm Mậu Dần (1038) có Nùng Tồn Phúc 儂存福 làm phản, tự xưng là Chiêu Thánh Hoàng đế 昭聖皇帝, lập A Nùng làm Ninh Đức Hoàng hậu, đặt quốc hiệu là Trừng Sinh quốc rồi đem quân đi đánh phá các nơi.

Năm Kỷ Mão (1039) Thái Tông thân chinh đi đánh, bắt được Nùng Tồn Phúc và con là Nùng Trí Thông đem về kinh làm tội. Còn A Nùng và con là Nùng Trí Cao chạy thoát được.

Năm Tân Ty (1041) Nùng Trí Cao 儂智高 cùng với mẹ là A Nùng về lấy châu Đản Do 攔猶州 (gần châu Quảng Nguyên) lập ra một nước gọi là Đại Lịch quốc 大曆國. Thái Tông sai tướng lên đánh bắt được đem về Thăng Long. Nhưng vua nghĩ

---

(1) Đền Đồng Cổ nay nằm ở Thụy Khuê, phường Bưởi, quận Tây Hồ, Hà Nội [BT].



trước đã giết cha và anh, nay thương tình không giết, tha cho về và lại phong cho làm Quảng Nguyên mục. Sau lại gia phong cho tước Thái Bảo.

Năm Mậu Tý (1048) Nùng Trí Cao lại phản, xưng là Nhân Huệ Hoàng đế 仁惠皇帝 quốc hiệu là Đại Nam 大南. Thái Tông sai quan Thái úy Quách Thịnh Dật 郭盛溢 lên đánh không được. Bấy giờ Trí Cao xin phụ thuộc vào nước Tàu, vua nhà Tống không cho. Trí Cao bèn đem quân sang đánh lấy Ung Châu 邕州, rồi chiếm giữ cả thấy được 8 châu ở đất Quảng Đông và Quảng Tây. Những châu ấy là châu Hoàn 横, châu Quý 貴, châu Cung 龔, châu Tầm 潯, châu Đằng 藤, châu Ngô 梧, châu Khang 康, châu Đoan 端.

Vua nhà Tống đã toan nhờ quân nhà Lý sang đánh giúp nhưng tướng nhà Tống là Địch Thanh 狄青 can rằng: Có một Nùng Trí Cao mà đất Luỡng Quảng không chế được, lại phải nhờ quân ngoại quốc vào đánh giúp. Nếu có ai nhân đó mà nổi loạn, thì làm thế nào? Vua nhà Tống nghe lời ấy bèn sai bọn Dư Tĩnh 余靖 và Tôn Miện 孫沔 đi đánh dẹp giặc Trí Cao. Bọn Dư Tĩnh đánh mãi không được, nhà Tống lấy làm lo, nhân khi Trí Cao dâng biểu xin lĩnh chức Tiết độ sứ châu Ung và châu Quý, vua nhà Tống đã toan thuận cho, Địch Thanh can đi, và xin đem quân đi đánh.

Địch Thanh ra hợp quân với bọn Dư Tĩnh và Tôn Miện đóng ở Tân Châu 賓州 (Liễu Châu tỉnh Quảng Tây) rồi hội các tướng lại cấm không cho ra đánh nhau với giặc. Bấy giờ có quan Kiểm hạt 鈐轄 tỉnh Quảng Tây tên là Trần Thự 陳曙 trái tướng lệnh đem quân đi đánh bị thua, Địch Thanh đem chém đi, rồi truyền lệnh cho quân nghỉ 10 ngày. Quân đi thám biết chuyện ấy về báo Trí Cao biết. Trí Cao tưởng là quân nhà Tống không dám đánh, bèn không phòng giữ. Địch Thanh đem quân đến cửa Côn Lôn (gần phủ Nam Ninh) đánh Nùng Trí Cao. Lúc





đang đánh nhau, Địch Thanh đem quân kỵ đánh hai bên tả hữu, quân của Trí Cao tan vỡ, tướng là bọn Hoàng Sư Mật 黃師密 đều tử trận.

Trí Cao chạy thoát trốn sang nước Đại Lý 大理. Sau người Đại Lý bắt Nùng Trí Cao chém lấy đầu đem nộp nhà Tống. Giặc Nùng từ đó mới yên.

#### 4. Đánh Chiêm Thành

Thái Tông lên làm vua đã hơn 15 năm, mà nước Chiêm Thành không chịu thông sứ và lại cứ quấy nhiễu ở mặt bể. Thái Tông bèn sắp sửa binh thuyền sang đánh Chiêm Thành.

Năm Giáp Thân (1044) vua Thái Tông ngự giá đi đánh Chiêm Thành. Quân Chiêm Thành dàn trận ở phía Nam sông Ngũ Bồ (?), Thái Tông truyền thúc quân đánh tràn sang, quân Chiêm Thành thua chạy. Quân ta bắt được hơn 5.000 người và 30 con voi.

Tướng Chiêm Thành là Quách Gia Di 郭加彝 chém quốc vương là Xạ Đấu 乍斗 đem đầu sang xin hàng.

Bấy giờ quan quân chém giết người bản xứ rất nhiều, máu chảy thành suối. Thái Tông trông thấy động lòng thương, xuống lệnh cấm không được giết người Chiêm Thành, hễ ai trái lệnh thì theo phép quân mà trị tội.

Thái Tông tiến binh đến quốc đô là Phật Thệ (nay ở làng Nguyệt Bậu, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên), vào thành bắt được vương phi là My Ê 媚醯 và các cung nữ đem về. Khi xa giá về đến sông Lý Nhân, Thái Tông cho đòi My Ê sang chầu bên thuyền ngự. My Ê giữ tiết không chịu, quần chiên lặn xuống sông mà tự tử. Nay ở phủ Lý Nhân còn có đền thờ.

Thái Tông bắt về hơn 5.000 người Chiêm Thành ban cho ruộng đất lập thành phường ấp mà làm ăn.



## 5. Việc chính trị

Thái Tông tuy phải đánh dẹp luôn, nhưng cũng không bỏ việc chính trị trong nước, bao giờ cũng để lòng thương dân. Hễ năm nào đói kém hay là đi đánh giặc về, thì lại giảm thuế cho hàng hai ba năm. Ngài sửa lại luật phép, định các bậc hình phạt, các cách tra hỏi, và đặt lệ cho những người già người trẻ, trừ khi phạm tội thập ác, thì được lấy tiền mà chuộc tội. Nhân khi đổi luật mới, nhà vua đổi niên hiệu là Minh Đạo (1042).

Năm Quý Mùi (1043) Thái Tông hạ chiếu cấm không cho ai được mua hoàng nam<sup>(1)</sup> để làm nô. Vua lại chia đường quan lộ ra từng cung, đặt nhà trạm để chạy giấy công văn.

Ở trong cung thì Thái Tông định số hậu phi và cung nữ như sau này: hậu và phi 13 người, ngự nữ 18 người, nhạc kỹ 100 người. Những cung nữ phải học nghề thêu dệt vóc gấm.

Thái Tông trị vì được 27 năm, đến năm Giáp Ngọ (1054) thì mất, thọ 55 tuổi.

## III. LÝ THÁNH TÔNG (1054 - 1072)

*Niên hiệu:* Long Thụy Thái Bình 龍瑞太平 (1054 - 1058)

- Chương Thánh Gia Khánh 彰聖嘉慶 (1059 - 1065) -

Long Chương Thiên Tự 龍彰天嗣 (1066 - 1067) -

Thiên Huống Bảo Tượng 天貺宝象 (1068) -

Thần Võ 神武 (1069 - 1072)

### 1. Việc chính trị

Thái tử là Nhật Tôn 日尊 lên ngôi, tức là vua Thánh Tông 聖宗, ngài đổi quốc hiệu là Đại Việt 大越<sup>(2)</sup>.

(1) Hoàng nam 黃男 là đàn ông từ 18 tuổi trở lên.

(2) Từ nhà Đinh đến bây giờ nước ta vẫn gọi là Đại Cồ Việt, nay mới đổi là Đại Việt.



Thánh Tông là một ông vua nhân từ, có lòng thương dân; một năm trời làm rét lắm, Thánh Tông bảo những quan hầu gần rằng: “Trẫm ở trong cung ăn mặc như thế này còn rét, nghĩ những tù phạm giam trong ngục, phải trời buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc; vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, nhờ rét quá mà chết thì thật là thương lắm”. Nói rồi truyền lấy chăn chiếu cho tù nằm, và mỗi ngày cho hai bữa ăn. Lại có một hôm Thánh Tông ra ngự ở điện Thiên Khánh xét án, có Động Thiên công chúa đứng hầu bên cạnh. Thánh Tông chỉ vào công chúa mà bảo các quan rằng: “Lòng trẫm yêu dân cũng như yêu con trẫm vậy, hiềm vì trẫm họ ngu dại, làm cần phải tội, trẫm lấy làm thương lắm. Từ rày về sau tội gì cũng giảm nhẹ bớt đi”.

Vua Thánh Tông có nhân như thế, cho nên trăm họ mến phục, trong đời ngài làm vua ít có giặc giã. Ngài lại có ý muốn khai hóa sự văn học, lập Văn Miếu, làm tượng Chu Công 周公, Khổng Tử 孔子 và 72 tiên hiền để thờ. Nước ta có Văn Miếu thờ Khổng Tử và chư hiền khởi đầu từ đấy.

Việc binh chính thì ngài định quân hiệu và chia ra làm tả hữu tiền hậu 4 bộ, hợp lại là 100 đội, mỗi đội có lính kỵ và lính bắn đá. Còn những phiên binh thì lập ra thành đội riêng không cho lẫn với nhau. Binh pháp nhà Lý bấy giờ có tiếng là giỏi, nhà Tống bên Tàu đã phải bắt chước. Ấy là một sự vẻ vang cho nước mình bao nhiêu!

## 2. Lấy đất Chiêm Thành

Vua Thánh Tông đã nhân mà lại dũng: nước Chiêm Thành hay sang quấy nhiễu, ngài thân chinh đi đánh. Đánh lần đầu không thành công, đem quân trở về. Đi đến châu Cư Liên (?) nghe thấy người khen bà Nguyên phi ở nhà giám quốc, trong nước được yên trị, Thánh Tông nghĩ bụng rằng: “Người đàn bà trị nước còn được như thế, mà mình đi đánh Chiêm Thành không thành

công, thế ra đàn ông hèn lắm à!”. Lại đem quân trở lại đánh bắt được vua Chiêm Thành là Chế Củ 制矩. Năm ấy là năm Kỷ Dậu (1069). Thánh Tông về triều, đổi niên hiệu là Thần Vũ.

Chế Củ xin dâng đất ba châu để chuộc tội, là châu Địa Lý 地哩, châu Ma Linh 麻令 và châu Bố Chính 布政. Thánh Tông lấy ba châu ấy và cho Chế Củ về nước.

Những châu ấy nay ở địa hạt tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị.

Năm Nhâm Tý (1072) Thánh Tông mất, trị vì được 17 năm, thọ 50 tuổi.

#### IV. LÝ NHÂN TÔNG (1072 - 1127)

Niên hiệu: Thái Ninh 太寧 (1072 - 1075) -

Anh Võ Chiêu Thắng 英武昭勝 (1076 - 1084) -

Quảng Hữu 廣祐 (1085 - 1091) -

Hội Phong 會豐 (1092 - 1100) - Long Phù 龍符 (1101 -

1109) - Hội Tường Đại Khánh 會祥大慶 (1110 - 1119)

- Thiên Phù Duệ Võ 天符睿武 (1120 - 1126) -

Thiên Phù Khánh Thọ 天符慶壽 (1127)

##### 1. Ý Lan Thái phi

Vua Nhân Tông 仁宗 là con bà Ý Lan Thái phi 倚蘭太妃, người ở Siêu Loại (Bắc Ninh). Khi trước vua Thánh Tông đã 40 tuổi mà không có con, đi cầu tự qua làng Thổ Lội (sau đổi là Siêu Loại rồi lại đổi là Thuận Quang), người đi xem đứng đầy đường, có một người con gái đi hái dâu, thấy xe nhà vua đi cứ đứng tựa vào cây lan chứ không ra xem. Vua thấy thế lấy làm lạ, truyền gọi đem vào cung, phong là Ý Lan phu nhân. Được ít lâu có thai đẻ ra hoàng tử là Càn Đức 乾德, được phong là Nguyên phi.



Cần Đức làm Thái tử rồi lên nối ngôi, tức là vua Nhân Tông 仁宗, phong cho mẹ làm Ý Lan Thái phi.

Thái phi tính hay ghen ghét, thấy bà Dương Thái hậu giữ quyền, trong bụng không yên, bèn xui vua bắt Thái hậu và 72 người thị nữ bỏ ngục tối, rồi đem giết cả.

## 2. Lý Đạo Thành

Lúc Nhân Tông lên làm vua mới có 7 tuổi, có quan Thái sư là Lý Đạo Thành làm Phụ chính.

Ông Lý Đạo Thành là người họ nhà vua, tính rất đoan chính, hết lòng lo việc nước. Thường những lúc số tấu cứ hay nói đến việc lợi hại của dân. Những quan thuộc thì chọn lấy người hiền lương mà cất nhắc lên để làm mọi việc. Bởi vậy thời bấy giờ trong thì sửa sang được việc chính trị, ngoài thì đánh nhà Tống, phá quân Chiêm. Ấy cũng nhờ có tôi hiền tướng giỏi cho nên mới thành được công nghiệp như vậy.

## 3. Việc sửa sang trong nước

Việc đánh dẹp về đời vua Nhân Tông thì nhiều, song những công việc ở trong nước cũng không bỏ trễ. Đời bấy giờ mới khởi đầu đắp cái đê Cơ Xá để giữ đất kinh thành cho khỏi lụt ngập. Việc đắp đê khởi đầu từ đó.

Năm Ất Mão (1075) mở khoa thi tam trường để lấy người văn học vào làm quan. Kỳ thi ấy là kỳ đầu tiên ở nước ta, chọn được hơn 10 người. Thủ khoa là Lê Văn Thịnh 黎文盛. Ông thủ khoa ấy ngày sau làm đến chức Thái sư, nhưng vì làm sự phản nghịch, cho nên phải đày lên ở Thao Giang (huyện Tam Nông, Phú Thọ)<sup>(1)</sup>.

---

(1) Có ý kiến cho rằng Lê Văn Thịnh là nạn nhân của sự xung đột ý thức hệ giữa Phật giáo (người đứng đầu là Thái hậu Ý Lan và vua Lý Nhân Tông) và Nho giáo (người đứng đầu là ông). Nhìn chung, các ý kiến bàn luận về vụ án của Thái sư Lê Văn Thịnh đều thống nhất rằng ông bị hàm oan [BT].



Năm Bính Thìn (1076) lập Quốc Tử Giám để bổ những người văn học vào dạy. Đến năm Bính Dần (1086) mở khoa thi chọn người văn học vào Hàn lâm viện 翰林院, có Mạc Hiến Tích 莫顯積 đỗ đầu, được bổ Hàn lâm học sĩ.

Sự Nho học nước ta khởi đầu thịnh lên từ thời bấy giờ.

Năm Kỷ Ty (1089) định quan chế, chia văn võ ra làm 9 phẩm. Quan đại thần thì có Thái sư, Thái phó, Thái úy và Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu úy. Ở dưới những bậc ấy, hàng văn ban thì có Thượng thư, tả hữu Tham tri, tả hữu Giám nghị đại phu, Trung thư Thị lang, Bộ Thị lang, v.v... Hàng võ ban thì có Đô thống nguyên súy, Tổng quản khu mật sứ, Khu mật tả hữu sứ, Kim ngô thượng tướng, Đại tướng, Đô tướng, Chư vệ tướng quân, v.v...

Ở ngoài các châu quận, văn thì có Tri phủ, Phán phủ, Tri châu, võ thì có Chư lộ trấn trại quan.

#### 4. Việc đánh nhà Tống

Từ nhà Đinh, nhà Lê trở đi, tuy Tàu không sang cai trị nước ta nữa, nhưng vẫn cứ lăm le có ý muốn xâm lược. Đến khi vua Thần Tông nhà Tống 宋神宗 (1068-1078) có quan Tể tướng là Vương An Thạch 王安石 đặt ra phép mới để cải tổ việc chính trị nước Tàu.

Nguyên nhà Tống bấy giờ bị nước Bắc Liêu 北遼 và nước Tây Hạ 西夏 ức hiếp, hàng năm phải đem vàng bạc và lụa vải sang cống hai nước ấy. Mà trong nước thì không có đủ tiền để chi dụng. Vua Thần Tông mới dùng ông Vương An Thạch làm Tể tướng để sửa sang mọi việc.

Wương An Thạch<sup>(1)</sup> đặt ra 3 phép về việc tài chính và 2 phép về việc binh chính.

---

(1) Xin xem *Wương An Thạch* của Đào Trinh Nhất - Tân Việt xuất bản.

**Việc tài chính:**

1. *Phép thanh miêu* 青苗法 là khi lúa còn xanh thì nhà nước cho dân vay tiền, đến khi lúa chín thì dân lại phải trả tiền lại, tính theo lệ nhà nước đã định mà trả tiền lãi.

2. *Phép miễn dịch* 免役法 là cho những người dân đình mà ai phải sưu dịch thì được nộp tiền, để nhà nước lấy tiền ấy thuê người làm.

3. *Phép thị dịch* 市易法 là đặt ra một sở buôn bán ở chốn kinh sư, để có những thứ hàng hóa gì mà dân sự bán không được, thì nhà nước mua thu cả lấy mà bán. Những người con buôn mà ai cần phải vay tiền thì cho vay, rồi cứ tính theo lệ nhà nước mà trả tiền lãi.

**Việc binh chính:**

1. *Phép bảo giáp* 保甲法 là lấy dân làm lính. Chia ra 10 nhà làm một bảo, 500 nhà làm một đô bảo. Mỗi bảo có đặt hai người chánh phó để dạy dân luyện tập võ nghệ.

2. *Phép bảo mã* 保馬法 là nhà nước giao ngựa cho các bảo phải nuôi, có con nào chết thì dân phải theo giá đã định mà thường lại.

Khi năm phép ấy thi hành ra thì dân nước Tàu đều lấy làm oán giận, vì là trái với chế độ và phong tục cũ.

Vương An Thạch lại có ý muốn lập công ở ngoài biên, để tỏ cái công hiệu việc cải tổ của mình. Bấy giờ ở Ung Châu 邕州 có quan Tri châu là Tiêu Chú 蕭注 biết ý Vương An Thạch, mới làm sớ tâu về rằng: nếu không đánh lấy đất Giao Châu thì về sau thành ra một điều lo cho nước Tàu.

Vua nhà Tống nghe lời tâu ấy, sai Tiêu Chú kinh lý việc đánh Giao Châu. Nhưng Tiêu Chú từ chối, lấy việc ấy làm khó, đang không nổi. Nhân lúc ấy lại có Thẩm Khởi 沈起 tâu bày mọi lẽ nên đánh Giao Châu. Vua nhà Tống bèn sai Thẩm Khởi làm Tri châu châu Quế. Thẩm Khởi ra thu xếp mọi việc theo ý

Vương An Thạch, nhưng sau không biết tại lễ gì phải bãi về. Tống triều cho Lưu Di 劉彝<sup>(1)</sup> ra thay.

Lưu Di sai người đi biên các khe ngòi, các đồn lũy, sửa binh khí, làm thuyền bè và lại cấm không cho người ở châu huyện gần đấy đi lại buôn bán với người Giao Châu.

Bên Lý triều ta thấy sự tình như thế mới viết thư sang hỏi Tống triều, thì Lưu Di lại giữ lại không đệ về kinh. Lý triều tức giận, bèn sai Lý Thường Kiệt 李常傑 và Tôn Đản 尊亶 đem 10 vạn binh chia ra làm 2 đạo, thủy bộ cùng tiến sang đánh nhà Tống, lấy cớ rằng nhà Tống đặt ra phép mới làm khổ trăm họ. Vậy quân Đại Việt sang đánh để cứu vớt nhân dân, v.v...

Năm Ất Mão (1075) Lý Thường Kiệt đem quân sang vây đánh Khâm Châu 欽州 và Liêm Châu 廉州 (thuộc tỉnh Quảng Đông) giết hại hơn 8.000 người. Đạo quân của Tôn Đản sang đánh Ung Châu 邕州 (tức là thành Nam Ninh thuộc tỉnh Quảng Tây), quan Đô giám Quảng Tây là Trương Thủ Tiết 張守節 đem binh lại cứu Ung Châu, bị Lý Thường Kiệt đón đánh ở Côn Lôn quan 崑崙關 (gần Nam Ninh) chém Trương Thủ Tiết ở trận tiền.

Tôn Đản vây thành Ung Châu hơn 40 ngày, quan Tri châu là Tô Dam 蘇緘 kiên cố giữ mãi. Đến khi quân nhà Lý hạ được thành, thì Tô Dam bắt người nhà tất cả là 36 người chết trước, rồi tự đốt mà chết. Người trong thành cũng bắt chước quan Tri châu, không ai chịu hàng cả. Quân nhà Lý vào thành giết hại gần đến 58.000 (?) người.

Lý Thường Kiệt và Tôn Đản sang đánh nhà Tống giết hại cả thảy đến 10 vạn người, rồi lại bắt người lấy của đem về nước.

## 5. Nhà Tống lấy đất Quảng Nguyên

Tống triều được tin quân nhà Lý sang đánh phá ở châu Khâm, châu Liêm và châu Ung, lấy làm tức giận lắm, bèn sai

(1) Nguyên tác viết Lưu Gi [BT].





Quách Quỳ 郭逵 làm Chiêu thảo sứ, Triệu Tiết 趙鼎 làm phó, đem 9 tướng quân cùng hội với nước Chiêm Thành và Chân Lạp chia đường sang đánh nước Nam ta.

Tháng chạp năm Bính Thìn (1076) quân nhà Tống vào địa hạt nước ta. Lý triều sai Lý Thường Kiệt đem binh đi cự địch. Thường Kiệt đánh chặn quân nhà Tống ở sông Như Nguyệt (làng Như Nguyệt ở Bắc Ninh, tức là sông Cầu bây giờ). Quân nhà Tống đánh trận ấy chết hơn 1.000 người, Quách Quỳ tiến quân về phía Tây, đến đóng ở bờ sông Phú Lương<sup>(1)</sup>.

Lý Thường Kiệt đem binh thuyền lên đón đánh không cho quân Tống sang sông. Quân Tống mới chặt gỗ làm máy bắn đá sang như mưa, thuyền của ta thủng nát mất nhiều, quân sĩ chết hàng mấy nghìn người. Lúc bấy giờ quân nhà Tống đánh hăng lắm, Lý Thường Kiệt hết sức chống giữ, nhưng sợ quân mình có ngã lòng chẳng, bèn đặt ra một chuyện nói rằng có thần cho bốn câu thơ:

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư*

*Tiệt nhiên định phận tại thiên thư*

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm*

*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Quân lính nghe đọc mấy câu thơ ấy, ai nấy đều nức lòng đánh giặc, quân nhà Tống không tiến lên được. Hai bên cứ

---

(1) Sách *Khâm định Việt sử* có chép rằng sông Phú Lương là con sông đi từ Bạch Hạc qua Nam Định rồi chảy ra bể, tức là sông Hồng Hà. Nhưng xem trận thế bấy giờ và xét ở trong địa dư thì sông Phú Lương chép ở đây chính là sông Cầu, chứ không phải sông Hồng Hà.

Nếu lúc bấy giờ Lý Thường Kiệt đã phá quân nhà Tống ở sông Như Nguyệt tức là khúc dưới sông Cầu, thì tất là quân nhà Lý còn đóng ở mạn sông Cầu. Quân Quách Quỳ làm thế nào mà tiến lên đến sông Hồng Hà được? Và lại ở Thái Nguyên hiện bấy giờ có huyện Phú Lương, huyện ấy về đời nhà Lý, nhà Trần là Phú Lương phủ, mà chính con sông Cầu chảy qua địa hạt ấy. Có lẽ là những nhà chép sử đời trước thường không thuộc địa lý cho nên chép lầm sông Phú Lương là sông Nhị Hà, vậy ta nên cải lại.

chống giữ nhau mãi. Lý triều sợ đánh lâu không lợi, bèn sai sứ sang Tống xin hoãn binh.

Vua Tống thấy quân mình không tiến lên được, mà lại đóng ở chỗ chướng địa, quân sĩ trước sang hơn 8 vạn, sau chết đến quá nửa, cho nên cũng thuận hoãn binh lui về, chiếm giữ châu Quảng Nguyên (bây giờ là châu Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng), châu Tư Lang (bây giờ là châu Thượng Lang và Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng), châu Tô, châu Mậu (ở giáp giới tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn) và huyện Quảng Lang (Ôn Châu, tỉnh Lạng Sơn).

Đến năm Mậu Ngọ (1078) Lý Nhân Tông sai Đào Tôn Nguyên 陶尊元 đưa voi sang cống nhà Tống và đòi lại những châu huyện ở mạn Quảng Nguyên. Vua Tống bắt phải trả những người châu Khâm, châu Liêm và châu Ung mà quân nhà Lý bắt về ngày trước, rồi mới trả châu huyện cho nhà Lý. Sang năm Kỷ Mùi (1079) Nhân Tông cho những người Tàu về nước, tất cả chỉ có 221 người. Con trai thì thích ba chữ vào trán, từ 15 tuổi trở lên thì thích: *Thiên tử binh*; 20 tuổi trở lên thì thích: *Đầu Nam triều*; còn con gái thì thích vào tay trái hai chữ: *Quan khách*.

Đất Quảng Nguyên từ khi bọn Quách Quỳ lấy được, cải tên là Thuận Châu và có 3.000 quân Tống ở lại giữ, nhưng vì đất lam chướng, mười phần chết đến năm sáu.

Đến khi nhà Lý cho những người châu Khâm, châu Liêm và châu Ung về Tàu, vua nhà Tống trả lại châu Quảng Nguyên. Nhưng vì có người nói rằng châu ấy có nhiều vàng, người Tống tiếc của, làm hai câu thơ rằng:

*Nhân tham Giao Chỉ tượng*

*Khước thất Quảng Nguyên kim*

Đến mùa hạ năm Giáp Tý (1084) Nhân Tông sai quan Binh bộ Thị lang là Lê Văn Thịnh 黎文盛 sang nhà Tống bàn



việc chia địa giới. Lê Văn Thịnh phân giải mọi lẽ, nhà Tống trả nốt cả mấy huyện mà trước còn giữ lại. Từ đó nước ta và nước Tàu lại thông sứ như cũ.

Năm Đinh Mão (1087) vua nhà Tống phong cho Nhân Tông là Nam Bình Vương.

Nhà Tống bấy giờ đã suy nhược, đến năm Bính Ngọ (1126) nước Kim 金 (Mãn Châu) sang lấy mất cả phía Bắc nước Tàu, nhà Tống phải dời đô về đóng ở Hàng Châu 坑洲 (thuộc Chiết Giang) gọi là Nam Tống.

## 6. Đánh Chiêm Thành

Nước Chiêm Thành thỉnh thoảng cứ hay sang quấy nhiễu, đánh thế nào cũng không được. Năm Ất Mão (1075) trước khi đi đánh nhà Tống, Lý Thường Kiệt đã sang đánh Chiêm Thành, về được địa đồ ba châu của Chế Củ đã nhường ngày trước, rồi cho người sang ở.

Năm Quý Mùi (1103) ở Diễn Châu (thuộc Nghệ An) có Lý Giác 李覺 làm phản. Lý Thường Kiệt vào đánh, Lý Giác thua chạy sang Chiêm Thành đem quốc vương là Chế Ma Na 制麻那 sang đánh lấy lại ba châu Ma Linh, Bố Chính, v.v... Sang năm sau là năm Giáp Thân (1104) vua Nhân Tông sai Lý Thường Kiệt vào đánh Chiêm Thành. Chế Ma Na thua chạy xin trả lại ba châu như cũ.

Lý Thường Kiệt bấy giờ đã ngoài 70 tuổi đi đánh Chiêm Thành về được một năm thì mất. Ông là người ở phường Thái Hòa, huyện Thọ Xương (thành phố Hà Nội), có tướng tài, tinh thao lược, Bắc đánh Tống, Nam bình Chiêm, thật là một người danh tướng nước ta vậy.

Từ khi bình phục được nước Chiêm Thành rồi, các nước ở phía Nam đều về triều cống. Nhân Tông làm vua đến năm Đinh Mùi (1127) thì mất, trị vì được 56 năm, thọ 63 tuổi.



## CHƯƠNG V

### **NHÀ LÝ**

(Tiếp theo)

李氏

(1010 - 1225)



#### **V. LÝ THẦN TÔNG**

#### **VI. LÝ ANH TÔNG**

1. Đỗ Anh Vũ
2. Tô Hiến Thành
3. Giặc Thân Lợi
4. Việc chính trị

#### **VII. LÝ CAO TÔNG**

1. Tô Hiến Thành làm Phụ chính
2. Sự nội loạn

#### **VIII. LÝ HUỆ TÔNG**

1. Trần Thị
2. Quyền về họ Trần

#### **IX. LÝ CHIÊU HOÀNG**

## V. LÝ THẦN TÔNG (1128 - 1138)

*Niên hiệu:* Thiên Thuận 天順 (1128 - 1132)

Thiên Chương Bảo Tự 天章寶嗣 (1133 - 1138<sup>(1)</sup>)

Nhân Tông không có con, lập con của hoàng đệ là Sùng Hiền Hầu 崇賢侯 lên làm Thái tử, nay lên nối ngôi, tức là vua Thần Tông 神宗<sup>(2)</sup>.

Bấy giờ có các quan đại thần là bọn ông Trương Bá Ngọc 張伯玉, Lưu Khánh Đàm 劉慶覃, Dương Anh Nhị 楊英珥 giúp Thần Tông trị nước. Ngài vừa lên ngôi thì đại xá cho các tù phạm, và trả lại những ruộng đất tịch thu của quan dân ngày trước. Quân lính thì cho đổi phiên, cứ lần lượt 6 tháng một, được về làm ruộng. Như thế việc binh không làm ngăn trở việc canh nông.

Giặc giã thời bấy giờ cũng ít. Một hai khi có người Chân Lạp và người Chiêm Thành sang quấy nhiễu ở mạn Nghệ An, nhưng đó là những đám cướp phá vặt vãnh không mấy nổi mà quan quân đánh đuổi đi được.

Thần Tông làm vua được 10 năm thì mất, thọ 23 tuổi.

---

(1) Bản in năm 1954 của Tân Việt đề là năm 1137, song các bản in năm 1926, 1928 đều đề là năm 1138, năm 1138 mới đúng [BT].

(2) Tục truyền rằng Thần Tông là con cầu tự được, mà ngài chính là ông Từ Đạo Hạnh hóa xác sinh ra. Ở Bắc Việt ai đi đến Chùa Thầy (thuộc Sơn Tây) [nay thuộc Hà Nội - BT] cũng nghe nói sự tích ông Từ Đạo Hạnh và ông Nguyễn Minh Không. Chuyện hoang đường, không thể tin là sự thật được.



## VI. LÝ ANH TÔNG (1138 - 1175)

*Niên hiệu:* Thiệu Minh 紹明 (1138 - 1139) -

Đại Định 大定 (1140 - 1162) -

Chính Long Bảo Ứng 政龍寶應 (1163 - 1173) -

Thiên Cảm Chí Bảo 天感至寶 (1174 - 1175)

### 1. Đỗ Anh Vũ

Thần Tông mất, triều đình tôn Thái tử là Thiên Tộ 天祚 lên làm vua, tức là vua Anh Tông 英宗.

Anh Tông bấy giờ mới có 3 tuổi, Thái hậu là Lê Thị 黎氏 cầm quyền nhiếp chính. Lê Thái hậu lại tư thông với Đỗ Anh Vũ 杜英武, cho nên phạm việc gì bất cứ lớn nhỏ đều ở tay Đỗ Anh Vũ quyết đoán cả. Đỗ Anh Vũ được thể ra vào chỗ cung cấm, kiêu ngạo và khinh dễ đình thần. Các quan như bọn Vũ Đái 武帶, Nguyễn Dương 阮楊, Nguyễn Quốc 阮國 và Dương Tự Minh 楊嗣明 thấy Đỗ Anh Vũ lộng quyền quá độ, đều lo mưu trừ đi, nhưng sự không thành lại bị giết hại cả.

May nhờ thời bấy giờ có nhiều tài giỏi như Tô Hiến Thành 蘇憲城, Hoàng Nghĩa Hiền 黃義賢, Lý Công Tín 李公信 làm quan tại triều cho nên Đỗ Anh Vũ không dám có ý khác.

### 2. Tô Hiến Thành

Ông Tô Hiến Thành giúp vua Anh Tông đi đánh dẹp, lập được nhiều công to, như là bắt được giặc Thân Lợi 申利, phá được giặc Ngưu Hống 牛吼 và dẹp yên giặc Lào, được phong làm chức Thái úy 太尉 coi giữ việc binh. Ông luyện tập quân lính, kén chọn những người tài giỏi để làm tướng hiệu. Bởi vậy binh thế nhà Lý lúc bấy giờ lại phấn chấn lên. Ông giỏi việc võ mà lại chăm việc văn. Ông xin vua khai hóa sự học hành, và



làm đền thờ đức Khổng Tử ở cửa Nam thành Thăng Long, để tỏ lòng mộ Nho học.

### 3. Giặc Thân Lợi

Vua Anh Tông vừa mới lên làm vua được 2 năm, thì ở mạn Thái Nguyên có giặc Thân Lợi 申利 làm loạn. Thân Lợi xưng là con riêng vua Nhân Tông, trước đã xuất gia đi tu, rồi chiêu tập những đồ vong mạng hơn 1.000 người, chiếm giữ mạn Thái Nguyên, xưng vương phong tước, đem quân đi đánh phá các nơi. Quan quân đánh mãi không được.

Năm Tân Dậu (1141) Thân Lợi về vây phủ Phú Lương, Đỗ Anh Vũ đem quân lên đánh, Thân Lợi chạy lên Lạng Châu, tức là Lạng Sơn bị ông Tô Hiến Thành đuổi bắt được, đem về kinh làm tội.

### 4. Việc chính trị

Năm Giáp Thân (1164) vua nhà Tống đổi Giao Chỉ quận làm An Nam quốc 安南國, và phong cho Anh Tông là An Nam Quốc vương.

Nguyên khi trước Tàu gọi ta là Giao Chỉ quận, rồi sau đổi là Giao Châu, đến đời nhà Đường đặt An Nam Đô hộ phủ. Nhà Đinh lên đặt là Đại Cồ Việt, vua Lý Thánh Tông đổi là Đại Việt. Nhưng Tàu vẫn phong cho vua ta là Giao Chỉ Quận vương, đến bấy giờ mới đổi là An Nam Quốc vương. Nước ta thành tên là nước An Nam khởi đầu từ đây.

Năm Tân Mão và năm Nhâm Thìn (1171 - 1172) Anh Tông đi chơi xem sơn xuyên hiểm trở, đường sá xa gần và sự sinh hoạt của dân gian, rồi sai quan làm quyển địa đồ nước An Nam<sup>(1)</sup>.

Năm Ất Mùi (1175), Anh Tông phong cho Tô Hiến Thành làm Thái phó Bình chương quân quốc trọng sự 太傅平章軍國重事 và gia phong vương tước. Anh Tông đau, ủy thác Thái tử là

---

(1) Quyển địa đồ ấy bây giờ không thấy còn di tích ở đâu cả.



Long Cán 龍幹 cho Tô Hiến Thành. Anh Tông mất, trị vì được 37 năm, thọ 40 tuổi.

## VII. LÝ CAO TÔNG (1176 - 1210)

*Niên hiệu:* Trinh Phù 貞符 (1176 - 1185) -  
 Thiên Tư Gia Thụy 天資嘉瑞 (1186 - 1201) -  
 Thiên Gia Bảo Hữu 天嘉寶祐 (1202 - 1204) -  
 Trị Bình Long Ứng 治平龍應 (1205 - 1210)

### 1. Tô Hiến Thành làm Phụ chính

Khi vua Anh Tông mất, Thái tử Long Cán chưa đầy 3 tuổi, bà Chiêu Linh Thái hậu muốn lập người con trưởng là con mình tên là Long Xưởng<sup>(1)</sup> lên làm vua, đem vàng bạc đút lót cho vợ Tô Hiến Thành, nhưng ông nhất thiết không chịu, bèn cứ theo di chiếu mà lập Long Cán, tức là vua Cao Tông 高宗.

Tô Hiến Thành giúp vua Cao Tông trị nước, đến năm Kỷ Hợi (1179) thì mất. Sử chép rằng khi ông đau có quan Tham tri chính sự là Vũ Tán Đường 武贊唐, ngày đêm hầu hạ. Đến khi bà Đỗ Thái hậu<sup>(2)</sup> ra thăm hỏi ngày sau ai thay được ông, ông tâu rằng: có quan Gián nghị đại phu Trần Trung Tá 陳忠佐. Thái hậu ngạc nhiên nói rằng sao không cử Vũ Tán Đường? Ông đáp: “Nếu bề hạ hỏi người hầu hạ, thì xin cử người Tán Đường, hỏi người giúp nước thì tôi xin cử người Trung Tá”.

Tô Hiến Thành không những là một người có tài thao lược, dẹp giặc yên dân mà thôi, cách thờ vua thật là trung thành cho nên người đời sau thường ví ông với Gia Cát Lượng đời Tam Quốc bên Tàu.

(1) Long Xưởng trước đã lập làm Thái tử, sau vì có tội phải giáng xuống làm thứ dân.

(2) Đỗ Thái hậu là mẹ đẻ ra Cao Tông.



Tô Hiến Thành mất rồi, triều đình không theo lời ông ấy dặn, cử Đỗ Yên Di 杜安頤 làm Phụ chính và Lý Kính Tu 李敬修 làm Để sứ. Đình thần bấy giờ có nhiều người đứng đắn, cho nên bà Chiêu Linh Thái hậu không dám mưu sự phế lập.

Đến khi Cao Tông lớn lên cầm quyền trị nước, thì cứ hay đi săn bắn chơi bời, làm cung xây điện, bắt trăm họ phải phục dịch khổ sở. Ngoài biên thì quân Mường Thổ ở bên Tàu sang quấy nhiễu ở phía Bắc, người Chiêm Thành sang đánh ở phía Nam; trong nước thì trộm cướp nổi lên như ong dấy. Vua tôi không ai lo nghĩ gì đến việc chính trị, chỉ làm những việc nhùng lậm, mua quan bán chức, hà hiếp nhân dân, lấy tiền để làm những việc xa xỉ.

## 2. Sự nội loạn

Năm Mậu Thìn<sup>(1)</sup> (1208) ở Nghệ An có Phạm Du 范猷, chiêu nạp những đồ vong mệnh, cho đi cướp các thôn dân, có bụng làm phản. Cao Tông sai quan Phụng ngự là Phạm Bình Di 范秉彝 đi đánh Phạm Du. Bình Di đem quân vào đến nơi đánh đuổi Phạm Du đi và tịch biên cả của cải, đốt phá cả nhà cửa.

Phạm Du cho người về kinh, lấy vàng bạc đút lót với các quan trong triều, để vu cho Bình Di ra làm việc hung bạo, giết hại những kẻ không có tội, và Phạm Du lại xin về triều để kêu oan.

Cao Tông nghe lời, cho vời Phạm Du vào châu và triệu Phạm Bình Di về.

Bình Di về kinh vào châu, Cao Tông truyền bắt giam, lại toan đem làm tội. Bấy giờ có bộ tướng của Bình Di là Quách Bốc 郭卜 đem quân phá cửa thành vào cứu Bình Di.

---

(1) Sách gốc ghi là năm Bính Thìn, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



Cao Tông thấy biến, bèn đem giết Phạm Bình Di đi, rồi cùng với Thái tử chạy lên mạn sông Quy Hóa (sông Thao Giang ở phía Bắc huyện Tam Nông, Phú Thọ). Thái tử Sam<sup>(1)</sup> 昷 thì chạy về Hải Ấp, làng Lưu Gia (bây giờ là làng Lưu Xá, huyện Hưng Nhân).

Bọn Quách Bốc đưa xác Bình Di ra mai táng xong rồi, lại vào điện tôn hoàng tử Thẩm 忱 lên làm vua.

Khi Thái tử Sam chạy về Hải Ấp vào ở nhà Trần Lý 陳李. Nguyên Trần Lý là người làng Túc Mặc<sup>(2)</sup> (huyện Mỹ Lộc, phủ Xuân Trường, tỉnh Nam Định) làm nghề đánh cá, nhà giàu, có nhiều người theo phục, sau nhân buổi loạn cũng đem chúng đi cướp phá. Đến khi Thái tử Sam chạy về đấy, thấy con gái Trần Lý có nhan sắc, lấy làm vợ, rồi phong cho Trần Lý tước Minh Tự và phong cho người cậu Trần Thị là Tô Trung Từ 蘇忠詞, người ở làng Lưu Gia làm Điện tiền Chỉ huy sứ.

Anh em họ Trần mộ quân về kinh dẹp loạn, rồi lên Quy Hóa rước Cao Tông về cung. Cao Tông cho quan về làng Lưu Gia đón Thái tử, còn Trần Thị thì về ở nhà Trần Lý.

Cao Tông về kinh được một năm thì phải bệnh, đến tháng 10 năm Canh Ngọ (1210) thì mất, trị vì được 35 năm, thọ 38 tuổi.

## VIII. LÝ HUỆ TÔNG (1211 - 1224<sup>(3)</sup>)

*Niên hiệu:* Kiến Gia 建嘉 (1211 - 1224)

### 1. Trần Thị

Thái tử Sam 昷 lên ngôi, tức là vua Huệ Tông 惠宗, rồi sai quan đi rước Trần Thị về phong làm Nguyên phi.

(1) Có sách phiên là Sảm [BT].

(2) Cũng được gọi là làng Túc Mặc [BT].

(3) Sách gốc ghi là 1225, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

Bấy giờ Trần Lý đã bị quân cướp giết, chúng theo về người con thứ là Trần Tự Khánh 陳嗣慶. Huệ Tông bèn phong cho Tự Khánh làm Chương Tín hầu và cho người cậu Trần Thị là Tô Trung Từ làm Thái úy Thuận Lưu bá.

Năm Quý Dậu (1213) Thái hậu làm khổ Trần Thị ở trong cung, anh Trần Thị là Tự Khánh đem quân đến chốn kinh sư, nói rằng xin rước vua đi. Huệ Tông không biết tình ý gì, nghi Tự Khánh có ý phản nghịch bèn giáng Trần Thị xuống làm Ngự nữ. Tự Khánh nghe tin ấy, thân đến quân môn xin lỗi và rước vua đi. Huệ Tông càng nghi lắm, bèn cùng với Thái hậu đi lên Lạng Châu (Lạng Sơn).

Tự Khánh lại phát binh xin rước vua như trước, Huệ Tông sợ lại rước Thái hậu về huyện Bình Hợp (?).

Khi bấy giờ bà Thái hậu cho Tự Khánh là phản trắc, thường chỉ mặt Trần Thị mà xỉ mắng và xui Huệ Tông bỏ đi. Huệ Tông không nghe, Thái hậu định bỏ thuốc độc cho Trần Thị, nhưng Huệ Tông biết ý, đến bữa ăn thì ăn một nửa, còn một nửa cho Trần Thị ăn và ngày đêm không cho đi đâu. Sau vì Thái hậu làm ngật quá, Huệ Tông và Trần Thị đêm lên ra đi đến nhà tướng quân Lê Mịch 黎覓 ở huyện Yên Duyên rồi lại đến châu Cửu Liên (?), cho đòi Tự Khánh đến châu.

## 2. Quyền về họ Trần

Trần Tự Khánh đem quân đến hộ giá. Huệ Tông phong Trần Thị làm Hoàng hậu. Tự Khánh làm Phụ chính và người anh Tự Khánh là Trần Thừa 陳承 làm Nội thị phán thủ. Trần Tự Khánh cùng với Thượng tướng quân là Phan Lâm 潘鄰 sửa sang quân ngũ, làm đồ chiến khí, luyện tập việc võ. Từ đấy quân thế lại nổi dần dần lên.



Huệ Tông phải bệnh, thỉnh thoảng có cơn điên, rồi cứ uống rượu say ngủ cả ngày, còn việc chính trị đều ở tay Tự Khánh quyết đoán cả.

Đến tháng chạp năm Quý Mùi (1223<sup>(1)</sup>) Tự Khánh mất, Huệ Tông cho Trần Thừa làm Phụ quốc Thái úy, sang năm sau lại cho người em họ Hoàng hậu là Trần Thủ Độ 陳守度 làm Điện tiền Chỉ huy sứ. Từ đó việc gì ở trong triều cũng quyền ở Thủ Độ cả.

Huệ Tông có bệnh mãi không khỏi, mà Thái tử thì chưa có, Trần Thị chỉ sinh được hai người con gái, người chị là Thuận Thiên công chúa 順天公主 thì đã gả cho Trần Liễu 陳柳 là con trưởng của Trần Thừa; còn người em là Chiêu Thánh công chúa 昭聖公主 tên là Phật Kim 佛金 thì mới lên 7 tuổi, Huệ Tông yêu mến lắm, cho nên mới lập làm Thái tử. Tháng 10 năm Giáp Thân (1224) Huệ Tông truyền ngôi cho Chiêu Thánh công chúa, rồi vào ở chùa Chân Giáo.

Huệ Tông trị vì được 14 năm.

## IX. LÝ CHIÊU HOÀNG (1225)

*Niên hiệu:* Thiên Chương Hữu Đạo 天彰有道

(1224 - 1225)

Chiêu Thánh công chúa lên ngôi, tức là vua Chiêu Hoàng 昭皇. Bấy giờ quyền chính ở cả Trần Thủ Độ. Thủ Độ lại tư thông với Trần Thái hậu, đêm ngày tìm mưu lấy cơ nghiệp nhà Lý, bèn đòi con các quan vào trong cung để hầu Chiêu Hoàng, và lại cho cháu là Trần Cảnh 陳煚 vào làm chức Chính thủ 正首. Đến tháng chạp thì Chiêu Hoàng lấy Trần Cảnh và truyền ngôi cho chồng.

---

(1) Sách gốc ghi là 1228, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



Nhà Lý đến đây là hết, cả thầy làm vua được 216 năm, truyền ngôi được 9 đời.

Nhà Lý có công làm cho nước Nam ta nên được một nước cường thịnh: ngoài thì đánh nước Tàu, bình nước Chiêm, trong thì chỉnh đốn việc võ bị, sửa sang pháp luật, xây vững cái nền tự chủ. Vì vua Cao Tông hoang chơi, làm mất lòng người, cho nên giặc giã nổi lên, loạn thần nhiều sự. Vua Huệ Tông lại nhu nhược bỏ việc chính trị, đem giang sơn phó thác cho người con gái còn đang thơ dại, khiến cho kẻ gian hùng được nhân dịp mà lấy giang sơn nhà Lý và lập ra cơ nghiệp nhà Trần vậy.

# LÝ TRIỀU THẾ PHỔ

李朝世譜

## 1. Thái Tổ Lý Công Uẩn 太祖李公蘊

2. Thái Tông Phật Mã 太宗佛瑪  
Đức Thánh Vương 聖王  
Khai Quốc Vương Bồ 開國王菩  
Đông Chinh Vương Lực 東征王力  
Võ Đức Vương 武德王  
Hoảng 晃

3. Thánh Tông Nhật Tôn 聖宗日尊  
Nhật Trung 日中

4. Nhân Tông Càn Đức 仁宗乾德  
Sùng Hiến Hầu 崇賢侯

5. Thần Tông Dương Hoán 神宗陽煥

Thiên Lộc 天祿

6. Anh Tông Thiên Tộ 英宗天祚

Long Xưởng 龍昶

7. Cao Tông Long Cán 高宗龍幹

8. Huệ Tông Sam 惠宗

Thuận Thiên công chúa (順天公主)

9. Chiêu Hoàng (Chiêu Thánh công chúa Phật Kim)

昭皇

昭聖公主佛金



## CHƯƠNG VI

# NHÀ TRẦN

陳 氏

(1225 - 1400)



THỜI KỲ THỨ NHẤT (1225 - 1293)

### I. TRẦN THÁI TÔNG

1. Trần Thủ Độ
2. Việc đánh dẹp giặc giã
3. Việc cai trị
4. Việc thuế má
5. Việc đắp đê
6. Việc học hành
7. Pháp luật
8. Quan chế
9. Binh chế
10. Việc đánh Chiêm Thành
11. Quân Mông Cổ xâm phạm đất An Nam

### II. TRẦN THÁNH TÔNG

1. Việc chính trị
2. Sự giao thiệp với Mông Cổ

### III. TRẦN NHÂN TÔNG

1. Việc chiến tranh
2. Việc văn học

## I. TRẦN THÁI TÔNG (1225 - 1258)

*Niên hiệu:* Kiến Trung 建中 (1225 - 1237) -

Thiên Ứng Chính Bình 天應政平 (1238 - 1250) -

Nguyên Phong 元豐 (1251 - 1258)

### 1. Trần Thủ Độ

Tháng chạp năm Ất Dậu (1225) Trần Cảnh 陳昉 lên làm vua, tức là Trần Thái Tông 陳太宗 phong cho Trần Thủ Độ 陳守度 làm Thái sư Thống quốc hành quân chinh thảo sự 太師統國行軍征討事.

Bấy giờ vua Thái Tông mới có 8 tuổi, việc gì cũng do ở Trần Thủ Độ cả. Thủ Độ tuy là một người không có học vấn nhưng thật là một tay gian hùng, chủ ý cốt gây dựng cơ nghiệp nhà Trần cho bền chặt, cho nên dẫu việc tàn bạo đến đâu, cũng làm cho được. Lý Huệ Tông tuy đã xuất gia đi ở chùa rồi nhưng Thủ Độ vẫn định bụng giết đi, cho khỏi sự lo về sau.

Một hôm Huệ Tông ngồi nhỏ cở ở sân chùa Chân Giáo, Thủ Độ đi qua trông thấy, mới nói rằng: “Nhỏ cở thì phải nhỏ cả rể cái nó đi!”. Huệ Tông nghe thế, phủi tay đứng dậy nói rằng: “Nhà ngươi nói ta hiểu rồi”. Được mấy hôm, Thủ Độ cho người đến mời Huệ Tông, Huệ Tông biết ý, vào nhà sau thất cổ tự tậ. Thủ Độ đưa bách quan đến tế khóc xong rồi đem hỏa táng, chôn ở tháp Bảo Quang.

Còn Thái hậu là Trần Thị giáng xuống làm Thiên Cực công chúa để gả cho Trần Thủ Độ (Trần Thủ Độ và Thiên Cực công chúa là hai chị em họ). Bao nhiêu những cung nhân nhà Lý thì đưa gả cho những tù trưởng các Mường.

Thủ Độ đã hại Huệ Tông rồi, lại muốn trừ nốt các tôn thất nhà Lý. Đến năm Nhâm Thìn (1232) nhân làm lễ Tiên hậu 先后 nhà Lý ở thôn Thái Đường, làng Hoa Lâm (huyện Đông Ngạn, tỉnh Bắc Ninh), Thủ Độ sai đào hầm, làm nhà lá ở trên, để đến





khi các tôn thất nhà Lý vào đấy tế lễ, thì sụt cả xuống hố rồi đổ đất chôn sống cả.

Thủ Độ chỉ lo làm thế nào cho ngôi nhà Trần được vững bền, cho nên không những là tàn ác với nhà Lý mà thôi, đến luân thường ở trong nhà, cũng làm loạn cả. Chiêu Thánh Hoàng hậu lấy Thái Tông đã được 12 năm mà vẫn chưa có con<sup>(1)</sup>, Thủ Độ bắt Thái Tông bỏ đi và giáng xuống làm công chúa, rồi đem người chị bà Chiêu Thánh tức là vợ Trần Liễu 陳柳 vào làm Hoàng hậu, bởi vì người chị đã có thai được ba tháng.

Làm loạn nhân luân như thế, thì tự thượng cổ mới có là một. Trần Liễu tức giận, đem quân làm loạn. Vua Thái Tông bị Thủ Độ hiếp chế như thế, trong bụng cũng không yên, đến đêm trốn ra, lên ở chùa Phù Vân, trên núi Yên Tử (huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên<sup>(2)</sup>). Trần Thủ Độ biết tin ấy, đem quần thần đi đón Thái Tông về. Thái Tông không chịu về, nói rằng: “Trẫm còn nhỏ dại, không kham nổi việc to lớn, các quan nên chọn người khác để cho khỏi nhục xã tắc”. Thủ Độ nói mãi không nghe, ngoảnh lại bảo bách quan rằng: “Hoàng thượng ở đâu là triều đình ở đấy!”. Nói đoạn, truyền sắp sửa xây cung điện ở chùa Phù Vân. Quốc sư ở chùa ấy thấy thế, vào van lạy Thái Tông về triều, Thái Tông bắt đắc dĩ truyền xa giá về kinh.

Được ít lâu Trần Liễu biết sức mình không làm gì nổi, bèn nhân lúc Thái Tông ngự thuyền đi chơi, giả làm người đánh cá lên xuống thuyền ngự, xin hàng. Hai anh em ôm nhau mà khóc. Thủ Độ nghe tin, đến rút gươm toan giết Trần Liễu, Thái Tông can mãi mới thôi. Sau Thái Tông lấy đất Yên Phụ, Yên Đường, Yên Sinh và Yên Bang (ở huyện Đông Triều và phủ Kinh Môn, Hải Dương) cho Trần Liễu làm thái ấp và phong cho làm An Sinh Vương 安生王.

(1) Chiêu Thánh Hoàng hậu bảy giờ mới có 19 tuổi.

(2) Tỉnh Quảng Yên cũ nay thuộc tỉnh Quảng Ninh [BT].



Thủ Độ đã hại hết cả dòng dõi họ Lý, lại muốn cho hậu thế không ai nhớ đến họ Lý nữa, mới nhân vì tổ nhà Trần tên là Lý, bắt trong nước ai là họ Lý đều phải cải là họ Nguyễn.

Thủ Độ thật là người rất gian ác đối với nhà Lý, nhưng lại là một người đại công thần của nhà Trần. Một tay cáng đáng bao nhiêu trọng sự, giúp Thái Tông bình phục được giặc giã trong nước và chinh đồn lại mọi việc, làm cho nước Nam ta bấy giờ được cường thịnh, ngày sau có thể chống cự với Mông Cổ, khỏi phải làm nô lệ những kẻ hùng cường.

## 2. Việc đánh dẹp giặc giã

Nước An Nam từ khi vua Cao Tông nhà Lý thất chính, trong nước chỗ nào cũng có giặc giã. Ở mạn Quốc Oai thì có giặc Mường làm loạn, ở Hồng Châu thì có Đoàn Thượng 段尚 chiếm giữ đất Đường Hào, tự xưng làm vua, ở Bắc Giang thì có Nguyễn Nộn 阮嫩 độc lập xưng vương ở làng Phù Đổng. Ấy là một nước mà chia ra làm mấy giang sơn.

Khi Trần Thủ Độ đã thu xếp xong việc cướp ngôi nhà Lý rồi, mới đem quân đi đánh dẹp. Trước lên bình giặc Mường ở Quốc Oai, sau về đánh bọn Đoàn Thượng và Nguyễn Nộn. Nhưng thế lực hai người ấy mạnh lắm, Trần Thủ Độ đánh không lại, bèn chia đất phong cho hai người làm vương để giảng hòa.

Năm Mậu Tý (1228) Nguyễn Nộn đem quân đánh Đoàn Thượng, chiếm giữ lấy đất Đường Hào, thanh thế lừng lẫy. Trần Thủ Độ đã lấy làm lo. Nhưng chỉ được mấy tháng, thì Nguyễn Nộn chết. Từ đó các châu huyện trong nước lại thống hợp làm một.

## 3. Việc cai trị

Cứ theo phép nhà Lý thì làng nào có bao nhiêu người đi làm quan văn, quan võ, thơ lại, quân lính, hoàng nam, lung lão, tàn tật, và những người đến ở ngụ cư, hay là những người xiêu lạc



đến ở trong làng, thì xã quan phải khai vào cả quyển sổ gọi là trưởng tịch 帳藉. Ai có quan tước mà có con được thừa ấm thì con lại được vào làm quan, còn những người giàu có, mà không có quan tước thì đời đời cứ phải đi lính. Thái Tông lên làm vua phải theo phép ấy, cho nên đến năm Mậu Tý (1288) lại sai quan vào Thanh Hóa làm lại trưởng tịch theo như lệ nhà Lý ngày trước.

Năm Nhâm Dần (1242) Thái Tông chia nước Nam ra làm 12 lộ. Mỗi lộ đặt quan cai trị là An phủ sứ 安撫使, chánh phó 2 viên. Dưới An phủ sứ có quan Đại tư xã 大司社 và Tiểu tư xã 小司社. Từ ngũ phẩm trở lên thì làm Đại tư xã, lục phẩm trở xuống thì làm Tiểu tư xã, mỗi viên cai trị, hoặc hai xã, hoặc ba bốn xã. Mỗi xã lại có một viên xã quan là Chánh sử giám 正史監.

Lộ nào cũng có quyển dân tịch riêng của lộ ấy.

#### 4. Việc thuế má

Người trong nước phân ra từng hạng: con trai từ 18 tuổi thì vào hạng tiểu hoàng nam, từ 20 tuổi vào hạng đại hoàng nam. Còn từ 60 tuổi trở lên thì vào lão hạng.

*Thuế thân:* Thuế thân thời bấy giờ tùy theo số ruộng mà đánh, ai có một hai mẫu ruộng thì phải đóng một năm một quan tiền thuế thân; ai có ba bốn mẫu, thì đóng hai quan; ai có năm mẫu trở lên, thì đóng ba quan. Ai không có mẫu nào, thì không phải đóng thuế.

*Thuế ruộng:* Thuế ruộng thì đóng bằng thóc: cứ mỗi một mẫu thì chủ điền phải đóng 100 thăng thóc.

Còn như ruộng công, thì có sách chép rằng đời nhà Trần có hai thứ ruộng công, mỗi thứ phân ra làm ba hạng.

1. Một thứ gọi là *ruộng quốc khố*: hạng nhất mỗi mẫu đánh thuế 6 thạch 80 thăng thóc; hạng nhì mỗi mẫu 4 thạch; hạng ba mỗi mẫu 3 thạch.



2. Một thứ gọi là *thác điền*<sup>(1)</sup>: hạng nhất, mỗi mẫu đánh thuế một thạch thóc; hạng nhì, ba mẫu lấy một thạch; hạng ba, bốn mẫu lấy một thạch.

Còn ruộng ao của công dân thì mỗi mẫu lấy ba thăng thóc thuế.

Ruộng muối phải đóng bằng tiền.

*Các thứ thuế*: Có sách chép rằng nhà Trần đánh cả thuế trâu cau, thuế hương yên túc, và tôm, cá, rau, quả, gì cũng đánh thuế cả.

Còn như vàng bạc tiêu dụng trong nước thì tiêu bằng phân, lượng đã đúc sẵn, có hiệu nhà nước. Khi nào đóng nộp cho vua quan, thì một tiền là 70 đồng, mà thường tiêu với nhau thì một tiền chỉ có 69 đồng mà thôi.

## 5. Việc đắp đê

Nước Nam ta ở mạn đường ngược thì lắm núi, mà ở mạn trung châu thì nhiều sông ngòi, cho nên đến mùa lụt nước ngàn, nước lũ chảy về ngập mất cả đồng điền. Vì vậy năm Mậu Thân (1248<sup>(2)</sup>) Thái Tông sai quan ở các lộ đắp đê ở hai bên bờ sông Cái (Hong Hà), gọi là Đỉnh Nhĩ đê. Lại đặt quan để coi việc đê, gọi là Hà đê chánh phó sứ hai viên. Hễ chỗ nào mà đê đắp vào ruộng của dân, thì nhà nước cứ chiếu theo giá ruộng mà bồi thường cho chủ ruộng.

---

(1) Sử chép rằng ông Lê Phụng Hiểu đời vua Lý Thái Tông đi đánh giặc lập được nhiều công. Sau vua định phong tước cho ông, ông từ chối, xin lên núi ném con dao, hễ rơi đến đâu xin lấy đất làm tư nghiệp.

Vua thuận cho. Lê Phụng Hiểu mới lên núi Bạng Sơn ném con dao xuống xa được 10 dặm. Vua bèn lấy ruộng ở chung quanh núi Bạng Sơn cho ông Lê Phụng Hiểu, gọi là *thác đao điền*. Sau thành ra tên *thác điền* là ruộng để thưởng công cho các quan.

(2) Sách gốc ghi là 1244, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



## 6. Việc học hành

Năm Nhâm Thìn (1232) mở khoa thi Thái học sinh (thi Tiến sĩ). Từ đời nhà Lý cũng đã có thi nho sĩ, nhưng chỉ thi Tam trường mà thôi, đến bây giờ mới có khoa thi Thái học sinh, chia ra thứ bậc, làm ba giáp để định cao thấp. Đến khoa thi năm Đinh Mùi (1247) lại đặt ra tam khôi: trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa. Khoa thi năm Đinh Mùi này có Lê Văn Hưu, là người làm sử nước Nam trước hết cả, đỗ bảng nhãn. Năm ấy lại có mở khoa thi Tam giáo: Nho, Thích<sup>(1)</sup>, Lão, ai hơn thì đỗ khoa Giáp, ai kém thì đỗ khoa Ất.

Xem như thế thì sự học vấn đời nhà Trần cũng rộng: Nho, Thích, Lão cũng trọng cả. Nhưng không rõ cách học hành và phép thi cử bấy giờ ra thế nào, bởi vì chỗ này sử chỉ nói lược qua mà thôi.

Năm Quý Sửu (1253) lập Quốc học viện để giảng Tứ thư Ngũ kinh, và lập Giảng võ đường để luyện tập võ nghệ.

## 7. Pháp luật

Sử chép rằng năm Giáp Thìn (1244) vua Thái Tông có định lại các luật pháp, nhưng không nói rõ định ra thế nào. Xét trong sách *Lịch triều hiến chương* 歷朝憲章 của ông Phan Huy Chú 潘輝注 thì phép nhà Trần đặt ra là hễ những người phạm tội trộm cắp đều phải chặt tay, chặt chân, hay là cho voi giày.

Xem như thế thì hình luật thời bấy giờ nặng lắm.

## 8. Quan chế

Quan chế đời nhà Trần cũng sửa sang lại cả. Bấy giờ có Tam công, Tam thiếu, Thái úy, Tư mã, Tư đồ, Tư không, làm văn võ đại thần. Tể tướng thì có Tả hữu Tướng quốc, Thủ tướng, Tham tri.

---

(1) Đạo Phật [BT].



Văn giai nội chức, thì có các bộ Thượng thư, Thị lang, Lang trung, Viên ngoại, Ngự sử, v.v... Ngoại chức, thì có An phủ sứ, Tri phủ, Thông phán, Thiêm phán, v.v...

Còn võ giai nội chức, thì có Phiêu kỵ Thượng tướng quân, Cẩm vệ Thượng tướng quân, Kim ngô Đại tướng quân, Võ vệ Đại tướng quân, Phó đô tướng quân, v.v... Ngoại chức thì có Kinh lược sứ, Phòng ngự sứ, Thủ ngự sứ, Quan sát sứ, Đô hộ, Đô thống, Tổng quản, v.v...

Quan lại đời bấy giờ, cứ 10 năm, thì được thăng lên một hàm, và 15 năm mới được lên một chức.

Đời nhà Trần, tuy quan lại thì nhiều, nhưng vua quan có ý thân cận với nhau lắm. Hễ khi nào vua đãi yến, các quan uống rượu xong rồi, thì ra dặt tay nhau mà múa hát, không có giữ lễ phép nghiêm khắc như những đời sau.

## 9. Binh chế

Từ khi Thái Tông lên ngôi làm vua thì việc binh lính một ngày một chỉnh đốn thêm. Bao nhiêu những người dân tráng trong nước đều phải đi lính cả. Các thân vương ai cũng được quyền mộ tập quân lính. Vì có ấy cho nên đến sau người Mông Cổ sang đánh, nước Nam ta có hơn 20 vạn quân để chống với quân nghịch.

Trừ những giặc giã nhỏ mọn ở trong nước không kể chi, nước Nam ta bấy giờ ở phía Nam có Chiêm Thành, phía Bắc có quân Mông Cổ sang quấy nhiễu cho nên phải đánh dẹp luôn.

## 10. Việc đánh Chiêm Thành

Từ khi Thái Tông lên làm vua, nước Chiêm Thành đã sang cống tiến, nhưng thường vẫn cứ sang cướp phá và cứ đòi lại đất cũ. Thái Tông lấy làm tức giận, bèn sửa soạn sự đi đánh Chiêm Thành. Năm Nhâm Tý (1252) ngài ngự giá đi đánh, bắt được

vương phi nước Chiêm tên là Bố Gia La 布耶羅 và quân dân nước ấy rất nhiều.

## 11. Quân Mông Cổ xâm phạm đất An Nam

Trong khi nhà Lý mất ngôi, nhà Trần lên làm vua ở An Nam, thì nhà Tống bên Tàu bị người Mông Cổ đánh phá.

Nguyên ở phía Bắc nước Tàu có một dân tộc gọi là Mông Cổ 蒙古, ở vào khoảng thượng lưu sông Hắc Long giang (Amour). Người Mông Cổ hung tợn, mà lại có tính hiếu chiến, người nào cưỡi ngựa cũng giỏi và bắn tên không ai bằng. Binh lính thường là quân kỵ, mà xếp đặt thành cơ nào đội ấy, thật là có thứ tự, và người nào cũng tinh nghề chiến đấu.

Bởi tính chất và binh pháp của người Mông Cổ như thế, cho nên Thiết Mộc Chân (Témoudjine) tức là Thành Cát Tư Hãn (Gengis khan), miếu hiệu<sup>(1)</sup> là Nguyên Thái Tổ, mới chiếm giữ được cả vùng Trung Á, cùng đất Ba Tư, sang đến phía Đông Bắc Âu La Ba<sup>(2)</sup>. Sau quân Mông Cổ lại lấy được nước Tây Hạ, phía Tây Bắc nước Tàu, dứt được nước Kim và tràn sang đến nước Triều Tiên (Cao Ly).

Thành Cát Tư Hãn mất, người con thứ ba là A Loa Đài (Agotai) lên làm vua tức là Nguyên Thái Tông. A Loa Đài truyền cho con là Quý Do (Gouyouk) tức là Nguyên Định Tông.

Quý Do làm vua được non ba năm thì mất, ngôi vua Mông Cổ về chi khác. Người em con nhà chú là Mông Kha (Mongké) lên làm vua, tức là Nguyên Hiến Tông.

Mông Kha sai hai em là Hột Lỗ (Houlagen) sang kinh lý việc nước Ba Tư và Hốt Tất Liệt (Koubilai) sang đánh nhà Tống bên Tàu. Trong khi quân Mông Cổ đang đánh nhà Tống, thì Mông Kha

---

(1) Miếu hiệu là tên hiệu dùng trong tông miếu dành cho các vị quân chủ sau khi họ đã qua đời [BT].

(2) Âu La Ba tức là châu Âu [BT].



mất, Hốt Tất Liệt phải rút binh về lên ngôi vua, tức là Nguyên Thế Tổ. Hốt Tất Liệt lên làm vua rồi đổi quốc hiệu là Nguyên.

Hốt Tất Liệt lại sang đánh nhà Tống. Từ đó cả nước Tàu thuộc về Mông Cổ cai trị.

Khi Mông Kha hãy còn, Hốt Tất Liệt đem quân sang đánh nhà Tống, có sai một đạo quân đi đánh lấy nước Đại Lý 大理 (thuộc tỉnh Vân Nam bây giờ). Tướng Mông Cổ là Ngột Lương Hợp Thai 兀良合台 (Wouleangotai) sai sứ sang bảo vua Trần Thái Tông về thần phục Mông Cổ.

Thái Tông không những là không chịu, lại bắt giam sứ Mông Cổ, rồi sai Trần Quốc Tuấn 陳國峻 đem binh lên giữ ở phía Bắc. Bấy giờ là năm Đinh Tỵ (1257).

Ngột Lương Hợp Thai 兀良合台 bèn từ Vân Nam đem quân sang địa phận An Nam, đi đường sông Thao Giang, tỉnh Hưng Hóa, xuống đánh Thăng Long.

Trần Quốc Tuấn ít quân đánh không nổi, lùi về đóng ở Sơn Tây. Quân Mông Cổ kéo tràn xuống đến sông Thao. Thái Tông phải ngự giá thân chinh, nhưng đánh không được, chạy về đóng ở sông Hồng Hà<sup>(1)</sup>. Quân Mông Cổ tiến lên đánh đuổi quân nhà Trần đến Đông Bộ Đầu (phía Đông sông Nhị Hà ở hạt huyện Thượng Phúc). Thái Tông phải bỏ kinh đô, chạy về đóng ở sông Thiên Mạc (về hạt huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên).

Quân Mông Cổ vào thành Thăng Long, thấy ba người sứ Mông Cổ còn phải trói, giam ở trong ngục, đến khi cởi trói ra thì một người chết. Ngột Lương Hợp Thai thấy thế tức giận quá, cho quân ra cướp phá giết cả nam phụ lão ấu ở trong thành.

Bấy giờ thế nguy, Thái Tông ngự thuyền đến hỏi Thái úy là Trần Nhật Hiệu 陳日皎. Nhật Hiệu không nói gì cả, cầm sào viết xuống nước hai chữ “nhập Tống” 入宋. Thái Tông lại đi đến

---

(1) Sử ta chép là sông Phú Lương. Xem lời chú thích ở trang 118.





hỏi Thái sư Trần Thủ Độ. Thủ Độ nói rằng: “*Đầu tôi chưa rơi xuống đất, thì xin bệ hạ đừng lo!*”.

Thái Tông nghe thấy Thủ Độ nói cứng cỏi như thế, trong bụng mới yên.

Được ít lâu quân Mông Cổ ở nước Nam không quen thủy thổ xem ra bộ mỗi mệ. Thái Tông mới tiến binh lên đánh ở Đông Bộ Đầu. Quân Mông Cổ thua chạy về đến trại Quy Hòa, lại bị chủ trại ở đấy chiêu tập thổ dân ra đón đánh. Quân Mông Cổ thua to, rút về Vân Nam, đi đường mỗi mệ, đến đâu cũng không cướp phá gì cả, cho nên người ta gọi là giặc Phật.

Quân Mông Cổ tuy thua phải rút về, nhưng chẳng bao lâu vua Mông Cổ dứt được nhà Tống, lấy được nước Tàu, rồi có ý muốn bắt vua nước Nam ta sang châu ở Bắc Kinh, bởi vậy lại sai sứ sang đòi lệ cống. Vua Thái Tông sai Lê Phụ Trần 黎輔陳 sang sứ xin cứ ba năm sang cống một lần.

Mùa xuân năm Mậu Ngọ (1258), Thái Tông nhường ngôi cho Thái tử là Trần Hoảng 陳晃, để dạy bảo mọi việc về cách trị nước, và để phòng ngày sau anh em không tranh nhau.

Triều đình tôn Thái Tông lên làm Thái Thượng hoàng 太上皇 để cùng coi việc nước.

Thái Tông trị vì được 33 năm, làm Thái Thượng hoàng được 19 năm thì mất, thọ 60 tuổi.

## II. TRẦN THÁNH TÔNG (1258 - 1278)

Niên hiệu: Thiệu Long 紹隆 (1258 - 1272)

Bảo Phù 寶苻 (1273 - 1278)

### 1. Việc chính trị

Thái tử Hoảng 晃 lên ngôi, tức là vua Thánh Tông 聖宗, đổi niên hiệu là Thiệu Long 紹隆.



Thánh Tông là ông vua nhân từ trung hậu, ở với anh em họ hàng rất là tử tế. Thường hay nói rằng: “*Thiên hạ là của ông cha để lại, nên để cho anh em cùng hưởng phú quý chung*”. Rồi cho các hoàng thân vào nội điện, cùng ăn một mâm, nằm một giường, thật là thân ái, chỉ có lúc nào ra việc công, hoặc buổi chiều, thì mới phân thứ tự theo lễ phép mà thôi.

Còn việc nước thì thật ngài có lòng lo giữ cho dân được yên trị. Trong 21 năm ngài làm vua không có giặc giã gì cả. Việc học hành cũng mở mang thêm: cho Hoàng đệ Trần Ích Tắc 陳益稷 là một người hay chữ trong nước lúc ấy, mở học đường để những người văn sĩ học tập. Danh nho Mạc Đĩnh Chi 莫挺之 cũng học ở trường ấy ra.

Đời bấy giờ Lê Văn Hưu 黎文休 làm xong bộ *Đại Việt sử* 大越史<sup>(1)</sup> thành 30 quyển, chép từ Triệu Võ Vương đến Lý Chiêu Hoàng. Bộ sử này khởi đầu làm từ đời Trần Thái Tông đến năm Nhân Thân (1272) đời Thánh Tông mới xong. Nước Nam ta có quốc sử khởi đầu từ đấy.

Thánh Tông lại bắt các vương hầu, phò mã phải chiêu tập những người nghèo đói lưu lạc để khai khẩn hoang điền làm trang hộ. Trang điền có từ đấy.

## 2. Sự giao thiệp với Mông Cổ

Nước tuy được yên, song việc giao thiệp với Tàu một ngày một khó thêm. Đời bấy giờ Mông Cổ đã đánh được nhà Tống rồi, chỉ chục lấy nước An Nam, nhưng vì trước tướng Mông Cổ đã đánh thua một trận, vả trong nước Tàu cũng chưa được yên, cho nên vua Mông Cổ muốn dụng kế dụ vua An Nam sang hàng phục, để khỏi dùng can qua. Vậy cứ vài năm lại cho sứ sang sách nhiễu điều nọ điều kia, và dụ vua An Nam sang châu, nhưng vua ta cứ nay lần mai lửa, không chịu đi. Sau

---

(1) Nay ta thường gọi là *Đại Việt sử ký* [BT].

nhân dịp Thái Tông nhường ngôi cho Thánh Tông, vua Mông Cổ sai sứ sang phong vương cho Thánh Tông, và tuy không bắt nước Nam phải đổi phục sắc và chính trị, nhưng định cho ba năm phải một lần cống. Mà lệ cống thì phải cho nho sĩ, thầy thuốc, thầy bói, thầy toán số và thợ thuyền mỗi hạng ba người, cùng với các đồ sản vật như là sừng tê, ngà voi, đồi mồi, châu báu và các vật lạ. Vua Mông Cổ lại đặt quan Đạt lỗ hoa xích (tiếng Mông Cổ tức là quan Chuông ấn), để đi lại giám trị các châu quận nước Nam.

Ý Mông Cổ muốn biết nhân vật tài sản nước Nam ta có những gì, và học văn xảo kỹ ra làm sao, để liệu đường mà đánh lấy cho tiện. Và tuy rằng quyền chính trị vẫn để cho vua nước Nam, nhưng đặt quan giám trị để dần dần lập thành bảo hộ.

Thánh Tông bề ngoài tuy vẫn chịu thần phục, nhưng trong bụng cũng biết rằng Mông Cổ có ý đánh lấy nước mình, cho nên cứ tu binh dụng võ để phòng có ngày tranh chiến. Vậy tuyển đình tráng các lộ làm lính, phân quân ngũ ra làm *quân* và *đô*: mỗi *quân* 30 *đô*, mỗi *đô* có 80 người, bắt phải luyện tập luôn.

Năm Bính Dần (1266) nhân sứ Mông Cổ sang, Thánh Tông sai quan sang Tàu đáp lễ và xin đừng bắt nho sĩ, thầy bói và các thợ thuyền sang cống. Vua Mông Cổ ưng cho, nhưng bắt chịu 6 điều khác:

1. Vua phải thân vào châu;
2. Vua phải cho con hay là em sang làm tin;
3. Biên sổ dân sang nộp;
4. Phải chịu việc binh dịch;
5. Phải nộp thuế má;
6. Vẫn cứ đặt quan giám trị.

Vua An Nam cứ lần lữa không chịu. Đến năm Tân Mùi (1271) vua Mông Cổ là Hốt Tất Liệt 忽必烈 cải quốc hiệu là Đại



Nguyên 大元, rồi cho sứ sang dụ Thánh Tông sang châu nhưng Thánh Tông cáo bệnh không đi.

Năm sau Nguyên chủ cho sứ sang tìm cột đồng trụ của Mã Viện trồng ngày trước, nhưng Thánh Tông sai quan sang nói rằng: cột ấy lâu ngày mất đi rồi, không biết đâu mà tìm nữa. Việc ấy cũng thôi.

Đến năm Ất Hợi (1275) Thánh Tông sai sứ sang Tàu nói rằng: nước Nam không phải là nước Mường, Mán mà đặt quan giám trị, xin đổi quan Đạt lỗ hoa xích làm quan Dẫn tiến sứ 引進使. Vua nhà Nguyên không cho, lại bắt theo 6 điều đã định trước. Thánh Tông cũng không chịu. Tự đấy vua nhà Nguyên thấy dụng mưu không được, quyết ý cử binh sang đánh nước Nam, sai quan ở biên giới do thám địa thế nước ta. Bên An Nam cũng đặt quan phòng bị.

Năm Đinh Sửu (1277) Thái Thượng hoàng mất ở Thiên Trường phủ (tức là làng Tức Mạc). Năm sau (1278), Thánh Tông nhường ngôi cho Thái tử Khâm, rồi về ở Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng.

Thánh Tông trị vì được 21 năm, làm Thái Thượng hoàng được 13 năm, thọ 51 tuổi.

### III. TRẦN NHÂN TÔNG (1279 - 1293)

*Niên hiệu:* Thiệu Bảo 紹寶 (1279 - 1284)

Trùng Hưng 重興 (1285 - 1293)

#### 1. Việc chính trị

Thái tử Trần Khâm 陳吟 lên làm vua, tức là vua Nhân Tông 仁宗.



Lúc bấy giờ sứ nhà Nguyên 元 đi lại hạch điều này, trách điều nọ, triều đình cũng có lắm việc bối rối. Nhưng nhờ có Thánh Tông thượng hoàng còn coi mọi việc và các quan triều đình nhiều người có tài trí, vua Nhân Tông lại là ông vua thông minh, quả quyết, mà người trong nước thì từ vua quan cho chí dân sự đều một lòng cả, cho nên từ năm Giáp Thân (1284) đến năm Mậu Tý (1288) hai lần quân Mông Cổ sang đánh phá mà rồi không làm gì được.

Trừ việc chiến tranh với Mông Cổ ra, để sau sẽ nói, trong đời vua Nhân Tông lại còn có giặc Lào, thường hay sang quấy nhiễu ở chỗ biên thù, bởi vậy năm Canh Dần (1290) vua Nhân Tông lại phải ngự giá đi đánh Lào.

## 2. Việc văn học

Đời vua Nhân Tông có nhiều giặc giã, tuy vậy việc văn học cũng hưng thịnh lắm. Xem bài hịch của Hưng Đạo Vương 興道王, thơ của ông Trần Quang Khải 陳光启 và của ông Phạm Ngũ Lão 范五老 thì biết là văn chương đời bấy giờ có khí lực mạnh mẽ lắm.

Lại có quan Hình bộ Thượng thư là ông Nguyễn Thuyên 阮詮 khởi đầu dùng chữ Nôm mà làm thơ phú. Ông Nguyễn Thuyên là người Thanh Lâm 靑林<sup>(1)</sup>, tỉnh Hải Dương, có tiếng tài làm văn như ông Hàn Dũ 韓愈 bên Tàu ngày xưa, bởi vậy vua cho đổi họ là Hàn 韓. Về sau người mình theo lối ấy mà làm thơ, gọi là *Hàn luật*.

Năm Quý Ty (1293) Nhân Tông truyền ngôi cho Thái tử tên là Thuyên 詮, rồi về Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng. Nhân Tông trị vì được 14 năm, nhường ngôi được 13 năm, thọ 51 tuổi.

---

(1) Làng Lai Hạ, huyện Thanh Lâm, phủ Nam Sách, nay thuộc huyện Lang Tài [hay Lương Tài - BT], tỉnh Bắc Ninh.



## CHƯƠNG VII

# GIẶC NHÀ NGUYỄN

(1284 - 1288)



### I

1. Sài Thung sang sứ An Nam
2. Trần Di Ái theo nhà Nguyên
3. Thoát Hoan sang đánh lần thứ nhất
4. Trần Hưng Đạo Vương quân thua về Vạn Kiếp
5. Thành Thăng Long thất thủ
6. Toa Đô đánh Nghệ An
7. Hưng Đạo Vương đem vua về Thanh Hóa
8. Trần Hàm Tử Quan: Trần Nhật Duật phá quân Toa Đô
9. Trần Chương Dương Độ: Trần Quang Khải khôi phục Thăng Long
10. Trần Tây Kết: tướng nhà Trần chém Toa Đô
11. Trần Vạn Kiếp: Thoát Hoan trốn chạy về Tàu

### 1. Sài Thung sang sứ An Nam

Nhà Nguyên nghe tin Trần Thái Tông mới mất và Thánh Tông nhường vị, liền sai Lễ bộ Thượng thư là Sài Thung 柴椿 sang sứ, đi tự Giang Lăng (Hồ Bắc), qua Ung Châu (Quảng Tây) rồi sang nước Nam, chứ không đi qua tỉnh Vân Nam như các sứ thần trước.

Sài Thung đến kinh thành, lên mặt kiêu ngạo, cười ngửa đi thẳng vào cửa Dương Minh, rồi cho người đưa thư vào trách



Nhân Tông rằng: “Sao không xin phép triều đình nhà Nguyên, mà dám tự lập, vậy phải sang châu Thiên triều Hoàng đế mới xong”. Nhân Tông sai quan đại thần ra tiếp. Thung không thèm đáp lễ; vua bày yến mời, Thung không thèm đến. Đình thần An Nam ai cũng lấy làm tức giận nhưng không dám nói ra.

Sau vua phải dọn yến ở điện Tập Hiền, mời mãi Sài Thung mới đến. Đường khi uống rượu, Nhân Tông bảo Sài Thung rằng: “Quả nhân xưa nay sinh trưởng ở trong cung không quen phong thổ, không thể nào đi được”.

Được mấy hôm Sài Thung về nước. Nhân Tông sai sứ mang thư sang Tàu nói không thể sang châu được. Nguyên triều thấy vua An Nam không chịu sang châu, và cứ đưa thư sang nói thoái thác ra việc nọ việc kia, ý muốn cầm quân sang đánh, nhưng còn chưa quyết.

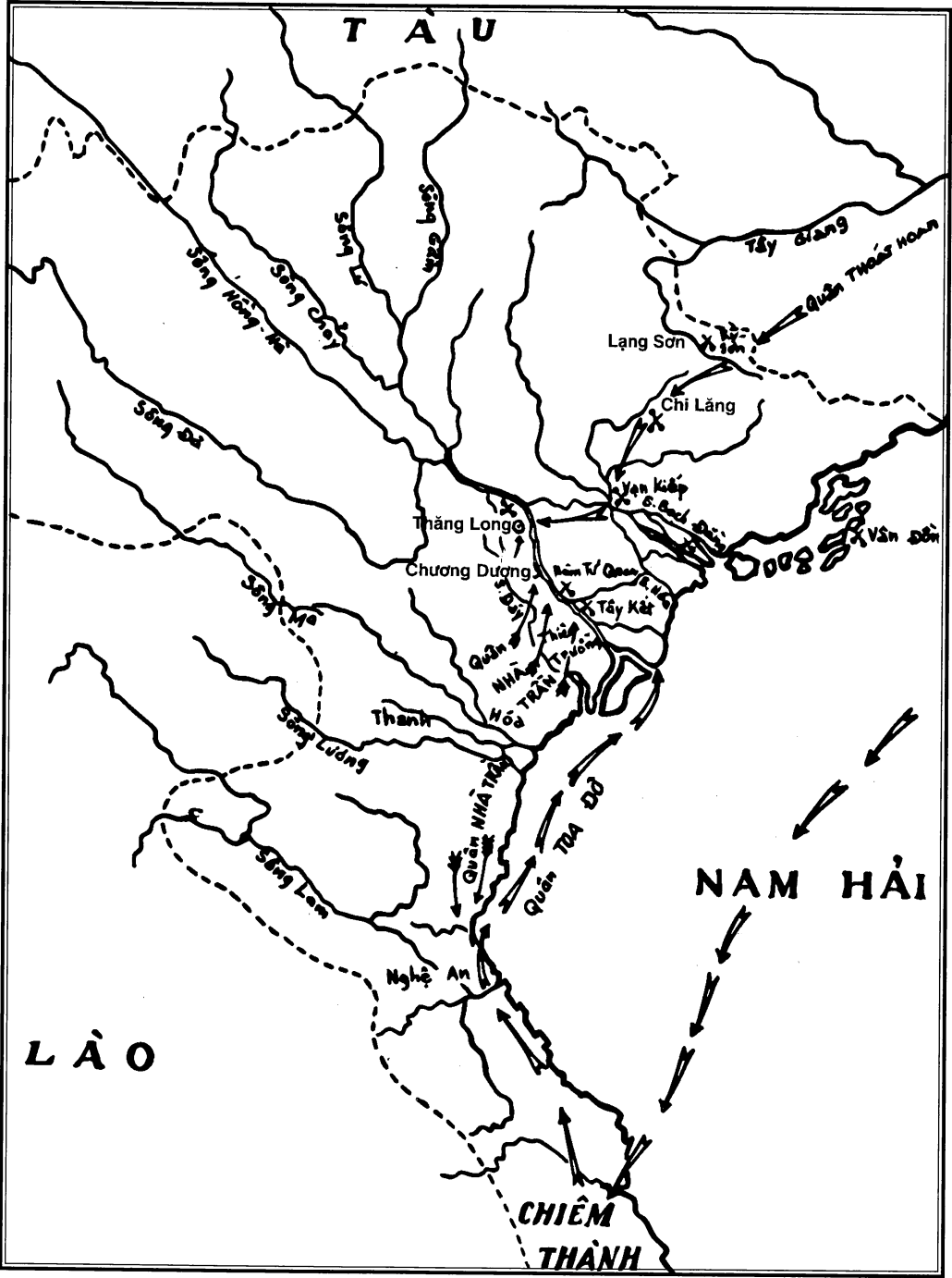
## 2. Trần Di Ái theo nhà Nguyên

Năm Nhâm Ngọ (1282) Nguyên chủ lại cho sứ sang dụ rằng: “Nếu vua nước Nam không sang châu được thì phải đưa vàng ngọc sang thay, và phải nộp hiền sĩ, thầy âm dương bói toán, thợ khéo mỗi hạng 2 người”.

Nhân Tông sai người chú họ là Trần Di Ái 陳遺愛 và Lê Tuân 黎荀, Lê Mục 黎目 sang thay cho mình. Nhưng Nguyên chủ không bằng lòng, quyết ý chiếm giữ quyền cai trị nước Nam, bèn xuống chỉ lập tòa Tuyên Phủ ty 宣撫司, đặt quan liêu thuộc để sang giám trị các châu huyện. Quan nhà Nguyên sang đến nơi, Nhân Tông không nhận, đuổi về Tàu.

Nguyên chủ thấy vậy giận lắm, bèn lập Trần Di Ái làm An Nam Quốc vương, phong cho Lê Mục làm Hàn lâm học sĩ, Lê Tuân làm Thượng thư lệnh, và sai Sài Thung dẫn 1.000 quân đưa bọn ấy về nước.

**BẢN ĐỒ NƯỚC NAM  
KHI NHÀ TRẦN CHỐNG VỚI MÔNG CỔ**





Trần Di Ái thấy Nguyên chủ phong cho cũng nhận, đưa về cũng về; chắc trong bụng đồ là chuyến này nhờ sức Mông Cổ, may việc xong, thì được làm vua, nhược bằng không xong, thì đổ cho là Nguyên chủ bắt ép; vì thế mới theo Sài Thung về.

Sài Thung đưa bọn Trần Di Ái đến gần ải Nam Quan, có tin phi báo về kinh đô. Nhân Tông liền sai tướng dẫn một đội quân lên đón đường đánh lũ nghịch thần. Sài Thung bị tên bắn mù mất một mắt, trốn chạy về Tàu, còn lũ Trần Di Ái bị bắt, phải tội đồ làm lính.

### 3. Thoát Hoan sang đánh lần thứ nhất

Nguyên chủ thấy Sài Thung bị thương chạy về tức giận lắm, bèn sai con là Thoát Hoan 脫驩 làm Trấn Nam Vương 鎮南王, cùng với bọn Toa Đô 唆都, Ô Mã Nhi 烏馬兒 dẫn 50 vạn quân, giả tiếng mượn đường đi qua nước Nam sang đánh Chiêm Thành.

Quan trấn thủ Lạng Sơn do thám được tin ấy, sai người về kinh đô phi báo. Nhân Tông ngự thuyền ra sông Bình Than 平灘<sup>(1)</sup> chỗ sông Đuống nối với sông Thái Bình, để hội các vương hầu bách quan lại bàn kế chống giữ.

Các quan, người thì nói nên để cho quân Nguyên mượn đường, người thì bảo nên đưa đồ sang cống để xin hoãn binh. Duy có Trần Quốc Tuấn 陳國峻 và Trần Khánh Dư 陳慶餘 quyết xin đem quân đi phòng giữ các nơi hiểm yếu, không cho quân Mông Cổ sang nước Nam. Nhân Tông ưng nghe lời ấy. Đến tháng mười năm Quý Mùi (1283) phong cho Hưng Đạo Vương là Trần Quốc Tuấn làm Tiết chế thống lĩnh mọi quân đi chống giữ với quân nhà Nguyên.

Qua tháng tám năm Giáp Thân (1284) ông Trần Quốc Tuấn truyền hịch cho các vương hầu hội hết quân sĩ tại bến

---

(1) Làng Bình Than, tổng Vạn Ty, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.



Đông Bộ Đầu 東步頭 để điểm duyệt. Quân thủy và quân bộ cả thảy 20 vạn.

Ông Trần Quốc Tuấn truyền cho các tướng sĩ rằng: “Bản chức phụng mệnh thống đốc quân sĩ ra phá giặc. Các vương hầu và các tướng sĩ, ai nấy phải cần giữ phép tắc, đi đâu không được nhiều dân và phải đồng lòng hết sức đánh giặc, chớ thấy thua mà ngã lòng, chớ thấy được mà tự kiêu, việc quân có luật, phép nước không thân, các người phải giữ”. Xong rồi sai Trần Bình Trọng 陳平仲 đem quân đi đóng đồn ở trên sông Bình Than, Trần Khánh Dư 陳慶餘 đem quân ra giữ mặt Vân Đồn (thuộc Vân Hải ở Quảng Yên) còn các tướng thì chia ra đóng các nơi hiểm yếu. Trần Quốc Tuấn tự dẫn đại quân đóng ở Vạn Kiếp 萬劫 (tức là làng Kiếp Bạc thuộc Hải Dương) để tiếp ứng cho các nơi.

Được ít lâu, Nhân Tông nghe tin về báo rằng quân nhà Nguyên hội tại Hồ Quảng sắp sửa kéo sang mặt Lạng Sơn. Vua có ý lo quân ta không địch nổi, bèn sai sứ mang đồ lễ sang Tàu, xin vua nhà Nguyên hoãn binh, để thương nghị lại.

Vua nhà Nguyên không nghe, sai Thoát Hoan cứ việc tiến binh sang.

Nhân Tông thấy vậy, lập tức cho triệu cả các bộ lão dân gian, hội tại điện Diên Hồng 延洪殿 để bàn xem nên hòa hay nên đánh. Các bộ lão đều đồng thanh xin đánh. Vua thấy dân gian một lòng như vậy, cũng quyết ý kháng cự.

Quân Nguyên chia ra làm hai đạo: một đạo do tướng Mông Cổ là Toa Đô 唆都 đem 10 vạn quân từ Quảng Châu đi hải đạo sang đánh Chiêm Thành; còn Thoát Hoan 脫驩 thì kéo đại binh đến ải quan, sai người đưa thư sang nói cho mượn đường đi đánh Chiêm Thành.

Nhân Tông tiếp được thư của Thoát Hoan, trả lời lại rằng: “Tự bản quốc sang Chiêm Thành, thủy lục không có đường nào



tiện”. Sứ giả về nói với Thoát Hoan, Thoát Hoan nổi giận, thúc quân kéo sang mạn Lạng Sơn, rồi sai quan Bả tổng tên là A Lý 阿里 đến dụ rằng: “Bản sұy chỉ nhờ đường Nam quốc sang đánh Chiêm Thành, chứ không có bụng gì đâu mà ngại. Nên mở cửa ải cho quân bản sұy đi, và đi đến đâu, nhờ giúp ít nhiều lương thảo, rồi khi nào phá xong Chiêm Thành thì sẽ có trọng tạ về sau. Nhược bằng kháng cự thiên binh, thì bản sұy sẽ không dung tình, phá tan bờ cõi, bấy giờ dù hối lại cũng không kịp”.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn 興道王陳國峻 nổi giận, đuổi A Lý về, rồi phân binh giữ ải Khả Ly và Lộc Châu (thuộc Lạng Sơn) còn mình thì tự dẫn đại quân đóng giữ núi Kỳ Cấp. Những chiến thuyền thì đóng ở Bái Tân<sup>(1)</sup> giữ mặt thủy.

#### 4. Trần Hưng Đạo Vương quân thua về Vạn Kiếp

Thoát Hoan thấy Hưng Đạo Vương giữ cả các nơi, liền tiến binh lên đánh núi Kỳ Cấp, ải Khả Ly và ải Lộc Châu. Quân hai bên đánh nhau ở núi Kỳ Cấp hai ba trận không phân thắng bại. Nhưng sau vì Khả Ly và Lộc Châu thất thủ, quân An Nam phải rút về ải Chi Lăng 支陵<sup>(2)</sup>. Thoát Hoan dẫn đại binh đến đánh Chi Lăng, Hưng Đạo Vương kém thế, thua chạy ra bến Bái Tân, xuống thuyền cùng với bọn gia tướng, là Dã Tượng 野象 và Yết Kiêu 歇驕 về Vạn Kiếp. Các tướng thu nhặt tàn quân dần dần cũng kéo về đấy cả.

Nhân Tông nghe Hưng Đạo Vương thua chạy về Vạn Kiếp, liền ngự một chiếc thuyền nhỏ xuống Hải Đông (tức là Hải Dương) rồi cho vời Hưng Đạo Vương đến bàn việc, nhân thấy quân mình thua, trong bụng lo sợ, mới bảo Hưng Đạo Vương

---

(1) Ở thượng lưu sông Lục Nam, có lẽ là bến Chũ.

(2) Cửa Chi Lăng, tục gọi là bầu Chi Lăng ở tổng Chi Lăng, gần ga Tuần Muội, thuộc về địa hạt châu Ôn, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ấy là một nơi hiểm địa nước Nam ta. Trần Hưng Đạo Vương sau lại phá quân Nguyên ở chỗ ấy, và đến đầu đời Lê, vua Thái Tổ giết tướng nhà Minh là Liễu Thăng cũng ở chỗ ấy.

rằng: “Thế giặc to như vậy, mà chống với nó thì dân sự tàn hại, hay là trẫm hãy chịu hàng đi để cứu muôn dân”.

Hưng Đạo Vương tâu rằng: “Bệ hạ nói câu ấy thì thật là lời nhân đức, nhưng mà tôn miếu xã tắc thì sao? Nếu bệ hạ muốn hàng, xin trước hãy chém đầu tôi đi đã, rồi sau sẽ hàng!”. Vua nghe lời nói trung liệt như vậy, trong bụng mới yên.

Hưng Đạo Vương chiêu tập quân các đạo, hội tại Vạn Kiếp được hơn 20 vạn quân, thế lại nổi to. Bấy giờ Hưng Đạo Vương có soạn ra một quyển *Binh thư yếu lược* 兵書要略 rồi truyền hịch khuyên răn các tướng sĩ. Tờ hịch ấy làm bằng Hán văn, nay dịch ra quốc âm như sau đây:

“Ta thường nghe chuyện: Kỷ Tín 紀信 liều thân chịu chết thay cho vua Cao Đế; Do Vu 由于 lấy mình đỡ ngọn giáo cho vua Chiêu Vương; Dự Nhượng 豫讓 nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoái 申蒯 chặt tay để cứu nạn cho nước; Kính Đức 敬德 là một chức quan còn nhỏ, mà liều thân cứu vua Thái Tông được thoát vòng vây; Kiểu Khanh 杲卿 là một bề tôi ở xa, mà kẻ tội mắng thẳng Lộc Sơn 祿山 là quân nghịch tặc. Các bậc trung thần nghĩa sĩ ngày xưa, bỏ mình vì nước, đời nào không có? Giả sử mấy người ấy cũng cứ bo bo theo lối thường tình, chết già ở xó nhà, thì sao cho lưu danh sử sách đến nghìn muôn đời như thế được?

Nay các người vốn dòng vũ tướng, không hiểu văn nghĩa, nghe những chuyện cổ tích ấy, nửa tin nửa ngờ, ta không nói làm gì nữa; ta hãy đem chuyện đời Tống, Nguyên mới rồi mà nói: Vương Công Kiên 王公堅 là người thế nào? Tỳ tướng của Vương Công Kiên là Nguyễn Văn Lập 阮文立 lại là người thế nào, mà giữ một thành Điếu Ngư<sup>(1)</sup> nhỏ mọn, chống với quân Mông

(1) Điếu Ngư là tên núi, thuộc phủ Trùng Khánh tỉnh Tứ Xuyên.

Kha<sup>(1)</sup> kể hàng trăm vạn, khiến cho dân sự nhà Tống, đến nay còn đội ơn sâu. Đường Ngột Ngại là người thế nào? Tỳ tướng của Đường Ngột Ngại là Xích Tu Tư lại là người thế nào, mà xông vào chỗ lam chướng xa xôi, đánh được quân Nam Chiếu trong vài ba tuần, khiến cho quân trưởng đời Nguyên đến nay còn lưu tiếng tốt. Huống chi ta cùng các người sinh ở đời nhiều nường, gặp phải buổi gian nan này, trông thấy những nguy sứ đi lại rầm rập ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà xỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, lại cậy thế Hốt Tất Liệt 忽必烈 mà đòi ngọc lụa, ý thế Vân Nam Vương<sup>(2)</sup> để vét bạc vàng; của kho có hạn, lòng tham không cùng, khác nào như đem thịt mà nuôi hổ đói, giữ sao cho khỏi tai vạ về sau!

Ta đây, ngày thì quên ăn, đêm thì quên ngủ, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ cảm tức rằng chưa được xả thịt lột da của quân giặc, dầu thân này phơi ngoài nội cỏ, xác này gói trong da ngựa, thì cũng đành lòng. Các người ở cùng ta coi giữ binh quyền, cũng đã lâu ngày, không có áo thì ta cho áo, không có ăn thì ta cho ăn, quan còn nhỏ thì ta thăng thưởng, lương có ít thì ta tăng cấp, đi thủy thì ta cho thuyền, đi bộ thì ta cho ngựa, lúc hoạn nạn thì cùng nhau sống chết, lúc nhàn hạ thì cùng nhau vui cười, những cách cư xử so với Vương Công Kiên, Đường Ngột Ngại ngày xưa cũng chẳng kém gì.

Nay các người trông thấy chủ nhục mà không biết lo, trông thấy quốc sỉ mà không biết thẹn, thân làm tướng phải hấu giặc, mà không biết tức, tai nghe nhạc

(1) Mông Kha (Mongke) là vua Mông Cổ, anh Hốt Tất Liệt.

(2) Khi quân Mông Cổ lấy được đất Vân Nam rồi, Hốt Tất Liệt phong cho con là Hốt Kha Kịch làm Vân Nam Vương.



để hiến ngựa sứ, mà không biết cầm; hoặc lấy việc chọi gà làm vui đùa, hoặc lấy việc đánh bạc làm tiêu khiển, hoặc vui thú về vườn ruộng, hoặc quyến luyến về vợ con, hoặc nghĩ về lợi riêng mà quên việc nước, hoặc ham về sản bản mà quên việc binh, hoặc thích rượu ngon, hoặc mê tiếng hát. Nếu có giặc đến, thì cậy gà trống sao cho đâm thủng được áo giáp; mẹo cờ bạc sao cho dùng nổi được quân mưu; dấu rằng ruộng lắm vườn nhiều, thân ấy nghìn vàng khôn chuộc; vả lại vợ bìu con dúi, nước này trăm sự nghĩ sao; tiền của đâu mà mua cho được đầu giặc; chó săn ấy thì địch sao nổi quân thù; chén rượu ngon không làm được cho giặc say chết, tiếng hát hay không làm được cho giặc điếc tai; khi bấy giờ chẳng những là thái ấp của ta không còn, mà bổng lộc của các người cũng hết; chẳng những là gia quyến của ta bị đuổi, mà vợ con của các người cũng nguy; chẳng những là ta chịu nhục bây giờ, mà trăm năm về sau, tiếng xấu hãy còn mãi mãi; mà gia thanh của các người cũng chẳng khỏi mang tiếng nhục, đến lúc bấy giờ các người đâu muốn vui vẻ, phỏng có được hay không?

Nay ta bảo thật các người: nên cẩn thận như nơi củi lửa, nên giữ gìn như kẻ húp canh, dạy bảo quân sĩ, luyện tập cung tên, khiến cho người nào cũng có sức khỏe như Bàng Mông và Hậu Nghệ, thì mới có thể dẹp tan được quân giặc, mà lập nên được công danh. Chẳng những là thái ấp của ta được vững bền, mà các người cũng đều được hưởng bổng lộc; chẳng những là gia quyến của ta được yên ổn, mà các người cũng đều được vui với vợ con, chẳng những là tiên nhân ta được vẻ vang, mà các người cũng được phụng thờ tổ phụ, trăm năm vinh hiển; chẳng những là một mình ta được sung sướng, mà các người cũng được lưu truyền



*sử sách, nghìn đời thơm tho; đến bấy giờ các người dầu không vui vẻ, cũng tự khắc được vui vẻ.*

*Nay ta soạn hết các binh pháp của các nhà danh gia hợp lại làm một quyển gọi là Bình thư yếu lược. Nếu các người biết chuyên tập sách này, theo lời dạy bảo, thì mới phải đạo thần tử; nhược bằng khinh bỏ sách này, trái lời dạy bảo, thì tức là kẻ nghịch thù.*

*Bởi có sao? Bởi giặc Nguyên cùng ta, là kẻ thù không đội trời chung, thế mà các người cứ điềm nhiên không nghĩ đến việc báo thù, lại không biết dạy quân sĩ, khác nào như quay ngọn giáo mà đi theo kẻ thù, giơ tay không mà chịu thua quân giặc, khiến cho sau trận Bình Lỗ<sup>(1)</sup> mà ta phải chịu tiếng xấu muôn đời, thì còn mặt mũi nào đứng trong trời đất nữa. Vậy nên ta phải làm ra bài hịch này để cho các người biết bụng ta”.*

## 5. Thành Thăng Long thất thủ

Các tướng sĩ được lời khuyên răn ấy, ai nấy hết lòng luyện tập, quyết chí đánh giặc, cho nên người nào cũng lấy mực thích vào cánh tay hai chữ “Sát Thát”<sup>(2)</sup> 殺鞑 nghĩa là giết quân Mông Cổ. Khi Thoát Hoan lấy xong các ải ở Lạng Sơn rồi, thừa thắng kéo xuống đánh Vạn Kiếp, quân An Nam non thế, địch không nổi, thua chạy, bao nhiêu chiến thuyền mất cả. Quân Mông Cổ bắt được quân An Nam thấy người nào cũng có hai chữ “Sát Thát” ở cánh tay, giận lắm, đem giết sạch cả, rồi kéo tràn sang mặt Kinh Bắc. Thoát Hoan thả quân cho cướp phá vùng Võ

---

(1) Bình Lỗ là tên thành, nhưng sử cũ không chép rõ ở đâu và ai xây lên. Sách *Khâm định Việt sử* chép rằng theo bộ *Địa dư chí* của ông Nguyễn Trãi, thì đời nhà Lý có đào con sông Bình Lỗ để đi lên Thái Nguyên cho tiện. Vậy thành Bình Lỗ có lẽ ở vào hạt Thái Nguyên. Xem lời dặn của Trần Hưng Đạo Vương thì thành Bình Lỗ này xây vào đời Đinh hay đời Tiền Lê, rồi Lý Thường Kiệt đời Lý đã đánh quân Tống ở đó.

(2) Sách gốc ghi là “Sát Đát”, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



Ninh, Gia Lâm, Đông Ngạn rồi kéo về đóng tại bến Đông Bộ Đầu. Hưng Đạo Vương lập trại mé Nam ngạn để phòng giữ.

Thoát Hoan thấy phía Nam ngạn sông Hồng Hà<sup>(1)</sup> có trại quân An Nam đóng giữ, mới sai quân lấy súng đại bác bắn sang, phá tan cả các trại, quân sĩ khiếp sợ bỏ chạy hết sạch. Quân Mông Cổ bấy giờ làm cầu phao qua sông, kéo đến tận chân thành Thăng Long hạ trại.

Hưng Đạo Vương rước xa giá Thượng hoàng và vua ra ngoài Thăng Long, để các tướng ở lại giữ thành. Đến khi Thoát Hoan vây đánh, hạ được thành, biết rằng Hưng Đạo Vương đã rước xa giá xuống mặt Nam rồi, liền sai tướng dẫn quân đi đuổi đánh.

## 6. Toa Đô đánh Nghệ An

Toa Đô là tướng đạo thứ hai quân Nguyên, đi đường bể sang đánh Chiêm Thành, nhưng mà quân nước Chiêm giữ được các đường hiểm yếu, đánh mãi không được. Nguyên chúa hạ chiếu sai Toa Đô theo đường bộ kéo ra mặt Nghệ An, hợp với quân Thoát Hoan để đánh An Nam.

Thoát Hoan được tin ấy, liền sai tướng Ô Mã Nhi dẫn quân đi đường bể vào tiếp ứng cho Toa Đô để đánh tự mặt trong đánh ra, còn ở mặt ngoài thì chiến thuyền của nhà Nguyên chia ra giữ cả các bến đóng ở sông Hồng Hà từ Thăng Long xuống đến khúc sông Đại Hoàng (thuộc huyện Nam Xang, Hà Nam).

## 7. Hưng Đạo Vương đem vua về Thanh Hóa

Bấy giờ Hưng Đạo Vương dẫn các tướng hộ vệ xa giá xuống Thiên Trường, nghe Toa Đô tự vùng trong kéo ra, Hưng Đạo Vương tâu vua xin sai Thượng tướng Trần Quang Khải 上相 陳光啓 đưa binh vào đóng mặt Nghệ An, giữ chặn đường hẻm, không cho Toa Đô ra, và sai Trần Bình Trọng 陳平仲 ở lại giữ

---

(1) Sử chép là Phú Lương giang. Xem lời chú thích ở trên.





Thiên Trường cự nhau với quân Thoát Hoan, rồi rước xa giá ra Hải Dương.

Trần Quang Khải vào đến Nghệ An, chia quân phòng giữ, nhưng mà quân nhà Nguyên thế mạnh, đi đến đâu đánh tan đến đấy, lại có Ô Mã Nhi ở mặt bể đánh vào. Quang Khải đương không nổi, phải lui quân ra mặt ngoài. Còn quan trấn thủ Nghệ An là Trần Kiện 陳鍵 đem cả nhà ra hàng với Toa Đô. Toa Đô cho đưa bọn Trần Kiện về Yên Kinh.

Hưng Đạo Vương nghe tin, sai tướng đem quân đi lên đường tắt đuổi theo. Khi quân Nguyên đưa Trần Kiện đến địa phận Lạng Sơn, qua trại Ma Lục (?), thì có người thổ hào ở đấy tên là Nguyễn Thế Lộc 阮世祿 và Nguyễn Lĩnh 阮領 đem dân binh ra đánh. Lại có quan quân đuổi đến nơi, quân Nguyên bỏ chạy. Trần Kiện bị tên bắn chết, nhưng có người nhà là Lê Tắc 黎則 cướp được thân chạy thoát, đưa đến gò Ôn Khâu (Lạng Sơn) mai táng xong rồi trốn sang Tàu. Lê Tắc là dòng dõi Nguyễn Phu làm Thứ sử Giao Châu về đời Đông Tấn (317-419) ngày trước. Tự lúc trốn sang Tàu rồi, Lê Tắc có làm bộ sử *An Nam chí lược*. Bộ sử ấy hiện bây giờ còn có ở bên Tàu và bên Nhật Bản.

Ở Thiên Trường, Trần Bình Trọng thấy quân nhà Nguyên đã đến bãi Đà Mạc (ở khúc sông Thiên Mạc, huyện Đông An, Hưng Yên) liền đem binh ra đánh, nhưng chẳng may bị vây, phải bắt. Quân Nguyên đưa Bình Trọng về nộp cho Thoát Hoan. Thoát Hoan biết Bình Trọng là tướng khỏe mạnh, muốn khuyên dỗ về hàng, thết đãi cho ăn uống, nhưng Bình Trọng không ăn, dỗi dành hỏi dò việc nước, Bình Trọng cũng không nói. Sau Thoát Hoan hỏi rằng: “Có muốn làm vương đất Bắc không?”. Bình Trọng quát lên rằng: “Ta thà rằng làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc. Ta đã bị bắt thì có một chết mà thôi, can gì mà phải hỏi lời thôi!”. Thoát Hoan thấy dỗ không được, sai quân đem chém.



Thánh Tông Thượng hoàng cùng Nhân Tông và Hưng Đạo Vương nghe tin Trần Bình Trọng tử tiết, ai nấy động lòng thương xót.

Hưng Đạo Vương thấy thế nguy cấp lắm, bèn rước xa giá ra Quảng Yên. Thuyền đi về đường sông Tam Chỉ (thuộc châu Tiên Yên), sai một tướng dẫn chiếc thuyền rồng ra cửa bể Ngọc Sơn (thuộc châu Vạn Ninh, tỉnh Quảng Yên) làm cho nghi tình quân giặc. Tướng nhà Nguyên là Lý Hằng 李恒 và Khoan Triệt 寬徹 sai người do thám biết thuyền ra Ngọc Sơn là giả, mới dẫn quân đuổi theo đến sông Tam Chỉ, Hưng Đạo Vương rước xa giá lên bộ đi đến làng Thủy Chú rồi lại xuống thuyền ra sông Nam Triều (tức Bạch Đằng giang, thuộc Hải Dương) vượt qua cửa bể Đại Bàng (thuộc huyện Nghi Dương) rồi vào tỉnh Thanh Hóa.

Bấy giờ quân Nguyên to thế lắm, đóng khắp các nơi, từ vùng Bắc Ninh, Thăng Long, Thiên Trường, chỗ nào cũng có quân đóng. Ở vùng Nghệ An lại có Toa Đô, Đường Ngột Ngai, Ô Mã Nhi đánh ra. Nhân Tông kinh hãi, Thượng hoàng đêm ngày lo sợ. Nhà nước ngất ngưỡng nguy như trứng chồng. Bọn hoàng tộc Trần Ích Tắc 陳益稷, Trần Tú Viên 陳秀爰 đều ra hàng Thoát Hoan cả. Chỉ có Hưng Đạo Vương phụng xa giá đi, trèo non vượt bể, trải gió dầm mưa, thế lực tuy cùng, nhưng vẫn bền vững một lòng, tìm kế đánh giặc, lo liệu việc nước không rời sợ lúc nào. Thật là một người có tài đại tướng, có thể cứu dân giúp nước, tiếng để muôn đời.

## 8. Trận Hàm Tử Quan: *Trần Nhật Duật phá quân Toa Đô*

Đạo quân của Toa Đô ở Chiêm Thành kéo ra đánh lấy đất Nghệ An. Trần Quang Khải đem quân lùi ra mặt ngoài giữ các đường hiểm yếu. Toa Đô đánh mãi không được, mà lương thảo thì một ngày một cạn, bèn cùng với Ô Mã Nhi dẫn quân xuống thuyền vượt bể ra ngoài Bắc để hợp binh với Thoát Hoan.



Trần Quang Khải được tin ấy, cho người về Thanh Hóa phi báo. Nhân Tông hội quân thân lại hỏi kế, Hưng Đạo Vương tâu rằng: “Toa Đô tự Chiêm Thành trở ra, qua vùng Ô Lý (Thuận Hóa), Hoan (Nghệ An), Ái (Thanh Hóa), đường sá gập ghềnh, quân sĩ vất vả, nay lại vượt bể ra ngoài Bắc, thì sức lực cũng đã mỏi mệt. Vậy nay nên sai một tướng đem quân ra đón đường mà đánh thì chắc phá được”.

Nhân Tông nghe lời, sai Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật 昭文王陳日燾 làm tướng và Trần Quốc Toản 陳國瓚<sup>(1)</sup> làm phó tướng cùng với tướng quân là Nguyễn Khoái 阮蒯 đem 5 vạn quân ra đón đường đánh Toa Đô ở mặt Hải Dương. Tháng tư năm Ất Dậu (1285) Trần Nhật Duật ra đến bến Hàm Tử 鹹子 (thuộc huyện Đông An, Hưng Yên) thì gặp chiến thuyền của Toa Đô, Nhật Duật liền phân binh ra đánh. Quân Nhật Duật bấy giờ có bọn Triệu Trung 趙忠 là tướng nhà Tống sang xin tòng chinh, mặc áo đeo cung như quân nhà Tống. Đến khi giáp trận, quân Nguyên trông thấy bọn Triệu Trung, tưởng là nhà Tống đã khôi phục được nước Tàu, rồi cho quân sang cứu An Nam, dứa nào cũng sợ hãi bỏ chạy. Quân ta đuổi đánh, quân giặc thua to chết hại rất nhiều. Toa Đô phải lùi ra ở cửa Thiên Trường.

Trần Nhật Duật thắng trận, cho Quốc Toản đưa tin về Thanh Hóa. Hưng Đạo Vương được tin mừng ấy, vào tâu với vua rằng: “Quân ta mới thắng, khí lực đang hăng, mà quân Nguyên mới thua, tất cũng chột dạ. Vậy nên nhân dịp này tiến quân đánh Thoát Hoan để khôi phục kinh thành”.

---

(1) Sử chép rằng khi vua Nhân Tông hội các vương hầu ở Bình Than để bàn việc chống với giặc, Trần Quốc Toản bấy giờ mới có 15, 16 tuổi cũng theo ra hội. Vì còn nhỏ tuổi cho nên không được dự bàn, Quốc Toản cảm tức vô cùng, trong tay cầm quả cam bóp vỡ nát ra lúc nào không biết.

Khi tan hội, ai nấy về lo sửa soạn binh thuyền. Quốc Toản về nhà cũng tụ họp những người thân thuộc, sắm đồ khí giới, may lá cờ đề sáu chữ: “Phá cường địch, báo hoàng ân” (破強敵報皇恩) rồi đem quân đi đánh giặc. Đánh chỗ nào quân giặc cũng phải lùi.

Vua nghe lời truyền sắp sửa tiến binh. Sức có Thượng tướng Trần Quang Khải ở trong Nghệ An ra, xin đi đánh Thoát Hoan. Vua liền sai Quang Khải thu xếp quân sĩ để ra đánh Thăng Long và truyền hịch sai Trần Nhật Duật đóng quân giữ chặn đường không cho bọn Toa Đô kéo lên hợp với Thoát Hoan.

## 9. Trận Chương Dương Độ: Trần Quang Khải khôi phục Thăng Long

Khi bấy giờ đại binh của Thoát Hoan đóng tại Thăng Long, còn chiến thuyền thì đóng ở bến Chương Dương 章揚渡, địa phận huyện Thượng Phúc.

Trần Quang Khải 陳光啓 với Trần Quốc Toản 陳國瓚 và Phạm Ngũ Lão 范五老 đem quân tự Thanh Hóa đi thuyền vòng đường bể ra đến bến Chương Dương, sẵn vào đánh chiến thuyền của quân Nguyên. Quan quân đánh hăng quá, quân Nguyên địch không nổi phải bỏ chạy. Quan quân lên bộ đuổi đánh về đến chân thành Thăng Long hạ trại. Thoát Hoan đem đại quân ra cự địch, bị phục binh của Trần Quang Khải đánh úp lại, quân Nguyên phải bỏ thành Thăng Long chạy qua sông Hồng Hà<sup>(1)</sup> sang giữ mặt Kinh Bắc (Bắc Ninh).

Trần Quang Khải đem quân vào thành mở tiệc khao quân. Đến khi uống rượu vui vẻ, Quang Khải ngâm bài thơ rằng:

*Đoạt sáo Chương Dương độ<sup>(2)</sup>,  
Cầm Hồ Hàm Tử quan.  
Thái bình nghi nỗ lực,  
Vạn cổ thử giang sơn.*

(1) Sử chép là Phú Lương. Xem lời chú thích ở trên.

(2) Chữ Nho là: 奪 槩 章 揚 渡  
擒 胡 鹹 子 關  
太 平 宜 努 力  
萬 古 此 江 山

Hai câu cuối có sách chép là:

太 平 宜 致 力  
萬 古 舊 江 山



Dịch Nôm:

*Chương Dương cướp giáo giặc,*

*Hàm Tử bắt quân thù.*

*Thái bình nên gắng sức,*

*Non nước ấy nghìn thu.*

Trần Quang Khải sai người về Thanh Hóa dâng biểu báo tin thắng trận. Vua Nhân Tông thấy quân thế đã mạnh, trong hai tháng đánh được hai trận, quân sĩ ai nấy đều nức lòng đánh giặc, bèn rước Thượng hoàng và cất binh mã ra đóng ở Tràng An (Ninh Bình).

## 10. Trận Tây Kết: *Tướng nhà Trần chém được Toa Đô*

Toa Đô đóng quân ở Thiên Trường xa cách Thoát Hoan hơn 200 dặm, cho nên chưa biết Thoát Hoan đã thua chạy về Bắc Giang rồi, bèn tiến binh vào đóng ở sông Thiên Mạc<sup>(1)</sup> định để hợp sức với Thoát Hoan làm thế *ỷ giốc*. Được mấy hôm Toa Đô biết đạo tiền quân của mình đã bại trận, mà các bến thì chỗ nào cũng có quân nhà Trần án ngữ, mới lui về đóng ở Tây Kết 西結<sup>(2)</sup> rồi cho người đi dò xem quân Thoát Hoan đóng ở đâu.

Quân An Nam từ khi đánh được trận Hàm Tử và trận Chương Dương rồi, quân thế phấn chấn lắm. Hưng Đạo Vương mừng rỡ, vào tâu với Nhân Tông xin một mặt sai Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, hợp với Thượng tướng Trần Quang Khải dẫn quân chặn các đường, không cho Thoát Hoan, Toa Đô đi lại thông tin với nhau, và một mặt xin tụt tiến binh ra đánh Toa Đô, rồi đánh Thoát Hoan.

(1) *Thiên Mạc* là một khúc sông Hồng Hà ở vào địa hạt huyện Đông An, tỉnh Hưng Yên.

(2) Hiện nay thuộc phủ Khoái Châu (Hưng Yên) có làng Đông Kết ở vào trong cách xa bờ sông Hồng Hà. Hoặc ở phía Tây gần bờ sông, ngày xưa có làng Tây Kết mà nay đã lở mất đi chăng?



Nhân Tông nghe lời ấy, cho Hưng Đạo Vương tùy ý mà sai khiến. Khi quân ra đến Tây Kết, Hưng Đạo Vương chia quân ra đánh trại quân Nguyên, và đặt phục binh để bắt Toa Đô.

Quân ta đánh hăng quá, quân Nguyên địch không nổi, Toa Đô và Ô Mã Nhi đem binh lên bộ chạy ra mặt bể, nhưng khi chạy đến mé sau một dãy núi, thì bị quân An Nam vây đánh, Toa Đô trúng tên chết, còn Ô Mã Nhi thì tìm đường chạy vào Thanh Hóa, nhưng bị quân ta đánh đuổi ngặt quá, phải một mình lên xuống chiếc thuyền con chạy ra bể, trốn về Tàu được.

Khi các tướng thắng trận, đưa đầu Toa Đô về nộp, Nhân Tông thấy người dũng kiện mà lại hết lòng với chúa, mới than rằng: “Làm bầy tôi nên như người này!”, rồi cởi áo ngự bào đắp vào đầu Toa Đô, sai quan dùng lễ mai táng cho tử tế.

Trận Tây Kết đánh vào tháng năm năm Ất Dậu (1285) quan quân bắt được quân Nguyên hơn 3 vạn người, và chiến thuyền khí giới không biết bao nhiêu mà kể.

Hưng Đạo Vương được trận toàn thắng, mở tiệc khao thưởng ba quân, rồi lên đánh mặt Bắc, để tiêu trừ Thoát Hoan.

## **11. Trận Vạn Kiếp: Thoát Hoan trốn chạy về Tàu**

Bấy giờ Thoát Hoan đóng quân ở Bắc Giang, nghe tin Toa Đô tử trận, Ô Mã Nhi đã trốn về Tàu, quân binh tướng sĩ ai nấy đều ngã lòng cả. Vả lại trời đang mùa hè nóng nực khó chịu, sơn lam chướng khí bốc lên, quân sĩ bị dịch tễ chết hại cũng nhiều. Bởi thế có bụng muốn rút quân về Tàu.

Hưng Đạo Vương cũng biết cơ Thoát Hoan tất phải chạy, liền sai Nguyễn Khoái 阮勗, Phạm Ngũ Lão 范五老 dẫn 3 vạn quân đi lên đường núi, phục sẵn hai bên rừng sậy ở bên sông Vạn Kiếp, để chờ lúc quân Nguyên chạy đến thì đổ ra đánh; lại sai hai con là Hưng Vũ Vương Nghiễn và Hưng Hiếu Vương Úy dẫn 3 vạn quân đi đường Hải Dương ra mặt Quảng Yên,



giữ chặn đường về châu Tư Minh; Hưng Đạo Vương tự dẫn đại quân lên Bắc Giang đánh quân Nguyên. Quân Nguyên thua chạy, Thoát Hoan dẫn đại binh chạy đến bến Vạn Kiếp, gặp bọn Nguyễn Khoái ra đánh, quân Nguyên mười phần tổn hại mất năm. Tướng nhà Nguyên là Lý Hằng 李恆 bị tên bắn chết. Còn Thoát Hoan 脫驩, Phàn Tiếp 樊楫, A Bát Xích 阿八赤, Lý Quán 李鑑 cố sức đánh lấy đường mà chạy. Sau thấy quân An Nam đuổi kíp quá, Thoát Hoan phải chui vào cái ống đồng để lên xe bắt quân kéo chạy. Về gần đến châu Tư Minh lại gặp bọn Hưng Võ Vương Nghiễn và Hưng Hiếu Vương Úy đánh đuổi một trận nữa. Lý Quán trúng tên bắn chết. Thoát Hoan, A Bát Xích và Phàn Tiếp chạy thoát về Tàu được.

Thế là đại quân của Thoát Hoan lúc đầu mới sang lừng lẫy bao nhiêu, bây giờ tan nát mất cả. Trong sáu tháng trời, từ tháng chạp năm Giáp Thân (1284) đến tháng sáu năm Ất Dậu (1285), quân An Nam đuổi 50 vạn quân Mông Cổ ra ngoài bờ cõi, chinh đồn giang sơn lại như cũ. Ấy cũng nhờ có tay Hưng Đạo Vương có tài đại tướng, cầm quân vững chãi, gan hèn tựa sắt, và lại khéo dùng lời khuyên dỗ, khiến cho bụng người cảm động, sinh lòng trung nghĩa, cho nên tướng sĩ ai nấy đều hết lòng giúp nước.

Vả nước An Nam thời bấy giờ vua tôi hòa hợp, lòng người như một, nhân tài lũ lượt kéo ra; mà quân Nguyên sang An Nam thì đường xa muôn dặm, núi sông cách trở, đến mùa nông nực, khí hậu lại lam chướng, cho nên chỉ hùng mạnh được lúc đầu mà thôi, sau thành ra bệnh tật yếu đau. Như thế mà lại gặp phải tay Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn dụng binh biết đợi thời, biết thừa thế tiến thoái, cho nên sự quân nhà Nguyên thua tan nát là sự tất nhiên vậy.



## CHƯƠNG VIII

# GIẶC NHÀ NGUYỄN

(1284 - 1288)



## II

1. Nguyên chủ định khởi binh phục thù
2. Thoát Hoan sang đánh lần thứ hai
3. Trần Vân Đồn: Trần Khánh Dư cướp lương của quân Nguyên
4. Trần Bạch Đằng giang: Ô Mã Nhi phải bắt
5. Hưng Đạo Vương đại phá Nguyên binh
6. Sứ An Nam sang Tàu xin hòa
7. Định công, phạt tội
8. Định cuộc hòa hiếu

### 1. Nguyên chủ định khởi binh phục thù

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn phá được quân Nguyên rồi kéo quân về Tràng An, rước Thượng hoàng và Nhân Tông ra Thăng Long. Giang sơn nhà Trần lại khôi phục đầu vào đấy cả. Bọn Thoát Hoan bại trận chạy về Tàu, nghĩ khi đi thì thanh thế lừng lẫy bao nhiêu, khi về thì hao binh tổn tướng, lấy làm xấu hổ lắm. Định xin Nguyên chủ cho thêm binh mã sang đánh báo thù.

Nguyên chủ thấy bọn Thoát Hoan bại trận về, giận lắm, muốn bắt chém cả, nhưng quần thần can ngăn mãi mới thôi.





Bấy giờ nhà Nguyên đang sắp sửa cất quân sang đánh Nhật Bản, bèn lập tức đình việc đi đánh Nhật Bản lại và sai đóng thêm 300 chiếc thuyền, truyền hịch cho ba tỉnh Giang Hoài, Hồ Quảng, Giang Tây tụ tập quân sĩ, định đến tháng tám thì cất quân noi đường châu Khâm, châu Liêm sang đánh nước Nam để báo thù.

Quan tỉnh Hồ Nam là Tuyền Kha 線哥 dâng sớ về can rằng: “Quân ta bại trận mới về, kẻ dấu vết chưa khỏi, người đau yếu chưa dậy, xin hãy cho quân sĩ nghỉ ngơi dưỡng sức ít lâu, rồi sẽ định kế xuất chinh”.

Vua nhà Nguyên nghe lời, cho quân sĩ nghỉ vài tháng. Còn Trần Ích Tác 陳益稷 đã theo Thoát Hoan về Tàu, thì cho ra ở Ngạc Châu 鄂州.

Nhân Tông nghe tin Nguyên triều sắp sửa cất quân sang đánh An Nam, bèn vời Hưng Đạo Vương vào hỏi rằng: “Thoát Hoan bại trận trở về, chuyến này cảm tức định sang đánh báo thù, quân thế hẳn to hơn trước, ta nên dùng kế gì mà chống lại được?”. Hưng Đạo Vương tâu rằng: “Nước ta xưa kia, quân dân hưởng thái bình đã lâu, không tập đến việc chiến trận, cho nên năm trước, quân Nguyên vào cướp còn có kẻ trốn tránh theo hàng giặc. May nhờ có oai linh tổ tông, và thần võ của bộ hạ, đi đến đâu đánh được đến đấy, cho nên mới quét sạch được bờ cõi. Còn như bây giờ quân ta quen việc chinh chiến, mà quân nghịch thì đi xa mỗi mệt. Vả lại thấy Toa Đô, Lý Hằng, Lý Quán tử trận, tất cũng chột dạ, quân tình đã sinh nghi sợ, hẳn không dám hết sức mà đánh. Cứ như ý tôi, thì chuyến này dù có quân Nguyên sang đây, ta phá cũng dễ hơn phen trước, xin bộ hạ đừng lo”.

Nhân Tông mừng rỡ, sai Hưng Đạo Vương đốc suất các vương hầu, mộ thêm quân sĩ, sửa sang khí giới để phòng việc công thủ.



## 2. Thoát Hoan sang đánh lần thứ hai

Sang mùa xuân tháng hai năm Đinh Hợi (1287) Nguyên chủ kén lấy 7 vạn quân, 5 trăm chiếc thuyền, 6 nghìn quân Vân Nam và 1 vạn 5 nghìn quân ở bốn châu ngoài bể, sai Thoát Hoan 脫驩 làm Đại nguyên súy, A Bát Xích 阿八赤 làm Hành tỉnh Tả thừa, Áo Lỗ Xích 奧魯赤 làm Bình chương Chính sự, Ô Mã Nhi 烏馬兒, Phàn Tiếp 樊楫 làm Tham tri Chính sự, đem tất cả hơn 30 vạn quân sang đánh nước Nam, giả danh đưa Trần Ích Tắc về nước, lập làm An Nam Quốc vương<sup>(1)</sup>. Lại sai Vạn hộ Trương Văn Hổ 張文虎 theo đường bể tải hơn 17 vạn thạch<sup>(2)</sup> lương sang cấp cho quân sĩ.

Qua tháng một, Thoát Hoan dẫn quân nơi đường châu Khâm, châu Liêm đến châu Tư Minh; sai bọn Trương Ngọc 張玉 lĩnh 2.000 quân coi việc chở lương thực, khí giới, lại sai Trình Bằng Phi, Áo Lỗ Xích, mỗi người dẫn 1 vạn quân đi đường bộ; Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp suất lĩnh thủy quân đi đường bể, đều tiến sang An Nam.

Quan Trấn thủ ở biên thủy phi báo về Thăng Long. Các quan xin tuyển thêm binh. Hưng Đạo Vương nói rằng: “Bình cốt giỏi, chứ không cốt nhiều, nếu nhiều mà không giỏi, thí dụ như Bồ Kiên 苻堅 có trăm vạn quân cũng không ích gì!”.

Nhân Tông sai Hưng Đạo Vương thống lĩnh các vương hầu, chia quân phòng giữ các nơi.

(1) Có sách chép rằng: Thoát Hoan sang đánh An Nam lần thứ hai này có đem một tên hướng đạo là Nguyễn Nhan 阮顏, tên chữ là Nguyễn Bá Linh 阮伯令, phạm tội trăm quyết, tình nguyện đi đánh để lập công chuộc tội. Cha tên Nguyễn Nhan là người Quảng Đông sang buôn bán ở nước Nam, lấy vợ ở làng An Bài, huyện Đông Triều, đẻ ra Bá Linh, cho về Tàu học, thi đỗ tiến sĩ, lại cao tay phù thủy. Khi sang An Nam, nó dùng phép để giúp quân Nguyên. Sau Hưng Đạo Vương bắt được, đưa về chém ở làng An Bài, là quê mẹ nó. Tục truyền rằng khi tên Nguyễn Nhan chết rồi hồn nó bay hiện lên trên ghẹo đàn bà con gái, mà hễ ai phạm đến nó thì chết, cho nên gọi là Phạm Nhan.

(2) Sử cũ chép là 70 vạn thạch.



Hưng Đạo Vương sai Trần Nhật Duật 陳日燾, Nguyễn Khoái 阮蒯 dẫn 3 vạn quân lên giữ mặt Lạng Sơn; sai Trần Quốc Toản 陳國瓚, Lê Phụ Trần 黎輔陳 dẫn 3 vạn quân vào giữ mặt Nghệ An; tự mình thống [lĩnh] đại quân ra giữ mặt Quảng Yên. Một mặt sai tiền quân lên gần châu Tư Minh chia ra đóng làm ba đồn: Sa, Từ, Trúc, để chống giữ quân Nguyên; một mặt sai tướng đem quân ra giữ chặt cửa sông Đại Than<sup>(1)</sup> (thuộc Hải Dương) còn đại quân của Hưng Đạo Vương thì đóng tại núi Phù Sơn.

Quan quân tuy đóng giữ như vậy, nhưng quân Nguyên thế to lắm, chống không nổi, phải rút về Vạn Kiếp; Thoát Hoan tiến lên chiếm giữ núi Phả Lại và núi Chí Linh, lập trại chống nhau với quân ta, rồi sai tướng là Trình Bằng Phi 程鵬飛 đem hai vạn binh đánh lấy đồn Vạn Kiếp, lại sai Ô Mã Nhi 烏馬兒 và A Bát Xích 阿八赤 dẫn quân từ sông Lục Đầu đánh xuống sông Hồng Hà.

Hưng Đạo Vương rút quân về giữ Thăng Long và sai tướng rước xa giá tạm lánh về Hán Nam 嚲南 (?).

Nhưng sau bị bọn Ô Mã Nhi đuổi ngặt quá, Thượng hoàng và Nhân Tông phải xuống thuyền ra bể đi vào Thanh Hóa.

Ô Mã Nhi đuổi không kịp, đem quân trở về qua Long Hưng (phủ Tiên Hưng, Thái Bình) biết ở đấy có Chiêu Lăng, là lăng tổ nhà Trần, bèn sai quân đến phá nát cả đi.

Thoát Hoan đem binh mã tiến lên vây đánh Thăng Long không được, phải rút về giữ Vạn Kiếp, Chí Linh và Phả Lại. Hưng Đạo Vương cũng tiến quân lên lập trại để chống với giặc.

Nhân Tông thấy quân Nguyên đã lùi rồi bèn rước Thượng hoàng ra Bắc.

---

(1) Bây giờ thuộc huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, liền với Bình Than.



### 3. Trận Vân Đồn: Trần Khánh Dư cướp lương của quân Nguyên

Quân Nguyên đóng寨 ở Vạn Kiếp lương thực sắp cạn, Thoát Hoan bèn sai Ô Mã Nhi dẫn thủy quân ra cửa bể Đại Bàng (huyện Nghi Dương<sup>(1)</sup>, Hải Dương) đón thuyền lương của Trương Văn Hổ. Ô Mã Nhi đem thuyền đi đến ải Vân Đồn (Vân Hải, Quảng Yên) gặp quân của Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư 仁惠王陳慶餘 chặn đường không cho đi. Ô Mã Nhi thúc quân đánh rất một trận, quân Khánh Dư thua bỏ chạy cả. Quân Nguyên kéo thẳng ra bể đi đón thuyền lương.

Thượng hoàng nghe tin thủy quân ở Vân Đồn bại trận, cho sứ ra bắt Khánh Dư về hỏi tội.

Khánh Dư từ khi thất trận, đang nghĩ kế phục thù, bỗng thấy sứ ra bắt, Khánh Dư tiếp sứ rồi nói rằng: “Tôi sai tướng lệnh đành xin chịu tội, nhưng xin khoan cho tôi một vài hôm, may mà tôi lập được công khác để chuộc tội chăng?”.

Được mấy hôm Ô Mã Nhi ra bể gặp thuyền lương của Trương Văn Hổ, lại đem quân trở vào đi trước dẹp đường. Trương Văn Hổ đem thuyền lương theo vào sau.

Khánh Dư đồ rằng Ô Mã Nhi đã phá được quân ta, trong bụng hẳn chắc rằng không còn ai ngăn trở gì nữa, cho nên mới khinh thường đem binh thuyền đi trước. Khánh Dư bèn nhặt nhanh thuyền bè phục quân sẵn đợi thuyền lương của Trương Văn Hổ đến thì kéo ra đánh.

Quả nhiên Trương Văn Hổ tải các thuyền lương vào cửa bể Lục Thủy dương (phía Đông Nam huyện Hoàn Bồ tức là vịnh Cửa Lục bây giờ). Khánh Dư đổ quân ra đánh. Văn Hổ địch không nổi, bao nhiêu thuyền lương bị quân của Khánh Dư phá cướp mất cả, và bắt được khí giới rất nhiều. Còn Trương Văn Hổ thì chạy xuống chiếc thuyền nhỏ trốn về Quỳnh Châu.

---

(1) Huyện Nghi Dương nay thuộc về tỉnh Kiến An. [Tỉnh Kiến An cũ nay thuộc Hải Phòng - BT].

Khánh Dư thắng trận đưa thư về báo tiếp. Thượng hoàng mừng rỡ, xá tội trước không hỏi, và bảo Hưng Đạo Vương rằng: “Quân Nguyên cốt trông cậy có lương thảo khí giới, nay đã bị ta cướp được cả rồi, thì thế nó không tròng cứu được nữa. Nhưng nó chưa biết tất còn đắc chí, vậy ta nên tha những quân bị bắt cho về báo tin với Thoát Hoan, thì quân sĩ của nó tất ngã lòng, bấy giờ phá mới dễ”.

Hưng Đạo Vương tuân lệnh, cho lũ quân Nguyên về. Từ đấy quân của Thoát Hoan xôn xao, có bụng muốn về Tàu, mà lương thực một ngày một cạn.

Ô Mã Nhi từ khi ở ải Vân Đồn trở về, chờ mãi không thấy thuyền lương đến, bèn đem quân đến phá trại An Hưng (thuộc Quảng Yên) rồi rút về Vạn Kiếp.

#### **4. Trận Bạch Đằng giang: Ô Mã Nhi phải bắt**

Quân Nguyên từ khi thua trận Vân Đồn, lương thảo một ngày một cạn đi, Thoát Hoan muốn cho người về Tàu cầu viện và lấy thêm lương, Hưng Đạo Vương biết ý, sai tướng lên giữ núi Kỳ Cấp và ải Nữ Nhi ở mặt Lạng Sơn không cho người Tàu đi lại.

Các tướng thấy vậy bèn vào bàn với Thoát Hoan rằng: “Quân ta đóng ở đây, thành trì đã không có, kho tàng lại cạn cả; và bây giờ là đang lúc hết xuân sang hạ, khí trời nồng nực, mà lại những chỗ hiểm yếu đều mất cả, chi bằng hãy rút quân về, rồi sau sẽ liệu kế khác”.

Thoát Hoan thấy quân thế của Hưng Đạo Vương mạnh lắm, chưa có thể phá được, bèn nghe lời các tướng, sai Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp dẫn thủy quân theo đường sông Bạch Đằng<sup>(1)</sup> về trước. Còn mặt bộ thì sai Trình Bằng Phi, Trương Quân dẫn binh đi chặn hậu. Sửa soạn định vài hôm nữa thì rút về.

---

(1) Sông Bạch Đằng bây giờ thuộc huyện Thụy Nguyên, tỉnh Kiến An.



Hưng Đạo Vương biết mưu ấy, bèn sai Nguyễn Khoái dẫn binh lên qua đường tắt lên mé sông thượng lưu sông Bạch Đằng, kiếm gỗ đẽo nhọn bịt sắt đóng khắp giữa dòng sông, rồi phục binh chờ đến lúc nào nước thủy triều lên thì đem binh ra khiêu chiến, nhử cho thuyền giặc qua chỗ đóng cọc. Hễ lúc nào nước thủy triều xuống thì quay binh lại hết sức mà đánh. Lại sai Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Chế Nghĩa dẫn quân lên phục ở ải Nội Bàng (thuộc Lạng Sơn) chờ quân Nguyên chạy lên đến đấy thì đổ ra mà đánh.

Các tướng đi đâu đấy cả rồi. Hưng Đạo Vương tiến quân lên đánh giặc, sực nghe tin báo rằng Ô Mã Nhi đã kéo quân về đến Bạch Đằng, Hưng Đạo Vương mới hô quân sĩ, trở sông Hóa Giang<sup>(1)</sup> mà thề rằng: *“Trận này không phá xong giặc Nguyên, thì không về đến sông này nữa!”*. Quân sĩ ai nấy đều xin quyết chiến, kéo một mạch đến sông Bạch Đằng.

Những chiến thuyền của Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp theo dòng sông Bạch Đằng, bỗng chốc thấy tướng nhà Trần là Nguyễn Khoái dẫn chiến thuyền đến khiêu chiến. Ô Mã Nhi tức giận thúc quân xông vào đánh, Nguyễn Khoái liền quay thuyền chạy. Bấy giờ đang lúc thủy triều lên, mặt nước mênh mông, Ô Mã Nhi vô tình, thấy địch quân chạy, cứ việc thúc thuyền đuổi theo.

Nguyễn Khoái nhử quân Nguyên đi khỏi xa chỗ đóng cọc, rồi mới quay thuyền đánh vật lại. Hai bên đánh đang hăng, thì đại quân của Hưng Đạo Vương tiếp đến. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp thấy quan quân to thế lắm, mới quay thuyền chạy trở lại. Khi chạy đến khúc sông có cọc đóng thì nước thủy triều đã rút xuống, thuyền của quân Nguyên vướng mắc phải cọc, đổ nghiêng đổ ngửa, đắm vỡ mất nhiều. Quan quân thừa thắng

---

(1) *Hóa Giang* là một ngọn sông thuộc về sông Thái Bình, ở giáp giới tỉnh Kiến An và tỉnh Thái Bình. Nay ở đây dân sở tại còn nhớ chỗ con voi của Hưng Đạo Vương qua sông Hóa sa lầy mà chết.



đánh cực hăng, quân Nguyên chết như rạ, máu loang đỏ cả khúc sông. Tướng Nguyên là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc đều bị bắt cả.

Trận Bạch Đằng giang đánh vào tháng ba năm Mậu Tý (1288) lấy được chiến thuyền của quân Nguyên hơn 400 chiếc và bắt được quân sĩ rất nhiều.

## 5. Hưng Đạo Vương đại phá Nguyên binh

Thoát Hoan nghe tin quân thủy vỡ tan rồi, dẫn bọn Trình Bằng Phi, A Bát Xích, Áo Lỗ Xích, Trương Quân, Trương Ngọc, đi đường bộ chạy về đến ải Nội Bàng, bỗng gặp quân phục của Phạm Ngũ Lão đổ ra đánh. Các tướng hết sức giữ gìn Thoát Hoan, vừa đánh vừa chạy. Trương Quân dẫn 3.000 quân đi đoạn hậu, cố sức đánh lấy đường chạy, bị Phạm Ngũ Lão chém chết. Thoát Hoan chạy thoát ra được cửa ải, quân sĩ mười phần, tổn hại mất năm, sáu phần.

Bọn Thoát Hoan đang đi, bỗng lại có tin báo rằng tự cửa ải Nữ Nhi đến mãi núi Kỳ Cấp hơn 100 dặm, chỗ nào cũng có đồn ải. Nghe tin ấy quân sĩ đều xôn xao sợ hãi, và mé sau lại nghe tiếng âm âm quan quân đuổi theo đã sắp kéo đến. Thoát Hoan vội vàng sai A Bát Xích, Trương Ngọc dẫn quân đi trước mở đường, Áo Lỗ Xích đi đoạn hậu.

A Bát Xích, Trương Ngọc gặp phải quan quân chặn đường phục ở hai bên sườn núi bắn tên thuốc độc xuống như mưa. Hai tướng đều tử trận, và quân sĩ chết thây nằm ngổn ngang từng đống. Còn Trình Bằng Phi hết sức giữ gìn Thoát Hoan chạy ra Đan Kỳ, qua Lộc Châu rồi đi lên con đường tắt về châu Tư Minh.

Áo Lỗ Xích đi sau, chạy thoát được, mới nhặt nhanh tàn quân theo cả Thoát Hoan về Yên Kinh.

Hưng Đạo Vương chuyến này thực là trừ hết quân Mông Cổ mới hội cả các tướng, dẫn quân rước xa giá Thượng hoàng



và Nhân Tông về kinh sư. Khi về đến Long Hưng, Nhân Tông đem bọn tướng Nguyên bị bắt là Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ, Cơ Ngọc vào làm lễ hiến phù ở trước Chiêu Lăng.

Nhân thấy giang sơn lại được như cũ, Thánh Tông Thượng hoàng có làm hai câu thơ để làm kỷ niệm:

*Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã,  
Sơn hà thiên cổ điện kim âu.*

Dịch Nôm:

*Xã tắc hai phen bon ngựa đá,  
Non sông thiên cổ vững âu vàng.*

Về đến Thăng Long vua sai mở tiệc khao thưởng tướng sĩ, cho dân sự mở hội vui vẻ ba ngày, gọi là *Thái bình diên yến*.

## 6. Sứ An Nam sang Tàu xin hòa

Quân nhà Nguyên sang đánh An Nam tuy thua hai ba phen thật, nhưng thế nhà Nguyên vẫn mạnh lắm, mà nước Nam ta sánh với nước Tàu lại là một nước nhỏ mọn, cô lập một mình, không nương tựa vào đâu được; nếu cứ tranh chiến mãi thì sự thắng bại chưa biết ra thế nào, mà muôn dân lại phải lầm than, khổ sở. Vì những lẽ ấy, cho nên đến tháng mười năm Mậu Tý (1288) vua Nhân Tông sai quan là Đỗ Thiên Thứ 杜天覲 sang sứ nhà Nguyên, xin theo lệ cống hiến như xưa.

Nguyên chủ thấy quân mình thua mấy lần rồi, trong bụng cũng nản, cho nên cũng thuận cho thông hòa.

Tháng hai năm Kỷ Sửu (1289) Nhân Tông sai quan đưa bọn tướng Nguyên bị bắt là Tích Lệ, Cơ Ngọc về Tàu. Còn Phàn Tiếp vì lo mà thành bệnh chết, vua sai đem hỏa táng, rồi cấp người ngựa cho vợ con đem hài cốt về nước. Các đầu mục cũng tha cho về cả. Duy có Ô Mã Nhi giết hại nhiều người, vua căm tức vô cùng, không muốn tha về, nhưng lại ngại đường





hòa hiếu, bèn dùng mưu của Hưng Đạo Vương sai người đưa đi đến giữa bể, đánh đắm thuyền, cho chết đuối, mà Nguyên triều cũng không trách vào đầu được. Về sau vua Dục Tông bản triều nhà Nguyễn xem đến chỗ này, có phê bốn chữ: “*bất nhân phi nghĩa*”. Tưởng lời phê ấy cũng là chính đáng.

## 7. Định công, phạt tội

Tháng tư năm Kỷ Sửu (1289) mới định công, phạt tội. Bao nhiêu những vương hầu đi đánh giặc Nguyên có công đều được thăng trật cả, còn các tướng sĩ khác họ mà ai có công to thì cho quốc tính. Nguyễn Khoái được phong tước hầu, cho ăn lộc một làng Khoái Lộ (tức là phủ Khoái bây giờ); Phạm Ngũ Lão được thăng làm Quản Thách dục quân.

Các chúa Mường mà có công đem dân binh ra cự giặc cũng được phong hầu.

Vua lại sai văn thần ghi chép công trạng của các tướng hợp biên làm quyển sách gọi là *Trung hưng thực lục* 中興實錄 và lại sai thợ vẽ tranh các tướng để treo ở gác công thần.

Định công xong rồi mới xét đến tội những người hàng giặc. Khi quân Nguyên đang cường thịnh, triều thần lắm kẻ hai lòng, có giấy má đi lại với giặc. Sau giặc thua chạy về Bắc, triều đình bắt được một tráp biểu hàng của các quan. Đình thần muốn lục ra để trị tội, nhưng Thượng hoàng nghĩ rằng làm tội những đồ tiểu nhân cũng vô ích, bèn sai đem đốt cả tráp đi, cho yên lòng mọi người. Duy những người nào quả thực là hàng với giặc, thì mới trị tội; hoặc đem đầy, hoặc xử tử. Vì thế bọn Trần Kiện, Trần Văn Lộng tuy đã chết rồi, nhưng con cháu phải tước họ tôn thất đổi ra là họ Mai. Còn Trần Ích Tắc, thì vua nghĩ tình cận thân không nỡ bỏ họ, nhưng phải gọi là Ả Trần, nghĩa là bảo nhút nhát như đàn bà vậy.



Những quân dân thì được thứ tội cả, duy có hai làng Bàng Hà 旁河, Ba Điểm 巴點 trước hết theo giặc, cả làng phải đồ làm binh lính, không khi nào được làm quan.

Thường công, phạt tội xong rồi, Thượng hoàng về phủ Thiên Trường, đến tháng năm, năm Canh Dần (1290) thì mất.

Nhân Tông sai sứ sang cáo tang và xin phong.

## 8. Định cuộc hòa hiếu

Tự lúc Thoát Hoan thua về, vua nhà Nguyên tuy đã thuận cho hòa hiếu, nhưng trong bụng vẫn chưa nguôi giận, ý lại muốn cất binh sang đánh báo thù. Đình thần can, xin để cho sứ sang dụ vua An Nam sang châu xem đã, nếu không sang rồi hãy liệu. Nguyên chủ nghe lời, sai Thượng thư Trương Lập Đạo 張立道 sang sứ An Nam. Nhưng vua Nhân Tông lấy có có tang không đi. Sai quan là Nguyễn Đại Pháp 阮代乏 đi thay.

Nguyễn Đại Pháp sang Tàu nói năm sau vua An Nam sẽ sang châu.

Qua năm sau Nguyên triều không thấy vua An Nam sang, lại sai Lại bộ Thượng thư là Lương Tăng 梁曾 và Lễ bộ Thượng thư là Trần Phu 陳孚 sang giục Nhân Tông sang châu.

Nhân Tông không đi, sai sứ là Đào Tử Kỳ 陶子奇 đưa đồ vật sang cống Tàu.

Nguyên triều thấy vua An Nam không sang định khởi binh sang đánh, bèn bắt giam Tử Kỳ ở Giang Lăng, rồi sai Lưu Quốc Kiệt 劉國傑 và các tướng sửa soạn binh lương, chọn ngày phát binh. Lại sai Trần Ích Tắc đi theo, về hội ở Trường Sa. Nhưng lúc đang sửa soạn, thì Nguyên Thế Tổ là Hốt Tất Liệt mất, Nguyên Thành Tông lên ngôi, mới bãi việc binh và cho sứ An Nam là Đào Tử Kỳ về nước.

Từ đó nhà Nguyên với nước Nam thông hòa, không có sự tranh chiến nữa.

## CHƯƠNG IX

# NHÀ TRẦN

Thời kỳ thứ hai (1293 - 1341)



### I. TRẦN ANH TÔNG

- |                        |                                  |
|------------------------|----------------------------------|
| 1. Đức độ vua Anh Tông | 2. Trần Hưng Đạo vương mất       |
| 3. Việc đánh Ai Lao    | 4. Sự giao thiệp với Chiêm Thành |

### II. TRẦN MINH TÔNG

### III. TRẦN HIẾN TÔNG

- |                   |                |
|-------------------|----------------|
| 1. Giặc Ngưu Hống | 2. Giặc Ai Lao |
|-------------------|----------------|

## I. TRẦN ANH TÔNG (1293 - 1314)

*Niên hiệu:* Hưng Long 興隆

### 1. Đức độ vua Anh Tông

Thái tử Trần Thuyên 陳烱 lên ngôi, tức là vua Anh Tông 英宗.

Anh Tông lúc đầu hay uống rượu và đêm thường hay lên ra ngoài đi chơi, có khi bị đồ vô lại phạm đến.

Một hôm uống rượu say đến nỗi Nhân Tông Thượng hoàng ở Thiên Trường về kinh, các quan đều ra đón rước cả, mà vua vẫn nằm ngủ. Thượng hoàng giận lắm, truyền xa giá lập tức về



Thiên Trường và hạ chiếu cho bách quan phải về đấy hội nghị. Khi Anh Tông tỉnh rượu, biết Thượng hoàng về kinh, sợ hãi quá, vội vàng chạy ra ngoài cung gặp một người học trò tên là Đoàn Nhữ Hài 段汝諧, mượn thảo bài biểu để dâng lên tạ tội, rồi cùng với Nhữ Hài xuống thuyền đi suốt đêm đến phủ Thiên Trường. Thượng Hoàng xem biểu rồi quả mắng một lúc, và tha lỗi cho Anh Tông. Về đến kinh sư, Anh Tông cho Đoàn Nhữ Hài làm Ngự sử trung tán, và từ đấy không uống rượu nữa.

Từ xưa đến nay vua An Nam vẫn có tục lấy chàm vẽ rồng vào đùi, nhưng Anh Tông không muốn theo tục ấy. Một hôm Thượng hoàng bảo Anh Tông rằng: “Dòng dõi nhà mình vẫn vẽ mình để nhớ gốc ngày xưa, nay nhà vua phải theo tục ấy mới được”. Anh Tông tuy vâng mệnh nhưng lừa khi Thượng hoàng bận việc khác, lẩn đi không cho vẽ. Từ đấy vua An Nam mới không vẽ mình nữa.

Tính vua Anh Tông hay vẽ: thường có làm một tập *Thủy vân tùy bút*, nhưng đến lúc sắp mất đem đốt đi không cho để lại. Sử có chép rằng khi Anh Tông đau nặng, Hoàng hậu cho đi gọi thầy tăng về để làm lễ xem sự sinh tử, Anh Tông gạt đi mà bảo rằng: “Thầy tăng đã chết đâu mà biết được sự chết”. Xem thế thì biết Anh Tông là một ông vua hiếu thảo và lại thông minh, cho nên việc triều chính thời bấy giờ có cương kỷ lắm.

Trong triều lại có những người tài giỏi hết lòng giúp việc nước. Văn như bọn ông Trương Hán Siêu 張漢超, võ như ông Phạm Ngũ Lão đều là người có tài trí cả.

Phạm Ngũ Lão là người làng Phù Ủng, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hải Dương<sup>(1)</sup>, trước theo Trần Hưng Đạo Vương đánh giặc Nguyên, lập được công to, triều đình trọng dụng cho làm đại tướng. Ngũ Lão trị quân có kỷ luật, đãi tướng hiệu như người nhà, ở với sĩ tốt cùng chịu cam khổ, cho nên vẫn gọi quân của

---

(1) Bấy giờ thuộc tỉnh Hưng Yên.



ông ấy là *phụ tử chi binh*, đánh đâu được đấy, thành một người danh tướng nước Nam ta.

Ông Phạm Ngũ Lão đã giỏi nghề võ, lại hay nghề văn, thường ngâm bài thơ *Thuật hoài* sau này:

*Hoành sáo giang sơn cáp kỷ thu<sup>(1)</sup>  
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu  
Nam nhi vị liễu công danh trái  
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu.*

Thời bấy giờ vua hiền, tôi trung, phép tắc nghiêm trang, thưởng phạt phân minh, chính trị không có điều gì hồ đồ. Việc học hành mở mang rộng rãi, cho nên những người có tài văn học như bọn ông Mạc Đĩnh Chi 莫挺之, ông Nguyễn Trung Ngạn 阮忠彥 đều được thi đỗ, ra làm quan giúp việc triều đình. Thật là một thời rất thịnh về đời nhà Trần vậy.

## 2. Trần Hưng Đạo Vương mất

Trong đời vua Anh Tông có mấy người danh tướng như là: Thượng tướng Trần Quang Khải 上相陳光啓, thắng trận Chương Dương ngày trước, mất năm Giáp Ngọ (1294), và Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn 興道王陳國峻 mất ngày 20 tháng tám năm Canh Tý (1300).

Hưng Đạo Vương là một người danh tướng đệ nhất nước Nam, đánh giặc Nguyên có công to với nước, được phong làm *Thái sư, Thượng phụ, Thượng Quốc công, Bình Bắc Đại nguyên súy, Hưng Đạo Đại Vương* 太師, 尚父, 上國公, 平北大元帥, 興道大王. Vua lại sai người về Vạn Kiếp làm sinh từ để thờ ngài ở chỗ dinh cũ của ngài đóng ngày trước.

---

(1) Bài này có người dịch ra Nôm như sau:

*Ngọn giáo non sông trải mấy thu,  
Ba quân hùng hổ khí thôn ngưu.  
Công danh nếu để còn vương nợ,  
Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ hầu.*



Hưng Đạo Vương làm quan đến đời vua Anh Tông thì xin về trí sĩ ở Vạn Kiếp. Khi ngài sắp mất, vua Anh Tông có ngự giá đến thăm, nhân thấy ngài bệnh nặng, mới hỏi rằng: “Thượng phụ một mai khuất núi, phỏng có quân Bắc lại sang thì làm thế nào?”.

Hưng Đạo Vương tâu rằng: “Nước ta thuở xưa, Triệu Võ Vương dựng nghiệp, Hán Đế đem binh đến đánh, Võ Vương sai dân đốt sạch đồng áng, không để lương thảo cho giặc chiếm được, rồi đem đại quân sang châu Khâm, châu Liêm đánh quận Trường Sa<sup>(1)</sup>, dùng đoản binh mà đánh được, đó là một thời. Đến đời Đinh, Lê, nhiều người hiền lương giúp đỡ, bấy giờ nước Nam đang cường, vua tôi đồng lòng, bụng dân phấn chấn; mà bên Tàu đang lúc suy nhược, cho nên ta đắp thành Bình Lỗ (thuộc Thái Nguyên) phá được quân nhà Tống, đó là một thời. Đến đời nhà Lý, quân Tống sang xâm, Lý Đế sai Lý Thường Kiệt đánh mặt Khâm, Liêm, dồn đến Mai Lĩnh, quân hùng, tướng dũng, đó là có thể đánh được. Kế đến bản triều, giặc Nguyên kéo đến vây bọc bốn mặt, may được vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước đấu sức lại mà đánh, mới bắt được tướng kia, cũng là lòng trời giúp ta mới được thế.

Đại để, kẻ kia cậy có tràng trận, mà ta thì cậy có đoản binh; lấy đoản chống nhau với tràng, phép dùng binh thường vẫn phải thế. Còn như khi nào quân giặc kéo đến âm âm, như gió, như lửa, thế ấy lại dễ chống. Nếu nó dùng cách dần dà, như tầm ăn lá, thông thả mà không ham của dân, không cần lấy mau việc, thế ấy mới khó trị; thì ta nên kén dùng tướng

---

(1) Chỗ này Hưng Đạo Vương nói lầm: Triệu Võ Vương đóng đô ở Phiên Ngung tức là ở gần thành Quảng Châu bây giờ, mà châu Khâm, châu Liêm thì ở giáp giới nước ta. Lê nào đi đánh Trường Sa ở tỉnh Hồ Nam mà lại quay trở lại châu Khâm, châu Liêm. Chắc hẳn người mình ngày trước không thuộc địa đồ và có lẽ rằng Hưng Đạo Vương lúc nói chuyện đó cũng tưởng là kinh đô của Triệu Võ Vương ở đâu bên nước ta bây giờ, cho nên mới nói như thế chăng?



giỏi, liệu xem quyền biến, ví như đánh cờ, phải tùy cơ mà ứng biến, dùng binh phải đồng lòng như cha con một nhà, thì mới có thể đánh được. Cách ấy cốt phải tự lúc bình thì khoan sức cho dân, để làm kế sâu rễ bền gốc, đó là cái thuật giữ nước hay hơn cả”.

Anh Tông chịu lời ấy là rất phải.

Được mấy hôm thì ngài mất, vua cùng các quan ai nấy đều cảm thương lắm.

Hưng Đạo Vương thực là hết lòng với vua, với nước, tuy rằng uy quyền lừng lẫy, mà vẫn giữ chức phận làm tôi, không dám điều gì kiêu ngạo. Đang khi quân Nguyên quấy nhiễu, ngài cầm binh quyền, Thánh Tông, Nhân Tông cho ngài được chuyên quyền phong tước: trừ ra tự tước hầu trở xuống, cho ngài được phong trước rồi mới tâu sau. Thế mà ngài không dám tự tiện phong thưởng cho ai cả; phàm những nhà giàu mà ngài có quyền tiền gạo để cấp cho quân ăn, ngài chỉ phong cho làm Giả lang tướng mà thôi, nghĩa là tướng cho vay lương. Ngài cẩn thận như thế và ở với ai cũng thật là công chính cho nên đến khi ngài mất, tự vua cho chí bách tính ai cũng thương tiếc. Nhân dân nhiều nơi lập đền thờ phụng để ghi nhớ cái công đức của ngài.

### 3. Việc đánh Ai Lao

Từ khi quân nhà Nguyên thua chạy về Tàu rồi, phía Bắc được yên, nhưng ở phía Tây Nam có quân Ai Lao thường hay sang quấy nhiễu ở mạn Thanh Hóa, Nghệ An. Trước vua Nhân Tông đã thân chinh đi đánh mấy lần. Quân Lào tuy thua, nhưng hễ quan quân rút về, giặc lại sang cướp phá. Sau Anh Tông sai tướng quân là Phạm Ngũ Lão đi đánh ba bốn phen nữa. Đánh trận nào quân Lào cũng bị giết hại rất nhiều, cho nên từ đó phía Thanh, Nghệ, mới được yên.



#### 4. Sự giao thiệp với Chiêm Thành

Nước Chiêm Thành đối với An Nam từ ngày nhà Trần lên làm vua, hai nước không có điều gì lỗi thời. Đến khi Nhân Tông đi đánh Lào trở về, thì bỏ đi tu, trước ở chùa Võ Lâm (làng Võ Lâm, phủ Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình), sau về ở Yên Tử sơn (huyện Yên Hưng, Quảng Yên). Năm Tân Sửu (1301) Thượng hoàng đi sang Chiêm Thành xem phong cảnh, có ước gả Huyền Trân công chúa 玄珍公主 cho vua Chiêm là Chế Mân 制旻. Được ít lâu Chế Mân cho người đưa vàng bạc và các sản vật sang cống và xin cưới. Triều thần có nhiều người không thuận. Chế Mân lại xin dâng châu Ô và châu Ri<sup>(1)</sup> để làm lễ cưới, bấy giờ Anh Tông mới quyết ý thuận gả. Đến tháng sáu năm Bính Ngọ (1306) cho công chúa về Chiêm Thành.

Sang năm sau (1307) vua Anh Tông thu nhận hai châu Ô và Ri, đổi tên là Thuận Châu và Hóa Châu, rồi sai quan là Đoàn Nhữ Hài vào kinh lý và đặt quan cai trị.

Huyền Trân công chúa lấy Chế Mân chưa được một năm thì Chế Mân mất, mà theo tục Chiêm Thành, hễ khi vua đã chết, thì các hậu phải hỏa thiêu chết theo.

Anh Tông được tin ấy, sai Trần Khắc Chung 陳克終 giả mượn tiếng vào thăm để tìm kế đưa công chúa về.

Từ khi Chế Mân mất rồi, Chế Chí 制至 lên làm vua Chiêm Thành. Nhưng Chế Chí hay phản trắc, không giữ những điều giao ước trước, cho nên năm Tân Hợi (1311) Anh Tông cùng với Huệ Võ Vương Trần Quốc Chân 惠武王陳國瑱, Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư phân binh làm ba đạo sang đánh Chiêm Thành, bắt được Chế Chí đem về An Nam và phong cho người em là Chế Đà A Bà làm vua Chiêm Thành.

---

(1) Châu Ri cũng được gọi là châu Rí hay châu Lý [BT].



Chế Chí về An Nam được phong là Hiệu Thuận Vương, nhưng chẳng được bao lâu thì mất ở huyện Gia Lâm. Vua sai đưa hỏa táng. Từ đó về sau nước Chiêm và nước Nam thành ra có điều thù oán mãi.

Năm Mậu Thân (1308) Nhân Tông Thượng hoàng mất ở chùa Yên Tử sơn. Năm Giáp Dần (1314) Anh Tông nhường ngôi cho Thái tử Mạnh 昉, rồi về làm Thái Thượng hoàng ở phủ Thiên Trường đến năm Canh Thân (1320) thì mất.

Anh Tông trị vì được 21 năm, nhường ngôi được 6 năm, thọ 54 tuổi.

## II. TRẦN MINH TÔNG (1314 - 1329)

*Niên hiệu:* Đại Khánh 大慶 (1314 - 1323)

Khai Thái 開泰 (1324 - 1329)

Năm Giáp Dần (1314) Thái tử Mạnh lên ngôi làm vua, tức là vua Minh Tông 明宗.

Thời bấy giờ làm quan tại triều có Đoàn Nhữ Hài 段汝諧, Phạm Ngũ Lão 范五老, Trương Hán Siêu 張漢超, Mạc Đĩnh Chi 莫挺之, Nguyễn Trung Ngạn 阮忠彥, Chu Văn An 朱文安, v.v... đều là những người có tài cán trí lự cả.

Trong nước được yên trị; việc giao hiếu với nước Tàu thì tuy rằng có lời thôi về đường phân địa giới, nhưng đại khái vẫn được hòa hảo. Duy chỉ có nước Chiêm Thành tự khi Chế Chí chết rồi, thì người Chiêm cứ hay sang quấy nhiễu ở phía Nam, cho nên phải dùng đến can qua. Năm Mậu Ngọ (1318) Minh Tông sai Huệ Võ Vương Trần Quốc Chân và tướng quân Phạm Ngũ Lão đem binh đi đánh, vua Chiêm là Chế Năng phải bỏ thành mà chạy.



Còn những việc chính trị ở trong nước, thì năm Ất Mão (1315) lập lệ cấm người trong họ không được đi thừa kiện nhau; năm Bính Thìn (1316) duyệt định văn võ quan cấp; năm Quý Hợi (1323) mở khoa thi Thái học sinh; năm ấy lại cấm quân sĩ không được vẽ mình như trước. Nước ta bỏ thói vẽ mình từ đấy.

Minh Tông vốn là ông vua có lòng nhân hậu, hay thương yêu nhân dân, nhưng chỉ vì nghe nịnh thần cho nên giết oan Huệ Võ Vương Trần Quốc Chân, là người làm quan có công với nước.

Trần Quốc Chân là thân sinh ra Hoàng hậu và lại có công đi đánh Chiêm Thành thắng trận mấy lần. Nhưng vì Hoàng hậu chưa có hoàng tử, triều thần phân ra làm hai đảng, một đảng thì có Văn Hiến Hầu và Trần Khắc Chung, xin lập hoàng tử Vượng là con bà thứ, làm Thái tử. Một đảng thì có Trần Quốc Chân xin chờ cho Hoàng hậu có con trai rồi sẽ lập Thái tử.

Sau Văn Hiến Hầu cho tên Trần Nhac là đầy tớ của Trần Quốc Chân một trăm lạng vàng xúi nó vu cáo cho Quốc Chân làm mưu phản. Minh Tông bắt Quốc Chân đem giam ở chùa Tư Phúc.

Trần Khắc Chung xin vua trừ Quốc Chân đi, lấy lẽ rằng bắt hổ thì dễ, thả hổ thì khó. Minh Tông nghe lời ấy, cấm không cho Quốc Chân ăn uống gì cả, đến nỗi khát nước quá, Hoàng hậu phải lấy áo nhúng xuống nước rồi mặc vào vắt ra cho uống. Uống xong thì chết. Sau có người vợ lẽ tên Trần Nhac ghen nhau với vợ cả, đi tố cáo ra sự Trần Nhac lấy vàng và sự vu cáo cho Trần Quốc Chân. Bấy giờ mới rõ cái tình oan của một người trung thần.

Minh Tông làm vua đến năm Kỷ Ty<sup>(1)</sup> (1329), thì nhường ngôi cho Thái tử Vượng 旺, rồi về làm Thái Thượng hoàng.

---

(1) Sách gốc ghi là năm Ất Ty, ở đây, chúng tôi đã sửa lại [BT].



### III. TRẦN HIẾN TÔNG (1329 - 1341)

*Niên hiệu:* Khai Hữu 開祐

Thái tử Vương 旺 mới có 10 tuổi, lên làm vua, tức là vua Hiến Tông 憲宗.

Hiến Tông chỉ làm vua lấy vì mà thôi, quyền chính ở cả tay Minh Tông Thượng hoàng, cho nên tuy ngài có làm vua được non 13 năm, nhưng không được tự chủ việc gì.

#### 1. Giặc Ngưu Hống

Minh Tông Thượng hoàng vừa nhường ngôi xong, thì ở mạn Đà Giang có Mường Ngưu Hống 牛吼 làm loạn. Thượng hoàng phải thân chinh đi đánh. Người Ngưu Hống ở trại Chiêm Chiêu đưa thư đến giả xin hàng. Nhưng khi đạo quân ở Thanh Hóa đi đến nơi, thì bị người ở trại ấy đổ ra đánh, phải thua chạy. Thượng hoàng đem đại binh tiến lên, thanh thế lừng lẫy, quân Ngưu Hống bỏ chạy cả vào rừng. Quân giặc tuy thua nhưng không trừ hết được, mãi đến năm Đinh Sửu (1337) tướng nhà Trần là Hưng Hiếu Vương 興孝王 chém được thủ đảng Ngưu Hống ở trại Trịnh Kỳ, thì giặc ấy mới yên.

#### 2. Giặc Ai Lao

Trong khi giặc Ngưu Hống còn đang quấy nhiễu, giặc Ai Lao lại sang đánh phá. Năm Giáp Tuất (1334<sup>(1)</sup>) Minh Tông Thượng hoàng lại phải thân chinh đi đánh. Sai ông Nguyễn Trung Ngạn 阮忠彥 vào Thanh Hóa sung chức Phát vận sứ 發運使 để vận lương đi trước, Thượng hoàng đem đại quân vào sau. Khi đại quân vào đến Kiềm Châu 黔州 (thuộc huyện Tương Dương, Nghệ An), quân Ai Lao nghe tiếng đều bỏ chạy cả.

---

(1) Sách gốc ghi là năm 1384, ở đây, chúng tôi đã sửa lại [BT].



Thượng hoàng bèn sai ông Nguyễn Trung Ngạn làm bài bia khắc trên núi để ghi công. Bài bia ấy chữ to bằng bàn tay, khắc vào đá sâu một tấc, đến nay hãy còn.

Văn bài bia ấy dịch ra chữ Nôm như sau này:

*“Chương Nghiêu Văn Triết Thái Thượng hoàng là vua thứ sáu đời nhà Trần, nước Hoàng Việt, chịu mệnh trời nhất thống cõi trung hạ, trong đất ngoài bể đâu cũng thần phục. Nước Ai Lao nhỏ mọn kia dám ngạnh vương hóa; cuối mùa thu năm Ất Hợi vua thân đem sáu quân đi tuần cõi Tây, Thế tử nước Chiêm Thành, nước Chân Lạp, nước Tiêm La và tù trưởng các đạo Mán là Quý, Cầm, Xa, Lạc, tù trưởng rợ Bồ Man mới phụ và các bộ Mán Thanh Xa đều mang phương vật tranh nhau đến đón rước. Chỉ có tên nghịch Bổng cứ giữ mê tối, sợ phải tội chưa lại châu ngay. Cuối mùa đông vua đóng quân ở cánh đồng Cự, thuộc châu Mật, sai các tướng và quân rợ mọi vào tận nước, nghịch Bổng theo gió chạy trốn. Vua mới xuống chiếu đem quân về. Lúc bấy giờ là ngày tháng chạp nhuận năm Ất Hợi, niên hiệu Khai Hữu thứ 7, khắc vào đá”.*

Xem văn từ thì hình như việc Minh Tông Thượng hoàng đi đánh Ai Lao thật là hống hách lắm, nhưng cứ sự thực thì quân ta bấy giờ chưa ra khỏi cõi, mà giặc Ai Lao vẫn chưa trừ được. Còn như việc Thế tử nước Chân Lạp và nước Tiêm La, v.v... sang châu, thì thiết tưởng đấy là một lối làm văn của nhà làm bia nói cho trân trọng đó mà thôi, chứ chưa chắc đã hợp với sự thực.

Năm sau quân Ai Lao lại sang cướp ở ấp Nam Nhung 南戎 (thuộc huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An). Minh Tông Thượng hoàng lại ngự giá đi đánh lần nữa. Ngài sai quan Kinh lược đại sứ tỉnh Nghệ An là Đoàn Nhữ Hài 段汝諧 làm Đô đốc chư quân. Đoàn Nhữ Hài khinh quân Lào hèn yếu, chắc đánh là tất được. Đến khi đem quân đến ấp Nam Nhung qua sông Tiết La 屑邏, chẳng may phải hôm có sương mù, bị phục binh của Lào đồ

ra đánh, quan quân thua chạy cả xuống sông, chết đuối nhiều lắm. Đoàn Nhữ Hài cũng chết đuối.

Xét ra nước Ai Lao đã sang quấy nhiễu đất An Nam từ đời vua Nhân Tông và vua Anh Tông. Quan quân đã phải đi đánh nhiều lần, nhưng lần nào đánh xong thì cũng chỉ yên được độ vài ba năm, rồi giặc lại sang phá. Mà quan quân có đi đánh thì cũng đánh cho nó dừng sang ăn cướp ở đất mình nữa mà thôi, chứ không có lúc nào định chiếm giữ đất Lào cả. Có lẽ là tại đất Lào nhiều rừng lắm núi, phải sơn lam thủy chướng, đường sá xa xôi, vận tải khó nhọc, cho nên quân ta không ở được lâu. Còn người Lào thì họ thuộc đường sá, quen phong thổ, tiến thoái tùy tiện: thắng trận thì họ tiến lên đánh, bại trận thì họ rút quân đi, mình không biết đâu mà đuổi. Bởi thế cho nên quân ta vẫn đánh được giặc mà giặc vẫn còn, thành ra cứ phải đi đánh mãi.

Hiến Tông làm vua đến năm Tân Tỵ (1341) thì mất, trị vì được 13 năm, thọ 23 tuổi.



## CHƯƠNG X

# NHÀ TRẦN

Thời kỳ thứ ba (1341 - 1400)



### I. TRẦN DỤ TÔNG

1. Việc chính trị
2. Việc giao thiệp với nước Tàu
3. Việc giao thiệp với Chiêm Thành
4. Dương Nhật Lễ

### II. TRẦN NGHỆ TÔNG

### III. TRẦN DUỆ TÔNG

1. Việc chính trị
2. Sự thi cử
3. Việc đánh Chiêm Thành

### IV. TRẦN PHẾ ĐẾ

1. Chiêm Thành sang phá Thăng Long
2. Tình thế nước Nam
3. Nhà Minh sách nhiễu
4. Nghệ Tông thất chính
5. Lê Quý Ly giết Đế Hiến

### V. TRẦN THUẬN TÔNG

1. Phạm Sư Ôn khởi loạn
2. Chế Bồng Nga tử trận
3. Lê Quý Ly chuyên quyền
4. Nghệ Tông mất

### VI. LÊ QUÝ LY MÙA SỰ THOÁN ĐOẠT

1. Việc tài chính
2. Việc học hành
3. Việc cai trị
4. Lập Tây Đô
5. Sự phế lập: Trần Thiếu Đế

## I. TRẦN DỤ TÔNG (1341 - 1369)

*Niên hiệu:* Thiệu Phong 紹豐 (1341 - 1357)

Đại Trị 大治 (1358 - 1369)

### 1. Việc chính trị

Hiển Tông không có con, Minh Tông Thượng hoàng lập người em tên là Hạo 暉 lên làm vua, tức là vua Dụ Tông 裕宗.

Trong những năm Thiệu Phong, là mười mấy năm đầu, tuy Dụ Tông làm vua, nhưng quyền chính trị ở Minh Tông Thượng hoàng quyết đoán cả, cho nên dẫu có phải mấy năm tai biến mất mùa đói khổ, nhưng việc chính trị còn có thứ tự. Từ năm Đại Trị nguyên niên (1358) trở đi, Thượng hoàng mất rồi, bọn cỰu thần như ông Trương Hán Siêu, ông Nguyễn Trung Ngạn cũng mất cả, từ đó việc chính trị bỏ trễ nải. Kể gian thần mỗi ngày một đặc chí. Ông Chu Văn An 朱文安 là một nhà danh nho thời bấy giờ và đang làm quan tại triều, thấy chính trị bại hoại, làm sớ dâng lên xin chém bảy người quyền thần. Vua không nghe, ông ấy bỏ quan về ở núi Chí Linh.

Vua Dụ Tông về sau cứ rượu chè chơi bời, xây cung điện, đào hồ đắp núi, rồi lại cho gọi những người nhà giàu vào trong điện để đánh bạc. Bắt vương hầu công chúa phải đặt chuyện hát tuồng<sup>(1)</sup> và bắt các quan thi nhau uống rượu, ai uống rượu được một trăm thăng thì thưởng cho hai trật.

Chính sự như thế, cho nên giặc cướp nổi lên như ong dấy: ở mạn Hải Dương thì có giặc Ngô Bệ 吳陛 làm loạn ở núi Yên

---

(1) Khi quân nhà Trần đánh được quân nhà Nguyên, có bắt được một tên hát bội là Lý Nguyên Cát 李元吉, sau nó ở lại nước ta lấy cổ truyện mà đặt thành bài tuồng, rồi dạy người mình hát. Khi con hát ra làm trò thì mặc áo gấm, áo vóc, theo nhịp đàn nhịp trống mà hát. Sự hát tuồng của Việt Nam bắt đầu từ đây.



Phụ; ở các nơi thì chỗ nào cũng có giặc nổi lên cướp phá. Dân tình khổ sở, năm nào cũng phải đói kém. Cơ nghiệp nhà Trần bắt đầu suy từ đây.

## 2. Việc giao thiệp với nước Tàu

Bấy giờ ở bên Tàu, nhà Nguyên đã suy, trong nước rối loạn, có bọn Trần Hữu Lượng 陳友諒, Trương Sĩ Thành 張士誠, Chu Nguyên Chương 朱元璋 khởi binh đánh phá.

Chu Nguyên Chương dấy binh ở đất Từ Châu (tỉnh An Huy), chiếm giữ thành Kim Lăng, rồi trong 15 năm dứt được nhà Nguyên dẹp yên thiên hạ, dựng nên cơ nghiệp nhà Minh.

Năm Mậu Thân (1368) Minh Thái Tổ sai sứ đưa thư sang dụ nước ta, Dụ Tông sai quan Lễ bộ Thị lang là Đào Văn Đích 陶文的 sang cống.

Nước Nam ta bấy giờ tuy đã suy nhược, nhưng mà nhà Minh mới định xong thiên hạ, còn phải sửa sang việc nước, chưa dòm đến nước mình, cho nên cũng chưa có việc gì quan trọng lắm.

## 3. Việc giao thiệp với Chiêm Thành

Từ khi vua nước Chiêm Thành là Chế A Nan mất rồi, con là Chế Mọ và rể là Bồ Đề tranh nhau làm vua. Người Chiêm Thành bỏ Chế Mọ mà theo Bồ Đề; qua năm Nhâm Thìn (1352) Chế Mọ chạy sang An Nam cầu cứu.

Đến năm Quý Tỵ (1353), Dụ Tông cho quân đưa Chế Mọ về nước, nhưng quan quân đi đến đất Cổ Lũy (thuộc Quảng Nghĩa) bị quân Chiêm đánh thua, phải chạy trở về. Chế Mọ cũng buồn rầu chẳng bao lâu thì chết.

Người Chiêm Thành từ đấy được thể cứ sang cướp phá ở đất An Nam.

Năm Đinh Mùi (1367), Dụ Tông sai Trần Thế Hưng 陳世興 và Đỗ Tử Bình 杜子平 đi đánh Chiêm Thành. Quan quân đi





đến Chiêm Động (thuộc phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) bị phục quân của Chiêm Thành đánh bắt mất Trần Thế Hưng, Đỗ Tử Bình đem quân chạy trở về.

Người Chiêm thấy binh thế nước Nam suy nhược, có ý khinh dễ, cho nên qua năm Mậu Thân (1368) vua nước Chiêm cho sứ sang đòi đất Hóa Châu. Việc đòi Hóa Châu này thì sứ chỉ chép qua đi mà thôi. Vả bấy giờ ở nước Nam ta, vua Dụ Tông chỉ lo việc hoang chơi, không tưởng gì đến việc võ bị; mà ở bên Chiêm Thành thì có Chế Bồng Nga 制蓬娥 là một ông vua anh hùng, có ý đánh An Nam để rửa những thù trước. Vậy cho nên hết sức tập trận, luyện binh; bắt quân lính phải chịu khó nhọc cho quen, dàn trận voi cho tiện đường lui tới: thắng thì cho voi đi trước để xông đột, bại thì cho voi đi sau để ngăn giữ quân nghịch. Nhờ cách xếp đặt có thứ tự, dụng binh có kỷ luật như thế, cho nên quân Chiêm Thành từ đó mạnh lắm, sau sang đánh phá thành Thăng Long mấy lần, làm cho vua tôi nhà Trần phải kinh sợ mấy phen.

#### 4. Dương Nhật Lễ (1369 - 1370)

Năm Kỷ Dậu (1369), vua Dụ Tông mất, không có con. Triều đình định lập Cung Định Vương 恭定王 là anh Dụ Tông lên làm vua, nhưng mà bà Hoàng thái hậu nhất định lập người con nuôi của Cung Túc Vương 恭肅王 là Dương Nhật Lễ 楊日禮.

Nguyên mẹ Nhật Lễ là người con hát, lấy người hát bội tên là Dương Khương 楊姜, có thai rồi mới bỏ Dương Khương mà lấy Cung Túc Vương, sinh ra Nhật Lễ. Nay lên làm vua, Nhật Lễ muốn cải họ là Dương để dứt ngôi nhà Trần, rồi giết bà Hoàng thái hậu và Cung Định Vương.

Bấy giờ Cung Tĩnh Vương Phủ ở chỗ kinh sư cũng sợ bị hại, vả lại tính khí cũng nhu nhược, không có ý tranh cạnh, mới bỏ trốn lên mạn Đà Giang. Các quan tôn thất nhà Trần mới hội nhau đem binh về bắt Nhật Lễ giết đi, rồi rước Cung Tĩnh Vương về làm vua. Tức là vua Nghệ Tông 藝宗.



## II. TRẦN NGHỆ TÔNG (1370 - 1372)

*Niên hiệu:* Thiệu Khánh 紹慶

Khi Nghệ Tông giết Nhật Lễ rồi, mẹ Nhật Lễ chạy sang Chiêm Thành, xin vua nước ấy là Chế Bồng Nga đem quân sang đánh An Nam. Quân Chiêm vượt bể vào cửa Đại An, kéo lên đánh Thăng Long. Quan quân đánh không nổi. Nghệ Tông phải lánh mình chạy sang Đông Ngạn (ở Cổ Pháp làng Đình Bảng). Quân Chiêm vào thành, đốt sạch cung điện, bắt đàn bà con gái, lấy hết các đồ báu ngọc, rồi rút quân về.

Nghệ Tông là một ông vua nhu nhược, việc gì cũng để cho người ngoại thích là Lê Quý Ly 黎季犛 quyết đoán cả.

Quý Ly là dòng dõi người ở Chiết Giang bên Tàu, tổ là Hồ Hưng Dật 胡興逸 từ đời Ngũ Quý sang ở nước ta, làng Bào Đột, huyện Quỳnh Lưu. Sau ông tổ tứ đại là Hồ Liêm dời ra ở Thanh Hóa, làm con nuôi nhà Lê Huấn 黎訓, cho nên mới đổi họ là Lê. Lê Quý Ly có hai người cô lấy vua Minh Tông. Một người sinh ra vua Nghệ Tông, một người sinh ra vua Duệ Tông. Vì thế cho nên Nghệ Tông càng tin dùng lắm, phong cho làm Khu mật đại sứ 樞密大使, lại gia tước Trung Tuyên Hầu 忠宣侯. Năm Nhâm Tý (1372) Nghệ Tông truyền ngôi cho em là Kính 敬, rồi về ở phủ Thiên Trường làm Thái Thượng hoàng.

## III. TRẦN DUỆ TÔNG (1372 - 1377)

*Niên hiệu:* Long Khánh 隆慶

### 1. Việc chính trị

Thái tử Kính lên ngôi, tức là vua Duệ Tông 睿宗, lập Lê Thị làm Hoàng hậu (Lê Thị là em họ Quý Ly).



Duệ Tông có tính quyết đoán hơn Nghệ Tông, nhưng mà quyền bính vẫn ở tay Nghệ Tông Thượng hoàng cả.

Bấy giờ quân Chiêm Thành cứ sang quấy nhiễu mãi, vua Duệ Tông quyết ý đi đánh báo thù, bèn hạ chiếu luyện tập quân lính, làm chiến thuyền, và tích lương thảo để phòng việc chinh chiến, rồi đặt thêm quân hiệu, cho Quý Ly làm Tham mưu quân sự; đổi đất Hoan Châu làm Nghệ An, Diễn Châu làm Diễn Châu lộ, Lâm Bình phủ làm Tân Bình phủ, rồi sai quan bắt dân sửa sang đường sá tự Cửu Chân (Thanh Hóa) cho đến huyện Hà Hoa (tức là huyện Kỳ Anh bây giờ).

## 2. Sự thi cử

Tuy bấy giờ lo việc võ bị nhiều, nhưng cũng không quên việc văn học; năm Giáp Dần (1374) mở khoa thi tiến sĩ, lấy hơn 50 người cho áo mũ vinh quy. Trước vẫn có thi thái học sinh, đến bấy giờ mới đổi ra là thi tiến sĩ.

## 3. Việc đánh Chiêm Thành

Năm Bính Thìn (1376) quân Chiêm lại sang phá ở Hóa Châu. Duệ Tông định thân chinh đi đánh. Đình thần can không được. Sai quân dân Thanh Hóa, nghệ An, vận tải 5 vạn thạch lương vào Hóa Châu, rồi rước Thượng hoàng lên duyệt binh ở Bạch Hạc. Nhân năm ấy vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga đem sang cống 15 mâm vàng, quan trấn thủ Hóa Châu tên là Đỗ Tử Bình 杜子平 lấy đi, rồi dâng sớ về nói dối rằng Chế Bồng Nga ngạo mạn vô lễ, xin vua cử binh sang đánh. Được tin ấy, Duệ Tông quyết ý đi đánh; sai Quý Ly đốc vận lương thực đến cửa bể Di Luân (thuộc huyện Bình Chính, Quảng Bình) và tự lĩnh 12 vạn quân, cả thủy bộ cùng tiến; đi đến cửa bể Nhật Lệ (ở làng Đồng Hới, huyện Phong Lộc, Quảng Bình) đóng lại một tháng để luyện tập sĩ tốt.



Qua tháng giêng năm Đinh Tỵ (1377) mới tiến quân vào cửa Thị Nại (tức là cửa Quy Nhơn) đánh lấy đồn Thạch Kiều và động Kỳ Mang, rồi kéo quân đến đánh thành Đồ Bàn<sup>(1)</sup> 閩槃 là kinh đô Chiêm Thành.

Chế Bồng Nga lập đồn giữ ở ngoài thành, rồi cho người sang giả hàng nói rằng Chế Bồng Nga đã bỏ thành chạy trốn rồi, chỉ còn có thành không mà thôi, xin tiến binh sang ngay. Duệ Tông lấy điều ấy làm thật, hạ lệnh truyền tiến binh vào thành. Đại tướng là Đỗ Lễ 杜禮 can mãi vua không nghe. Khi quân gần đến thành Đồ Bàn, quả nhiên bị quân Chiêm đổ ra vây đánh. Quan quân thua to; Duệ Tông chết ở trận, tướng sĩ quân lính chết mười phần đến bảy, tám.

Bấy giờ Đỗ Tử Bình lĩnh hậu quân không đem binh lên cứu, Lê Quý Ly cũng bỏ chạy về. Thế mà hai người về kinh, Nghệ Tông Thượng hoàng chỉ giáng Đỗ Tử Bình xuống làm lính mà thôi.

## IV. TRẦN PHẾ ĐẾ (1377 - 1388)

*Niên hiệu:* Xương Phù 昌符

Thượng hoàng được tin Duệ Tông chết trận rồi, bèn lập con Duệ Tông là Hiến<sup>(2)</sup> 睂 lên nối ngôi, tức là vua Phế Đế.

### 1. Chiêm Thành sang phá Thăng Long

Quân Chiêm Thành đã phá được quân An Nam và giết được Duệ Tông rồi, qua tháng sau đem quân sang đánh Thăng Long. Thượng hoàng nghe tin giặc đến, sai tướng ra giữ Đại An hải khẩu. Giặc biết chỗ ấy có phòng bị, đi vào cửa Thần Phù

---

(1) *Thành Đồ Bàn* bây giờ hãy còn di tích ở huyện Tuy Viễn, tỉnh Khánh Hòa. [Thành Đồ Bàn nay thuộc địa phận xã Nhơn Hậu, Thị xã Nhơn và cách thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định 27 km về hướng Tây Bắc - BT].

(2) Nhiều tài liệu phiên là Hiến [BT].



(sông Chính Đại, thuộc huyện Yên Mô, Ninh Bình) rồi lên cướp phá thành Thăng Long, không ai chống giữ được.

Tháng năm năm Mậu Ngọ (1378) quân Chiêm Thành lại sang đánh đất Nghệ An, rồi lại vào sông Đại Hoàng lên đánh Thăng Long lần nữa.

Quân Chiêm Thành biết nước Nam suy nhược, cứ sang cướp phá. Năm Canh Thân (1380) lại sang phá ở đất Thanh Hóa, Nghệ An. Vua sai Lê Quý Ly lĩnh thủy binh, Đỗ Tử Bình lĩnh bộ binh vào giữ ở Ngu Giang, huyện Hoàng Hóa (Thanh Hóa). Lê Quý Ly đánh đuổi được quân Chiêm về. Đến năm Nhâm Tuất (1382) quân Chiêm lại sang đánh ở đất Thanh Hóa. Lê Quý Ly cùng với tướng quân Nguyễn Đa Phương 阮多方 giữ ở bến Thần Đầu (Ninh Bình). Nguyễn Đa Phương phá được quân Chiêm, đuổi đánh đến đất Nghệ An mới thôi.

Từ khi đánh được trận Ngu Giang và trận Thần Đầu, quân thế An Nam đã hơi nổi, cho nên sang tháng giêng năm Quý Hợi (1383) Thượng hoàng sai Quý Ly đem chiến thuyền đi đánh Chiêm Thành, Quý Ly vào đến Lại Bộ Nương Loan (tức là cửa Nương Loan, bây giờ ở huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh) phải bão đánh nát mất nhiều thuyền, lại phải rút quân về.

Qua tháng sáu năm ấy, Chế Bồng Nga cùng với tướng là La Khải 羅愷 đem quân đi đường sơn lộ ra đóng ở Khổng Mục (?), đất Quảng Oai. Ở kinh sư nghe tin giặc Chiêm lại sang, Thượng hoàng sai tướng là Mật Ôn 密溫 ra giữ ở châu Tam Kỳ ở địa hạt Quốc Oai, nhưng Mật Ôn bị quân Chiêm đánh bắt mất. Thượng hoàng sợ hãi, sai Nguyễn Đa Phương ở lại kinh sư làm đồn giữ thành, rồi cùng với vua chạy sang Đông Ngạn. Bấy giờ có người nín thuyền lại xin Thượng hoàng cứ ở lại kinh sư mà chống giữ với giặc, Thượng hoàng không nghe.

Quân Chiêm Thành bấy giờ ra vào nước Nam ta như đi vào chỗ không người, cho nên trong mấy năm mà vào phá



kinh thành ba lần; ba lần Thượng hoàng cùng Đế Hiến phải bỏ thành mà chạy. Thế mà đến khi giặc về rồi, cũng không sửa sang gì để phòng bị về sau, thật là làm nhục cái tiếng con cháu Trần Hưng Đạo Vương.

## 2. Tình thế nước Nam

Trong nước bấy giờ dân tình đói khổ, nhà vua thì sợ giặc phải đưa của đi chôn ở trên núi Thiên Kiện, tức là núi Kiện Khê, huyện Thanh Liêm. Ở ngoài bờ cõi thì người Chiêm nay vào đánh chỗ này, mai vào phá chỗ khác, nhà nước mỗi ngày một hèn yếu, đến nỗi phải nhờ đến lũ tăng nhân là bọn Đại Nạn thiền sư đi đánh giặc Chiêm.

Thuế má thì càng ngày càng nặng. Trước dân An Nam cứ phải định ngạch chịu thuế, sống không kể, chết không trừ, ai đã làm lính, thì cả đời chỉ phải làm lính, chứ không bao giờ được làm quan. Còn những người có điền thổ thì phải đóng tiền, ai không có gì thì thôi. Khi nào có binh sự, thì những người có ruộng, có đồng dâu, hay là có đầm cá phải chịu thóc, tiền và vải, để cho quân dùng. Đến nay giặc giã luôn, kho tàng trống hốc, Đỗ Tử Bình<sup>(1)</sup> xin với vua bắt mỗi suất đinh mỗi năm phải đóng 3 quan tiền thuế. Thuế thân sinh ra từ đấy.

## 3. Nhà Minh sách nhiễu

Ở bên Tàu thì bấy giờ nhà Minh đã dứt được nhà Nguyên, lại có ý dòm đất An Nam. Thường thường cho sứ đi lại sách cái nọ, đòi cái kia; năm Giáp Tý (1384) Minh Thái Tổ cho sứ sang bắt An Nam phải cấp 5.000 thạch lương cho quân nhà Minh đóng ở Vân Nam. Năm sau (1385) lại cho sứ sang đem 20 tăng nhân An Nam về Kim Lăng, rồi lại đòi phải cống cây quý, phải nộp lương, chủ ý là xem tình thế nước Nam ra thế nào.

---

(1) Đỗ Tử Bình trước đi đánh Chiêm Thành có tội phải đày đi làm lính. Nay không biết làm thế nào đã được phục chức.



#### 4. Nghệ Tông thất chính

Vua Nghệ Tông tuy giữ quyền chính trị, nhưng việc gì cũng do ở Lê Quý Ly. Triều thần thì chỉ có những mặt xu nịnh, người nào cũng chỉ lo lấy thân mà thôi, việc nước an nguy thế nào không ai lo nghĩ đến. Những người tôn thất như Trần Nguyên Đán 陳元旦<sup>(1)</sup> thấy quốc chính rã rời, xin về trí sĩ. Một hôm Thượng hoàng đến thăm bàn đến hậu sự, Nguyên Đán tâu rằng: “Xin bệ hạ thờ nhà Minh như cha, yêu nước Chiêm Thành như con, thì quốc gia sẽ không việc gì, mà lão thần chết cũng không hảm!”. Ấy là chỉ bàn những chuyện làm tội tổ mà thôi, chứ không có chí muốn cho nước mình cường thịnh. Nguyên Đán biết rằng Quý Ly sau này tất cướp ngôi nhà Trần, bèn kết làm thông gia, vì thế cho nên sau dòng dõi nhà Trần chết cả, duy chỉ có con cái nhà Nguyên Đán được phú quý mà thôi.

Nghệ Tông Thượng hoàng thì cứ mờ mịt, không biết ai trung ai nịnh, vẫn tưởng là Lê Quý Ly hết lòng với nhà vua, bèn cho Lê Quý Ly gươm và cờ có chữ đề rằng: “*Văn võ toàn tài, quân thần đồng đức*”. Lê Quý Ly làm thơ Nôm dâng tạ.

#### 5. Lê Quý Ly mưu giết Đế Hiền

Bấy giờ Đế Hiền thấy Thượng hoàng yêu dùng Quý Ly, mới bàn với các quan rằng nếu không trừ đi rồi sau tất thành ra vạ to. Quý Ly biết mưu ấy, đến kêu van với Thượng hoàng rằng: “Cổ lai chỉ bỏ cháu nuôi con, chứ chưa thấy ai bỏ con nuôi cháu bao giờ”. Thượng hoàng nghe lời, xuống chiếu trách Đế Hiền còn tính trẻ con và lại có ý hại kẻ công thần, làm nguy xã tắc; vậy phải giáng xuống làm Minh Đức Đại Vương, và lập Chiêu Định Vương là con Nghệ Tông lên nối ngôi.

Khi tờ chiếu ấy bố cáo ra ngoài, có mấy người tướng quân đã toan đưa quân vào điện cứu Đế Hiền ra, nhưng vua viết hai

---

(1) Trần Nguyên Đán là cháu tăng tôn Trần Quang Khải.

chữ “*giải giáp*” 解甲 và không cho được trái mệnh của Thượng hoàng. Sau Đế Hiến bị thất cổ chết, còn những tướng sĩ đồng mưu giết Quý Ly đều bị hại cả.

## V. TRẦN THUẬN TÔNG (1388 - 1398)

*Niên hiệu:* Quang Thái 光泰

### 1. Phạm Sư Ôn khởi loạn

Nghệ Tông Thượng hoàng đã nghe Quý Ly mà giết Đế Hiến rồi lập người con út của mình là Chiêu Định Vương 昭定王 lên làm vua, tức là vua Thuận Tông 順宗.

Bấy giờ trong triều thì Lê Quý Ly chuyên quyền, chọn những chân tay cho cai quản các đội quân để làm vây cánh, ngoài các trấn thì giặc giã nổi lên nhiều lắm. Ở Thanh Hóa có tên Nguyễn Thanh 阮清 tự xưng là Linh Đức Vương 靈德王 làm loạn ở Lương Giang; tên Nguyễn Kỵ 阮忌 tự xưng là Lỗ Vương 魯王 làm loạn ở Nông Cống. Ở Quốc Oai thì có người sư tên là Phạm Sư Ôn 范師溫 nổi lên đem quân về đánh kinh sư. Thượng hoàng, Thuận Tông và triều đình phải bỏ chạy lên Bắc Giang. Phạm Sư Ôn lấy được kinh sư, ở ba ngày rồi rút về Quốc Oai. Bấy giờ có tướng quân là Hoàng Phụng Thế 黃奉世 đóng ở Hoàng Giang<sup>(1)</sup> để phòng giữ quân Chiêm Thành, nghe tin Sư Ôn phạm đất kinh sư mới đem quân về đánh lên bắt được Sư Ôn và phá tan giặc ấy.

### 2. Chế Bồng Nga tử trận

Năm Kỷ Tỵ (1389) Chế Bồng Nga lại đem quân ra đánh Thanh Hóa. Vua sai Lê Quý Ly đem binh vào chống giữ ở làng Cổ Vô. Quan quân đóng cọc ngăn sông ra giữ nhau với giặc hơn

(1) Hoàng Giang là khúc sông Hồng Hà ở về huyện Nam Xang, Hà Nam.





20 ngày. Giặc bèn phục binh, rồi giả tảng rút quân về. Lê Quý Ly đem quân thủy bộ đuổi đánh, bị phục binh của giặc đổ ra đánh, giết hại mất nhiều. Quý Ly trốn chạy về kinh, để người tỳ tướng là Phạm Khả Vĩnh 范可永 và tướng quân là Nguyễn Đa Phương 阮多方 chống nhau với giặc ở Ngu Giang 虞江. Bọn Nguyễn Đa Phương thấy quân mình yếu thế, giả tảng bày cò dàn thuyền ra, rồi đến đêm rút quân về.

Qua tháng mười một, quân Chiêm lại vào sông Hoàng Giang, Thượng hoàng sai quan Đô tướng là Trần Khát Chân 陳渴真<sup>(1)</sup> đem binh đi chống giữ với giặc. Trần Khát Chân khóc và lạy rồi ra đi, Thượng hoàng cũng khóc. Xem thế thì biết vua tôi nhà Trần bấy giờ lấy quân Chiêm Thành làm khiếp sợ lắm.

Trần Khát Chân đem quân đến Hoàng Giang xem không có chỗ nào đóng quân được tiện lợi, bèn rút về đóng ở sông Hải Triều (ở vào địa phận huyện Hưng Nhân, tỉnh Thái Bình và huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, tức là ở sông Luộc).

Đến tháng giêng năm Canh Ngọ (1390) Chế Bồng Nga đi thuyền đến xem hình thế quân của Trần Khát Chân. Bấy giờ có thuyền đầy tớ của Chế Bồng Nga có tội, sợ phải giết, chạy sang hàng với Trần Khát Chân. Nhân khi Chế Bồng Nga đem hơn 100 chiếc thuyền đến gần trại của quân nhà Trần đóng, tên đầy tớ ấy chỉ cái thuyền của Chế Bồng Nga cho Khát Chân. Khát Chân mới truyền lấy súng bắn vào thuyền ấy, Chế Bồng Nga trúng phải đạn chết.

Quan quân đổ ra đánh, quân Chiêm thấy quốc vương chết đều bỏ chạy cả. Quan quân đánh đuổi rồi cắt lấy đầu Chế Bồng Nga đem về dâng triều đình. Thượng hoàng thấy đầu Chế Bồng Nga, tự ví mình như Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Vũ, rất là vui vẻ. Đoạn rồi định công thưởng tước cho các tướng sĩ.

---

(1) Trần Khát Chân là dòng dõi Trần Bình Trọng.



Tướng Chiêm Thành là La Khải 羅愷 đem xác Chế Bồng Nga hỏa táng xong rồi, đem quân trở về nước, chiếm lấy ngôi vua Chiêm Thành. Hai người con Chế Bồng Nga phải chạy sang hàng An Nam, đều được phong tước hầu cả.

### 3. Lê Quý Ly chuyên quyền

Từ khi giặc Chiêm đã yên, Lê Quý Ly càng ngày càng kiêu hãnh. Bao nhiêu những người mà không tòng phục mình, thì xui Thượng hoàng giết đi; hoàng tử, thân vương đều bị giết hại. Mà Thượng hoàng thì cứ tin Quý Ly một cách lạ lùng. Sĩ phu có người dâng sớ tâu với Thượng hoàng rằng Quý Ly có ý muốn dòm cơ nghiệp nhà Trần, thì Thượng hoàng lại đưa sớ cho Quý Ly xem, cho nên những người trung thần không ai nói năng gì nữa.

Uy quyền của Quý Ly một ngày một to, vây cánh một ngày một nhiều, Thượng hoàng sau tỉnh dần dần lại biết lấy làm sợ, nhưng đã chậm lắm rồi, thế không sao được nữa; mới bắt người vẽ cái tranh tứ phụ cho Quý Ly. Trong tranh ấy vẽ ông Chu Công giúp vua Thành Vương, ông Hoắc Quang giúp vua Chiêu Đế, ông Gia Cát Lượng giúp vua Hậu Chủ, ông Tô Hiến Thành giúp vua Lý Cao Tông, rồi bảo Quý Ly rằng nhà người giúp con trăm cũng nên như thế. Một hôm Thượng hoàng gọi Quý Ly vào trong điện mà bảo rằng: “Nhà người là thân tộc, cho nên bao nhiêu việc nước, trăm đều ủy thác cho cả; nay quốc thể suy nhược, trăm thì già rồi; ngày sau con trăm có nên giúp thì giúp, không thì *‘nhà người tự làm lấy’*”. Thượng hoàng bắt chước câu ấy của ông Lưu Bị nói với ông Khổng Minh ngày trước, tưởng để mua chuộc được lòng Quý Ly.

Quý Ly cời mũi, khấu đầu khóc lóc mà thề rằng: “Nếu hạ thần không hết lòng, hết sức giúp nhà vua, thì trời tru đất diệt. Vả ngày trước Linh Đức Vương (tức là Phế Đế) có lòng làm hại, nếu không có uy linh của bệ hạ, thì nay đã ngậm cười dưới đất, còn đâu ngày nay nữa mà mài thân nghiền cốt để báo đền vạn



nhất! Vậy hạ thần đâu có ý gì khác, xin bệ hạ tỏ lòng ấy cho và đừng lo gì”.

#### 4. Nghệ Tông mất

Đến tháng chạp năm Giáp Tuất (1394) thì Thượng hoàng mất. Trị vì được 3 năm, làm Thái Thượng hoàng 27 năm, thọ 74 tuổi.

Nghệ Tông là ông vua rất tâm thường: chí khí đã không có, trí lự cũng kém hèn, để cho kẻ gian thần lừa đảo, giết hại cả con cháu họ hàng, xa bỏ những kẻ trung thần nghĩa sĩ; cứ yêu dùng một Quý Ly, cho được quyền thế, đến nỗi làm xiêu đổ cơ nghiệp nhà Trần.

Dẫu rằng đến khi vận nước đã suy, không có điều này cũng có điều nọ, tựa hồ người đã già không phải bệnh nọ thì cũng mắc bệnh kia, nhưng cứ sự thực mà xét, thì cũng vì vua Nghệ Tông cho nên cơ nghiệp nhà Trần mới mất về tay Quý Ly; mà cũng vì sự rối loạn ấy, cho nên giặc nhà Minh mới có cơ mà sang cướp phá nước Nam trong 20 năm trời.

### VI. LÊ QUÝ LY MUÒN SỰ THOÁN ĐOẠT

Nghệ Tông mất rồi, Quý Ly lên làm Phụ chính Thái sư, vào ở trong điện, dịch thiên *Vô dật* ra chữ Nôm để dạy vua và bắt người ta gọi là Phụ chính Cai giáo Hoàng đế 輔政該教皇帝.

Từ đấy Quý Ly cứ chuyên làm mọi việc để chực đường thoán đoạt. Việc trong nước, Quý Ly xếp đặt lại cả, hoặc để mua chuộc lấy những người vây cánh.

#### 1. Việc tài chính

Quý Ly đặt ra một cách làm tiền giấy để thu tiền của dân: tờ giấy ăn 10 đồng, thì vẽ cây rêu bể; ăn 30 đồng, thì vẽ cái



sóng; ăn một tiền, thì vẽ đám mây; hai tiền thì vẽ con rùa; ba tiền thì vẽ con lân; năm tiền thì vẽ con phượng; một quan thì vẽ con rồng. Hễ ai làm giấy giả thì phải tội chém. Khi đã có dấu đóng rồi thì phát ra bắt dân phải tiêu, còn bao nhiêu tiền đồng thì thu nộp nhà vua; ai mà giấu giếm thì phải tội như là tội làm giấy giả vậy.

Việc ruộng đất thì khi trước những nhà tôn thất cứ sai đầy tớ ra chỗ đất bồi ở ngoài bể, đắp đê để một vài năm cho hết nước mặn, rồi khai khẩn thành ruộng, để tư trang. Nay Quý Ly lập lệ rằng trừ những bậc đại vương, công chúa ra, thì những người thứ dân không được có hơn 10 mẫu, ai có thừa ra thì phải đưa nộp quan, và ai có tội thì được phép lấy ruộng mà chuộc tội.

## 2. Việc học hành

Từ trước thì phép thi không có định văn thể; bây giờ định lại làm tứ trường văn thể và bỏ thi ám tả; nhất trường làm bài kinh nghĩa; nhị trường làm bài thi phú; tam trường làm chiếu, chế, biểu; tứ trường làm bài văn sách. Còn như kỳ thi, thì năm trước thi Hương, năm sau thi Hội, ai đã trúng Hội thì vào thi một bài văn sách nữa để định cao thấp.

Những quan làm giáo chức ở các lộ, phủ, châu, thì được cấp ruộng: như ở các lộ thì có quan Đốc học; ở phủ và châu lớn thì quan Giáo thụ được ruộng 15 mẫu, ở phủ và châu vừa thì được 12 mẫu, ở phủ và châu nhỏ thì được 10 mẫu.

## 3. Việc cai trị

Ở trong triều thì Quý Ly định lại phẩm phục của các quan; nhất phẩm mặc áo sắc tía; nhị phẩm sắc đỏ; tam phẩm sắc hồng; tứ phẩm sắc lục; ngũ, lục, thất phẩm sắc biếc; bát, cửu phẩm sắc xanh; vô phẩm và hoẵng nô<sup>(1)</sup> sắc trắng.

---

(1) Hoẵng nô là đầy tớ nhà quan.



Ở ngoài thì cải các lộ làm trấn, và đặt thêm quan chức ở lộ, phủ, v.v... Thanh Hóa đổi ra Thanh Đô trấn; Quốc Oai là Quảng Oai trấn; Đà Giang lộ là Thiên Hưng trấn; Nghệ An lộ là Lâm An trấn; Tràng An lộ là Thiên Quan trấn; Diễn Châu lộ là Vọng Giang trấn; Lạng Sơn phủ là Lạng Sơn trấn; Tân Bình phủ là Tây Bình trấn. Và bỏ các ty xã, chỉ để quản giáp như cũ mà thôi.

Ở các lộ, phủ, châu, huyện thì đặt lại quan chức. Lộ thì đặt chánh phó An phủ sứ; phủ thì đặt chánh phó Trấn phủ sứ; châu thì đặt Thông phán, Thiêm phán; huyện thì đặt Linh úy, Chủ bạ. Lộ coi phủ, phủ coi châu, châu coi huyện. Lộ nào cũng phải có một tập sổ sách về những việc dinh, điền, kiện tụng, đến cuối năm thì đệ về kinh để kê cứu.

Quý Ly lại phân nước ra từng hạt một, đặt chức Đô đốc, Đô hộ, Đô thống, Tổng quản, Thái thú, để phong cho những người vây cánh của mình.

#### **4. Lập Tây Đô**

Quý Ly định dời kinh đô vào Thanh Hóa cho dễ đường thoán đoạt, bèn sai quan vào xây thành Tây Đô ở động Yên Tôn (nay còn di tích ở xã Yên Tôn, huyện Vĩnh Lộc, tục gọi là Tây Giai). Đến năm Bính Tý (1396) Quý Ly bắt Thuận Tông phải dời kinh về Tây Đô. Qua tháng ba năm sau, Quý Ly lập mưu cho người đạo sĩ vào trong cung xui Thuận Tông nhường ngôi mà đi tu tiên. Thuận Tông phải nhường ngôi cho con, rồi đi tu tiên ở cung Bảo Thanh tại núi Đại Lại 大吏 (thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hóa).

#### **5. Sự phế lập: Trần Thiếu Đế (1398 - 1400)**

Quý Ly bắt Thuận Tông nhường ngôi rồi, lập Thái tử là Án 按 lên làm vua. Thái tử bấy giờ mới có 3 tuổi, tức là Thiếu Đế 少帝, niên hiệu là Kiến Tân 建新.



Lê Quý Ly làm Phụ chính tự xưng làm Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương 欽德興烈大王, rồi sai người giết Thuận Tông đi.

Bấy giờ triều đình có những người như là Thái bảo Trần Nguyên Hãn 陳元汭, Thượng tướng quân là Trần Khát Chân 陳渴真 lập hội để mưu trừ Quý Ly, chẳng may sự lộ ra, bị giết đến hơn 370 người<sup>(1)</sup>.

Lê Quý Ly lại xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng 國祖章皇, ở cung Nhân Thọ, ra vào dùng nghi vệ của Thiên tử. Đến tháng hai năm Canh Thìn (1400) Quý Ly bỏ Thiếu Đế rồi tự xưng làm vua thay ngôi nhà Trần.

Nhà Trần làm vua nước Nam ta kể từ Trần Thái Tông đến Trần Thiếu Đế, hàng 12 ông vua, được 175 năm, công việc trong nước sửa sang được nhiều, chính trị luật lệ đều chỉnh đốn lại, học hành thi cử thì mở mang rộng thêm ra. Lại chống với nhà Nguyên giữ được giang sơn, lấy đất Chiêm Thành mở thêm bờ cõi, thật là có công với nước Nam. Nhưng chỉ có điều luân thường trong nhà thì bậy: cô cháu, anh em, trong họ cứ lấy lẫn nhau, thật là trái với thế tục.

Còn như cơ nghiệp nhà Trần xiêu đổ là tại vua Dụ Tông và vua Nghệ Tông. Dụ Tông thì hoang chơi, không chịu lo gì đến việc nước và lại làm loạn cả cương kỷ để đến nỗi dân nghèo nước yếu. Nghệ Tông thì không biết phân biệt hiền gian để kẻ quyền thần được thế làm loạn, thành ra tự mình nổi giáo cho giặc, tự mình làm hại nhà mình vậy.

---

(1) Nay ở Thanh Hóa có nhiều nơi làm đền thờ Trần Khát Chân.



## CHƯƠNG XI

### NHÀ HỒ

胡氏

(1400 - 1407)



#### I. HỒ QUÝ LY

#### II. HỒ HÁN THƯƠNG

1. Việc võ bị
2. Việc sưu thuế
3. Việc học hành
4. Việc giao thiệp với Chiêm Thành
5. Việc giao thiệp với nhà Minh
6. Nhà Minh đánh họ Hồ
7. Thành Đa Bang thất thủ
8. Trận Mộc Phàm Giang
9. Trận Hàm Tử Quan
10. Họ Hồ phải bắt

#### I. HỒ QUÝ LY (1400)

Niên hiệu: Thánh Nguyên 聖元

Quý Ly bỏ Thiếu Đế, nhưng vị tình cháu ngoại cho nên không giết, chỉ giáng xuống làm Bảo Ninh Đại Vương 保寧大王, rồi tự xưng làm đế, đổi họ là Hồ 胡. Nguyên họ Hồ là dòng dõi nhà Ngu bên Tàu, cho nên Quý Ly đặt quốc hiệu là Đại Ngu 大虞.



Bấy giờ vua Chiêm Thành là La Khải mới mất, con là Ba Đích Lại mới nối nghiệp, Quý Ly nhân dịp ấy sai tướng là Đỗ Mãn 杜滿 làm thủy quân Đô tướng, Trần Tùng 陳松 làm bộ quân Đô tướng lĩnh 15 vạn quân đi đánh Chiêm Thành. Nhưng Trần Tùng đem quân đi đường núi sang gần đất Chiêm Thành, cách thủy quân xa, hai bên không tiếp ứng được nhau, thành ra bộ quân thiếu lương phải rút về. Trần Tùng về phải tội, dầy ra làm lính.

Quý Ly làm vua chưa được một năm, muốn bắt chúc tục nhà Trần, nhường ngôi cho con là Hồ Hán Thương 胡漢蒼 rồi làm Thái Thượng hoàng để cùng coi việc nước.

## II. HỒ HÁN THƯƠNG (1401 - 1407)

*Niên hiệu:* Thiệu Thành 紹成 (1401 - 1402)

Khai Đại 開大 (1403 - 1407)

### 1. Việc võ bị

Hồ Quý Ly đã nhường ngôi rồi, nhưng việc gì cũng quyết đoán ở mình cả. Hồ Hán Thương chỉ làm vua lấy vì mà thôi.

Nhà Hồ không làm vua được bao lâu, nhưng mà công việc sửa sang cũng nhiều. Trước hết Hồ Quý Ly chỉnh đốn việc võ bị: bề ngoài tuy lấy lễ mà đối đãi với nhà Minh, nhưng vẫn biết nhà Minh có ý muốn dòm đất An Nam, cho nên thường cứ hỏi các quan rằng: “Ta làm thế nào cho có 100 vạn quân để đánh giặc Bắc?”. Bèn lập ra hộ tịch bắt người trong nước cứ hai tuổi trở lên thì phải biên vào sổ, ai mà ẩn lậu thì phải phạt. Đến lúc hộ tịch làm xong rồi, số người từ 15 tuổi đến 60 tuổi hơn gấp mấy phần lúc trước. Từ đó số quân lại thêm ra được nhiều.

Còn như thủy binh để giữ mặt sông, mặt bể thì Quý Ly bắt làm những thuyền lớn ở trên có sàn đi, ở dưới thì để cho người chèo chống, thật tiện cho sự chiến đấu.





Quý Ly lại đặt ra bốn kho để chứa đồ quân khí và bắt những người xảo nghệ vào làm những đồ khí giới.

Ở các cửa bể và những chỗ hiểm yếu ở trong sông lớn đều bắt lấy gỗ đóng cọc để ngừa bị quân giặc.

Việc quân chế thì Nam Bắc phân ra làm 12 vệ, Đông Tây phân ra 8 vệ. Mỗi vệ có 18 đội, mỗi đội có 18 người. Đại quân thì có 30 đội, trung quân thì có 20 đội. Mỗi doanh có 15 đội, mỗi đoàn có 10 đội. Còn những cấm vệ, thì chỉ có 5 đội, có một người đại tướng thống lĩnh cả.

## 2. Việc sưu thuế

Những thuyền đi buôn bán đều phải chịu thuế cả. Những thuyền hạng nhất mỗi chiếc phải 5 quan, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan.

Thuế điền thì ngày trước nhà Trần đánh thuế ruộng tư mỗi mẫu ba thăng thóc, ruộng dâu mỗi mẫu hoặc 9 quan, hoặc 7 quan. Thuế đình thì mỗi người phải đóng 3 quan. Nay nhà Hồ định lại: ruộng tư điền thì phải đóng 5 thăng; còn ruộng dâu thì chia ra làm ba hạng: hạng nhất 5 quan, hạng nhì 4 quan, hạng ba 3 quan. Thuế đình thì lấy ruộng làm ngạch: ai có 2 mẫu 6 sào trở lên thì phải đóng 3 quan, ai có kém số ấy thì được giảm bớt, ai không có ruộng, và những người cô nhi quả phụ thì được tha thuế.

## 3. Việc học hành

Việc học hành, thì cử đều sửa sang lại, lấy toán học đặt thêm ra một trường nữa, nghĩa là trong những khoa thi, có đặt thêm ra một kỳ thi toán pháp. Còn những cách thi, thì những người đã đỗ Hương thí, sang năm sau phải vào bộ Lễ thi lại, ai đỗ thì mới được tuyển bổ, rồi qua năm sau nữa thì lại thi Hội, bấy giờ có đỗ, thì mới được là Thái học sinh.

Nhà Hồ lại sửa hình luật, và đặt ra y ty để coi việc thuốc thang.



#### 4. Việc giao thiệp với Chiêm Thành

Năm Nhâm Ngọ (1402) tướng nhà Hồ là Đỗ Mãn đem quân sang đánh Chiêm Thành. Vua nước ấy là Ba Đích Lại sai cậu là Bồ Điền sang dâng đất Chiêm Động (phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam) để xin bãi binh. Quý Ly lại bắt phải dâng đất Cổ Lũy (Quảng Nghĩa) rồi phân đất ra làm châu Thăng 升, châu Hoa 花, châu Tư 思, châu Nghĩa 義, và đặt quan An phủ sứ để cai trị bốn châu ấy. Lại bắt những dân có của mà không có ruộng ở các lộ khác đem vợ con vào ở để khai khẩn đất những châu ấy, bởi vì khi vua Chiêm nhường đất Chiêm Động và Cổ Lũy, người Chiêm đều bỏ đất mà đi cả.

Năm Quý Mùi (1403) nhà Hồ lại muốn lấy những đất Bạt Đạt Gia, Hắc Bạch, và Sa Ly Nha về phía Nam những đất đã nhường năm trước, bèn sai Phạm Nguyên Khôi 范元瑰 và Đỗ Mãn 杜滿 đem thủy bộ cả thảy 20 vạn quân sang đánh Chiêm Thành. Quân nhà Hồ vào vây thành Đồ Bàn hơn một tháng trời mà đánh không đổ, lương thực hết cả, phải rút quân về. Lần này hao binh tổn tướng mà không có công trạng gì.

#### 5. Việc giao thiệp với nhà Minh

Khi Hồ Hán Thương mới lên ngôi, thì cho sứ sang nhà Minh nói dối rằng: vì chưng dòng dõi nhà Trần không còn người nào nữa, cho nên cháu ngoại lên thay để quyền lý việc nước.

Đến khi vua Thái Tổ nhà Minh mất, Hoàng Thái tôn lên ngôi tức là vua Huệ Đế. Bấy giờ hoàng thúc là Yên Vương Lê 燕王棣<sup>(1)</sup>, đóng ở Yên Kinh, quyền to thế mạnh, có ý tranh ngôi của cháu, bèn khởi binh đánh lấy Kim Lăng, rồi lên làm vua, tức là vua Thành Tổ 成祖, đóng đô ở Yên Kinh (Bắc Kinh).

---

(1) Một số tài liệu khác phiên là Yên Vương (Chu) Đệ, chữ 棣 có thể đọc là Lệ hay Đệ [BT].



Khi Thành Tổ dẹp xong dư đảng nhà Nguyên ở phía Bắc rồi, có ý muốn sang lấy nước Nam, cho nên nhân khi Hồ Hán Thương sai sứ sang xin phong, vua Thành Tổ sai quan là Dương Bột sang xem hư thực thế nào. Hồ Quý Ly bèn bắt những quan viên phụ lão làm tờ khai nói y như lời sứ An Nam đã sang nói. Vì thế cho nên Thành Tổ không có cớ gì mà từ chối, phải phong cho Hồ Hán Thương làm An Nam Quốc vương 安南國王.

Đến năm Giáp Thân (1404) có Trần Khang 陳康 ở mạn Lão Qua đi đường Vân Nam sang Yên Kinh, đổi tên là Trần Thiêm Bình 陳添平, xưng là con vua Nghệ Tông rồi kể rõ sự tình Hồ Quý Ly tiếm nghịch. Vua Thành Tổ nhà Minh sai quan Ngự sử Lý Y 李錡 sang tra xét việc ấy. Lý Y về tâu quả thật là họ Hồ làm điều thoán đoạt.

Từ đấy nhà Minh muốn mượn tiếng đánh Hồ để lấy đất An Nam. Ở bên này cha con họ Hồ cũng biết ý ấy, hết sức tìm cách chống giữ.

Năm Ất Dậu (1405) nhà Minh sai sứ sang đòi đất Lộ Châu. Trước Hồ Quý Ly đã không chịu, sau phải cắt ra 59 thôn ở Cổ Lâu nhường cho Tàu.

Tuy vậy nhà Minh vẫn cứ trách nhà Hồ làm điều tiếm nghịch. Sứ nhà Hồ sang Tàu thì nhà Minh giữ lại, không cho ai về, lại cho người sang An Nam dò xem sơn xuyên đạo lộ hiểm trở thế nào, để liệu đường tiến binh.

Họ Hồ biết thế nào rồi quân Minh cũng sang đánh, bèn sai đắp thành Đa Bang 多邦城 (bây giờ ở xã Cổ Pháp, huyện Tiên Phong, tỉnh Sơn Tây), bắt lấy gỗ đóng cọc ở sông Bạch Hạc để chặn đường quân Minh sang, và chia các vệ quân ở Đông Đô ra giữ mọi đường hiểm yếu. Đoạn rồi hội cả nội ngoại bách quan văn võ lại bàn việc nên đánh hay là nên hòa. Người thì bàn đánh, người thì bàn hòa, nhưng Quý Ly nhất định đánh.



Từ khi Lý Ý trở về Tàu, nhà Hồ cho sứ sang dâng biểu tạ tội, và xin rước Trần Thiêm Bình về. Và bấy giờ Thiêm Bình cứ kêu van với vua nhà Minh, xin cho đem binh sang đánh báo thù, vì vậy năm Bính Tuất (1406) Minh Thành Tổ sai đốc tướng là Hàn Quan 韓觀 và bọn Hoàng Trung 黃中 dẫn 5.000 quân đưa Thiêm Bình về nước.

Khi Hồ Quý Ly được tin ấy, liền sai tướng lên đón ở cửa Chi Lăng 支稜 đánh quân Minh, bắt được Thiêm Bình đem về giết đi. Đoạn rồi biết quân Minh tất lại sang, một mặt cho sứ sang biện bạch việc Thiêm Bình nói dối, và xin theo lệ tiến cống như cũ, một mặt cho những công hầu được quyền mộ những người đào vong làm lính, đặt Thiên hộ, Bách hộ để làm quản những lính mộ ấy. Và ở các cửa sông thì đóng cừ lại, để giữ quân giặc ở mặt bể vào. Về phía Nam ngạn sông Nhị Hà (tức là sông Hồng Hà) thì đóng cừ dài hơn 700 dặm. Lại sai dân ở Bắc Giang và Tam Đái sang làm nhà sẵn ở phía Nam sông lớn để phòng khi giặc đến, thì bỏ sang bên này mà ở.

## 6. Nhà Minh đánh họ Hồ

Vua nhà Minh trước đã cho hoạn quan là Nguyễn Toán sang An Nam do thám, biết nước ta phú thịnh, đã có ý đánh lấy, cho nên thường cứ tìm chuyện để lấy cớ dấy binh. Nay nhân việc Hồ Hán Thương giết Thiêm Bình, vua Thành Tổ mới sai Thành Quốc Công là Chu Năng 成國公朱能 làm đại tướng, Tân Thành Hầu là Trương Phụ 新成侯張輔, Tây Bình Hầu là Mộc Thạnh 西平侯沐晟 làm tả hữu phó tướng, Phong Thành Hầu là Lý Bân 豐成侯李彬, Vân Dương Bá là Trần Húc 雲陽伯陳旭 làm tả hữu tham tướng, chia binh ra làm hai đạo sang đánh An Nam.

Khi quân nhà Minh đến Long Châu thì đại tướng Chu Năng chết, phó tướng Trương Phụ lên thay.



Đạo quân của Trương Phụ ở Quảng Tây đi từ đất Bằng Tường sang đánh lấy cửa Ba Lụy, tức Nam Quan bây giờ, rồi tiến sang phía Tây Bắc về mé sông Cái<sup>(1)</sup>. Còn đạo quân của Mộc Thạnh ở Vân Nam theo đường Mông Tự sang đánh lấy cửa Phú Lĩnh (thuộc tỉnh Tuyên Quang) rồi tiến sang đến sông Thao. Cả hai đạo hội ở Bạch Hạc, đóng đồn ở bờ sông phía Bắc.

Tuy rằng nhà Hồ trước đã phòng bị, nhưng mà tướng nhà Minh biết rằng người An Nam không phục họ Hồ, bèn làm hịch kể tội họ Hồ, và nói rằng quân Tàu sang là để lập dòng dõi nhà Trần lên, cứu cho dân khỏi sự khổ sở. Trương Phụ sai viết hịch ấy vào những mảnh ván nhỏ bỏ xuống sông, trôi đến đâu, quân sĩ An Nam bắt được, nhiều người không đánh và theo hàng quân Minh; vì thế cho nên quân Minh đi đến đâu đánh được đến đấy. Quân Hồ phải lui về giữ thành Đa Bang.

Ở chỗ thành Đa Bang, quân Hồ lập đồn ải liên tiếp ở phía Nam sông Thao và sông Cái, tức là ở dọc sông Hồng Hà, rồi đóng cọc cắm ở giữa sông, thuyền bè không đi lại được, có ý để cho quân Minh mỗi một rồi sẽ đánh.

## 7. Thành Đa Bang thất thủ

Quân Minh tiến lên mắc có thành Đa Bang ngăn trở. Mộc Thạnh mới bàn với Trương Phụ rằng: “Mọi nơi đồn An Nam đóng gần bờ sông, quân sang không được, còn thành Đa Bang thì lũy cao hào sâu, nhưng mà ở đằng trước có bãi cát, quân có thể sang đấy được, vả ta có đủ đồ chiến cụ, nếu đánh thì tất thành ấy phải đổ”. Trương Phụ bèn hạ lệnh rằng: “Quân kia trông cậy có thành này, mà ta lập công cũng ở đó; hễ quân sĩ ai lên được trước thì sẽ có thưởng to!”. Rồi ngay đêm hôm ấy đốt lửa thối tù và làm hiệu, Trương Phụ, Hoàng Trung đánh mặt Tây Bắc, Mộc Thạnh, Trần Tuấn đánh mặt Đông Nam, dùng

---

(1) Sử chép là Phú Lương. Xem lời chú thích ở trang 118.

thang vân thê để lên thành; quân Hồ đánh không được phải lui vào thành, đến sáng hôm sau đào thành cho voi ra đánh. Quân Minh vẽ sư tử trùm lên ngựa rồi xông vào và dùng súng bắn hăng lắm, voi sợ chạy trở vào, quân Minh theo sau voi chạy ồ vào thành, quân Hồ thua to, phải bỏ chạy về Hoàng Giang<sup>(1)</sup>. Quân Minh thừa thế đánh tràn xuống sông Cái, đốt sạch cả các đồn ải, rồi tiến lên đánh lấy Đông Đô (tức là Thăng Long), bắt đàn bà con gái, cướp lấy của cải, bọn Trương Phụ tích trữ lương thực, đặt quan làm việc, định kế ở lâu dài.

## 8. Trận Mộc Phàm Giang

Qua tháng ba năm Đinh Hợi (1407) Mộc Thạnh biết rằng con trưởng Hồ Quý Ly là Hồ Nguyên Trừng 胡元澄 đóng ở Hoàng Giang, bèn đem thủy lục cùng tiến lên đến hạ trại ở sông Mộc Phàm (ở làng Mộc Phàm, huyện Phú Xuyên tiếp với Hoàng Giang).

Hồ Nguyên Trừng đem 300 chiếc thuyền ra đánh bị quân của Mộc Thạnh ở hai bên bờ sông đánh ụp lại. Nguyên Trừng thua chạy về cửa Muộn Hải (ở Giao Thủy, Nam Định). Bấy giờ tướng nhà Hồ là Hồ Đỗ 胡杜 và Hồ Xạ 胡射 cũng bỏ bến Bình Than<sup>(2)</sup> (ở làng Trần Xá, huyện Chí Linh, Hải Dương) chạy về cửa Muộn Hải để cùng với Nguyên Trừng tìm kế phá giặc; nhưng quân Minh sức đến, lại bỏ chạy ra giữ cửa Đại An (thuộc phủ Nghĩa Hưng bây giờ).

Quân Minh ở Muộn Hải phải bệnh, lui về đóng ở bến Hàm Tử, để đợi quân Hồ lên sẽ đánh.

(1) Hoàng Giang tức là khúc sông Hồng Hà thuộc về huyện Nam Xang tỉnh Hà Nam bây giờ.

(2) Bến Bình Than là bến đò ngang từ làng Bình Than, Gia Bình, Bắc Ninh qua sông Thái Bình sang làng Trần Xá ở hữu ngạn sông Kinh Thầy, thuộc phủ Nam Sách, Hải Dương.



Bọn Hồ Nguyên Trừng rước Quý Ly và Hán Thương ở Tây Đô ra, rồi đem quân lên Hoàng Giang để chống giữ với giặc.

## 9. Trận Hàm Tử Quan

Quân Hồ bấy giờ cả thủy và bộ được 7 vạn, giả xưng là 21 vạn, rồi phân quân bộ ra làm hai đạo đi men hai bên sông, quân thủy đi giữa, tiến lên Hàm Tử quan. Vừa đi đến nơi bị quân Minh hai mặt xông lại đánh, quân bộ của nhà Hồ đương không nổi, bỏ chạy cả, phần thì hàng giặc, phần thì chạy xuống sông chết đuối. Còn thủy quân thì chạy thoát được, nhưng bao nhiêu thuyền lương thì đắm mất cả.

Bấy giờ có quan An phủ sứ Bắc Giang tên là Nguyễn Hy Chu 阮希周 bị quân Minh bắt được, không chịu hàng phải giết.

Hồ Quý Ly và Hồ Hán Thương đưa bọn lieâu thuộc chạy ra bể, rồi về Thanh Hóa, vào đến Lỗi Giang (tức là Mã Giang) gặp quân Minh đuổi đến, quân Hồ không đánh mà tan. Tướng nhà Hồ là Ngụy Thúc 魏拭 thấy thế nguy cấp lắm, bảo Quý Ly rằng: *“Nước đã mất, làm ông vua không nên để cho người ta bắt được, xin bệ hạ tự đốt mà chết đi còn hơn!”*. Quý Ly giận lắm, bắt Ngụy Thúc chém, rồi chạy vào Nghệ An.

## 10. Họ Hồ phải bắt

Trương Phụ, Mộc Thạnh biết là Quý Ly chạy vào Nghệ An, bèn đem binh đi đường bộ đuổi theo, lại sai Liễu Thăng 柳升 đem thủy sư đi đuổi mặt thủy. Quý Ly vào đến cửa Kỳ La (thuộc huyện Kỳ Anh, Hà Tĩnh) bị quân nhà Minh bắt được. Hán Thương và những con cháu họ Hồ đều bị giặc bắt được cả ở núi Cao Vọng. Những quan nhà Hồ, người thì ra hàng, người thì bị bắt, người thì không chịu nhục nhảy xuống sông tự tử.

Nhà Hồ chỉ làm vua được từ năm Canh Thìn (1400) đến năm Đinh Hợi (1407), kể vừa 7 năm thì mất.

Xem công việc của Hồ Quý Ly làm thì không phải là một người tầm thường, nhưng tiếc thay một người có tài kinh tế như thế, mà giả sử cứ giúp nhà Trần cho có thể chung, thì dẫu giặc Minh có thể mạnh đến đâu đi nữa, cũng chưa hẳn dễ đã cướp được nước Nam, mà mình lại được cái tiếng thơm để lại nghìn thu. Nhưng vì cái lòng tham xui khiến, hễ đã có thể lực là sinh ra bụng muốn tranh quyền cướp nước. Bởi thế Hồ Quý Ly mới làm sự thoán đoạt, và nhà Minh mới có cái cớ mà sang đánh lấy nước An Nam. Cũng vì cái cớ ấy, cho nên lòng người mới bỏ họ Hồ mà theo giặc, để đến nỗi cha con họ Hồ thua chạy, bị bắt, phải đem thân đi chịu nhục ở đất nước người!

Nhưng đây là cái tội làm hại riêng cho một họ Hồ mà thôi, còn cái tội làm mất nước Nam, thì ai gánh vác cho Quý Ly? May mà sau có một tay đại anh hùng là vua Lê Thái Tổ hết sức ra tay trong hơn mười năm trời, cứu vớt được người mình ra khỏi tay quân Tàu, chứ không thì cái khổ làm nô lệ nước Tàu lại biết mấy mươi đời nữa mới giải thoát được.







## CHƯƠNG XII

# NHÀ HẬU TRẦN

後 陳

(1407 - 1413)



1. Nhà Minh chiếm giữ đất An Nam
2. Giản Định Đế
3. Trận Bô Cô
4. Trần Quý Khoách
5. Trương Phụ trở sang An Nam
6. Hóa Châu thất thủ

### 1. Nhà Minh chiếm giữ đất An Nam

Nhà Minh không phải có yêu gì nhà Trần mà sang đánh họ Hồ, chẳng qua là nhân lấy cái cơ nhà Trần mất ngôi mà đem binh sang lấy nước Nam. Lại nhân vì người An Nam ta hay có tính ỷ lại, có việc gì thì chỉ muốn nhờ người, chứ tự mình không biết kiên nhẫn, không có cố gắng mà làm lấy. Một ngày gì nữa mà còn lạ cái lòng hùm beo của người Tàu, thế mà hễ khi nào trong nước có biến loạn, lại chạy sang van lạy để rước chúng sang. Khác nào đi rước voi về giày mồ vậy.

Dẫu người Tàu có lòng vị nghĩa mà sang giúp mình nữa thì nghĩ cũng chẳng vẻ vang gì cái việc đi nhờ người ta, huống chi kỳ thực thì lúc nào chúng cũng chực đánh lừa mình, như đánh



lừa trẻ con, để bóp cổ mình, thế mà người mình vẫn không biết cái đại, là tại làm sao?

Tại là cái nghĩa *dân* với *nước* ta không có mấy người hiểu rõ. Nhà nào làm vua, cho cả nước là của riêng của nhà ấy; hễ ai lấy mất thì đi tìm cách lấy lại, lấy không được thì lại đi nhờ người khác lấy lại cho, chứ không nghĩ đến cái lợi chung trước cái lợi riêng, cái quyền nước trước cái quyền nhà, thế cho nên mình cứ đại mãi, mà vẫn không biết là đại.

Xem như lúc còn nhà Trần, nhà Minh đã có ý lấy đất An Nam, sau nhà Trần mất rồi lại dùng lời nói khéo, và lấy tiếng *điều phạt* đem binh sang đánh họ Hồ. Đến khi bắt được cha con Hồ Quý Ly rồi, lại bày kế để chiếm giữ đất An Nam; giả treo bảng gọi con cháu họ Trần, rồi bắt quan lại và kỳ lão làm tờ khai rằng: *Họ Trần không còn ai nữa và đất An Nam vốn là đất Giao Châu ngày trước, nay xin đặt quận huyện như cũ.*

Nhà Minh lấy cái cớ giả dối ấy để chiếm giữ lấy nước Nam, rồi chia đất ra làm 17 phủ là: Giao Châu, Bắc Giang, Lạng Giang, Lạng Sơn, Tân An, Kiến Xương, Phong Hóa, Kiến Bình, Trấn Man, Tam Giang, Tuyên Hóa, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình, Thuận Hóa, Thăng Hoa, và 5 châu là: Quảng Oai, Tuyên Hóa, Quy Hóa, Gia Bình, Diên Châu.

Còn những nơi yếu hại thì đặt ra 12 vệ để phòng giữ. Lại đặt ra ba ty là: *Bố chính ty, Án sát ty, Chuồng đô ty*, và cả thầy ở trong nước lập ra 472 nha môn để cai trị, sai quan Thượng thư là Hoàng Phúc 黃福 coi cả Bố chính ty và Án sát ty; Lữ Nghị 呂毅 coi Chuồng đô ty, Hoàng Trung 黃中 làm phó.

Vua quan nhà Hồ thì đều phải đem cả về Kim Lăng. Quý Ly về bên Tàu phải giam, rồi sau đày ra làm lính ở Quảng Tây, còn con cháu và các tướng sĩ thì được tha cả không phải tội.

Vua nhà Minh lại truyền cho Trương Phụ tìm kiếm những người ẩn dật ở sơn lâm, những kẻ có tài có đức, hay văn học

rộng, quen việc, hiểu toán pháp, nói năng hoạt bát cùng những người hiếu đễ, những người lực điền mà mặt mũi khôi ngô, hoặc có gân sức khỏe mạnh, những người thầy đồ, thầy bói, thầy thuốc v.v... để đưa sang Kim Lăng, ban thưởng cho phẩm hàm, rồi cho về làm quan phủ, quan châu, hay là quan huyện. Bấy giờ những đồ bọn cạnh tranh nhau mà ra, duy chỉ có vài người như ông Bùi Ứng Đấu 裴應斗, ông Lý Tử Cấu 李子構 biết liêm sỉ, không chịu ra làm quan với nhà Minh.

Công việc xếp đặt đâu vào đấy rồi, Lữ Nghi và Hoàng Phúc ở lại trấn đất Giao Chỉ, còn Trương Phụ và Mộc Thạnh đem quân về Tàu, đưa địa đồ An Nam về dâng vua nhà Minh.

Bấy giờ tuy rằng nhà Minh đã chiếm giữ đất An Nam, nhưng con cháu nhà Trần còn có người muốn khôi phục nghiệp cũ, và nước ta còn có nhiều người không muốn làm nô lệ nước Tàu, cho nên nhà Hậu Trần 後陳 lại hưng khởi lên được mấy năm nữa.

## 2. Giản Định Đế (1407 - 1409)

Khi trước Trương Phụ treo bảng gọi con cháu nhà Trần là có ý giả dối để chực giết hại, cho nên không ai dám ra. Bấy giờ có Giản Định Vương 簡定王 tên là Quý 饋<sup>(1)</sup>, con thứ vua Nghệ Tông chạy đến Mô Độ (thuộc làng Yên Mô, huyện Yên Mô, Ninh Bình) gặp Trần Triệu Cơ 陳肇基 đem chúng đi theo, bèn xưng là Giản Định Hoàng đế, để nối nghiệp nhà Trần, đặt niên hiệu là Hưng Khánh 興慶.

Giản Định khởi nghĩa chống với quân Minh, nhưng vì quân mình là quân mới góp nhặt được, đánh không nổi, phải thua chạy vào Nghệ An; bấy giờ có Đặng Tất 鄧悉 là quan nhà Trần, trước đã ra hàng Minh được làm Đại tri châu ở Hóa Châu, nay thấy Giản Định Đế khởi nghĩa, liền giết quan nhà Minh đi, rồi đem quân ra Nghệ An để giúp việc khôi phục. Lại ở đất Đông

(1) Nhiều tài liệu phiên tên của Giản Định Đế là Trần Ngỗi 陳顥 [BT].



Triều có Trần Nguyệt Hồ 陳月湖 cũng khởi binh đánh quân nhà Minh, nhưng chẳng được bao lâu mà phải bắt, còn dư đảng chạy vào Nghệ An theo vua Giản Định. Vì vậy cho nên quân thế của Giản Định mới mạnh lên. Ông Đặng Tất lại giết được hàng tướng nhà Minh là Phạm Thế Căng 范世矜 ở cửa Nhật Lệ. Lúc bấy giờ đất An Nam từ Nghệ An trở vào lại thuộc về nhà Trần.

### 3. Trận Bô Cô

Tháng chạp năm Mậu Tý (1408) Giản Định Đế hội tất cả quân Thuận Hóa, Tân Bình, Nghệ An, Diễn Châu, Thanh Hóa, rồi tiến ra đánh Đông Đô. Quân ra đến Trường An (Ninh Bình) thì các quan thuộc và những kẻ hào kiệt ở các nơi ra theo nhiều lắm.

Quan nhà Minh đem tin ấy về báo cho Minh Đế biết. Minh Đế sai Mộc Thạnh đem 4 vạn quân ở Vân Nam sang đánh dẹp. Mộc Thạnh cùng với quan Đô chỉ huy là Lữ Nghị vào đến bến Bô Cô 逋姑 (thuộc xã Hiếu Cổ, huyện Phong Doanh) thì gặp quân Trần. Hai bên giao chiến, vua Giản Định tự cầm trống thúc quân, tướng sĩ ai nấy hết sức xông đột, phá tan được quân nhà Minh, chém được Lữ Nghị ở trận tiền và đuổi Mộc Thạnh về đến thành Cổ Lộng (thành nhà Minh xây, bấy giờ ở làng Bình Cách, huyện Ý Yên).

Bấy giờ vua Giản Định muốn thừa thắng đánh tràn ra để lấy lại Đông Quan (tức là Đông Đô). Nhưng ông Đặng Tất ngăn lại muốn để đợi quân các lộ về đã, rồi sẽ ra đánh. Từ đó vua tôi không được hòa thuận, vua Giản Định lại nghe người nói gièm, bắt Đặng Tất và quan tham mưu là Nguyễn Cảnh Chân đem giết đi, thành ra lòng người ai cũng chán ngán cả, không có lòng giúp rập nữa.



#### 4. Trần Quý Khoách<sup>(1)</sup> (1403-1413)

Giặc nước hã còn, mà vua tôi đã nghi hoặc nhau, rồi đem giết hại những người có lòng vì nước, thật là tự mình gây nên cái vạ cho mình.

Bấy giờ con ông Đặng Tất là Đặng Dung 鄧容 và con ông Nguyễn Cảnh Chân là Nguyễn Cảnh Dị 阮景異 thấy thân phụ bị giết, đều bỏ vua Giản Định, đem quân bản bộ về Thanh Hóa rước cháu vua Nghệ Tông là Quý Khoách 季擴 vào huyện Chi La 支羅 (tức là huyện La Sơn, Hà Tĩnh) rồi tôn lên làm vua, đặt niên hiệu là Trùng Quang 重光.

Lúc ấy vua Giản Định đương chống nhau với quân nhà Minh ở thành Ngự Thiên (thuộc huyện Hưng Nhân). Quý Khoách sai tướng là Nguyễn Sứ 阮帥 ra đánh lên bắt đem về Nghệ An. Quý Khoách tôn Giản Định lên làm Thái Thượng hoàng để cùng lo việc khôi phục.

#### 5. Trương Phụ trở sang An Nam

Vua nhà Minh thấy Mộc Thạnh bại binh, lại sai Trương Phụ làm thống binh, Vương Hữu 王友 làm phó đem binh sang cứu viện.

Quân nhà Trần bấy giờ chia ra làm mấy đạo đi đánh dẹp các châu huyện ở mạn Hải Dương. Giản Định đóng quân ở Hạ Hồng (Ninh Giang), Quý Khoách đóng ở Bình Than.

Khi Trương Phụ sang đến nơi, tiến binh đánh đuổi, Giản Định đem binh thuyền chạy về đến huyện Mỹ Lương (giáp Sơn Tây và phủ Nho Quan) gặp quân Trương Phụ đuổi đến bắt được giải về Kim Lăng.

Giản Định bị bắt rồi, Quý Khoách ở Bình Than sai Đặng Dung đến giữ Hàm Tử quan (huyện Đông An, Hưng Yên). Nhưng quân của Đặng Dung thiếu lương, phải bỏ chạy. Quý

---

(1) Một số tài liệu khác ghi là Trần Quý Khoáng [BT].



Khoách thấy quân của Đặng Dung đã thua, liệu thế giữ không nổi, bèn bỏ Bình Than chạy về Nghệ An.

Trương Phụ thắng trận, đi đến đâu giết hại quân dân, và làm những điều tàn bạo gớm ghê như là: xếp người thành núi, hoặc rút ruột người treo lên cây, hoặc nấu thịt người để lấy dầu. Còn những người An Nam ai tòng phục nhà Minh mà giết được nhiều người bản quốc thì được thưởng cho làm quan. Thật bấy giờ tha hồ cho bọn hung ác đắc chí!

Năm Canh Dần (1410) Trần Quý Khoách cùng với bọn Nguyễn Cảnh Dị lại đem quân ra đánh quân Minh ở Hồng Châu, được thắng trận, rồi lại ra đóng ở Bình Than. Ở các nơi lại nổi lên đánh giết quân nhà Minh; nhưng chỉ vì quân không có thống nhiếp, hiệu lệnh bất nhất, cho nên đến khi quân giặc đến đánh, quân nhà Trần lại thua, phải chạy về Nghệ An.

Trương Phụ một mặt đưa chiếu của vua Minh lấy lời giả nhân giả nghĩa mà dụ quan lại quân dân, một mặt thì tiến quân vào đánh Trần Quý Khoách.

Tháng tư năm Quý Tỵ (1413) Trương Phụ đưa quân đánh Nghệ An, quân Quý Khoách bấy giờ mười phần chỉ còn ba bốn, lương thực lại không có, phải bỏ chạy vào Hóa Châu.

Trước Quý Khoách đã mấy lần cho người sang Tàu cầu phong, Minh Đế không cho, đem giết sứ thần đi. Nay Quý Khoách lại sai Nguyễn Biểu 阮表 ra cầu phong với Trương Phụ. Trương Phụ bắt giữ lại không cho về. Nguyễn Biểu giận mắng Trương Phụ rằng: “Chúng bay trong bụng thì chỉ lo đường chiếm giữ, ngoài mặt lại giương tiếng đem quân nhân nghĩa đi đánh dẹp; trước thì nói sang lập họ Trần, sau lại đặt quận huyện để cai trị, rồi tìm kế để vơ vét của cải, ức hiếp sinh dân; chúng bay thật là đồ ăn cướp hung ngược!”. Trương Phụ tức giận đem giết đi.

## 6. Hóa Châu thất thủ

Đến tháng sáu năm Quý Tỵ (1413) quân Trương Phụ vào đến Nghệ An, quan Thái phó nhà Hậu Trần là Phan Quý Hữu 潘季祐 ra hàng, nhưng được mấy hôm thì mất. Trương Phụ cho con Quý Hữu là Liêu 僚 làm Tri phủ Nghệ An. Phan Liêu muốn dâng công, Quý Khoách có bao nhiêu tướng tá người nào giỏi, người nào dở, quân số nhiều ít, sơn xuyên chỗ hiểm, chỗ không thể nào, khai cả cho Trương Phụ biết. Trương Phụ bèn quyết ý vào Hóa Châu, và hội chư tướng lại để bàn kế tiến binh.

Mộc Thạnh nói rằng: “Hóa Châu núi cao bể rộng khó lấy lắm”.

Trương Phụ nhất định vào đánh cho được, nói rằng: “Ta sống cũng ở đất Hóa Châu này, mà chết cũng ở đất Hóa Châu này. Hóa Châu mà không lấy được thì không mặt mũi nào về trông thấy chúa thượng!”. Lập tức truyền cho quân thủy bộ tiến vào đánh Hóa Châu.

Đến tháng chín, quân Trương Phụ vào đến Thuận Hóa, Nguyễn Súy và Đặng Dung nửa đêm đem quân đến đánh trại Trương Phụ. Đặng Dung đã vào được thuyền của Trương Phụ định để bắt sống lấy nhưng không biết mặt, vì thế Trương Phụ mới nhảy xuống sông lấy cái thuyền con mà chạy thoát được. Bấy giờ quân nhà Trần ít lắm, Trương Phụ thấy vậy đem binh đánh úp lại, bọn Đặng Dung địch không nổi phải bỏ chạy.

Từ khi thua trận ấy rồi, Trần Quý Khoách thế yếu quá không thể chống với quân giặc được nữa, phải vào ẩn núp ở trong rừng núi. Chẳng được bao lâu Trần Quý Khoách, Nguyễn Cảnh Dị, Đặng Dung, Nguyễn Súy đều bị bắt, và phải giải về Yên Kinh cả. Đi đến giữa đường, Quý Khoách nhảy xuống bể tự tử, bọn ông Đặng Dung cũng tử tiết cả.

Cha con ông Đặng Dung đều hết lòng giúp nước phò vua, tuy không thành công được, nhưng cái lòng trung liệt của nhà



họ Đặng cũng đủ làm cho người đời sau tưởng nhớ đến, bởi vậy hiện nay còn có đền thờ ở huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông Đặng Dung có làm bài thơ *Thuật hoài* như sau này, mà ngày nay còn có nhiều người vẫn truyền tụng:

世事悠悠奈老何	<i>Thế sự du du nại lão hà!</i>
無窮天地入酣歌	<i>Vô cùng thiên địa nhập hàm ca</i>
時來屠釣成功易	<i>Thời lai đồ diếu thành công dị,</i>
事去英雄飲恨多	<i>Sự khứ anh hùng ẩm hận đa.</i>
致主有懷扶地軸	<i>Trí chủ hữu hoài phù địa trục,</i>
洗兵無路挽天河	<i>Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.</i>
國讎未復頭先白	<i>Quốc thù vị phục đầu tiên bạch.</i>
幾度龍泉帶月磨	<i>Kỷ độ long tuyên đới nguyệt ma!</i>

Dịch Nôm:

Việc đời bối rối tuổi già vầy,  
 Trời đất vô cùng một cuộc say.  
 Bần tiện gặp thời lên cũng dễ,  
 Anh hùng lỡ bước ngấm càng cay.  
 Vai khiêng trái đất mong phò chúa,  
 Giáp gột sông trời khó vạch mây.  
 Thù trả chưa xong đầu đã bạc,  
 Gươm mài bóng nguyệt biết bao rày.

Nhà Hậu Trần nổi lên toan đường khôi phục, nhưng hiềm vì nổi lòng người còn ly tán, thế lực lại hèn yếu, cho nên chỉ được 7 năm thì mất.



### CHƯƠNG XIII

## THUỘC NHÀ MINH

(1414 - 1427)



- |                                |                   |
|--------------------------------|-------------------|
| 1. Việc chính trị nhà Minh     | 2. Việc tế tự     |
| 3. Cách ăn mặc                 | 4. Sự học hành    |
| 5. Việc trạm dịch              | 6. Việc binh lính |
| 7. Phép hộ thiếp và hoàng sách | 8. Việc thuế má   |
| 9. Việc sưu dịch               | 10. Quan lại      |

### 1. Việc chính trị nhà Minh

Trương Phụ lấy được châu Thuận Hóa và châu Tân Bình rồi, làm sổ biên số dân đinh ở hai châu ấy, đặt quan cai trị và để quân binh ở lại phòng giữ chỗ giáp giới nước Chiêm Thành. Đến tháng 8 năm Giáp Ngọ (1414) Trương Phụ và Mộc Thạnh về Tàu, đem những đàn bà con gái về rất nhiều.

Bọn Hoàng Phúc 黃福 ở lại sửa sang các việc trong nước để khiến cho người An Nam đồng hóa với người Tàu. Lập ra đền miếu, bắt người mình cúng tế theo tục bên Tàu, rồi từ cách ăn mặc cho chí sự học hành, việc gì cũng bắt theo như người Tàu cả. Còn cái gì là di tích của nước mình như là sách vở, thì thu nhặt đem về Tàu hết sạch. Lại đặt ra thuế lệ, bổ thêm sưu dịch để lấy tiền của, làm cho dân ta bấy giờ phải nhiều điều khổ nhục.

### 2. Việc tế tự



Hoàng Phúc bắt các phủ, châu, huyện phải lập Văn miếu và lập bàn thờ bách thần, xã tắc, sơn xuyên, phong vân để bốn mùa tế tự.

### 3. Cách ăn mặc

Bắt con trai con gái không được cắt tóc, đàn bà con gái thì phải mặc áo ngắn quần dài theo như người Tàu cả.

### 4. Sự học hành

Quan nhà Minh bắt mở nhà học ở các phủ, châu, huyện, rồi chọn những thầy âm dương, thầy thuốc, thầy chùa, đạo sĩ, ai giỏi nghề gì thì cho làm quan để dạy nghề ấy.

Vua nhà Minh lại xuống chỉ truyền lấy *Ngũ kinh*, *Tứ thư* và bộ *Tính lý đại toàn*, sai quan đưa sang ban cấp cho người An Nam học ở các châu huyện, rồi lại sai thầy tăng và đạo sĩ ở Tăng đạo ty<sup>(1)</sup> đi truyền giảng đạo Phật và đạo Lão. Còn bao nhiêu những sách vở của nước Nam, từ nhà Trần về trước thì thu lấy cả rồi đem về Kim Lăng.

Cứ theo sách *Lịch triều hiến chương văn tịch chí* 歷朝憲章文籍志 của ông Phan Huy Chú 潘輝注 thì những sách của nước Nam mà Tàu lấy về là những sách này:

<i>Hình thư</i> 刑書 của vua Thái Tông nhà Lý	3 quyển
<i>Quốc triều thông lễ</i> 國朝通禮 của vua Thái Tông nhà Trần	10 quyển
<i>Hình luật</i> 刑律 của vua Thái Tông nhà Trần	1 quyển
<i>Thường lễ</i> 常禮 niên hiệu Kiến Trung	10 quyển
<i>Khóa hư tập</i> 課虛集	1 quyển
<i>Ngự thi</i> 御詩	1 quyển

(1) Nhà Minh bấy giờ không những là mở mang Nho học mà thôi lại lập ra Tăng cương ty và Đạo kỳ ty để coi những việc thuộc về đạo Phật và đạo Lão.



<i>Di hậu lục</i> 貽後錄 của vua Thái Tông nhà Trần	2 quyển
<i>Cơ cừ lục</i> 箕裘錄	1 quyển
<i>Thi tập</i> 詩集	1 quyển
<i>Trung hưng thực lục</i> 中興實錄, Trần Nhân Tông	2 quyển
<i>Thi tập</i> 詩集	1 quyển
<i>Thủy vân tùy bút</i> 水雲隨筆, Trần Anh Tông	2 quyển
<i>Thi tập</i> 詩集, Trần Minh Tông	1 quyển
<i>Trần triều đại điển</i> 陳朝大典, Trần Dụ Tông	2 quyển
<i>Bảo Hòa điện dư bút</i> 葆和殿餘筆, Trần Nghệ Tông	8 quyển
<i>Thi tập</i> 詩集	1 quyển
<i>Binh gia yếu lược</i> 兵家要略, Trần Hưng Đạo	1 bộ
<i>Vạn Kiếp bí truyền</i> 萬劫秘傳, Trần Hưng Đạo	1 bộ
<i>Tứ thư thuyết ước</i> 四書說約, Chu Văn Trinh 朱文貞	1 bộ
<i>Tiểu Ẩn thi</i> 樵隱詩	1 tập
<i>Sầm Lâu tập</i> 岑樓集, Uy Văn Vương Trần Quốc Toại 陳國遂	1 quyển
<i>Lạc đạo tập</i> 樂道集, Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải 陳光啓	1 quyển
<i>Băng hồ ngọc hác tập</i> 冰壺玉壑集, Trần nguyên Đán 陳元旦	1 quyển
<i>Giới Hiên thi tập</i> 介軒詩集, Nguyễn Trung Ngạn 阮忠彥	1 quyển
<i>Giáp Thạch tập</i> <sup>(1)</sup> 峽石集, Phạm Sư Mạnh 范師孟	1 quyển
<i>Cúc Đường di thảo</i> 菊堂遺草, Trần Nguyên Đào 陳元璣	2 quyển
<i>Thảo nhàn hiệu tảo</i> 討閒效顰, Hồ Tôn Vự 胡遵鵞	1 quyển
<i>Việt Nam thế chí</i> 越南世志	1 bộ
<i>Việt sử cương mục</i> 越史綱目	1 bộ
<i>Đại Việt sử ký</i> 大越史記, Lê Văn Hưu 黎文休	30 quyển
<i>Nhị Khê thi tập</i> 蕊溪詩集, Nguyễn Phi Khanh 阮飛卿	1 quyển
<i>Phi sa tập</i> 披砂集, Hàn Thuyên 韓詮	1 quyển
<i>Việt điện u linh tập</i> 越甸幽靈集, Lý Tế Xuyên 李濟川	1 quyển

---

(1) Nay thường được phiên là *Hiệp Thạch tập* [BT].



Những sách ấy bây giờ không biết mất đâu cả, không thấy quyển nào nữa, thật là một cái thiệt hại cho người nước mình.

Còn những người đi học, ở các phủ, châu, huyện, trước thì ở phủ mỗi năm 2 người, ở châu 2 năm 3 người, ở huyện mỗi năm 1 người, sau cải lại ở phủ mỗi năm 1 người, ở châu 3 năm 2 người, ở huyện 2 năm 1 người, được làm học trò tuế cống cho vào học Quốc Tử Giám, rồi bổ đi làm quan.

## 5. Việc trạm dịch

Từ thành Đông Quan (tức là Hà Nội) cho đến huyện Gia Lâm, phủ Từ Sơn, thì đặt trạm để chạy giấy bằng ngựa; từ huyện Chí Linh, huyện Đông Triều cho đến phủ Vạn Ninh là nơi giáp đất Khâm Châu nước Tàu thì đặt trạm chạy giấy bằng thuyền.

## 6. Việc binh lính

Việc bắt lính thì cứ theo sổ bộ mà bắt. Ở những nơi gọi là vệ sở thì mỗi một hộ phải ba suất đinh đi lính, nhưng từ Thanh Hóa về Nam người ở ít, thì mỗi hộ chỉ phải hai suất đinh đi lính mà thôi. Những chỗ nào mà không có vệ sở thì lập đồn ở chỗ hiểm yếu rồi lấy dân binh ra giữ.

## 7. Phép hộ thiếp và hoàng sách

Việc điền hộ ở An Nam bấy giờ phải theo như lệ bên Tàu. Những dân đinh trong nước, thì ai cũng phải có một cái giấy biên tên tuổi và hương quán để lúc nào có khám hỏi thì phải đưa ra. Cái giấy ấy biên theo như ở trong quyển sổ của quan giữ. Hễ giấy của ai mà không hợp như ở trong sổ thì người ấy phải bắt đi lính.

Việc cai trị ở trong nước, thì chia ra làm *lý* 里 và *giáp* 甲. Ở chỗ thành phố thì gọi là *phường* 坊; ở chung quanh thành phố thì gọi là *tương* 廂; ở nhà quê thì gọi là *lý*. *Lý* lại chia ra *giáp*.

Cứ 110 hộ làm một *lý* và 10 hộ làm một *giáp*. *Lý* thì có *lý trưởng*, *giáp* thì có *giáp thủ*.

Mỗi một năm có người làm *lý trưởng* coi việc trong *lý*.

Mỗi một *lý*, một *phường* hay là một *tương* có một quyển sách để biên tất cả số đinh số điền vào đấy. Còn những người tàn tật cô quả thì biên riêng ra ở sau, gọi là *kỷ linh* 畸零. Ở đầu quyển sách lại có cái địa đồ.

Khi nào quyển sổ ấy xong rồi, thì biên ra làm 4 bản, một bản có bìa vàng, cho nên gọi là *hoàng sách* 黃冊 để gửi về bộ Hộ, còn 3 bản bìa xanh, thì để ở Bộ chính ty, ở phủ và huyện, mỗi nơi một bản.

Cứ mười năm lại tùy số đinh điền hơn lên hay là kém đi thế nào, phải làm lại cái mẫu sổ khác, gửi đi cho các *lý*, *phường* và *tương* để cứ theo mẫu ấy mà làm.

Bảy giờ *lý trưởng* và *giáp thủ* phải đập đánh cực khổ lắm.

### 8. Việc thuế má

Phép nhà Minh đánh thuế cứ mỗi mẫu ruộng phải nộp năm thăng thóc, mỗi một mẫu bãi để trồng dâu phải nộp một lượng tơ, và mỗi cân tơ phải nộp một tấm lụa.

Lại đặt ra thuế muối. Dân mà nấu muối mỗi một tháng được bao nhiêu phải đưa vào để ở tòa Đề cử, đợi khi nào tòa Bộ chính khám rồi mới được bán. Ai mà nấu lậu hay là bán lậu thì cũng phải phạt như nhau.

Ở châu, huyện nào cũng có một tòa Thuế khóa để thu thuế.

### 9. Việc sưu dịch

Phàm những chỗ nào có mỏ vàng mỏ bạc thì đặt quan ra để đốc dân phu đi khai mỏ. Những chỗ rừng núi, thì bắt dân đi tìm ngà voi, sừng tê; ở chỗ gần bể, thì bắt dân phải đi mò ngọc

trai. Còn những thổ sản như: hồ tiêu, hương liệu cũng bắt cống nộp. Đến những hươu, voi, rùa, chim, vượn, rắn, cái gì cũng vơ vét đem về Tàu.

Từ khi bọn Lý Bân 李彬, Mã Kỳ 馬騏 sang thay Trương Phụ, dân ta bị bọn ấy sách nhiễu thật là khổ sở.

## 10. Quan lại

Trừ những quan lại ở bên Tàu sang cai trị ra không kể, những người An Nam như những tên Nguyễn Huân 阮勛, Lương Nhữ Hốt 梁汝笏, Đỗ Duy Trung 杜維忠 theo hàng nhà Minh, khéo đường xu nịnh, được làm quan to, lại càng ỷ thế của giặc, làm những điều tàn bạo hung ác hơn người Tàu. Vả, trong những lúc biến loạn như thế, thì những đồ tham tàn gian ác, không có nghĩa khí, không biết liêm sỉ, lại càng đắc chí lắm, cho nên dân tình cực khổ, lòng người sâu oán. Cũng vì lẽ ấy, có nhiều kẻ tức giận nổi lên đánh phá, làm cho trong nước không lúc nào được yên ổn.

## CHƯƠNG XIV

# MƯỜI NĂM ĐÁNH QUÂN TÀU (1418 - 1427)



1. Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn
2. Về Chí Linh lần thứ nhất
3. Về Chí Linh lần thứ hai
4. Bình Định Vương về đóng Lư Sơn
5. Bình Định Vương về đóng Lỗi Giang
6. Nguyễn Trãi
7. Bình Định Vương phá quân Trần Trí
8. Về Chí Linh lần thứ ba
9. Bình Định Vương hết lương phải hòa với giặc
10. Bình Định Vương lấy đất Nghệ An
11. Vây thành Tây Đô
12. Lấy Tân Bình và Thuận Hoá
13. Quân Bình Định Vương tiến ra Đông Đô
14. Trận Tụy Động: Vương Thông thất thế
15. Vây thành Đông Đô
16. Vương Thông ước hòa lần thứ nhất
17. Bình Định Vương đóng quân ở Bồ Đề
18. Bình Định Vương đặt pháp luật để trị quân dân
19. Trận Chi Lăng: Liễu Thăng tử trận
20. Vương Thông xin hòa lần thứ hai
21. Trần Cao dâng biểu xin phong
22. Tờ Bình Ngô đại cáo

## 1. Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn

Từ khi nhà Minh sang cai trị An Nam, dân ta phải khổ nhục trăm đường, tiếng oan không kêu ra được, lòng tức giận ngấm ngấm ở trong tâm can, chỉ mong mỗi ra cho khỏi đồng than lửa. May lúc ấy có một đấng anh hùng nổi lên, kéo cờ nghĩa để chống với giặc Minh, trong 10 năm lấy lại được giang sơn cũ, và xây đắp lại nền độc lập cho nước Nam.

Đấng anh hùng ấy, người ở làng Lam Sơn, huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, họ Lê 黎, tên là Lợi 利. Đã mấy đời làm nghề canh nông, nhà vẫn giàu có, lại hay giúp đỡ cho kẻ nghèo khó, cho nên mọi người đều phục, và những tôi tớ ước có hàng nghìn người. Ông Lê Lợi 黎利 khẳng khái, có chí lớn, quan nhà Minh nghe tiếng, đã dỗ cho làm quan, nhưng ông không chịu khuất, thường nói rằng: *“Làm trai sinh ở trên đời, nên giúp nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm cho muôn đời, chứ sao lại chịu bo bo làm đầy tớ người!”*. Bèn giấu tiếng ở chỗ sơn lâm, đón mời những kẻ hào kiệt, chiêu tập những kẻ lưu vong.

Đến mùa xuân năm Mậu Tuất (1418) đời vua Thành Tổ nhà Minh, niên hiệu Vĩnh Lạc thứ 16, ông Lê Lợi cùng với tướng là Lê Thạch 黎石 và Lê Liễu 黎柳 khởi binh ở núi Lam Sơn 藍山 tự xưng là Bình Định Vương 平定王, rồi truyền hịch đi gần xa kể tội nhà Minh để rõ cái mục đích của mình khởi nghĩa đánh kẻ thù của nước.

Việc đánh giặc Minh tuy là thuận lòng người và hợp lẽ công bằng, nhưng mà thế lực của Bình Định Vương lúc đầu còn kém lắm, tướng sĩ thì ít, lương thực không đủ. Dẫu có dùng kế đánh được đôi ba trận, nhưng vẫn không có đủ sức mà chống giữ với



quân nghịch, cho nên phải về núi Chí Linh 至靈山<sup>(1)</sup> ba lần, và phải nguy cấp mấy phen, thật là gian truân vất vả. Sau nhờ hồng phúc nước Nam, Bình Định Vương lấy được đất Nghệ An, rồi từ đó mới có thể vẫy vùng, đánh ra mặt Bắc, lấy lại được giang sơn nước nhà.

## 2. Về Chí Linh lần thứ nhất

Khi quan nhà Minh là Mã Kỳ 馬騏 ở Tây Đô, nghe tin Bình Định Vương nổi lên ở núi Lam Sơn, liền đem quân đến đánh. Vương sang đóng ở núi Lạc Thủy (Cẩm Thủy, phủ Quảng Hóa) để đợi quân Minh. Đến khi quân Mã Kỳ đến, phục binh của vương đổ ra đánh, đuổi được quân nghịch, nhưng vì thế yếu lắm chống giữ không nổi, vương phải bỏ vợ con để giặc bắt được, đem bại binh chạy về đóng ở núi Chí Linh.

## 3. Về Chí Linh lần thứ hai

Tháng tư năm Kỷ Hợi (1419) Bình Định Vương lại ra đánh lấy đồn Nga Lạc (thuộc huyện Nga Sơn, Thanh Hóa) giết được tướng nhà Minh là Nguyễn Sao 阮抄, nhưng quân của vương bấy giờ hãy còn ít, đánh lâu không được, lại phải rút về Chí Linh.

Quan nhà Minh biết rằng Chí Linh là chỗ Bình Định Vương lui tới, bèn đem binh đến vây đánh. Vương bị vây nguy

---

(1) Sách *Khâm định thông giám* chép là núi Chí Linh này ở phủ Trấn Định, tỉnh Nghệ An, tức là ở vào đất Cam Môn, Cam Cát, giáp tỉnh Hà Tĩnh. Nhưng xem kỹ địa đồ thì vua Thái Tổ khởi binh ở Lam Sơn, thuộc huyện Thụy Nguyên, phủ Thiệu Hóa, và lúc ấy vẫn lui tới ở vùng Lạc Thủy, tức là Cẩm Thủy và ở vùng Nga Sơn. Vậy thì núi Chí Linh này không phải ở miền Trấn Định, mà chắc là chỉ ở trong vùng Thanh Hóa mà thôi. Xem như khi ngài thua ở Chí Linh thì chạy về Lư Sơn ở châu Quan Hóa, thuộc phủ Quảng Hóa thì biết. Và lại ngài khởi nghĩa từ năm Mậu Tuất (1418) mà mãi đến năm Giáp Thìn (1424) thì ngài mới bàn sự đi đánh mạn Nghệ An, như thế mà nói rằng núi Chí Linh ở phủ Trấn Định, tức là xứ Ngọc Ma ngày trước, ở phía Nam tỉnh Nghệ An bấy giờ, thì chắc là lầm.

cấp lăm, mới hỏi các tướng rằng: có ai làm được như người Kỷ Tín 紀信 ngày trước chịu chết thay cho vua Hán Cao không? Bấy giờ có ông Lê Lai 黎來 liều mình vì nước, xin mặc thay áo ngự bào cưỡi voi ra trận đánh nhau với giặc. Quân nhà Minh tưởng là Bình Định Vương thật, xúm nhau lại vây đánh, bắt được giết đi rồi rút quân về Tây Đô.

#### 4. Bình Định Vương về đóng Lư Sơn

Vương nhờ có ông Lê Lai chịu bỏ mình cứu chúa, mới trốn thoát được nạn lớn, rồi một mặt cho người sang Ai Lao cầu cứu, một mặt thu nhặt những tàn quân về đóng ở Lư Sơn 蘆山 (ở phía Tây châu Quan Hóa).

Ngay năm ấy, ở Nghệ An có quan Tri phủ là Phan Liêu 潘僚 làm phản nhà Minh; ở Hạ Hồng có Trịnh Công Chứng 鄭公證, Lê Hành 黎行; ở Khoái Châu có Nguyễn Đặc 阮特; ở Hoàng Giang có Nguyễn Đa Cấu 阮多構, Trần Nhuế 陳芮; ở Thủy Đường có Lê Ngã 黎餓, nổi lên làm loạn, quân nhà Minh phải đi đánh dẹp các nơi cho nên Bình Định Vương ở vùng Thanh Hóa cũng được nhân dịp mà dưỡng uy sức nhuệ.

#### 5. Bình Định Vương về đóng Lỗi Giang

Năm Canh Tý (1420) Bình Định Vương đem quân ra đóng ở làng Thôi, định xuống đánh Tây Đô, tướng nhà Minh là Lý Bân được tin ấy, đem quân đến đánh, đi đến chỗ Thi Lang, bị phục binh của vương đánh phá một trận, quân Minh bỏ chạy. Vương lại đem quân lên đóng ở Lỗi Giang 磊江<sup>(1)</sup> và ở đồn Ba Lạm. Quân Minh phải lùi về đóng ở Nga Lạc và Quan Du để phòng giữ Tây Đô.

(1) Lỗi Giang là tên một khúc sông Mã Giang ở vùng trên huyện Cẩm Thủy.

## 6. Nguyễn Trãi

Khi Bình Định Vương về đánh ở Lỗi Giang, thì có ông Nguyễn Trãi 阮廌<sup>(1)</sup> vào yết kiến, dâng bài sách bình Ngô, vua xem lấy làm hay, dùng ông ấy làm tham mưu.

Ông Nguyễn Trãi là con ông Bổng nhân Nguyễn Phi Khanh 阮飛卿. Đời nhà Hồ, ông đã thi đỗ tiến sĩ (1400). Khi ông Nguyễn Phi Khanh bị nhà Minh bắt về Kim Lăng, ông theo khóc, lên đến cửa Nam Quan không chịu trở lại. Ông Phi Khanh bảo rằng: “Con phải trở về mà lo trả thù cho cha, rửa thẹn cho nước, chứ đi theo khóc lóc mà làm gì?”. Từ đó ông trở lại, ngày đêm lo việc phục thù. Nay ra giúp Bình Định Vương bày mưu định kế để lo sự bình định.

## 7. Bình Định Vương phá quân Trần Trí

Đến tháng 11 năm Tân Sửu (1421) tướng nhà Minh là Trần Trí 陳智 đem mấy vạn quân đến đánh Bình Định Vương ở đồn Ba Lậm, lại ước với người Lào sang cùng đánh hai mặt. Vương mới hội các tướng lại bàn rằng: Quân kia tuy nhiều, nhưng ở xa đến, còn đang nhọc mệt, ta nên đưa quân ra đón đánh tất là phải được. Bàn xong, đến đêm đem quân vào cướp trại Minh, giết được hơn 1.000 người, Trần Trí thấy vậy giận lắm, sáng hôm sau truyền lệnh kéo toàn quân đến đánh. Quân An Nam đã phục sẵn trước rồi, thấy quân Minh đến, liền đổ ra đánh hăng quá, quân Minh lại phải lui về.

Đang khi hai bên còn đối địch, có ba vạn người Lào giả xưng sang làm viện binh cho Bình Định Vương. Vương không biết là dối, quân Lào nửa đêm kéo đến đánh, tướng của vương là Lê Thạch 黎石 bị tên bắn chết. Nhưng mà quân ta giữ vững đồn trại, quân Lào phải lùi về.

---

(1) Ông Nguyễn Trãi là cháu ngoại ông Trần Nguyên Đán, bởi vậy ông cùng với Trần Nguyên Hãn có tình thân. Ông Nguyễn Trãi và ông Trần Nguyên Hãn là người đại công thần nhà Lê, sau đều bị giết hại cả.



## 8. Về Chí Linh lần thứ ba

Sang năm sau là năm Nhâm Dần (1422) Bình Định Vương tự đồn Ba Lạm tiến lên đánh đồn Quan Gia, bị quân Minh và quân Lào hai mặt đánh lại, phải thua chạy về giữ đồn Khôi Sách. Quân Minh và quân Lào thừa thế đổ đến vây kín bốn mặt. Vương thấy thế nguy quá, mới bảo các tướng rằng: “Quân giặc vây kín rồi, nếu không liều sống chết đánh tháo lấy đường chạy ra, thì chết cả!”. Quân sĩ ai nấy đều cố sức đánh phá, quân giặc phải lùi. Vương lại đem quân về núi Chí Linh.

Từ khi Bình Định Vương đem binh về Chí Linh, lương thực mỗi ngày một kém, trong hai tháng trời quân sĩ phải ăn rau ăn cỏ, có bao nhiêu voi ngựa làm thịt ăn hết cả. Tướng sĩ mỗi một, đều muốn nghỉ ngơi, xin vương hãy tạm hòa với giặc. Vương bất đắc dĩ sai Lê Trần 黎臻 đi xin hòa. Quan nhà Minh bấy giờ thấy đánh không lợi, cũng thuận cho hòa.

## 9. Bình Định Vương hết lương phải hòa với giặc

Năm Quý Mão (1423) Bình Định Vương đem quân về Lam Sơn. Bấy giờ tướng nhà Minh là bọn Trần Trí 陳智, Sơn Thọ 山壽 thường hay cho vương trâu, ngựa, cá mắm và thóc lúa; vương cũng cho Lê Trần đưa vàng bạc ra tạ. Nhưng sau bọn Trần Trí ngờ có bụng giả dối, bắt giữ Lê Trần lại, không cho về, vì vậy vương mới tuyệt giao không đi lại nữa, rồi đem quân về đóng ở núi Lư Sơn 蘆山.

## 10. Bình Định Vương lấy đất Nghệ An

Năm Giáp Thìn (1424) Bình Định Vương hội các tướng bàn kế tiến thủ. Quan thiếu úy là Lê Chích 黎隻 nói rằng: “Nghệ An là đất hiểm yếu, đất rộng người nhiều, nay ta hãy vào lấy Trà Long 茶隆 (phủ Tương Dương) rồi hạ thành Nghệ An, để làm chỗ trú chân đã, nhiên hậu sẽ quay trở ra đánh lấy Đông Đô, như thế thiên hạ có thể bình được”.

Vương cho kế ấy là phải, bèn đem quân về Nam, đánh đồn Đa Căng 多矜, tướng nhà Minh là Lương Nhữ Hốt 梁汝笏 bỏ chạy.

Lấy được đồn Đa Căng rồi, vương tiến quân vào đánh Trà Long, đi đến núi Bồ Liệp, ở phủ Quỳnh Châu, gặp bọn Trần Trí 陳智, Phương Chính 方政 đem binh đến đánh, vương bèn tìm chỗ hiểm phục sẵn; khi quân Minh vừa đến, quân ta đổ ra đánh, chém được tướng nhà Minh là Trần Trung 陳忠, giết được sĩ tốt hơn 2.000 người, bắt được hơn 100 con ngựa. Quân Minh bỏ chạy, vương đem binh đến vây đánh Trà Long. Quan Tri phủ là Cầm Bành 琴彭 chờ cứu binh mãi không được, phải mở cửa thành ra hàng.

Từ khi Bình Định Vương khởi nghĩa cho đến giờ, đánh với quân nhà Minh đã nhiều phen, được thua đã trải qua mấy trận, nhưng quan nhà Minh vẫn lấy làm khinh thường, cho nên không tâu về cho Minh triều biết. Bấy giờ Hoàng Phúc 黃福 về Tàu rồi, vua nhà Minh sai Binh bộ Thượng thư là Trần Hiệp 陳洽 sang thay.

Trần Hiệp thấy Bình Định Vương lấy được châu Trà Long, thanh thế lừng lẫy, bèn vội vàng làm sớ tâu cho vua nhà Minh biết. Minh Đế mới xuống chiếu trách mắng bọn Trần Trí, Phương Chính, bắt phải dẹp ngay cho yên giấc ấy. Bọn Trần Trí sợ hãi đem cả thủy bộ, cùng tiến lên đánh Bình Định Vương.

Vương sai Đinh Liệt 丁列 đem 1.000 quân đi đường tắt ra giữ Đỗ Gia<sup>(1)</sup>, còn vương thì đem cả tướng sĩ đến ở mạn thượng du đất Khả Lưu 可留 ở Bắc ngạn sông Lam Giang (thuộc huyện Lương Sơn), rồi tìm chỗ hiểm yếu phục binh để đợi quân Minh.

Khi quân Minh đã đến Khả Lưu, vương bèn sai người, ban ngày thì kéo cờ đánh trống, ban đêm thì bắt đốt lửa để làm nghi binh, rồi cho binh sang bên kia sông phục sẵn. Sáng hôm

(1) Vào quãng gần đồn Linh Cảm, huyện Hương Sơn, Hà Tĩnh.



sau quân Minh tiến lên bị phục binh bốn mặt đổ ra đánh, tướng nhà Minh là Chu Kiệt 朱傑 phải bắt, Hoàng Thành 黃城 phải chém, còn quân sĩ bỏ chạy cả. Trần Trí phải thu quân về giữ thành Nghệ An.

Tháng giêng năm Ất Tỵ (1425) vương đem binh về đánh thành Nghệ An, đi đến làng Đa Lô ở huyện Thổ Du (bây giờ là huyện Thanh Chương) dân sự đưa trâu đưa rượu ra đón rước, già trẻ đều nói rằng: không ngờ ngày nay lại thấy uy nghi nước cũ. Bấy giờ lại có quan Tri phủ Ngọc Ma (phủ Trấn Định) là Cầm Quý 琴貴 đem binh mã về giúp.

Vương bèn xuống lệnh rằng: “Dân ta lâu nay đã phải khổ sở về chính trị bạo ngược của người Tàu, quân ta đi đến đâu cấm không được xâm phạm đến chút gì của ai. Những gạo thóc trâu bò mà không phải là của người nhà Minh thì không được lấy”. Đoạn rồi, phân binh đi đánh lấy các nơi, đi đến đâu các quan châu huyện ra hàng cả, đều tình nguyện đi đánh thành Nghệ An. Vương bèn đem quân về vây thành; quân Minh hết sức giữ gìn không dám ra đánh.

Đương khi vây đánh ở Nghệ An, tướng nhà Minh là Lý An 李安 ở Đông Quan đem quân đi đường bể vào cứu. Quân của Trần Trí ở trong thành cũng đổ ra đánh, vương nhử quân Minh đến cửa sông Độ Gia, rồi dùng phục binh đánh tan quân giặc. Trần Trí bỏ chạy về Đông Quan, còn Lý An vào giữ thành, vương lại đem quân về vây thành.

## 11. Vây thành Tây Đô

Đến tháng năm, vương sai quan Tư không là Đinh Lễ 丁禮 đem binh đi đánh Diễn Châu, Đinh Lễ đi vừa đến nơi, thì gặp tướng nhà Minh là Trương Hùng 張雄 đem 300 chiếc thuyền lương ở Đông Quan mới vào, quân ở trong thành ra tiếp, bị phục binh của Đinh Lễ đánh đuổi. Bao nhiêu thuyền lương Đinh Lễ cướp lấy được cả, rồi đuổi Trương Hùng ra đến Tây Đô.

Bình Định Vương được tin ấy liền sai Lê Sát 黎察 và Lưu Nhân Chú 劉仁澍 đem binh ra tiếp ứng cho Đinh Lễ. Đinh Lễ nhân dịp tiến lên vây thành Tây Đô.

## 12. Lấy Tân Bình và Thuận Hóa

Qua tháng bảy, vương sai quan Tư đồ Trần Nguyên Hãn 陳元扞<sup>(1)</sup>, Thượng tướng Lê Nỗ 黎弩 đem hơn một nghìn quân vào lấy châu Tân Bình và châu Thuận Hóa. Đi đến Bố Chính thì gặp tướng nhà Minh là Nhâm Năng 壬能, hai bên đánh nhau, quân nhà Minh bị phục binh đánh chạy tan cả. Bấy giờ lại có đạo thủy quân của Lê Ngân 黎銀 đem hơn 70 chiếc thuyền đi đường bể vào, Trần Nguyên Hãn liền đem cả thủy bộ tiến lên đánh hạ được hai thành ấy, mộ thêm mấy vạn tinh binh đưa ra đánh mặt Bắc.

Từ đây binh thế của Bình Định Vương một ngày một mạnh, các tướng tôn ngài lên làm “Đại thiên hành hóa” 代天行化, nghĩa là thay trời làm mọi việc.

## 13. Quân Bình Định Vương tiến ra Đông Đô

Năm Bính Ngọ (1426) vương thấy tinh binh của nhà Minh ở cả Nghệ An, ở ngoài Đông Đô không có bao nhiêu người, bèn sai Lý Triện 李篆, Phạm Văn Xảo 范文巧, Trịnh Khả 鄭可, Đỗ Bí 杜秘 ra đánh Quốc Oai, Quảng Oai, Gia Hưng, Quy Hóa, Đà Giang, Tam Đái (Bạch Hạc), Tuyên Quang để chặn đường viện binh ở Vân Nam sang. Sai Lưu Nhân Chú 劉仁澍 và Bùi Bị 裴備 ra đánh Thiên Trường, Kiến Xương, Tân Hưng, Thượng Hồng (Bình Giang), Hạ Hồng (Ninh Giang), Bắc Giang, Lạng Giang, để chặn đường viện binh ở Lưỡng Quảng sang. Lại sai Đinh Lễ 丁禮, Nguyễn Xí 阮熾 đem binh đi thẳng ra đánh Đông Quan.

(1) Trần Nguyên Hãn, có nơi chép là Trần Hãn, là cháu Trần Nguyên Đán, dòng dõi Trần Quang Khải.



Quân của Bình Định Vương đi đến đâu giữ kỷ luật rất nghiêm, không xâm phạm đến của ai chút gì, cho nên ai ai cũng vui lòng theo phục. Bọn Lý Triện lấy được Quốc Oai và Tam Đái rồi đem quân về đánh Đông Quan.

Quan tham tướng nhà Minh là Trần Trí đem binh ra đóng ở Ninh Kiều<sup>(1)</sup> (phía Tây phủ Giao Châu) và ở Ứng Thiên (?) để chống giữ; quân Lý Triện đến đánh, Trần Trí thua chạy về đóng ở phía Tây sông Ninh Giang (khúc trên sông Đáy). Chợt có tin báo rằng có hơn một vạn quân Vân Nam sang cứu, Lý Triện sợ để hai đạo quân của Minh hợp lại thì khó đánh, bèn bảo Phạm Văn Xảo đem hơn một nghìn người đi đón chặn đường quân Vân Nam; còn mình cùng với Đỗ Bí đem quân đến đánh Trần Trí. Trần Trí thua chạy; bọn Lý Triện đuổi đến làng Nhân Mục bắt được tướng nhà Minh là Vi Lượng 韋亮 chém được hơn 1.000, rồi lại quay trở về Ninh Giang hợp binh với Văn Xảo để đánh quân Vân Nam.

Bọn Phạm Văn Xảo đến cầu Xa Lộc (?) thì gặp quân Vân Nam sang, đánh một trận, quân nghịch thua chạy về giữ thành Tam Giang.

Trần Trí thấy thế ở Đông Quan yếu lắm bèn viết thư vào Nghệ An gọi Phương Chính đem binh ra cứu, để giữ lấy chỗ căn bản. Phương Chính được thư bèn sai Thái Phúc 蔡福 ở lại giữ thành Nghệ An, rồi đem quân xuống thuyền đi đường bể ra Đông Quan.

Bình Định Vương nghe tin ấy, liền sai Lê Ngân 黎銀, Lê Văn An 黎文安, Lê Bôi 黎盃, Lê Thận 黎慎, Lê Văn Linh 黎文靈 ở lại vây thành Nghệ An; vương tự đem đại quân cả thủy bộ đuổi theo Phương Chính ra Bắc. Ra đến Thanh Hóa

---

(1) Những tên Ninh Kiều, Ninh Giang, Ứng Thiên chắc là ở vùng huyện Từ Liêm, huyện Thanh Oai, về quãng sông Nhuệ Giang và sông Đáy. Mà Ninh Giang có lẽ là khúc sông Đáy ở vào quãng Từ Liêm hay Thanh Oai gì đó.



vương đem binh vào đánh thành Tây Đô, nhưng quân Minh giữ vững thành trì đánh không được, vương đem quân đến đóng ở Lỗi Giang.

#### 14. Trận Tụy Động<sup>(1)</sup>: Vương Thông thất thế

Từ khi Bình Định Vương ở Lư Sơn vào đánh Nghệ An đến giờ đánh đâu được đấy, thanh thế lừng lẫy, quân Minh khiếp sợ đem tin ấy về cho Minh triều biết, Minh Đế liền sai Chinh di tướng quân là Vương Thông 征夷將軍王通 và Tham tướng là Mã Anh 馬瑛 đem 5 vạn quân sang cứu Đông Quan. Trần Trí và Phương Chính thì phải cách hết cả quan tước bắt phải theo quân đi đánh giặc, còn Trần Hiệp thì cứ giữ chức Tham tán quân vụ.

Vương Thông sang đến đất Đông Quan hội tất cả quân sĩ lại được mười vạn, cùng với bọn Trần Hiệp chia làm ba đạo đi đánh Bình Định Vương.

Vương Thông đem quân đến đóng ở bến Cổ Sở 古所 (thuộc huyện Thạch Thất, phủ Quốc Oai, Sơn Tây), Phương Chính đóng ở Sa Thôi (thuộc huyện Từ Liêm), Mã Kỳ đóng ở Thanh Oai, đồn lũy liên tiếp nhau một dãy dài hơn mấy mươi dặm.

Bọn Lý Triện, Đỗ Bí ở Ninh Kiều đem quân và voi đến phục ở Cổ Lãm, rồi cho quân đến đánh nhử Mã Kỳ. Mã Kỳ đem tất cả quân đuổi đến cầu Tam La (ở giáp giới huyện Thanh Oai và huyện Từ Liêm) quân phục binh của Lý Triện đổ ra đánh, quân Minh thua chạy, nhiều người xuống đồng lầy, chạy không được, bị chém hơn 1.000 người. Lý Triện đuổi quân Minh đến Nhân Mục, bắt được hơn 500 người, Mã Kỳ một mình một ngựa chạy thoát được.

Bọn Lý Triện thừa thắng tiến lên đánh đạo quân Phương Chính. Nhưng Phương Chính thấy Mã Kỳ đã thua cũng rút

(1) Tụy Động: cũng gọi là Tốt Động [BT].



quân lui, rồi cùng Mã Kỳ về hội với Vương Thông ở bến Cổ Sở.

Vương Thông liệu tất thế nào quân An Nam cũng đến đánh, bèn phục binh và phòng bị trước cả. Chợt có quân của Lý Triện đến. Quân Minh giả ra đánh rồi bỏ chạy, nhử quân ta vào chỗ hiểm có chông sắt. Đi đến đấy, voi xéo phải chông đi không được, rồi lại có phục binh đổ ra đánh, Lý Triện thua chạy về giữ Cao Bộ (ở vùng Chương Đức, Mỹ Lương) và cho người về Thanh Đàm (tức là huyện Thanh Trì bây giờ) gọi bọn Đinh Lễ và Nguyễn Xí đến cứu.

Đinh Lễ và Nguyễn Xí đem 3.000 quân và hai con voi lập tức đêm hôm ấy đến Cao Bộ, rồi phân binh ra phục sẵn ở Tụy Động 萃洞 (thuộc huyện Mỹ Lương) và ở Chúc Động (thuộc huyện Chương Đức)<sup>(1)</sup>. Chợt bắt được tên thám tử của quân Minh, tra ra thì biết rằng quân Vương Thông đóng ở Ninh Kiều, có một đạo quân đi lên ra đường sau quân Lý Triện để đánh tập hậu, đại quân sang dò chỉ chờ lúc nào nghe súng thì hai mặt đổ lại cùng đánh.

Biết mưu ấy rồi, đến canh năm đêm hôm ấy, Đinh Lễ sai người bắn súng làm hiệu để đánh lừa quân giặc. Quả nhiên quân giặc nghe tiếng súng đều kéo ùa đến đánh. Bấy giờ phải độ trời mưa, đường lầy, quân Minh vừa đến Tụy Động 萃洞 thì bị quân ta bốn mặt đổ ra đánh, chém được quan Thượng thư là Trần Hiệp 陳洽 và Nội quan là Lý Lượng 李亮. Còn những quân sĩ nhà Minh thì chết hại nhiều lắm: phần thì giày xéo lẫn nhau mà chết, phần thì ngã xuống sông chết đuối, cả thảy đến hơn năm vạn người; còn bị bắt sống hơn một vạn người, các đồ đạc khí giới thì lấy được không biết bao nhiêu mà kể. Trận Tụy Động đánh vào tháng mười năm Bính Ngọ (1426).

---

(1) Tụy Động và Chúc Động ở vào quãng huyện Chương Mỹ, phía Đông có sông Đáy, phía Tây có con sông con gọi là sông Bùi, chảy vào sông Đáy, chỗ Ngã ba Thá.

Phương Chính và Mã Kỳ chạy thoát được, rồi cùng với Vương Thông về giữ thành Đông Quan.

Bọn Đinh Lễ thừa thắng đem binh về vây thành và cho người về Lỗi Giang báo tin thắng trận cho Bình Định Vương biết.

Vương liền tiến binh ra Thanh Đàm, rồi một mặt sai Trần Nguyên Hãn đem 100 chiếc thuyền đi theo sông Lung Giang (?)<sup>(1)</sup> ra cửa Hát Giang (cửa sông Đáy thông với sông Cái) rồi thuận dòng sông Nhị Hà xuống đóng ở bến Đông Bộ Đầu; một mặt sai bọn Bùi Bị đem hơn 1 vạn quân đi lên ra đóng ở Tây Dương kiều (?), vương tự dẫn đại quân đến hạ trại ở gần thành Đông Quan. Quân Minh giữ ở trong thành không ra đánh, bao nhiêu chiến thuyền thì vương lấy được cả.

Kể từ ngày Bình Định Vương đem binh vào đánh Nghệ An đến giờ, tuy rằng đánh đâu được đấy, nhưng chưa có trận nào quan hệ bằng trận Tụ Động này. Bởi vì việc thắng bại trong 10 phần, đánh xong trận này, thì đã chắc được 7, 8 phần rồi. Quân thế nhà Minh chỉ còn ở trong mấy thành bị vây nữa mà thôi, mặt ngoài thì viện binh lại chưa có, mà dầu cho có sang nữa, thì thế của Bình Định Vương cũng đã vững lắm rồi.

Nhưng cứ như trong Việt sử, thì quân của Lý Triện và Đinh Lễ chẳng qua chỉ có mấy nghìn người mà thôi, làm thế nào mà phá được hơn 10 vạn quân tinh binh của Vương Thông? Vả lại sử chép rằng đánh trận Tụ Động quân An Nam giết được hơn 5 vạn quân Minh, lại bắt được hơn 1 vạn người, như thế chẳng hóa ra quân Minh hèn lắm ru! E rằng nhà làm sử có ý thiên vị, cho nên sự thực không được rõ lắm. Nhưng dầu thực hư thế nào mặc lòng, đại khái trận Tụ Động là một trận đánh nhau to, mà Vương Thông thì thua, phải rút quân về giữ thành Đông

---

(1) Chắc là một khúc sông Đáy thuộc hạt tỉnh Hà Đông [nay thuộc Hà Nội - BT] bây giờ.



Quan rồi bị vây, còn Bình Định Vương thì ra Bắc thu phục các châu huyện. Việc ấy chắc là thật có.

## 15. Vây thành Đông Đô

Từ khi Bình Định Vương ra Đông Đô, những kẻ hào kiệt ở các nơi đều nô nức về theo, xin hết sức đi đánh giặc. Vương dùng lời úy dụ, và lấy cái nghĩa lui tới mà giảng giải cho mọi người nghe, rồi cứ tùy tài mà thu dùng.

Vương chia đất Đông Đô ra làm bốn đạo, đặt quan văn võ để coi việc chính trị.

Cứ theo sách *Lịch triều hiến chương địa dư chí* của ông Phan Huy Chú thì những trấn Tam Giang, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Gia Hưng thuộc về Tây Đạo; những trấn Thượng Hồng, Hạ Hồng, Thượng Sách, Hạ Sách cùng với lộ An Bang thuộc về Đông Đạo; những trấn Bắc Giang, Thái Nguyên thuộc về Bắc Đạo; những lộ Khoái Châu, Lý Nhân, Tân Hưng, Kiến Xương, Thiên Trường thuộc về Nam Đạo.

## 16. Vương Thông xin hòa lần thứ nhất

Vương Thông ở Đông Quan cứ bị thua mãi, liệu thế đánh không được nữa, muốn bãi binh về Tàu, nhưng sợ mang tiếng, bèn lục tờ chiếu của vua nhà Minh, niên hiệu Vĩnh Lạc (1407) nói về việc tìm con cháu họ Trần, rồi cho người ra nói với Bình Định Vương tìm người dòng dõi họ Trần lập lên, để xin bãi binh.

Vương nghĩ đánh nhau mãi, trong nước tàn hại, dân tình khổ sở, bèn y theo lời Vương Thông. Nhân bấy giờ có người tên là Hồ Ông 胡翁 trốn ở Ngọc Ma, xưng là cháu ba đời vua Nghệ Tông, vương bèn cho người đi đón Hồ Ông về đổi tên là Trần Cao 陳高 lập lên làm vua, mà vương thì xưng làm Vệ Quốc Công để cầu phong với nhà Minh, cho chóng xong việc.



Vương Thông cho người đưa thư ra xin hòa, và xin cho đem toàn quân về nước. Bình Định Vương thuận cho, định ngày để Vương Thông gọi quân ở các nơi về hội tại Đông Đô, rồi về Tàu. Việc đã định như thế, nhưng mà bấy giờ có mấy người An Nam theo nhà Minh, như những tên Trần Phong 陳封, Lương Nhữ Hốt 梁汝笏 sợ rằng quân Minh về thì mình phải giết, bèn lấy chuyện Ô Mã Nhi ngày trước can Vương Thông đừng rút quân về. Vương Thông nghe lời, bề ngoài tuy nói hòa, nhưng bề trong sai người đào hào, rắc chông, rồi cho người đi lên đem thư về Tàu cầu cứu.

Bình Định Vương bắt được người đưa thư, giận lắm, không giao thông với quân Minh nữa, rồi sai Lê Quốc Hưng 黎國興 đánh thành Diêu Diêu (huyện Gia Lâm, Bắc Ninh) và thành Thị Kiều (tức là Thị Cầu thuộc huyện Võ Giang, Bắc Ninh); Trịnh Khả 鄭可 và Lê Khuyển 黎犬 đánh thành Tam Giang (tức là Tam Đái, nay là huyện Bạch Hạc); Lê Sát 黎察 và Lê Thụ 黎受 đánh thành Xương Giang (tức là phủ Lạng Thương bây giờ); Trần Lựu 陳榴, Lê Bôi đánh thành Kỳ Ôn. Chẳng bao lâu những thành ấy đều lấy được cả.

## 17. Bình Định Vương đóng quân ở Bồ Đề

Tháng giêng năm Đinh Mùi (1427) Bình Định Vương tiến quân lên đóng ở chỗ Bồ Đề, ở phía Bắc sông Nhị Hà, rồi sai tướng đánh thành Đông Quan: Trịnh Khả đánh cửa Đông, Đinh Lễ đánh cửa Nam, Lê Cự đánh cửa Tây, Lý Triện đánh cửa Bắc.

Quân nhà Minh một ngày một kém, tướng nhà Minh giữ thành Nghệ An và thành Diễn Châu là bọn Thái Phúc 蔡福 và Tiết Tụ 薛聚 đều ra hàng cả. Bình Định Vương lại sai Lại bộ Thượng thư là ông Nguyễn Trãi, làm hịch đi khuyên tướng sĩ các nơi về hàng.

Nhưng cũng vì thấy quân Minh đã yếu thế, có ý khinh địch

cho nên quân ta mất hai viên đại tướng. Trước thì Lý Triện đóng ở Từ Liêm, không cẩn thận, bị quân của Phương Chính đến đánh lén giết mất; sau Vương Thông ở Đông Quan đem binh ra đánh Lê Nguyễn 黎阮 ở Tây Phù Liệt (thuộc huyện Thanh Trì), vương sai Đinh Lễ và Nguyễn Xí đem 500 quân đi cứu. Đi đến Mỹ Động (thuộc Hoàng Mai, huyện Thanh Trì) gặp quân Minh, hai bên đánh nhau. Vương Thông thấy quân của Đinh Lễ có ít, bèn vây lại đánh bắt được Đinh Lễ và Nguyễn Xí. Nguyễn Xí trốn đi được, còn Đinh Lễ bị giết.

## 18. Bình Định Vương đặt pháp luật để trị quân dân

Bình Định Vương cứ một mặt vây đánh thành Đông Quan và các thành khác, một mặt lo việc cai trị, đặt ra các điều lệ để cho việc binh có kỷ luật và cho lòng dân được yên.

Trước hết vương dụ cấm tà đạo: ai mà dùng những phép tà ma giả dối để đánh lừa người ta thì phải tội. Còn những dân sự bị loạn phải lưu tán đi chỗ khác cho về nguyên quán, cứ việc làm ăn như cũ.

Những vợ con gia quyến của những người ra làm quan với giặc, thì được phép theo lệ, lấy tiền mà chuộc<sup>(1)</sup>; còn những quân lính nhà Minh đã hàng thì đưa về Thiên Trường, Kiến Xương, Lý Nhân, Tân Hưng để nuôi nấng tử tế.

Wương đặt ra ba điều để răn các quan:

1. *Không được vô tình;*
2. *Không được khi mạn;*
3. *Không được gian dân.*

Và lại dụ rằng những quân lính ngày thường có tội không được giết càn, trừ lúc nào ra trận mà trái quân lệnh thì mới theo phép mà thi hành.

---

(1) Vợ con của quan Bô chính thì phải 70 quan; vợ con những sinh viên và thổ quan thì 10 quan; còn những con trai, con gái, đầy tớ, đũa ở thì 5 quan.

Vương lại đặt ra 10 điều để làm kỷ luật cho các tướng sĩ:

1. Trong quân ồn ào không nghiêm;
2. Không có việc gì mà đặt chuyện ra để làm cho mọi người sợ hãi;
3. Lúc lâm trận nghe trống đánh, thấy cờ phất, mà chùng chình không tiến;
4. Thấy kéo cờ dừng quân mà không dừng;
5. Nghe tiếng chiêng lùi quân, mà không lùi;
6. Phòng giữ không cẩn thận, để mất thứ ngũ;
7. Lo riêng việc vợ con, mà bỏ việc quân;
8. Tha binh đình về để lấy tiền, và làm sổ sách mập mờ;
9. Theo bụng yêu ghét của mình mà làm lòa mắt công quả của người ta;
10. Gian dâm, trộm cắp.

Hễ tướng sĩ ai mà phạm vào 10 điều ấy thì phải tội chém.

Còn quân lính, thì hễ nghe một tiếng súng mà không có tiếng chiêng, thì các tướng hiệu phải đến dinh nghe lệnh; hễ nghe hai ba tiếng súng và hai ba tiếng chiêng ấy là có việc cảnh cấp, quan chấp lệnh phải sắp hàng ngũ, còn quan thiếu úy thì đến dinh mà nghe lệnh; hễ đến lúc lâm trận mà lùi hoặc là bỏ những người sau không cứu, thì phải tội chém, nhưng gián hoặc đã có ai không may chết trận mà mình hết sức mang được xác ra thì khỏi tội.

Đại khái kỷ luật ở trong quân của Bình Định Vương như thế, cho nên đi đâu, dân gian kính phục lắm.

## 19. Trận Chi Lăng: Liễu Thăng tử trận

Từ khi quân Minh thua trận Tụ Động, Trần Hiệp bị giết, Vương Thông 王通 cho người về tâu với Minh Đế để xin thêm binh. Minh Đế thất kinh, liền sai Chinh lỗ phó tướng quân



An Viễn Hầu là Liễu Thăng 柳升, Tham tướng Bảo Định Bá là Lương Minh 梁銘, Đô đốc là Thôi Tụ 崔聚, Binh bộ Thượng thư là Lý Khánh 李慶, Công bộ Thượng thư là Hoàng Phúc 黃福, Hữu Bố chính sứ là Nguyễn Đức Huân 阮德勛, đem 10 vạn quân, hai vạn ngựa, đi đường Quảng Tây sang đánh của Ba Lụy, bấy giờ là tháng chạp năm Bính Ngọ (1427). Lại sai Chinh Nam Đại tướng quân Kiềm Quốc Công là Mộc Thạnh 沐晟, Tham tướng An Hưng Bá là Từ Hanh 徐亨, Tây Ninh Bá là Đàm Trung 譚忠 đi đường Vân Nam sang đánh của Lê Hoa.

Khi các tướng nghe viện binh của quân Minh sắp đến, nhiều người khuyên vương đánh ngay lấy thành Đông Quan để tuyệt đường nội ứng, nhưng vương không nghe, bảo rằng: “Việc đánh thành là hạ sách, nay ta hãy cứ dưỡng binh sức nhuệ để đợi quân địch đến thì ra đánh. Hễ viện quân mà thua, thì quân trong thành tất phải ra hàng. Thế có phải làm một việc mà thành được hai không?”. Đoạn rồi bắt phải giữ gìn mọi nơi cho nghiêm nhặt, lại bắt người ở Lạng Giang, Bắc Giang, Tam Đái, Tuyên Quang, Quy Hóa đi ở chỗ khác, bỏ đồng không để tránh quân Minh.

Đến tháng mười (1427) Bình Định Vương nghe tin quân của bọn Liễu Thăng đã sắp sang đất An Nam, liền hội các tướng lại bàn rằng: “Quân kia cậy khỏe khinh yếu, lấy nhiều bắt nạt ít, chỉ cốt đánh cho được, chứ không tưởng đến điều khác. Nay đường xa nghìn dặm, mà đi có mấy ngày, nếu ta nhân lúc người ngựa của chúng đang mỏi mệt, ta “dĩ dật đãi lao”, đánh là tất được”. Bèn sai Lê Sát 黎察, Lưu Nhân Chú, Lê Linh 黎令, Đinh Liệt 丁列, Lê Thụ 黎受, đem 1 vạn quân và 5 con voi lên phục sẵn ở cửa Chi Lăng 支陵, để đợi quân Minh. Lại sai Lê Lý 黎理, Lê Văn An 黎文安, đem 3 vạn quân cứ lực tục kéo lên đánh giặc.

Bấy giờ Trần Lựu 陳榴 đang giữ cửa Ba Lụy (Nam Quan) thấy quân Minh đến, lui về giữ Ai Lưu; đến khi quân giặc đến đánh Ai Lưu, Trần Lựu lại lùi về giữ Chi Lăng, cứ cách từng



đoạn, chỗ nào cũng có đồn, quân Minh đi đến đâu không ai dám chống giữ, phá luôn một lúc được những mấy cái đồn. Liễu Thăng đắc ý đuổi tràn đi. Bình Định Vương lại làm ra bộ khiếp sợ, cho người đưa thư sang nói với Liễu Thăng xin lập Trần Cao lên làm vua để xin bãi binh. Liễu Thăng tiếp thư không mở ra xem cho người đưa về Bắc Kinh, rồi cứ tiến lên đánh.

Ngày 18 tháng 9, quân Liễu Thăng đến gần cửa Chi Lăng, Lê Sát sai Trần Lựu ra đánh rồi bỏ chạy. Liễu Thăng mừng lắm, chỉ đem 100 lính kỵ đuổi theo, bỏ đại đội ở lại sau. Đuổi được một đoạn, phải chỗ bùn lầy đi không được, phục binh ta đổ ra đánh, chém Liễu Thăng ở núi Đảo Mã Pha 倒馬坡 (bây giờ là Mã Yên Sơn, ở làng Mai Sao, thuộc Ôn Châu). Việc ấy vào ngày 20 tháng 9 năm Đinh Mùi.

Bọn Lê Sát, Trần Lựu thừa thắng đuổi đánh quân Minh giết hơn 1 vạn người. Lúc bấy giờ đạo quân của Lê Lý cũng vừa đến, hội lại tiến lên đánh quân Minh, chém được Lương Minh ở giữa trận (ngày 25). Lý Khánh thì tự tử (ngày 28). Còn bọn Hoàng Phúc và Thôi Tụ đem bại binh chạy về thành Xương Giang (thành của nhà Minh xây ở xã Thọ Xương, phủ Lạng Giang), đi đến nửa đường bị quân của Lê Sát đuổi đến đánh phá một trận; Thôi Tụ cố đánh lấy đường chạy về Xương Giang, không ngờ thành ấy đã bị bọn Trần Nguyên Hãn lấy mất rồi, quân Minh sợ hãi quá bèn lập trại đắp lũy ở giữa đồng để chống giữ.

Bình Định Vương sai quân thủy bộ vây đánh, sai Trần Nguyên Hãn chặn đường tải lương của quân Minh, lại sai Phạm Ván 范問, Lê Khôi 黎魁, Nguyễn Xí 阮熾, đem quân thiết đội vào đánh chém quân Minh được hơn 5 vạn, bắt sống được Hoàng Phúc, Thôi Tụ và 3 vạn quân. Thôi Tụ không chịu hàng phải giết.

Bấy giờ Mộc Thạnh với bọn Phạm Văn Xảo và Trịnh Khả đang giữ nhau ở cửa Lê Hoa. Trước vương cũng đã liệu rằng Mộc Thạnh là người lão luyện tất chờ xem quân Liễu Thăng thắng bại thế nào rồi mới tiến, bèn sai đưa thư dặn bọn Văn



Xảo cú giữ vững chú đừng ra đánh. Đến khi quân Liễu Thăng thua rồi, vương cho những tên tỳ tướng đã bắt được đem những giấy má ấn tín lên cho Mộc Thạnh biết.

Mộc Thạnh được tin ấy, sợ quá, đem quân chạy, bị quân Trịnh Khả đuổi theo chém được hơn 1 vạn người và bắt được cả người lẫn ngựa mỗi thứ hơn một nghìn.

## 20. Vương Thông xin hòa lần thứ hai

Bình Định Vương sai đưa bọn Hoàng Phúc và hai cái hồ phù, hai dấu dài ngân của quan Chinh lỗ phó tướng quân về Đông Quan cho Vương Thông biết.

Vương Thông biết rằng viện binh sang đã bị thua rồi, sợ hãi quá, viết thư xin hòa. Vương thuận cho, rồi cùng với Vương Thông lập đàn thề ở phía Nam thành Đông Quan, hẹn đến tháng chạp thì đem quân về Tàu.

## 21. Trần Cao dâng biểu xin phong

Bình Định Vương đã hòa với Vương Thông rồi, quân Minh ở Tây Đô và ở các nơi đều giải binh cả. Vương sai Lê Thiếu Dĩnh 黎少穎, Lê Quang Cảnh 黎光景 và Lê Đức Huy 黎德輝 đem tờ biểu và phương vật sang sứ nhà Minh.

Những đồ phương vật là:

1. Hai người bằng vàng để thay mình;
2. Một lư hương bằng bạc;
3. Một đôi bình hoa bằng bạc;
4. Ba mươi tấm lượt;
5. Mười bốn đôi ngà voi;
6. Mười hai bình hương trầm;
7. Hai vạn nén hương duyên;
8. Hai mươi bốn cây hương trầm.



Và lại đem hai cái dấu đài ngân, đôi hồ phù của Chinh lỗ phó tướng quân cùng với sổ kê những người quan quân nhân mã đã bị bắt đem trả lại Minh triều.

Còn tờ biểu thì đứng tên Trần Cao, đại lược như sau này:

*“Khi vua Thái Tổ Cao Hoàng đế mới lên ngôi, tổ tiên tôi là Nhật Khuê vào triều cống trước nhất, bấy giờ ngài có ban thưởng, phong cho tước vương. Từ đó nhà tôi vẫn nối đời giữ bờ cõi, không bỏ thiếu lễ triều cống bao giờ.*

*Mới rồi nhân họ Hồ thoán nghịch, vua Thái Tông Văn Hoàng đế đem quân sang hỏi tội. Sau khi đã dẹp yên rồi, ngài có hạ chiếu tìm con cháu họ Trần để giữ lấy dòng dõi cúng tế. Bấy giờ quan tổng binh Trương Phụ tìm chưa được khắp, đã xin đặt làm quận huyện.*

*Nguyên tôi lúc trước vì trong nước có loạn, chạy trốn vào xứ Lão Qua, cũng là muốn để tìm chốn yên thân mà thôi, không ngờ người trong nước, vẫn quen thói mọi, nhớ đến ân trạch nhà tôi thuở trước, lại cố ý ép tôi phải về, bắt đắ dĩ tôi cũng phải theo.*

*Dẫu rằng trong khi vội vàng, bị người trong nước cố ép, nhưng cũng là cái tội tôi không biết liệu xử. Mới đây tôi đã có xin lỗi trước hàng quân, nhưng không ai chịu nghe, bấy giờ người nước tôi sợ phải tai vạ, liền đem nhau ra phòng bị các cửa ải, cũng là một kế giữ mình.*

*Ngờ đâu quan quân xa xôi mới đến thấy voi sợ hãi, tức khắc vỡ tan. Việc đã xảy ra như vậy, dẫu bởi sự bắt đắ dĩ của người trong nước cũng là lỗi của tôi. Nhưng bao nhiêu những quân và ngựa bắt được đều phải thu dưỡng tử tế, không dám xâm phạm một tí gì.*

*Dám xin Hoàng thượng ngày nay lại theo như lời chiếu của vua Thái Tông Văn Hoàng đế, tìm lấy con cháu họ Trần, nghĩ đến cái lòng thành vào triều cống trước nhất của tổ tiên*



*tôi ngày xưa, mà xá cái tội to như gò núi ấy, không bắt phải cái phạt nặng bằng búa rìu, khiến cho tôi được nối nghiệp ở xứ Nam, để giữ chức triều cống.*

*Tôi đã sai người thân tín mang tờ biểu tạ và đưa trả những ấn tín nhân mã tới chốn kinh sư, nay lại xin đệ tâu những danh số ấy”.*

Vua nhà Minh bấy giờ là Tuyên Tông 宣宗 xem biểu biết rằng giả dối, nhưng cũng muốn nhân dịp ấy để thôi việc binh, bèn đưa tờ biểu cho quần thần xem, mọi người đều xin hòa. Minh Đế sai quan Lễ bộ Thị lang là Lý Kỳ 李琦 đưa chiếu sang phong cho Trần Cao làm An Nam Quốc vương, bỏ tòa Bố chính, và triệt quân về Tàu.

Đến tháng chạp năm Đinh Mùi, Vương Thông theo lời ước với Bình Định Vương, đem bộ binh qua sông Nhị Hà, còn thủy quân theo sau.

Bấy giờ có người xui vương rằng: lúc trước người Minh tàn ác lắm, nên đem giết cả đi. Vương nói rằng: “Phục thù báo oán là cái thường tình của mọi người, nhưng cái bản tâm người có nhân không muốn giết người bao giờ. Vả người ta đã hàng mà lại còn giết thì không hay. Nếu mình muốn thỏa cơn giận một lúc, mà chịu cái tiếng muôn đời giết kẻ hàng, thì sao bằng để cho muôn vạn con người sống mà khỏi được cái mối tranh chiến về đời sau, lại để tiếng thơm lưu truyền thiên cổ trong sử xanh”.

Vương không giết người Minh lại cấp cho thủy quân 500 chiếc thuyền giao cho Phương Chính và Mã Kỳ quản lĩnh; cấp lương thảo cho lục quân giao cho Sơn Thọ, Hoàng Phúc quản lĩnh; còn 2 vạn người đã ra hàng và đã bị bắt thì giao cho Mã Anh quản lĩnh đem về Tàu. Vương Thông thì lĩnh bộ binh đi sau. Bình Định Vương tiễn biệt rất hậu.

Giặc Minh lục tục về Bắc, bấy giờ mới thật là: *Nam quốc sơn hà, Nam đế cư*; nước Nam lại được tự chủ như cũ.



## 22. Tờ Bình Ngô đại cáo

Bình Định Vương dẹp xong giặc Minh rồi, sai ông Nguyễn Trãi làm tờ bá cáo cho thiên hạ biết.

Tờ *Bình Ngô đại cáo* 平吳大誥 này làm bằng Hán văn, là một bản văn chương rất có giá trị trong đời Lê. Nay theo nguyên văn ở trong tập *Hoàng Việt văn tuyển* mà chép ra như sau này:

平吳大誥

蓋聞： 仁義之舉，要在安民，弔伐之師，莫先去暴。惟，我大越之國，實為文獻之邦。山川之封域既殊，南北之風俗亦異。自趙丁李陳之肇造我國，與漢唐宋元而各帝一方。雖疆弱時有不同，而豪傑世未嘗乏。

故劉龔貧功以取敗，而趙離好大以促亡。唆都既擒於鹹子關，烏馬又殪於白藤海。稽諸往古，厥有明微。

頃因胡政之煩苛，致使人心之怨叛。狂明伺隙，因以毒我民。黨惡懷奸，竟以賣我國。炊蒼生於虐焰，陷赤子於禍坑。欺天罔民，詭計蓋千萬狀。連兵結讐，稔惡殆二十年。敗義傷仁，乾坤幾欲息。重科厚歛，山澤靡有孑遺。開金場，則冒嵐瘴而斧山陶沙。採明珠，則觸蛟龍而縲腰余海。擾民設玄鹿之陷阱。殄物織翠禽之綱羅。昆蟲草木皆不得以遂其生。鰥寡顛連俱不獲以安其所。浚生民之血，以潤桀黠之吻牙。極土木之功，以崇公私之廨宇。州里之征徭重困，閭閻之杼柚皆空。

決東海之水，不足以濯其污。罄南山之竹，不足以書其惡。神民之所共憤，天地之所不容。

予奮跡藍山，棲身荒野。念世讎豈可共戴。誓逆賊難與俱生。痛心疾首者垂十餘年，嘗膽臥薪者蓋非一日。發憤忘食，每研究覃韜略之書。即古驗今，細推究興亡之理。圖回之志，寤寐不忘。當義旗初起之時，正賊勢方張之日。

柰以人材秋葉，俊傑晨星。奔走前後者既乏其人，謀謨帷幄者又寡其助。特以救民之念，每鬱鬱而欲東。故於待賢之車，常



汲汲以虛左。然其得人之效，惹若望洋。由己之誠，甚於拯溺。憤兇徒之未滅，念國步之遭屯。靈山之食盡兼旬。瑰縣之眾無一旅。蓋天欲困我以降厥任，故予益勵志以濟於難。揭竿爲旗，氓隸之徒四集。投醪饗士，父子之兵一心。以弱制彊，或攻人之不備。以寡敵眾，常設伏以出奇。

卒能以大義而勝兇殘，以至仁而易彊暴。蒲藤之霆驅電掣，茶麟之竹破灰飛。

士氣以之益增，軍聲以之大振。陳智山壽，聞風而褫魄。李安方政，假息以偷生。乘勝長驅，西京既為我有。選鋒進取，東都盡復舊疆。寧橋之血成川，流腥萬里。宰洞之屍積野，遺臭千年。陳洽賊之腹心，既梟其首。李亮賊之奸蠹，又暴厥屍。王通理亂而焚者益焚。馬瑛救鬥而怒者益怒。彼智窮而力盡，束手待亡。我謀伐而心攻，不戰自屈。謂彼必易心而改慮，豈意復作孽以速辜。執一己之見，以嫁禍於他人。貪一時之功，以貽笑於天下。遂令宣德之狡童，黷兵無厭。仍命晟昇之懦將，以油救焚。丁未九月，柳昇遂引兵由邱溫而進。本年本月，沐晟亦分途自雲南而來。予前既選兵塞險以摧其鋒。予後再調兵截路以斷其食。本月十八日，柳昇為我軍所攻，計墮於支稜之野。本月二十日，柳昇為我軍所敗，身死於馬鞍之山。二十五日，保定伯梁銘陣陷而喪軀。二十八日，尚書李慶計窮而刎首。

我遂迎刃而解，彼自倒戈相攻。繼而四面添兵以包圍，期以十月中旬而殄滅。爰選貔貅之士，申命爪牙之臣。飲象而河水乾，磨刀而山石缺。一鼓而鯨剝鱣斷，再鼓而鳥散麋驚。決潰蟻於崩堤，振剛風於槁葉。都督崔聚膝行而送款，尚書黃福面縛以就擒，僵屍塞諒江諒山之途，戰血赤昌江平灘之水。風雲為之變色，日月慘以無光。

其雲南兵為我軍所扼於梨花，自恫疑虛喝而先已破膽。其沐晟眾聞昇軍大敗於芹站，遂躡藉奔潰而僅得脫身。冷溝之血杵漂，江水為之嗚咽。丹舍之屍山積，野草為之殷紅。兩路救兵，既不旋踵而俱敗。各城窮寇，亦將解甲以出降。賊首成擒，彼既悼餓虎乞憐之尾。神武不殺，予亦體上帝好生之心。參將方政，



內官馬騏，先給艦五百餘艘，既渡海而猶且魂飛魄散。總兵王通，參致馬瑛，又給馬數千餘匹，已還國而益自股慄心驚。彼既畏死貪生，而修好有誠。

予以全軍為上，而欲民得息。非惟計謀之極其深遠，蓋亦古今所未見聞。社稷以之奠安，山川以之改觀。乾坤既否而復泰，日月既晦而復明。予以開萬世太平之基，予以雪千古無窮之恥。是由天地祖宗之靈，有以默相陰佑，而致然也。於戲，一戎大定，迄成無競之功。四海永清，誕布維新之誥。播告遐邇，咸使聞知。

### ***Phiên âm<sup>(1)</sup>:***

#### **BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO**

*Cái văn: Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân; điều phạt chi sư, mạc tiên khử bạo. Duy ngã Đại Việt chi quốc, thực vì văn hiến chi bang. Sơn xuyên chi phong vực ký thù, Nam Bắc chi phong tục diệc dị. Tự Triệu Đình Lý Trần chi triệu tạo ngã quốc, dữ Hán Đường Tống Nguyên nhi các đế nhất phương. Tuy cường nhược thì hữu bất đồng, nhi hào kiệt thế vị thường pháp.*

*Cố Lưu Cung tham công dĩ thủ bại, nhi Triệu Tiết hiếu đại dĩ xúc vong. Toa Đô ký cầm ư Hàm Tử quan, Ô Mã hựu ế ư Bạch Đằng hải. Kê chư vãng cổ, quyết hữu minh trưng.*

*Khoảnh nhân Hồ chính chi phiên hà, trí sử nhân tâm chi oán bạn. Cuồng Minh tứ khích, nhân dĩ độc ngã dân; ngụy đảng hoài gian, cánh dĩ mãi ngã quốc. Hân thương sinh ư ngược diễm, hãm xích tử ư họa khanh. Khi thiên vông dân, quý kế cái thiên vạn trạng; liên binh kết hán, nắm ác đãi nhị thập niên. Bại nghĩa thương nhân, kiên khôn ky hồ dục tức; trọng khoa hậu liễm, sơn trạch mỹ hữu kiết di. Khai kim trường, tắc mạo lam chướng nhi phủ sơn đào sa; thái minh châu, tắc xúc*

(1) Sách gốc chỉ có nguyên văn chữ Hán và phân dịch nghĩa bài *Bình Ngô đại cáo*, trong bản in lần này, chúng tôi bổ sung thêm phần phiên âm của bài cáo, để độc giả tiện theo dõi [BT].

giao long nhi hoàn yêu thộn hải. Nhiều dân thiết huyền lộc chi hãm tịnh, điển vật chúc thúy cầm chi vông la. Côn trùng thảo mộc giai bất đắc dĩ toại kỳ sinh, quan quả diên liên câu bất hoạch dĩ an kỳ sở. Tuấn sinh dân chi huyết, dĩ nhuận kiệt hiệt chi văn nha; cực thổ mộc chi công, dĩ sùng công tư chi giải vũ. Châu lý chi chinh dao trọng khốn, lư diêm chi trử trực giai không. Quyết Đông Hải chi thủy, bất túc dĩ trạc kỳ ô; khánh Nam Sơn chi trúc, bất túc dĩ thư kỳ ác. Thân nhân chi sở cộng phần, thiên địa chi sở bất dung.

Dư phần tích Lam Sơn, thê thân hoang dã. Niệm thế thù khởi khả cộng đãi, thế nghịch tặc nan dĩ câu sinh. Thống tâm tạt thủ giả thủy thập dư niên, thường đảm ngọa tân giả cái phi nhất nhật. Phát phần vong thực, mỗi nghiên đàm thao lược chi thư; tức cố nghiệm kim, tế suy cứu hưng vong chi lý. Đồ hồi chi chí, ngộ my bất vong. Đương nghĩa kỳ sơ khởi chi thì, chính tặc thế phương trượng chi nhật.

Nại dĩ nhân tài thu diệt, tuấn kiệt thân tinh. Bôn tẩu tiên hậu giả ký pháp kỳ nhân, mưu mô duy ác giả hựu quả kỳ trợ. Đặc dĩ cứu dân chi niệm, mỗi uất uất nhi dục đông; cố ư đãi hiền chi xa, thường cấp cấp dĩ hư tả. Nhiên kỳ đắc nhân chi hiệu, mang nhược vọng dương; do kỷ chi thành, thậm ư chứng nịch. Phần hung đồ chi vị diệt niệm quốc bộ chi tao truân. Linh Sơn chi thực tận kiêm tuần, Khôi Huyện chi chúng vô nhất lữ. Cái thiên dục khốn ngã dĩ giáng quyết nhâm, cố dư ích lệ chi dĩ tế vu nạn. Yết can vi kỳ, manh lệ chi đồ tứ tập; đầu giao hưởng sĩ, phụ tử chi bình nhất tâm. Dĩ nhược chế cường, hoặc công nhân chi bất bị; dĩ quả địch chúng, thường thiết phục dĩ xuất kỳ.

Tốt năng dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi địch cường bạo. Bồ Đằng chi đình khu điện xiết, Trà Lân chi trúc phá khôi phi. Sĩ khí dĩ chi ích tăng, quân thanh dĩ chi đại chấn. Trần Trí, Sơn Thọ, văn phong nhi trử phách; Lý An, Phương Chính, dã túc dĩ thâu sinh. Thừa thắng trường khu, Tây Kinh ký vi ngã hữu; tuyển phong tiến thủ, Đông Đô tận





phục cựu cương. Ninh Kiều chi huyết thành xuyên, lưu tình vạn lý; Tuy Động chi thi tích dã, di xú thiên niên. Trần Hiệp tặc chi phúc tâm, ký kiều kỳ thủ; Lý Lượng tặc chi gian đồ, hựu bộc quyết thi. Vương Thông lý loạn nhi phân giả ích phân, Mã Anh cứu đấu nhi nộ giả ích nộ. Bĩ tri cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong; ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất. Vị bĩ tất dịch tâm nhi cải lự, khởi ý phục tác nghiệt dĩ tốc cô. Chấp nhất kỷ chi kiến, dĩ giá họa ư tha nhân; tham nhất thì chi công, dĩ di tiếu ư thiên hạ. Toại lệnh Tuyên Đức chi giáo đồng, độc binh vô yếm; nhưng mệnh Thạnh Thăng chi nhụ tướng, dĩ du cứu phân. Đinh Mùi cứu nguyệt, Liễu Thăng toại dẫn binh do Khâu Ôn nhi tiến; bản niên bản nguyệt, Mộc Thạnh diệp phân đồ tự Vân Nam nhi lai. Dư tiền ký tuyển binh tắc hiểm dĩ tồi kỳ phong, dư hậu tái điều binh tiết lộ dĩ đoạn kỳ thực. Bản nguyệt thập bát nhật, Liễu Thăng vi ngã quân sở công, kế dọa ư Chi Lăng chi dã; bản nguyệt nhị thập nhật, Liễu Thăng vi ngã quân sở bại, thân tử ư Mã Yên chi sơn. Nhị thập ngũ nhật, Bảo Định bá Lương Minh trận hãm nhi táng khu; nhị thập bát nhật, thượng thư Lý Khánh kế cùng nhi vẫn thủ.

Ngã toại nghinh nhận nhi giải, bĩ tự đảo qua tương công. Kế nhi tứ diện thêm binh dĩ bao vi, kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi diễn diệt. Viên tuyển tỳ hưu chi sĩ, thân mệnh trảo nha chi thần. Ấm tượng nhi hà thủy can, ma đao nhi sơn thạch khuyết. Nhất cổ khi kinh khô ngạc đoạn, tái cổ nhi điều tán quân kinh. Quyết hội nghị ư băng đê, chấn cương phong ư cảo điệp. Đô đốc Thôi Tự tất hàng nhi tống khoản, Thượng thư Hoàng Phúc diện phục dĩ tỵ cầm. Cương thi tắc Lạng Giang, Lạng Sơn chi đồ; chiến huyết xích Xương Giang, Bình Than chi thủy. Phong vân vị chi biến sắc, nhật nguyệt thảm dĩ vô quang.

Kỳ Vân Nam binh vi ngã quân sở ách ư Lê Hoa, tự đồng nghị hư hát nhi tiên dĩ phá đảm. Kỳ Mộc Thạch chúng văn Thăng quân đại bại ư Cần Trạm, toại lện tạ bôn hội nhi cận đắc thoát thân. Lãnh Câu chi huyết xử phiêu, giang thủy vị chi ô yết; Đan Xá chi thi sơn tích, dã thảo vị chi ân hồng. Lương



*lộ cứu binh, ký bất tuyên chủng nhi câu bại; các thành cùng khẩu, diệc tương giải giáp dĩ xuất hàng. Tặc thủ thành cầm, bĩ ký diệu ngạ hồ khát liên chi vĩ; thân vũ bất sát, dư diệc thể Thượng đế hiếu sinh chi tâm. Tham tướng Phương Chính, nội quan Mã Kỳ, tiên cấp hạm ngũ bách dư sữu, ký độ hải nhi do thả hồn phi phách tán. Tổng binh Vương Thông, Tham chính Mã Anh, hựu cấp mã sở thiên dư thất, dĩ hoàn quốc nhi ích tự cổ lật tâm kinh. Bĩ ký úy tử tham sinh, nhi tu hiếu hữu thành; dư dĩ toàn quân vi thượng, nhi dục dân đắc tức.*

*Phi duy kế mưu chi cực kỳ thâm viễn, cái diệc cổ kim chi sở vị kiến văn. Xã tắc dĩ chi điện an, sơn xuyên dĩ chi cải quán. Kiên khôn ký bĩ nhi phục thái, nhật nguyệt ký hồi nhi phục minh. Vu dĩ khai vạn thể thái bình chi cơ, vu dĩ tuyết thiên cổ vô cùng chi sỉ. Thị do thiên địa tổ tông chi linh, hữu dĩ mặc tương âm hựu, nhi trí nhiên dã.*

*Ô hô! Nhất nhưng đại định, ngật thành vô cạnh chi công; tứ hải vĩnh thanh, dẫn bố duy tân chi cáo. Bá cáo hà nhĩ, hàm sử văn tri.*

### ***Dịch nghĩa:***

*Tượng mảng:*

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, quân điều phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước, vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nên độc lập; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có.*

*Vậy nên:*

*Lưu Cung sợ uy mất vía, Triệu Tiết nghe tiếng giật mình. Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô, sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã. Xét xem cổ tích, đã có minh chứng<sup>(1)</sup>.*

---

(1) *Minh chứng*: Chứng cứ rõ ràng.

Vừa rồi:

Vì họ Hồ chính sự phiến hà, để trong nước nhân dân oán bạn. Quân cuồng Minh đã thừa cơ tứ ngược<sup>(1)</sup>, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khoe, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa, nát cả càn khôn, nặng khoa liễm<sup>(2)</sup> vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim sả. Tàn hại cả côn trùng thảo mộc; neho nhóc thay quan quả diên liên<sup>(3)</sup>. Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng nề về những nỗi phu phen, bắt bó mất cả nghề canh cửi. Độc ác thay! Trúc rừng không ghi hết tội. Dơ bẩn thay! Nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thân nhân nhịn được.

Ta đây:

Núi Lam Sơn dấy nghĩa, chốn hoang dã nương mình. Ngắm non sông cảm nỗi thế thù, thế sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh; ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trăn trọc trong cơn mộng mị, chỉ băn khoăn một nỗi đồ hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang mạnh.

Lại ngặt vì:

Tuấn kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đần, nơi duy ác hiểm người bàn bạc. Đòi phen vùng vẫy, vẫn dăm dăm con mắt dục Đông<sup>(4)</sup>; mấy thửa

(1) *Tứ ngược*: Hết sức tàn ngược.

(2) *Khoa liễm*: Thuế má.

(3) *Quan*: Người không vợ; *quả*: người góa chồng; *diên liên*: những kẻ không có nhà ở, không trông cậy vào đâu được.

(4) *Dục Đông*: Ý nói muốn về lấy Đông Đô.

đợi chờ, luống đàng đẵng cỗ xe hư tá<sup>(1)</sup>. Thế mà trông người, người càng vắng ngắt, vẫn mịt mờ như kẻ vọng dương<sup>(2)</sup>; thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội vã như khi chứng nịch<sup>(3)</sup>. Phần thì giận hung đồ ngang dọc, phần thì lo quốc bộ khó khăn. Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần; khi Khôi Huyện quân không một lữ. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma; cho nên ta cố gắng gan bên, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy, ngọn cờ phát phối, ngóng vãn nghe bốn cõi đàn hô. Mở tiệc quân, chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi; quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Dem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo. Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà Lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan; Phương Chính, Lý An tìm đường trốn tránh. Đánh Tây Kinh phá tan thế giặc, lấy Đông Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh Kiều máu chảy thành sông; bên Tụy Động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng, Lý Lương lại phơi thây. Vương Thông hết cấp lo lường, Mã Anh khôn đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó phải thay lòng đổi dạ, hiểu lẽ tới lui; ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệt. Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người; tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dơ dối. Đến nỗi đưa trẻ ranh như Tuyên Đức<sup>(4)</sup>, nhảm vô không thôi; lại sai đồ nhút nhát như Thạnh, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm Đinh Mùi tháng chín, Liễu Thăng từ Khâu Ôn tiến sang; lại năm nay tháng mười, Mộc Thạnh tự Vân Nam

(1) Hư tá: Cỗ xe để trống bên trái, dành đợi người hiền.

(2) Vọng dương: Trông ra biển không thấy gì.

(3) Chứng nịch: Vớt người chết đuối.

(4) Vua Tuyên Tông nhà Minh, niên hiệu Tuyên Đức.



kéo đến. Ta đã điều binh giữ hiểm để ngăn lối Bắc quân; ta lại sai tướng chẹn ngang để tuyệt đường lương đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở Chi Lăng, hai mươi, Liễu Thăng chết ở Mã Yên. Hai mươi lăm, Lương Minh trận vong; hai mươi tám, Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn giáo giặc phải lùi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành, hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ tốt ra oai tì hổ, thần thú đủ mặt trảo nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kình ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông. Cơn gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi Tụ phải quỳ mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lạng Giang, Lạng Sơn thấy chất đầy đường, Xương Giang, Bình Than máu trôi đỏ nước. Góm ghê thay, sắc phong vân cũng đổi; thảm đạm thay, sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân Nam nghẽn ở Lê Hoa, sợ mà mất mật; quân Mộc Thạnh tan chân Cần Trạm, chạy để thoát thân. Suối máu Lãn Cầu, nước sông rền rĩ; thành xương Đan Xá, cỏ nội đầm đìa. Hai mặt cứu binh, cấm đầu trốn chạy; các thành cùng khấu, cối giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vấy đuôi phục tội; thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực. Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đỏ mồ hôi. Nó đã sợ chết cầu hòa, ngổ lòng thú phục; ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi.

Thế mới là mưu kế thật khôn, vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang san từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững nền. Nhật nguyệt hối mà lại minh, càn khôn bĩ mà lại thái. Nền vạn thế xây nên chẵn chẵn, then nghìn thu rửa sạch lau lau. Thế là nhờ trời đất tổ tông khôn thiêng che chở, giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi!

Vậy vùng một mảng nhưng y nên công đại định, phẳng lặng bốn bề thái vũ mở hội vĩnh thanh. Bá cáo xa gần, ngỏ cùng nghe biết.



## CHƯƠNG XV

### **NHÀ LÊ**

黎氏

(1428 - 1788)

**THỜI KỲ THỐNG NHẤT (1428 - 1527)**



#### **I. LÊ THÁI TỔ**

1. Bình Định Vương lên ngôi tôn - 2. Việc học hành - 3. Luật lệ -
4. Việc cai trị - 5. Phép quân điền - 6. Việc binh lính -
7. Công thần bị giết

#### **II. LÊ THÁI TÔNG**

#### **III. LÊ NHÂN TÔNG**

#### **IV. LÊ THÁNH TÔNG**

1. Cai trị - 2. Việc thuế lệ - 3. Việc canh nông - 4. Nhà Tế sinh -
5. Việc sửa phong tục - 6. Địa đồ nước Nam - 7. Đại Việt sử ký -
8. Việc văn học - 9. Việc võ bị - 10. Đánh Chiêm Thành -
11. Đánh Lão Qua - 12. Đánh Bồn Man - 13. Việc giao thiệp với Tàu

#### **V. LÊ HIẾN TÔNG**

#### **VI. LÊ TÚC TÔNG VÀ LÊ UY MỤC**

#### **VII. LÊ TƯƠNG DỤC**

1. Việc thuế má - 2. Đại Việt thông giám - 3. Sự biến loạn

#### **VIII. LÊ CHIÊU HOÀNG VÀ LÊ CUNG HOÀNG**

1. Giặc Trần Cao quấy nhiễu ở Đông Đô -
2. Quan trong triều làm loạn - 3. Mạc Đăng Dung chuyên quyền

## I. LÊ THÁI TỔ (1428 - 1433)

*Niên hiệu:* Thuận Thiên 順天

### 1. Bình Định Vương lên ngôi tôn

Bình Định Vương là Lê Lợi 黎利 có công dẹp giặc Minh, đem lại giang sơn cho nước nhà. Nhưng vì trước phải lấy cớ lập con cháu nhà Trần để cầu hòa với nhà Minh, cho nên phải tôn Trần Cao 陳高 lên làm vua. Nay việc chiến tranh đã xong, lòng người theo về Bình Định Vương, mà Trần Cao cũng biết chừng không ai để cho mình ở yên, bèn trốn vào châu Ngọc Ma (thuộc phủ Trấn Ninh) nhưng bị quan quân đuổi bắt được, đem về bắt phải uống thuốc độc mà chết.

Trần Cao chết rồi, Bình Định Vương lên ngôi tức là vua Thái Tổ 太祖 nhà Lê 黎, đặt quốc hiệu là Đại Việt 大越. Năm ấy là năm Mậu Thân, lịch Tây là năm 1428.

Vua Thái Tổ sai sứ sang cầu phong bên Tàu, nhưng mà nhà Minh không chịu, bắt phải tìm con cháu nhà Trần để lập lên làm vua. Sứ nhà Minh đi về hai ba lần, sau vua Thái Tổ bắt các quan viên và phụ lão trong nước làm tờ khai rằng con cháu nhà Trần thật không còn ai nữa, và xin phong cho ngài là Lê Lợi làm vua nước Nam. Vua nhà Minh thấy vậy mới thuận phong vương cho ngài.

Từ đấy lệ cứ 3 năm phải sang cống nhà Minh một lần, mà lần nào cũng phải đúc hai người bằng vàng gọi là: “*đại thân kim nhân*” 代身金人. Có lẽ là lúc đánh trận Chi Lăng có giết mất tướng nhà Minh là Liễu Thăng 柳升 và Lương Minh 梁銘, cho nên phải đúc hai người bằng vàng thế mạng.

Việc cầu phong và việc chịu cống nước Tàu là việc thế bất đắc dĩ, vì rằng nước ta đối với nước Tàu thì lớn nhỏ khác nhau



nhiều lắm; vả lại nước ta một mình lẻ loi ở phía Nam không có vây cánh nào cả, như vậy, nếu mà cứ kháng cự, không chịu kém một tí, thì không bao giờ yên được. Mà dầu bề ngoài mình chịu kém nước Tàu, nhưng kỳ thực bề trong vẫn tự chủ, chứ người Tàu không xâm phạm gì đến việc nước mình. Thế cũng là một sự giao thiệp khôn khéo, làm cho nước được yên trị.

Vua Thái Tổ lên ngôi rồi, phong thưởng cho các công thần: bên văn thì ông Nguyễn Trãi 阮廌 đứng đầu, bên võ thì ông Lê Văn 黎問 đứng đầu, cả thảy là 227 người đều được quốc tính cả. Ngài lại phong cho ông Nguyễn Trãi là Quan phục hầu 冠服侯, ông Trần Nguyên Hãn làm Tả tướng quốc, ông Phạm Văn Xảo 范文巧 làm Thái úy.

Những người công thần vào bậc thứ nhất thì được thưởng tước là *Thượng trí tự* 上智字, bậc thứ nhì thì được tước là *Đại trí tự* 大智字, bậc thứ ba thì được tước là *Trí tự* 智字.

## 2. Việc học hành

Vua Thái Tổ sửa sang việc học hành, đặt trường Quốc Tử Giám ở đất kinh đô để cho con cháu các quan viên và những người thường dân tuần tú vào học tập; mở nhà học và đặt thầy dạy Nho học ở các phủ và các lộ. Rồi lại bắt các quan văn võ từ tứ phẩm trở xuống phải vào thi *Minh kinh khoa* 明經科, nghĩa là quan văn thì phải thi kinh sử, quan võ thì phải thi vũ kinh. Ở các lộ cũng mở khoa thi *Minh kinh* để cho những người ẩn dật ra ứng thí mà chọn lấy nhân tài.

Những người đi tu đạo Phật, đạo Lão cũng bắt phải thi kinh điển những đạo ấy; hễ ai thi trúng thì mới cho phép được làm tăng và đạo sĩ, ai thi hỏng thì phải về tục làm ăn.

## 3. Luật lệ

Đặt ra luật lệ mới theo như hình luật nhà Đường: có tội xuy, tội trượng, tội đồ, tội lưu và tội tử.





Tội xuy chia ra làm 5 bậc từ 10 roi đến 50 roi; tội trượng cũng chia ra làm 5 bậc, từ 60 đến 100 trượng; tội đồ chia ra làm 3 bậc: đồ làm dịch đình, đồ làm lính chuồng voi và đồ làm lính đồn điền; tội lưu chia ra làm 3 bậc: lưu đi cận châu, lưu đi viễn châu và lưu đi ngoại châu<sup>(1)</sup>; tội tử cũng chia ra làm 3 bậc: tội thắt cổ và chém, tội chém bêu đầu và tội lăng trì.

Hễ ai được vào hạng bát nghị<sup>(2)</sup> thì trước phải tâu xin nghị, khi nào nghị xong rồi lại phải tâu để vua xét lại. Những người cựa thân có công từ ngũ phẩm dĩ thượng, có ai phạm tội đồ hay là tội lưu thì cũng tha cả; con cháu những người được *ng nghị công* mà có tội, thì cứ theo cái thứ bậc tập ấm của ông cha mà giảm cho. Những quan viên, quân dân ai có lầm lỗi, nhờ ra phạm đến tội lưu trở xuống thì được cho chuộc. Những người 70 tuổi trở lên, 15 tuổi trở xuống hay là có phế tật mà phạm tội lưu trở xuống, thì cũng được cho chuộc. Những người 80 tuổi trở lên, 10 tuổi trở xuống hay là đốc tật, thì cứ thứ tự giảm bớt cho. Những người phạm tội giết hay là phạm tội ăn trộm, ăn cắp của người ta mà tự mình ra thú nhận trước, thì được lượng tội mà giảm cho ít nhiều.

Trong nước bấy giờ có nhiều người du đảng cứ rượu chè cờ bạc, không chịu làm ăn tử tế, vậy nên đặt ra phép nghiêm để trừng trị: ai đánh đổ bác<sup>(3)</sup> bắt được phải chặt ngón tay mất ba phân; đánh cờ, bắt được phải chặt ngón tay mất một phân; không có việc gì quần tụ nhau để rượu chè, phải đánh 100 trượng, người dung chứa những kẻ ấy cũng phải tội, nhưng mà được giảm đi một bậc.

(1) Lưu đi cận châu là vào Nghệ An, đi viễn châu là vào Bố Chính, đi ngoại châu là vào Tân Bình.

(2) *Bát nghị* 八議 là: *Ng nghị thân* 議親, *ng nghị cổ* 議故, *ng nghị hiền* 議賢, *ng nghị năng* 議能, *ng nghị công* 議功, *ng nghị quý* 議貴, *ng nghị cần* 議勤, *ng nghị tân* 議賓. Xem ở sách *Chu lễ* thì biết rõ.

(3) *Đổ bác*: cờ bạc [BT].



Sự nghiêm phạt như thế, thì có thái quá thật, vì là làm tàn hại đến thân thể người ta, nhưng mà cũng có công hiệu, khiến cho trong nước bớt có thứ người cả đời không chịu làm gì, chỉ đi đánh lừa người mà kiếm ăn.

#### 4. Việc cai trị

Khi vua Thái Tổ mới ở Nghệ An ra Đông Đô, thì đã chia nước ra làm bốn đạo, nay lại đặt thêm một đạo nữa gọi là Hải Tây đạo, gồm cả Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình và Thuận Hóa.

Trong các đạo, đạo nào cũng có quan Hành khiển 行遣 để giữ sổ sách về việc quân dân. Còn như các xã thôn thì cứ xã nào hơn 100 người trở lên, gọi là đại xã, đặt ba người xã quan; xã nào có 50 người trở lên, gọi là trung xã, đặt hai xã quan; xã nào có 10 người trở lên gọi là tiểu xã, đặt một người xã quan để coi việc trong xã.

#### 5. Phép quân điền

Bấy giờ thường những người không có công lao gì với nhà nước thì lắm ruộng nhiều nương, mà những kẻ phải đánh đông dẹp bắc lao lung khổ sở, lúc về một tác đất không có. Vì thế cho nên vua Thái Tổ định ra *phép quân điền* 均田 để lấy công điền, công thổ mà chia cho mọi người, từ quan đại thần cho đến những người già yếu cô quả, ai cũng có một phần ruộng, khiến cho sự giàu nghèo ở trong nước khỏi chênh lệch lắm.

#### 6. Việc binh lính

Khi giặc Minh hãy còn ở nước Nam, thì phải cần có nhiều quân binh, cho nên lúc quân An Nam ta mới ra Đông Đô, cả thảy được 25 vạn, sau lấy được Đông Đô rồi cho 15 vạn về làm ăn, chỉ để lại 10 vạn để phòng vệ mà thôi, nay lại chia quân ra làm 5 phiên, một phiên ở lại lưu ban còn bốn phiên cho về làm ruộng, cứ lần lượt thay đổi nhau mà về.



## 7. Công thần bị giết

Vua Thái Tổ vẫn là một ông vua anh tài, đánh đuổi được giặc Minh, mà lại sửa sang được nhiều công việc ích lợi cho nước, nhưng khi ngài lên làm vua rồi, có tính hay nghi ngờ, chém giết những người công thần như ông Trần Nguyên Hãn 陳元扞 và ông Phạm Văn Xảo 范文巧. Hai ông ấy giúp ngài đã có công to, về sau chỉ vì sự gièm pha mà đều phải chết oan cả.

Nghĩ mà buồn thay cho mấy người công thần đời xưa, chỉ lầm về hai chữ công danh, mà đem tấm lòng son sắt đi phù tá quân vương trong lúc nguy nan, mong được chút hiển vinh để cho thỏa cái chí trượng phu ở đời. Ngờ đâu: chim bay đã hết, cung tốt cất đi, thỏ nhanh chết rồi, chó săn phải giết; đến khi công việc xong rồi, thì không những là một thân mình cũng không được trọn vẹn mà cả họ hàng thường cũng phải vạ lây. Thế mới biết chỉ có ông Trương Tử Phòng 張子房 nhà Hán là người kiến cơ hơn cả!

Vua Thái Tổ làm vua được 6 năm thì mất, thọ được 49 tuổi.

## II. LÊ THÁI TÔNG (1434 - 1442)

*Niên hiệu:* Thiệu Bình 紹平 (1434 - 1439)

*Đại Bảo* 大寶 (1440 - 1442)

Khi vua Thái Tông 太宗 lên làm vua thì ngài mới có 11 tuổi, cho nên công việc gì cũng ở quan Phụ chính là Lê Sát 黎察 quyết định hết cả.

Lê Sát là một người ít học nhưng vì trước theo vua Thái Tổ lập được công to, quan làm đến Đại tư đồ 大司徒. Nay làm Phụ chính, thường hay cậy quyền, trái phép, làm nhiều điều kiêu hãnh, hễ triều thần ai là người không tòng phục thì tìm cách làm hại.

Vua Thái Tông tuy còn trẻ tuổi nhưng vốn có tính thông minh, làm vua được ít lâu thì ra thân chính lấy, rồi giết Lê Sát đi để thu lấy quyền. Song cũng vì ít tuổi mà lại không có người



phù tá, cho nên sau thành ra say đắm tử sắc làm lắm điều không được chính đính.

Đời Thái Tông làm vua thì trong nước phải mấy năm đại hạn, nước lụt và hoàng trùng làm hại mùa màng, dân phải đói khổ. Ở mạn Muồng Mán lại có đôi ba đám giặc nổi lên làm loạn, có khi vua phải thân chinh đi đánh, có khi chỉ sai quan đi tiêu trừ, cũng dẹp yên được. Còn việc giao thiệp với những nước lân bang, như Tiêm La (Thái Lan), Chiêm Thành, Ai Lao thì những nước ấy đều có sứ thần đi lại và thường có tiến cống cả.

Ở trong thì chỉnh đốn việc thi cử lại. Lệ cứ 5 năm một lần thi hương, 6 năm một lần thi hội. Phép thi thì kỳ đệ nhất làm một bài kinh nghĩa, bốn bài tứ thư nghĩa, mỗi bài phải 300 chữ trở lên; kỳ đệ nhị thì làm bài chiếu, bài chế và bài biểu; kỳ đệ tam làm bài thi phú; kỳ đệ tứ thì làm một bài văn sách phải 1.000 chữ trở lên.

Đến năm Nhâm Tuất (1442) mở khoa thi tiến sĩ, bao nhiêu những người thi đỗ đều được khắc tên vào bia đá để phấn chấn lòng người văn học. Các tiến sĩ được khắc tên vào bia ở Văn miếu khởi đầu từ đấy.

Những cách thức tiêu dùng tiền và lụa vải ở trong nước cũng định lại cả; cứ 60 đồng là một tiền; lụa thì cứ dài 30 thước, rộng 1 thước 5 tấc trở lên là một tấm, các thứ vải thì hoặc dài 24 thước, hoặc 22 thước là một tấm; giấy thì 100 tờ làm một tập.

Tháng bảy năm Nhâm Tuất (1442), Thái Tông đi duyệt binh ở huyện Chí Linh. Bấy giờ ông Nguyễn Trãi đã về trí sĩ ở trại Côn Sơn 崑山, thuộc huyện Chí Linh. Khi vua đi qua đó có vào thăm, và thấy người hầu ông ấy là Nguyễn Thị Lộ 阮氏路 có tài sắc, bèn bắt theo hầu. Đi đến huyện Gia Định (nay là huyện Gia Bình ở Bắc Ninh) thì vua mất. Triều đình đổ tội cho Nguyễn Thị Lộ giết vua, bắt ông Nguyễn Trãi làm tội và tru di cả ba họ<sup>(1)</sup>.

Vua Thái Tông làm vua được 9 năm, thọ được 20 tuổi.

---

(1) Việc vua Lê Thái Tông đột ngột qua đời đã dẫn đến vụ án Lê Chi Viên, một vụ án oan nổi tiếng đời Lê sơ, đến năm 1464, vua Lê Thánh Tông xuống chiếu rửa oan cho Nguyễn Trãi [BT].



### III. LÊ NHÂN TÔNG (1443 - 1459)

*Niên hiệu:* Đại Hòa 大和 (1443 - 1453)

Diên Ninh 延寧 (1454 - 1459)

Khi vua Thái Tông mất, Thái tử là Bang Cơ mới lên 2 tuổi. Các quan đại thần là bọn Lê Khả 黎可, Nguyễn Xí 阮熾, lập Thái tử lên làm vua, tức là Nhân Tông 仁宗, để bà Hoàng Thái hậu ra thính chính.

Trong mấy năm bà Thái hậu cầm quyền, thì có mấy việc quan trọng như là đặt ra 14 điều hộ luật về việc tư điền; đổi cách thi để lấy người làm lại, bỏ thi ám tả và thi kinh nghĩa, chỉ thi viết và thi tính mà thôi. Lại đào sông Bình Lỗ<sup>(1)</sup> ở tỉnh Thái Nguyên để cho tiện đường vận tải.

Còn ở ngoài, thì vua nước Chiêm Thành là Bí Cai 賁該 cứ hay sang cướp phá ở đất Hóa Châu. Triều đình đã mấy phen sai quan vào đánh đuổi, nhưng vẫn không chừa. Đến năm Bính Dần (1446) triều đình sai Lê Thụ 黎受, Lê Khả 黎可 đem quân sang đánh Chiêm Thành lấy được thành Đồ Bàn, bắt được Bí Cai và cả phi tần đem về để ở Đông Kinh, rồi lập người cháu vua Bồ Đề là Mã Kha Quy Lai lên làm vua.

Năm Mậu Thìn (1448) lại có xứ Bồn Man 盆蠻 xin nội thuộc nước ta, đặt làm châu Quy Hợp 歸合. Đất Bồn Man phía Đông Nam giáp tỉnh Nghệ An, tỉnh Quảng Bình, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hưng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tuy vậy, nhưng vì bà Thái hậu hay nghe những lời nói gièm, chém giết các quan cự thần như là Lê Khả 黎可, Lê Khắc Phục 黎克復, làm cho nhiều người không phục.

---

(1) *Khâm định Việt sử* nói rằng sông Bình Lỗ chảy từ Thái Nguyên về đến Phù Lỗ, thì có lẽ sông Bình Lỗ là sông Cà Lồ chăng?



Năm Quý Dậu (1453), Nhân Tông mới bắt đầu thân chính. Trước hết ngài truy tặng cho những người công thần và cấp ruộng quan điền cho con cháu các ông Lê Sát, Lê Ngân và Lê Khắc Phục.

Lại sai ông Phan Phù Tiên 潘孚先<sup>(1)</sup> làm bộ quốc sử kể từ vua Thái Tông nhà Trần cho đến khi thuộc nhà Minh, cả thấy là 10 quyển.

Trước các vương hầu và các quan văn võ đều cứ theo phẩm hàm của mình mà ăn lộc lấy thuế trong 50 hộ hay là 100 hộ. Nay Nhân Tông lại cho thêm tiền thuế bổng nữa.

Vua Nhân Tông có lẽ cũng nên được một ông vua hiền, nhưng chẳng may ngài có người anh là Lạng Sơn Vương Nghi Dân 宜民, trước đã làm Thái tử, sau vì người mẹ phải tội cho nên phải bỏ. Đến năm Kỷ Mão (1459), Nghi Dân đồng mưu với bọn Lê Đắc Ninh 黎得寧, Phạm Đôn 范屯, Phan Ban 潘般 và Trần Lăng 陳陵 nửa đêm trèo thành vào giết Nhân Tông và Hoàng Thái hậu, tự xưng làm vua, rồi cho sứ sang Tàu cầu phong.

Nhân Tông trị vì được 17 năm, thọ 19 tuổi.

#### IV. LÊ THÁNH TÔNG (1460 - 1497)

*Niên hiệu:* Quang Thuận 光順 (1460 - 1469)

Hồng Đức 洪德 (1470 - 1497)

Nghi Dân cướp ngôi vua được 8 tháng, nhưng vì tính hay nghe lời dùa nịnh, chém giết kẻ cựa thân, cho nên lòng người không ai phục, đến tháng sáu năm Canh Thìn (1460) các quan đại thần là bọn Nguyễn Xí 阮熾, Đinh Liệt 丁列 mưu chém Phạm Đôn 范屯 và Phan Ban 潘般 ở giữa Nghị sự đường, rồi đóng cửa thành lại vào bắt Nghi Dân giết đi, rước con thứ tư

---

(1) Cũng đọc là Phan Phù Tiên [BT].



vua Thái Tông là Bình Nguyên Vương Tư Thành 平元王思誠 lên làm vua, tức là vua Thánh Tông 聖宗.

Thánh Tông là một ông vua thông minh, thờ mẹ rất có hiếu, ở với bề tôi dài lấy lòng thành. Ngài trị vì được 38 năm, sửa sang được nhiều việc chính trị, mở mang sự học hành, chinh đồn các việc vũ bị, đánh dẹp nước Chiêm, nước Lào, mở thêm bờ cõi, khiến cho nước Nam ta bấy giờ được văn minh thêm ra và lại lừng lẫy một phương, kể từ xưa đến nay chưa bao giờ cường thịnh như vậy.

Thánh Tông lên ngôi rồi phong tước và cấp ruộng quan điền cho các công thần. Ngài lại truy tặng những người công thần bị giết oan ngày trước, và cho tìm con cháu ông Nguyễn Trãi về, cấp cho 100 mẫu ruộng để phụng thờ tổ tiên.

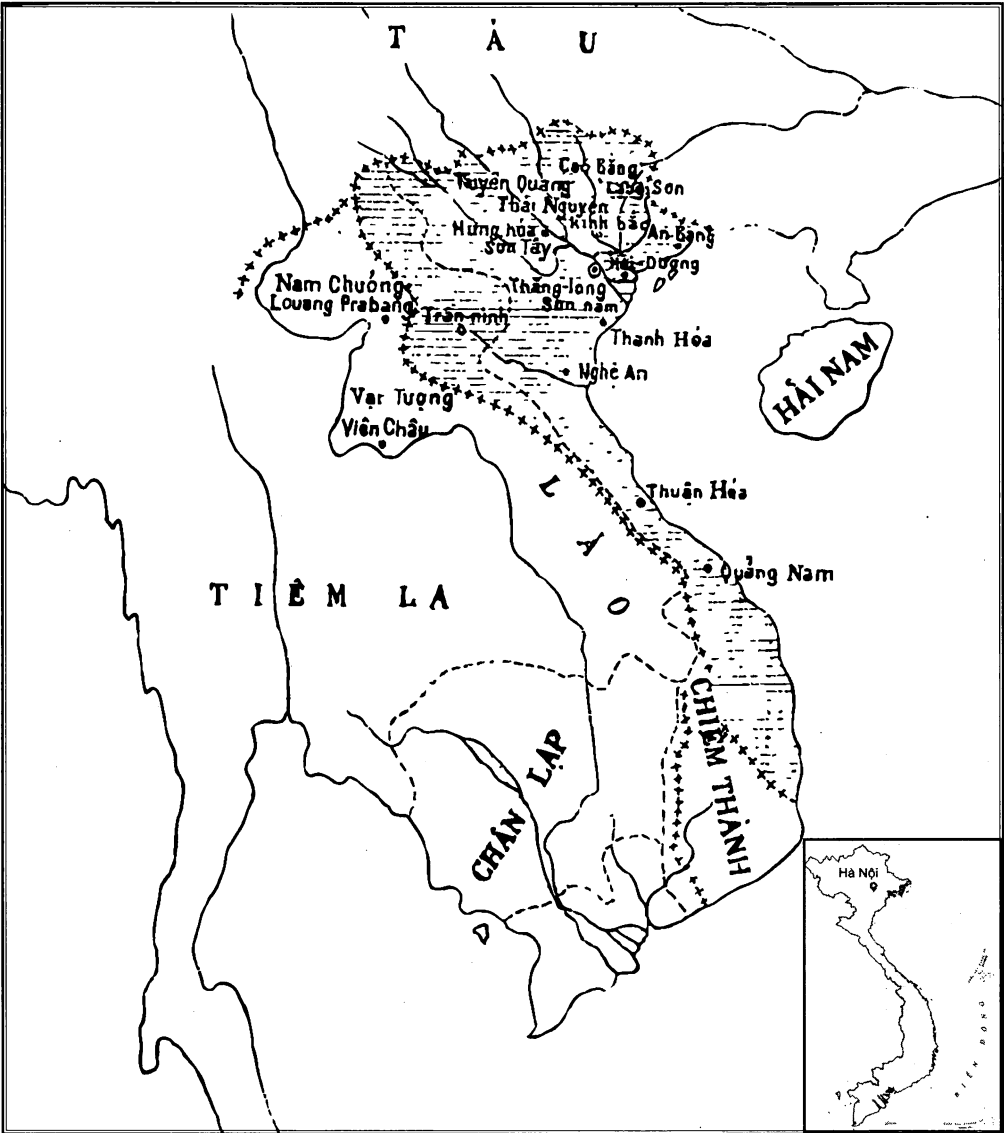
Những người mà được quốc tính, nay ngài cho phục tính lại để cho khỏi mất tên họ.

## 1. Việc cai trị

Từ trước đến giờ triều chính vẫn theo lối cũ của nhà Trần: trên thì có tả hữu Tướng quốc 相國, rồi đến Lễ bộ, Lại bộ, Nội các viện, Trung thư, Hoàng môn, và ba sở Môn Hạ, lại có ngũ đạo Hành khiển để coi sổ sách quân dân các đạo. Đến khi Nghi Dân cướp ngôi, đặt ra lục bộ và lục khoa. Lục bộ là: Lại bộ 吏部, Hộ bộ 戶部, Lễ bộ 禮部, Binh bộ 兵部, Công bộ 工部 và Hình bộ 刑部. Lục khoa là: Lại khoa 吏科, Lễ khoa 禮科, Binh khoa 兵科, Hình khoa 刑科, Hộ khoa 戶科 và Công khoa 工科.

Quan lục bộ thì có Thượng thư 尚書 làm đầu, rồi đến tả hữu Thị lang 侍郎, Lang trung 郎中, Viên ngoại lang 員外郎, Tư vụ 思務.

NƯỚC NAM VỀ ĐỜI VUA LÊ THÁNH TÔNG







Thánh Tông đặt thêm ra lục tự là: Đại lý tự 大理寺, Thái thường tự 太常寺, Quang lộc tự 光祿寺, Thái bộc tự 太僕寺, Hồng lô tự 鴻臚寺, Thượng bảo tự 尚寶寺. Quan lục tự thì có Tự khanh 寺卿, Thiếu khanh 少卿 và Tự thừa 寺承.

Ngài lại lập ra quan chế và lễ nghi theo như bên Tàu. Các quan văn võ có phần ruộng đất, lại được tiền tuế bổng. Nhưng ai mà làm điều gì những lạm, thì đều phải nghiêm trị.

Ngài lại định lệ trí sĩ, cho các quan nội ngoại: ai làm quan đến 65 tuổi thì được xin về trí sĩ, còn những người làm nha lại đến 60 tuổi cũng được xin về.

Trước vua Thái Tổ chia nước ra làm 5 đạo, có phủ, lộ, trấn, châu, huyện, xã. Đạo thì đặt quan Hành khiển 行遣, Tuyên phủ chánh phó sứ 宣撫正副使; phủ thì đặt Tri phủ 知府; lộ thì đặt An phủ sứ 安撫使; trấn thì đặt Trấn phủ sứ 鎮撫使; châu thì đặt Phòng ngự sứ 防禦使; huyện thì đặt Chuyển vận sứ 轉運使 và Tuần sát sứ 巡察使; xã thì đặt Xã quan 社官.

Thánh Tông chia nước ra làm 12 đạo là *Thanh Hóa, Nghệ An, Thuận Hóa, Thiên Trường, Nam Sách, Quốc Oai, Bắc Giang, An Bang, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Lạng Sơn*. Mỗi đạo có tòa Đô 都, tòa Thừa 承 và tòa Hiến 憲. Tòa Đô thì có chánh phó Đô tổng binh 都總兵, coi về việc binh; tòa Thừa thì có Thừa chính 承政 chánh phó sứ, coi về việc chính; tòa Hiến thì có Hiến sát 憲察 chánh phó sứ, coi về việc hình.

Lại đặt ra chức Giám sát Ngự sử 監察禦吏 để đi xem xét công việc ở các đạo cho khỏi sự những nhiễu.

Sau nhân có đất Quảng Nam mới lấy của Chiêm Thành lại đặt làm 13 xứ là *Thanh Hóa, Nghệ An, Sơn Nam* (trước là Thiên Trường), *Sơn Tây* (trước là Quốc Oai), *Kinh Bắc* (trước là Bắc Giang), *Hải Dương* (trước là Nam Sách), *Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hóa, Lạng Sơn, An Bang, Thuận Hóa, Quảng Nam*. Ở những xứ hiểm yếu như Nghệ An, Thuận Hóa, Tuyên

Quang, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Nam đều đặt chức Thủ ngự kinh lược sứ 守禦經略使 để phòng giữ. Trong 13 xứ ấy lại chia ra làm 52 phủ, 172 huyện và 50 châu. Còn ở dưới phủ huyện thì có *hương, phường, xã, thôn, trang, sách, động, nguyên, trưởng* cả thảy là 8.006.

## 2. Việc thuế lệ

Bấy giờ thuế đinh mỗi người đồng niên đóng 8 tiền; còn thuế ruộng, thuế đất và thuế đất bãi trồng dâu thì cứ kể mẫu mà đóng thuế, mà thứ đất nào cũng chia ra làm ba hạng.

Việc làm sổ hộ, thì cứ 6 năm một kỳ, quan phủ huyện phải dẫn các xã trưởng về kinh để khai sổ hộ khẩu ở các xã.

## 3. Việc canh nông

Vua Thánh Tông lấy sự nông tang làm trọng, cho nên ngài chú ý về việc ấy lắm. Thường thường ngài sắc cho phủ huyện phải hết sức khuyên bảo dân làm việc cày ruộng trồng dâu.

Đặt quan Hà đê và quan Khuyến nông để coi việc cày cấy trong nước. Bắt quan Hộ bộ và quan Thừa chính ở các xứ phải tâu cho ngài biết những đất bỏ hoang để bắt phủ huyện đốc dân phu khai khẩn làm ruộng.

Lập ra cả thảy 42 sở đồn điền, đặt quan để trông nom sự khai khẩn, khiến cho dân khỏi phải đói khổ.

## 4. Nhà Tế sinh

Vua Thánh Tông lại lo đến các chứng bệnh làm hại dân. Ngài lập nhà Tế sinh để nuôi những người đau yếu, và khi nào ở đâu có dịch tễ thì sai quan đem thuốc đi chữa bệnh.

## 5. Việc sửa phong tục

Dân ta bấy giờ sùng tín đạo Phật, hay làm đình làm chùa. Những lễ hôn và lễ tang thì làm những điều trái với lễ thường,



như là nhà nào có tang chế thì làm cỗ bàn ăn uống, rồi bày ra các trò hát xướng, làm một cuộc vui chơi. Lễ hôn thì ăn lễ hỏi rồi, để ba bốn năm mới cho rước dâu về nhà chồng.

Thánh Tông cấm không cho làm chùa mới, để tiền của và công phu mà làm việc có ích. Cấm những nhà có lễ tang không được bày cuộc hát xướng. Việc hôn thì khi đã nhận lễ hỏi rồi, phải chọn ngày cho rước dâu, và lệ cứ cưới rồi ngày hôm sau đi chào cha mẹ, ba ngày thì đi lễ từ đường.

Ngài lại đặt ra 24 điều, sức cho dân xã thường thường giảng đọc để giữ lấy thói tốt:

1. Cha mẹ dạy con phải có phép tắc, trai gái đều có nghề nghiệp, không được rượu chè cờ bạc, tập nghề hát xướng để hại phong tục.
2. Người gia trưởng tự mình phải giữ lễ phép để cho cả nhà bắt chước; nếu con em làm càn, thì bắt tội người gia trưởng.
3. Vợ chồng cần kiệm làm ăn, ân nghĩa trọn vẹn, duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội *thất xuất* 七出 thì mới được bỏ, chứ không được *khiên ái* 牽愛, *cầu dung* 苟容 làm hại đến phong hóa.
4. Làm kẻ tử đệ nên yêu mến anh em, hòa thuận với hương đảng, phải lấy lễ nghĩa mà cư xử; nếu trái phép thì người tôn trưởng đánh đập dạy bảo, có tội to thì phải đem nộp quan để trừng trị.
5. Ở chốn hương đảng tông tộc, có việc hoạn nạn thì phải giúp đỡ lẫn nhau; nếu ai có tiếng là người hạnh nghĩa tốt, thì các quan phủ huyện sở tại phải bẩm lên tòa Thừa, tòa Hiến, để tâu vua mà tinh biểu cho.
6. Đàn bà có lỗi mà cha mẹ và chồng đã trừng trị thì nên phải sửa mình đổi lỗi, không được tự tiện trốn đi, làm hư mất nét đàn bà.



7. Người đàn bà góa không được chứa những đứa trai trẻ ở trong nhà, nói dối là con nuôi để ám hành những việc gian dâm.
8. Người đàn bà góa chồng, đối với các con vợ cả, hoặc vợ lẽ, nàng hầu, nên có lòng thương xót, không được mưu mô để chiếm đoạt gia tài làm của riêng mình.
9. Đàn bà góa chồng, chưa có con cái, phải ở nhà chồng để giữ đủ tang lễ, không được chuyển vận của cải mang về nhà mình.
10. Làm đàn bà thì phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình phú quý mà khinh nhà chồng, nếu không như thế thì bất tội đến cha mẹ.
11. Kẻ sĩ phu nên quý phẩm hạnh và giữ phép quan, nếu cứ xu nịnh những kẻ quyền quý để cậy thế làm càn thì phải cách bỏ đi không kể đến nữa.
12. Kẻ điển lại chỉ việc giữ sổ sách giấy má để làm việc quan, nếu làm những sự điên đảo án tù, thì quan trên sẽ xét ra mà trừng trị.
13. Quan dân đều phải hiếu đễ, và chăm chỉ làm ruộng, cùng giúp đỡ lẫn nhau; khi đi làm việc quan, không được trễ biếng, trốn tránh. Nếu ai có tiếng là người lương thiện thì các quan phủ huyện phải trình tòa Thừa, tòa Hiến để tâu mà tinh biểu cho.
14. Kẻ thương mãi phải tùy thời giá mà buôn bán với nhau, không được thay đổi thưng đấu, và tụ tập đồ đảng để đi trộm cướp; nếu phạm điều ấy thì trị tội rất nặng.
15. Việc hôn giá tế tự phải giữ lễ phép, không được làm càn.
16. Chỗ dân gian có mở trường du hí hoặc cúng tế, thì con trai con gái đến xem, không được đứng lẫn lộn, để khỏi thói dâm.



17. Các hàng quán bên đường, có phụ nữ đi xa đến trọ, thì phải phòng giữ. Nếu để hà hiếp ô nhục người ta, việc phát giác ra, thì người phạm cùng với chủ nhà đều phải trị tội cả.
18. Phủ huyện phải lập bia ở các nơi sở tại để cấm con trai con gái không được cùng tắm một bến, để cho có phân biệt.
19. Các xã thôn phải chọn một vài người già cả, đạo đức làm trưởng, những ngày thông thả đem dân ra đình, tuyên giảng những lời cáo dụ, để khiến dân bắt chước làm điều thiện, thành ra mỹ tục.
20. Trong hạt phủ huyện có kẻ cường hào xâm chiếm điền thổ, ức hiếp cô độc và xui giục người ta kiện tụng, thì cho xã thôn cáo giác lên để quan xử trị, nếu mà tuần ẩn thì phải biếm bãi.
21. Các nhà vương, công, đại thần dung túng những đứa tiểu nhân, đưa người khấn lễ, và để cho người nhà đi ức hiếp dân gian mà mua rẻ các đồ vật, thì cho dân được đầu cáo để trọng trị.
22. Những người làm quan phủ, huyện mà biết khuyên bảo dân gian làm điều lễ nghĩa khiêm nhượng, có quan Thừa chính, Hiến sát xét thực, thì được cho vào hạng tốt; nếu ai không chăm dạy bảo dân thì cho là người không xứng chức.
23. Các người huynh trưởng ở chốn xã thôn và phường biết dạy bảo con em trong làng cho nên được phong tục tốt, thì quan phủ huyện phải bẩm tòa Thừa, tòa Hiến để tâu vua ban khen cho.
24. Các dân Mường Mán ở ngoài bờ cõi, nên giữ lời di huấn, không được trái đạo luân thường như cha, anh, chú, bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê thiếp, nếu mà trái phép, thì sẽ trị tội rất nặng.



## 6. Địa đồ nước Nam

Từ xưa đến nay nước Nam ta vẫn không có địa đồ, Thánh Tông<sup>(1)</sup> bèn sai quan ở các đạo xem xét ở trong hạt mình có những núi sông gì, hiểm trở thế nào phải vẽ địa đồ ra cho rõ ràng và chỗ nào tự cổ chí kim có những sự tích gì phải ghi chép vào cho tường tận, rồi gửi về bộ Hộ để làm quyền địa dư nước ta.

## 7. Đại Việt sử ký

Thánh Tông sai Ngô Sĩ Liên 吳士連 làm bộ *Đại Việt sử ký* 大越史記<sup>(2)</sup> chia ra làm 2 bản. Một bản kể từ Hồng Bàng thị cho đến thập nhị sứ quân có 5 quyển. Một bản kể từ Đinh Tiên Hoàng cho đến Lê Thái Tổ có 10 quyển. Cả thảy là 15 quyển.

## 8. Việc văn học

Vua Thánh Tông định phép thi Hương, sửa phép thi Hội, để chọn lấy nhân tài. Thường ngài ra làm chủ các kỳ thi Đình, và ngài lập ra lệ xướng danh các tiến sĩ và lệ cho về vinh quy.

Ngài mở rộng nhà Thái học 太學 ra. Phía trước thì làm nhà Văn miếu, phía sau thì làm nhà Thái học, và làm ra các phòng ốc để cho những kẻ sinh viên ở học. Làm kho Bí thư để mà chứa sách. Sự học bấy giờ càng ngày càng mở mang thêm.

Ngài lại hay ngâm thi, đặt ra *Quỳnh quyền cửu ca* 瓊苑九歌, xưng làm Tao Đàn nguyên súy 騷壇元帥, cùng với kẻ triều thần là bọn ông Thân Nhân Trung 申仁忠, Đỗ Nhuận 杜潤, cả thảy 28 người xướng họa với nhau. Non xanh nước biếc chỗ nào cũng có thơ của ngài.

Ngài sai ông Thân Nhân Trung và ông Đỗ Nhuận làm bộ *Thiên Nam dư hạ tập* 天南餘暇集, 100 quyển nói về việc chính là hình luật đời Hồng Đức. Ngài làm ra một quyển *Thân chinh*

(1) Sách gốc ghi là Thái Tông, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

(2) Nay ta thường gọi là *Đại Việt sử ký toàn thư* [BT].



ký sự 親征記事, kể việc ngài đi đánh Chiêm Thành, Lão Qua và các Mường.

## 9. Việc võ bị

Tuy rằng vua Thánh Tông hết lòng sửa sang mọi việc trong nước, nhưng ngài cũng hiểu rằng phàm một nước mà cường thịnh thì tất là phải có võ bị, cho nên ngài bắt các quan Tổng binh phải chăm giảng tập trận đồ, phải luyện tập sĩ tốt để phòng khi có việc.

Ngài đổi năm vệ quân ra làm năm phủ là: Trung quân phủ, Nam quân phủ, Bắc quân phủ, Đông quân phủ và Tây quân phủ. Mỗi một phủ thì có 6 vệ, mỗi vệ có 5 hay là 6 sở, mỗi sở có số quân độ 400 người. Quân cả 5 phủ ước chừng độ 6, 7 vạn người. Ngài lại đặt ra 31 điều quân lệnh để tập thủy trận; 32 điều để tập tượng trận; 27 điều để tập mã trận; 42 điều để tập bộ trận.

Lại đặt ra lệ cứ ba năm một kỳ thi võ. Tướng sĩ ai đậu thì thưởng, ai hỏng thì phạt, để khiến mọi người đều vui lòng về việc võ bị.

Đời vua Thánh Tông mấy năm về trước cũng được yên ổn, nhưng mấy năm về sau thì phải chinh chiến nhiều lần. Khi thì phải đánh giặc Lào, khi thì đánh những giặc cỏ ở trong nước; nhưng chỉ có đánh Chiêm Thành, đánh Lão Qua và đánh Bồn Man là phải dùng đến đại binh.

## 10. Đánh Chiêm Thành

Năm Canh Thìn (1470) là năm Hồng Đức nguyên niên, vua nước Chiêm Thành là Trà Toàn 茶全 muốn sinh sự với nước Nam. Một mặt thì cho người sang cầu viện binh bên nhà Minh, một mặt thì đem quân sang đánh phá ở đất Hóa Châu.

Vua Thánh Tông cho sứ sang Tàu kể chuyện Trà Toàn làm nhiều, rồi ngài tự làm tướng, cử đại binh hơn 20 vạn sang đánh Chiêm Thành; khi quân vào đến Thuận Hóa, Thánh Tông



đóng quân lại để luyện tập và sai người lên sang vẽ địa đồ nước Chiêm Thành để biết cho rõ chỗ hiểm chỗ không rồi mới tiến binh lên đánh lấy cửa Thị Nại (cửa Bình Định).

Trà Toàn đánh thua, rút quân về giữ kinh thành Đồ Bàn. Quân An Nam kéo đến vây đánh, phá được thành, bắt được Trà Toàn.

Bấy giờ có tướng Chiêm Thành là Bô Trì Trì 逋持持 chạy về đất Phan Lung, sai sứ vào cống và xin xưng thần. Thánh Tông có ý muốn làm cho nước Chiêm yếu thế đi, mới chia đất ra làm ba nước, phong làm ba vua, một nước gọi là Chiêm Thành, một nước là Hóa Anh và một nước nữa là Nam Phan.

Còn đất Đồ Bàn, đất Đại Chiêm và đất Cổ Lũy thì vua Thánh Tông lấy để lập thêm đạo Quảng Nam, có 3 phủ, 9 huyện, rồi đặt quan cai trị, và chọn dân đinh từ 15 tuổi trở lên, ai là người thông minh ham học thì cho làm sinh đồ, để dạy cho sự học hành và sự lễ nghĩa.

Khi Trà Toàn đã phải bắt rồi, em là Trà Toại trốn vào núi, sai người sang kêu với nhà Minh và xin phong làm vua. Thánh Tông biết tin ấy liền sai ông Lê Niệm 黎念 đem 3 vạn quân vào bắt được Trà Toại giải về kinh sư. Sau vua nhà Minh có sai sứ sang bảo ngài phải trả đất Chiêm Thành, nhưng ngài không chịu.

Từ khi vua Thánh Tông đánh được Chiêm Thành rồi, thanh thế nước Nam lừng lẫy, nước Lào và các mường ở phía Tây đều về triều cống cả.

## 11. Đánh Lão Qua

Đến năm Kỷ Hợi (1479) có tù trưởng xứ Bồn Man là Cầm Công 琴公 có ý làm phản, xui người Lão Qua<sup>(1)</sup> đem binh quấy nhiễu ở miền Tây nước ta. Thánh Tông liền sai quan Thái úy là Lê Thọ Vực 黎壽域 cùng với các tướng quân là Trịnh Công Lộ 鄭公路, Lê Đình Ngạn 黎廷彦, Lê Lộng 黎弄 và Lê Nhân Hiếu

(1) Lão Qua: là đất thượng Lào ở về phía Tây Bắc Việt bây giờ tức là Louang Prabang. Có khi gọi là nước Nam Chưong.





黎仁孝 chia làm 5 đạo đi từ Nghệ An, Thanh Hóa và Hưng Hóa sang đánh đuổi vua Lão Qua đến sông Kim Sa<sup>(1)</sup> giáp với nước Diến Điện. Trận ấy quân An Nam được toàn thắng.

## 12. Đánh Bồn Man

Gây nên sự đánh Lão Qua là cũng vì họ Cầm ở Bồn Man muốn làm điều phản nghịch.

Nguyên đất Bồn Man trước đã xin nội thuộc, đổi làm châu Quy Hợp, nhưng vẫn để cho tù trưởng là họ Cầm được đời đời làm Phụ đạo. Sau đổi làm Trấn Ninh phủ 鎮寧府, có 7 huyện, và đặt quan phủ huyện để giám trị. Nay Cầm Công cậy có người Lão Qua giúp đỡ, bèn đuổi quân An Nam đi, chiếm lấy đất, rồi đem quân chống giữ với quan quân.

Thánh Tông bèn ngự giá thân chinh, nhưng đi đến Phù Liệt, được tin thắng trận của quân ta sang đánh Lão Qua, ngài trở về, sai ông Lê Niệm đem binh đi đánh. Cầm Công đánh thua chết, còn những người Bồn Man xin hàng.

Thánh Tông phong cho người họ Cầm Công là Cầm Đông 琴冬 làm Tuyên úy đại sứ và đặt quan cai trị như trước.

## 13. Việc giao thiệp với Tàu

Nước ta bấy giờ tuy phải theo lệ xưng thần với nhà Minh, nhưng vua Thánh Tông vẫn hết lòng phòng bị mặt Bắc. Thỉnh thoảng có những người thổ dân sang quấy nhiễu, thì lập tức cho quan quân lên tiêu trừ và cho sứ sang Tàu để phân giải mọi sự cho minh bạch. Có một hôm được tin rằng người nhà Minh đem binh đi qua địa giới, Thánh Tông liền cho người lên do thám thực hư. Ngài bảo với triều thần rằng: “*Ta phải giữ*

---

(2) Theo địa dư nước Tàu, thì Kim Sa giang là khúc trên sông Trường Giang. Sông ấy chảy ở phía Bắc qua tỉnh Tây Khương và Tứ Xuyên. Đây có lẽ là nhà chép sử lẫn với khúc sông Lan Thương giang là khúc trên Cừ Long giang.

*gìn cho cẩn thận, đừng để cho ai lấy mất một phân núi, một tấc sông của vua Thái Tổ để lại*”. Ngài có lòng vì nước như thế, cho nên dầu nước Tàu có ý muốn dòm ngó cũng không dám làm gì. Vả lại quân An Nam bấy giờ đi đánh Lào, dẹp Chiêm, thanh thế bao nhiêu, nhà Minh cũng phải lấy lễ nghĩa mà đãi An Nam, cho nên sự giao thiệp của hai nước vẫn được hòa bình.

Xem những công việc của vua Thánh Tông thì ngài thật là một đáng anh quân. Những sự văn trị và sự võ công ở nước Nam ta không có đời nào thịnh hơn đời Hồng Đức. Nhờ có vua Thái Tổ thì giang sơn nước Nam mới còn, và nhờ có vua Thánh Tông thì văn hóa nước ta mới thịnh, vậy nên người An Nam ta không bao giờ quên công đức hai ông vua ấy.

Thánh Tông làm vua được 38 năm, thọ được 56 tuổi.

## V. LÊ HIẾN TÔNG (1497 - 1504)

*Niên hiệu: Cảnh Thống 景統*

Thái tử là Tăng 鐙<sup>(1)</sup> lên nối ngôi làm vua, tức là vua Hiến Tông 憲宗.

Ngài là một ông vua thông minh hòa hậu. Thường khi bãi triều rồi, ngài ra ngồi, nói chuyện với các quan, hễ ai có điều gì trái phải, ngài lấy lời êm ái mà nhủ bảo, chứ không gắt mắng bao giờ. Ngài vẫn hay nói rằng: “*Vua Thái Tổ đã gây dựng nên cơ đồ, vua Thánh Tông đã sửa sang mọi việc, ta nay chỉ nên lo gìn giữ nếp cũ, và mở mang sự nhân chính ra cho sáng rõ công đức của ông cha trước*”.

Ngài theo cái chủ ý ấy mà trị dân, cho nên trong mấy năm ngài làm vua không có giặc giã gì, mà những việc chính trị đều

(1) Có tài liệu phiên tên của vua Lê Hiến Tông là Tranh (鐙), cũng có nguồn ghi tên ông là Sanh (璉) hoặc Huy (暉) [BT].



theo như đời Hồng Đức, chứ không thay đổi gì cả. Nhất là về việc cày ruộng trồng dâu, ngài lưu tâm khuyên nhủ quan dân, khiến mọi người phải hết sức giữ gìn, bắt đào sông, khai ngòi, đắp đường, làm xe nước, để cho tiện việc vệ nông. Việc văn học cũng vậy, không bao giờ ngài để trễ nải. Nhưng ngài trị vì được có 7 năm thì mất, thọ được 44 tuổi.

## VI. LÊ TÚC TÔNG (1504) VÀ LÊ UY MỤC (1505 - 1509)

*Niên hiệu:* Thái Trinh 太貞 và Đoan Khánh 端慶

Hiến Tông mất, truyền ngôi lại cho người con thứ ba tên là Thuần, tức là vua Túc Tông 肅宗.

Túc Tông làm vua được 6 tháng thì mất. Triều đình tôn người anh thứ hai của ngài là Tuấn 濬 lên làm vua, tức là vua Uy Mục 威穆.

Từ vua Uy Mục trở đi thì cơ nghiệp nhà Lê mỗi ngày một suy dần, vì rằng từ đó về sau không có ông vua nào làm được việc nhân chính, và lại thường hay say đắm tử sắc, làm những điều tàn ác, cho nên thành ra sự giặc giã, thoán đoạt, đến nỗi về sau dẫu có trung hưng lên được, nhưng quyền chính trị vẫn về tay kẻ cường thần.

Vua Uy Mục mới lên làm vua thì giết tổ mẫu là bà Thái hoàng Thái hậu, giết quan Lễ bộ Thượng thư là ông Đàm Văn Lễ 覃文禮 và quan Đô ngự sử là ông Nguyễn Quang Bật 阮光弼, vì lẽ rằng khi vua Hiến Tông mất, bà Thái hậu và hai ông ấy có ý không chịu lập ngài.

Đã làm điều bạo ngược, lại say đắm tử sắc; đêm nào cũng cùng với cung nhân uống rượu, rồi đến khi say thì giết đi. Có khi bắt quân sĩ lấy gậy đánh nhau để làm trò chơi. Tính đã



hung ác, mà lại hay phản trắc. Cho nên sứ Tàu sang làm thơ gọi Uy Mục là *Quý vương* 鬼王.

Bấy giờ Uy Mục lại hay tin dùng mấy kẻ ngoại thích và tìm những người có sức mạnh để làm túc vệ. Bởi thế cho nên Mạc Đăng Dung 莫登庸 là người đánh cá vào thi đỗ Đô lục sĩ, được làm chức Đô chỉ huy sứ 都指揮使. Còn những tôn thất và công thần thì bị đánh đuổi, dân sự thì bị hà hiếp, lòng người ta oán, thiên hạ mất cả trông cậy, triều thần có nhiều người bỏ quan trốn đi.

Tháng chạp năm Kỷ Ty (1509) có Giản Tu Công tên là Oanh 簡修公縈 cháu vua Thánh Tông, là anh em con chú con bác với ngài, bị bắt giam. Ông đút tiền cho người canh ngục mới được ra, trốn về Tây Đô, rồi hội với các quan cựu thần đem binh ra đánh bắt vua Uy Mục và Hoàng hậu Trần Thị giết đi.

## VII. LÊ TƯỚNG DỤC (1510 - 1516)

*Niên hiệu:* Hồng Thuận 洪順

Giản Tu Công giết vua Uy Mục rồi tự lập làm vua, tức là vua Tương Dục 襄翼.

Vua Tương Dục tính hay chơi bởi và xa xỉ, như là sai người thợ tên là Vũ Như Tô 武如蘇 làm cái điện 100 nóc, xây cái Cửu Trùng đài, bắt quân dân làm trong mấy năm trời không xong, mà thật là hao tổn tiền của, chết hại nhiều người. Rồi lại đóng chiến thuyền bắt đàn bà chèo chơi ở Hồ Tây. Lại tư thông cả với những cung nhân đòi tiền triều. Vì hoang dâm như thế, cho nên sứ nhà Minh sang trông thấy ngài, bảo rằng ngài là *tướng lợn*, sự loạn vong chắc là sắp tới vậy.

### 1. Việc thuế má

Việc thuế má lúc bấy giờ thì đại khái cũng như mấy triều trước, nhưng không biết rõ tiền tài sản vật đồng niên thu được



những gì. Đến đời vua Tương Dực thấy sổ chép rằng trước thì thuế vàng thuế bạc đồng niên thu được:

Vàng mười, thứ tốt gọi là “kiêm kim”:	480 lượng
Vàng mười:	2.883 lượng
Bạc:	4.930 lượng
Nay vua Tương Dực định lệ đổi lại mỗi năm thu được:	
Vàng mười thứ “kiêm kim”:	449 lượng
Vàng mười:	2.901 lượng
Bạc:	6.125 lượng

Những vàng bạc ấy là nộp vào kho để cho vua tiêu dùng. Còn cách thu nộp thế nào thì không rõ.

## 2. Đại Việt thông giám

Đời bấy giờ có quan Binh bộ Thượng thư là ông Vũ Quỳnh 武瓊 làm xong bộ *Đại Việt thông giám* 大越通鑑; chia ra từ họ Hồng Bàng cho đến thập nhị sứ quân làm ngoại kỷ, còn từ Đinh Tiên Hoàng đến Lê Thái Tổ làm bản kỷ, cả thảy là 26 quyển. Vua sai ông Lê Tung 黎嵩 soạn bài tổng luận về bộ sử ấy.

## 3. Sự biến loạn

Thời bấy giờ vua thì hoang chơi, triều thần thì tuy là có bọn ông Nguyễn Văn Lang 阮文郎, ông Lê Tung 黎嵩, ông Lương Đắc Bằng 梁得朋, v.v... nhưng người thì già chết, người thì xin thôi quan về. Vả cũng không có ai là người có thể ngăn giữ được vua và kinh doanh được việc nước, cho nên trong nước giặc giã nổi lên khắp cả mọi nơi. Ở đất Kinh Bắc thì có Thân Duy Nhạc 申維岳, Ngô Văn Tổng 吳文總, làm loạn ở huyện Đông Ngạn và huyện Gia Lâm; đất Sơn Tây thì có Trần Tuân 陳珣 đánh phá. Lại có tên Phùng Chương 馮章 làm giặc ở núi Tam Đảo; Trần Công Ninh 陳公寧 chống giữ ở huyện An Lãng. Đất Nghệ An thì có Lê Hy 黎熙, Trịnh Hưng 鄭興, Lê Văn Triệt 黎文徹 làm



phản. Lại ở huyện Thủy Đường (Hải Dương) có Trần Cao 陳高 thấy sấm nói rằng ở phương Đông có *thiên tử khí*, bèn cùng với đồ đảng đánh lấy đất Hải Dương, Thủy Đường, Đông Triều, rồi tự xưng là vua Đế Thích giáng sinh, bởi thế thiên hạ theo có hàng vạn người.

Trần Cao đem quân về đóng ở đất Bồ Đề, bên kia sông Nhị Hà, chực sang lấy kinh đô. Sau quan quân sang đánh, Trần Cao lui về đóng ở Châu Sơn, thuộc phủ Từ Sơn. Vua sai An Hòa Hầu là Nguyễn Hoàng Dụ 阮弘裕 sang đóng quân ở Bồ Đề để chống giữ.

Tuy trong nước giặc cướp như thế, nhưng vua cũng không chịu sửa sang việc gì cả, lại khinh dễ các quan triều thần. Bấy giờ có Nguyên Quận Công là Trịnh Duy Sản 原郡公鄭惟剡, trước vẫn có công đi đánh giặc, nhưng sau vì hay can vua mà phải đánh. Trịnh Duy Sản tức giận bèn mưu với Lê Quảng Độ 黎廣度 và Trình Chí Sâm 程志森 để lập vua khác, rồi giả mượn tiếng đi đánh giặc, đêm đem binh vào cửa Bắc thần giết vua Tương Dực.

Ngài trị vì được 8 năm, thọ được 24 tuổi.

## VIII. LÊ CHIÊU TÔNG VÀ LÊ CUNG HOÀNG (1516-1527)

*Niên hiệu:* Quang Thiệu 光紹 (1516 - 1526)

Thống Nguyên 統元 (1527)

Bọn Trịnh Duy Sản giết vua Tương Dực rồi, hội triều đình lại định lập con Mục Ý Vương là Quang Trị 光治, mới có 8 tuổi, nhưng Võ Tá Hầu là Phùng Mại 馮邁 bàn nên lập cháu ba đời vua Thánh Tông là con Cẩm Giang Vương tên là Ý 椅, đã 14 tuổi. Đàng Trịnh Duy Sản bắt Phùng Mại chém ngay ở chỗ nghị sự, rồi lập Quang Trị. Quang Trị mới làm vua được ba



ngày, chưa kịp đổi niên hiệu, thì bị Trịnh Duy Đại 鄭惟岱 là anh Trịnh Duy Sản đem vào Tây Kinh. Quang Trị vào đấy được mấy ngày lại bị giết.

Lúc trong triều còn đang rối loạn, chưa biết ai là vua thì Nguyễn Hoàng Dụ 阮弘裕 ở bến Bồ Đề được tin Trịnh Duy Sản đã giết vua Tương Dục, bèn đem quân về đốt phá kinh thành và bắt Vũ Như Tô, là người đốc việc làm đèn đài cho vua Tương Dục, đem chém ở ngoài thành.

Bọn Trịnh Duy Sản lại lập con Cẩm Giang Vương là Ý 椅 lên làm vua, tức là vua Chiêu Tông 昭宗.

Nhưng bây giờ kinh thành đã bị tàn phá rồi, Trịnh Duy Sản phải rước vua vào Tây Kinh.

## 1. Giặc Trần Cao quấy nhiễu ở Đông Đô

Giặc Trần Cao thấy triều đình đã bỏ kinh đô, bèn đem quân sang chiếm lấy, rồi tiếm hiệu làm vua.

Triều đình vào đến Tây Kinh, truyền hịch đi các nơi lấy binh ra đánh Trần Cao.

Trịnh Duy Sản 鄭維剗, Nguyễn Hoàng Dụ 阮弘裕, Trịnh Tuy 鄭綏, Trần Chân 陳真 và các quan cựa thân phân binh ra vây Đông Kinh. Trần Cao phải bỏ thành chạy lên đất Lạng Nguyên (có lẽ là Lạng Sơn).

Triều đình lại về Đông Kinh, rồi sai Trịnh Duy Sản lên Lạng Nguyên đuổi đánh Trần Cao. Trịnh Duy Sản khinh địch quá, bị giặc giết mất. Quân giặc lại về đóng ở Bồ Đề. Vua sai Thiết Sơn Bá là Trần Chân 鐵山伯陳真 đem quân đánh tập hậu, phá được quân của giặc.

Trần Cao lại chạy về Lạng Nguyên, và thấy sự nghiệp không thành, bèn nhường quyền lại cho con là Thăng 昇 rồi cắt tóc đi tu để trốn cho khỏi nạn.



## 2. Quan trong triều làm loạn

Tuy giặc Trần Cao đã phá được, nhưng mà lúc bấy giờ vua Chiêu Tông hãy còn trẻ tuổi, chưa quyết đoán được, mà triều thần thì không có ai là người có chí giúp nước, đến nỗi ngoài thì giặc làm loạn, trong thì các quan sinh ra hiềm thù, đem quân đánh lẫn nhau, như là Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy, hai người đi đánh giặc về rồi mỗi người đóng quân một nơi để chống cự với nhau, vua can ngăn cũng không được.

Ở trong triều thì bọn Trịnh Duy Đại 鄭惟岱 mưu sự làm phản, bị người tố cáo ra, phải giết cả đảng.

Bọn Nguyễn Hoàng Dụ và Trịnh Tuy cứ đánh nhau mãi, sau Trần Chân bèn Trịnh Tuy đem quân đánh Nguyễn Hoàng Dụ. Nguyễn Hoàng Dụ bỏ chạy về giữ Thanh Hóa.

Vua sai bọn Mạc Đăng Dung 莫登庸 đi đánh Nguyễn Hoàng Dụ. Nhưng Đăng Dung tiếp được thư của Hoàng Dụ viết riêng cho mình, bèn không đánh, đem quân trở về.

Bấy giờ quyền bính về cả Trần Chân và lại có người nói rằng Trần Chân có ý làm phản, vua bèn cho người vời Trần Chân vào thành rồi đóng cửa thành lại, bắt giết đi.

Bộ tướng của Trần Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc 黃惟岳, Nguyễn Kính 阮敬, Nguyễn Áng 阮盎 nghe tin Trần Chân phải giết, bèn đem quân vào đánh phá kinh thành. Vua phải chạy sang lánh mình ở đất Gia Lâm, rồi cho người vào Thanh Hóa vời Nguyễn Hoàng Dụ ra đánh giặc. Nguyễn Hoàng Dụ không ra.

Chiêu Tông không biết mong cậy vào ai được, phải cho người sang Hải Dương vời Mạc Đăng Dung về giúp. Mối thoán đoạt gây nên từ đó.

Nguyên Mạc Đăng Dung là cháu 7 đời ông Mạc Đĩnh Chi 莫挺之, ngày trước vốn ở làng Đông Cao, huyện Bình Hà (thuộc





Hải Dương) sau dời sang ở làng Cổ Trai (thuộc huyện Nghi Dương, tỉnh Kiến An bây giờ). Mạc Đăng Dung thuở trẻ, nhà nghèo, làm nghề đánh cá, nhưng có sức mạnh, thi đỗ Đô lục sĩ, làm đến Đô chỉ huy sứ về triều vua Uy Mục; đến triều vua Tương Dực được phong là Vũ Xuyên Bá 武川伯, sau vua Chiêu Tông lại phong là Vũ Xuyên Hầu 武川侯.

Nay vua Chiêu Tông gọi sang, nhất thiết trao cả binh quyền để đánh giặc Hoàng Duy Nhạc.

Mạc Đăng Dung đem vua về ở Bồ Đề rồi cho người mật dụ bọn Nguyễn Kính, Nguyễn Áng về hàng. Bọn ấy nói rằng Trần Chân bị giết là tại Chủ Khải 褚啓, Trịnh Hựu 鄭侑, Ngô Bính 吳柄 gièm pha. Nếu nhà vua làm tội ba người ấy thì xin về hàng.

Vua bắt ba người đem giết đi, nhưng bọn tên Kính tên Áng vẫn không giải binh. Mạc Đăng Dung lại dời vua về Bảo Châu (thuộc huyện Từ Liêm). Thế giặc vẫn mạnh, rồi lại có Trịnh Tuy và Nguyễn Sư làm phản, thông với bọn tên Kính lập Lê Do<sup>(1)</sup> 黎標 lên làm vua, đóng hành điện ở Từ Liêm.

Vua lại phải cho người vào gọi Nguyễn Hoàng Dụ lần nữa. Nguyễn Hoàng Dụ đem binh Thanh Hóa ra để cùng với Mạc Đăng Dung đi đánh giặc. Nhưng Hoàng Dụ xuất binh đánh trước, bại trận, phải rút quân về Thanh.

Được ít lâu Mạc Đăng Dung trừ được bọn Lê Do, Trịnh Tuy và Nguyễn Sư, rồi lại hàng được bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính, Nguyễn Áng đem về làm vây cánh của mình. Từ đó quyền bính về cả Đăng Dung.

### 3. Mạc Đăng Dung chuyên quyền

Mạc Đăng Dung bấy giờ quyền thế hống hách, ra vào cung cấm, tiếm dụng nghi vệ thiên tử. Các quan ai có vì nhà vua

---

(1) Có khi được phiên âm là Lê Dữu [BT].



mà can gián điều gì, thì Đặng Dung tìm cách giết đi. Các quan triều thần có nhiều người thấy quyền lớn về cả họ Mạc, cũng bỏ vua mà theo phò Mạc Đăng Dung.

Vua Chiêu Tông thấy vậy, mới mưu ngầm với bọn nội thân là Phạm Hiến 范獻 và Phạm Thứ 范恕 để đánh Mạc Đăng Dung, lại cho người vào Tây Kinh vời Trịnh Tuy đem binh ra làm ngoại ứng. Đêm đến canh hai vua chạy lên Sơn Tây để thu xếp binh mã đánh họ Mạc.

Sáng hôm sau Mạc Đăng Dung mới biết vua xuất ngoại, liền sai Hoàng Duy Nhạc đem quân đuổi theo, đến Thạch Thất, Duy Nhạc bị quân sở tại bắt được giết đi.

Mạc Đăng Dung cùng với các quan ở trong triều lập Hoàng đệ là Xuân 椿 lên làm vua, tức là Cung Hoàng 恭皇, đổi niên hiệu là Thống Nguyên 統元. Nhưng ở kinh thành sợ vua Chiêu Tông viện quân về đánh, cho nên Mạc Đăng Dung rước Hoàng đệ Xuân về ở đất Gia Phúc, nay là Gia Lộc thuộc tỉnh Hải Dương.

Khi vua Chiêu Tông chạy lên Sơn Tây, những người hào kiệt ở các nơi theo về cũng nhiều, nhưng vì vua nghe lời những kẻ hoạn quan là bọn Phạm Điền 范田, không theo lời bàn của các tướng, cho nên lòng người ly tán, mọi việc hỏng cả. Vua cho người vào Thanh Hóa vời Trịnh Tuy ba bốn lần, Trịnh Tuy do dự mãi không ra. Sau Trịnh Tuy cùng với Trịnh Duy Tuấn đem hơn một vạn quân ra giúp, thì vua lại nghe lời bọn Phạm Điền bắt Nguyễn Bá Kỷ 阮伯紀 là thuộc tướng của Trịnh Tuy đem giết đi. Trịnh Tuy tức giận đem quân bắt vua Chiêu Tông về Thanh Hóa.

Năm Giáp Thân (1524) Mạc Đăng Dung đem quân vào đánh Thanh Hóa, Trịnh Tuy thua trận rồi chết, vua Chiêu Tông bị bắt đem về để ở Đông Hà (thuộc huyện Thọ Xương), rồi cho người đến giết đi.

Vua Chiêu Tông làm vua được 11 năm, thọ 26 tuổi.

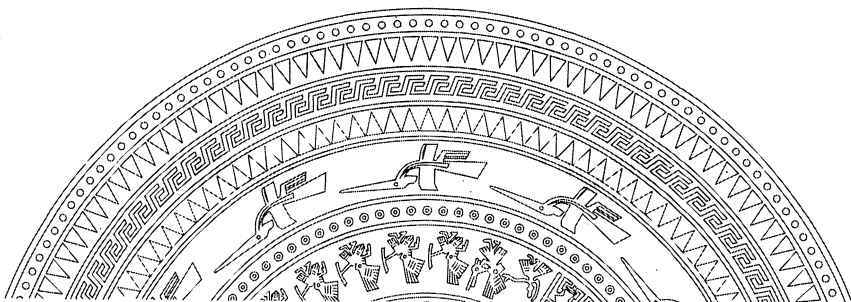


Cách hai năm sau là năm Đinh Hợi (1527), Mạc Đăng Dung bắt các quan nhà Lê thảo bài chiếu truyền ngôi cho nhà Mạc.

Cung Hoàng và bà Hoàng Thái hậu đều bị giết cả. Bấy giờ triều thần có Vũ Duệ 武睿, Ngô Hoán 吳煥, quan Đô ngự sử là Nguyễn Văn Vận 阮文運, quan Hàn lâm hiệu lý là Nguyễn Thái Bạt 阮泰拔, quan Lễ bộ Thượng thư là Lê Tuấn Mậu 黎俊懋, quan Lại bộ Thượng thư là Đàm Thận Huy 譚慎徽, quan Tham chính sứ là Nguyễn Duy Tường 阮惟祥, quan Quan sát sứ là Nguyễn Tự Cường 阮自彊, tước Bình Hồ Bá là Nghiêm Bá Ký 嚴伯冀, quan Đô ngự sử là Lại Kim Bạng 賴金榜, quan Hộ bộ Thượng thư là Nguyễn Thiệu Tri 阮紹知, quan Phó Đô ngự sử là Nguyễn Hữu Nghiêm 阮有嚴, quan Lễ bộ tả Thị lang là Lê Vô Cương 黎無彊 đều là người khoa giáp cả, người thì nhỏ vào mặt Mạc Đăng Dung hay là lấy nghiên mực đập vào mặt, hay chửi mắng, bị Đăng Dung giết đi. Có người thì theo vua không kịp, nhảy xuống sông mà chết, người thì quay đầu về Lam Sơn lạy rồi tự tử. Những người ấy đều là người có nghĩa khí để tiếng thơm về sau.

Nhà Lê, kể từ vua Thái Tổ cho đến vua Cung Hoàng vừa một trăm năm (1428 - 1527), được 10 ông vua. Nhưng trong bấy nhiêu ông, trừ vua Thái Tổ ra, thì chỉ có vua Thánh Tông và vua Hiến Tông là đã lớn tuổi mới lên ngôi, còn thì ông nào lên làm vua cũng còn trẻ tuổi cả. Vì thế cho nên việc triều chính mỗi ngày một suy kém, lại có những ông vua hoang dâm, làm lắm điều tàn bạo để đến nỗi trong nước xảy ra nhiều sự biến loạn.

Vậy vận nhà Lê phải lúc trung suy, nhưng công đức vua Thái Tổ và vua Thánh Tông làm cho lòng người không quên nhà Lê, cho nên dầu nhà Mạc có cướp ngôi cũng không được lâu bền, và về sau họ Trịnh tuy có chuyên quyền nhưng cũng chỉ giữ ngôi chúa, chứ không dám cướp ngôi vua.



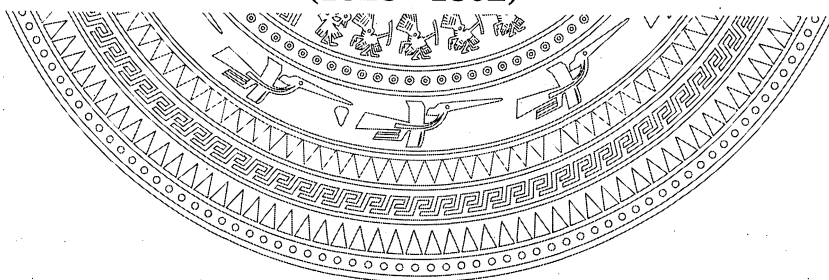
**QUYỂN IV**

**TỰ CHỦ THỜI ĐẠI**

**自主時代**

**Thời kỳ Nam Bắc phân tranh**

**(1528 - 1802)**





# NHÀ HẬU LÊ

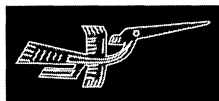
後 黎

## THỜI KỲ PHÂN TRANH

(1533 - 1788)

### CHƯƠNG I

## LỊCH TRIỀU LƯỢC KỶ



1. Nam triều Bắc triều
2. Trịnh Nguyễn phân tranh

Nước Nam ta từ khi Ngô Vương Quyền đánh đuổi được quân Nam Hán, vua Đinh Tiên Hoàng dẹp yên được loạn Thập nhị sứ quân lập thành một nước tự chủ, đời nọ qua đời kia kế truyền được non 600 năm. Đến đầu thập lục thế kỷ, bởi vì vua nhà Lê hoang dâm vô độ, bỏ việc chính trị đổ nát, cho nên trong nước loạn lạc, nhà Mạc nhân dịp mà làm sự thoán đoạt. Nhà Lê tuy đã mất ngôi, nhưng lòng người còn tưởng nhớ đến công đức của vua Thái Tổ và vua Thánh Tông, cho nên lại theo phò con cháu nhà Lê trung hưng lên ở phía Nam, lập ra một triều đình riêng ở vùng Thanh Hóa, Nghệ An để chống nhau với nhà Mạc. Ấy là thành ra Nam triều và Bắc triều; hai bên đánh nhau trong năm sáu mươi năm trời.



Đến khi nhà Lê nhờ có họ Trịnh giúp rập, dứt được nhà Mạc, tưởng là giang sơn lại nhất thống như cũ, ai ngờ họ Trịnh và họ Nguyễn lại sinh ra lòng ghen ghét, gây nên mối thù oán, rồi mỗi họ hùng cứ một phương, chia nước ra làm hai mảnh: họ Nguyễn giữ xứ Nam, họ Trịnh giữ xứ Bắc, mỗi họ chiếm giữ một xứ để làm cơ nghiệp riêng của mình. Từ đó giang sơn chia rẽ, Nam Bắc phân tranh, ấy là một thời đại riêng trong lịch sử nước ta vậy.

Nhà Hậu Lê 後黎 từ khi trung hưng lên, con cháu vẫn giữ ngôi làm vua, nhưng quyền chính trị ở cả họ Trịnh 鄭. Còn ở phía Nam thì từ sông Linh Giang trở vào là cơ nghiệp của họ Nguyễn 阮. Tuy vậy, hai họ chỉ xưng chúa, chứ không xưng vua, và bề ngoài vẫn tôn phù nhà Lê. Sau này ta hãy chép tóm cả các đời vua và các đời chúa để cho rõ sự kế truyền. Còn những công việc về thời bấy giờ thì ta sẽ bàn riêng ra từng mục cho rõ ràng.

## I. NAM TRIỀU BẮC TRIỀU

### NAM TRIỀU 南 朝

#### LÊ TRANG TÔNG

莊宗(1533-1548)

Niên hiệu: Nguyên Hòa 阮和

Trang Tông húy là Duy Ninh 維寧 con rể vua Chiêu Tông. Ông Nguyễn Kim 阮淦 lập ngài lên làm vua ở đất Cẩm Châu (Lào) sau đưa ngài về Thanh Hóa, lập hành điện ở Vạn Lại 萬賴.

Trang Tông làm vua được 16 năm, thọ 31 tuổi.

**LÊ TRUNG TÔNG** 黎中宗 (1548-1556)

Niên hiệu: Thuận Bình 順平. Trung Tông húy là Duy Huyền 維暄, con vua Trang Tông. Ngài làm vua được 8 năm, thọ 28 tuổi.

### BẮC TRIỀU 北 朝

#### THÁI TỔ MẠC ĐĂNG DUNG

太祖莫登庸 (1527-1529)

Niên hiệu: Minh Đức 明德

#### THÁI TÔNG MẠC ĐĂNG DOANH

太宗莫登瀛 (1530-1540)

Niên hiệu: Đại Chính 大正

Nhà Lê trung hưng lên ở Thanh Hóa.

#### HIẾN TÔNG MẠC PHÚC HẢI

憲宗莫福海 (1541-1546)

Niên hiệu: Quảng Hòa 廣和

**LÊ ANHTÔNG** 黎英宗 (1556-1573)

*Niên hiệu:* Thiên Hữu 天祐 (1557);  
Chính Trị 正治 (1558-1571); Hồng  
Phúc 洪福 (1572 - 1573)

Anh Tông húy là Duy Bang 維邦, cháu huyền tôn ông Lê Trừ 黎除, anh vua Thái Tổ ngày trước. Vua Trung Tông không có con, cho nên ông Trịnh Kiểm mới đi tìm ngài về lập lên làm vua.

Khi Trịnh Kiểm mất rồi, quyền về Trịnh Tùng, ngài phải trốn về Nghệ An. Trịnh Tùng sai người đuổi theo bắt về giết đi. Ngài làm vua được 17<sup>(1)</sup> năm, thọ 42 tuổi.

**LÊ THẾ TÔNG** 黎世宗 (1573-1599)

*Niên hiệu:* Gia thái 嘉泰 (1573-1577);  
Quang Hưng 光興 (1578-1599)

Thế Tông húy là Duy Đàm 維潭, con thứ 5 vua Anh Tông. Trịnh Tùng lập ngài lên làm vua từ lúc còn 7 tuổi.

Trong đời ngài làm vua, Trịnh Tùng dứt được họ Mạc, lấy lại đất Đông Đô. Ngài làm vua được 27 năm, thọ 33 tuổi.

**TUYÊN TÔNG MẠC PHÚC NGUYÊN**

宣宗莫福源 (1546-1561)

*Niên hiệu:* Vĩnh Định 永定 (1547);  
Cảnh Lịch 景曆 (1548-1553); Quang  
Bảo 光寶 (1554-1561)

Mạc Phúc Nguyên cố đánh lấy Thanh Hóa nhưng không được.

**MẠC MẬU HỢP** 莫茂洽 (1562-1592)

*Niên hiệu:* Thuần Phúc 淳福 (1562-1565); Sùng Khang 崇康 (1566-1577); Diên Thành 延成 (1578-1585); Đoan Thái 端泰 (1586-1587); Hưng Trị 興治 (1588-1590); Hồng Ninh 洪寧 (1591-1592)

Mạc Mậu Hợp làm vua được 30 năm. Sau bị Trịnh Tùng bắt được đem về chém ở Thăng Long và đem đầu vào bêu ở trong Thanh Hóa.

Nhà Mạc mất ngôi từ đấy. Nhưng con cháu được nhờ nhà Minh bênh vực, còn được giữ đất Cao Bằng ba đời nữa.

(1) Sách gốc ghi là 16 năm, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

## II. TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

### LÊ KÍNH TÔNG 黎敬宗 (1600 - 1619)

*Niên hiệu:* Thận Đức 慎德 (1600) -

Hoàng Định 弘 (1601- 1619)

Kính Tông húy là Duy Tân 維新, con vua Thế Tông. Ngài làm vua đến năm Kỷ Mùi (1619) bị Trịnh Tùng bắt phải thắt cổ mà tự tận. Trị vì được 20 năm, thọ 32 tuổi.

#### TRỊNH

##### BÌNH AN VƯƠNG TRỊNH TÙNG

鄭松 (1570-1620)

*Miếu hiệu là:* Thành Tổ Triết Vương  
Trịnh Tùng tranh quyền của anh, nổi nghiệp Trịnh Kiểm đánh phá nhà Mạc, lấy lại đất Đông Đô. Lập ra nghiệp chúa Trịnh, nhưng vẫn tôn vua Lê.

#### NGUYỄN

##### ĐOAN QUẬN CÔNG

NGUYỄN HOÀNG 阮潢 (1600-1613)

Truy tôn là Thái Tổ Gia Dụ Hoàng đế, đương thời gọi là *chúa Tiên*.

Ông Nguyễn Hoàng là con thứ hai ông Nguyễn Kim, vào trấn đất Thuận Hóa và Quảng Nam, lập ra nghiệp chúa Nguyễn. Lấy đất của Chiêm Thành lập ra phủ Phú Yên. Mất năm Quý Sửu (1613), thọ 89 tuổi.

##### THỤY QUẬN CÔNG NGUYỄN PHÚC NGUYỄN 阮福源 (1613-1635)

Truy tôn là Hy Tông Hiến Văn Hoàng đế, đương thời gọi là *chúa Sãi*. Ngài là con thứ 6 ông Nguyễn Hoàng, cải họ là Nguyễn Phúc 阮福.

### LÊ THẦN TÔNG 黎神宗 (1619 - 1643) (lần thứ nhất)

*Niên hiệu:* Vĩnh Tộ 永祚 (1620 - 1628); Đức Long 德隆 (1629 - 1634); Dương Hòa 陽和 (1635 - 1643)

Thần Tông húy là Duy Kỳ 維祺, con vua Kính Tông. Làm vua đến năm Quý Mùi (1643) thì nhường ngôi cho Thái tử, mà làm Thái Thượng hoàng.





## TRỊNH

**Trịnh Tùng** mất năm Quý Hợi (1623)

**THANH ĐÔ VƯƠNG TRỊNH TRẮNG** 鄭梈 (1623-1657)

*Miếu hiệu là:* Văn Tổ Nghị Vương

Trịnh Tráng đánh họ Mạc ở Cao Bằng và khởi sự đánh nhau với họ Nguyễn ở đất Quảng Bình.

## NGUYỄN

Ông Nguyễn Phúc Nguyên chống với họ Trịnh ở Quảng Bình. Mất năm Ất Hợi (1635), thọ 73 tuổi.

**NHÂN QUẬN CÔNG NGUYỄN PHÚC LAN** 阮福瀾 (1635-1648)

Truy tôn là Thần Tông Hiếu Chiêu Hoàng đế, đương thời gọi là *chúa Thượng*.

Ông Nguyễn Phúc Lan là con thứ hai chúa Sãi, đánh nhau với họ Trịnh ở Quảng Bình.

## LÊ CHÂN TÔNG 黎真宗 (1643<sup>(1)</sup> - 1649)

*Niên hiệu:* Phúc Thái 福泰

Chân Tông húy là Duy Hữu 維祐, con vua Thần Tông, làm vua được 6 năm, thọ 20 tuổi.

Trong đời ngài, vua nhà Minh là Quế Vương đóng ở Quảng Tây sai sứ sang phong cho ngài là An Nam Quốc vương.

## TRỊNH

**Trịnh Tráng** đánh họ Nguyễn ở phía Nam

## NGUYỄN

**Ông Nguyễn Phúc Lan** mất năm Mậu Tý (1648) thọ 48 tuổi.

## DŨNG QUẬN CÔNG

**NGUYỄN PHÚC TẦN** 阮福瀾 (1648-1687)

Truy tôn là Thái Tông Hiếu Triết Hoàng đế, đương thời gọi là *chúa Hiền*.

Ông Nguyễn Phúc Tần đánh nhau với họ Trịnh ở đất Nghệ An. Lấy đất Chiêm Thành lập ra phủ Ninh Hòa và phủ Diên Khánh (tức là đất Khánh Hòa bây giờ).

(1) Sách gốc ghi là 1634, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

**LÊ THẦN TÔNG (1649 - 1662) (lần thứ hai)***Niên hiệu:* Khánh Đức 慶德 (1649 - 1652) -

Thịnh Đức 盛德 (1653 - 1657) - Vĩnh Thọ 永壽 (1658 - 1661) -

Vạn Khánh 萬慶 (1662)

Chân Tông mất không có con. Trịnh Tráng lại rước Thần Tông Thái Thượng hoàng về làm vua. Lần thứ hai này ngài làm vua được 13 năm thì mất, thọ 56 tuổi.

**TRỊNH****NGUYỄN****Trịnh Tráng** mất năm Đinh Dậu (1657).**Nguyễn Phúc Tần****TÂY VƯƠNG TRỊNH TẠC** 鄭柞 (1657 - 1682) (Chúa Hiền)*Miếu Hiệu là:* Hoàng Tổ Dương Vương

Trịnh Tạc đánh con cháu nhà Mạc lấy lại đất Cao Bằng. Đặt ra lệ vào chầu vua không lạy, só tấu không viết tên, và đặt giường ngồi ở bên tả ngai vua ngự.

**LÊ HUYỀN TÔNG** 黎玄宗 (1663 - 1671)*Niên hiệu:* Cảnh Trị 景治

Huyền Tông húy là Duy Vũ 維禡, con thứ hai vua Thần Tông. Trong đời ngài làm vua mới khởi đầu thông sứ với nhà Thanh, và cấm đạo Gia Tô. Ngài làm vua được 9 năm, thọ 18 tuổi.

**TRỊNH****NGUYỄN****Trịnh Tạc****Nguyễn Phúc Tần** (Chúa Hiền)**LÊ GIA TÔNG** 黎嘉宗 (1672 - 1675)*Niên hiệu:* Dương Đức 陽德 (1672 - 1673) -

Đức Nguyên 德元 (1674 - 1675)



Gia Tông húy là Duy Hội 維禔, con thứ ba vua Thần Tông. Lúc ngài lên hai tuổi thì Thần Tông mất, Trịnh Tạc đem về nuôi trong phủ. Khi vua Huyền Tông mất, không có con, Trịnh Tạc lập ngài lên làm vua, được 4 năm, thọ được 15 tuổi.

**TRỊNH****Trịnh Tạc****NGUYỄN****Nguyễn Phúc Tần** (Chúa Hiền)**LÊ HY TÔNG 黎熙宗 (1676 - 1705)**

Niên hiệu: Vĩnh Trị 永治 (1678 - 1680) -

Chính Hòa 正和 (1680 - 1705)

Hy Tông húy là Duy Hợp 維裕, con thứ tư vua Thần Tông. Khi Thần Tông mất, bà Trịnh Thị mới có thai được bốn tháng. Trịnh Tạc đem về nuôi ở bên phủ. Gia Tông mất không có con, Trịnh Tạc lập lên làm vua được 29 năm rồi truyền ngôi cho Thái tử mà làm Thái Thượng hoàng.

**TRỊNH****Trịnh Tạc** mất năm Nhâm Tuất (1682).**ĐỊNH VƯƠNG TRỊNH CĂN**

鄭根 (1682 - 1709)

*Miếu hiệu là:* Chiêu Tổ Khang Vương

Trịnh Căn làm chúa được 28 năm thì mất, truyền ngôi chúa cho cháu huyền tôn là Trịnh Cương.

**NGUYỄN****Nguyễn Phúc Tần** mất năm Đinh Mão (1687), thọ 68 tuổi.**HOÀNG QUỐC CÔNG****NGUYỄN PHÚC TRẦN** 阮福臻 (1687 - 1691)

Truy tôn là Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng đế, đương thời gọi là *chúa Nghĩa*.

Lập phủ ở Phú Xuân là chỗ kinh đô bây giờ. Mất năm Tân Mùi (1691), thọ 43 tuổi.

**TỘ QUỐC CÔNG****NGUYỄN PHÚC CHU** 阮福澗 (1691 - 1725)

Truy tôn là Hiến Tông Hiếu Minh Hoàng đế, đương thời gọi là *Quốc chúa*.

Ông Nguyễn Phúc Chu lấy hết nước Chiêm Thành (nay là đất Bình Thuận) và lại lấy đất Gia Định, Hà Tiên của Chân Lạp.

**LÊ DỤ TÔNG 黎裕宗 (1706 - 1729)**

*Niên hiệu:* Vĩnh Thịnh 永盛 (1706 - 1719) -

Bảo Thái 保泰 (1720 - 1729)

Dụ Tông húy là Duy Đường 維禔, làm vua được 24 năm, bị Trịnh Cương bắt phải truyền ngôi cho Thái tử là Duy Phương. Mất năm Tân Hợi (1731) thọ 52 tuổi.

**TRỊNH**

**Trịnh Căn** mất năm Kỷ Sửu (1709).

**AN ĐÔ VƯƠNG TRỊNH CƯƠNG**

鄭綱 (1709 - 1729)

*Miếu hiệu là:* Hy Tổ Nhân Vương

Mất năm Kỷ Dậu (1729).

**NGUYỄN**

**Nguyễn Phúc Chu** mất năm Ất Tỵ (1725), thọ 51 tuổi, có 146 người con.

**ĐÌNH QUỐC CÔNG NGUYỄN PHÚC CHÚ** 阮福澍 (1725-1738)

Truy tôn là Túc Tông Hiếu Ninh Hoàng đế mở mang đất Gia Định, và bảo hộ nước Chân Lạp.

**LÊ ĐẾ DUY PHƯƠNG 維枋 (1729 - 1732)**

*Niên hiệu:* Vĩnh Khánh 永慶

Duy Phương làm vua được 3 năm, bị Trịnh Giang vu cho tư thông với vợ Trịnh Cương, phải bỏ, giáng xuống làm Hôn Đức Công, rồi đến năm Nhâm Tý (1732) thì bị giết.

**TRỊNH**

**Trịnh Cương** mất

**UY NAM VƯƠNG TRỊNH GIANG**

鄭杠 (1729 - 1740)

*Miếu hiệu là:* Dụ Tổ Thuận Vương.

Trịnh Giang làm chúa xa xỉ và hung ác quá độ, giặc giã nổi lên rất nhiều.

**NGUYỄN**

**Nguyễn Phúc Chú**

**LÊ THUẦN TÔNG** 黎純宗 (1732 - 1735)*Niên hiệu:* Long Đức 龍德

Thuần Tông húy là Duy Tường 維祥. Ngài là con vua Dụ Tông, trước đã được lập làm Thái tử, sau bị Trịnh Cương bỏ để lập Duy Phương. Trịnh Giang lại bỏ Duy Phương lập ngài lên làm vua, mất năm Ất Mão (1735) thọ 37 tuổi.

**TRỊNH****Trịnh Giang****NGUYỄN****Nguyễn Phúc Chú****LÊ Ý TÔNG** 黎懿宗 (1735 - 1740)*Niên hiệu:* Vĩnh Hữu 永祐

Ý Tông húy là Duy Thìn 維禎, con vua Dụ Tông, Trịnh Giang bỏ con vua Thuần Tông mà lập ngài.

Năm Canh Thân (1740), Trịnh Doanh bắt ngài phải nhường ngôi cho con vua Thuần Tông, rồi làm Thái Thượng hoàng, mất năm Kỷ Mão (1759), thọ 41 tuổi.

**TRỊNH**

**Trịnh Giang** bị bỏ năm Canh Thân (1740), làm Thái Thượng vương. Em là Trịnh Doanh lên thay

**NGUYỄN**

**Nguyễn Phúc Chú** mất năm Mậu Ngọ (1738), thọ 43 tuổi.

**MINH ĐÔ VƯƠNG TRỊNH DOANH** **VÕ VƯƠNG NGUYỄN PHÚC**

鄭楹 (1740 - 1767)

**KHOÁT** 阮福濶 (1738 - 1765)*Miếu hiệu là:* Nghị Tổ Ân Vương.

Truy tôn là Thế Tông Hiếu Võ Hoàng đế.

Trịnh Doanh đánh dẹp giặc già trong nước.

Ông Nguyễn Phúc Khoát đánh Chân Lạp mở thêm đất ở Gia Định.

**LÊ HIỂN TÔNG 黎顯宗 (1740 - 1786)**

*Niên hiệu:* Cảnh Hưng 景興

Hiển Tông húy là Duy Diêu 維桃<sup>(1)</sup>, con vua Thuần Tông. Làm vua được 46 năm, thọ 70 tuổi.

**TRỊNH**

**Trịnh Doanh** mất năm Đinh Hợi (1767).

**TĨNH ĐÔ VƯƠNG TRỊNH SÂM 鄭森** (1767 - 1782)

*Miếu hiệu là:* Thánh Tổ Thịnh Vương

Trịnh Sâm dẹp yên giặc ở xứ Bắc. Lấy đất Thuận Hóa và đất Quảng Nam của chúa Nguyễn. Nhưng vì say đắm nàng Đặng Thị Huệ, mới bỏ con trưởng lập con thứ, làm thành ra cái mối biến loạn. Mất năm Nhâm Dần (1782).

**ĐIỆN ĐÔ VƯƠNG TRỊNH CÁN 鄭澣**

Làm chúa được 2 tháng bị quân Tam Phủ bỏ đi, lập anh là Trịnh Khải lên làm chúa.

**ĐOAN NAM VƯƠNG TRỊNH KHẢI 鄭楷** (1783 - 1786)

Bị Tây Sơn bắt được, phải tự tử năm Bính Ngọ (1786).

**NGUYỄN**

**Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát** xưng vương hiệu năm Giáp Tý (1744) và mất năm Ất Dậu (1765).

**ĐỊNH VƯƠNG NGUYỄN PHÚC THUẦN 阮福淳** (1765 - 1777)

Truy tôn là Diêu Tông Hiếu Định Hoàng đế.

Đời ngài làm chúa bị Trương Phúc Loan chuyên quyền. Quân Tây Sơn nổi lên đánh phía Nam, quân họ Trịnh đánh phía Bắc.

Sau quân chúa Trịnh vào lấy mất Phú Xuân, Định Vương chạy vào Gia Định bị tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Huệ giết mất. Ngài thọ 24 tuổi.

**NGUYỄN VƯƠNG**

**NGUYỄN PHÚC ÁNH 阮福映**

Tức là vua Thế Tổ Cao Hoàng đế nhà Nguyễn khởi binh ở Gia Định.

**LÊ MÃN ĐẾ 黎愍帝 (1787 - 1788)**

*Niên hiệu:* Chiêu Thống 昭統

Mãn Đế là cháu đích tôn vua Hiển Tông. Ngài bị quân Tây Sơn đánh thua chạy sang Tàu cầu cứu, sau đánh thua lại trở sang Tàu, bị quan Tàu làm nhục, rồi mất ở Yên Kinh.

(1) Chữ 桃 có thể phiên là Diêu hoặc Thiêu [BT].



## TRỊNH

### ÁN ĐÔ VƯƠNG TRỊNH BỔNG 鄭樞

Khi quân Tây Sơn về Nam rồi, đảng họ Trịnh lại lập Trịnh Bổng lên làm chúa. Vua gọi Nguyễn Hữu Chỉnh ra đánh họ Trịnh. Trịnh Bổng bỏ đi tu.

## NGUYỄN

### Nguyễn Vương Nguyễn Phúc

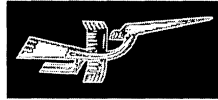
Ánh khôi phục đất Gia Định.



## CHƯƠNG II

# NAM TRIỀU BẮC TRIỀU

(1527 - 1592)



1. Chính trị nhà Mạc
2. Việc nhà Mạc giao thiệp với nhà Minh
3. Họ Nguyễn khởi nghĩa giúp nhà Lê
4. Quyền về họ Trịnh
5. Trịnh Tùng thống lĩnh binh quyền
6. Khôi phục thành Thăng Long
7. Nhà Mạc mất ngôi
8. Việc nhà Hậu Lê giao thiệp với nhà Minh
9. Con cháu nhà Mạc ở Cao Bằng

### 1. Chính trị nhà Mạc

Năm Đinh Hợi (1527) Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê lên làm vua, đặt niên hiệu là Minh Đức.

Nhà Mạc tuy đã làm vua, nhưng còn sợ lòng người nhớ nhà Lê, cho nên công việc gì cũng theo phép nhà Lê cả, rồi lại tặng phong cho những người vì nhà Lê mà tuấn tiết, và lục dụng những con cháu các quan cự thần, phong cho quan tước để dụ về với mình. Nhưng mà kẻ thì trốn tránh vào ở chỗ sơn lâm, kẻ thì đi ra ngoại quốc, kẻ thì đổi họ tên, không mấy người chịu phục. Lại có kẻ tức giận vì họ Mạc làm điều gian ác, tụ họp những người nghĩa khí nổi lên đánh phá, như Lê Công Uyên 黎公淵, Nguyễn Ngã 阮我, Nguyễn Thọ Trường 阮壽長, khởi nghĩa ở đất Thanh Hóa, nhưng vì thế lực không đủ, cho





nên phải thua. Sau lại có Lê Ý 黎意 nổi lên đánh họ Mạc ở đất Mã Giang, mấy phen đã được thắng trận, nhưng cũng vì khinh địch cho nên đến nỗi phải bắt.

Mạc Đăng Dung bắt chước lối nhà Trần, làm vua được ba năm thì nhường ngôi cho con là Mạc Đăng Doanh 莫登瀛 rồi về ở Cổ Trai, làm Thái Thượng hoàng.

Năm Canh Dần (1530) Mạc Đăng Doanh lên làm vua, đặt niên hiệu là Đại Chính. Đăng Doanh tuy làm vua nhưng công việc trong nước thường do Đăng Dung quyết đoán cả.

Mạc Đăng Doanh làm vua được 10 năm, đến năm Canh Tý (1540) thì mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc Phúc Hải.

Mạc Phúc Hải 莫福海 lên nối ngôi, đổi niên hiệu là Quảng Hòa 廣和.

## 2. Việc nhà Mạc giao thiệp với nhà Minh

Từ khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê rồi, quan nhà Lê đã có người sang kêu cầu bên Tàu để xin viện binh. Vua nhà Minh đã sai quan đi đến Vân Nam cùng với quan Tuần phủ sở tại tra xét bên An Nam thực hư thế nào.

Quan nhà Lê sang Vân Nam kể rõ việc họ Mạc làm điều thí nghịch. Quan nhà Minh tâu với vua xin cử binh mã sang đánh.

Việc định sang đánh họ Mạc không phải là vua nhà Minh có vị gì họ Lê, nhưng chẳng qua cũng muốn nhân lúc nước Nam có biến, lấy cớ mà sang làm sự chiếm giữ như khi trước sang đánh họ Hồ vậy. Ta phải biết rằng phàm những việc nước nọ giao thiệp với nước kia thì thường là người ta mượn tiếng “vị nghĩa” mà làm những việc “vị lợi” mà thôi.

Năm Đinh Dậu (1537) vua nhà Minh bèn sai Cừu Loan 仇鸞 làm Đô đốc, Mao Bá Ôn 毛伯溫 làm Tán lý quân vụ, đem quân sang đóng gần cửa Nam Quan rồi truyền hịch đi mọi nơi,



hễ ai bắt được cha con Mạc Đăng Dung thì thưởng cho quan tước và hai vạn bạc. Lại sai người đưa thư sang cho Mạc Đăng Dung bảo phải đưa sổ ruộng đất nhân dân sang nộp và chịu tội, thì được tha cho khỏi chết.

Mạc Đăng Dung sai bọn Nguyễn Văn Thái 阮文泰 sang sứ nhà Minh để xin hàng.

Đến tháng 11 năm Canh Tý (1540), Mạc Đăng Dung thấy quân nhà Minh sửa soạn sang đánh, sợ hãi quá chừng, bèn để Mạc Phúc Hải ở lại giữ nước, rồi cùng với bọn Vũ Như Quế 武如桂 cả thảy hơn 40 người, tự trói mình ra hàng, sang chịu tội ở cửa Nam Quan, lạy phục xuống đất để nộp sổ điền thổ và sổ dân đinh, lại xin dâng 5 động: là động Tê Phù, động Kim Lạc, động Cổ Xung, động Liễu Cát, động La Phù và đất Khâm Châu. Lại đem vàng bạc dành riêng cho nhà Minh.

Quan nhà Minh tuy làm bộ hống hách nói đem binh sang đánh, nhưng cũng sợ phải cái vạ như mấy năm bình định ngày trước, và lại được tiền bạc của Đăng Dung rồi, cái lòng nhiệt thành vì quốc cũng nguội đi, cho nên mới tâu với vua nhà Minh xin phong cho Mạc Đăng Dung làm chức Đô thống sứ 都統使 hàm quan nhị phẩm nhà Minh.

Mạc Đăng Dung đã làm tội nhà Lê mà lại giết vua để cướp lấy ngôi, ấy là người nghịch thần; đã làm chủ một nước mà không giữ lấy bờ cõi, lại đem cắt đất mà dâng cho người, ấy là một người phản quốc. Làm ông vua mà không giữ được cái danh giá cho trọn vẹn, đến nỗi phải cỡi trần ra trói mình lại, đi đến quỳ lạy ở trước cửa một người tướng của quân nghịch để cầu lấy cái phú quý cho một thân mình và một nhà mình, ấy là một người không biết liêm sỉ.

Đối với vua là nghịch thần, đối với nước là phản quốc, đối với cách ăn ở của loài người là không có nhân phẩm; một người như thế ai mà kính phục? Cho nên dầu có lấy được giang sơn



nhà Lê, dẫu có mượn được thế nhà Minh bênh vực mặc lòng, một cái cơ nghiệp dựng lên bởi sự gian ác hèn hạ như thế, thì không bao giờ bền chặt được. Cũng vì cố ấy cho nên con cháu họ Lê lại trung hưng lên được.

### 3. Họ Nguyễn khởi nghĩa giúp nhà Lê

Khi Mạc Đăng Dung làm sự thoán đoạt thì các quan cự thần trốn tránh đi cũng nhiều. Thuở ấy có người con ông Nguyễn Hoàng Dụ 阮弘裕, tên là Nguyễn Kim 阮淦 (hay là Nguyễn Hoàng Kim)<sup>(1)</sup> làm quan Hữu vệ Điện tiền Tướng quân An Thanh Hầu 右衛殿前將軍安清侯, trốn sang Ai Lao. Vua nước ấy là Xạ Đẩu 乍鬥 cho đến ở xứ Sầm Châu 岑州 (thuộc Trấn Man phủ, đất Thanh Hóa). Ông Nguyễn Kim đến ở Sầm Châu rồi cho người đi tìm con cháu nhà Lê để đồ sự khôi phục. Đến năm Nhâm Thìn<sup>(2)</sup> (1532) tìm được một người con rớt vua Chiêu Tông tên là Duy Ninh 維寧 lập lên làm vua, tức là Trang tông 莊宗. Khi ấy lại có một người tướng giỏi tên là Trịnh Kiểm 鄭檢, ở làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, phủ Quảng Hóa. Ông Nguyễn Kim thấy người có tài, gả con gái là Ngọc Bảo cho, để cùng ra sức giúp nhà Lê, dứt nhà Mạc.

Vua tôi nhà Lê nương náu ở Sầm Châu để chiêu tập quân sĩ, mãi đến năm Canh Tý (1540), ông Nguyễn Kim mới đem quân về đánh Nghệ An. Năm Nhâm Dần (1542), Trang Tông mới cất quân về đánh Thanh Hóa và Nghệ An, qua năm sau (1543) thì thu phục được đất Tây Đô, quan Tổng trấn nhà Mạc là Dương Chấp Nhất 楊執一 ra hàng.

---

(1) Xem sách *Việt Nam khai quốc chí truyện*, thì ông Nguyễn Kim tức là ông Nguyễn Hoàng Kim, là con ông Nguyễn Hoàng Dụ, cháu ông Nguyễn Văn Lang, đều làm quan nhà Lê cả.

(2) Sách gốc ghi là năm Quý Ty, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

#### 4. Quyền về họ Trịnh

Năm Ất Tỵ (1545) ông Nguyễn Kim đem quân tiến lên đánh Sơn Nam, đi đến huyện Yên Mô, bị Dương Chấp Nhất là hàng tướng nhà Mạc đánh thuốc độc chết. Những binh quyền giao cả lại cho con rể là Trịnh Kiểm.

Trịnh Kiểm rút quân về Thanh Hóa, lập hành điện ở đồn Vạn Lại (thuộc huyện Thụy Nguyên, Thanh Hóa) để cho vua ở, rồi chiêu mộ những kẻ hào kiệt, luyện tập quân sĩ, tích trữ lương thảo để lo việc đánh họ Mạc.

Bấy giờ có những người danh sĩ như là các ông Phùng Khắc Khoan 馮克寬 (tức là trạng Bùng), ông Lương Hữu Khánh 梁有慶 đều vào giúp nhà Lê. Giang sơn bấy giờ chia làm hai: từ Thanh Hóa trở vào thuộc nhà Lê, làm Nam triều; từ Sơn Nam trở ra thuộc về họ Mạc, làm Bắc triều.

Năm Bính Ngọ (1546) Mạc Phúc Hải mất, truyền ngôi lại cho con là Mạc Phúc Nguyên 莫福源, niên hiệu Vĩnh Định.

Năm Mậu Thân (1548) vua Trang Tông mất, Trịnh Kiểm lập Thái tử tên là Duy Huyền 維渲 lên làm vua, được 8 năm thì mất, tức là Trung Tông.

Vua Trung Tông mất không có con, mà bấy giờ dòng dõi họ Lê cũng không có ai, việc binh quyền thì ở trong tay Trịnh Kiểm cả.

Tục truyền rằng Trịnh Kiểm đã lưỡng lự muốn tự xưng làm vua, nhưng còn chưa dám định hẳn bề nào, các quan cũng không ai biết làm thế nào cho phải. Sau Trịnh Kiểm cho người đi lên ra Hải Dương hỏi ông Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙<sup>(1)</sup>, tức là trạng Trình, xem nên làm thế nào.

(1) Ông Nguyễn Bình Khiêm làm quan nhà Mạc, được phong là Trình Quốc Công cho nên mới gọi là trạng Trình, sau về trí sĩ ở làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương.



Ông Nguyễn Bình Khiêm không nói gì cả, chỉ ngoảnh lại bảo đầy tớ rằng: “*Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ*”. Nói rồi lại sai đầy tớ ra bảo tiểu quét dọn chùa và đốt hương, để ông ra chơi chùa, rồi bảo tiểu rằng: “*Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản*”.

Sứ giả về kể chuyện lại cho Trịnh Kiểm nghe. Trịnh Kiểm hiểu ý, mới cho người đi tìm con cháu họ Lê. Sau tìm được người cháu huyền tôn ông Lê Trừ 黎除, là anh vua Thái Tổ, tên là Duy Bang 維邦, ở làng Bố Vệ, huyện Đông Sơn, rước về lập lên làm vua.

Bấy giờ nhà Lê thì lo đánh họ Mạc để khôi phục lại đất Đông Đô, nhà Mạc thì muốn trừ họ Lê để nhất thống thiên hạ. Nhưng từ khi ông Nguyễn Kim mất rồi, và trong mấy năm về đời vua Trung Tông, Trịnh Kiểm cứ giữ thế thủ ở đất Thanh Hóa, để sửa sang việc binh lương, đợi ngày ra đánh họ Mạc.

Nhà Mạc sai Mạc Kính Điển 莫敬典 là chú Mạc Phúc Nguyên cầm quân đi đánh họ Lê.

Mạc Kính Điển đem binh vào đánh Thanh Hóa cả thủy kế hơn mười phen, phen nào cũng phải thua trở về. Trịnh Kiểm cũng ra đánh Sơn Nam kể vừa 6 lần, nhưng không có lần nào được toàn thắng. Chỉ có năm Kỷ Mùi (1559) Trịnh Kiểm đem 6 vạn quân ra đánh mặt Bắc, đã lấy được những tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa, Thái Nguyên, Kinh Bắc, Lạng Sơn và các huyện ở mặt Hải Dương, tưởng đã sắp thành công, nhưng lại bị Mạc Kính Điển đem một đạo quân đi đường bộ vào đánh Thanh Hóa nguy cấp lắm, Trịnh Kiểm lại phải bỏ miền Bắc về giữ đất Tây Đô. Thành ra hai bên cứ giữ nhau mãi: nhà Lê tuy đã trung hưng, nhưng giang sơn vẫn chưa thu lại được như cũ, mà nhà Mạc có làm vua, thì cũng chỉ làm vua ở miền Bắc mà thôi.

Năm Tân Dậu (1561) vua nhà Mạc là Phúc Nguyên mất, con là Mạc Mậu Hợp 莫茂洽 lên nối ngôi làm vua.



Việc tranh chiến vẫn cứ như trước: khi thì Trịnh Kiểm ra đánh Sơn Nam, khi thì Mạc Kính Điển vào đánh Thanh Hóa, hai bên không bên nào được hẳn.

## 5. Trịnh Tùng thống lĩnh binh quyền

Năm Canh Ngọ (1570) Trịnh Kiểm mất, trao quyền lại cho con trưởng là Trịnh Cối 鄭棖 để lo việc đánh dẹp. Nhưng Trịnh Cối hay say đắm tửu sắc, tướng sĩ không mấy người phục; lại có em là Trịnh Tùng 鄭松 ý muốn cướp quyền của anh, bèn cùng với bọn Lê Cập Đệ 黎及第, Trịnh Bách 鄭柏 rước vua về đồn Vạn Lại, rồi chia quân ra chống với Trịnh Cối.

Đương khi hai anh em họ Trịnh đánh nhau, thì Mạc Kính Điển lại đem hơn 10 vạn quân vào đánh Thanh Hóa, Trịnh Cối liệu thế địch không nổi, bèn đem quân về hàng họ Mạc, được giữ quan tước như cũ. Quân nhà Mạc thừa thế tiến lên đến sông Mã Giang, tràn sang đóng ở đất Hà Trung, rồi đến vây đánh An Trường (thuộc huyện Thụy Nguyên) là chỗ vua nhà Lê đóng.

Bấy giờ vua Anh Tông về ở Đông Sơn, phong cho Trịnh Tùng làm Tả Thừa tướng, tiết chế chư quân, để chống giữ với quân nhà Mạc. Trịnh Tùng sai các tướng giữ mọi nơi rất là chắc chắn. Mạc Kính Điển đánh mãi không được, lâu ngày hết lương phải rút quân về Bắc.

Quân nhà Mạc rút về rồi, vua phong cho Trịnh Tùng làm Thái úy Trưởng quốc công 太尉長國公, và thăng thưởng cho các tướng sĩ. Lại sai ông Phùng Khắc Khoan đi chiêu tập những hoang dân ở Thanh Hóa về yên nghiệp làm ăn, và chỉnh đốn việc chính trị lại.

Bấy giờ việc gì cũng do ở Trịnh Tùng quyết đoán cả, uy quyền hống hách, vua cũng lấy làm lo. Lê Cập Đệ 黎及第 thấy vậy, mưu với vua để trừ họ Trịnh, nhưng Trịnh Tùng biết ý



dùng mưu giết Cáp Đê, vua Anh Tông biết sự không thành, lo sợ lắm, bèn cùng với bốn hoàng tử chạy vào Nghệ An.

Trịnh Tùng thấy vua xuất ngoại rồi, bèn cho người đi rước hoàng tử thứ năm là Duy Đàm 維潭 ở làng Quảng Thi, huyện Thụy Nguyên về lập lên làm vua, rồi sai Nguyễn Hữu Liêu 阮有僚 đem binh đi đuổi theo vua Anh Tông.

Anh Tông vào đến đất Nghệ An, thấy quân đuổi đến, vội vàng ẩn vào trong vườn mía, nhưng bị Hữu Liêu tìm thấy đưa về, đến huyện Lôi Dương thì Trịnh Tùng sai người đến giết đi, rồi nói rằng vua tự thất cổ chết.

Trịnh Tùng giết vua Anh Tông rồi, thăng thưởng cho những người đồng đảng với mình, và chia quân ra phòng giữ các nơi để chống với quân nhà Mạc.

Từ năm Quý Dậu (1573) cho đến năm Quý Mùi (1583) vừa 10 năm, Trịnh Tùng cứ giữ vững đất Thanh Hóa, Nghệ An, để cho quân nhà Mạc vào đánh phải hao binh tổn tướng. Trong bấy nhiêu năm, tướng nhà Mạc là Mạc Kính Điển 莫敬典, Nguyễn Quyện 阮倦 và Mạc Ngọc Liễn 莫玉璉, khi thì vào đánh Thanh Hóa, khi thì vào đánh cả mặt Thanh và mặt Nghệ, nhưng mà không bao giờ thành công, phen nào cũng được một vài trận rồi lại thua, phải rút quân về.

Từ năm Kỷ Mão<sup>(1)</sup> (1579) trở đi, Mạc Kính Điển mất rồi, Mạc Đôn Nhượng 莫敦讓 đem binh vào đánh họ Lê, nhưng cũng không được trận nào.

## 6. Khôi phục thành Thăng Long

Đến năm Quý Mùi (1583) Trịnh Tùng xem thế mình đã mạnh, mới cử binh mã ra đánh Sơn Nam lấy được thóc gạo đem về. Từ đó về sau năm nào cũng ra đánh, bắt quân nhà Mạc

---

(1) Sách gốc ghi là năm Ất Mão, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

phải đổi thế công ra thế thủ. Và nhà Mạc thấy thế nhà Lê ngày một mạnh, bèn bắt quân dân đắp ba từng lũy, đào ba lần hào ở ngoài thành Đại La để làm kế thủ bị.

Quân nhà Lê ra đánh trận nào được trận ấy, Trịnh Tùng bèn quyết ý cử đại binh ra đánh Thăng Long.

Năm Tân Mão (1591) Trịnh Tùng sai Diễn Quận công Trịnh Văn Hải 演郡公鄭文海, Thái Quận công Nguyễn Thất Lý 泰郡公阮七里 đem binh trấn thủ các cửa bể và các nơi hiểm yếu. Sai Thọ Quận công Lê Hòa 壽郡公黎和 ở lại giữ ngự dinh và cả địa hạt Thanh Hóa. Phòng bị đâu đó rồi, bèn đem hơn 5 vạn quân chia ra làm 5 đội, sai quan Thái phó Nguyễn Hữu Liêu 太傅阮有僚, quan Thái úy Hoàng Đình Ái 太尉黃廷愛, Lân Quận công Hà Thế Lộc 鄰郡公河世祿, Thế Quận công Ngô Cảnh Hữu 世郡公吳景祐, mỗi người lĩnh một đội, còn Trịnh Tùng tự lĩnh 2 vạn quân ra cửa Thiên Quan (Ninh Bình), qua núi Yên Mã (ở huyện An Sơn) đất Tân phong (tức là Tiên Phong) rồi kéo về đóng ở Tốt Lâm (?).

Vua nhà Mạc là Mạc Mậu Hợp cũng điều động tất cả quân bốn vệ và quân năm phủ được hơn 10 vạn, sai Mạc Ngọc Liên và Nguyễn Quyện lĩnh hai đạo đi làm tả hữu dục; Mậu Hợp tự dẫn trung quân đến đóng đối trận với quân Trịnh Tùng.

Trịnh Tùng thấy quân Mạc đã đến, bèn tự mình đốc tướng sĩ thế đánh cho được giặc dễ báo thù. Quân họ Trịnh đánh rất hăng, quân nhà Mạc chống không nổi, thua to, chết đến hàng vạn người. Mạc Mậu Hợp bỏ chạy. Quân họ Trịnh thừa thế đuổi tràn gần đến thành Thăng Long. Nhưng vì bấy giờ vừa đến tết Nguyên Đán, cho nên Trịnh Tùng đình chiến lại cho quân sĩ nghỉ ngơi ăn tết. Qua sang tháng giêng năm Nhâm Thìn (1592) Trịnh Tùng lập đàn tế trời đất và các vua nhà Lê rồi đặt ba điều ước để cấm quân sĩ.

1. Không được vào nhà dân mà lấy đồ ăn và củi đuốc.
2. Không được cướp lấy của cải và chặt lấy cây cối.





3. Không được dâm hiếp đàn bà con gái, và không được vì tư thù mà giết người.

Ai phạm ba điều ấy thì cứ theo quân pháp mà trị. Đoạn rồi, tiến quân lên đánh Thăng Long thành.

Mạc Mậu Hợp thấy quân nhà Lê lại tiến lên, bèn sai Mạc Ngọc Liễn 莫玉璉, Bùi Văn Khuê 裴文奎, Nguyễn Quyện 阮倦 và Trần Bách Niên 陳百年 ở lại giữ thành Thăng Long, rồi đem quân sang sông Nhị Hà về đóng ở làng Thổ Khối 土塊.

Trịnh Tùng sai tướng chia quân vây đánh các cửa thành. Quân nhà Mạc giữ không nổi, ba tầng lũy đều phải phá cả, bọn Mạc Ngọc Liễn, Bùi Văn Khuê phải bỏ thành mà chạy, Nguyễn Quyện thì phải bắt.

Trịnh Tùng lấy được thành Thăng Long rồi, bắt quân phá những hào lũy đi, san phẳng ra làm bình địa, rồi về Thanh Hóa đem tin thắng trận cho vua biết.

Sử không nói rõ tại làm sao Trịnh Tùng đã lấy được Thăng Long mà không đánh rần đi, lại bỏ về Thanh Hóa. Có lẽ là tại quân họ Trịnh tuy thắng trận, nhưng tướng sĩ đều mệt mỏi, vả lại thế họ Mạc hãy còn mạnh, ở lại sợ giữ không nổi, cho nên phải bỏ mà về.

Trịnh Tùng đã bỏ Thăng Long về Thanh Hóa, nhưng Mậu Hợp không biết nhân lấy dịp ấy mà sửa sang việc võ bị, chỉnh đốn việc chính trị, lại cứ say đắm tửu sắc, bạc đãi các tướng sĩ, đến nỗi công việc hỏng nát, thân mình bị hại.

Bấy giờ Bùi Văn Khuê có người vợ tên là Nguyễn Thị 阮氏 nhan sắc hơn người, Mạc Mậu Hợp muốn giết Văn Khuê đi để lấy Nguyễn Thị làm vợ.

Văn Khuê biết ý đem vợ vào ở huyện Gia Viễn (thuộc Ninh Bình). Mậu Hợp cho quân vào bắt. Văn Khuê phải xin về hàng với Trịnh Tùng.



## 7. Nhà Mạc mất ngôi

Trịnh Tùng được Văn Khuê về hàng, mừng lắm, liền sai Hoàng Đình Ái ra đón Văn Khuê rồi đem đi làm tiên đội, tự mình lại đem đại binh trở ra Tràng An, gặp quân nhà Mạc ở sông Thiên Phái (ở về cuối huyện Ý Yên và huyện Phong Doanh, tỉnh Nam Định), đánh nhau một trận, lấy được 70 chiếc thuyền. Tướng nhà Mạc là Trần Bách Niên về hàng.

Quân Trịnh Tùng kéo ra Bình Lục, sang Thanh Oai đóng ở bãi Tinh Thần (bây giờ là xã Thanh Thần ở huyện Thanh Oai) rồi tiến lên đến sông Hát Giang, cửa sông Đáy ra sông Hồng Hà, gặp tướng nhà Mạc là Mạc Ngọc Liễn, đánh đuổi một trận lấy được chiến thuyền kể hàng nghìn chiếc.

Mạc Mậu Hợp được tin quân mình thua to, bỏ thành Thăng Long chạy sang Hải Dương về đóng ở Kim Thành 金城 thuộc Hải Dương.

Trịnh Tùng ra đến Thăng Long, rồi sai Nguyễn Thất Lý, Bùi Văn Khuê và Trần Bách Niên sang đánh Mậu Hợp ở Kim Thành, lấy được vàng bạc của cải nhiều lắm, và bắt được mẹ Mậu Hợp đem về.

Mạc Mậu Hợp thấy quân mình thua luôn, bèn giao quyền chính trị cho con là Mạc Toàn 莫全 rồi tự mình làm tướng đem quân đi đánh.

Bấy giờ quan nhà Mạc là bọn Đỗ Ưông 杜汪, Ngô Tạo 吳造, cả thảy 17 người về hàng nhà Lê.

Trịnh Tùng sang đóng quân ở huyện Vĩnh Lại, rồi sai Phạm Văn Khoái 范文快 đem quân đi đuổi đánh Mậu Hợp ở huyện Yên Dũng và huyện Vũ Ninh (nay là Vũ Giang). Mạc Mậu Hợp phải bỏ thuyền chạy lên bộ, vào ẩn trong cái chùa ở huyện Phượng Nhãn. Văn Khoái đuổi đến đấy, có người chỉ dẫn bắt được đem về Thăng Long, làm tội sống ba ngày, rồi chém đầu đem vào bêu ở trong Thanh Hóa.



Bấy giờ có con Mạc Kính Điển là Mạc Kính Chỉ 莫敬止 ở đất Đông Triều biết tin Mạc Mậu Hợp đã bị bắt, bèn tự lập làm vua, đóng ở huyện Thanh Lâm. Con cháu họ Mạc hơn 100 người và các quan văn võ đều về đây cả, rồi treo bảng chiêu mộ quân sĩ, chẳng bao lâu được sáu bảy vạn người. Mạc Toàn là con Mạc Mậu Hợp cũng theo về với Mạc Kính Chỉ.

Trịnh Tùng thấy Kính Chỉ lại nổi lên, thanh thế to lắm, quan quân đánh mãi không được, bèn đem quân sang đánh ở huyện Cẩm Giang và huyện Thanh Lâm, bắt được Kính Chỉ và con cháu họ Mạc cùng các quan cả thảy hơn 60 người. Trịnh Tùng đánh được trận ấy, rồi về Thăng Long, sai quan vào rước vua Thế Tông ra Đông Đô, mở triều và thăng thưởng cho các tướng sĩ.

Năm sau, tướng nhà Mạc là Mạc Ngọc Liễn tìm được một người con Mạc Kính Điển là Mạc Kính Cung 莫敬恭 lập lên làm vua, chiếm giữ châu Yên Bắc ở đất Lạng Sơn để làm căn bản. Nhưng chẳng bao lâu quan Thái úy là Hoàng Đình Ái đem binh lên đánh. Mạc Kính Cung và Mạc Ngọc Liễn phải chạy sang Long Châu. Ít lâu Ngọc Liễn chết có để thư lại dặn Kính Cung rằng: *“Nay họ Lê lại dấy lên được, ấy là số trời đã định; còn dân ta thì có tội gì, mà ta nỡ để khổ sở mãi về việc chiến tranh? Vậy ta nên đành phận lánh mình ở nước ngoài, chứ đừng có đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình”*.

Trung hậu thay, mấy lời dặn lại của Mạc Ngọc Liễn! Chỉ tiếc vì họ Mạc không ai chịu theo!

Từ đó nhà Mạc mất ngôi làm vua, ngày sau tuy Mạc Kính Cung nhờ có nhà Minh bên vực được về ở đất Cao Bằng, nhưng cũng là ở một chỗ nhỏ mọn gần chỗ biên thùỳ mà thôi.

Nhà Mạc làm vua từ Mạc Đăng Dung cho đến Mạc Mậu Hợp là từ năm Đinh Hợi (1527) đến năm Nhâm Thìn (1592) kể vừa được 65 năm.



Trịnh Tùng tuy đã lập được công to: dứt được nhà Mạc, lấy lại được đất Đông Đô, nhưng nhà Minh vẫn có ý bênh nhà Mạc không chịu nhận nhà Lê. Vả con cháu họ Mạc hãy còn nhiều; nay xưng vương chỗ này, mai khởi loạn chỗ khác, cho nên Trịnh Tùng phải một mặt dùng trí mà giữ cho nhà Minh khỏi quấy nhiễu, và một mặt dùng lực mà đánh dẹp dư đảng họ Mạc.

## 8. Việc nhà Hậu Lê giao thiệp với nhà Minh

Khi Trịnh Tùng đã thu phục được thành Thăng Long rồi, người nhà Mạc sang kêu với vua nhà Minh rằng họ Trịnh nổi lên tranh ngôi, chứ không phải là con cháu nhà Lê.

Vua nhà Minh sai quan đến Nam Quan khám xét việc ấy.

Tháng 3 năm Bính Thân (1596) vua Thế Tông sai quan Hộ bộ Thượng thư là Đỗ Uông 杜汪 và quan Đô ngự sử là Nguyễn Văn Giai 阮文階 lên Nam Quan tiếp quan Tàu. Sau lại sai hai ông hoàng thân là Lê Cảnh 黎梗, Lê Lựu 黎榴 cùng với quan Công bộ tả thị lang là Phùng Khắc Khoan 馮克寬 đem 10 người kỳ mục, 100 cân vàng, 1.000 cân bạc, cái ấn An Nam Đô thống sứ của nhà Mạc và cái ấn An Nam Quốc vương của vua nhà Lê ngày trước, sang cho quan nhà Minh khám. Nhưng quan nhà Minh lại bắt vua Thế Tông phải thân hành sang hội ở cửa Nam Quan.

Trịnh Tùng sai Hoàng Đình Ái 黃廷愛, Nguyễn Hữu Liêu 阮有僚 đem một vạn quân đi hộ giá, đưa vua sang phó hội. Sang đến nơi, quan nhà Minh lại đòi phải nộp người vàng và ấn vàng như tích cũ, rồi không chịu đến hội. Vua chờ lâu, không xong việc lại phải trở về.

Đến tháng tư năm sau, sứ nhà Minh lại sang mời vua Thế Tông lên hội ở Nam Quan. Triều đình sai quan Thái úy Hoàng Đình Ái đem 5 vạn quân đi hộ giá sang hội ở Nam Quan.

Đến khi xa giá về, Trịnh Tùng đem các quan đi đón mừng rồi về sai Công bộ tả thị lang Phùng Khắc Khoan 馮克寬 làm



chánh sứ, quan Thái thường Tự khanh Nguyễn Nhân Thiệm 阮仁瞻 làm phó sứ, đem đồ lễ sang Yên Kinh cống nhà Minh và xin phong.

Vua nhà Minh chỉ phong cho vua Thế Tông làm An Nam Đô thống sứ. Ông Phùng Khắc Khoan dâng sớ tâu rằng: “Đô thống sứ là chức cũ của họ Mạc, chứ vua nước Nam là dòng dõi họ Lê, mà phong cho chức ấy thì không xứng đáng”. Vua nhà Minh nói giả lờ rằng: Vẫn biết họ Lê không ví như họ Mạc, nhưng lúc đầu mới phong, hãy tạm cho chức ấy, rồi về sau sẽ phong vương.

Ông Phùng Khắc Khoan phải chịu mà về. Từ đó nhà Minh với nhà Lê lại thông sứ như trước.

## 9. Con cháu nhà Mạc ở Cao Bằng

Từ khi Mạc Mậu Hợp và Mạc Kính Chỉ phải bắt rồi, con cháu họ Mạc ẩn ở các nơi để mong đường khôi phục. Bấy giờ có Mạc Kính Chương 莫敬章 xưng làm Tráng Vương 壯王, chiếm giữ từ huyện Đông Triều cho đến đất Yên Quảng.

Năm Bính Thân (1596) Trịnh Tùng sai quan trấn thủ Hải Dương là Phan Ngạn 潘彦 đánh bắt được Kính Chương.

Lại có người Mạc Kính Dụng 莫敬用 là con Mạc Kính Chỉ chiếm giữ đất Yên Bắc (Lạng Sơn) xưng làm Uy Vương 威王, nhưng cũng chẳng bao lâu bị quân họ Trịnh bắt được.

Còn Mạc Kính Cung 莫敬恭 trước đã chạy sang ở Long Châu, sau lại về cùng với đảng mình đánh phá ở đất Cao Bằng và đất Lạng Sơn. Trịnh Tùng sai quan lên đuổi đánh, nhưng Mạc Kính Cung sang kêu với nhà Minh, vua nhà Minh cho đưa thư sang bắt nhà Lê phải để đất Cao Bằng cho con cháu họ Mạc.

Nhà Lê bắt buộc phải để đất Cao Bằng cho họ Mạc ở.

# MAC TRIỀU THẾ PHỔ

莫朝世譜

## 1. MAC ĐĂNG DUNG

莫登庸

## 2. Mac Đăng Doanh

莫登瀛

## Mac Chính Trung

莫正中

## 3. Mac Phúc Hải

莫福海

## Mac Kính Điển

莫敬典

## Mac Đôn Nhượng

莫敦讓

## 4. Mac Phúc Nguyên

莫福源

## Kính Chi

敬止

## Kính Phu

敬敷

## Kính Chương

敬章

## Kính Giản

敬簡

## Kính Cung

敬恭

## 5. Mac Mậu Hợp

莫茂洽

## Kính Dụng

敬用

## Kính Khoan

敬寬

## Mac Toàn

莫全

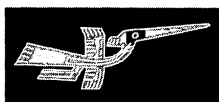
## Kính Vũ (Hoàn)

敬宇(完)



### CHƯƠNG III

## TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH



1. *Họ Trịnh xưng chúa miền Bắc*
2. *Họ Nguyễn xưng chúa miền Nam*

### 1. **Họ Trịnh xưng chúa miền Bắc**

Từ khi Trịnh Tùng 鄭松 dứt được họ Mạc, thu giang sơn lại cho nhà Lê rồi, mỗi ngày một kiêu hãnh, chiếm giữ lấy quyền chính trị và lại hà hiếp nhà vua. Họ Nguyễn ở trong Thuận Hóa 順化 thấy họ Trịnh chuyên quyền, cũng tự xưng độc lập ở miền Nam, làm thành ra Nam Bắc đôi nơi và gây nên sự chiến tranh rất là tàn hại cho nước nhà.

Năm Kỷ Hợi (1599) đời vua Thế Tông nhà Lê, Trịnh Tùng thu xếp xong việc thông sứ với nhà Minh, và đã chịu nhường đất Cao Bằng cho con cháu nhà Mạc rồi, trong nước đã yên dân, bèn tự xưng làm Đô nguyên súy Tổng quốc chính Thượng phụ Bình An Vương 都元帥總國政尚父平安王, rồi định lệ cấp bổng cho vua được thu thuế 1.000 xã, gọi là *lộc thượng tiến* 祿上進, cấp cho vua 5.000 lính để làm quân túc vệ. Còn những việc đặt quan, thu thuế, bắt lính, trị dân, đều thuộc về quyền họ Trịnh cả. Chỉ có khi nào thiết triều hay là tiếp sứ thì mới cần đến vua mà thôi.

Từ đó về sau, họ Trịnh cứ thế tập làm vương, tục gọi là chúa Trịnh.



Uy quyền họ Trịnh bấy giờ hống hách như thế và các quan lại theo về họ Trịnh cả. Giả sử Trịnh Tùng có muốn dứt nhà Lê đi mà làm vua, thì cũng không khó gì. Tuy vậy mà Trịnh Tùng không dám làm, là tại sao? Tại lẽ rằng ở phía Bắc sợ có nhà Minh sinh sự lôi thôi, lại có họ Mạc còn giữ đất Cao Bằng, nhờ có làm điều gì phản trắc, thì e quân nghịch nổi lên lấy *phù Lê thảo Trịnh* làm cớ.

Vả chẳng mặt Nam còn có họ Nguyễn, thế lực cũng chẳng kém hèn gì, mà lại có ý độc lập để tranh quyền với họ Trịnh. Chi bằng không lấy nước cũng như lấy nước, không làm vua mà lại hơn vua. Và bao giờ có phải đi đánh dẹp nơi nào, vẫn lấy lệnh thiên tử mà sai khiến mọi người, không ai bẻ bắt gì được. Bởi thế cho nên họ Trịnh đành chịu ngôi thứ nhì trong nước mà giữ quyền cả nước.

## 2. Họ Nguyễn xưng chúa miền Nam

Nguyên khi xưa ông Nguyễn Kim 阮淦 khởi nghĩa giúp nhà Lê đánh nhà Mạc đã lấy được đất Thanh, Nghệ rồi, sau đem quân ra đánh Sơn Nam 山南 bị hàng tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất 楊執一 đánh thuốc độc chết, binh quyền giao cả lại cho rể là Trịnh Kiểm 鄭檢 để đánh giặc.

Ông Nguyễn Kim có hai người con là Nguyễn Uông 阮汪 và Nguyễn Hoàng 阮潢 cũng làm tướng lập được nhiều công. Người anh là Nguyễn Uông được phong là Lãng Quận công 郎郡公, người em là Nguyễn Hoàng được phong là Thái úy Đoan Quận công 端郡公. Nhưng vì Trịnh Kiểm sợ họ Nguyễn tranh mất quyền mình, bèn kiếm chuyện mà giết Nguyễn Uông đi. Còn Nguyễn Hoàng cũng sợ Trịnh Kiểm có ý ám hại, chưa biết làm thế nào mới cho người ra Hải Dương hỏi ông Nguyễn Bình Khiêm. Ông ấy bảo rằng: “*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung*





thân”, nghĩa là một dãy Hoành Sơn<sup>(1)</sup> kia có thể yên thân được muôn đời.

Nguyễn Hoàng mới nói với chị là Ngọc Bảo 玉寶 xin Trịnh Kiểm cho vào trấn phía Nam.

Năm Mậu Ngọ (1558) đời vua Anh Tông, Trịnh Kiểm mới tâu vua cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa 順化. Bấy giờ những người họ hàng ở huyện Tống Sơn 宋山 cùng những quân lính ở đất Thanh, Nghệ nhiều người đưa cả vợ con theo đi. Nguyễn Hoàng vào đóng ở xã Ái Tử 愛子 (sau gọi là kho Cây Khế), thuộc huyện Đăng Xương, tỉnh Quảng Trị.

Nguyễn Hoàng là một người khôn ngoan mà lại có lòng nhân đức, thu dùng hào kiệt, yên ủi nhân dân, cho nên lòng người ai cũng mến phục.

Đến năm Kỷ Tỵ (1569) ông ra châu vua ở An Tràng 安場. Qua năm sau Trịnh Kiểm gọi quan Tổng binh ở Quảng Nam là Nguyễn Bá Quýnh 阮伯炯 về giữ đất Nghệ An, và lại cho ông vào trấn cả đất Thuận Hóa và đất Quảng Nam. Lệ mỗi năm phải nộp thuế là 400 cân bạc, 500 tấm lụa.

Năm Nhâm Thân (1572) nhân lúc Trịnh Kiểm mới mất, con là Trịnh Cối 鄭櫓 và Trịnh Tùng 鄭松 đánh nhau, nhà Mạc đem quân vào đánh Thanh Hóa và sai tướng là Lập Bạo 立暴 đem một toán quân đi 60 chiếc thuyền, bởi đường hải đạo kéo vào đóng ở làng Hồ Xá 胡舍 và ở làng Lạng Uyển 閭苑 (thuộc huyện Minh Linh) để đánh Nguyễn Hoàng.

Ông mới sai một người con gái đẹp là Ngô Thị 吳氏 giả làm cách đưa vàng bạc sang nói với Lập Bạo xin cầu hòa. Lập Bạo mừng rỡ, không phòng giữ gì cả, bị quân họ Nguyễn đánh lên, bắt được giết đi, và đánh tan quân nhà Mạc.

---

(1) Núi Hoành Sơn là núi Đèo Ngang ở tỉnh Quảng Bình.



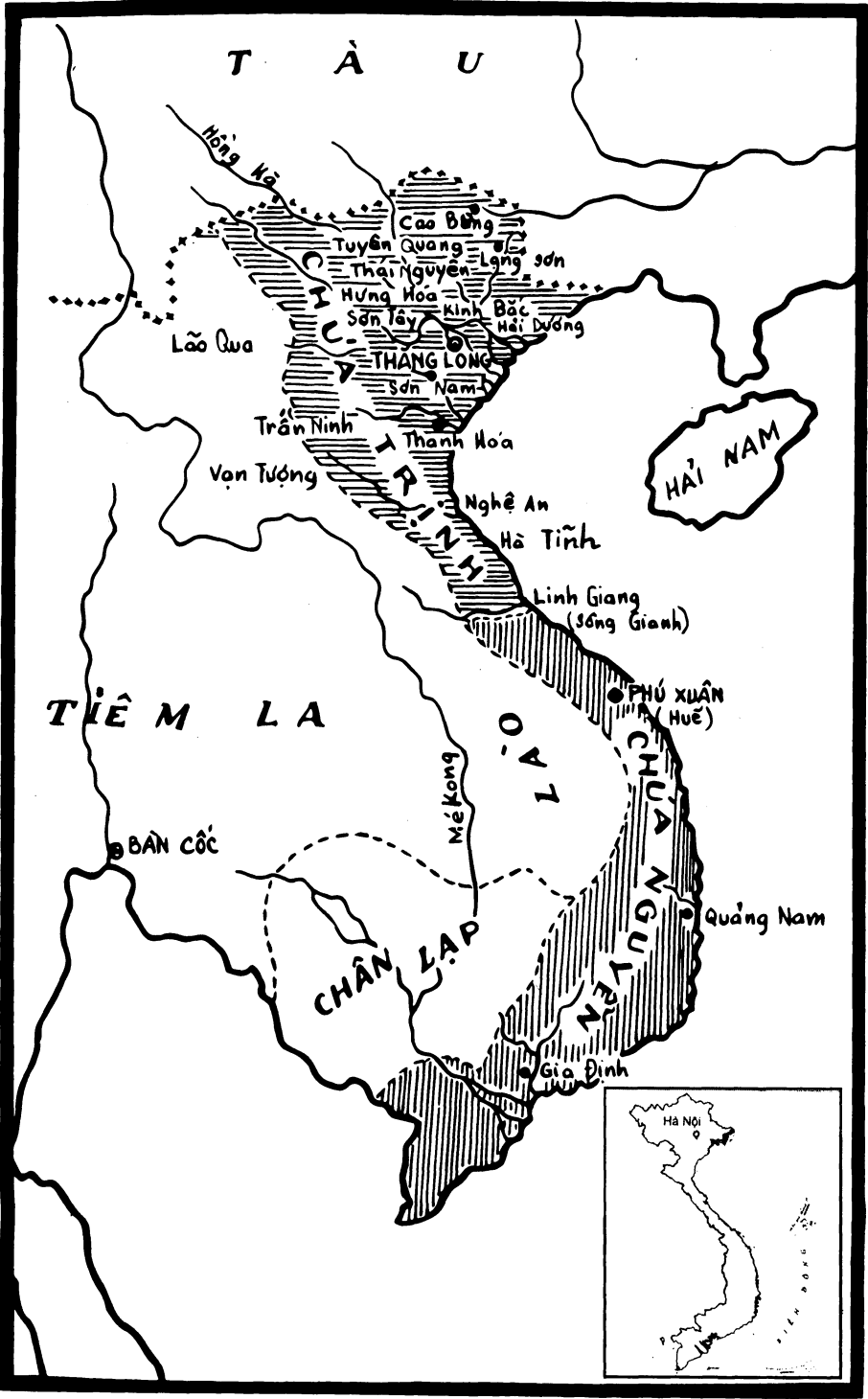
Năm Quý Ty (1593) Trịnh Tùng đã lấy được thành Thăng Long, bắt được Mạc Mậu Hợp, nhưng mà đảng nhà Mạc còn nhiều, phải đánh dẹp nhiều nơi, Nguyễn Hoàng đưa quân binh và súng ống ra Đông Đô, ở hàng 8 năm, giúp Trịnh Tùng để đánh họ Mạc, lập được nhiều công to. Nhưng mà Trịnh Tùng vẫn có ý ghen ghét không muốn cho ngài về Thuận Hóa, mà ngài cũng chưa có dịp gì mà về được.

Năm Canh Tý (1600) nhân vì họ Trịnh kiêu hãnh quá, các quan có nhiều người không phục; bọn Phan Ngạn 潘彦, Ngô Đình Hàm 吳廷鹹, Bùi Văn Khuê 裴文奎 khởi binh chống lại với họ Trịnh ở cửa Đại An (thuộc Nam Định), Nguyễn Hoàng mới đem bản bộ tướng sĩ giả cách nói đi đánh giặc rồi theo đường hải đạo về Thuận Hóa.

Nguyễn Hoàng về Thuận Hóa rồi, sợ họ Trịnh nghi ngờ, bèn đem người con gái là bà Ngọc Tú 玉秀 gả cho Trịnh Tráng 鄭樞 là con trai Trịnh Tùng. Ngài ở giữ đất Thuận Hóa, cho người con thứ sáu vào trấn đất Quảng Nam dựng ra kho tàng, tích trữ lương thực.

Từ đấy trở đi, Nam Bắc phân biệt, bề ngoài thì làm ra bộ hòa hiếu, nhưng bề trong thì vẫn lo việc phòng bị để chống cự với nhau.

NƯỚC NAM VỀ ĐỜI CHÚA TRINH VÀ CHÚA NGUYỄN



## CHƯƠNG IV

# SỰ CHIẾN TRANH



1. *Họ Trịnh đánh họ Mạc ở Cao Bằng*
2. *Nhà Thanh dấy nghiệp*
3. *Tình thế họ Nguyễn ở miền Nam*
4. *Đánh nhau lần thứ nhất*
5. *Đánh nhau lần thứ hai*
6. *Đánh nhau lần thứ ba*
7. *Đánh nhau lần thứ tư*
8. *Đánh nhau lần thứ năm*
9. *Đánh nhau lần thứ sáu*
10. *Đánh nhau lần thứ bảy*

### **1. Họ Trịnh đánh họ Mạc ở Cao Bằng**

Năm Kỷ Hợi (1599), vua Thế Tông mất, Trịnh Tùng cùng với các quan triều thần lập hoàng tử là Duy Tân 維新 lên làm vua, tức là vua Kính Tông 敬宗. Qua năm sau (1600) bọn Phan Ngạn, Ngô Đình Hàm và Bùi Văn Khuê nổi loạn ở cửa Đại An. Trịnh Tùng ở Thăng Long sợ bốn mặt thù địch, bèn rước vua vào Thanh Hóa.

Đảng họ Mạc thấy thành Thăng Long bỏ không, bèn rước bà thứ mẫu của Mậu Hợp là Bùi Thị 裴氏 về tôn lên làm quốc mẫu, rồi cho người lên đón Mạc Kính Cung ở đất Cao Bằng.

Phan Ngạn và Bùi Văn Khuê lại nghi ngờ nhau rồi giết lẫn nhau, còn Ngô Đình Hàm thì về giúp nhà Mạc.



Trịnh Tùng đem Kính Tông vào Thanh Hóa rồi thu xếp ra lấy lại Thăng Long, nhưng còn sợ mặt Thuận Hóa có biến chẳng, bèn sai quan vào ủy dụ Nguyễn Hoàng; đoạn rồi đem thủy bộ đại quân ra Bắc, đánh bắt được Bùi Thị giết đi, còn Mạc Kính Cung 莫敬恭 bỏ chạy sang Kim Thành ở Hải Dương, sau thấy đảng của mình thua cả, lại bỏ Kim Thành chạy lên Cao Bằng.

Trịnh Tùng lấy lại Thăng Long rồi sai quan vào rước vua ra, và sai các tướng đi tiêu trừ đảng họ Mạc ở mặt Thái Nguyên, Lạng Sơn và Yên Quảng.

Trịnh Tùng càng ngày càng kiêu hãnh quá, vua cũng không chịu được, lại nhân họ Trịnh có con là Trịnh Xuân 鄭椿 muốn giành quyền với người con trưởng là Trịnh Tráng 鄭梈, vua Kính Tông mới mưu với Trịnh Xuân để giết Trịnh Tùng, nhưng chẳng may sự không thành. Trịnh Tùng bức vua phải thắt cổ chết, và bắt Trịnh Xuân giam mấy tháng rồi tha.

Trịnh Tùng giết vua Kính Tông rồi, lập hoàng tử là Duy Kỳ lên làm vua, tức là vua Thần Tông.

Năm Quý Hợi (1623) Trịnh Tùng đau, hội các quan lại giao binh quyền cho con là Trịnh Tráng 鄭梈, và cho Trịnh Xuân 鄭椿 làm phó.

Trịnh Xuân không bằng lòng, đem binh làm loạn, đốt phá kinh thành, Trịnh Tùng thấy biến, chạy về xã Hoàng Mai, vào nhà Trịnh Đỗ 鄭杜, rồi cho gọi Trịnh Xuân đến bắt giết đi. Được mấy hôm Trịnh Tùng mất ở chùa Thanh Xuân, thuộc huyện Thanh Trì.

Trịnh Tráng lên nối nghiệp làm vua. Nhưng vì đảng Trịnh Xuân còn làm loạn, cho nên mới đưa vua về Thanh Hóa. Vua phong cho Trịnh Tráng làm Thái úy Thanh Quốc công 太尉清國公, tiết chế thủy bộ chư quân.

Bấy giờ có Mạc Kính Khoan 莫敬寬 là cháu Mạc Kính Cung xưng làm Khánh Vương 慶王 ở đất Thái Nguyên. Trước đã bị



quân họ Trịnh đánh phá mấy trận, phải lên ẩn núp ở đất Cao Bằng, nay thấy người nhà họ Trịnh làm loạn, lại đem quân vào đóng ở làng Thổ Khối 土塊, huyện Gia Lâm. Nhưng chẳng bao lâu Trịnh Tráng ở Thanh Hóa ra đánh. Kính Khoan lại phải chạy về Cao Bằng.

Trịnh Tráng dẹp yên đất Đông Đô, lại vào rước vua ra, và tự xưng làm Nguyên súy, Thống quốc chính Thanh Đô Vương 元帥, 統國政清都王 rồi sai con là Trịnh Kiều 鄭橋 đem quân lên đánh Cao Bằng (Ất Sửu 1625) bắt được Mạc Kính Cung đem về giết đi. Mạc Kính Khoan thì chạy sang Tàu, rồi cho người về dâng biểu xin hàng.

Triều đình phong cho Kính Khoan làm Thái úy Thông Quốc công 太尉通國公 và cho giữ đất Cao Bằng theo lệ cống tiến.

## 2. Nhà Thanh dấy nghiệp

Khi Trịnh Tráng ở An Nam ta mới lên nối nghiệp làm chúa, và đang phải đánh dẹp họ Mạc ở đất Cao Bằng, thì ở bên Tàu nhà Minh mất nước.

Nguyên ở phía Đông Bắc nước Tàu có một xứ gọi là Mãn Châu 滿洲, có giống người Nữ Chân 女真 ở. Về đời nhà Tống người Nữ Chân đã lập nên một nước lớn gọi là Kim 金, xưng đế được 120 năm, rồi bị nhà Nguyên lấy mất. Nhà Nguyên đặt Vạn Hộ phủ để cai trị đất Mãn Châu.

Sau nhà Minh dứt được nhà Nguyên, tuy ở Mãn Châu nhà Minh có đặt vệ địa, nhưng mà người xứ ấy vẫn tự cai trị lấy.

Đất Mãn Châu bấy giờ chia làm bốn bộ:

1. Mãn Châu bộ 滿洲部 (thuộc về Kiến Châu vệ địa)
2. Trường Bạch bộ 長白部 (thuộc về Kiến Châu vệ địa)
3. Đông Hải bộ 東海部 (thuộc về Dạ Nhân vệ địa)
4. Hồ Luân bộ 扈倫部 (thuộc về Hải Tây vệ địa)



Về cuối đời nhà Minh, ở Trường Bạch bộ có một người tên là Nỗ Nhĩ Cáp Xích 努爾哈赤, tức là vua Thái Tổ nhà Thanh, đánh lấy tất cả đất bốn bộ, đóng kinh đô ở đất Thẩm Dương 瀋陽, là Thịnh Kinh bây giờ.

Nỗ Nhĩ Cáp Xích mất, con lên nối nghiệp tức là Thanh Thái Tông. Sau nhân được cái Truyền quốc tỷ của nước Tàu, Thái Tông mới cải quốc hiệu là Đại Thanh 大清.

Con Thái Tông tên là Phúc Lâm 福臨 lên làm vua, tức là Thanh Thế Tổ đánh lấy được cả đất Liêu Tây của nhà Minh.

Khi tướng nhà Minh là Ngô Tam Quế 吳三桂 đang chống với quân nhà Thanh ở Sơn Hải quan thì Lý Tự Thành 李自成 nổi lên vây đánh Yên Kinh. Vua Trang Liệt nhà Minh gọi Ngô Tam Quế về cứu, nhưng về đến nửa đường, Tam Quế được tin Yên Kinh đã thất thủ, Trang Liệt Đế và Hoàng hậu đã bị giết, Tam Quế lại trở về Sơn Hải quan 山海關. Lý Tự Thành cho người gọi Tam Quế về hàng, Tam Quế không về. Tự Thành đem quân đến đánh Sơn Hải quan. Tam Quế xin hàng nhà Thanh để lấy binh về đánh Tự Thành.

Lý Tự Thành đánh thua, phải bỏ Yên Kinh mà chạy, quân nhà Thanh vào giữ Yên Kinh rồi dời kinh sư về đó.

Các quan cựu thần nhà Minh lập Phúc Vương 福王 lên làm vua ở Nam Kinh, nhưng sau vì các tướng không hòa với nhau, Phúc Vương phải ra hàng.

Phúc Vương hàng Thanh rồi, Đường Vương 唐王 xưng đế ở Phúc Châu, chẳng bao lâu cũng bị bắt, phải nhịn ăn mà chết.

Dòng dõi nhà Minh là Quế Vương 桂王 xưng đế ở đất Triệu Khánh (thuộc tỉnh Quảng Tây) được mấy năm, bị quân nhà Thanh đến đánh, phải chạy sang Diến Điện. Vua Diến Điện bắt Quế Vương nộp cho Ngô Tam Quế. Tam Quế đem giết đi. Từ đấy nhà Thanh nhất thống nước Tàu.

Khi Quế Vương xưng đế ở đất Quảng Tây, có ý muốn nhờ An Nam cứu viện, cho nên mới phong cho vua Thần Tông nhà Lê làm An Nam Quốc vương và phong cho Trịnh Tráng làm phó vương.

Khi ấy ở phía Bắc nước Tàu đang loạn, họ Mạc thì đã về hàng, Trịnh Tráng mới nhân dịp quyết ý đi đánh họ Nguyễn ở phía Nam.

### 3. Tình thế họ Nguyễn ở miền Nam

Từ khi Nguyễn Hoàng 阮潢 về Thuận Hóa rồi, bề ngoài tuy vẫn chưa ra mặt chống với họ Trịnh, nhưng bề trong thì hết sức lo sợ phòng bị. Xem như năm Quý Sửu (1613), khi Nguyễn Hoàng sắp mất, gọi người con thứ 6 là Nguyễn Phúc Nguyên 阮福源 vào dặn rằng: *“Đất Thuận, Quảng này bên Bắc thì có núi Hoành Sơn 橫山, sông Linh Giang, bên Nam thì có núi Hải Vân và núi Bi Sơn thật là một nơi trời để cho người anh hùng dụng võ. Vậy ta phải thương yêu nhân dân, luyện tập quân sĩ để mà gây dựng cơ nghiệp về muôn đời”*. Xem lời ấy thì biết họ Nguyễn đã có ý muốn độc lập để chống với họ Trịnh.

Khi ở ngoài Bắc, Trịnh Tùng 鄭松 mất, chúa Sãi là ông Nguyễn Phúc Nguyên bảo các quan rằng: *“Ta muốn nhân dịp này mà ra đánh họ Trịnh, nhưng hiểm vì công việc chưa xong, vậy thì hãy sai người ra phúng điếu, trước là cho phải cái nghĩa hôn nhân với nhau, sau là nhân thể xem tình ý ngoài Bắc ra thế nào”*.

Bấy giờ ở miền Nam lại có những người tài giỏi giúp rập như ông Nguyễn Hữu Dật 阮有鎰, ông Đào Duy Từ 陶維慈 và ông Nguyễn Hữu Tiến 阮有進 đều là người có tài trí cả.

Nguyễn Hữu Dật 阮有鎰 là người làng Gia Miêu, huyện Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, học rộng, tài cao, và lại có tài hùng biện, đánh giặc giỏi, thật là một bậc văn võ kiêm toàn.



Đào Duy Từ 陶維慈 là người làng Hoa Trai, huyện Ngọc Sơn, phủ Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. Vì ông là con nhà xưởng hát cho nên không được đi thi, ông phần trí mới đi vào miền Nam tìm đường lập công, nhưng chưa gặp được người tiến cử cho, bèn vào ở chăn trâu cho một nhà phú gia ở làng Tùng Châu 叢洲 phủ Hoài Nhân (nay là Bình Định). Ông làm bài “*Ngọa long cương*” 臥龍崗 để tự ví mình với ông Gia Cát Lượng. Sau có quan Khâm lý là Trần Đức Hòa 陳德和 biết Duy Từ là người có tài, đem về nuôi, và gả con gái cho, rồi đưa dâng chúa Sãi. Chúa dùng làm Nội tán 內贊, phong làm Lộc Khê Hầu 祿溪侯<sup>(1)</sup>.

Nguyễn Hữu Tiến 阮有進 cũng là người Thanh Hóa, làng Vân Trai, huyện Ngọc Sơn, võ nghệ tinh thông, dùng binh rất có kỷ luật, thật là một người làm tướng có tài vậy.

Những người ấy giúp chúa Nguyễn, bày mưu định kế, luyện tập quân lính, xây đồn đắp lũy để chống với quân họ Trịnh<sup>(2)</sup>. Khi những đồn lũy đã kiên cố, binh lương đã đủ rồi, chúa Sãi mới ra mặt không thần phục họ Trịnh nữa, và sai tướng ra chiếm giữ lấy đất Nam Bố Chính 南布政 là đất ở phía Nam sông Linh Giang 靈江 để làm chỗ chống giữ. Từ đó họ Trịnh và họ Nguyễn đánh nhau tai hại trong khoảng 45 năm ở đất Quảng Bình, Hà Tĩnh bây giờ.

#### 4. Đánh nhau lần thứ nhất

Năm Đinh Mão (1627) nhân khi nhà Minh bên Tàu còn đang chống nhau với nhà Thanh, và họ Mạc ở Cao Bằng thì về hàng, Trịnh Tráng 鄭樞 mới sai quan vào Thuận Hóa giả tiếng nhà vua sai vào đòi tiền thuế từ ba năm về trước.

(1) Đào Duy Từ giúp chúa Sãi được 8 năm thì mất, thọ 63 tuổi.

(2) Đào Duy Từ lập đồn Trường Dục 長育 ở huyện Phong Lộc (Quảng Bình).

Và xây cái lũy dài ở cửa Nhật Lệ 日麗 (cửa Đồng Hới) tức là cái Trường Thành ở Quảng Bình bây giờ. Người ta thường gọi lũy ấy là lũy Thầy, nghĩa là lũy của Đào Duy Từ đắp ra.



Tờ sắc làm bằng chữ Nôm như sau này:

*“Hoàng thượng sắc dụ cho Thái bảo Thụy Quận công là Nguyễn Phúc Nguyên được biết rằng:*

*Mệnh lệnh triều đình,*

*Đạo làm tôi phải nên tuân thủ;*

*Thuế má phủ huyện,*

*Tướng ngoài cõi không được tự chuyên.*

*Trước đây trẫm có sai Công bộ Thượng thư là Nguyễn Duy Thì, Bá Khê Hầu là Phan Văn Trị vào Thuận Hóa, đạo đặt tình ý, chỉ bảo đường họa phúc, để cho tỉnh biết mà phục tùng quyền chính triều đình. Không ngờ nhà người mang lòng dùng dằng, tối đường tối lui, nói thoái thác cho lôi thôi ngày tháng, để đến nỗi thuế má thiếu thốn, không đủ việc chi thu, đạo làm tôi như thế đã phải chưa? Nhà người nay nên đổi lỗi trước, giữ gìn phép tắc. Phàm ngạch thuế trong hai xứ Thuận, Quảng, từ năm Quý Hợi về trước, có phải đã mất mùa thì xá cả cho; còn từ năm Giáp Tý đến nay phải tính cho đủ số theo lệ trước, tải thuyền đem ra nộp cho đủ; và phải chỉnh tề binh mã, hoặc thân đến kinh đô triều hạ, hoặc phải sai con đi thay, để coi xem nghi vệ trong nước, và để tỏ giải tẩm lòng làm tôi. Nếu thế thì triều đình sẽ phong thêm cho chức tước vinh hiển, để rạng tỏ đến tổ tông. Nhược bằng thoái thác không đến, thì tức là phạm tội với triều đình.*

*Khâm tai dụ sắc!”*

Chúa Sãi tiếp sứ nhưng không chịu nộp thuế. Trịnh Tráng lại sai sứ mang sắc vua Lê vào dụ chúa Sãi cho con ra châu, và lấy 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để đưa đi cống nhà Minh. Chúa Sãi không chịu.

Trịnh Tráng thấy vậy, bèn quyết ý đánh họ Nguyễn, sai Nguyễn Khải 阮啓 và Nguyễn Danh Thế 阮名世 đem 5.000



quân đi làm tiên phong vào đóng ở xã Hà Trung 河中 (tục gọi là Cầu Doanh), rồi đem đại binh, rước vua Lê đi đánh mặt Nam.

Chúa Sãi sai cháu là Nguyễn Phúc Vệ 阮福衛 làm tiết chế cùng với Nguyễn Hữu Dật đem binh mã ra giữ các nơi hiểm yếu. Quân họ Trịnh đến đánh, chết hại rất nhiều. Bọn Nguyễn Hữu Dật lại đặt ra một kế khiến cho quân Trịnh phải rút về, sai người đi nói phao ra rằng ở ngoài Bắc có Trịnh Gia 鄭嘉 và Trịnh Nhạc 鄭岳 sắp làm loạn.

Trịnh Tráng nghe tin ấy trong bụng sinh nghi, không biết thực hư thế nào, bèn rước vua và rút quân về Bắc.

## 5. Đánh nhau lần thứ hai

Năm Canh Ngọ (1630) chúa Sãi nghe lời Đào Duy Từ, sai người đem sắc dụ ra trả vua Lê, rồi sai tướng đánh lấy phía Nam ngạn sông Linh Giang để chống với quân họ Trịnh. Đến năm Quý Dậu (1633) nhân khi chúa Sãi có người con thứ ba tên là Ánh 漢, trấn thủ ở đất Quảng Nam, có ý muốn tranh quyền, bèn sai người đưa thư ra Thăng Long xin chúa Trịnh đem quân vào đánh, bắn súng làm hiệu, thì sẽ làm nội ứng. Ánh lại xin chúa Sãi cho ra trấn thủ đất Quảng Bình để cho tiện làm mưu gian, nhưng chúa Sãi có lòng ngờ, không cho.

Khi Trịnh Tráng được cái thư của người Ánh gửi ra liền đem đại binh vào đóng ở cửa Nhật Lệ 日麗 (cửa Đồng Hới).

Chúa Nguyễn sai Nguyễn Vân Thắng 阮雲勝 và Nguyễn Hữu Dật 阮有鎰 đem quân ra chống giữ.

Quân họ Trịnh đến đợi hơn 10 ngày, không thấy tin tức gì của người Ánh, bèn lui quân ra để chờ.

Quân lính đợi lâu thành ra lười biếng, quân họ Nguyễn mới xuất kỳ bất ý, đổ ra đánh đuổi.

Trịnh Tráng thấy sự không thành, rút quân về.



## 6. Đánh nhau lần thứ ba

Năm Ất Hợi (1635) chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên mất, con là Nguyễn Phúc Lan 阮福瀾 lên nối nghiệp làm chúa, gọi là chúa Thượng.

Lúc ấy người Anh ở Quảng Nam nghe tin chúa Sãi mất rồi, anh lên nối nghiệp, bèn phát binh làm phản. Bấy giờ có Nguyễn Phúc Khê giúp chúa Thượng, sai quân vào đánh bắt được người Anh, lấy nghĩa “*Anh em là tình riêng, phép nước là nghĩa lớn*” đem đi giết.

Trịnh Tráng thấy anh em họ Nguyễn tranh nhau, sai tướng vào đánh đất Nam Bố Chính, giết được tướng họ Nguyễn là Bùi Công Thắng 裴公勝 rồi tiến lên đóng ở cửa Nhật Lệ.

Đến năm Quý Mùi (1643) Trịnh Tráng đem đại binh và rước vua Lê vào đất Bắc Bố Chính. Nhưng bấy giờ đang tiết tháng tư, khí trời nóng lắm, quân sĩ chết hại rất nhiều, Trịnh Tráng phải rút về Bắc.

## 7. Đánh nhau lần thứ tư

Năm Mậu Tý (1648) Trịnh Tráng sai Đô đốc Tiến Quận công 進郡公 là Lê Văn Hiếu 黎文曉<sup>(1)</sup> đem quân thủy bộ vào đánh miền Nam; bộ binh tiến lên đóng ở đất Nam Bố Chính; còn thủy quân thì vào đánh cửa Nhật Lệ.

Bấy giờ có hai cha con Trương Phúc Phấn 張福奮 cố sức giữ lũy Trường Dục 張育, quân họ Trịnh đánh mãi không tiến lên được.

Chúa Nguyễn sai con là Nguyễn Phúc Tần 阮福瀨 đem binh ra chống giữ với họ Trịnh, khi ra đến Quảng Bình, Nguyễn Phúc Tần hội các tướng lại bàn rằng: “Quân kia tuy nhiều, nhưng mà người đánh giỏi thì ít. Nếu đến đêm ta cho voi

---

(1) Có nơi chép là Trịnh Đào 鄭櫓 hay là Hàn Tiển.

xông vào rồi đem đại quân đến đánh là chắc phá được”. Đoạn rồi, một mặt cho thủy quân đi phục sẵn ở sông Cẩm La để chặn đường quân Trịnh chạy về; một mặt sai Nguyễn Hữu Tiến đem 100 con voi đến canh năm xông vào trại quân Trịnh, quân bộ tiếp sau vào đánh phá. Quả nhiên, quân Trịnh thua to chạy về Bắc, lại gặp quân thủy của họ Nguyễn đón đường đuổi đánh mãi đến sông Lam Giang mới thôi.

Trận ấy quân họ Nguyễn bắt được mấy người tướng và 3.000 quân của họ Trịnh.

Trịnh Tráng thấy quân mình thua, sai Lê Văn Hiếu 黎文曉 cùng với Trần Ngọc Hậu 陳玉厚 lĩnh một vạn quân đóng ở Hà Trung. Lê Hữu Đức 黎有德 cùng với Vũ Lương 武良 đóng ở Hoành Sơn, Phạm Tất Toàn 范必全 đóng ở đất Bắc Bố Chính để phòng giữ quân họ Nguyễn.

Lúc bấy giờ ở trong Nam thì chúa Thượng mất, truyền nghiệp chúa lại cho con là Nguyễn Phúc Tần, gọi là chúa Hiền. Ở ngoài Bắc thì vua Chân Tông mất, không có con, Trịnh Tráng lại rước Thần Tông, Thái Thượng hoàng, về làm vua lần nữa.

Họ Trịnh vào đánh họ Nguyễn đã mấy phen, đánh phen nào thì hao binh tổn tướng phen ấy, thế mà vẫn không chịu thôi việc chiến tranh. Đến năm Ất Mùi (1655) quân nhà Trịnh lại vào đánh đất Nam Bố Chính. Bấy giờ chúa Hiền mới quyết ý đem quân ra đánh họ Trịnh.

## 8. Đánh nhau lần thứ năm

Tháng tư năm Ất Mùi (1655) chúa Hiền sai Thuận Nghĩa hầu là Nguyễn Hữu Tiến 阮有進, Chiêu Vũ hầu là Nguyễn Hữu Dật 阮有鑑 đem quân qua sông Linh Giang ra đánh đất Bắc Bố Chính, tướng họ Trịnh là Phạm Tất Toàn về hàng.

Quân nhà Nguyễn tiến lên đến Hoành Sơn, gặp quân của Lê Hữu Đức, đánh đuổi một trận, rồi thừa thắng đánh đến

đồn Hà Trung. Lê Văn Hiếu chống không nổi, phải cùng với Lê Hữu Đức rút quân về giữ An Trường 安場 (tức là thành Nghệ An bây giờ).

Nguyễn Hữu Tiến đem binh đến đóng ở huyện Thạch Hà, Lê Văn Hiếu và Lê Hữu Đức lại sang đóng ở xã Đại Nại 大柰. Trịnh Tráng thấy bọn Lê Văn Hiếu binh bại ở Hà Trung, bèn cho sứ vào triệu về kinh, và sai Trịnh Trượng 鄭杖 vào làm Thống lĩnh, kinh lược đất Nghệ An.

Lê Văn Hiếu bị đạn ở chân, về đến nửa đường thì chết; còn bọn Lê Hữu Đức, Vũ Lương đều phải giáng chức cả.

Trịnh Trượng tiến binh lên đến huyện Kỳ Hoa, cho thủy binh vào đóng ở cửa Kỳ La.

Nguyễn Hữu Tiến thấy quân họ Trịnh đã tiến, bèn rút quân về sông Linh Giang để nhử quân nghịch. Nhưng mà Trịnh Trượng thấy tự nhiên quân Nguyễn bỏ về như vậy, sợ có mưu kế gì, không dám đuổi, bèn đóng quân ở lại Lạc Xuyên 樂川, rồi cho 500 người vào đóng ở đồn Hà Trung.

Nguyễn Hữu Tiến thấy quân họ Trịnh không đuổi, bèn đem quân đánh quân Trịnh ở Lạc Xuyên; còn Nguyễn Hữu Dật thì đem thủy binh ra đánh cửa Kỳ La, đuổi chiến thuyền của họ Trịnh về cửa Châu Nhai.

Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật thừa thắng tiến binh lên đánh quân họ Trịnh, rồi chiếm giữ lấy đồn Lạc Xuyên. Binh tướng họ Trịnh phải chạy về An Tràng.

Bấy giờ những huyện ở phía Nam sông Lam Giang (tức là sông Cả bây giờ) là huyện Kỳ Hoa, huyện Thạch Hà, huyện Thiên Lộc, huyện Nghi Xuân, huyện La Sơn, huyện Hương Sơn, huyện Thanh Chương, cả bảy huyện đều thuộc về họ Nguyễn cả.

Tin quân Trịnh thua ở Lạc Xuyên ra đến Thăng Long, Trịnh Tráng giáng Trịnh Trượng xuống làm Đô đốc, rồi sai con

là Trịnh Tạc 鄭柞 vào Nghệ An làm thống lĩnh để chống giữ với quân họ Nguyễn.

Bọn Nguyễn Hữu Tiến thấy quân Trịnh Tạc lại tiến, liền lui quân về đóng ở Hà Trung, để giữ trận thế. Nhưng bấy giờ ở ngoài Bắc lắm việc, Trịnh Tráng phải gọi Trịnh Tạc về, để tướng là Đào Quang Nhiêu 陶光饒 ở lại trấn thủ đất Nghệ An, đóng ở An Tràng, sai Thân Văn Quang 申文觥, Mẫn Văn Liên 閔文蓮 đóng ở làng Tiếp Vũ 接武 (thuộc huyện Thiên Lộc), thủy quân đóng ở sông Khu Độc 驅犢 (thuộc huyện Nghi Xuân).

Qua năm Bính Thân (1656) quân họ Nguyễn đến đánh đồn Tiếp Vũ, bọn Thân Văn Quang bỏ chạy, Nguyễn Hữu Tiến đem quân đến đóng ở sông Tam Chế. Còn Nguyễn Hữu Dật tiến binh đến núi Hồng Lĩnh 鴻嶺, gặp quân họ Trịnh đánh đuổi đến đất Mẫn Tường, rồi lại gặp thủy binh của Vũ Văn Thiêm 武文添, đánh phá một trận, Văn Thiêm thua chạy. Quân họ Nguyễn thừa thắng tiến lên đến làng Minh Lương và làng Bình Lạng gặp quân của Đào Quang Nhiêu, hai bên đánh nhau một trận rất dữ. Đào Quang Nhiêu thua chạy về An Tràng, dâng biểu tạ tội và xin viện binh.

Trịnh Tráng sai người con út là Ninh Quận công Trịnh Toàn 寧郡公鄭欒 (tục hay gọi là ông Ninh) vào làm thống lĩnh trấn thủ đất Nghệ An.

Trịnh Toàn vào đến Nghệ An, đốc chư quân tiến lên đến Thạch Hà 石河, sai Đào Quang Nhiêu 陶光饒 và Dương Hồ 楊湖 đem binh đến đóng ở làng Hương Bộc và ở làng Đại Nại, sai Lê Sĩ Hậu 黎仕厚, Bùi Sĩ Lương 裴士良 đem thủy quân đến đóng ở Nam Giới (?) và sai Vũ Văn Thiêm 武文添 đem thủy quân đến đóng ở Châu Nhai.

Nguyễn Hữu Tiến thấy quân họ Trịnh cử động như vậy, bèn sai bọn Dương Trí 楊智, Tống Phúc Khang 宋福康 cùng với Nguyễn Hữu Dật 阮有鑑 đem thủy bộ đến đánh quân Trịnh ở



Nam Giới, lấy được hơn 30 chiếc thuyền, rồi tràn xuống sông Lam Giang đánh Vũ Văn Thiêm ở Châu Nhai. Vũ Văn Thiêm phải bỏ thuyền mà chạy.

Trịnh Toàn thấy các đạo thủy binh của mình đã thua, bèn rút về đóng ở bến Hoạt 活, bỗng nghe tin toán quân của Đào Quang Nhiêu bị vây ở Hương Bộc 香瀑, lập tức đem quân đến cứu, hai bên đánh nhau ở làng Đại Nại 大奈, quân họ Nguyễn chạy về Hà Trung. Trịnh Toàn và Đào Quang Nhiêu đem quân đuổi đến Tam Lộng, bị quân của Nguyễn Hữu Tiến và Nguyễn Hữu Dật đón đường đánh phá. Trịnh Toàn lại thua, phải chạy về An Tràng.

Trịnh Toàn từ khi vào trấn thủ đất Nghệ An, hậu đãi tướng sĩ, yêu mến quân dân, lòng người đều phục; nhưng chẳng được bao lâu, Trịnh Tráng mất, Trịnh Tạc 鄭柞 lên thay, thấy em có nhiều người mến phục, lấy làm nghi kỵ, bèn cho con là Trịnh Căn 鄭根 vào cùng trấn đất Nghệ An, có ý giữ để cho khỏi biến loạn. Đoạn rồi cho người vào đòi Trịnh Toàn về kinh, trách sao không về chịu tang, bắt bỏ ngục giam chết.

Bình quyền ở Nghệ An giao lại cho Trịnh Căn. Đến tháng sáu năm Đinh Sửu (1657) Trịnh Căn chia quân làm 3 đạo, sai Lê Hiến 黎憲<sup>(1)</sup> làm tướng trung quân, sai Hoàng Nghĩa Giao 黃義膠 làm tướng tả quân, sai Trịnh Thế Công 鄭世功 làm tướng hữu quân, sang sông Lam Giang rồi tiến lên đánh tướng nhà Nguyễn là Tống Hữu Đại 宋有大 ở làng Nam Hoa (thuộc huyện Thanh Chương).

Nhưng vì có người báo trước, bọn Nguyễn Hữu Tiến đã phòng bị cả, đến khi quân Trịnh đến, thì mắc kế phải thua, may nhờ có quân Trịnh Căn tiếp ứng, cho nên mới rút về được.

Từ đó quân hai bên cứ giữ nhau ở sông Lam Giang, thỉnh thoảng đánh nhau một trận, như tháng chạp năm Mậu Tuất

(1) Có sách chép là Lê Thời Hiến 黎時憲.





(1658), đánh ở làng Tuần lễ 循禮 (huyện Hương Sơn) quân họ Nguyễn phải lùi; đến tháng tám năm Canh Tý (1660) đánh ở Nghi Xuân, quân họ Trịnh thua bỏ thuyền mà chạy; qua tháng 9 năm ấy đang khi quân họ Nguyễn còn đóng ở làng Hoa Viên (tức là làng Xuân Viên bây giờ), Trịnh Căn định sang lấy núi Lận Sơn 吝山 để giữ trấn thế, bèn sai Hoàng Nghĩa Giao 黃義膠 và Phan Kiêm Toàn 潘兼全 đem binh sang sông Lam Giang ở làng Âm Công, và sai Lê Hiến 黎憲 đi xuống phía Hội Thống rồi sang sông, chờ đến nửa đêm thì hai đạo cùng tiến cả.

Đạo quân của Hoàng Nghĩa Giao đi đến Lận Sơn bị quân của Nguyễn Hữu Dật đánh và vây ngặt lắm. Bấy giờ Trịnh Căn đứng thị chiến trên núi Quyết Dũng (ở gần Bến Thủy bây giờ), trông thấy quân mình bị vây và nguy cấp lắm, liền sai quân sang cứu, và truyền cho thủy quân đến bờ sông mà bắn lên, quân họ Nguyễn phải lùi.

Còn đạo quân của Lê Hiến và Mẫn Văn Liên sang đến làng Tả Ao gặp quân họ Nguyễn, hai bên đánh nhau, Mẫn Văn Liên tử trận, nhưng quân họ Nguyễn phải bỏ Hoa Viên lui về đóng ở Nghi Xuân.

Lúc ấy đại quân của Nguyễn Hữu Tiến đóng ở Nghi Xuân, còn Nguyễn Hữu Dật thì đóng ở Khu Độc. Chúa Hiền cũng đem binh đến tiếp ứng, đóng ở làng Phù Lộ (nay là làng Phù An thuộc huyện Bình Chính, Quảng Bình). Nguyễn Hữu Dật lên về ra mắt chúa Hiền, kể đầu đuôi mọi việc đánh lấy thế nào, chúa Hiền mừng lắm, cho Hữu Dật một thanh bảo kiếm bằng vàng và lại sai trở lại đánh giặc.

Nguyễn Hữu Tiến biết việc ấy, trong bụng lấy làm không bằng lòng, và bấy giờ lại nhân có những sĩ tốt mới hàng ở đất Nghệ An, thường hay bỏ trốn, Hữu Tiến bèn hội chư tướng lại để bàn xem nên đánh hay là nên lui về. Mọi người đều muốn lui về, duy chỉ có Nguyễn Hữu Dật không chịu.



Khi các tướng họ Nguyễn đang bàn bạc, thì có tin rằng Trịnh Căn sai bọn Lê Hiến đi men bờ bể đến làng Cương Gián, bọn Hoàng Nghĩa Giao đến làng Lũng Trâu và làng Mãn Trường, rồi tiến lên đánh ở làng An Điền và ở làng Phù Lưu; quân họ Nguyễn thua. Được tin ấy Nguyễn Hữu Tiến quyết ý đem quân về, nhưng bề ngoài giả tảng truyền lệnh cho các tướng rằng đến tối 28 thì các đạo đều phải tiến sang đánh An Tràng, Nguyễn Hữu Dật đem binh đi hậu tiếp. Đoạn rồi, dặn riêng các tướng đến nửa đêm rút quân về Nam Bố Chính, không cho Nguyễn Hữu Dật biết. Nguyễn Hữu Dật sấm sửa đầu vào đây, chờ mãi không có tin tức gì, đến khi cho người đi thám về nói mới biết quân mình đã rút về Nam rồi. Lúc ấy quân họ Trịnh đã sang sông đến đánh đồn Khu Độc. Hữu Dật mới dùng kế nghi binh để cho quân Trịnh không dám tiến lên, rồi đem binh chạy về, đến Hoành Sơn mới gặp quân của Nguyễn Hữu Tiến. Bấy giờ quân Trịnh Căn vừa đuổi đến, hai bên đánh nhau một trận chết hại rất nhiều.

Trịnh Căn lui về đóng ở Kỳ Hoa. Còn bên kia Nguyễn Hữu Tiến đóng ở Nhật Lệ, Nguyễn Hữu Dật đóng ở Đông Cao, giữ các chỗ hiểm yếu. Từ bấy giờ 7 huyện ở vùng sông Lam Giang lại thuộc về đất Bắc.

Trịnh Căn thấy quân họ Nguyễn giữ gìn mọi nơi chắc chắn lắm, liệu thế đánh không được, bèn sai Đào Quang Nhiêu ở lại trấn thủ đất Nghệ An và kiêm lĩnh cả đất Bắc Bố Chính để phòng giữ mọi nơi, rồi về Thăng Long.

## 9. Đánh nhau lần thứ sáu

Đến tháng 10 năm Tân Sửu (1661) Trịnh Tạc cử đại binh và đem vua Lê vào đánh chúa Nguyễn; sai Trịnh Căn làm Thống lĩnh, Đào Quang Nhiêu làm Tổng suất, Lê Hiếu và Hoàng Nghĩa Giao làm Đốc suất, Lê Sĩ Triệt và Trịnh Tế làm



Đốc thị, đem binh sang sông Linh Giang rồi đến đóng ở làng Phúc Tự 福寺.

Quan trấn thủ Nam Bố Chính của họ Nguyễn là Nguyễn Hữu Dật đóng ở làng Phúc Lộc chia quân ra đắp lũy, giữ vững mọi nơi, quân Trịnh đánh mãi mấy tháng không được.

Đến tháng 3 năm Nhâm Dần (1662), quân mệt, lương hết, Trịnh Tạc phải thu quân và rước vua về Bắc. Nguyễn Hữu Dật đem binh đuổi đánh đến sông Linh Giang mới thôi.

Năm ấy Thần Tông về rồi đến tháng 9 thì mất, Trịnh Tạc lập Thái tử là Duy Vũ<sup>(1)</sup> 維禔 lên làm vua tức là vua Huyền Tông. Huyền Tông làm vua được 8 năm thì mất. Trịnh Tạc lại lập hoàng đệ là Duy Hội<sup>(2)</sup> 維禔 lên làm vua, tức là vua Gia Tông.

## 10. Đánh nhau lần thứ bảy

Từ năm Tân Sửu (1661) quân họ Trịnh thua ở đất Bắc Bố Chính rồi, Trịnh Tạc về phải lo việc nước và phải đánh dẹp họ Mạc ở đất Cao Bằng, cho nên không dòm ngó đến phía Nam; mãi đến năm Nhâm Tý (1672) Trịnh Tạc lại đem mấy vạn quân và rước vua Gia Tông vào đất Bắc Bố Chính để đánh họ Nguyễn, sai Trịnh Căn làm Thủy quân Nguyên súy, Lê Hiến làm Bộ quân Thống suất.

Chúa Hiền cũng sai em thứ tư là Hiệp làm Nguyên súy đem binh ra cùng Nguyễn Hữu Dật và Nguyễn Mỹ Đức giữ các nơi hiểm yếu để ngự địch, chúa Hiền đem đại binh đi tiếp ứng.

Quân họ Trịnh đến đánh lũy Trấn Ninh 鎮寧 rất hăng, đã hai ba phen sắp phá được lũy, nhưng Nguyễn Hữu Dật hết sức chống giữ, quân Trịnh đánh mãi không được, phải lùi về Bắc Bố Chính. Đến tháng chạp, trời mưa rét và lại nghe tin rằng Trịnh Căn đi đến Linh Giang phải bệnh nặng, Trịnh Tạc bèn

(1) Trong bản gốc, nhiều chỗ phiên âm là Duy Vự [BT].

(2) Nhiều tài liệu phiên tên của vua Lê Gia Tông là Lê Duy Cối [BT].

sai Lê Hiến 黎憲 ở lại trấn thủ Nghệ An, Lê Sĩ Triệt 黎士澈 làm Đô đốc đóng ở Hà Trung để giữ các nơi yếu lộ, lấy sông Linh Giang 靈江, tức là sông Gianh bây giờ mà phân giới hạn Nam Bắc, rồi rút quân về Thăng Long.

Từ đó Nam Bắc thôi việc chiến tranh, mãi đến khi Tây Sơn khởi binh thì họ Trịnh mới nhân dịp vào đánh lấy đất Thuận Hóa.

Kể từ năm Đinh Mão (1627) đời vua Thần Tông lần thứ nhất, đến năm Nhâm Tý (1672) đời vua Gia Tông, vừa 45 năm, họ Trịnh, họ Nguyễn đánh nhau cả thảy 7 lần. Trong bấy nhiêu lần, họ Nguyễn chỉ ra đánh họ Trịnh có một lần, đã lấy được 7 huyện ở phía Nam sông Lam Giang, nhưng vì các tướng họ Nguyễn không đồng lòng với nhau, cho nên lại phải bỏ về giữ đất cũ.

Còn như thế lực binh lương thì họ Trịnh mạnh hơn họ Nguyễn, nhưng người Bắc phải đi đánh xa xôi, vận tải khó khăn, mà người Nam thì đánh ở đất nhà mình, có đồn lũy chắc chắn, tướng sĩ hết lòng, cho nên thành ra hai bên đối địch chứ không làm gì được nhau, chỉ khổ cho những dân sự, phải sưu dịch vất vả, và bị tàn phá thiệt hại rất nhiều.

CHƯƠNG V**CÔNG VIỆC HỌ TRỊNH LÀM Ở ĐẤT BẮC**

1. Việc giao thiệp với nhà Thanh
2. Việc lấy đất Cao Bằng của họ Mạc
3. Quan chế
4. Việc binh chế
5. Hình luật
6. Thuế đinh, thuế điền và sưu dịch
7. Các thứ thuế
8. Sổ chi thu
9. Việc khai mỏ
10. Việc đúc tiền
11. Sự đong lường
12. Việc in sách
13. Việc học hành thi cử
14. Trường học võ
15. Làm quốc sử
16. Sự đánh dẹp giặc giã trong nước: Giặc Ngân Già; Giặc Ninh Xá; Nguyễn Hữu Cầu; Nguyễn Danh Phương; Hoàng Công Chất; Lê Duy Mật

**1. Việc giao thiệp với nhà Thanh**

Năm Quý Mão (1663) lúc ấy nhà Minh đã mất rồi, vua nhà Thanh có cho sứ sang dụ vua An Nam về triều cống. Bấy giờ Trịnh Tạc 鄭柞 mới cho sứ đem đồ cống lễ sang Yên Kinh 燕京 (tức là Bắc Kinh) để cầu phong cho vua Lê. Đến năm Đinh Mùi (1667) vua Khang Hi nhà Thanh sai sứ sang phong cho vua Lê làm An Nam Quốc vương 安南國王.

Từ đó hai nước thông sứ với nhau như thường. Về sau dần có lỗi thôi về những việc giặc cướp và việc giới hạn ở phía thượng du, nhưng bao giờ vua nhà Thanh cũng chủ lấy sự hòa bình, cho nên việc gì cũng trang trải xong xuôi.



## 2. Việc lấy đất Cao Bằng của họ Mạc

Năm Ất Sửu (1625) Mạc Kính Khoan đã xin về hàng, được phong làm Thái úy Thông Quốc công, cho giữ đất Cao Bằng. Song đến năm Mậu Dần (1638) Kính Khoan mất, con là Mạc Kính Vũ 莫敬宇 (có chỗ gọi là Mạc Kính Hoàn 莫敬完) không nhận chức và không chịu về cố, lại tự xưng làm vua hiệu là Thuận Đức 順德. Từ đó họ Mạc cứ thỉnh thoảng đem quân về cướp phá ở mạn Thái Nguyên, quan quân đánh đuổi nhiều lần, nhưng không trừ hẳn đi được.

Năm Đinh Mùi (1667) Trịnh Tạc 鄭柞 đem đại binh cùng các tướng là Đinh Văn Tả 丁文左, Lê Châu 黎珠, Lê Hiến 黎憲 lên đánh lấy đất Cao Bằng. Mạc Kính Vũ phải bỏ chạy sang Tàu. Trịnh Tạc mới treo bảng, chiêu tập dân sự về làm ăn, và đặt quan cai trị, lại sai Vũ Vinh 武榮 làm Đốc trấn đất Cao Bằng, Đinh Văn Tả làm Trấn thủ đất Thất Tuyên (tức là Thất Khê bây giờ).

Mạc Kính Vũ ở bên Tàu, lấy vàng bạc đút lót cho quan nhà Thanh để tâu xin với Thanh Đế bắt họ Trịnh trả lại đất Cao Bằng cho họ Mạc. Thanh Đế cho Kính Vũ về ở Nam Ninh 南寧, rồi sai sứ sang thương nghị với Nam triều về việc ấy. Triều đình An Nam và sứ Thanh bàn đi bàn lại mãi, sau Trịnh Tạc phải chịu trả lại cho họ Mạc đất 4 châu ở Cao Bằng là châu Thạch Lâm, Quảng Uyên, Thượng Lang, Hạ Lang và triệu quan Đốc trấn Vũ Vinh về.

Về sau Ngô Tam Quế 吳三桂 phản nhà Thanh ở đất Vân Nam và đất Quảng Tây, Mạc Kính Vũ cùng về đảng với Tam Quế mà chống lại nhà Thanh. Đến khi Tam Quế chết rồi, nhà Thanh đã lấy lại đất Quảng Tây, họ Trịnh muốn nhân dịp ấy mà trừ họ Mạc cho xong, bèn một mặt sai Đinh Văn Tả 丁文左 và Nguyễn Hữu Đăng 阮有登 lên đánh Mạc Kính Vũ. Đến tháng tám năm Đinh Mùi<sup>(1)</sup> (1667), Đinh Văn Tả lấy được

(1) Sách gốc ghi là năm Đinh Tỵ, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



thành Cao Bằng. Mạc Kính Vũ cùng họ hàng chạy sang Long Châu, bị quan nhà Thanh bắt giải sang trả cho An Nam.

Từ khi Mạc Mậu Hợp phải bắt, họ Mạc thất thủ Thăng Long rồi, con cháu chạy lên mạn ngược, nhờ thế nước Tàu được giữ đất Cao Bằng, tương truyền được 3 đời, là Mạc Kính Cung, Mạc Kính Khoan và Mạc Kính Vũ; đến nay mới mất hẳn. Dòng dõi họ Mạc hoặc bị bắt, hoặc về hàng, có nhiều người được tha, cho làm quan với họ Trịnh.

### 3. Quan chế

Trước khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê thì quan chế vẫn theo như đời Hồng Đức 洪德, nhưng từ khi nhà Lê trung hưng về sau, chính quyền về họ Trịnh, cho nên quan chế có khác ít nhiều. Trước thì trên cùng có quan Tham tụng 參從 và quan Bồi tụng 陪從 để coi việc chính trị, tức là giữ chức Tể tướng đời xưa, rồi đến các quan Thượng thư ở Lục bộ.

Lục bộ là: *Lại bộ* coi việc chuyển chuyển các quan viên, việc thăng hàm thưởng tước, việc cách chức giáng trật, tức là coi mọi việc riêng về quan lại trong nước. *Hộ bộ* coi việc điền thổ và nhân dân, thuế khóa, lương tiền thu vào phát ra. *Lễ bộ* coi việc nghi lễ, tế tự, việc học hành, thi cử, việc áo mũ phẩm phục và phù ấn, việc làm chương làm biểu, việc đi sứ nước nọ nước kia, việc coi thiên văn, làm lịch, làm thuốc, bói toán, việc quan hệ đến tăng ni, đạo sĩ, việc âm nhạc ca xướng. *Binh bộ* coi các võ quan, quân lính và việc phòng bị biên giới, v.v... *Hình bộ* coi việc hình pháp, kiện tụng. *Công bộ* coi việc xây đắp thành trì, cung điện, cầu cống, đường sá, sông ngòi, rừng núi.

Đến năm Mậu Tuất (1718) đời vua Dụ Tông, Trịnh Cương 鄭綱 lại đặt ra Lục phiên 六番 ở bên phủ chúa, cũng như Lục bộ ở bên nhà vua, để coi mọi việc chính trị.

Về việc võ bị thì trước có Ngũ phủ là: Trung quân phủ, Đông quân phủ, Tây quân phủ, Nam quân phủ, Bắc quân phủ. Mỗi một phủ đặt một Đô đốc phủ có quan tả hữu Đô đốc coi việc cả quân. Trong đời vua Thánh Tông thì Thanh Hóa, Nghệ An thuộc về Trung quân; Hải Dương, An Bang thuộc về Đông quân; Sơn Nam, Thuận Hóa, Quảng Nam thuộc về Nam quân; Tam Giang, Hưng Hóa thuộc về Tây quân; Kinh Bắc, Lạng Sơn thuộc về Bắc quân. Đến năm Giáp Thìn (1664) đời vua Huyền Tông, Trịnh Tạc 鄭柞 lại đặt thêm chức Chuồng phủ sự 掌府事 và Thự phủ sự 署府事 để coi hết cả các quân.

Các quan chức thời bấy giờ, chia ra làm ba ban: văn ban, võ ban và giám ban. Theo thường lệ thì chỉ có văn ban và võ ban mà thôi. Nhưng từ khi họ Trịnh giữ quyền bính và lại yêu dùng các nội giám, thường cho ra làm quan coi việc chính trị, cho nên mới đặt ra giám ban. Ban này đến cuối đời Cảnh Hưng (1740 - 1786) mới bỏ.

Từ khi họ Trịnh cầm quyền, thì bên nhà vua gọi là *triều đình* 朝廷, bên phủ chúa gọi là *phủ liêu* 府僚. Phàm những việc chính trị và quân dân đều do bên phủ chúa định đoạt hết cả, cho nên người ta thường dùng chữ phủ liêu, chứ không mấy khi dùng chữ triều đình, vì triều đình chỉ có cái hư vị, chứ không có quyền gì nữa.

Sự kén chọn các quan lại thì lệ cứ mấy năm lại khảo hạch một lần, ai không xứng chức thì phải giáng xuống.

Khi nào quan viên về hưu trí thì được ăn dân lộc, như là quan nhất phẩm thì mỗi năm được 400 quan tiền dân lộc của bốn năm xã; quan nhị phẩm được 300 hoặc 250 quan của hai ba xã; quan tam phẩm được 250 hay 150 quan của một hai xã; quan tứ phẩm được 150 quan của một xã; quan ngũ phẩm được 100 quan của một xã.





Đời bấy giờ lại đặt ra một phép rất hay, như là cấm không cho các quan viên lập trang trại ở chỗ mình làm quan, bởi vì thường có nhiều người ỷ quyền thế mà hà hiếp lấy ruộng đất của dân, rồi nuôi những đồ gian ác làm tội tở, để quấy nhiễu mọi người, đến nỗi có nhiều nơi dân phải xiêu tán đi. Ấy cũng là một việc đỡ hại cho dân, và lại có thể giữ liêm cho quan vậy.

Nhưng về sau, từ đời Trịnh Giang 鄭杠 trở đi nhà chúa chơi bời xa xỉ, lại có nhiều giặc giã, phải tìm cách lấy tiền, đặt ra lệ cứ tứ phẩm trở xuống ai nộp 600 quan thì được thăng chức một bậc. Còn những người chân trắng mà ai nộp 2.800 quan thì được bổ Tri phủ, 1.800 quan thì bổ Tri huyện<sup>(1)</sup>.

Như thế, hễ ai có tiền là được quyền trị dân, chứ không cần có tài năng gì cả, thành ra cái phẩm giá của những người làm quan đời bấy giờ cũng kém dần đi.

#### 4. Việc binh chế

Khi nhà Lê Trung hưng ra đánh họ Mạc, số quân chỉ có hơn 56.000 người mà thôi<sup>(2)</sup>. Về sau, từ lúc đánh được họ Mạc rồi, họ Trịnh chia ra làm hai thứ binh: một thứ gọi là *ưu binh* 優兵 thì lấy lính ở ba phủ đất Thanh Hóa và ở bốn phủ đất Nghệ An, lệ cứ ba suất đình lấy một tên lính; một thứ gọi là *nhất binh* 一兵 thì lấy lính ở tứ trấn ở đất Bắc là Sơn Nam, Kinh Bắc, Hải Dương, Sơn Tây, lệ cứ 5 suất đình lấy một tên lính.

Lính *ưu binh* thì đóng ở kinh thành, kén vào làm quân Túc vệ để canh giữ những nơi đền vua phủ chúa. Những lính ấy đã được cấp cho công điền, lại được thêm chức sắc.

(1) Việc bán phẩm hàm đã có từ đời vua Dụ Tông nhà Trần và đời vua Thánh Tông nhà Lê. Nhưng mà bấy giờ chỉ cho lấy hàm mà thôi, chứ không thực chức.

(2) Khi vua Lê Thái Tổ ra đánh nhà Minh thì số binh bấy giờ được 25 vạn, chia ra làm 5 quân, gọi là trung quân, tiền quân, hậu quân, tả quân, hữu quân. Đến khi đánh dẹp xong rồi, cho 15 vạn về làm ruộng, còn để lại 10 vạn chia làm 5 đạo gọi là Đông đạo, Tây đạo, Nam đạo, Bắc đạo và Hải Tây đạo.

Lính *nhất binh* thì chỉ để đủ giữ các trấn và hầu hạ các quan, còn thì cho về làm ruộng, có khi nào cần dùng đến thì mới gọi, như là về đời Trịnh Doanh 鄭欽 có lắm giặc giã, phải đánh dẹp nhiều nơi, thì mới gọi đến lính tứ trấn, cả thấy được độ chừng 11.500 người, chia ra làm 20 vệ. Sau lại đổi ra làm cơ, làm đội, mỗi cơ có 200 người, để 100 người ở tại ngũ, còn 100 người cho về làm ruộng, rồi cứ lần lượt thay đổi nhau mà về.

## 5. Hình luật

Hình luật về đời ấy thì đại khái cũng như đời Tiên Lê. Hình pháp thì chia ra làm 5 thứ gọi là *ngũ hình*: *xuy*, *trượng*, *đồ*, *lưu* và *tử*. Nhưng trước thì tội gì cũng được cho chuộc cả<sup>(1)</sup>, đến đời vua Huyền Tông, Trịnh Tạc 鄭柞 định lại: trừ những người được dự vào bát nghị<sup>(2)</sup> ra, còn ai phạm tội gì cứ chiếu theo tội nặng nhẹ mà luận hình, chứ không cho chuộc nữa.

Trước thì ai đã phải tội lưu, lại phải tội chặt tay nữa. Đến đời vua Dụ Tông, Trịnh Cương 鄭綱 mới bỏ cái luật chặt tay và đổi lại như là ai phải chặt hai bàn tay và phải lưu đầy viễn châu thì cải làm tội đồ chung thân; ai phải chặt một bàn tay và phải lưu ngoại châu thì đổi làm tội đồ 12 năm; ai phải chặt hai ngón tay trở và phải lưu cận châu, thì đổi làm tội đồ 6 năm. Còn như ai phạm tội trộm cướp thì không kể vào lệ ấy.

Trịnh Tạc lại định ra hai phép xử kiện. Chia những việc kiện tụng ra làm hai thứ. Những việc *mưu sát*, *đạo*, *kiếp* thì gọi là đại tụng; những việc *hộ*, *hôn*, *ấu dâm*, thì gọi là tiểu tụng.

(1) Tội trượng thì cứ mỗi một trượng là quan tam phẩm phải chuộc 5 tiền, quan tứ phẩm phải chuộc 4 tiền, quan ngũ phẩm 3 tiền, quan thất bát phẩm 2 tiền, từ cửu phẩm cho xuống đến thứ nhân thì 1 tiền.

Tội đồ làm lính coi chuồng voi thì phải chuộc 60 quan, làm lính đồn điền thì 100 quan.

Tội lưu cận châu thì phải chuộc 130 quan, viễn châu thì 290 quan.

Tội tử thì phải chuộc 330 quan.

(2) Đã nói ở đời vua Lê Thái Tổ.



Quan xử kiện mà không hợp lẽ, thì phải phạt tiền, còn những việc đã xử phải lẽ rồi, người kiện còn đi kiện nữa thì người ấy cũng phải phạt tiền.

Những việc án mạng, trộm cướp và những việc hộ, hôn, điền thổ thì phải theo thứ tự mà xét xử. Như việc án mạng thì quan phủ huyện xét, rồi đệ lên để Thừa ty 承司 và Hiến ty 憲司 hội đồng xét lại. Việc trộm cướp, ở kinh đô thì do quan Đề lĩnh 提領 xét lại, ở các trấn thì do quan Trấn thủ 鎮守 xét lại.

Phạm những việc đại tụng tiểu tụng mà ở huyện, phủ hay là ở Thừa ty, Trấn ty, xử không xong thì đến Hiến ty xét lại. Ở Hiến ty không xong, thì đến Giám sát 監察 xét lại. Ở Giám sát và Đề lĩnh không xong thì đến Ngự sử đài 禦史台 xét lại.

Những việc nhân mạng thì hạn cho 4 tháng, việc trộm cướp điền thổ thì 3 tháng, việc hôn nhân ẩu đả thì 2 tháng, chú lệ không cho để lâu, làm mất công việc của dân.

## 6. Thuế đinh, thuế điền và sưu dịch

Trước lệ cứ sáu năm làm sổ hộ tịch một lần, rồi cứ tùy số dân đinh nhiều ít mà đánh thuế, gọi là “quý” 季 đồng niên mỗi tên đinh cứ tùy hạng, hoặc đóng một quan hay là một quan tám tiền, tức là thuế thân. Đến năm Kỷ Dậu (1669) đời vua Huyền Tông, quan Tham tụng là ông Phạm Công Trứ 范公著 xin đặt ra phép bình lệ 平例, nghĩa là làm sổ đinh nhất định một lần, rồi làng nào phải đóng bao nhiêu suất đinh, cứ theo như thế mà đóng mãi, chứ có để thêm ra cũng không kể, mà có chết đi cũng không trừ.

Lập phép ấy là để cho dân khỏi phải làm sổ, mà quan cũng khỏi phải tra xét, nhưng phải một điều bất tiện là về sau số đinh hơn kém bao nhiêu, quan không biết được nữa. Đến năm Quý Tỵ (1713) đời vua Dụ Tông, sử chép rằng số dân nội tịch phải đóng thuế cho nhà vua cả thảy chỉ 206.315 suất mà thôi.



Còn như thuế điền thì năm Kỷ Hợi (1719) đời vua Dụ Tông, Trịnh Cương 鄭綱 sai các quan phủ huyện và quan Thừa chính, Hiến sát làm việc đạc điền để mà chia tiền thuế cho các dân xã cho đều. Lệ bấy giờ cứ đo công điền công thổ mà đánh thuế, gọi là “thuế” 稅, chia ra làm ba hạng. Hạng nhất mỗi mẫu đồng niên đóng 1 quan, hạng nhì 8 tiền, hạng ba 6 tiền.

Những sưu dịch như là việc tế tự trong đền vua phủ chúa, việc sửa sang trường thi, việc làm cầu cống, đắp đường sá, giữ đê điều,... thì cứ tùy nghi mà bỏ cho các suất đình để lấy tiền mà cung ứng cho đủ.

Ấy, các thứ thuế trước đánh là vậy. Đến năm Quý Mão (1723) quan Tham tụng là ông Nguyễn Công Hãng 阮公沆 theo phép *tô* 租, phép *dung* 庸 và phép điệu 調 của nhà Đường mà châm chiếu, sửa sang lại, như sau này:

*Phép tô*, tức là phép đánh thuế điền thổ, cứ mỗi mẫu công điền là phải nộp 8 tiền thuế, mà ruộng nào cấy hai mùa thì chia ba, quan lấy một phần thóc. Những đất bãi của quan, cứ mỗi mẫu nộp thuế 1 quan 2 tiền; chỗ nào trồng dâu thì nộp một nửa bằng tơ, chỗ nào không trồng dâu thì nộp cả bằng tiền.

Các ruộng tư điền ngày trước không đánh thuế, đến bây giờ mới đánh: ruộng hai mùa mỗi mẫu 3 tiền, ruộng một mùa mỗi mẫu 2 tiền.

*Phép dung*, tức là phép đánh thuế thân, cứ mỗi suất đình là đồng niên đóng 1 quan 2 tiền. Những người sinh đồ, lão hạng và hoàng đình<sup>(1)</sup> thì đóng một nửa.

*Phép điệu*, tức là phép bắt dân đóng tiền sưu dịch, cứ mỗi một suất đình, một năm 2 mùa, mùa hạ phải đóng 6 tiền, mùa đông phải đóng 6 tiền. Quan lấy tiền ấy mà làm các việc, không phiên đến dân nữa.

(1) *Lão hạng* là những người từ 50 tuổi đến 60 tuổi. *Hoàng đình* là người mới có 17 đến 19 tuổi.

## 7. Các thứ thuế

Đời bấy giờ đánh thuế các thứ thổ sản, thuế mỏ, thuế dò, thuế chợ, v.v... nhưng mà những thuế ấy, khi đánh khi thôi, không có nhất định.

1. *Thuế tuần ty*: Các thuyền bè chở hàng hóa đi buôn bán ở trong sông cũng phải chịu thuế. Trong nước lập ra cả thảy 23 sở tuần ty để thu thuế; như tre gỗ thì cứ 10 phần đánh thuế một phần; những đồ tạp hóa thì 40 phần đánh thuế một phần.

2. *Thuế muối*: Năm Tân Sửu (1721) Trịnh Cương đặt quan Giám đường 監當 để đánh thuế muối, cứ 10 phần, quan lấy 2 phần. Những người buôn muối phải lĩnh thẻ của quan Giám đường, thì mới được mua muối, mà trước phải mua của quan đã, rồi sau mới được mua của những người làm muối. Vì đánh thuế như thế, cho nên giá muối cao đến một tiền một đấu muối, dân sự ăn uống khổ sở. Bởi vậy đến năm Nhâm Tý (1732) Trịnh Giang bỏ thuế muối không đánh nữa.

Đến năm Bính Thìn (1746) Trịnh Doanh lại lập lại phép đánh thuế muối, cứ chia ra 50 mẫu ruộng muối làm một bếp, mỗi bếp phải nộp 40 hộ muối thuế, mỗi một hộ đánh giá là 180 đồng tiền, tức là ba tiền<sup>(1)</sup>.

3. *Thuế thổ sản*: Năm Giáp Thìn (1724), Trịnh Cương định lệ đánh thuế các thổ sản, như là vàng, bạc, đồng, kẽm, sơn, diêm tiêu, than gỗ, than đá, tre, gỗ, tơ lụa, quế, cá mắm, các đồ dụng vật như là rượu, mật, dầu và các đồ tạp vật như giấy, chiếu, vải, v.v...

## 8. Sổ chi thu

Về thời Trịnh Giang làm chúa, có lắm giặc giã phải chi tiêu nhiều việc, cho nên năm Tân Hợi<sup>(2)</sup> (1731) các quan xin đặt

---

(1) Đơn vị tiền tệ xưa, 1 tiền = 60 đồng [BT].

(2) Sách gốc ghi là năm Kỷ Mùi, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



quan để cùng với Hộ phiên mà làm sổ biên rõ đồng niên thu vào được bao nhiêu và phát ra mất bao nhiêu, để liệu sự chi dụng cho vừa.

## 9. Việc khai mỏ

Nước ta từ đời bấy giờ ở Tuyên Quang thì có mỏ đồng ở Tụ Long, mỏ bạc ở Nam Xương và ở Long Sinh. Ở Hưng Hóa thì có mỏ đồng ở Trinh Lan và Ngọc Uyển. Ở Thái Nguyên thì có mỏ đồng ở Sáng Mộc, Yên Hận, Liêm Tuyên, Tống Sinh, Vũ Nông; mỏ vàng ở Kim Mã, Tam Lộng; mỏ kẽm ở Côn Minh. Ở Lạng Sơn thì có mỏ đồng ở Hoài Viễn.

Những mỏ ấy đều là người Tàu sang khai cả, bao nhiêu quyền lợi về tay người Tàu hết, của 10 phần nhà nước không được một phần. Mà những phu Tàu sang làm mỏ thường hay quấy nhiễu dân sự. Tuy rằng năm Đinh Dậu (1717) Trịnh Cương đã định lệ rằng những người Tàu sang khai mỏ: chỗ đông lắm chỉ được đến 300 người, chỗ đông vừa 200 người, chỗ ít 100 người mà thôi. Thế mà về sau có nơi phu khách đông đến hàng vạn người, rồi sinh sự đánh nhau, thường phải dùng đến binh lính đi đánh dẹp mãi mới xong.

## 10. Việc đúc tiền

Nhà Hậu Lê Trung hưng lên rồi, vẫn tiêu tiền Hồng Đức, và ở trấn nào cũng có sở đúc tiền; nhưng vì có lắm sự nhiễu loạn cho nên đến năm Quý Dậu (1753) Trịnh Doanh mới bỏ sở đúc tiền ở các trấn, mà chỉ để hai sở ở gần đất kinh sư mà thôi. Đến năm Bính Thân (1776) đời Cảnh Hưng vua Hiến Tông, khi họ Trịnh đã lấy được đất Thuận Hóa rồi, lại mở lò đúc tiền ở Phú Xuân đúc ra 3 vạn quan tiền Cảnh Hưng nữa.

Đời bấy giờ cũng có đúc ra bạc lạng để tiêu dùng. Mỗi một lạng là 10 đồng, mỗi đồng giá hai tiền. Bạc ấy chặt ra mà tiêu cũng được.



## 11. Sự đồng lường

Sự đồng lường thì trước vẫn theo lối cũ, cứ 6 *hạp* 合 là một *thăng* 升, nhưng từ năm Giáp Thìn (1664) ông Phạm Công Trứ định lại, lấy một cái ống gọi là *hoàng chung quản* 黃鐘管 làm chừng. Cái ống ấy đựng được 1.200 hột thóc đen, gọi là một *thược* 籥, rồi cứ 10 thược làm một *hạp*, 10 *hạp* làm một *thăng*, 10 *thăng* làm một *đấu*, 10 *đấu* làm một *hộc*.

## 12. Việc in sách

Người nước ta học chữ Nho đã lâu mà những sách học như là *Tứ thư*, *Ngũ kinh* toàn thị dùng sách in của Tàu cả. Năm Giáp Dần (1734) đời vua Thuần Tông, Trịnh Giang mới bắt khắc bản in, in các sách phát ra mọi nơi và cấm không cho mua sách in bên Tàu nữa. Ấy cũng là một sự lợi cho sự tài chánh của nước ta.

## 13. Việc học hành thi cử

Sự học hành về đời Hậu Lê, thì đại khái cũng giống như đời Tiền Lê, trong nước ở đâu cũng lấy Nho học làm trọng. Ở Quốc Tử Giám thì đặt quan Tế tửu và quan Tư nghiệp để làm giảng quan, mỗi tháng một lần tiểu tập, ba tháng một lần đại tập.

Còn việc thi cử là việc nhà nước chọn lấy nhân tài để dùng làm việc nước, thì đời nào cũng có. Từ khi nhà Mạc và nhà Lê tranh nhau ngôi vua, Bắc triều họ Mạc vẫn mở khoa thi ở Thăng Long; Nam triều họ Lê vì bận việc binh, cho nên đến mãi năm Canh Thìn (1580) mới mở khoa thi Hội ở Tây Đô; từ đó về sau cứ ba năm một kỳ thi Hội, nhưng mà cách thức thi cử còn sơ lược, đến năm Giáp Thìn (1664) đời vua Huyền Tông, Trịnh Tạc mới định lại quy thức thi Hội.

Còn như thi Hương thì đến năm Mậu Ngọ (1678) mới định các điều lệ rõ ràng. Từ đó cứ ba năm một kỳ thi Hương. Thanh



Hóa, Nghệ An, Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc, Hải Dương, Thái Nguyên, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Yên Quảng đều có trường thi cả. Nhưng mà sự thi Hương bấy giờ hồ đồ lắm, không nghiêm như đời Hồng Đức. Như là về đời vua Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái thì đặt lệ ai đi thi phải nộp tiền *minh kinh* 明經 để lấy tiền làm nhà trường và khoản đốn quan trường.

Đến năm Canh Ngọ (1750) đời Cảnh Hưng, nhà nước thiếu tiền, lại đặt ra lệ thu tiền *thông kinh* 通經, hễ ai nộp ba quan thì được đi thi, mà không phải khảo hạch. Thành ra lúc bấy giờ những người đi làm ruộng, đi buôn, đi bán thịt, ai cũng được nộp quyển vào thi, đến nỗi lúc vào thi, người tranh nhau vào trường xéo đạp lẫn nhau, có người chết. Vào ở trong trường người thì dùng sách, kẻ đi thuê người làm bài, học trò với quan trường thì thông với nhau, thành ra cái *chợ thi*. Phép thi cử bấy giờ thật là bậy.

#### 14. Trường học võ

Đời vua Dụ Tông, Trịnh Cương lại mở ra trường học võ, đặt quan giáo thụ để dạy cho con cháu các quan vào học võ kinh chiến lược, cứ mỗi tháng một lần tiểu tập, ba tháng một lần đại tập. Mùa xuân mùa thu thì tập võ nghệ, mùa đông mùa hạ thì tập võ kinh.

Lại đặt ra lệ 3 năm một lần thi võ. Thi thì đại khái là phải bắn cung, múa giáo, múa gươm, phi ngựa mà bắn cung và chạy bộ mà bắn cung, rồi sau cùng hỏi nghĩa sách để xét học lực, hỏi phương lược để xét tài năng.

Năm Canh Thân (1740) Trịnh Doanh lập Võ miếu, chính vị thì thờ Vũ Thành Vương, Khương Thái Công, Tôn Võ Tử, Quản Tử, v.v... Ở đằng sau thì thờ Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, và lại lập miếu riêng thờ Quan Công. Cứ xuân thu hai kỳ tế lễ.





## 15. Làm quốc sử

Từ khi ông Vũ Quỳnh 武瓊 làm sách *Đại Việt thông giám* 大越通鑑, mãi đến đời vua Lê Huyền Tông nhà Hậu Lê, Trịnh Tạc mới sai quan Tham tụng là Phạm Công Trứ 范公著 soạn sách *Việt sử toàn thư* 越史全書, kể từ vua Trang Tông nhà Hậu Lê cho đến vua Thần Tông, chia làm 23 quyển; nhưng mà bộ sử ấy không in. Đến năm Bính Thìn (1676) đời vua Hy Tông sai Hồ Sĩ Dương 胡士揚 xét lại bộ quốc sử, nhưng chẳng bao lâu ông ấy mất, lại sai Lê Hy 黎僖 và Nguyễn Quý Đức 阮貴德 chép nối từ vua Huyền Tông cho đến vua Gia Tông, thêm vào 13 quyển, gọi là *Quốc sử thực lục* 國史實錄.

Năm Ất Mùi (1775) đời Cảnh Hưng, Trịnh Sâm sai Nguyễn Hoàn 阮侗, Lê Quý Đôn 黎貴惇, Ngô Thời Sĩ 吳時仕, Nguyễn Du 阮攸 soạn quốc sử, chép thêm từ Hy Tông cho đến đời Ý Tông, gọi là *Quốc sử tục biên*, cả thảy là 6 quyển.

## 16. Sự đánh dẹp giặc giã trong nước

Về thời Trịnh Tạc, Trịnh Căn, Trịnh Cương làm chúa, thì ông nào cũng hết lòng lo việc trị dân, và lại nhờ có những người tôi giỏi như Phạm Công Trứ 范公著, Nguyễn Công Hãng 阮公沆, v.v... đều hết sức giúp đỡ, cho nên sửa sang được nhiều việc, nước được yên trị. Nhưng mà từ khi Trịnh Giang lên nối nghiệp chúa, giết vua Lê, hại cả các quan đại thần như Nguyễn Công Hãng, Lê Anh Tuấn 黎英俊 và làm lắm điều tàn ác. Tính ông ấy đã tàn ngược lại hay tiêu dùng xa xỉ, thuế má một ngày một nhiều, sưu dịch một ngày một nặng, dân tình khổ sở, giặc giã nổi lên khắp cả mọi nơi, đường sá trạm dịch đi không được, phải làm đồn hỏa hiệu ở trên đỉnh núi để phòng khi có việc gì thì đốt lửa báo tin.

Bấy giờ trong triều thì có mấy người tôn thất như là Lê Duy Mật 黎維密, Lê Duy Quy 黎維規, Lê Duy Chúc 黎維祝<sup>(1)</sup>

(1) Duy Mật và Duy Quy là con vua Dụ Tông, Duy Chúc là con vua Hy Tông.



cùng với mấy người triều thần là Phạm Công Thế 范公勢, Võ Thuốc 武鑠 định đốt kinh thành để trừ họ Trịnh, nhưng chẳng may việc lộ ra phải bỏ chạy. Ở ngoài các trấn thì chỗ nào cũng có giặc, ở Hải Dương thì có Nguyễn Tuyển 阮選, Nguyễn Cừ 阮籓 nổi lên ở làng Ninh Xá 寧舍 (thuộc huyện Chí Linh), Võ Trác Oánh 武卓瑩 nổi lên ở làng Mộ Trạch 慕澤 (thuộc huyện Đường An), ở đất Sơn Nam thì có Hoàng Công Chất 黃公質, đều lấy tiếng phù Lê diệt Trịnh làm cớ, bởi vậy cho nên dân mặt Đông Nam mang bữa vác gậy đi theo giặc. Toán nào đông thì kẻ có hàng vạn người, toán nào ít thì có đến hàng trăm hàng nghìn người, rồi đi cướp phá ở các hương thôn và vây các thành ấp, quan quân đánh dẹp không được.

Đang lúc giặc cướp như thế, Trịnh Giang cứ dâm dật vô độ, lại đào hầm làm nhà ở dưới đất để cho khỏi sợ sấm sét, còn việc chính trị thì để cho những hoạn thần là bọn Hoàng Công Phụ 黃功輔 chuyên quyền làm bậy. Các quan ở phủ liêu là Nguyễn Quý Cảnh 阮貴愨, Nguyễn Công Thái 阮公案, Võ Công Tế 武功宰 bèn truất Trịnh Giang mà lập em là Trịnh Doanh lên làm chúa, để lo việc đánh dẹp cho yên giặc già.

Đời bấy giờ giặc cướp thì nhiều, nhưng mà những giặc to phải đánh lâu, thì có Nguyễn Tuyển 阮選, Nguyễn Cừ 阮籓 và Võ Trác Oánh 武卓瑩 ở đất Hải Dương; Hoàng Công Chất 黃公質, Võ Đình Dung 武廷鎔 ở Sơn Nam; Nguyễn Danh Phương 阮名芳, Nguyễn Diên 阮筵, Tế 濟, Bồng 篷, ở Sơn Tây; Nguyễn Hữu Cầu 阮有求 ở mặt Đông Nam; Lê Duy Mật 黎維密 ở mặt Thanh Hóa và Nghệ An. May lúc ấy lại có những quan đánh giặc giỏi như Hoàng Nghĩa Bá 黃義伯, Hoàng Ngũ Phúc 黃五福, Phạm Đình Trọng 范廷重, Nguyễn Phan 阮潘, Bùi Thế Đạt 裴世達, v.v... cho nên Trịnh Doanh và Trịnh Sâm mới dần dẹp yên được các nơi.

**Giặc Ngăn Già:** Năm Canh Thân (1740) trong khi đất Hải Dương, ở làng Ninh Xá, có Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ làm



loạn, thì đất Sơn Nam, ở làng Ngân Già, có Vũ Đình Dung, Đoàn Danh Chấn, Tú Cao, cướp phá rất dữ, giết cả quan Đốc lĩnh là Hoàng Kim Qua 黃金瓜. Thế giặc mạnh lắm, Trịnh Doanh phải tự làm tướng đem binh đi đánh, bắt được Vũ Đình Dung<sup>(1)</sup> đem chém, và đổi tên xã Ngân Già làm Lai Cách (nay là Gia Hòa).

**Giặc Ninh Xá:** Trước hết Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Võ Trác Oánh và Nguyễn Diên dấy binh từ năm Kỷ Mùi (1739) làm loạn ở Hải Dương, rồi vấy vùng ở đất Từ Sơn, Thuận Thành, Nam Sách và Hồng Châu. Nguyễn Cừ thì giữ đất Đỗ Lâm ở Gia Phúc, Nguyễn Tuyển thì giữ núi Phao Sơn ở Chí Linh, làm đồn, xây lũy liên lạc với nhau, quân lính kể có hàng mấy vạn người, quan quân đi đánh có nhiều người phải bắt.

Năm Tân Dậu<sup>(2)</sup> (1741) quan Thống lĩnh Hải Dương là Hoàng Nghĩa Bá 黃義伯 phá được các đồn của giặc ở Phao Sơn, ở Ninh Xá và ở Gia Phúc; Nguyễn Tuyển thua chạy rồi chết, Võ Trác Oánh không biết đi đâu mất. Còn Nguyễn Cừ thì chạy lên Lạng Sơn được mấy tháng lại về Đông Triều, nhưng vì hết lương phải vào nấp ở núi Ngọa Vân Sơn, bị quan Hiệp đồng là ông Phạm Đình Trọng 范廷重 bắt được đóng cũi đem về kinh làm tội. Từ đó giặc Cừ và giặc Tuyển mới tan.

**Nguyễn Hữu Cầu:** Nguyễn Hữu Cầu 阮有求 tục gọi là quận He, người Hải Dương, trước đi ăn cướp, sau theo Nguyễn Cừ làm giặc. Đến khi Nguyễn Cừ bị bắt rồi, Nguyễn Hữu Cầu đem đồ đảng về giữ núi Đồ Sơn và đất Vân Đồn. Năm Quý Hợi (1743), Hữu Cầu giết được quan Thủy đạo đốc binh là Trịnh Bảng 鄭榜, rồi tự xưng làm Đông đạo Thống quốc Bảo dân Đại tướng quân, thanh thế lừng lẫy ở mạn ấy. Sau bị Hoàng Ngũ Phúc đem binh đến vây ở núi Đồ Sơn, Hữu Cầu phá vây ra, về

(1) Chỗ này sách gốc ghi là Vũ Đình Dung, trong bản in này chúng tôi đã thống nhất dùng là Vũ Đình Dung [BT].

(2) Sách gốc ghi là năm Tân Sửu, có lẽ tác giả nhầm, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

đánh lấy thành Kinh Bắc, quan Trấn phủ là Trần Đình Cẩm 陳廷錦 và quan Đốc đồng là Võ Phương Đề 武方提 đánh thua ở Thị Cầu phải bỏ ấn tín mà chạy; ở kinh sư, được tin ấy rất lấy làm náo động.

Hoàng Ngũ Phúc đem binh về, cùng với Trương Khuông 長淮 lấy lại thành Kinh Bắc, nhưng thế Nguyễn Hữu Cầu vẫn mạnh, phá quân của Trương Khuông ở làng Ngọc Lâm (thuộc huyện Yên Dũng), đuổi quân của quan Thống lĩnh Đinh Văn Giai 丁文佳 ở Xương Giang (thuộc huyện Bảo Lộc) rồi lại về vây dinh Thị Cầu.

Trịnh Doanh sai Hoàng Ngũ Phúc và Phạm Đình Trọng đem binh đến đánh Hữu Cầu ở Xương Giang, giết được tướng của giặc là tên Thông 通, lấy được quân nhu chiến mã thật là nhiều.

Nguyễn Hữu Cầu là một người kiệt hiệt nhất trong bọn làm giặc thời bấy giờ, mà lại quỷ quyệt, ra vào bất trắc lắm; có khi bị vây hàng mấy vòng, mà chỉ một mình một ngựa phá vây ra, rồi chỉ trong mấy ngày lại có hàng vạn người đi theo. Vì rằng ngày thường cướp được thóc gạo của thuyền buôn, đem cho dân nghèo, cho nên đi đến đâu cũng có người theo, muốn lấy bao nhiêu quân lương cũng có.

Các tướng sĩ ai cũng sợ, duy chỉ có ông Phạm Đình Trọng là đánh được Hữu Cầu mà thôi, cho nên Hữu Cầu đào mả mẹ ông ấy đổ xuống sông. Từ đó Phạm Đình Trọng thế không cùng sống ở đời với Nguyễn Hữu Cầu. Cũng vì lẽ ấy cho nên năm Bính Dần (1746<sup>(1)</sup>) Hữu Cầu cho người đem vàng về đút lót cho Đỗ Thế Giai 杜世佳 và người nội giám là Nguyễn Phương Đình 阮芳挺 để xin hàng, Trịnh Doanh thuận cho và lại phong cho làm Hướng Nghĩa Hầu 向義侯 lại sai quan Thiêm tri 僉知 là Nguyễn Phi Sảng 阮丕爽 đem tờ dụ ra bảo Phạm Đình

(1) Sách gốc ghi là năm 1749, ở đây, chúng tôi đã sửa lại [BT].



Trọng đừng đánh Nguyễn Hữu Cầu nữa. Phạm Đình Trọng khẳng khẳng một mực không chịu, bảo Nguyễn Phi Sảng rằng: *“Những người làm tướng ở ngoài dẫu có mệnh vua cũng có điều không nên chịu. Ông vâng mệnh vua đi gọi giặc về hàng thì ông cứ đi, tôi vâng mệnh vua đi đánh giặc thì tôi cứ đánh”*. Nói xong, cất quân đi ngay.

Lúc ấy Phạm Đình Trọng có mộ người ở huyện Thanh Hòa, huyện Tú Kỳ, huyện Vĩnh Lại và huyện Thượng Hồng, đặt làm 4 cơ, giao cho hai người thủ hạ cai quản. Ở phủ liêu bọn Đỗ Thế Giai nhân lấy điều ấy mà nói gièm với Trịnh Doanh. Nhưng Trịnh Doanh vốn biết Phạm Đình Trọng là người trung thành, không nói gì đến việc ấy, lại làm một bài thơ đưa ra cho ông ấy để ông ấy yên lòng.

Nguyễn Hữu Cầu tuy đã xin về hàng, nhưng vẫn cứ cướp phá các nơi, sau lại về phá ở đất Sơn Nam. Một hôm Phạm Đình Trọng đánh đuổi Hữu Cầu ở Cẩm Giàng, Hữu Cầu nói với thủ hạ rằng: *“Ta vừa mới thua, có tin về kinh, tất nhiên không ai phòng bị, nay ta lên về đánh có lẽ được”*. Nói đoạn, ngay đêm hôm ấy kéo quân về bến Bồ Đề. Đến nơi thì trời vừa sáng; có tin báo, Trịnh Doanh tự đem quân ra giữ ở bến Nam Tân. Phạm Đình Trọng biết tin ấy lập tức đem quân về đánh mặt sau, Hữu Cầu lại thua bỏ chạy.

Từ khi thua trận Bồ Đề rồi, Hữu Cầu về cùng với Hoàng Công Chất cướp ở huyện Thần Khê và Thanh Quan. Phạm Đình Trọng và Hoàng Ngũ Phúc lại đem binh xuống đánh đuổi.

Hoàng Công Chất chạy vào Thanh Hóa, Hữu Cầu chạy vào Nghệ An hợp đảng với tên Diên 筵 ở Hương Lãm (thuộc huyện Nam Đường). Phạm Đình Trọng đem quân vào đánh phá trại giặc, rồi đuổi Hữu Cầu ra đến làng Hoàng Mai bắt được, đóng cũi đem về nộp chúa Trịnh. Bấy giờ là năm Tân Mùi (1751) tức là năm Cảnh Hưng thứ 12.



**Nguyễn Danh Phương:** Năm Canh Thân (1740) tên Tế và tên Bồng làm loạn ở đất Sơn Tây, quan Chinh Tây Đại tướng quân là Võ Tá Lý 武佐理 đánh bắt được cả hai tên ấy ở huyện An Lạc (thuộc phủ Vĩnh Tường). Bấy giờ thủ hạ tên Tế là Nguyễn Danh Phương, tục gọi là quận Hẻo, đem dư đảng về giữ núi Tam Đảo. Một mặt thì mộ quân trữ lương và một mặt thì cho người về nói dối xin hàng.

Lúc bấy giờ tên Cầu tên Chát đang làm loạn ở phía Đông Nam, cho nên Trịnh Doanh cũng tạm cho hàng.

Năm Giáp Tý (1744) tên Phương đem hơn một vạn quân về giữ đất Việt Trì, sang cướp phá ở bên huyện Bạch Hạc. Bấy giờ quan Đốc suất Sơn Tây là Văn Đình Ưc 文廷億 đem binh đến vây đánh, Danh Phương chạy sang giữ làng Thanh Linh (huyện Bình Xuyên, đất Thái Nguyên). Từ đó Danh Phương lập đại đồn ở núi Ngọc Bội (giáp huyện Bình Xuyên và huyện Tam Dương), trung đồn ở đất Hương Canh, ngoại đồn ở đất Ưc Kỳ, rồi tự xưng là Thuận Thiên Khải Vận đại nhân, làm cung điện, đặt quan thuộc, thu các thứ thuế ở đất Tuyên Quang, thanh thế lừng lẫy trong non 10 năm trời, thành ra một nước riêng trong nước Nam vậy.

Năm Canh Ngọ (1750) Trịnh Doanh tự đem đại quân đi đường Thái Nguyên đến đánh phá được đồn Ưc Kỳ. Khi quân tiến lên đến đồn Hương Canh, giặc bắn súng, đạn ra như mưa, quan quân không tiến lên được. Trịnh Doanh mới lấy gươm trao cho ông Nguyễn Phan 阮潘 mà bảo rằng: “Đồn này phá không được thì lấy quân pháp mà trị!”. Nguyễn Phan đem quân sấn vào rồi cởi áo chiến bào ra, xuống ngựa đi bộ, và bảo những người thủ hạ rằng: “*Quân sĩ có tên ở trong sổ sách, việc gì đã có quân pháp. Chúng bay là người riêng của ta mà hôm nay là buổi ta phải bỏ mình để giúp nước, và lại chính là ngày chúng bay đền ơn cho ta. Vậy ai có cha già con dại, thì cho lui ra, còn thì nên cùng với ta mà liều một trận sống chết để báo đền ơn*



nước, cho khỏi phụ cái tiếng râu mày!”. Thủ hạ không ai chịu lui, đều xin cùng xông vào, phá được đồn Hương Canh. Doanh Phương rút quân về giữ đồn Ngọc Bội, quân Trịnh Doanh tiến lên đuổi đánh. Nguyễn Phan sai thủ hạ cầm đồ đoản binh cho tự tiện đi trước mà vào, đại quân theo sau. Giặc giữ không nổi bỏ chạy tan cả. Nguyễn Danh Phương chạy vào núi Độc Tôn, quan quân đuổi đến làng Tĩnh Luyện ở huyện Lập Thạch thì bắt được, Trịnh Doanh đem quân về kinh đô, đi đến làng Xuân Hy, huyện Kim Anh, gặp người của Phạm Đình Trọng giải Nguyễn Hữu Cầu đến. Trịnh Doanh bèn mở tiệc khao quân, bắt tên Phương dâng rượu, tên Cầu thổi kèn, ba quân hôm ấy thật là vui vẻ.

Về đến kinh sư, tên Cầu và tên Phương đều phải chém cả.

**Hoàng Công Chất:** Hoàng Công Chất cùng với Nguyễn Tuyền, Nguyễn Cừ nổi lên một lúc. Trước phá ở đất Sơn Nam về hạt Khoái Châu và Xuân Trường. Đến năm Ất Sửu (1745) lại bắt được và giết quan trấn thủ Sơn Nam là Hoàng Công Kỳ 黃公琦, sau vì quan quân đuổi đánh, Công Chất chạy vào Thanh Hóa rồi ra Hưng Hóa cùng với tên Thành 成 làm loạn ở vùng ấy. Năm Tân Ty (1761) tên Thành bị quan quân bắt được, tên Chất chạy lên giữ động Mãnh Thiên<sup>(1)</sup> 猛天峒 (phía Bắc Hưng Hóa) rồi chiếm giữ cả mấy châu gần đấy, đồ đảng có hàng vạn người. Từ đó tên Chất cứ cướp phá ở đất Hưng Hóa và đất Thanh Hóa. Mãi đến năm Kỷ Sửu (1769) Trịnh Sâm mới sai quan Thống lĩnh là Đoàn Nguyễn Thục 段阮俶 đem quân Sơn Tây lên đánh động Mãnh Thiên. Khi quan quân lên đến nơi thì Hoàng Công Chất đã chết rồi, con là Hoàng Công Toản 黃公纘 chống giữ không nổi, bỏ chạy sang Vân Nam. Đồ đảng tan cả.

**Lê Duy Mật:** Năm Mậu Ngọ (1738) đời vua Ý Tông, bọn hoàng thân là Lê Duy Mật, Lê Duy Quy và Lê Duy Chúc định

---

(1) Sách gốc ghi là Mãnh Thiên [BT].



mưu giết họ Trịnh, nhưng chẳng may sự không thành phải bỏ chạy vào Thanh Hóa. Sau Duy Quy và Duy Chúc phải bệnh mất, còn Duy Mật giữ đất thượng du phía Tây Nam. Những người đồng mưu với Duy Mật đều bị họ Trịnh bắt được giết cả. Bấy giờ Duy Mật có bắt được Phạm Công Thế 范公勢 đem ra hỏi rằng: “Ông là người khoa giáp sao lại theo nghịch?”. Công Thế cười mà nói rằng: “Đã lâu nay danh phận không rõ, lấy gì mà phân thuận nghịch?”. Nói rồi, giương cổ ra chịu hình.

Lê Duy Mật từ khi chạy về Thanh Hóa, chiêu tập binh sĩ, rồi từ năm Canh Thân (1740) là Cảnh Hưng năm đầu, về đánh ở đất Hưng Hóa và Sơn Tây, sau lại cùng với giặc là tên Tương giữ đồn Ngọc Lâu (thuộc huyện Thạch Thành). Đến khi tướng họ Trịnh phá được đồn Ngọc Lâu, tên Tương tử trận, Lê Duy Mật lại chạy vào Nghệ An, rồi sang Trấn Ninh giữ núi Trình Quang 星光 làm căn bản.

Năm Giáp Tý (1764) Lê Duy Mật sai người đem thư vào cầu cứu với chúa Nguyễn là Vũ Vương. Nhưng chúa không muốn gây sự với họ Trịnh, cho nên không giúp.

Năm Đinh Hợi (1767) được tin Trịnh Doanh vừa mất, con là Trịnh Sâm lên làm chúa, Lê Duy Mật đem quân về đánh ở đất Hương Sơn và đất Thanh Chương rồi lại rút về Trấn Ninh. Trịnh Sâm cho người đưa thư sang vỗ về không được, mới quyết ý dùng binh để dứt mối loạn.

Năm Kỷ Sửu (1769) Trịnh Sâm sai Bùi Thế Đạt 裴世達 làm Thống lĩnh đất Nghệ An, Nguyễn Phan 阮潘 làm Chánh đốc lĩnh đất Thanh Hóa, Hoàng Đình Thể 黃廷體 làm Đốc binh đất Hưng Hóa, cả ba đạo đều tiến sang đánh Trấn Ninh. Khi quân Bùi Thế Đạt và Nguyễn Phan đến vây Trình Quang, Lê Duy Mật định cứ giữ hiểm không ra đánh. Không ngờ người con rể là Lại Thế Chiêu 賴世招 làm phản, mở cửa lũy cho quân họ Trịnh vào. Duy Mật biết có nội biến, bèn cùng với vợ con tự đốt mà chết.





\*

\* \*

Tóm lại mà xét, thì những công việc của họ Trịnh sửa đổi ở miền Bắc cũng nhiều, và có thể chia ra làm ba thời kỳ:

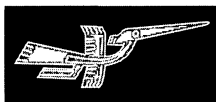
Thời kỳ thứ nhất vào khoảng Trịnh Kiểm, Trịnh Tùng và Trịnh Tráng. Lúc bấy giờ còn phải đánh họ Mạc ở phía Bắc, rồi lại chống với họ Nguyễn ở phía Nam, cho nên trong thời kỳ ấy chỉ có việc chiến tranh ở ngoài mà thôi, còn những công việc trong nước không sửa sang được mấy.

Thời kỳ thứ hai là vào khoảng Trịnh Tạc, Trịnh Căn và Trịnh Cương. Lúc bấy giờ việc chiến tranh đã yên, trong nước bình trị, cho nên trong thời kỳ ấy các chúa mới sửa sang và chỉnh đốn lại những phép tắc, luật lệ, việc thuế khóa, sự học hành, thi cử, v.v...

Thời kỳ thứ ba là vào khoảng Trịnh Giang, Trịnh Doanh và Trịnh Sâm. Vì Trịnh Giang thất chính cho nên trong thời kỳ này có lắm giặc giã, quan quân phải đánh đông dẹp bắc trong ba bốn năm trời, thành ra không làm được việc gì ích lợi, đến nỗi dân nghèo nước yếu, chính trị điêu tàn, bởi vậy cho nên chẳng bao lâu mà nhà Trịnh đổ, nhà Lê cũng mất.

## CHƯƠNG VI

# CÔNG VIỆC HỌ NGUYỄN LÀM Ở MIỀN NAM



1. Quan chế
2. Thi cử
3. Việc võ bị
4. Việc thuế khóa
5. Số tiền chi thu trong nước
6. Lấy đất Chiêm Thành
7. Mở đất Nam Việt và sự giao thiệp với Chân Lạp
8. Việc giao thiệp với nước Tiêm La
9. Việc lập dinh định phủ

Họ Nguyễn đã giữ riêng một cõi ở phía Nam, lập ra nghiệp chúa, lưu truyền đời nọ qua đời kia, bởi vậy cho nên chính trị, thuế lệ, binh lính, việc gì cũng tự sửa sang và xếp đặt lấy như là một nước tự chủ vậy.

### 1. Quan chế

Lúc họ Nguyễn chưa ra mặt chống nhau với họ Trịnh thì quan lại vẫn ở ngoài Bắc bỏ vào nhưng mà từ khi chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên 阮福源 không chịu nộp thuế cho nhà Lê, và đem quân chống giữ với quân họ Trịnh ở Bắc Bộ Chính 布政 thì các quan viên đều do chúa Nguyễn đặt lấy cả.

Ở chính dinh là chỗ chúa đóng thì đặt *tam ty* 三司 để giúp chúa coi việc chính trị. Tam ty là: *Xá sai ty* 舍差司, *Tướng thần lại ty* 將臣吏司, *Lệnh sử ty* 令史司.



1. Xá sai ty giữ việc từ tụng văn án. Có quan Đô tri 都知, Ký lục 記錄 làm đầu.

2. Tướng thần lại ty giữ việc thu thuế, chi phát lương thực cho quan các đạo. Có quan Cai bạ 該簿 làm đầu.

3. Lệnh sử ty giữ việc tế tự, tết nhất và việc chi cấp lương cho quân ở chính dinh. Có quan Nha úy 衙尉 làm đầu.

Mỗi ty lại có quan Cai hợp 該合, Thủ hợp 首合 và các lại ty để làm mọi việc.

Ở ngoài các dinh, thì có nơi chỉ đặt có một Lệnh sử ty kiêm cả việc Xá sai ty và Tướng thần lại ty, có nơi thì đặt Xá sai ty và Lệnh sử ty để coi việc quân dân, từ tụng, dinh điền, sổ sách, thuế khóa, v.v... nghĩa là tùy nơi quan trọng hay là không, mà thêm bớt quan viên.

Ở phủ huyện, thì đặt Tri huyện, Tri phủ, để coi việc từ tụng, thuộc hạ thì có đề lại, thông lại, chuyên việc khám xét. Lại có Huấn đạo, Lễ sinh, chuyên việc tế tự ở chỗ sở tại. Còn việc thu thuế thì đặt quan khác để coi về việc ấy.

Đến đời chúa Thượng Nguyễn Phúc Lan 阮福瀾 (1635 - 1648) lại đặt thêm chức Nội tả 內左, Ngoại tả 外左, Nội hữu 內右, Ngoại hữu 外右, gọi là *tứ trụ* để giúp chúa trị dân.

Về hàng quan võ thì đặt chức: Chuồng dinh, Chuồng cơ, Cai cơ, Cai đội để coi việc binh.

## 2. Thi cử

Năm Đinh Hợi (1647<sup>(1)</sup>) chúa Nguyễn mở khoa thi gọi là thi *chính đồ* 正途 và thi *hoa văn* 華文.

*Thi chính đồ* chia ra làm ba kỳ, kỳ đệ nhất thi tứ lục, kỳ đệ nhị thi thơ phú, kỳ đệ tam thi văn sách. Quan Tri phủ Tri

(1) Sách gốc ghi là năm 1674, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



huyện làm sơ khảo, quan Cai bạ, Ký lục, Vệ úy làm giám khảo. Những quyển đậu thì chia ra làm ba hạng: hạng thứ nhất gọi là *giám sinh*, được bổ làm Tri phủ, Tri huyện; hạng thứ nhì gọi là *sinh đồ* được bổ làm Huấn đạo; hạng thứ ba cũng gọi là *sinh đồ* được bổ làm Lễ sinh, hoặc làm Nhiều học.

*Thi hoa văn* thì cũng phải ba ngày, mỗi ngày chỉ phải làm có một bài thơ mà thôi. Ai đậu thì được bổ vào làm việc ở tam ty.

Năm Ất Hợi (1695) Quốc chúa Nguyễn Phúc Chu 阮福澗 (1691 - 1725) mở khoa thi ở trong phủ chúa, gọi là thi *Văn chức* 文職 và thi *Tam ty* 三司. Thi Tam ty là thi Xá sai ty, thi Tướng thần lại ty và thi Lệnh sử ty. Thi Văn chức thì thi tứ lục, thơ phú, văn sách; thi Xá sai ty thì hỏi về việc binh lính, tiền lương, từ tụng; thi Tướng thần lại ty và Lệnh sử ty thì chỉ làm một bài thơ mà thôi.

Năm Canh Thân (1740), Vũ Vương Nguyễn Phúc Khoát 阮福濶 (1738 - 1765) định lại phép thi: những người đậu kỳ đệ nhất gọi là *Nhiều học*, được miễn sai 5 năm; đậu kỳ đệ nhị và kỳ đệ tam thì được miễn sai chung thân; đậu kỳ đệ tứ gọi là *Hương Cống*, được bổ đi làm Tri phủ, Tri huyện.

Xem như vậy thì sự thi cử ở miền Nam đời bấy giờ còn sơ lược lắm.

### 3. Việc võ bị

Họ Nguyễn bấy giờ phải chống nhau với họ Trịnh cho nên phải lo việc võ bị hơn. Quân thì chia ra làm năm cơ gọi là: trung cơ, tả cơ, hữu cơ, tiền cơ, hậu cơ. Số quân độ chừng non ba vạn người.

Năm Tân Mùi (1631) chúa Sãi lập ra sở đúc súng đại bác và mở trường bắn, trường tập voi, tập ngựa, cứ hàng năm luyện tập để phòng bị chiến tranh.



#### 4. Việc thuế khóa

Điền thổ chia ra làm 3 hạng để đánh thuế. Lại có hạng gọi là *thu điền*, *khô thổ*, nghĩa là ruộng đất xấu thì thuế đánh lại nhẹ hơn ruộng đất thường.

Những công điền thì cấp cho dân cày cấy để nộp thuế; còn ai khai khẩn được đất hoang ra làm ruộng thì cho là tư điền.

*Thuế mỏ*: Ở đất Quảng Nam, Thuận Hóa có mỏ vàng; ở đất Quảng Nghĩa có mỏ bạc; ở đất Bố Chính có mỏ sắt. Các mỏ ấy đều đánh thuế cả.

*Thuế xuất cảng nhập cảng*: Lệ cứ những tàu ở Thượng Hải và ở Quảng Đông lại, thì phải nộp 3.000 quan, đến lúc đi phải nộp 300 quan. Tàu ở Ma Cao, ở Nhật Bản lại, thì phải nộp 4.000 quan, đến lúc đi phải nộp 400 quan. Tàu ở Tiêm La, ở Lã Tống lại, thì phải nộp 2.000 quan, đến lúc đi phải nộp 200 quan. Tàu ở các nước phương Tây lại, thì phải nộp 8.000 quan, đến lúc về phải nộp 800 quan.

Thuế ấy chia ra làm 10 thành: 6 thành thì đem vào kho, còn 4 thành để nộp cho quan lại, binh lính đã coi về việc thu thuế.

#### 5. Số tiền chi thu trong nước

Năm Quý Dậu (1753) Vũ Vương sai quan Chưởng thái giám 掌太監 là Mai Văn Hoan 枚文歡 tính số vàng, bạc và tiền thu vào phát ra mỗi năm là bao nhiêu.

Bấy giờ số tiền thì có năm thu vào được hơn 338.100 quan, mà phát ra mất hơn 364.400 quan; có năm được hơn 423.300 quan mà phát ra mất hơn 369.400 quan. Vàng thì có năm thu được 830 lượng, có năm được 890 lượng. Bạc thì thứ giáp ngân 甲銀 (?) có năm thu được 240 lượng, có năm được 390 lượng; thứ dung ngân 榕銀 (?) có năm được 2.400 lượng, có năm được 1.800 lượng; thứ kê ngân 雞銀 (?) có năm được 10.100 đồng, có năm được 400 đồng, cũng có năm không có đồng nào.



Tính đồ đồng lại từ năm Bính Dần (1746) đến năm Nhâm Thân (1752) nghĩa là trong 7 năm, số vàng được 5.768 lượng, số giáp ngân được 9.978 lượng, số dung ngân được 14.276 lượng, số kê ngân được 21.150 đồng.

Từ đó trở đi mỗi năm phải làm sổ kê rõ ra trong năm vàng bạc và tiền thu vào và phát ra mất bao nhiêu, lệ cứ đến ngày mồng ba tháng giêng năm sau dâng lên để chúa xem.

Những tiền tiêu ở trong nước, thì có tiền đồng và tiền kẽm, khắc hai chữ *thái bình* 太平.

## 6. Lấy đất Chiêm Thành

Trước Trịnh Kiểm chỉ cho Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hóa mà thôi; sau đến năm Canh Ngọ (1570) họ Trịnh đòi quan trấn thủ Quảng Nam là Nguyễn Bá Quính về trấn đất Nghệ An, để đất Quảng Nam cho Nguyễn Hoàng kiêm lĩnh.

Năm Tân Hợi (1611) Nguyễn Hoàng vào đánh nước Chiêm Thành lấy đất lập ra phủ Phú Yên; chia ra làm hai huyện là Đồng Xuân và Tuyên Hòa. Đến năm Quý Tỵ (1653) vua nước Chiêm Thành là Bà Thấm 婆沁 sang quấy nhiễu ở đất Phú Yên, chúa Hiền là Nguyễn Phúc Tần 阮福瀕 mới sai quan Cai cơ là Hùng Lộc 雄祿 sang đánh. Bà Thấm phải dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn để từ sông Phan Lang 潘郎江 trở vào cho vua Chiêm, còn từ sông Phan Lang trở ra lấy làm Thái Ninh phủ, sau đổi làm phủ Diên Khánh (tức là Khánh Hòa bây giờ), đặt dinh Thái Khang để Hùng Lộc làm Thái thú.

Năm Quý Dậu (1693) vua nước Chiêm Thành là Bà Tranh 婆爭 bỏ không tiến cống, chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu sai quan Tổng binh là Nguyễn Hữu Kính 阮有鏡 (con Nguyễn Hữu Dật) đem binh đi đánh bắt được Bà Tranh và bọn thần tử là Tả Trà Viên, Kế Bà Tử cùng thân thuộc là Bà Ân đem về Phú Xuân. Chúa Nguyễn đổi đất Chiêm Thành làm Thuận Phủ,



cho Tả Trà Viên, Kế Bà Tử làm chức Khâm lý 勘理 và ba người con của Bà Ân làm Đề đốc giữ Thuận Phủ, lại bắt phải đổi y phục theo như người Việt Nam để phủ dụ dân Chiêm Thành. Qua năm sau lại đổi Thuận Phủ ra làm Thuận Thành trấn, cho Kế Bà Tử làm Tả Đô đốc. Năm Đinh Sửu (1697) chúa Nguyễn đặt phủ Bình Thuận lấy đất Phan Lý (Phan Rí), Phan Lang (Phan Rang) làm huyện Yên Phúc và huyện Hòa Đa.

Từ đó nước Chiêm Thành mất hẳn.

Nước Chiêm Thành chính là nước Lâm Ấp ngày trước đã từng qua mấy trăm năm, cùng với họ Lý, họ Trần đối địch, chống với quân Mông Cổ, không cho xâm phạm vào cõi, lập nên một nước có vua, có tôi, có chính trị, có luật pháp. Nhưng chỉ hiềm vì người nước ấy cứ hay sang cướp phá ở đất Việt Nam thành ra hai nước không mấy khi hòa hiếu được với nhau.

Đã là đối địch thì không sao tránh khỏi được cái luật chung của tạo hóa là: khỏe còn, yếu chết. Vì vậy cho nên từ khi vua Thánh Tông nhà Lê 黎聖宗 đã lấy đất Quảng Nam và đã chia nước Chiêm ra làm 3 nước rồi, thì từ đó về sau thế lực nước ấy mỗi ngày một kém, dân tình mỗi ngày một suy. Chẳng những là đến nỗi mất nước với chúa Nguyễn mà chủng loại Chiêm Thành bây giờ cũng chẳng còn được mấy nghìn người nữa. Một nước trước như thế, mà nay như thế, dầu rằng nước ấy đồng hóa với nước ta mặc lòng, song nghĩ cũng thương tâm thay cho những nước yếu hèn không tránh khỏi được cái họa: cá nhỏ bị cá lớn nuốt.

## 7. Mở đất Nam Việt và sự giao thiệp với Chân Lạp

Nguyên nước Chân Lạp ở vào quãng dưới sông Mê Kông, có lắm sông nhiều ngòi, ruộng đất thì nhiều mà nước Nam ta thường hay mất mùa, dân tình phải đói khổ luôn và lại vào lúc chúa Nguyễn, chúa Trịnh đánh nhau, cho nên nhiều người bỏ vào khẩn đất, làm ruộng ở Mô Xoài (Bà Rịa) và Đồng Nai (nay thuộc Biên Hòa).



Năm Mậu Tuất (1658) vua nước Chân Lạp mất rồi, chú cháu tranh nhau sang cầu cứu bên chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn bấy giờ là chúa Hiền sai quan đem 3.000 quân sang đánh ở Mỗi Xuy 每吹 (nay thuộc huyện Phước Chánh, tỉnh Biên Hòa) bắt được vua nước ấy là Nặc Ông Chân 匿翁真 đem về giam ở Quảng Bình một độ, rồi tha cho về nước, bắt phải triều cống và phải bênh vực người Việt Nam sang làm ăn ở bên ấy.

Năm Giáp Dần (1674), nước Chân Lạp có người Nặc Ông Đài 匿翁苔 đi cầu viện nước Tiêm La để đánh Nặc Ông Nộn 匿翁嫩.

Nặc Ông Nộn bỏ chạy sang cầu cứu ở dinh Thái Khang (nay là Khánh Hòa). Chúa Hiền bèn sai Cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn Dương Lâm 阮揚林 cùng với Nguyễn Đình Phái 阮廷派 làm tham mưu đem binh chia ra hai đạo sang đánh Nặc Ông Đài, phá được đồn Sài Gòn<sup>(1)</sup> 柴棍, rồi tiến quân lên vây thành Nam Vang. Nặc Ông Đài phải bỏ thành chạy vào chết ở trong rừng. Nặc Ông Thu 匿翁秋 ra hàng. Nặc Ông Thu là chính dòng con trưởng cho nên lại lập làm chánh quốc vương đóng ở Long Úc, để Nặc Ông Nộn làm đệ nhị quốc vương, đóng ở Sài Gòn, bắt hàng năm phải triều cống.

Năm Kỷ Mùi (1679) có quan nhà Minh là Tổng binh trấn thủ đất Long Môn (Quảng Tây) Dương Ngạn Địch 楊彥迪, phó tướng Hoàng Tiến 黃進, Tổng binh châu Cao, châu Lô và châu Liêm (thuộc Quảng Đông) là Trần Thượng Xuyên 陳上川, phó tướng Trần An Bình 陳安平, không chịu làm tôi nhà Thanh, đem 3.000 quân cùng 50 chiếc thuyền sang xin ở làm dân Việt Nam. Chúa Hiền nhân muốn khai khẩn đất Chân Lạp, bèn cho vào ở đất Đông Phố 東浦 (tức là đất Gia Định). Bọn Ngạn Địch chia nhau ở đất Lộc Dã (tức là đất Đồng Nai thuộc Biên Hòa), ở Mỹ Tho (thuộc Định Tường), ở Ban Lân

(1) Sài Gòn cũng được phiên âm là Sài Côn [BT].





(thuộc Biên Hòa) rồi cày ruộng làm nhà lập ra phường phố, có người phương Tây, người Nhật Bản, người Chà Và đến buôn bán đông lắm.

Năm Mậu Thìn (1688) những người Khách<sup>(1)</sup> ở Mỹ Tho làm loạn. Hoàng Tiến giết Dương Ngạn Địch đi, rồi đem chúng đóng đồn ở Nan Khê, làm tàu đúc súng để chống nhau với người Chân Lạp. Vua Chân Lạp và Nặc Ông Thu cũng đào hào đắp lũy để làm kế cố thủ và bỏ không chịu thần phục chúa Nguyễn nữa.

Bấy giờ chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Trấn 阮福臻 sai quan đem quân đi đánh dẹp, dùng mưu giết được Hoàng Tiến và bắt vua Chân Lạp phải theo lệ triều cống.

Năm Mậu Dần (1698) chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Chu sai ông Nguyễn Hữu Kính 阮有鏡 làm kinh lược đất Chân Lạp, chia đất Đông Phố ra làm dinh, làm huyện, lấy Đồng Nai làm huyện Phúc Long và Sài Gòn làm huyện Tân Bình. Đặt Trấn Biên dinh 鎮邊營 (tức Biên Hòa) và Phiên Trấn dinh 藩鎮營 (tức là Gia Định) sai quan vào cai trị. Lại chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng Bình trở vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất. Còn những người Tàu ở đất Trấn Biên (Biên Hòa) thì lập làm xã Thanh Hà 清河, những người ở đất Phiên Trấn (Gia Định) thì lập làm xã Minh Hương 明鄉. Những người ấy đều thuộc về sổ bộ nước ta.

Bấy giờ lại có người Khách Quảng Đông tên là Mạc Cửu 莫玖, trong khi nhà Thanh cướp ngôi nhà Minh bên Tàu, bỏ sang ở Chân Lạp, thấy ở phủ Sài Mạt 柴末 có nhiều người các nước đến buôn bán, bèn mở sòng đánh bạc, rồi lấy tiền chiêu mộ những lưu dân lập ra 7 xã, gọi là Hà Tiên. Năm Mậu Tý (1708) Mạc Cửu xin thuộc về chúa Nguyễn; chúa phong cho làm chức Tổng binh, giữ đất Hà Tiên.

---

(1) *Người Khách* chỉ những người Trung Quốc ở miền Nam Việt Nam thời bấy giờ, chỗ này sách gốc in nhầm là “người khác” [BT].



Đến khi Mạc Cửu mất, chúa Nguyễn lại phong cho con Mạc Cửu là Mạc Thiên Tứ 莫天賜 làm chức Đô đốc, trấn ở Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ đắp thành, xây lũy, mở chợ, làm đường và rước thầy về dạy Nho học để khai hóa đất Hà Tiên.

Thời bấy giờ đất Chân Lạp cứ loạn lạc luôn. Năm Kỷ Mão (1699) vua nước ấy là Nặc Ông Thu 匿翁秋 đem quân chống với quân chúa Nguyễn, chúa sai quan Tổng suất Nguyễn Hữu Kính sang đánh. Quân ta sang đến thành Nam Vang 南榮, Nặc Ông Thu bỏ chạy, con Nặc Ông Nộn là Nặc Ông Yêm 匿翁淹 mở cửa thành ra hàng. Sau Nặc Ông Thu cũng về hàng, xin theo lệ triều cống như cũ. Quân ta rút về.

Được ít lâu vua thứ hai là Nặc Ông Nộn mất, vua thứ nhất là ông Nặc Ông Thu phong cho con Nặc Ông Nộn là Nặc Ông Yêm làm quan và lại gả con gái cho. Sau Nặc Ông Thu già yếu, truyền ngôi cho con là Nặc Ông Thâm 匿翁深.

Năm Ất Dậu (1705) Nặc Ông Thâm nghi cho Nặc Ông Yêm có ý làm phản, bèn khởi binh đánh nhau. Nặc Ông Thâm lại đem quân Tiêm La về giúp mình. Nặc Ông Yêm phải chạy sang cầu cứu ở Gia Định.

Chúa Nguyễn sai quan Cai cơ là Nguyễn Cửu Vân 阮久雲 sang đánh Nặc Ông Thâm. Nguyễn Cửu Vân sang phá được quân Tiêm La; đem Nặc Ông Yêm về thành La Bích 羅壁. Từ đó Nặc Ông Thâm ở Tiêm La cứ thỉnh thoảng đem quân về đánh Nặc Ông Yêm.

Năm Giáp Ngọ (1714) quân của Nặc Ông Thâm về lấy thành La Bích và vây đánh Nặc Ông Yêm nguy cấp lắm. Nặc Ông Yêm sai người sang Gia Định cầu cứu. Quan Đô đốc Phiên Trấn (Gia Định) là Trần Thượng Xuyên 陳上川 và quan phó tướng Trần Biên (Biên Hòa) là Nguyễn Cửu Phú 阮久富 phát binh sang đánh, vây Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm ở trong thành La Bích. Nặc Ông Thu và Nặc Ông Thâm sợ hãi, bỏ



thành chạy sang Tiêm La. Bọn ông Trần Thượng Xuyên lập Nặc Ông Yêm lên làm vua Chân Lạp.

Năm Kỷ Dậu<sup>(1)</sup> (1729) quân Chân Lạp sang quấy nhiễu ở hạt Gia Định. Chúa Nguyễn bèn đặt sở Điều khiển 調遣 để thống nhiếp việc binh ở mạn ấy.

Năm Bính Thìn (1736) Nặc Ông Yêm mất, con là Nặc Ông Tha 匿翁他 lên làm vua. Đến năm Đinh Mão<sup>(2)</sup> (1747) Nặc Ông Thâm lại ở bên Tiêm La về, cử binh đánh đuổi Nặc Ông Tha đi, rồi chiếm lấy ngôi làm vua. Nặc Ông Tha phải bỏ chạy sang Gia Định.

Được ít lâu Nặc Ông Thâm mất, con là Nặc Đôn 匿敦, Nặc Hiên 匿軒 và Nặc Yếm 匿厭 tranh nhau. Chúa Nguyễn bèn sai quan Điều khiển là Nguyễn Hữu Doãn 阮有允 đem quân sang đánh bọn Nặc Đôn và đem Nặc Ông Tha về nước.

Nặc Ông Tha về được mấy tháng lại bị người con thứ hai Nặc Ông Thâm là Nặc Nguyên 匿原 đem quân Tiêm La sang đánh đuổi đi. Nặc Ông Tha chạy sang chết ở Gia Định.

Nặc Nguyên về làm vua Chân Lạp thường hay hà hiếp rợ Côn Man 昆蠻<sup>(3)</sup> và lại thông sứ với chúa Trịnh ở ngoài Bắc để lập mưu đánh chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn biết tình ý ấy, đến năm Quý Dậu (1753), sai Nguyễn Cư Trinh 阮居貞 sang đánh Nặc Nguyên. Năm Ất Hợi (1755) Nặc Nguyên thua bỏ thành Nam Vang chạy sang Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ.

Năm sau Mạc Thiên Tứ dâng thư về nói rằng Nặc Nguyên xin dâng hai phủ Tầm Bôn 尋奔 và Lôi Lạp 雷臘 để chuộc tội và xin cho về nước. Chúa Nguyễn không muốn cho. Bấy giờ ông Nguyễn Cư Trinh dâng sớ bày tỏ cách khai thác nên dùng kế “tầm thực” nghĩa là nên lấy dần dần như con tầm ăn lá, thì mới

(1) Sách gốc ghi là Tân Hợi, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

(2) Sách gốc ghi là Mậu Thìn, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

(3) Côn Man là chỗ những người Chiêm Thành sang tụ họp ở tại xứ Chân Lạp.

chắc chắn được. Chúa Nguyễn nghe lời ấy bèn nhận hai phủ và cho Nặc Nguyên về Chân Lạp.

Năm Đinh Sửu (1757<sup>(1)</sup>) Nặc Nguyên mất, chú họ là Nặc Nhuận 匿潤 làm Giám quốc. Nặc Nhuận còn đang lo để xin chúa Nguyễn phong cho làm vua, thì bị người con rể là Nặc Hình 匿馨 giết đi, rồi cướp lấy ngôi làm vua.

Quan Tổng suất là Trương Phúc Du 張福猷 thừa thế sang đánh, Nặc Hình thua chạy bị thuộc hạ giết chết, bấy giờ con Nặc Nhuận là Nặc Tôn 匿尊 chạy sang nhờ Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên. Mạc Thiên Tứ dâng thư về xin lập Nặc Tôn làm vua Chân Lạp. Chúa Nguyễn thuận cho, sai Thiên Tứ đem Nặc Tôn về nước.

Nặc Tôn dâng đất Tâm Phong Long để tạ ơn chúa Nguyễn. Chúa bèn sai ông Trương Phúc Du và Nguyễn Cư Trinh đem dinh Long Hồ về xứ Tâm Bào, tức là chỗ tỉnh lỵ tỉnh Vĩnh Long bây giờ, và lại đặt ra ba đạo là Đông Khẩu đạo ở Sa Đéc, Tân Châu đạo ở Tiền Giang và Châu Đốc đạo ở Hậu Giang.

Nặc Tôn lại dâng 5 phủ là Hương Úc, Cần Bột, Trực Sâm, Sài Mạt và Linh Quỳnh để tạ ơn Mạc Thiên Tứ. Mạc Thiên Tứ đem những đất ấy dâng chúa Nguyễn, chúa cho thuộc về trấn Hà Tiên cai quản.

Vậy đất 6 tỉnh Nam Việt bây giờ là đất lấy của nước Chân Lạp mà người Việt Nam khai thác ra.

## 8. Việc giao thiệp với nước Tiêm La

Tiêm La là một nước ở về phía Tây Nam sông Mê Kông dòng dõi người Thái sang ở đấy.

Cứ theo sử ta và sử Tàu thì thoát đầu tiên gọi là nước Phù Nam 扶南. Đến quãng nhà Tùy và nhà Đường bên Tàu là vào

(1) Sách gốc ghi là năm 1759, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



quãng thế kỷ thứ VI, thứ VII thì đất Phù Nam chia ra làm hai: một nửa về phía Đông có một dân tộc khác đến lập ra nước Chân Lạp 真臘, còn một nửa về phía Tây thì người Phù Nam ở gọi là nước Xích Thổ 赤土.

Vào quãng nhà Tống, nhà Kim (thế kỷ thứ XI, thứ XII) thì nước Xích Thổ lại chia ra làm hai: một nước gọi là La Hộc 羅斛, một nước gọi là Tiêm 暹. Lúc nhà Nguyên làm vua bên Tàu (thế kỷ thứ XIII, thứ XIV) thì sử có chép hai nước ấy sang cống.

Về sau nước La Hộc gồm được cả nước Tiêm, mới gọi là nước Tiêm La Hộc 暹羅斛. Đến đầu nhà Minh (cuối thế kỷ thứ XIV) vua nước ấy sang cầu phong bên Tàu, vua Thái Tổ nhà Minh mới phong là nước Tiêm La 暹羅<sup>(1)</sup>.

Nước Tiêm La lúc đầu còn nhỏ yếu, thường bị người Chân Lạp áp chế. Sau cường thịnh dần dần lên, rồi vào khoảng năm Vạn Lịch (1573 - 1620) nhà Minh, nước Tiêm La lại đánh Chân Lạp mà hùng bá cả phương ấy.

Trong thời ấy vua Tiêm La là Phra Naroi dòng dõi nhà Ayouthia dùng một người Hy Lạp tên là Constantin Phaulcon làm tướng. Người ấy xin vua giao thiệp với nước Pháp. Bởi vậy năm 1620 mới có bọn sứ thần Tiêm La sang bái yết Pháp hoàng Louis XIV ở tại Versailles.

Thuở bấy giờ chúa Nguyễn còn đang khai sáng ở đất Phú Yên, Khánh Hòa, nhưng về sau chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm Thành, lại lấn sang đất Chân Lạp. Người Tiêm La có ý muốn ngăn trở để giữ lấy Chân Lạp làm của mình. Nhưng vì thế chúa Nguyễn mạnh hơn, cho nên phải chịu để chúa Nguyễn sang bảo hộ Chân Lạp.

Tuy vậy nước Tiêm La thường hay dùng những người phản đối với vua Chân Lạp, rồi giúp binh lực cho về làm loạn trong

---

(1) Nước Thái Lan ngày nay.



nước. Nhiều khi quân ta phải sang đánh đuổi quân Tiêm La để giúp quốc vương Chân Lạp. Cũng có khi quân Tiêm La sang đánh ở đất Hà Tiên, như năm Ất Mùi (1715) người Chân Lạp là Nặc Thâm đem quân Tiêm La sang cướp phá, quan Tổng binh Hà Tiên là Mạc Cửu phải bỏ thành mà chạy.

Quân ta và quân Tiêm La đã giao chiến nhiều lần, cho nên hai bên không thông sứ với nhau. Mãi đến năm Canh Ngọ (1750) đời chúa Nguyễn là Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, thì mới thấy sử chép rằng chúa sai quan đem thư sang trách nước Tiêm La dung túng kẻ nghịch thần để làm loạn nước Chân Lạp.

Năm Ất Hợi (1755) nước Tiêm La sai sứ sang xin đừng đánh thuế những thuyền của nước ấy sang buôn bán ở đất chúa Nguyễn. Chúa đáp thư lại rằng thuế ấy là quốc lệ đã đặt ra không thể bỏ đi được.

Năm Đinh Hợi (1767) quân nước Diên Điện 緬甸 sang đánh Tiêm La bắt được vua nước ấy là Phong Vương 瘋王<sup>(1)</sup> và con là Chiêu Đốc 昭督 cùng mấy vạn người dân đem về Diên Điện. Còn những người con của Phong Vương là Chiêu Xỉ Khang 昭侈腔 thì chạy sang Chân Lạp và Chiêu Thúy 昭翠 thì chạy sang Hà Tiên.

Bấy giờ nước Tiêm La không có vua, chức Phi Nhã (Phya) đất Mang Tát là Trịnh Quốc Anh 鄭國英 bèn khởi binh tự lập làm vua. Trịnh Quốc Anh là người Triều Châu, tỉnh Quảng Đông, cha tên là Yển 偃 sang ở đất Tiêm La làm trưởng ở Mang Tát. Yển chết, Trịnh Quốc Anh lên nối nghiệp xưng là Phi Nhã, là một chức xã trưởng vậy.

Trịnh Quốc Anh lên làm vua rồi sai sứ sang bắt vua Chân Lạp là Nặc Tôn phải sang cống. Nặc Tôn lấy lẽ rằng Trịnh Quốc Anh không phải là dòng dõi người Tiêm La, không chịu cống.

---

(1) Vua nước Tiêm La bấy giờ có bệnh hủi, cho nên sử gọi là *Phong Vương*.

Vua Tiêm La lấy điều ấy làm hiềm, sai tướng là Bôn Ma đem người Chân Lạp tên là Nặc Non về đánh Nặc Tôn. Nặc Tôn giữ vững các nơi, quân Tiêm La không làm gì được lại phải rút về.

Trịnh Quốc Anh biết con vua cũ là Chiêu Thúy còn ở Hà Tiên, sợ ngày sau sinh ra biến loạn, bèn đến tháng 10 năm Tân Mão (1771) đem binh thuyền sang vây đánh Hà Tiên. Quan Tổng binh là Mạc Thiên Tứ giữ không nổi phải bỏ thành chạy.

Vua Tiêm La để tướng là Trần Liên 陳聯 ở lại giữ Hà Tiên rồi tiến quân sang đánh Chân Lạp. Quốc Vương là Nặc Tôn phải bỏ chạy. Vua Tiêm La đóng quân ở thành Nam Vang và lập Nặc Non lên làm vua Chân Lạp.

Tháng 6 năm sau (1772) chúa Nguyễn sai quan Tổng suất là Nguyễn Cửu Đàm 阮久潭 lĩnh chức điều khiển đem binh thuyền đi đánh quân Tiêm La. Quân của Nguyễn Cửu Đàm tiến sang đến Nam Vang, quân Tiêm La bỏ chạy về Hà Tiên, Nặc Non cũng chạy về Cầu Bọt.

Nặc Tôn lại về làm vua Chân Lạp. Vua Tiêm La về đến Hà Tiên sai người đưa thư sang gọi Mạc Thiên Tứ về để giảng hòa. Mạc Thiên Tứ không chịu. Vua Tiêm La bèn để Trần Liên ở lại giữ Hà Tiên, rồi bắt con gái Mạc Thiên Tứ và Chiêu Thúy đem về nước.

Năm sau Mạc Thiên Tứ thấy việc không xong, bèn sai người sang Tiêm La xin hòa. Vua Tiêm La gọi Trần Liên về và cho người con gái của Mạc Thiên Tứ về Hà Tiên. Còn Chiêu Thúy thì đem giết đi.

Từ đó Mạc Thiên Tứ lại về giữ đất Hà Tiên.

## 9. Lập dinh định phủ

Lúc đầu Nguyễn Hoàng mới vào trấn đất Thuận Hóa thì đóng dinh ở làng Ái Tử 愛子 (thuộc huyện Đăng Xương, gần



tỉnh lỵ tỉnh Quảng Trị). Được 13 năm sau (1570) Nguyễn Hoàng lại dời vào làng Trà Bát ở huyện ấy, tức là Cát Dinh 葛營. Đến năm Bính Dần (1626) chúa Sãi là Nguyễn Phúc Nguyên sắp sửa chống nhau với chúa Trịnh, mới dời dinh vào làng Phúc An 福安 (thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên bây giờ) và đổi chỗ tư sở là phủ.

Năm Bính Tý (1636) chúa Thượng là Nguyễn Phúc Lan lại dời phủ vào làng Kim Long 金龍 (thuộc huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên).

Năm Đinh Mão (1687) chúa Nguyễn là Nguyễn Phúc Trần đem phủ về làng Phú Xuân 富春, tức là đất kinh thành bây giờ, gọi là chính dinh. Chỗ phủ cũ để làm Thái Tông miếu, thờ chúa Hiền.

Năm Giáp Tý (1744) Vũ Vương mới xưng vương hiệu đổi phủ ra làm điện, sửa sang phép tắc, và định triều phục. Lại chia nước ra làm 12 dinh.

1. Chính dinh 正營 (Phú Xuân)
  2. Cựu dinh 舊營 (Ái Tử)
  3. Quảng Bình dinh 廣平營
  4. Vũ Xá dinh 武舍營
  5. Bố Chính dinh 布正營
  6. Quảng Nam dinh 廣南營
  7. Phú Yên dinh 富安營
  8. Bình Khang dinh 平康營
  9. Bình Thuận dinh 平順營
  10. Trấn Biên dinh 鎮邊營
  11. Phiên Trấn dinh 藩鎮營
  12. Long Hồ dinh 龍湖營
- } đất Chiêm Thành
- } đất Chân Lạp





Dinh nào cũng đặt quan Trấn thủ, quan Cai bạ, quan Ký lục để coi việc cai trị. Còn phủ Quảng Nghĩa và phủ Quy Nhơn thì thuộc về tỉnh Quảng Nam, cho nên mỗi phủ đặt riêng quan Tuần phủ và quan Khám lý để coi mọi việc. Đất Hà Tiên thì đặt là Trấn, có quan Đô đốc cai trị.

Tóm lại mà xét, họ Nguyễn làm chúa miền Nam, nhưng trước thì vẫn giữ chức vua Lê phong cho, mãi đến đầu thế kỷ thứ XVIII năm Nhâm Ngọ (1702) Nguyễn Phúc Chu mới sai người sang cống vua nhà Thanh để xin phong làm vua, nhưng Thanh triều nói rằng nước Nam còn có họ Lê không phong được cho họ Nguyễn. Việc ấy lại im đi. Nguyễn Phúc Chu bèn xưng là Quốc chúa và đúc cái ấn *Đại Việt quốc Nguyễn chúa vĩnh trấn chi bảo* 大越國阮主永鎮之寶 để làm cái truyền quốc bảo, đến đời vua Thế Tổ mới thôi. Đến năm Giáp Tý (1744) Nguyễn Phúc Khoát mới xưng vương hiệu và đổi lại chế độ, định ra triều nghi.

Bấy giờ đất phía Nam tuy độc lập, nhưng họ Nguyễn chỉ xưng chúa, chứ không xưng vua và vẫn không đặt quốc hiệu. Nhưng người ngoại quốc thường gọi đất chúa Nguyễn là *Quảng Nam quốc* 廣南國. Đây là vì ở Quảng Nam có phố Hội An (Faifo) là chỗ người Tàu và người các nước ra vào buôn bán, cho nên mới lấy tên Quảng Nam mà gọi.

Còn những công việc họ Nguyễn làm ở phía Nam quan trọng cho nước Nam ta hơn cả, là việc mở mang bờ cõi, khiến cho nước lớn lên, người nhiều ra, và nhất là chiêu mộ những người nghèo khổ trong nước đưa đi khai hóa những đất phì nhiêu bỏ hoang, làm thành ra Nam Việt bây giờ phồn phú hơn cả mọi nơi, ấy là cái công họ Nguyễn với nước Nam thật là to lắm vậy.



## CHƯƠNG VII

# NGƯỜI ÂU CHÂU SANG NƯỚC VIỆT NAM



### 1. SỰ ĐI TÌM ĐẤT

*Người Âu châu sang Á Đông - Người Âu châu sang đất Việt Nam*

### 2. SỰ ĐI TRUYỀN GIÁO

*Đạo Thiên Chúa - Đạo Thiên Chúa sang nước Việt Nam*

Nguyên người Âu La Ba đi du lịch thiên hạ là vì có hai cố: một là đi tìm đất để buôn bán, hai là để truyền bá tông giáo Thiên Chúa ở các nước.

#### 1. Sự đi tìm đất

*Người Âu châu sang Á Đông:* Từ đời La Mã, đã có sách chép người Âu châu sang đến nước Tàu, nhưng không rõ cách giao thiệp ra làm sao; đến thập tam thế kỷ mới có ông Marco Polo người nước Itali sang ở triều nhà Nguyên 元 về đời vua Thế Tổ Hốt Tất Liệt hằng 17 năm, rồi sau đi qua Ấn Độ Dương về nước, làm quyển sách *Thế giới kỳ quan* (Les merveilles du monde), kể những chuyện ông ấy đã biết.

Về sau vào thập ngũ thế kỷ, ông Kha Luân Bố (Christophe Colomb) dùng địa bàn chỉ Nam (boussole) định đi qua Đại Tây Dương sang Ấn Độ, rồi tìm thấy châu A Mỹ Lị Gia (Amérique); đến năm 1479, người Bồ Đào Nha (Portugal) tên là Vasco de



Gama đi vòng qua Hảo Vọng giác (Cap de Bonne Espérance) sang Ấn Độ Dương vào đất Ấn Độ. Năm 1521 lại có người Bồ Đào Nha tên là Magellan đi qua Ấn Độ Dương sang Thái Bình Dương vào đất Phi Luật Tân (Philippines).

Từ đó về sau người Bồ Đào Nha (Portugal) mới sang Tây Ban Nha (Espagne) và người Hòa Lan (Hollande) mới sang Á Đông lấy đất thuộc địa và mở cửa hàng buôn bán như sau này:

Năm Quý Hợi (1563) về đời Gia Tĩnh nhà Minh, người Bồ Đào Nha đến ở đất Áo Môn (Macao) nước Tàu.

Năm Mậu Thìn (1568) người Tây Ban Nha sang lấy đất Phi Luật Tân làm thuộc địa.

Năm Bính Thân (1596) người Hòa Lan sang lấy đất Chà Và (Java) làm thuộc địa. Về sau dần dần người Bồ Đào Nha, người Pháp Lan Tây (France) và người Anh Cát Lợi (Angleterre) đến ở đất Ấn Độ.

*Người Âu châu sang đất Việt Nam:* Người Âu châu sang buôn bán ở nước ta, thì có người Bồ Đào Nha đến ở xứ Nam trước hết cả, mở cửa hàng ở phố Hội An (tức là Faifo) thuộc đất Quảng Nam. Ở đấy lại có người Tàu, người Nhật Bản và người Hòa Lan đến buôn bán nhiều lắm. Sách của ông Maybon và Russier có chép rằng năm Giáp Dần (1614) đời chúa Sãi đã có người Bồ Đào Nha tên là Jean de la Croix đến lập lò đúc súng ở đất Thuận Hóa, mà bây giờ ở Huế người ta còn gọi chỗ ấy là Phường Đúc.

Ở ngoài Bắc thì trước đã có tàu của người Bồ Đào Nha ra vào buôn bán, nhưng mãi đến năm Đinh Sửu (1637) đời vua Thần Tông nhà Lê, Thanh Đô Vương Trịnh Tráng mới cho người Hòa Lan đến mở cửa ở Phố Hiến (gần chỗ tỉnh lỵ Hưng Yên bấy giờ). Về sau ở đấy có người Nhật Bản, người Tàu, người Tiêm La đến buôn bán kể có 2.000 nóc nhà, làm thành ra một chỗ vui vẻ lắm, cho nên tục ngữ bấy giờ có câu rằng: “*Thứ nhất kinh kỳ, thứ nhì Phố Hiến*”.



Lúc bấy giờ người Bồ Đào Nha sang buôn bán ở trong Nam nhiều hơn, mà ở ngoài Bắc thì có người Hòa Lan nhiều hơn, nhưng thuở ấy người hai nước ấy hay cạnh tranh với nhau, bởi thế chúa Trịnh và chúa Nguyễn đều có ý muốn nhân cơ hội ấy mà nhờ họ giúp mình. Song vì lợi buôn bán cho nên họ không chịu ra mặt giúp hẳn, thành ra lâu ngày các chúa cũng chán và lại lười thôi về việc tông giáo, cho nên đến năm Canh Thìn (1700) đời vua Lê Hy Tông, người Hòa Lan thôi không vào buôn bán ở ngoài Bắc nữa.

Đời bấy giờ người Anh Cát Lợi và người Pháp Lan Tây cũng vào buôn bán ở nước ta. Năm Nhâm Tý (1672) đời vua Lê Hy Tông, người Anh Cát Lợi đem chiếc tàu Zant vào xin mở cửa hàng buôn bán, chúa Trịnh cho xuống ở Phố Hiến, nhưng vì sau sự buôn bán không được thịnh lợi, người Anh Cát Lợi chỉ ở đến năm Đinh Sửu (1697) rồi thôi.

Còn người Pháp Lan Tây thì từ năm Canh Thân (1680) đã có tàu vào xin mở cửa hàng ở Phố Hiến; đến năm Nhâm Tuất (1682) lại có chiếc tàu Saint Joseph ở Tiêm La sang đem phẩm vật dâng chúa Trịnh.

Ở trong Nam thì năm Bính Dần (1686) có người Pháp tên là Verret được phép mở cửa hàng ở cù lao Côn Lôn. Đến năm Kỷ Tỵ (1749) lại có một người Pháp tên là P. Poivre đi chiếc tàu Machault vào cửa Hội An, xin vào yết kiến chúa Nguyễn và dâng tờ quốc thư cùng phẩm vật để tỏ tình giao hiếu của hai nước. Chúa Nguyễn cũng đáp thư lại, thuận cho người Pháp vào thông thương. Nhưng chẳng được bao lâu thì công ty của Pháp ở Ấn Độ bãi đi, cho nên sự thông thương với người Pháp cũng bãi.

## 2. Sự đi truyền giáo

*Đạo Thiên Chúa:* Nguyên khi xưa toàn xứ Âu La Ba không có nhất định một tông giáo nào cả. Mỗi dân tộc thờ một vị thần

riêng của mình. Thường hay lấy cái lực hoạt động của tạo hóa mà tưởng tượng ra các vị thần, rồi làm đền, làm đài, để thờ cúng. Như dân tộc Hy Lạp (Grec) và dân tộc La Mã (Romain) thờ thần Giubite (Jupiter), thần Abôlông (Apollon) và các vị thần khác vậy. Duy có dân tộc Do Thái (Juifs) ở đất Tiểu Á Tế Á, nay là đất Palestine đã được độc lập, chỉ thờ một vị thần gọi là Jéhovah ở thành Gia Lỗ Tán Lĩnh (Jérusalem). Dân ấy tin rằng thần Jéhovah sinh hóa vạn vật và người; cho nên người chỉ phải thờ một vị thần ấy mà thôi. Đến đời dân La Mã đã kiêm tính được cả đất Tiểu Á Tế Á, đất Bắc A Phi Li Gia và đất Tây Nam Âu La Ba, dân Do Thái cũng thuộc về La Mã, mà đạo Do Thái bấy giờ cũng đã suy lăm rồi. Lúc ấy đức Gia Tô ra đời, nhân đạo Do Thái mà lập ra đạo mới<sup>(1)</sup> dạy người lấy sự yêu mến và tôn kính Thiên Chúa làm gốc, lấy bụng từ bi nhân thứ, coi người như anh em ruột thịt làm cốt. Từ đó về sau các môn đồ đem đạo ấy đi truyền bá các nơi. Ông Saint Pierre thì sang lập giáo đường ở tại kinh thành La Mã, ông Saint Paul thì đi truyền đạo ở khắp trong nước.

Lúc đầu đạo Thiên Chúa bị nhiều phen vua La Mã nghiêm cấm, dùng cực hình mà giết hại các giáo sĩ và những người theo đạo mới, nhưng dẫu nguy nan thế nào mặc lòng, các môn đồ cứ một niềm đi truyền đạo khắp bốn phương. Mãi đến đầu đệ tứ thế kỷ (313) vua La Mã là Constantin mới cho giảng đạo Thiên Chúa ở mọi nơi trong nước. Từ bấy giờ trở đi đạo Thiên Chúa một ngày một thịnh, lập Giáo hoàng để thống nhất việc giáo, đặt Giám mục để coi việc giáo ở các nơi, lại sai giáo sĩ đi truyền đạo khắp trong thiên hạ: hễ ở đâu có người là có giáo sĩ đến dạy đạo. Bởi vậy cho nên chẳng bao lâu mà toàn Âu đều theo đạo Thiên Chúa cả.

(1) Đạo của ông Gia Tô lập ra cho nên ta thường gọi là đạo Gia Tô; lại vì đạo ấy chỉ thờ Thiên Chúa mà thôi, cho nên lại gọi là đạo Thiên Chúa. Có phái gọi là đạo Cơ Đốc bởi chữ *Christ* là bậc cứu thế.



Ở bên Á Đông ta thì từ đời nhà Đường 唐 (618 - 907) sử chép có Cảnh giáo 景教<sup>(1)</sup> tức là một phái Gia Tô giáo đã sang Tàu, nhưng vì bấy giờ đạo Phật đang thịnh, cho nên đạo Cảnh giáo mất dần đi. Mãi đến đời nhà Nguyên, nhà Minh mới thật có giáo sĩ sang giảng đạo Gia Tô ở nước Tàu.

*Đạo Thiên Chúa sang nước Nam:* Ở nước Nam ta từ khi đã có người Âu La Ba sang buôn bán, thì tất là có giáo sĩ sang dạy đạo. Cứ theo sách *Khâm định Việt sử*, thì từ năm Nguyên Hòa nguyên niên 元和元年 đời vua Trang Tông nhà Lê (1533) có người Tây tên là Inêkhu đi đường bể vào giảng đạo Thiên Chúa ở làng Ninh Cường, làng Quần Anh, thuộc huyện Nam Chân (tức là Nam Trực) và ở làng Trà Lũ, thuộc huyện Giao Thủy.

Sách *Nam sử* của Trương Vĩnh Ký chép rằng năm Bính Thân (1596) đời ông Nguyễn Hoàng có người giáo sĩ Tây Ban Nha tên là Diego Adverte vào giảng đạo ở trong Nam trước hết cả. Nhưng lúc bấy giờ lại có mấy chiếc tàu Tây Ban Nha cùng đến, chúa Nguyễn sợ có ý quấy nhiễu gì chăng, bèn đuổi đi.

Đến năm Ất Mão (1615) đời chúa Sãi, giáo sĩ là P. Busomi lại đến giảng đạo, rồi đến năm Giáp Tý (1624) có giáo sĩ tên là Jean Rhodes, người Pháp Lan Tây, đến giảng đạo ở Phú Xuân và lập ra các giáo đường. Năm Bính Dần (1626) đời vua Lê Thần Tông, giáo sĩ là Baldinoti vào giảng đạo ở ngoài Bắc, bị chúa Trịnh không cho, phải bỏ đi. Được ít lâu ông Jean Rhodes ở trong Nam ra Bắc vào yết kiến chúa Trịnh và đem dâng cái đồng hồ quả lắc, chúa Trịnh cho ông Jean Rhodes được ở giảng đạo tại kinh đô.

Từ đó về sau các giáo sĩ cứ dần dần vào nước dạy đạo, mà người mình càng ngày càng theo đạo cũng nhiều. Nhưng vì

---

(1) *Cảnh giáo* là một phái đạo Gia Tô của người chủ giáo tên là Nestorius lập ra từ đệ ngũ thế kỷ ở Đông La Mã, rồi truyền sang nước Ba Tư (Perse) và nước Tàu.

nước ta từ xưa đến nay vẫn theo Nho giáo, lấy sự thờ cúng ông cha làm trọng, lấy sự tế tự thần thánh làm phải mà lệ nước thì lấy sự cúng tế làm một việc rất quan trọng. Đột nhiên thấy nhiều người mình theo đạo Thiên Chúa, bỏ cả các thói cũ, chỉ chuyên về một mặt theo đạo mới, bởi vậy cho nên trong Nam ngoài Bắc, vua chúa đều cho đạo ấy là một tả đạo, làm hủy hoại cái phong hóa của nước nhà xưa nay, bèn xuống chỉ cấm không cho người trong nước theo đạo mới nữa, và đặt ra phép nghiêm để bắt tội những kẻ không tuân theo chỉ dụ ấy.

Cứ theo trong sử thì năm Tân Mùi (1631) ở trong Nam, chúa Thượng là Nguyễn Phúc Lan cấm không cho người Tây vào giảng đạo ở trong nước.

Năm Quý Mão (1663) ở ngoài Bắc, chúa Trịnh là Trịnh Tạc bắt đuổi các giáo sĩ và cấm không cho người mình theo đạo Gia Tô.

Năm Giáp Thìn (1644) chúa Hiền ở miền Nam bắt giết những người đi giảng đạo ở Đà Nẵng.

Năm Bính Tý (1696) đời vua Lê Hy Tông, Trịnh Căn bắt đốt phá hết cả những sách đạo và nhà đạo ở các nơi và đuổi những người giảng đạo ra ngoài nước.

Năm Nhâm Thìn (1712) đời vua Lê Dụ Tông, Trịnh Cương bắt những người theo đạo Gia Tô phải cạo trần và khắc vào mặt bốn chữ “học Hoa Lan đạo<sup>(1)</sup>”.

Năm Giáp Tuất (1754) đời Cảnh Hưng, Trịnh Doanh lại nghiêm cấm một cách rất ngặt, không cho người ta đi theo đạo, và lại giết cả các đạo trưởng và đạo đồ.

Từ đó về sau việc cấm đạo một ngày một nghiêm mà người

(1) *Hoa Lan* tức là Hòa Lan (Hollande). Người Hòa Lan sang buôn bán ở ngoài Bắc trước hết cả cho nên mới gọi là đạo Hòa Lan. Và lúc bấy giờ người Việt Nam ta không phân biệt được những nước nào, hễ thấy người Tây thì thường cứ gọi là Hòa Lan.



đi giảng đạo cũng không lấy luật nước làm sợ, cứ cố sức dụ cho được nhiều người theo đạo. Rồi dần dần người trong nước phân ra bên *lương* bên *giáo*, ghen ghét nhau hơn người cừu địch. Vua quan thì thấy dùng phép thường không cấm được, mới dùng đến cực hình để mà trừng trị, giết hại bao nhiêu người vô tội.

Tóm lại mà xét, thì giả sử người ngoại quốc vào nước ta mà chỉ có việc buôn bán mà thôi, thì chắc rằng nước ta xưa nay vốn là một nước văn hiến, vua quan ta cũng không có lẽ gì mà ngăn cấm; nhưng bởi vì khi đã quan hệ đến việc sùng tín, thì dù hay dở thế nào mặc lòng, người ta ai cũng cho sự sùng tín của mình là phải hơn, thành ra không ai khoan dung cho ai, rồi cứ phải dùng thế lực để mà đè nén nhau. Cũng vì thế cho nên về sau nước ta không chịu suy xét lẽ phải trái cho kỹ càng, làm lắm sự tàn ác để đến nỗi mất cả sự hòa hiếu với các nước ở Tây dương và gây nên cái mối biến loạn cho nước nhà vậy.





## CHƯƠNG VIII

# VẬN TRUNG SUY CỦA CHÚA NGUYỄN



1. Trương Phúc Loan chuyên quyền
2. Tây Sơn dấy binh
3. Quân họ Trịnh vào lấy Phú Xuân
4. Chúa Nguyễn vào Gia Định
5. Nguyễn Vương khởi binh đánh Tây Sơn
6. Nguyễn Vương định cầu viện nước Pháp Lan Tây
7. Nguyễn Huệ phá quân Tiêm La

### 1. Trương Phúc Loan chuyên quyền

Từ ông Nguyễn Hoàng trở đi, họ Nguyễn làm chúa trong Nam: phía Bắc chống nhau với họ Trịnh, phía Nam đánh lấy đất Chiêm Thành và đất Chân Lạp, truyền đến đời Vũ Vương<sup>(1)</sup> là Nguyễn Phúc Khoát mới xưng vương hiệu. Vũ Vương định triều nghi, lập cung điện ở đất Phú Xuân và phong cho người con thứ 9 là Nguyễn Phúc Hiệu<sup>(2)</sup> 阮福昊 làm Thế tử.

Năm Ất Dậu (1765) Vũ Vương mất. Bấy giờ Thế tử đã mất rồi, con Thế tử là Nguyễn Phúc Dương 阮福暘 hãy còn nhỏ, mà người con trưởng của Vũ Vương cũng mất rồi. Tờ di chiếu để lại định lập người con thứ hai lên nối nghiệp chúa<sup>(3)</sup>. Nhưng khi ấy

(1) Vũ Vương cũng được gọi là Võ Vương [BT].

(2) Cũng được phiên là Nguyễn Phúc Hạo [BT].

(3) Tức là hoàng khảo vua Thế Tổ, sau truy tôn là Hưng Tổ Hiếu Khang Hoàng đế 兴祖孝康皇帝.

người quyền thần là Trương Phúc Loan 張福巒, ý muốn chuyên quyền làm bậy, bèn đổi tờ di chiếu đi mà lập người con thứ 16 của Vũ Vương, mới có 12 tuổi, lên làm chúa, gọi là Định Vương 定王.

Trương Phúc Loan là người tham lam, làm nhiều điều tàn ác, trong nước ai ai cũng oán giận, bởi thế cho nên, ở phía Nam thì có Tây Sơn 西山 dấy binh đánh phá tại đất Quy Nhơn; ở mặt Bắc thì có quân họ Trịnh vào lấy đất Phú Xuân, làm cho cơ nghiệp họ Nguyễn xiêu đổ vậy.

## 2. Tây Sơn dấy binh

Lúc bấy giờ ở huyện Phù Ly 符離 (nay đổi là Phù Cát) đất Quy Nhơn, có người tên là Nguyễn Nhạc 阮岳 khởi binh phản đối với chúa Nguyễn.

Nguyên ông tổ bốn đời của Nguyễn Nhạc là họ Hồ cùng một tổ với Hồ Quý Ly ngày trước, người ở huyện Hưng Nguyên, đất Nghệ An, gặp lúc chúa Trịnh, chúa Nguyễn đánh nhau, bị bắt đem vào ở ấp Tây Sơn 西山邑<sup>(1)</sup> thuộc đất Quy Nhơn. Đến đời ông thân sinh là Hồ Phi Phúc 胡丕福 dời nhà sang ở ấp Kiên Thành 堅成邑, nay là làng Phú Lạc 富樂, huyện Tuy Viễn, sinh được 3 người con: trưởng là Nhạc 岳, thứ là Lữ 侶, thứ ba là Huệ 惠. Anh em ông Nhạc muốn khởi loạn, mới lấy họ mẹ là Nguyễn để khởi sự cho dễ thu phục nhân tâm, vì rằng đất trong Nam vẫn là đất của chúa Nguyễn.

Nguyễn Nhạc trước làm Biện lại ở Vân Đồn, cho nên sau người ta thường gọi là Biện Nhạc. Nhưng vì tính hay đánh bạc, tiêu mất cả tiền thuế, sợ phải tội, bỏ đi vào rừng làm giặc. Đến năm Tân Mão (1771) mới lập đồn trại ở đất Tây Sơn, chiêu nạp quân sĩ, người theo về càng ngày càng đông. Thường hay lấy của nhà giàu cho nhà nghèo, cho nên những kẻ nghèo khổ theo phục rất nhiều.

(1) Ấp Tây Sơn nay là đất thôn An Khê 安溪 và thôn Cửu An 久安 thuộc phủ Hoài Nhân. Vì anh em Nguyễn Nhạc khởi nghiệp ở chỗ ấy, nên mới gọi là nhà Tây Sơn.



Thế Nguyễn Nhạc mỗi ngày một mạnh, quân nhà chúa đánh không được. Vả lại Nhạc là một người có can đảm và lắm cơ trí; một hôm định vào lấy thành Quy Nhơn, bèn lập mưu, ngồi vào trong cái cũi, cho người khiêng vào nộp quan Tuần phủ ở đấy là Nguyễn Khắc Tuyên 阮克宣. Nguyễn Khắc Tuyên tưởng là thật, cho đưa vào trong thành. Đến nửa đêm, Nhạc phá cũi ra, mở cửa thành cho quân mình vào đánh đuổi quan quân đi, giữ lấy thành Quy Nhơn làm chỗ căn bản. Bấy giờ lại có mấy người Khách buôn tên là Tập Đình 集亭 và Lý Tài 李才 cùng mộ quân nổi lên theo giúp Tây Sơn. Nguyễn Nhạc chia quân ra làm 5 đồn là: trung, tiền, hậu, tả, hữu, rồi tiến lên đánh lấy đất Quảng Nam. Chẳng bao lâu từ đất Quảng Nghĩa bây giờ vào cho đến Bình Thuận đều thuộc về Tây Sơn cả.

### 3. Quân họ Trịnh vào lấy Phú Xuân

Đang khi trong Nam có quyền thần chuyên chính ở trong, Tây Sơn đánh phá ở ngoài, ở ngoài Bắc chúa Trịnh là Trịnh Sâm 鄭森 biết tình trạng như vậy, bèn sai đại tướng là Hoàng Ngũ Phúc 黃五福 đem thủy bộ hơn 3 vạn quân cùng với Hoàng Phùng Cơ 黃馮基, Hoàng Đình Thế 黃廷體, Hoàng Đình Bảo 黃廷寶 vào đất Bố Chính để đánh họ Nguyễn, giả nói là vào đánh Trương Phúc Loan.

Đến tháng 10 năm Giáp Ngọ (1774) quân Hoàng Ngũ Phúc sang sông Linh Giang, sai Hoàng Đình Thế đem binh đến đánh lấy lũy Trấn Ninh 鎮寧, nhờ có nội ứng cho nên không đánh mà lấy được lũy. Trịnh Sâm được tin Hoàng Ngũ Phúc đã phá được thành Trấn Ninh rồi, bèn quyết kế đem đại binh đi vào tiếp ứng. Đến tháng chạp thì quân của Ngũ Phúc tiến lên đóng ở làng Hồ Xá (thuộc huyện Minh Linh, Quảng Trị) rồi truyền hịch đi nói rằng quân Bắc chỉ vào đánh Trương Phúc Loan mà thôi, chứ không có ý gì khác cả. Các quan ở Phú Xuân bèn mưu bắt Phúc Loan đem nộp.

Hoàng Ngũ Phúc bắt được Trương Phúc Loan rồi, lại tiến binh đến huyện Đăng Xương, sai người đưa thư đến Phú Xuân nói rằng tuy Phúc Loan đã trừ, nhưng mà Tây Sơn hãy còn, vậy xin đem binh đến hội tại Phú Xuân để cùng đi đánh giặc.

Chúa Nguyễn biết mưu Hoàng Ngũ Phúc chực đánh lừa để lấy kinh thành, bèn sai Tôn Thất Tiệp 尊室捷 cùng với quan Chưởng cơ là Nguyễn Văn Chính 阮文政 đem thủy bộ quân ra án ngữ ở sông Bái Đáp Giang (nay gọi là Phú Lệ ở huyện Quảng Điền). Hoàng Ngũ Phúc sai Hoàng Đình Thể đem binh đi lên đường núi rồi tiến binh hai mặt đánh ập lại, quân họ Nguyễn vỡ tan bỏ chạy cả, quân Bắc tiến lên lấy thành Phú Xuân, chúa Nguyễn và các quan chạy vào Quảng Nam.

Bấy giờ Trịnh Sâm đóng ở Hà Trung, được tin Hoàng Ngũ Phúc đã lấy được Phú Xuân rồi, mừng lắm, sai quan đưa cho Ngũ Phúc 100 lạng vàng, và cho các tướng sĩ 5.000 lạng bạc, lại phong cho Ngũ Phúc làm Đại trấn phủ 大鎮撫 ở đất Thuận Hóa để lo việc lấy đất Quảng Nam. Đoạn rồi Trịnh Sâm rút quân về Bắc.

#### 4. Chúa Nguyễn vào Gia Định

Chúa Nguyễn vào đến Quảng Nam đóng ở Bến Ván, lập cháu là Nguyễn Phúc Dương 阮福暘 lên làm Đông cung, để lo việc đánh giặc. Được mấy tháng quân Tây Sơn ở Quy Nhơn kéo ra đánh lấy Quảng Nam, quân chúa Nguyễn đánh không nổi, thua chạy về đóng ở Trà Sơn 茶山. Chúa Nguyễn liệu chừng không chống giữ được, bèn cùng với người cháu là ông Nguyễn Phúc Ánh 阮福暎 xuống thuyền chạy vào Gia Định, để Đông cung ở lại Quảng Nam chống giữ với giặc. Đông cung đóng đồn ở làng Câu Để 俱低 (thuộc huyện Hòa Vinh).

Nguyễn Nhạc biết Đông cung thế yếu, và lại muốn lấy tiếng để mà sai chúng, bèn sai người đi rước Đông cung về đóng ở phố Hội An 會安 (Faifo, thuộc Quảng Nam).



Ngay lúc ấy quân của Hoàng Ngũ Phúc đã qua Hải Vân Sơn vào lấy đồn Trung Sơn và đồn Câu Để ở huyện Hòa Vinh. Nguyễn Nhạc sai người Khách là Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, tự mình làm hậu tập ra đánh nhau với quân họ Trịnh ở làng Cẩm Sa 錦沙 (thuộc Hòa Vinh). Quân của Tập Đình đều là người Khách Quảng Đông và những người mọi to lớn, ai nấy cỡi trần ra đội khăn đỏ cầm phạng, đeo khiên, đánh thật là hùng mạnh. Quân tiên đội của Ngũ Phúc đương không nổi, Ngũ Phúc mới sai Hoàng Đình Thế và Hoàng Phùng Cơ đem kỵ binh vào xông trận, rồi bộ binh đánh tràn vào. Tập Đình thua chạy. Nguyễn Nhạc và Lý Tài phải lùi về giữ bến Bản 板津 rồi đưa Đông cung về Quy Nhơn. Tập Đình vốn là người bạo ngược, Nguyễn Nhạc muốn nhân dịp thua trận bắt giết đi. Tập Đình biết ý bỏ chạy về Quảng Đông bị quan nhà Thanh bắt được đem chém.

Lúc bấy giờ ở phía Nam có quan Lưu thủ đất Long Hồ là Tống Phúc Hợp 宗福洽 đem quân đánh lấy lại được ba phủ là Bình Thuận, Diên Khánh và Bình Khánh, rồi lại tiến binh ra đánh đất Phú Yên; ở phía Bắc thì có quân họ Trịnh đóng ở Quảng Nam, Nguyễn Nhạc liệu thế chống không nổi, bèn sai Phan Văn Tuế 潘文歲 đem thư và vàng lụa ra nói với Hoàng Ngũ Phúc xin nộp đất Quảng Nghĩa, Quy Nhơn, Phú Yên và xin làm tiên khu đi đánh họ Nguyễn.

Hoàng Ngũ Phúc cũng muốn dùng Nguyễn Nhạc để đánh đất Gia Định, bèn làm biểu xin chúa Trịnh cho Nguyễn Nhạc làm Tiên phong Tướng quân, Tây Sơn Hiệu trưởng 西山校長, sai Nguyễn Hữu Chỉnh 阮有整 đem cờ và ấn kiếm vào cho Nguyễn Nhạc.

Nguyễn Nhạc không lo mặt Bắc nữa, bèn lập mưu để đánh lấy đất Nam, đem con gái mình là Thọ Hương 壽香 dâng cho Đông cung và khoản đãi một cách rất tôn kính, rồi sai người đến giả nói với Tống Phúc Hợp xin về hàng để lo sự khôi phục

lại đất Phú Xuân. Tổng Phúc Hợp cho sứ đến xem hư thực, Nguyễn Nhạc đưa Đông cung ra tiếp, rồi viết thư cho sứ đưa về nói lấy nghĩa phù lập Đông cung, điện an xã tắc, Tổng Phúc Hợp tin là thực tình, không phòng bị gì nữa.

Nguyễn Nhạc biết rõ tình hình, sai em là Nguyễn Huệ đem quân đến đánh Tổng Phúc Hợp. Quân họ Nguyễn thua to bỏ chạy về giữ Vân Phong. Nguyễn Nhạc cho người đưa tin thắng trận ra cho Hoàng Ngũ Phúc biết. Ngũ Phúc xin chúa Trịnh phong cho Nguyễn Huệ làm Tây Sơn hiệu Tiên phong Tướng quân.

Quân Hoàng Ngũ Phúc đóng ở Châu Ổ 瓠塢 giáp đất Quảng Nghĩa, đến tháng chạp năm ấy là năm Ất Mùi (1775) bị dịch chết mất nhiều. Ngũ Phúc viết thư ra xin chúa Trịnh cho rút về giữ Thuận Hóa. Trịnh Sâm thuận cho, Hoàng Ngũ Phúc về đến Phú Xuân thì mất, chúa Trịnh sai Bùi Thế Đạt 裴世達 vào thay, và sai Lê Quý Đôn 黎貴惇 vào làm Tham thị cùng giữ đất Thuận Hóa.

Đất Thuận Hóa bấy giờ kể từ đất Nam Bố Chính trở vào là 2 phủ: Triệu Phong và Quảng Bình<sup>(1)</sup>, 2 huyện, 8 châu. Số nhân đinh được 126.857, số ruộng đất rộng được 265.507 mẫu, nhưng mà trừ đất rừng và các thú đi, thì còn được 153.181 mẫu phải đóng thuế.

Từ khi quân họ Trịnh lui về Thuận Hóa rồi, đất Quảng Nam lại thuộc về Tây Sơn. Năm Bính Thân (1776) Nguyễn Nhạc sai em là Nguyễn Lữ đem thủy quân vượt bể vào đánh Gia Định, lấy được thành Sài Gòn 柴棍. Chúa Nguyễn phải chạy về Trấn Biên (tức là Biên Hòa).

Bấy giờ ở Đông Sơn có Đỗ Thanh Nhân 杜清仁 khởi binh chống với Tây Sơn lấy lại thành Sài Côn. Nguyễn Lữ lấy thóc gạo rồi rút quân về Quy Nhơn.

(1) Triệu Phong phủ có 5 huyện; Quảng Bình phủ có 3 huyện 1 châu.



Nguyễn Nhạc thấy thế mình một ngày một mạnh, bèn sai sửa lại thành Đồ Bàn (là kinh thành cũ của Chiêm Thành ngày trước) rồi đến tháng ba năm Bính Thân (1776) tự xưng làm Tây Sơn Vương và phong chức tước cho mọi người. Bấy giờ Tây Sơn đem Đông cung ra ở chùa Thập Tháp. Đông cung bèn trốn xuống thuyền chạy về Gia Định.

Người Khách Lý Tài trước đã bỏ Nguyễn Nhạc theo giúp chúa Nguyễn, rồi sau lại phản lại, đánh chúa Nguyễn, nay nghe Đông cung trốn về, lại đem binh rước về Sài Gòn lập lên làm Tân Chính Vương 新政王, tôn Định Vương làm Thái Thượng Vương 太上王 để cùng lo sự khôi phục.

Năm Đinh Dậu (1777) Nguyễn Nhạc sai người ra xin với chúa Trịnh cho trấn thủ đất Quảng Nam, Trịnh Sâm bấy giờ cũng chán sự dụng binh, bèn nhân dịp phong cho Nguyễn Nhạc làm Quảng Nam Trấn thủ, Tuyên úy đại sứ, Cung Quận công 廣南鎮守, 宣慰大使, 恭郡公.

Nguyễn Nhạc được phong rồi, không phải phòng giữ mặt Bắc nữa, bèn sai Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đem thủy bộ quân vào đánh Gia Định. Lý Tài chống không nổi phải bỏ chạy. Tân Chính Vương chạy về bến Trà (thuộc Định Tường) rồi chạy về Ba Vát (thuộc Vĩnh Long), còn Thái Thượng Vương thì chạy về Long Xuyên. Nhưng chẳng bao lâu Nguyễn Huệ đem quân đuổi bắt được cả Thái Thượng Vương và Tân Chính Vương, đem giết đi.

Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ lấy xong đất Gia Định, để Tổng đốc Chu 周 ở lại trấn thủ, rồi đem quân về Quy Nhơn. Qua năm sau là năm Mậu Tuất (1778) Nguyễn Nhạc tự xưng đế hiệu, đặt niên hiệu là Thái Đức 泰德, gọi thành Đồ Bàn là Hoàng Đế thành, phong cho Nguyễn Lữ làm Tiết chế, Nguyễn Huệ làm Long Nhương Tướng quân.

## 5. Nguyễn Vương khởi binh đánh Tây Sơn

Khi Thái Thượng Vương và Tân Chính Vương bị bắt, thì người cháu Thái Thượng Vương là Nguyễn Phúc Ánh, chạy thoát được. Đến khi Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ về Quy Nhơn rồi, Nguyễn Phúc Ánh lại tụ tập những tôi tớ cũ, khởi binh từ đất Long Xuyên, tiến lên đến Sa Đéc, và cùng với quan Chuởng dinh là Đỗ Thanh Nhân 杜清仁, quan Cai đội Lê Văn Câu 黎文勾<sup>(1)</sup> và các tướng là Nguyễn Văn Hoàng 阮文弘, Tổng Phước Khuông 宗福匡, Tổng Phước Lương 宗福樑 về đánh đuổi Tổng đốc Chu, lấy lại thành Sài Gòn. Bảy giờ Nguyễn Phúc Ánh mới có 17 tuổi, các tướng đều tôn lên làm Đại Nguyên súy, Nhiếp quốc chính 大元帥, 攝國政. Được ít lâu vua Tây Sơn lại sai Tổng đốc Chu 周, Tư khấu Uy 威 và quan Hộ giá Phạm Ngạn 范彥 đem quân thủy vào đánh Trấn Biên và Phiên Trấn cùng các miền ở mặt bể. Đỗ Thanh Nhân 杜清仁 đem quân Đông Sơn đánh chém được Tư khấu Uy, đuổi được quân Tây Sơn đi, ông Nguyễn Phúc Ánh bèn sai Lê Văn Quân đem binh ra đánh lấy thành Bình Thuận và thành Diên Khánh.

Từ khi khôi phục được đất Gia Định rồi, Nguyễn Phúc Ánh sai sứ sang thông với nước Tiêm La, và lại sai Đỗ Thanh Nhân 杜清仁, Hồ Văn Lân 胡文璘 đem binh đi đánh Chân Lạp, lập con Nặc Tôn là Nặc In lên làm vua để Hồ Văn Lân ở lại bảo hộ. Ở đất Gia Định thì ngài sửa sang mọi việc: đặt quan cai trị các dinh, định lệ thu thuế để nuôi binh lính, làm chiến thuyền, tập binh mã để phòng bị việc chiến tranh.

Năm Canh Tý (1780) Nguyễn Phúc Ánh xưng vương hiệu rồi phong cho Đỗ Thanh Nhân làm chức Ngoại hữu, Phụ chính, Thượng tướng công 外右, 輔政, 上將公, và thăng thưởng cho các tướng sĩ. Nhưng sau vì Đỗ Thanh Nhân cậy công lộng quyền,

(1) Lê Văn Câu là người ở Vĩnh Tường đất Gia Định, trước theo Châu Văn Tiếp sau làm thuộc tướng Đỗ Thanh Nhân.





cho nên Nguyễn Vương mới giết đi. Cũng vì việc ấy cho nên Đông Sơn trước đã hết lòng giúp Nguyễn Vương, sau đều bỏ cả, và lại phản lại, thành ra lời thôi phải đánh dẹp mãi.

Tháng 10 năm Tân Sửu (1781) vua nước Tiêm La là Trịnh Quốc Anh sai tướng là Chắt Tri 質知 (Chakkri) và Sô Si 蜀痴 hai anh em sang đánh Chân Lạp. Nguyễn Vương sai quan Chưởng cơ là Nguyễn Hữu Thụy 阮有瑞 và Hồ Văn Lân 胡文璘 đem 3.000 quân sang cứu. Trong khi quân An Nam và quân Tiêm La còn đang chống giữ nhau ở Chân Lạp, thì ở Vọng Các vua nước Tiêm La bắt giam cả vợ con của hai anh em Chắt Tri, bởi vậy hai tướng ấy mới giao kết với Nguyễn Hữu Thụy thề phải cứu nhau trong lúc hoạn nạn. Đoạn rồi Chắt Tri đem quân về Tiêm La. Ngay lúc ấy ở bên nước Tiêm có giặc nổi lên, vua nước ấy bị người Phan Nha Văn Sản đuổi đi cướp mất ngôi. Chắt Tri về đến Vọng Các, sai người đi tìm quốc vương là Trịnh Quốc Anh đem giết đi, và bắt giết cả Phan Nha Văn Sản, rồi tự lập làm vua, xưng là Phật Vương, phong cho em là Sô Si làm đệ nhị vương, cháu là Ma Lạc làm đệ tam vương. Họ Chakkri làm vua đến nay hãy còn, và các vua đều xưng là Rama.

Tháng ba năm Nhâm Dần (1782) vua Tây Sơn là Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ đem hơn 100 chiếc thuyền vào cửa Cần Giờ, đánh nhau với quân Nguyễn Vương ở Thất Kỳ Giang 七岐江 (tức Ngã Bảy). Trận ấy quân Nguyễn Vương thua to, có người nước Pháp tên là Mạn Hòe (Manuel) làm chủ một chiếc tàu phải đốt tàu mà chết. Nguyễn Vương phải bỏ thành Sài Gòn chạy về đất Tam Phụ 三埠 (Ba Giồng), rồi ra lánh ở đảo Phú Quốc 富國.

Vua Tây Sơn bình xong đất Gia Định, rút quân về Quy Nhơn, để hàng tướng là Đỗ Nhân Trập 杜閑蟄 ở lại giữ thành Sài Côn (tức Sài Gòn).

Khi quân Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ về Quy Nhơn rồi, các tướng nhà Nguyễn lại nổi lên đánh quân Tây Sơn. Bấy giờ

có Châu Văn Tiếp 朱文接 là người ở Quy Nhơn, nhân lúc loạn, tụ chúng giữ núi Trà Lang (thuộc Phú Yên). Đến khi chúa Nguyễn bỏ Phú Xuân chạy vào Gia Định, Châu Văn Tiếp đem binh ra giúp. Sau chẳng may chúa Nguyễn thất thế ngộ hại, Nguyễn Vương lên nối nghiệp. Văn Tiếp theo giúp, được phong làm chức Chuồng cơ, đem binh ra đánh Tây Sơn, bị thua, phải bỏ về giữ Trà Lang. Nay được tin Gia Định lại thất thủ, Văn Tiếp bèn đem quân từ Phú Yên về hợp với quân các đạo, đánh đuổi quân Tây Sơn đi, lấy lại được thành Sài Côn rồi cho người ra Phú Quốc đón Nguyễn Vương về.

Nguyễn Vương về sửa sang mọi việc để chống giữ với Tây Sơn, nhưng qua năm Quý Mão (1783) vua Tây Sơn lại sai Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ đem binh vào đánh. Nguyễn Vương lại phải rước vương mẫu và cung quyến ra Phú Quốc. Đến tháng 6 năm ấy, Nguyễn Huệ ra đánh Phú Quốc, Nguyễn Vương chạy về Côn Lôn; quân Tây Sơn lại đem thuyền đến vây Côn Lôn, nhưng may nhờ có cơn bão đánh đắm cả thuyền của Tây Sơn, cho nên Nguyễn Vương mới ra khỏi trùng vi, chạy về đảo Cổ Cốt, rồi lại trở về Phú Quốc.

## 6. Nguyễn Vương định cầu viện nước Pháp Lan Tây

Lúc bấy giờ lương thực hết sạch, Nguyễn Vương cùng với những người đi theo phải hái rau và tìm củ chuối mà ăn, thế lực cùng kiệt, thật là nguy nan quá. Nhân vì khi trước Nguyễn Vương có quen một người nước Pháp làm giám mục đạo Gia Tô, tên là Bá Đa Lộc 百多祿 (Pierre Pigneau de Béhaine, évêque d'Adran) khi ấy đang ở đất Chantaboun (thuộc nước Tiêm La), ngài bèn sai người đến bàn việc. Ông Bá Đa Lộc nói nên sang cầu cứu nước Pháp, nhưng phải cho Hoàng tử Cảnh 景 và cái quốc ấn cho ông Bá Đa Lộc, lại làm tờ quốc thư cho ông ấy

Nguyễn Vương theo lời ấy, bèn giao Hoàng tử Cảnh 景 và cái quốc ấn cho ông Bá Đa Lộc, lại làm tờ quốc thư cho ông ấy



được quyền tự tiện sang thương nghị với chính phủ Pháp để xin viện binh.

Tờ quốc thư ấy có 14 khoản, đại lược nói nhờ ông Bá Đa Lộc sang xin nước Pháp giúp cho 1.500 quân và tàu bè, súng ống, thuốc đạn, đủ cả mọi thứ. Nguyễn Vương xin nhường cho nước Pháp cửa Hội An (Faifo), đảo Côn Lôn và để riêng cho người nước Pháp được đặc quyền vào buôn bán ở nước Nam<sup>(1)</sup>.

Nguyễn Vương lại làm một cái thư riêng để dâng cho vua nước Pháp, và sai quan phó Vệ úy là Phạm Văn Nhân 范文仁, quan Cai cơ là Nguyễn Văn Liêm 阮文廉 theo hộ vệ Hoàng tử Cảnh bấy giờ mới có 4 tuổi.

Mọi sự đã xếp đặt cả rồi, nhưng vì còn trái mùa gió cho nên ông Bá Đa Lộc chưa khởi hành được. Nguyễn Vương tuy đã nghe lời ông Bá Đa Lộc định sang cầu cứu nước Pháp, nhưng trong bụng chưa quyết hẳn, còn có ý muốn nhờ nước Tiêm La.

Nguyên lúc đánh thua ở Sài Côn, Châu Văn Tiếp chạy sang Tiêm La cầu cứu. Đến tháng 2 năm Giáp Thìn (1784) vua Tiêm La sai tướng là Chắt Si Đa đem thủy quân sang Hà Tiên, tìm Nguyễn Vương để mời sang bàn việc. Nguyễn Vương lại tiếp được mật biểu của Châu Văn Tiếp, cho nên mới đến hội với tướng nước Tiêm, rồi cùng sang Vọng Các xin binh cứu viện.

Tiêm Vương tiếp đãi Nguyễn Vương rất hậu, và sai hai tướng là Chiêu Tăng 昭曾, Chiêu Sương 昭霜 đem hai vạn quân cùng 300 chiếc thuyền sang giúp Nguyễn Vương. Quân Tiêm La sang lấy được Rạch Giá, Ba Thắc, Trà Ôn, Mân Thít, Sa Đéc. Khi đánh ở Mân Thít, Châu Văn Tiếp bị thương nặng mà mất. Từ đó quân Tiêm ý thế đi đến đâu quấy nhiễu dân sự, làm nhiều điều tàn ác, cho nên lòng người oán hận lắm.

---

(1) Tờ quốc thư này và cái thư của Nguyễn Vương viết cho vua nước Pháp nay hãy còn ở Ngoại giao bộ tại Paris.



## 7. Nguyễn Huệ phá quân Tiêm La

Tướng Tây Sơn giữ đất Gia Định là Trương Văn Đa 張文多 thấy quân Tiêm La sang đánh phá, thế lực mạnh lắm, bèn sai người về Quy Nhơn phi báo. Vua Tây Sơn sai Nguyễn Huệ 阮惠 đem binh vào chống giữ.

Nguyễn Huệ vào đến Gia Định nhử quân Tiêm La đến gần Rạch Gầm và Xoài Mút ở phía trên Mỹ Tho, rồi đánh phá một trận, giết quân Tiêm chỉ còn được vài nghìn người, chạy theo đường thượng đạo trốn về nước. Nguyễn Huệ phá được quân Tiêm La rồi, đem binh đuổi đánh Nguyễn Vương. Nguyễn Vương bấy giờ hết cả lương thực, cùng với mấy người chạy về Trấn Giang, ra đảo Thổ Châu, đảo Cổ Cốt, rồi sang Tiêm La.

Đánh dẹp xong, Nguyễn Huệ đem quân về Quy Nhơn để Đô đốc là Đặng Văn Chân 鄧文真 ở lại trấn đất Gia Định.

Nguyễn Vương biết thế không mong cậy được người Tiêm La bèn giục ông Bá Đa Lộc đem Hoàng tử đi sang nước Pháp cầu viện. Ông Bá Đa Lộc đi rồi, Nguyễn Vương rước vương mẫu và cung quyến sang trú ở Vọng Các để chờ có cơ hội lại về khôi phục.

**CHƯƠNG IX****HỌ TRỊNH MẤT NGHIỆP CHÚA**

- |                                 |                         |
|---------------------------------|-------------------------|
| 1. Chúa Trịnh bỏ trưởng lập thứ | 2. Kiêu binh            |
| 3. Tây Sơn lấy Thuận Hóa        | 4. Tây Sơn dứt họ Trịnh |

**1. Chúa Trịnh bỏ trưởng lập thứ**

Từ khi quân chúa Trịnh lấy được đất Thanh Hóa rồi, Trịnh Sâm đắc chí, càng thêm kiêu hãnh, lại có ý muốn cướp ngôi nhà Lê, bèn sai quan Thị lang là Vũ Trần Thiệu 武陳紹 sang nhà Thanh dâng biểu nói rằng con cháu họ Lê không có ai đáng làm vua nữa, và lại sai quan nội giám đi với Vũ Trần Thiệu đem tiền của sang dứt lót mà xin phong làm vua. Nhưng sang đến Động Đình hồ, thì Vũ Trần Thiệu đem tờ biểu đốt đi rồi uống thuốc độc mà chết, bởi vậy việc cầu phong lại bỏ, không nói đến.

Sau Trịnh Sâm say đắm nàng Đặng Thị Huệ 鄧氏惠, bỏ con trưởng là Trịnh Khải 鄭楷 mà lập người con của Đặng Thị là Trịnh Cán 鄭欽 làm Thế tử. Từ đó người thì theo Đặng Thị, người thì phò Trịnh Khải, trong phủ chúa chia ra bè đảng.

Tháng chín năm Nhâm Dần (1782) Trịnh Sâm mất để di chiếu lập Trịnh Cán làm chúa và Huy Quận công Hoàng Đình Bảo 暉郡公黃廷寶 làm Phụ chính. Trịnh Cán còn ít tuổi mà lại lắm bệnh, không mấy người chịu phục, bởi vậy cho nên thành ra sự biến loạn.



## 2. Kiêu binh

Nguyên từ khi họ Trịnh giúp nhà Lê trung hưng về sau, đất kinh kỳ chỉ dùng lính Thanh, lính Nghệ gọi là *ưu binh* để làm quân túc vệ.

Những lính ấy thường hay cậy công làm nhiều điều trái phép. Năm Giáp Dần (1674) đời Trịnh Tạc, lính *tam phủ* tức là lính Thanh, lính Nghệ đã giết quan Tham tụng Nguyễn Quốc Trinh 阮國楨 và phá nhà Phạm Công Trứ 范公著. Năm Tân Dậu (1741) quân ưu binh lại phá nhà và chức giết quan Tham tụng Nguyễn Quý Cảnh 阮貴愨. Những lúc quân ưu binh làm loạn như vậy, tuy nhà chúa có bắt những đứa chủ xướng làm tội nhưng chúng đã quen thói, về sau hễ hơi có điều gì bất bình, thì lại nổi lên làm loạn.

Đến năm Nhâm Dần (1782) Trịnh Sâm mất, Đặng Thị và Hoàng Đình Bảo lập Trịnh Cán lên làm chúa. Con trưởng Trịnh Sâm là Trịnh Khải mưu với quân tam phủ để tranh ngôi chúa. Bấy giờ có tên Biện lại thuộc đội Tiệp bảo tên là Nguyễn Bằng 阮朋, người Nghệ An, đứng lên làm đầu, vào phủ chúa đánh ba hồi trống làm hiệu, quân ưu binh kéo đến vây phủ, vào giết Hoàng Đình Bảo, bỏ Trịnh Cán và Đặng Thị Huệ, lập Trịnh Khải lên làm chúa.

Trịnh Khải phong quan tước cho Nguyễn Bằng và trọng thưởng cho quân tam phủ. Từ đó quân ấy một ngày một kiêu, cứ đi cướp phá các nhà, không ai kiềm chế được. Năm Giáp Thìn (1784) quân tam phủ lại phá nhà quan Tham tụng Nguyễn Ly 阮儷, nhà Dương Khuông 楊匡 và giết Nguyễn Triêm 阮霽 ở trước cửa phủ chúa. Khi bấy giờ Nguyễn Ly chạy thoát được lên Sơn Tây cùng với em là Nguyễn Điều 阮條 bàn định rước Trịnh Khải ra ngoài, rồi gọi binh các trấn về trừ kiêu binh. Nhưng sự lộ ra, quân kiêu binh vào canh giữ phủ chúa, Trịnh Khải không ra được. Quân ấy lại chia nhau ra



giữ các cửa ô. Quân các trấn cũng sợ chúa bị hại đều phải rút về. Từ đó quân kiêu binh kéo nhau hàng trăm hàng nghìn đi cướp phá các làng. Hễ có đứa nào đi lẻ loi thì dân làng lại bắt giết đi, thành ra quân với dân xem nhau như cừu địch, mà các văn thân võ tướng cũng bó tay mà chịu không làm sao được. Sau có quan Tham tụng là Bùi Huy Bích 裴輝璧 dỗ dành mãi mới dần dần hơi yên.

Lúc bấy giờ ở trong đang có kiêu binh làm loạn, ở ngoài Tây Sơn nhân dịp đem quân vào đánh phá, bởi thế cho nên cơ nghiệp họ Trịnh đổ nát vậy.

### 3. Tây Sơn lấy Thuận Hóa

Nguyên khi trước Hoàng Đình Bảo trấn thủ đất Nghệ An, có nhiều thủ hạ giỏi, mà trong bọn ấy có một người ở huyện Chân Lộc, thuộc Nghệ An, tên là Nguyễn Hữu Chỉnh 阮有整 đỗ hương cống từ lúc 16 tuổi, tục gọi là cống Chỉnh, tính hào hoa, lắm cơ trí, nhiều can đảm, mà lại có tài biện bác. Trước theo Hoàng Ngũ Phúc, thường đi đánh giặc bể, giặc sợ lắm, gọi là *chim dữ*; sau khi Hoàng Ngũ Phúc mất rồi, Hữu Chỉnh về theo Hoàng Đình Bảo.

Đến khi kiêu binh đã giết Hoàng Đình Bảo rồi, có người đem tin cho Hữu Chỉnh biết, Hữu Chỉnh vào bàn với quan trấn thủ Nghệ An là Võ Tá Dao 武佐瑤 đề tự lập ở xứ Nghệ, nhưng mà Võ Tá Giao sợ không dám làm, Hữu Chỉnh bèn bỏ vào với vua Tây Sơn là Nguyễn Nhạc.

Nguyên khi trước Nguyễn Hữu Chỉnh theo Hoàng Ngũ Phúc vào đánh Quảng Nam thường vẫn đi lại quen Nguyễn Nhạc, cho nên Nguyễn Nhạc tin dùng, đãi làm thượng tân<sup>(1)</sup>. Từ đó Nguyễn Hữu Chỉnh bày mưu định kế xin vua Tây Sơn ra đánh Thuận Hóa và đất Bắc Hà.

---

(1) *Thượng tân*: thượng khách, khách quý [BT].



Vả, từ khi Hoàng Ngũ Phúc mất rồi, Trịnh Sâm sai Bùi Thế Đạt vào trấn thủ đất Thuận Hóa, sau lại sai Phạm Ngô Cầu 范吳俅 vào thay Bùi Thế Đạt. Phạm Ngô Cầu là người nhu nhược vô mưu, mà lại có tính tham lam, chỉ lo việc làm giàu, chứ không nghĩ gì đến việc binh. Quan phó Đốc thị là Nguyễn Lệnh Tân 阮令賓 đã viết thư về bày tỏ mọi lẽ và xin Trịnh Sâm cho tướng khác vào thay Phạm Ngô Cầu. Trịnh Sâm không nghe, lại đòi Nguyễn Lệnh Tân về.

Vua Tây Sơn biết đất Thuận Hóa không phòng bị, bèn sai em là Nguyễn Huệ làm Tiết chế, rể là Vũ Văn Nhậm 武文任 làm tả quân Đô đốc, Nguyễn Hữu Chỉnh 阮有整 làm hữu quân Đô đốc, đem quân thủy bộ ra đánh Thuận Hóa.

Một hôm Phạm Ngô Cầu thấy một người khách buôn nói thuật số, đến bảo Ngô Cầu rằng: “Hậu vận tướng công phúc lộc nhiều lắm, nhưng năm nay có hạn nhỏ có lẽ phải ốm đau nên lập đàn làm chay mới được yên lành”. Phạm Ngô Cầu nghe lời ấy lập đàn cầu khấn bảy đêm ngày, bắt quân sĩ phục dịch không được nghỉ ngơi chút nào. Chợt nghe tin quân Tây Sơn đã lấy được đồn Hải Vân, tướng giữ đồn là Hoàng Nghĩa Hồ 黃義湖 đã tử trận, lại thấy báo rằng thủy quân của Tây Sơn đã vào cửa bể, thủy bộ hai mặt đều kéo đến đánh. Ngô Cầu hốt hoảng, từ ở đàn chạy về dinh, gọi binh tướng để chống giữ, nhưng quân lính đều mỗi một cái, không ai có lòng muốn đánh.

Phạm Ngô Cầu lại có tính đa nghi. Nguyễn Hữu Chỉnh bèn làm một cái thư đề ngoài gửi cho phó tướng là Hoàng Đình Thể 黃廷體, rủ về hàng Tây Sơn, rồi giả tảng sai người đưa nhảm sang cho Ngô Cầu. Ngô Cầu bắt được thư ấy nghi cho Hoàng Đình Thể nhị tâm. Đến khi quân Tây Sơn đến đánh, Hoàng Đình Thể đem quân bản bộ ra trận đối địch bắn hết thuốc đạn, Ngô Cầu đóng cửa thành lại không ra tiếp ứng. Hoàng Đình Thể cùng hai con và tỳ tướng là Vũ Tá Kiên 武佐堅 đều tử trận cả.





Khi quân Tây Sơn kéo đến đánh thành, Phạm Ngô Cầu kéo cờ trắng mở cửa thành ra hàng. Quân họ Trịnh giữ ở các đồn đều tan vỡ bỏ chạy. Trong mấy ngày mà đất Thuận Hóa ra đến Linh Giang đều thuộc về Tây Sơn cả. Bấy giờ là tháng năm năm Bính Ngọ (1786) đời Cảnh Hưng năm thứ 47.

#### 4. Tây Sơn dứt họ Trịnh

Nguyễn Huệ lấy được đất Thuận Hóa rồi, sai người giải Phạm Ngô Cầu về Quy Nhơn định tội phải chém, đoạn rồi Nguyễn Huệ hội các tướng lại bàn sai người ra sửa sang đồn Đồng Hới, và định giữ địa giới cũ ở sông La Hà 羅河. Nguyễn Hữu Chỉnh nói rằng: “Ông phụng mệnh ra đánh một trận mà bình được đất Thuận Hóa, uy kinh cả chốn Bắc Hà. Phàm cái phép dùng binh, một là *thời* hai là *thế* ba là *cơ*, có ba điều đó đánh đâu cũng được. Bây giờ ở đất Bắc Hà tướng thì lười, quân thì kiêu, triều đình không có kỷ cương gì cả, nếu ông nhân lấy cái uy thanh này, đem binh ra đánh thì làm gì mà không được. Ông không nên bỏ mất cái *cơ*, cái *thời* và cái *thế* ấy”. Nguyễn Huệ nói rằng: “Ở Bắc Hà có nhiều nhân tài, không nên coi làm thường”. Hữu Chỉnh đáp lại rằng: “Nhân tài Bắc Hà chỉ có một mình Chỉnh, nay Chỉnh đã bỏ đi, thì nước không có ai nữa, xin ông đừng có ngại gì”. Nguyễn Huệ cười mà nói rằng: “Ấy! Người khác thì không ngại, chỉ ngại có ông đó thôi!”. Hữu Chỉnh thất sắc đi rồi nói rằng: “Tôi tự biết tài hèn, nhưng mà tôi nói thế là có ý tỏ cho ông biết ngoài Bắc không có nhân tài đó thôi”. Nguyễn Huệ lấy lời nói ngọt để yên lòng Hữu Chỉnh và bảo rằng: “Nhà Lê làm vua đã mấy trăm năm nay, bây giờ cướp lấy, chưa chắc lòng người đã theo mình”. Hữu Chỉnh nói: “Nay Bắc Hà có vua lại có chúa, ấy là một sự cổ kim đại biến. Họ Trịnh tiếng rằng phù Lê, thực là hiếp chế, cả nước không ai phục. Vả xưa nay không ai làm gì để giúp nhà Lê, là chỉ sợ cái thế mạnh đó mà thôi, nay ông mà phù Lê diệt Trịnh thì thiên hạ ai chẳng theo ông”. Nguyễn Huệ nói: “Ông nói phải lắm, nhưng



ta chỉ phụng mệnh đi đánh đất Thuận Hóa mà thôi, chứ không phụng mệnh đi đánh Bắc Hà, sợ rồi can tội kiêu mệnh thì làm thế nào?”. Hữu Chỉnh nói: “Kiêu mệnh là tội nhỏ, việc ông làm là công to. Vả làm tướng ở ngoài có điều không cần phải theo mệnh vua, ông lại không biết hay sao?”.

Nguyễn Huệ bèn sai Nguyễn Hữu Chỉnh đem thủy binh đi tiên phong vào cửa Đại An đánh lấy kho lương ở bên sông Vị Hoàng. Nguyễn Huệ tự đem binh đi theo sau, ước với Hữu Chỉnh đến sông Vị Hoàng đốt lửa lên làm hiệu.

Nguyễn Hữu Chỉnh đem quân đi qua Nghệ An, Thanh Hóa, quan trấn thủ là Bùi Thế Toại 裴世遂 và Tạ Danh Thùy 謝名垂 không ai dám ra cự địch; khi ra đến Vị Hoàng 渭黃, quan coi đồn ở đấy bỏ chạy. Hữu Chỉnh lấy được hơn trăm vạn hộ lương, rồi đốt lửa làm hiệu, quân Nguyễn Huệ kéo đến đóng giữ ở đấy.

Trước kia thành Phú Xuân đã vỡ rồi, tin báo đến Thăng Long, các quan bàn rằng: xứ ấy vẫn không phải là đất của triều đình, bây giờ mất cũng không thiệt hại gì. Vì thế, chỉ sai Trịnh Tự Quyền 鄭自權 đem 27 cơ vào giữ đất Nghệ An. Trịnh Tự Quyền thu xếp hơn 10 ngày chưa xong, đến khi đi được độ 30 dặm thì đã có tin báo Tây Sơn đến đóng ở sông Vị Hoàng rồi. Tự Quyền bèn đem quân xuống giữ ở mặt Kim Động 金洞. Quan trấn thủ Sơn Nam là Bùi Thế Dận 裴世胤 đem bộ binh đến đóng ở xã Phù Sa, thuộc huyện Đông An, Đinh Tích Nhưỡng 丁錫壤 đem thủy quân ra giữ cửa Luộc. Bấy giờ gió Đông Nam thổi to, đến đêm Nguyễn Huệ sai lấy tượng gỗ để lên trên mấy chiếc thuyền rồi đánh trống kéo cờ thả thuyền cho trôi đi. Đinh Tích Nhưỡng trông thấy tưởng là quân Tây Sơn đến đánh, dàn thuyền ra thành trận chữ *nhất*, rồi thuyền lấy súng mà bắn. Bắn mãi, sau mới biết người trên thuyền là tượng gỗ. Lúc quân Tây Sơn tiến lên đánh thì Đinh Tích Nhưỡng hết cả thuốc đạn, phải bỏ thuyền mà chạy. Quân của Bùi Thế Dận và Trịnh Tự

Quyền cũng tan cả. Nguyễn Huệ hạ được thành Sơn Nam, rồi một mặt truyền hịch đi các lộ nói lấy nghĩa phù Lê diệt Trịnh, một mặt kéo quân lên lấy Thăng Long.

Bấy giờ ở kinh thành thì quân kiêu binh không sai khiến được, mà quân Tây Sơn thì đã đến nơi rồi, Trịnh Khải mới cho gọi Hoàng Phùng Cơ 黃馮基 ở Sơn Tây về, đem quân đóng ở hồ Vạn Xuân (xã Vạn Phú, Thanh Trì) còn thủy binh thì đóng ở bến Tây Long (Thọ Xương) để phòng giữ. Quân Tây Sơn tiến lên đánh tan thủy quân của nhà Trịnh, Hoàng Phùng Cơ phải bỏ chạy, Trịnh Khải mặc áo nhung y cầm cờ lên voi thúc quân vào đánh, nhưng thế Tây Sơn mạnh lắm, đánh không được, Trịnh Khải phải bỏ chạy lên Sơn Tây. Đi đến làng Hạ Lôi, huyện Yên Lãng, gặp tên Nguyễn Trang 阮莊 đánh lừa bắt đem nộp cho Tây Sơn. Trịnh Khải về đến làng Nhật Chiêu lấy gươm cắt cổ tự tận. Bấy giờ là năm Bính Ngọ (1786). Nguyễn Huệ cho lấy vương lễ mà tống táng cho chúa Trịnh, rồi vào thành Thăng Long yết kiến vua Lê.

Họ Trịnh giúp nhà Lê trung hưng lên, rồi giữ lấy quyền chính, lập ra nghiệp chúa, lưu truyền từ Trịnh Tùng đến Trịnh Khải được 216 năm (1570 - 1786) đến đây là hết.

# TRỊNH THỊ THẾ PHỔ

鄭氏世譜

## 1. THÁI SƯ TRỊNH KIỂM 太師鄭檢

Trịnh Cối 鄭檜  
Trình Đồ 鄭杜  
Trình Đồng 鄭同

## 3. Thanh Đô Vương Trịnh Tráng 清都王鄭樞

Trịnh Kiều 鄭橋  
Trịnh Lê 鄭隸  
Trịnh Cẩm 鄭禽  
Trịnh Toàn 鄭攢

## 5. Định Vương Trịnh Căn 定王鄭根

Trình Trạch 鄭擇

## 8. Minh Đô Vương Trịnh Doanh 明都王鄭楹

Trình Lê 鄭隸

## 11. An Đô Vương Trịnh Bồng 安都王鄭蓬



## CHƯƠNG X

# NHÀ HẬU LÊ MẤT NGÔI VUA



1. Tây Sơn rút quân về Nam
2. Nguyễn Hữu Chỉnh chuyên quyền ở đất Bắc
3. Tây Sơn lấy đất Bắc Hà

### 1. Tây Sơn rút quân về Nam

Nguyễn Huệ đã dứt được họ Trịnh rồi, vào thành Thăng Long, xuống lệnh cấm quân lính không được cướp phá dân gian, và định ngày xin yết kiến vua Lê ở đền Vạn Thọ.

Bấy giờ vua Hiến Tông đang đau, không ngồi dậy tiếp được, ngài mời Nguyễn Huệ vào ngồi gần sập ngự, lấy lời ôn tồn mà phủ dụ. Nguyễn Huệ tâu bày cái lẽ đem binh ra phù Lê diệt Trịnh, chứ không dám có ý dòm ngó gì. Vua mừng rỡ mà tạ Nguyễn Huệ.

Khi quân Tây Sơn ra đến Thăng Long, các quan triều thần chạy trốn cả, chỉ còn có mấy người nội giám ở lại hầu hạ vua. Nguyễn Hữu Chỉnh thấy vậy vào tâu với vua xin xuống chiếu tuyên triệu các quan về triều; được mấy hôm có độ mươi người lục tục kéo nhau trở về. Vua bèn định đến ngày mồng 7 tháng 7 lập đại trào ở điện Kính Thiên, Nguyễn Huệ đem các tướng vào lạy và dâng sổ quân sĩ, dân đinh, để tỏ rõ cái nghĩa tôn phù nhất thống, nghĩa là tự đó về sau nhà Lê có quyền tự chủ.



Vua phong cho Nguyễn Huệ làm Nguyên soái Uy Quốc công 元帥威國公, và lại gả cho bà Ngọc Hân công chúa 玉欣公主 là con gái của ngài. Chẳng bao lâu vua Hiến Tông mất, Hoàng tôn là Duy Kỳ lên nối ngôi, đặt niên hiệu là Chiêu Thống.

Nguyên lúc trước vua Tây Sơn là Nguyễn Nhạc vốn không có ý ra đánh Bắc Hà, đến khi tiếp được thư của Nguyễn Huệ nói sắp ra đánh ngoài Bắc, Nguyễn Nhạc vội vàng sai người ra Thuận Hóa ngăn lại. Nhưng khi sứ thần ra đến nơi, thì Nguyễn Huệ đã cử binh đi rồi. Sau lại tiếp được thư nói rằng quân Tây Sơn đã lấy được Thăng Long rồi, và còn phải ở lại để giúp nhà Lê, Nguyễn Nhạc sợ em ở lâu ngoài Bắc Hà có sự biến chẳng, bèn đem 500 quân ra Thuận Hóa, rồi lấy thêm 2.000 quân nữa, đi không kỳ ngày đem ra thẳng Thăng Long.

Vua Chiêu Thống được tin vua Tây Sơn ra Bắc, bèn đem bách quan ra đón ở ngoài Nam Giao. Nhưng Nguyễn Nhạc cứ đi thẳng, rồi cho người đến nói rằng: xin để ngày khác tiếp kiến. Được mấy hôm Nguyễn Nhạc mời vua Chiêu Thống sang phủ đường làm lễ tương kiến. Nguyễn Nhạc ngồi giữa, vua Chiêu Thống ngồi bên tả, Nguyễn Huệ ngồi bên hữu, các quan văn võ đứng hầu hai bên.

Khi vào làm lễ xong rồi, vua Chiêu Thống xin nhường mấy quận để khao quân. Nguyễn Nhạc nói rằng: “Vì họ Trịnh hiếp chế, cho nên chúng tôi ra giúp nhà vua; nếu bằng đất nước họ Trịnh thì một tác cũng không để lại, nhưng mà của nhà Lê thì một tác cũng không dám lấy. Xin mong nhà vua gắng sức làm việc, giữ yên cõi đất, để đời đời giao hiếu với nhau, ấy là cái phúc của hai nước đấy”.

Đoạn rồi vua Chiêu Thống về điện, hôm sau anh em Tây Sơn bàn rút quân về Nam, và thấy Nguyễn Hữu Chỉnh là người giảo quyệt, định bỏ lại Bắc Hà, bèn mật truyền cho các tướng thu xếp quân thủy bộ, kho tàng có gì lấy hết, rồi đến nửa đêm ngày 17 tháng 8, kéo quân về Nam. Sáng hôm sau Nguyễn



Hữu Chỉnh biết Tây Sơn về rồi, sợ hãi lắm, hoảng hốt bỏ cả đồ đạc, chạy xuống chiếc thuyền buôn vào Nghệ An, theo vua Tây Sơn. Nguyễn Nhạc thấy Hữu Chỉnh lại theo về, không nỡ bỏ, cho ở lại cùng với Nguyễn Duệ 阮睿 giữ đất Nghệ An.

Bấy giờ quyền binh ở đất Bắc Hà về cả vua nhà Lê, thật là một cái cơ hội ít có để lập lại cái nền tự chủ của nhà Lê, nhưng tiếc vì vua Chiêu Thống không có tài quyết đoán, mà đình thần lúc bấy giờ không có ai là người biết kinh luân: hễ thấy có giặc thì bỏ chạy, giặc đi rồi thì kéo nhau ra bàn ngược bàn xuôi, người thì định lập lại nghiệp chúa, kẻ thì muốn tôn phù nhà vua. Lại có dòng dõi họ Trịnh là Trịnh Lệ 鄭棣 và Trịnh Bồng 鄭蓬 chia đảng ra đánh nhau để tranh quyền. Vua Chiêu Thống bất đắc dĩ phải phong cho Trịnh Bồng làm An Đô Vương 晏都王, lập lại phủ chúa. Đảng họ Trịnh lại toan đường hiệp chế nhà vua, vua Chiêu Thống phải xuống mật chiếu vời Nguyễn Hữu Chỉnh ra giúp.

## 2. Nguyễn Hữu Chỉnh chuyên quyền ở đất Bắc

Nguyễn Hữu Chỉnh từ khi trở về Nghệ An, chiêu mộ dũng sĩ, ngày đêm luyện tập, nhân có chiếu nhà vua vào gọi, bèn thu xếp được hơn một vạn quân ra giúp vua Lê. Trịnh Bồng đem quân ra chống giữ, đánh thua phải bỏ chạy. Hữu Chỉnh vào yết kiến vua Chiêu Thống và chuyên giữ binh quyền.

Trịnh Bồng có khởi binh mấy lần để toan sự khôi phục, nhưng không thành công, cho nên cũng chán sự đời bèn bỏ đi tu, về sau không biết chết ở đâu. Họ Trịnh mất từ đấy.

Nguyễn Hữu Chỉnh đánh đuổi họ Trịnh đi rồi, vua phong cho chức Đại tư đồ Bàng Trung công 大司徒鵬忠公. Từ đó Hữu Chỉnh cậy công khinh người, làm lắm điều trái phép, vua cũng lấy làm lo. Nhưng không biết trông cậy vào ai, cho nên đành phải chịu vậy.



### 3. Tây Sơn lấy đất Bắc Hà

Ở trong Nam thì từ khi vua Tây Sơn là Nguyễn Nhạc về Quy Nhơn rồi, tự xưng làm Trung Ương Hoàng Đế 中央皇帝, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương 東定王, ở đất Gia Định, cho Nguyễn Huệ làm Bắc Bình Vương 北平王, ở đất Thuận Hóa, lấy Hải Vân sơn làm giới hạn.

Được ít lâu, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ có chuyện hiềm khích với nhau, Nguyễn Huệ đem binh vào vây đánh thành Quy Nhơn, ngặt đến nỗi Nguyễn Nhạc phải thân lên thành mà kêu khóc, gọi Nguyễn Huệ mà bảo rằng: “Nỡ lòng nào lại nổi da nấu thịt như thế<sup>(1)</sup>”. Nguyễn Huệ động lòng mới giải vây rút quân về Thuận Hóa.

Trong khi anh em Tây Sơn đánh nhau, thì Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc Hà, đến khi anh em Tây Sơn đã giảng hòa rồi. Nguyễn Huệ ở Phú Xuân thấy Hữu Chỉnh lừng lẫy ở đất Bắc, bèn sai Vũ Văn Nhậm ra bắt.

Tháng 11 năm Đinh Mùi (1787) Vũ Văn Nhậm phá quân Nguyễn Hữu Chỉnh ở Thanh Quyết giang (làng Thanh Quyết, huyện Gia Viễn) và ở Châu Cầu (phủ Lý Nhân) rồi đánh đuổi ra đến Thăng Long.

Vua Chiêu Thống thấy quân của Nguyễn Hữu Chỉnh đã thua rồi, bèn bỏ kinh đô, chạy sang Kinh Bắc, và sai Lê Quýnh 黎炯<sup>(2)</sup> cùng với hơn 30 người tôn thất đem bà Hoàng thái hậu, bà Hoàng phi và Hoàng tử lên Cao Bằng. Còn vua thì cùng với Hữu Chỉnh về đóng ở núi Mục Sơn 睦山 ở đất Yên Thế.

Tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Hòa 阮文和 đem binh lên đánh bắt được Hữu Chỉnh đem về làm tội ở Thăng Long.

(1) Tục người trong Bình Định hễ đi săn được hươu nai gì thì lột da ra làm nồi mà nấu thịt, ở đây Nguyễn Nhạc có ý nói rằng cùng da cùng thịt nở nào hại lẫn nhau vậy.

(2) Cũng viết là 黎炯 [BT].



Vũ Văn Nhậm giết Nguyễn Hữu Chỉnh rồi, cho đi tìm vua Chiêu Thống không được, bèn tôn Sùng Nhượng Công tên là Lê Duy Cẩn<sup>(1)</sup> 崇讓公黎維瑾 lên làm Giám quốc để thu phục lòng người.

Bấy giờ các quan không ai theo, Sùng Nhượng Công ở trong điện chỉ có vài người hoàng thân và mấy viên võ tướng, sớm tối hầu hạ, còn thì không ai tâm hỏi việc gì cả. Ngày ngày cứ đi bộ sang châu chực bên dinh Vũ Văn Nhậm. Văn Nhậm cũng không biết xử ra làm sao. Người kinh thành thấy vậy gọi Sùng Nhượng Công là thầy để lại giám quốc. Khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ sai Vũ Văn Nhậm ra đánh Nguyễn Hữu Chỉnh thì đã có lòng nghi Văn Nhậm, cho nên lại sai Ngô Văn Sở 吳文楚 và Phan Văn Lân 潘文璘 làm Tham tán quân vụ để chia bớt binh quyền. Đến khi Văn Nhậm lấy được Thăng Long, bắt được Hữu Chỉnh rồi, có ý cậy tài và ra bộ kiêu ngạo. Ngô Văn Sở đem ý ấy viết thư về nói Văn Nhậm muốn làm phản. Bắc Bình Vương lập tức truyền lệnh kéo quân kị, đêm ngày đi gấp đường ra Thăng Long, nửa đêm đến nơi bắt Vũ Văn Nhậm giết đi, rồi truyền gọi các quan văn võ nhà Lê cho vào yết kiến, đặt quan lục bộ và các quan trấn thủ, để Lê Duy Cẩn làm Giám quốc, chủ trương việc tế lễ, dùng Ngô Thời Nhậm 吳時任 làm Lại bộ tả Thị lang. Còn các quan nhà Lê thì có người ở lại nhận chức, có người trốn đi, cũng có người tuân tiết.

Bắc Bình Vương đã đổi đặt quan quân, chỉnh đốn mọi việc xong cả rồi, chọn ngày về Nam để bọn Ngô Văn Sở ở lại giữ đất Bắc Hà.

Vua Chiêu Thống từ khi thua trận Mực Sơn chạy về núi Bảo Lộc, rồi nay ở Hải Dương, mai ở Sơn Nam, cùng với mấy người trung nghĩa lo sự khôi phục, nhưng vì thế lực mỗi ngày một kém, bề tôi như bọn Đinh Tích Nhưỡng thì giở mặt làm

---

(1) Có sách phiên âm là Lê Duy Cận [BT].



phản, còn thì ai nấy trốn tránh đi mất cả, bởi thế cho nên cơ nghiệp nhà Lê đổ nát vậy.

Nhà Lê kể từ vua Thái Tổ khởi nghĩa, đánh đuổi quân nhà Minh về Tàu, lập lại cái nền tự chủ cho nước nhà, truyền đến vua Chiêu Tông thì bị họ Mạc cướp mất ngôi. Sau nhờ có họ Nguyễn và họ Trịnh giúp đỡ, nhà Hậu Lê lại trung hưng lên, truyền đến vua Chiêu Thống tức là Mẫn Đế 愍帝 thì hết.

Nhà Lê làm vua, kể cả Tiền Lê và Hậu Lê, được 360 năm (1428 - 1788), trước sau sửa sang được nhiều việc: sự học hành, việc luật pháp, việc canh nông đều được mở mang ra hơn trước. Nhưng từ khi trung hưng lên trở về sau nhà vua bị họ Trịnh hiếp chế thành ra có vua lại có chúa. Vua ngồi làm vì, chúa giữ cả quyền chính trị. Đến khi nghiệp chúa suy thì ngôi vua cũng đổ vậy.



## CHƯƠNG XI

# NHÀ NGUYỄN TÂY SƠN

(1788 - 1802)



1. Nhà Nguyễn Tây Sơn dấy nghiệp
2. Vua Quang Trung
3. Tôn Sĩ Nghị đem quân sang An Nam
4. Vua Quang Trung đại phá quân nhà Thanh
5. Vua Quang Trung cầu phong
6. Vua Chiêu Thống nhà Lê bị nhục bên Tàu
7. Đức độ vua Quang Trung
8. Chính trị của vua Quang Trung
9. Quan chế
10. Việc đình điền
11. Việc học hành
12. Việc làm chùa chiền
13. Việc định đánh Tàu
14. Vua Quang Trung mất
15. Vua Cảnh Thịnh

### 1. Nhà Nguyễn Tây Sơn dấy nghiệp

Những người làm quốc sử nước Tàu và nước ta thường chia những nhà làm vua ra là *chính thống* và *ngụy triều*. Nhà nào, một là đánh giặc mở nước, sáng tạo ra cơ nghiệp, hai là được kế truyền phân minh, thần dân đều phục, ba là dẹp loạn yên dân, dựng nghiệp ở đất trung nguyên, thì cho là *chính thống*. Nhà



nào, một là làm tôi cướp ngôi vua, làm sự thoán đoạt không thành, hai là xưng đế, xưng vương ở chỗ rừng núi, hay là ở đất biên địa, ba là những người ngoại chủng vào chiếm nước làm vua, thì cho là *ngụy triều*.

Vậy nay lấy những lẽ ấy mà xét xem nên cho nhà Nguyễn Tây Sơn làm chính thống hay là *ngụy triều*, để cho hợp lẽ công bằng và cho xứng cái danh hiệu của những người anh hùng đã qua.

Nguyên nước ta là nước quân chủ, lấy cái nghĩa vua tôi làm trọng hơn cả, thế mà từ khi nhà Lê trung hưng lên trở về sau, họ Nguyễn hùng cứ phương Nam, họ Trịnh xưng chúa miền Bắc; trên tuy còn tôn vua, nhưng mà quyền về cả nhà chúa. Trong nước ta đã có vua lại có chúa, làm thành ra vua không phải là vua, tôi không phải là tôi, ấy là một thời loạn. Đến sau ở trong Nam thì có Trương Phúc Loan chuyên quyền làm bậy, ở ngoài Bắc thì có kiêu binh làm loạn, giết hại quan đại thần, vua chúa phải nhún mình mà chiêu đãi, đình thần phải khoanh tay mà chịu một bề, ấy lại là một lúc đại loạn vậy.

Lúc ấy anh em Nguyễn Nhạc là người dân mặc áo vải, dấy binh ở ấp Tây Sơn, chống nhau với chúa Nguyễn để lập nghiệp ở đất Quy Nhơn. Tuy rằng đối với họ Nguyễn là cừ địch, nhưng mà đối với nước Nam, thì chẳng qua cũng là một người anh hùng lập thân trong lúc biến loạn đó mà thôi.

Còn như Nguyễn Huệ là vua Thái Tổ nhà Nguyễn Tây Sơn, thì trước giúp anh bốn lần vào đánh đất Gia Định đều được toàn thắng, phá hai vạn quân hùng beo của Tiêm La, chỉ còn được mấy trăm người<sup>(1)</sup> lủi thủi chạy về nước; sau lại ra Bắc Hà, dứt họ Trịnh, tôn vua Lê, đem lại mối cương thường cho rõ ràng. Ấy là đã có sức mạnh mà lại biết làm việc nghĩa vậy.

---

(1) Ở chương VIII, phần 7. *Nguyễn Huệ phá quân Tiêm La*, tác giả viết là “vài nghìn người” [BT].

Nhưng vì vua nhà Lê nhu nhược, triều thần lúc bấy giờ không ai có tài kinh luân, lại để cho Trịnh Bồng và Nguyễn Hữu Chỉnh nổi nhau mà chuyên quyền, đến nổi thành ra tán loạn. Dầu thế mặc lòng, khi Nguyễn Huệ giết Vũ Văn Nhậm rồi, không nỡ dứt nhà Lê, đặt Giám quốc để giữ tông miếu tiên triều; như thế thì cách ở với nhà Lê không lấy gì làm bạc.

Sau vua Chiêu Thống và bà Hoàng thái hậu đi sang kêu cầu bên Tàu, vua nhà Thanh nhân lấy dịp ấy mượn tiếng cứu nhà Lê, để lấy nước Nam, bèn sai binh tướng sang giữ thành Thăng Long. Bấy giờ cứ theo như tờ mật dụ của vua nhà Thanh thì nước Nam ta, bề ngoài tuy chưa mất hẳn, nhưng kỳ thật đã vào tay người Tàu rồi.

Vậy nước đã mất, thì phải lấy nước lại, ông Nguyễn Huệ mới lên ngôi Hoàng đế, truyền hịch đi các nơi, đường đường, chính chính, đem quân ra đánh một trận phá 20 vạn quân Tàu, tướng nhà Thanh là Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ấn tín mà chạy, làm cho vua tôi nước Tàu khiếp sợ, tướng sĩ nhà Thanh thất đảm. Tưởng từ xưa đến nay nước ta chưa có võ công nào lắm liệt như vậy.

Vả đánh đuổi người Tàu đi lấy nước lại mà làm vua thì có điều gì mà trái đạo? Há lại chẳng hơn nhà Lý, nhà Trần nhân lúc ấu quân, nữ chúa, mà làm sự thoán đoạt hay sao? Vậy thì lấy lẽ gì mà gọi là *ngụy*? Huống chi sau vua nhà Thanh cũng công nhận cho ông Nguyễn Huệ làm vua nước Nam, và lại sai sứ sang phong cho ông làm An Nam Quốc vương theo như lệ các triều trước, như thế thì nhà Nguyễn Tây Sơn mở nước có khác gì nhà Đinh và nhà Lê không?

Tuy rằng, chẳng được bao lâu nhà Nguyễn Tây Sơn sinh ra nội loạn, vua Thế Tổ Cao Hoàng nhà Nguyễn lại thu phục được cơ nghiệp cũ mà nhất thống cả Nam Bắc lại làm một, nhưng việc thành bại hưng vong là mệnh trời, vả lại khi hai người anh hùng đuổi một con hươu, tất là người nọ gọi người kia là cừu địch. Vậy lấy lẽ tôn bản triều mà xét thì nhà Nguyễn Tây Sơn



là nguy, mà lấy công lý mà suy thì vua Quang Trung Nguyễn Huệ là một ông vua cùng đứng ngang vai với vua Đinh Tiên Hoàng, vua Lê Thái Tổ, mà nhà Nguyễn Tây Sơn cũng là một nhà chính thống như nhà Đinh và nhà Lê vậy.

## 2. Vua Quang Trung (1788 - 1792)

Ông Nguyễn Huệ 阮惠 (sau đổi tên là Nguyễn Quang Bình 阮光平) là một người có sức khỏe tuyệt trần, lại có mưu trí quyền biến, mẹo mực như thần, khởi binh ở đất Tây Sơn (thuộc huyện An Khê, Bình Định) giúp anh là Nguyễn Nhạc lập nên nghiệp lớn, được phong làm Bắc Bình Vương, đóng đô ở đất Phú Xuân.

Năm Mậu Thân (1788) quân nhà Thanh mượn tiếng sang cứu nhà Lê, chiếm giữ thành Thăng Long có ý muốn lấy đất An Nam, Bắc Bình Vương lên ngôi Hoàng đế đặt niên hiệu là Quang Trung 光中, rồi đem binh đi đánh giặc.

## 3. Tôn Sĩ Nghị đem quân sang An Nam

Nguyên vua Chiêu Thống 昭統 đã mấy lần toan sự khôi phục, nhưng không được, phải nương náu ở đất Lạng Giang; còn bà Hoàng thái hậu thì đem Hoàng tử sang Long Châu kêu van với quan Tàu, xin binh cứu viện. Bấy giờ quan Tổng đốc Lương Quảng là Tôn Sĩ Nghị 孫士毅 dâng biểu tâu với vua Càn Long nhà Thanh, đại lược nói rằng: *“Họ Lê là cội rễ nước Tàu, nay bị giặc lấy mất nước, mẹ và vợ Tự quân sang cầu cứu, tình cũng nên thương. Vả nước Nam vốn là đất cũ của nước Tàu, nếu sau khi cứu được nhà Lê, và lại lấy được đất An Nam thực là lợi cả đôi đường”*.

Vua Càn Long nghe lời tâu ấy sai Tôn Sĩ Nghị khởi quân bốn tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây, Quý Châu, Vân Nam, đem sang đánh Tây Sơn. Tôn Sĩ Nghị chia quân ra làm 3 đạo, sai quan Tổng binh tỉnh Vân Nam và Quý Châu đem một đạo sang



mạn Tuyên Quang<sup>(1)</sup>, sai Sầm Nghi Đống 岑宜棟 là Tri phủ Điền Châu đem một đạo sang mạn Cao Bằng. Sĩ Nghị cùng với Đề đốc là Hứa Thế Hanh 許世亨 đem một đạo sang mạn Lạng Sơn, hẹn ngày tiến binh sang đánh An Nam.

Tướng Tây Sơn là Ngô Văn Sở ở Thăng Long được tin quân Tàu đã sang, sợ thế yếu đánh không nổi, bèn rút quân thủy bộ về đóng giữ từ núi Tam Điệp<sup>(2)</sup> ra đến bờ bể, rồi sai người về Phú Xuân cáo cấp.

Tôn Sĩ Nghị kéo quân đến Kinh Bắc (Bắc Ninh), vua Chiêu Thống ra chào mừng rồi theo quân Tàu về Thăng Long. Sĩ Nghị đóng đồn ở giữa bãi, về mé Nam sông Nhị Hà, bắc cầu phao ở giữa sông để tiện đi lại, và chia quân ra đóng giữ các mặt.

Ngày hôm sau, Sĩ Nghị làm lễ tuyên đọc tờ sắc của vua nhà Thanh phong cho vua Chiêu Thống làm An Nam Quốc vương.

Vua Chiêu Thống tuy đã thụ phong, nhưng các tờ văn thư đều phải đề niên hiệu Càn Long. Mỗi khi buổi chầu xong rồi, lại đến dinh Sĩ Nghị để chầu chực việc cơ mật quân quốc. Vua cưỡi ngựa đi với độ mười người lính hầu mà thôi. Sĩ Nghị thì ngạo nghễ tự đắc, ý tứ xử với vua rất là khinh bạc, có khi vua Chiêu Thống lại hầu, không cho vào yết kiến, chỉ sai một người đứng dưới gác chiêng truyền ra rằng: không có việc quân quốc gì, xin ngài hãy về cung nghỉ.

Người bấy giờ bàn riêng với nhau rằng: “Nước Nam ta từ khi có đế vương đến giờ, không thấy vua nào hèn hạ đến thế. Tiếng là làm vua mà phải theo niên hiệu vua Tàu, việc gì cũng phải bẩm đến quan Tổng đốc, thế thì có khác gì đã là nội thuộc rồi không?”.

---

(1) Khi xưa đất Hà Giang, Lao Kay, Yên Bái thuộc địa hạt tỉnh Tuyên Quang.

(2) Núi Tam Điệp trước gọi là đèo Ba Dội ở chỗ phân địa giới tỉnh Ninh Bình và tỉnh Thanh Hóa.



Vua và triều thần bấy giờ việc gì cũng trông cậy vào Tôn Sĩ Nghị; ngày đêm chỉ lo việc báo ân báo oán, giết hại những người trước đã đi theo Tây Sơn. Tôn Sĩ Nghị thì càng ngày càng kiêu ngạo thêm, coi việc binh làm thường, lại thả quân lính ra cướp phá dân gian, làm lắm sự những nhiễu. Vì thế cho nên lòng người mất cả trông cậy.

#### 4. Vua Quang Trung đại phá quân nhà Thanh

Bắc Bình Vương được tin quân nhà Thanh đã sang đóng ở Thăng Long, lập tức hội các tướng sĩ để bàn việc đem binh ra đánh, các tướng đều xin hãy chính ngôi tôn, để yên lòng người rồi sẽ khởi binh.

Bắc Bình Vương bèn sai đắp đàn ở núi Bàn Sơn, ngày 25 tháng một<sup>(1)</sup> năm Mậu Thân (1788), vương làm lễ lên ngôi Hoàng đế, rồi tự mình thống lĩnh thủy bộ đại binh ra đánh giặc Thanh. Ra đến Nghệ An nghỉ lại 10 ngày để kén lấy thêm binh, cả thấy được 10 vạn quân và hơn 100 con voi.

Vua Quang Trung điểm duyệt quân sĩ, truyền dụ nhủ bảo mọi người phải cố gắng đánh giặc giúp nước. Đoạn rồi kéo quân ra Bắc, đến ngày 20 tháng chạp thì đến núi Tam Điệp. Bọn Ngô Văn Sở, Ngô Thì Nhiệm<sup>(2)</sup> đều ra tạ tội, kể chuyện quân Tàu thế mạnh, sợ đánh không nổi, cho nên phải lui về giữ chỗ hiểm yếu.

Vua Quang Trung cười mà nói rằng: “*Chúng nó sang phen này là mua cái chết đó thôi. Ta ra chuyến này thân coi việc quân đánh giữ, đã định mẹo rồi, đuổi quân Tàu về chẳng qua 10 ngày là xong việc. Nhưng chỉ nghĩ chúng là nước lớn gấp 10 nước ta, sau khi chúng thua một trận rồi, tất chúng lấy làm xấu hổ, lại mưu báo thù, như thế thì đánh nhau mãi không*

---

(1) Tức là tháng 11 gọi theo âm lịch [BT].

(2) Tác giả cũng gọi là Ngô Thời Nhậm [BT].





*thôi, dân ta hại nhiều, ta sao nổi thế. Vậy đánh xong trận này, ta phải nhờ Thì Nhiệm dùng lời nói cho khéo để đình chỉ việc chiến tranh. Đợi mười năm nữa, nước ta dưỡng được sức phú cường rồi, thì ta không cần phải sợ chúng nữa”.*

Vua Quang Trung truyền cho tướng sĩ ăn tết Nguyên Đán trước, để đến hôm trừ tịch thì cất quân đi, định ngày mồng 7 tháng giêng thì vào thành Thăng Long mở tiệc ăn mừng. Đoạn rồi, truyền lệnh cho ba quân đến nghe lệnh điều khiển.

Đại Tư mã Sở 楚, Nội hầu Lân 麟 đem tiên quân đi làm tiên phong. Hô Hổ Hầu 呼虎侯 đem hậu quân đi đốc chiến.

Đại Đô đốc Lộc 祿, Đô đốc Tuyết 雪 đem hữu quân cùng thủy quân, vượt qua bể vào sông Lục Đầu. Rồi Tuyết thì kinh lược mặt Hải Dương, tiếp ứng đường mé Đông; Lộc thì kéo về vùng Lạng Giang, Phượng Nhãn, Yên Thế để chặn đường quân Tàu chạy về.

Đại Đô đốc Bảo 保, Đô đốc Mưu 謀 đem tả quân cùng quân tượng mã đi đường núi ra đánh phía Tây. Mưu thì xuyên qua huyện Chương Đức (nay là Chương Mỹ), tiện đường kéo thẳng đến làng Nhân Mục, huyện Thanh Trì, đánh quân Điền Châu; Bảo thì thống suất quân tượng mã theo đường huyện Sơn Lãng ra làng Đại Áng thuộc huyện Thanh trì tiếp ứng cho mặt tả.

Năm quân được lệnh đều thu xếp đầu đấy, đến hôm 30 khua trống kéo ra Bắc. Khi quân sang sông Giản Thủy<sup>(1)</sup>, cánh nghĩa quân của nhà Lê tan vỡ chạy cả. Vua Quang Trung thân đốc các quân đuổi theo đến huyện Phú Xuyên bắt sống hết được toán quân Tàu đóng ở đấy, không một người nào chạy thoát được; vì thế cho nên không có tin báo về, những quân Tàu đóng ở làng Hà Hồi 河回 và làng Ngọc Hồi 玉回 không biết gì cả. Nửa đêm ngày mồng 3 tháng giêng năm Kỷ Dậu (1789) quân vua

---

(1) Giản Thủy chắc là bến đò Giản ở giáp giới tỉnh Ninh Bình và Hà Nam bây giờ.



Quang Trung đến làng Hà Hồi vây kín đồn giặc, rồi bắc loa lên gọi, các quân dạ rầm cả lên, có hàng muôn người. Quân canh đồn bấy giờ mới biết, sợ hãi thất thố, đều xin hàng, bởi thế, lấy được hết cả quân lương và đồ khí giới. Sáng mờ mờ ngày mồng 5, quân Tây Sơn tiến lên đến làng Ngọc Hồi, quân Tàu bắn súng ra như mưa. Vua Quang Trung sai người lấy những mảnh ván, ghép ba mảnh lại làm một, lấy rơm cỏ giáp nước quắn ở ngoài, rồi sai quân kiêu dũng cứ 20 người khiêng một mảnh, mỗi người giắt một con dao nhọn, lại có 20 người cầm khí giới theo sau. Vua Quang Trung cưỡi voi đi sau đốc chiến, quân An Nam vào đến gần cửa đồn, bỏ ván xuống đất, rút dao ra, xông vào chém, quân đi sau cũng kéo ùa cả vào đánh. Quân Tàu địch không nổi, xôn xao tán loạn, xéo lẫn nhau mà chạy. Quân Nam thừa thế đánh tràn đi, lấy được các đồn, giết quân nhà Thanh, thây nằm ngổn ngang khắp đồng, máu chảy như thác nước. Quân các đạo khác cũng đều được toàn thắng. Quan nhà Thanh là Đề đốc Hứa Thế Hanh 許世亨, Tiên phong Trương Sĩ Long 張士龍, Tả dực Thượng Duy Thăng 尚維昇 đều tử trận cả; quan phủ Điền Châu là Sâm Nghi Đống 岑宜棟 đóng ở Đống Đa<sup>(1)</sup> bị quân An Nam vây đánh cũng thất cổ mà chết<sup>(2)</sup>.

Tôn Sĩ Nghị nửa đêm được tin báo, hoảng hốt không kịp thắt yên ngựa và mặc áo giáp, đem mấy tên lính kỵ chạy qua sông Bắc. Quân các trại nghe tin như thế, xôn xao tan ra chạy trốn, tranh nhau sang cầu, một lát cầu đổ, sa cả xuống sông chết đuối, sông Nhị Hà đầy những thây người chết.

(1) Ở cạnh Thái Hà ấp, gần Hà Nội.

(2) Về sau bọn Khách trú ở Thăng Long làm cái đền thờ Sâm Nghi Đống ở ngõ Sâm Công, sau Hàng Buồm, nữ sĩ Hồ Xuân Hương có vịnh bài tuyệt cú rằng:

*Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,  
Kìa đền Thái thú đứng cheo leo  
Vị đây đổi phận làm trai được,  
Thì sự anh hùng há bấy nhiêu?*



Vua Chiêu Thống cũng theo Tôn Sĩ Nghị sang sông cùng với bà Hoàng thái hậu và mấy người cận thần chạy sang Tàu.

Đạo quân Vân Nam và Quý Châu đóng ở miền Sơn Tây<sup>(1)</sup> nghe tin quân Tôn Sĩ Nghị đã thua, cũng rút quân chạy về.

Ngày hôm ấy vua Quang Trung đốc quân đánh giặc, áo ngự bào bị thuốc súng bắn vào đen như mực. Đến trưa thì vào thành Thăng Long, sai tướng đem binh đuổi đánh quân nhà Thanh đến cửa Nam Quan. Những dân Tàu ở gần Lạng Sơn sợ khiếp, đàn ông, đàn bà dắt díu nhau mà chạy, từ cửa ải về mé Bắc hơn mấy trăm dặm, tịnh không nghe thấy tiếng một người nào?

Vua Quang Trung vào thành Thăng Long, hạ lệnh chiêu an, phàm những người Tàu trốn tránh ở đâu ra thú tội, đều được cấp cho áo mặc, lương ăn. Lại bắt được cả ấn tín của Tôn Sĩ Nghị bỏ lại, trong những giấy má bắt được có tờ mật dụ của vua Càn Long nói rằng: *“Việc quân nên từ đồ, không nên hấp tấp. Hãy nên đưa hịch truyền thanh thế đi trước, và cho các quan nhà Lê về nước cũ hợp nghĩa binh, tìm Tự quân nhà Lê đem ra đứng đầu để đối địch với Nguyễn Huệ, thử xem sự thế thế nào. Nếu lòng người nước Nam còn nhớ nhà Lê, có quân ta kéo đến, ai là chẳng gắng sức. Nguyễn Huệ tất phải tháo lui; ta nhân lấy dịp ấy mà sai Tự quân đuổi theo, rồi đại binh của ta theo sau, như thế không khó nhọc mấy nổi mà nên được công to, đó là mẹo hay hơn cả. Ví bằng suốt người trong nước, nửa theo đảng nọ, nửa theo đảng kia, thì Nguyễn Huệ tất không chịu lui. Vậy ta hãy đưa thư sang tỏ bảo đường họa phúc, xem nó đối đáp làm sao. Đợi khi nào thủy quân ở Mân, Quảng đi đường bể sang đánh mặt Thuận Hóa và Quảng Nam rồi, bộ binh sẽ tiến lên sau. Nguyễn Huệ trước sau bị địch, thế tất phải chịu thua. Bấy giờ ta sẽ nhân mà làm ơn cho cả hai bên; tự đất Thuận Hóa, Quảng Nam trở vào Nam, thì cho Nguyễn*

---

(1) Trước đất Phú Thọ, Vĩnh Yên thuộc về địa hạt tỉnh Sơn Tây.



*Huệ; tự châu Hoan, châu Ái trở ra Bắc thì phong cho Tự quân nhà Lê. Ta đóng đại binh lại để kiềm chế cả hai bên, rồi sẽ có xử trí về sau”.*

Vua Quang Trung đem tờ mật dụ ấy bảo với Ngô Thì Nhiệm rằng: “Ta xem tờ chiếu của vua nhà Thanh chẳng qua cũng muốn mượn tiếng để lấy nước ta đó thôi. Nay đã bị ta đánh thua một trận, tất là lấy làm xấu hổ, chắc không chịu ở yên. Hai nước mà đánh nhau thì chỉ khổ dân. Vậy nên dùng lời nói khéo để khiến cho khỏi sự binh đao; việc ấy nhờ nhà người chủ trương cho mới được”.

Ngô Thì Nhiệm vâng lệnh làm thư đại khái nói rằng: “Nước Nam vốn không dám chống cự với đại quốc, nhưng chỉ vì Tôn Sĩ Nghị làm nhỡ việc cho nên phải thua. Vậy nay xin tạ tội và xin giảng hòa”.

Vua Quang Trung sai sứ đem thư sang Tàu, và lại sai đem những quân nhà Thanh đã bắt được, để ở một nơi, cấp cho lương thực, đợi ngày cho về nước. Xếp đặt mọi việc xong rồi, đem quân về Nam, lưu Ngô Văn Sở 吳文楚 và Phan Văn Lân 潘文璘 ở lại tổng thống các việc quân quốc; còn những việc từ lệnh giao thiệp với nước Tàu thì ủy thác cho Ngô Thì Nhiệm 吳時任 và Phan Huy Ích 潘輝益 cho được tự tiện mà khu xử, hễ không có việc quan hệ thì bất tất phải đi tâu báo mà làm gì.

## 5. Vua Quang Trung cầu phong

Vua nhà Thanh nghe tin Tôn Sĩ Nghị bại binh, nổi giận đùng đùng, lập tức giáng chỉ sai quan nội các là Phúc Khang An 福康安<sup>(1)</sup> ra thay Sĩ Nghị làm Tổng đốc Lưỡng Quảng, đem binh mã chín tỉnh, sang kinh lý việc An Nam.

(1) Phúc Khang An là người Mãn Châu, thuộc về dinh Hoàng Kỳ, vốn là người tin dùng của vua nhà Thanh.



Phúc Khang An ra đến Quảng Tây nghe tiếng quân An Nam thế mạnh trong bụng đã sợ, có ý muốn hòa, bèn sai người đưa thư sang nói việc lợi hại và bảo phải làm biểu tạ tội để cho yên việc binh đao.

Vua Quang Trung bèn cho người đưa vàng bạc sang dứt lốt cho Khang An, rồi sai người cháu là Nguyễn Quang Hiến 阮光顯 và quan là Vũ Huy Tấn 武輝璫 đem đồ cống phẩm sang Yên Kinh vào châu vua nhà Thanh và dâng biểu xin phong.

Bấy giờ quan ngoài thì có Phúc Khang An đề đạt giúp đỡ, quan trong thì có các thần là Hòa Thân 和珅<sup>(1)</sup> làm chủ trương, cho nên vua nhà Thanh mới thuận cho giảng hòa. Hòa Thân được tiền bạc của vua Quang Trung dứt lốt, rồi dùng lời nói khéo, điều gì cũng hợp ý vua nhà Thanh. Vua nhà Thanh bèn sai sứ sang phong cho vua Quang Trung làm An Nam Quốc vương, và lại giáng chỉ vời quốc vương vào châu.

Vua Quang Trung bèn chọn một người hình dung giống mình, tên là Phạm Công Trị 范公治 trá làm quốc vương, rồi sai Ngô Văn Sở, Đặng Văn Chân, Phan Huy Ích, Võ Huy Tấn đưa sang Yên Kinh, vào châu vua Càn Long. Ngoài những phẩm vật phải đem cống, vua Quang Trung lại đem cống thêm đôi tượng đực, làm cho các cung trạm ở dọc đường bên Tàu phải phục dịch đưa đón thật là vất vả. Quan Tổng đốc Lương Quảng là Phúc Khang An 福康安 và quan Tuần phủ Quảng Tây là Tôn Vĩnh Thanh 孫永清 phải đưa Quốc vương An Nam vào kinh.

Sang đến Yên Kinh, vua Càn Long nhà Thanh tưởng là Nguyễn Quang Trung thật, vời đến châu ở Nhiệt Hà, cho vào làm lễ ôm gối, như là tình cha con một nhà, và cho ăn yến với các thân vương. Đến lúc về nước, vua lại sai thợ vẽ làm một bức ảnh truyền thần để ban cho, ân lễ thật là hậu.

---

(1) Hòa Thân cũng là người Mãn Châu về dinh Hoàng Kỳ, cùng với Phúc Khang An coi việc phiên viễn.



## 6. Vua Chiêu Thống nhà Lê bị nhục bên Tàu

Vua Chiêu Thống theo Tôn Sĩ Nghị vào thành Nam Ninh ở Quảng Tây, được ít lâu thì vua nhà Thanh sai các thần là Phúc Khang An ra thay Tôn Sĩ Nghị. Khang An muốn giảng hòa với Tây Sơn, bèn mời vua Chiêu Thống về Quế Lâm. Bấy giờ những quan cự thần nhà Lê là: Hoàng thúc Lê Duy Án 黎維桢, Đinh Nhạ Hành 丁迓衡, Đinh Linh Dận 丁令胤, Trần Huy Lâm 陳輝林, Lê Doãn 黎允, Lê Dĩnh 黎穎, Phan Khải Đức 潘啓德, Bế Nguyễn Cung 閉阮恭, Bế Nguyễn Doãn 閉阮允 đều lục tục sang theo vua Chiêu Thống, vào ra mắt Khang An.

Khang An dùng Đinh Nhạ Hành làm chức Thủ bị Toàn Châu, Phan Khải Đức làm chức Đô tư Liễn Châu, còn thì tùy tiện an trí mỗi người một nơi. Duy chỉ có Lê Duy Án, Trần Huy Lâm, Lê Doãn, Lê Dĩnh về Quế Lâm theo vua nhà Lê.

Đến tháng tư năm Kỷ Dậu (1789) vua tôi nhà Lê vào thành Quế Lâm, Khang An nói thác ra bảo vua Chiêu Thống rằng: trời đang mùa hè nắng nóng, sang đánh phương Nam không tiện, nên để đến mùa thu mát mẻ sẽ khởi binh. Vậy nhà vua nên gióng giả dẫn bọn tướng thuộc đi trước. Nhưng nhà vua hãy nên gọt đầu thay áo, làm như dáng người Tàu, để khi về nước, giặc không nhận được mặt. Việc hành binh phải nên biến trá, đợi khi thành công rồi lại theo tục nước mà ăn mặc. Vua Chiêu Thống không ngờ là Khang An đánh lừa mình, bèn cùng với các quan cạo đầu gióc tóc và đổi y phục.

Phúc Khang An bèn làm một tờ biểu tâu với vua nhà Thanh rằng: “Vua nước Nam là Lê Duy Kỳ không có ý xin viện binh nữa, vua tôi hiện đã gióc tóc, thay áo, xin yên tâm ở lại nước Tàu. Vậy xin bãi binh đánh An Nam”. Ở trong lại có Hòa Thân tán thành, bởi vậy vua nhà Thanh mới xuống chỉ bãi binh.



Vua nhà Thanh đã nghe lời bọn Phúc Khang An và Hòa Thân, và đã phong vương cho vua Quang Trung rồi, lại giáng chỉ triệu vua tôi nhà Lê về Yên Kinh<sup>(1)</sup>.

Mùa xuân năm Canh Tuất (1790), vua Chiêu Thống cùng với các quan tòng vong vào kinh. Vua Càn Long để vua Chiêu Thống, bà Thái hậu và Hoàng tử ở ngõ Hồ Đồng, tòa Quốc Tử Giám, cửa Tây Định ở Yên Kinh, ngoài cửa đề chữ “Tây An Nam dinh”. Còn các quan An Nam đi theo, thì cho ở ngõ Hồ Đồng, Dương Phố, cửa Đông Trục, ngoài cửa đề chữ: “Đông An Nam dinh”.

Vua Chiêu Thống đến Yên Kinh được mấy hôm, thì thấy quan Đô thống Nhượng hoàng kỳ là Kim Giản 鑲黃旗都統金簡, phụng chỉ vua nhà Thanh ra phong cho chức Tá lĩnh 佐領, và ban cho áo mào quan tam phẩm. Còn các quan đi theo thì cấp cho mỗi người ba lạng bạc và một thạch gạo.

Vua Chiêu Thống giận vì người Tàu đánh lừa, bèn cùng với bề tôi là bọn Phạm Như Tùng 范如松, Hoàng Ích Hiểu 黃益曉, Lê Hân 黎昕, Nguyễn Quốc Đống 阮國棟, Nguyễn Viêt Triệu 阮曰肇, Lê Quý Thích 黎貴適, Nguyễn Đình Miên 阮廷綿, Lê Văn Trương 黎文張, Lê Tùng 黎松, Lê Thức 黎式 uống máu ăn thề, định sống chết thế nào thì cũng dâng biểu xin binh cứu viện. Nếu không cho thì xin đất hai tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên để phụng thờ tông tự; mà không nữa, thì xin cho về nước vào đất Gia Định với chúa Nguyễn, để đồ việc khôi phục.

---

(1) Bọn Lê Quýnh 黎炯, Trịnh Hiến 鄭憲 cả thầy đến 10 người sau cũng bị Phúc Khang An gọi về Quảng Tây, rồi bắt đổi áo giốc tóc như mọi người. Lê Quýnh nói rằng: “Ông cho gọi chúng tôi đến chẳng bàn được điều gì, lại đổ chúng tôi đổi áo, giốc tóc, ấy là nghĩa gì? Đầu chúng tôi có thể chặt được, chứ tóc không giốc, da có thể lột được, chứ áo không đổi!”. Phúc Khang An tức giận cho giải về cả Yên Kinh, đi đến Sơn Đông gặp vua Càn Long đi chơi, vua đòi vào hỏi sao vua An Nam đã chịu đổi áo giốc tóc theo nhà Thanh mà bọn ấy lại còn không chịu? Lê Quýnh tâu rằng: “Chúng tôi muôn dặm tòng vong, xin cứ theo tục bản quốc vào ra mắt quốc vương, rồi sau sẽ vâng chỉ”. Vua nhà Thanh khen là trung. Nhưng về sau Lê Quýnh không chịu giốc tóc, chiếu tội vi mệnh phải giam mãi.

Văn biểu làm xong, đến nói lót trước với Kim Giản 金簡, Kim Giản không nghe, vua tôi nhà Lê phục xuống đất mà kêu khóc. Kim Giản bất đắc dĩ mời vào an ủi, rồi nói rằng: Hãy xin về quán nghĩ ngơi, đợi để thương lượng thế nào, sau sẽ cho biết.

Kim Giản bèn mưu với Hòa Thân phân trí vua tôi An Nam đi ở mỗi người một nơi, để cho khỏi kêu ca khó chịu.

Đến tháng tư năm Tân Hợi (1791) Hoàng Ích Hiếu phải đầy sang I-Lê (thuộc Hồi bộ ở Tây Vực, phía Tây nước Tàu); Lê Hân đầy đi Phụng Thiên (Mãn Châu); Phạm Như Tùng đầy lên Hắc Long Giang (Mãn Châu); Nguyễn Quốc Đống đầy đi Cát Lâm (Mãn Châu); Nguyễn Viêt Triệu, Lê Quý Thích, Nguyễn Đình Miên, Đàm Thận Xưởng, Lê Văn Trương đầy ra bến Trương Gia ở Nhiệt Hà (thuộc tỉnh Trực Lệ). Chỉ để Phạm Đình Thiện, Đình Nhạ Hành ở lại hầu hạ vua Lê.

Vua Chiêu Thống nghe chuyện ấy lo lắng chưa xót, ruột nóng như lửa đốt, sáng hôm sau cưỡi ngựa đến nhà Kim Giản, để kêu oan cho mấy người phải đi đầy, gặp Kim Giản vào châu vua nhà Thanh ở vườn Viên Minh, vua Chiêu Thống đi vào cửa vườn, bị lính giữ vườn ngăn cấm không cho đi. Bấy giờ có Nguyễn Văn Quyên 阮文涓 đi theo hầu vua, thấy lũ lính vô lễ, mới nổi giận lên mà chửi mắng rằng: *“Lũ chó Ngô kia sao chúng bay được làm nhục đến vua tao!”*. Rồi lấy gạch ném vào chúng nó. Chúng nó xúm nhau lại đánh, Văn Quyên về thành bệnh mà chết.

Tự đó vua Chiêu Thống trong bụng buồn bã rầu rĩ, không dám nói đến việc xin binh nữa. Qua sang tháng năm năm Nhâm Tý (1792) Hoàng tử lên đậu mắt. Vua nhân dịp đó phải bệnh một ngày một nặng, đến tháng mười năm Quý Sửu (1793) thì mất, thọ được 28 tuổi.

Vua nhà Thanh sai theo lễ tước công mà táng ở ngoài cửa Đông Trực.





Tháng 11 năm Kỷ Mùi (1799) đời vua Gia Khánh thì bà Hoàng thái hậu mất.

Đến năm Nhâm Tuất (1802) nhân khi bên Việt Nam ta vua Thế Tổ nhà Nguyễn đã thống nhất cả Nam Bắc, và có sứ ta sang cầu phong, các quan nhà Lê mới nhân dịp dâng biểu xin đem ma Thái hậu và cố quân về nước. Vua Gia Khánh nhà Thanh cho tất cả những người Việt Nam theo vua Lê sang Tàu về nước.

Sử chép rằng khi đào đất lên để cải táng ma cố quân thì thấy da thịt đã tiêu cả, chỉ còn có quả tim không nát, vẫn đỏ như thường. Ai trông thấy cũng động lòng thương xót. Dẫu chuyện đó thực hư thế nào mặc lòng, nhưng tưởng đến tình cảnh vua Chiêu Thống lúc bấy giờ, thì ai cũng ái ngại thay cho ông vua một nước phải đầy đọa đến nỗi như thế, có thể làm được một bài bi kịch thảm xót muôn đời. Tuy rằng tại vua tôi nhà Lê vụng tính cho nên bị người ta đánh lừa, nhưng cũng nên trách vua quan nhà Thanh xử tệ, bạc đãi một ông vua vong quốc, đem thân đến nương nhờ nước mình. Ấy cũng là một thời đã man về đời áp chế, khiến cho cái oan khổ của người ta muôn đời về sau không tiêu thoát đi được.

Khi đem ma bà Thái hậu và vua Chiêu Thống về đến Việt Nam thì bà Hoàng phi trước phải ẩn nấp ở đất Kinh Bắc, nay đến Ai quan đón rước, rồi về đến Thăng Long cũng nhịn ăn mà tự tử.

Ngày 24 tháng 11, rước ma cố quân, Thái hậu, Hoàng phi và Hoàng tử về táng ở lăng Bàn Thạch ở Thanh Hóa.

## 7. Đức độ vua Quang Trung

Vua Quang Trung nhà Nguyễn Tây Sơn là ông vua anh dũng, lấy võ lược mà dựng nghiệp, nhưng ngài có độ lượng, rất am hiểu việc trị nước, biết trọng những người hiền tài văn học.



Khi ngài ra lấy Bắc Hà, những người như Ngô Thì Nhiệm 吳時任, Phan Huy Ích 潘輝益 đều được trọng dụng và nhất là đối với một người xử sĩ như Nguyễn Thiếp thì thật là khác thường.

Ông Nguyễn Thiếp 阮浹, tự là Khải Chuyên 啓顥, hiệu là Nguyệt Úc 月澳, biệt hiệu là Hạnh Am 幸庵. Ông làm nhà ở Lục Niên thành 六年城, thuộc huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh bây giờ, cho nên người ta gọi là *Lục Niên tiên sinh* hay là *La Sơn phu tử*. Vua Quang Trung từ khi đem quân ra đánh Bắc Hà, biết tiếng Nguyễn Thiếp, đã mấy lần cho người đem lễ vật mời ông ra giúp, ông không nhận lễ và cũng từ chối không ra. Đến khi ngài đã đăng cực, lại mấy lần cho người đến mời ông, ông có đến bái yết và khuyên vua nên lấy nhân nghĩa mà trị dân trị nước, rồi lại xin về. Vua Quang Trung tuy không dùng được ông, nhưng bao giờ cũng tôn kính ông như bậc thầy, và việc chính trị trong nước thường theo ý nghĩa của ông đã trình bày.

## 8. Chính trị của vua Quang Trung

Vua Quang Trung tuy đã thụ phong nhà Thanh, nhưng vẫn tự xử theo cách Hoàng đế, lập bà Ngọc Hân con vua Hiến Tông nhà Lê làm Bắc Cung Hoàng hậu, lập con là Quang Toàn 光纘 làm Thái tử. Lại lấy thành Nghệ An là đất giữa nước và lại là đất tổ khi xưa ở đó, mới sai thợ thuyền tải vận đá, gỗ, gạch, ngói, sửa sang đền đài cung điện, và sai quân các đạo đào lấy đá ong để xây nội thành, gọi là Phượng Hoàng trung đô 鳳凰中都. Cải thành Thăng Long là Bắc Thành 北城, chia đất Sơn Nam ra làm hai trấn, gọi là Sơn Nam thượng, Sơn Nam hạ<sup>(1)</sup>.

Mỗi trấn đặt quan Trấn thủ 鎮守 và quan Hiệp trấn 協鎮. Mỗi huyện, văn thì đặt chức Phân tri 分知 để xét việc kiện cáo, võ thì đặt chức Phân suất 分率 để coi việc binh lương.

(1) Trấn lý Sơn Nam thượng ở Châu Cầu, trấn lý Sơn Nam hạ ở Vị Hoàng.

## 9. Quan chế

Quan chế thời bấy giờ thì không thấy sử chép rõ, nhưng xem các dã sử thì thấy có tam công 三公, tam thiếu 三少, có Đại trủng tể 大冢宰, Đại Tư đồ 大司徒, Đại tư khấu 大司寇, Đại tư ma 大司馬, Đại tư không 大司空, Đại tư cố 大司會, Đại tư lệ 大司隸, Thái úy 太尉, Đại tổng quản 大總管, Đại đồng lý 大董理, Đại đô đốc 大都督, Đại đô hộ 大都護, v.v... Lại có Trung thư sảnh 中書廳, Trung thư lệnh 中書令, Đại học sĩ 大學士, Hiệp biện đại học sĩ 協辦大學士, Thị trung Ngự sử 侍中禦史, Lục bộ Thượng thư 六部尚書, Tả hữu Đồng nghị 左右同議, Tả hữu Phụng nghị 左右奉議, Thị lang 侍郎, Tư vụ 司務, Hàn lâm 翰林 v.v...

Về đường quân binh thì đặt ra tiền quân, hậu quân, trung quân, tả quân, hữu quân, v.v...

## 10. Việc đinh điền

Đinh thì chia ra làm ba hạng: từ 2 tuổi đến 17 tuổi làm hạng *vị cập cách*; từ 18 đến 55 tuổi làm *tráng hạng*; từ 56 đến 60 tuổi làm *lão hạng*; từ 61 trở lên làm *lão nhiêu*.

Ruộng cũng chia ra làm ba hạng: *nhất đẳng điền* mỗi mẫu phải nộp 150 bát thóc, *nhị đẳng điền* mỗi mẫu 80 bát, *tam đẳng điền* mỗi mẫu 50 bát. Lại thu tiền *thập vật* 什物 mỗi mẫu một tiền và tiền *khoán khố* 券庫 mỗi mẫu 50 đồng.

Ruộng tư điền cũng đánh thuế: *nhất đẳng điền* mỗi mẫu nộp 40 bát thóc, *nhị đẳng điền* mỗi mẫu 30 bát, *tam đẳng điền* mỗi mẫu 20 bát. Tiền *thập vật* cũng theo như ruộng công điền, còn tiền *khoán khố* thì mỗi mẫu phải nộp 30 đồng.

## 11. Việc học hành

Đời Tây Sơn việc cai trị thường hay dùng chữ Nôm. Nhà vua muốn rằng người Việt Nam thì phải dùng tiếng Việt Nam, để gây thành cái tinh thần của nước nhà, và cái văn chương



đặc biệt, không phải đi mượn tiếng mượn chữ của nước Tàu. Vậy nên khi thi cử thường bắt quan ra bài chữ Nôm và bắt sĩ tử làm bằng chữ Nôm. Thời bấy giờ nhiều người không hiểu rõ cái ý nghĩa sâu xa ấy, cho là vua Tây Sơn dùng hà chính mà ức hiếp nhân dân.

## 12. Việc làm chùa chiền

Vua Quang Trung thấy làng nào cũng có chùa chiền, mà những người đi tu hành thì ngu dốt, không mấy người đạt được cái đạo cao sâu của Phật, chỉ mượn tiếng thần thánh mà đánh lừa kẻ ngu dân, ngài xuống chiếu bắt bỏ những chùa nhỏ ở các làng, đem gỗ gạch làm ở mỗi phủ mỗi huyện một cái chùa rất to, rất đẹp, rồi chọn lấy những tăng nhân có học thức, có đạo đức, ở coi chùa thờ Phật. Còn những người không xứng đáng thì bắt về làm ăn. Ý vua Quang Trung muốn rằng chỗ thờ Phật phải cho tôn nghiêm, mà những người đi tu hành thì phải là người chân tu mộ đạo mới được.

Những việc cải cách ấy rất có nghĩa lý, nhưng vì thuở ấy có nhiều sự chiến tranh, và nhà Tây Sơn cũng không làm vua được bao lâu, cho nên thành ra không có công hiệu gì cả.

## 13. Việc định đánh Tàu

Trước vua Quang Trung cầu hòa với nước Tàu và chịu phong là cốt để đợi ngày có đủ sức mà đánh báo thù, cho nên từ khi trong nước đã dẹp yên rồi, ngày đêm trù tính việc đánh Tàu. Đình thần ai cũng bàn nên xét số dân đình cho đích thực để kén lấy lính. Vua bèn xuống lệnh cho các trấn bắt dân xã làm lại sổ đình, ai ai cũng phải biên vào sổ, rồi cấp cho mỗi người một cái thẻ bài, khắc bốn chữ “*Thiên hạ đại tín*” 天下大信, chung quanh ghi tên họ quê quán, và phải điểm chỉ làm tin. Người nào cũng phải đeo thẻ ấy gọi là *tín bài* 信牌. Ai không có thẻ là dân lậu, bắt sung vào quân phòng, và bắt tội Tổng trưởng,



xã trưởng. Nhân có việc ấy, những kẻ lại dịch hiệp với xã trưởng đi lại làm bậy: thường vào làng vây bắt hỏi thề, làm cho dân gian nhiều động, nhiều người phải trốn vào rừng mà ở.

Sổ đinh làm xong rồi cứ ba tên đinh kén lấy một người lính.

Quân thì chia ra làm đạo, cơ, đội. Đạo thì thống các cơ, cơ thì thống các đội. Cơ đội nào theo về cơ đội ấy, bắt phải diễn tập luôn luôn.

Bấy giờ ở bên Tàu có những giặc Tàu Ô, quấy nhiễu ở miền bể bị quân nhà Thanh đánh đuổi, chạy sang xin phụ thuộc nước ta, vua Quang Trung cho người tướng Tàu Ô làm chức Tổng binh, sai sang quấy nhiễu ở mặt bể nước Tàu. Lại có người thuộc về đảng Thiên Địa hội 天地會 làm giặc ở Tứ Xuyên, vua cũng thu dùng cho làm tướng.

Công việc xếp đặt đâu vào đấy rồi, đến năm Nhâm Tý (1792) vua Quang Trung sai sứ sang Tàu, xin cầu hôn và xin trả lại cho Việt Nam đất Lưỡng Quảng. Việc ấy tuy không phải là bản ý, nhưng muốn mượn chuyện để thử ý vua nhà Thanh. Không ngờ vua Quang Trung phải bệnh mất, các quan dìm việc cầu hôn và việc xin trả đất đi, không cho Thanh Triều biết.

## 14. Vua Quang Trung mất

Vua Quang Trung mất năm Nhâm Tý (1792), làm vua được 4 năm, thọ được 40 tuổi, miếu hiệu là Thái Tổ Võ Hoàng Đế 太祖武皇帝.

Triều thần bây giờ là Bùi Đắc Tuyên 裴得宣, Trần Quang Diệu 陳光耀<sup>(1)</sup>, Vũ Văn Dũng 武文勇 lập Thái tử là Nguyễn Quang Toản lên nối ngôi làm vua, rồi sai sứ sang Tàu dâng biểu cáo tang và cầu phong. Trong biểu nói dối rằng khi vua Quang Trung mất có dặn lại rằng phải đem chôn ở Tây Hồ gần

---

(1) Có sách chép là Nguyễn Quang Diệu.

Bắc Thành, để tỏ cái bụng quyền luyến trông về Thiên triều. Vua nhà Thanh xem biểu tưởng là thật, khen là trung, đặt tên thụy cho là Trung Thuần 忠純, lại ngự chế một bài thơ sang viếng, sai quan Án sát Quảng Tây là Thành Lâm sang tế, và phong cho Quang Toản làm An Nam Quốc vương. Trong bài văn tế có câu rằng:

*Châu ngôi Nam cực,  
Lòng trung nghĩa hết đạo thờ vua.  
Chôn đất Tây Hồ,  
Nghĩa thần tử vẫn còn mền chúa.*

### 15. Vua Cảnh Thịnh (1782 - 1802)

Khi vua Quang Trung mất thì Thái tử là Nguyễn Quang Toản mới lên 10 tuổi, triều đình tôn lên làm vua, đặt niên hiệu là Cảnh Thịnh 景盛, sau thành Phú Xuân thất thủ, vua tôi nhà Tây Sơn chạy ra Bắc Hà lại đổi niên hiệu là Bảo Hưng 寶興.

Vua Cảnh Thịnh tuy đã lên ngôi nhưng mà việc gì cũng do ở Thái sư là Bùi Đắc Tuyên quyết đoán cả. Bùi Đắc Tuyên là anh ruột bà Thái hậu, cho nên uy quyền lại càng hống hách lắm. Các quan văn võ có nhiều người không phục, bởi vậy cho nên về sau trong triều phân ra bè đảng; các đại thần giết hại lẫn nhau. Vả lại lúc bấy giờ có vua Thế Tổ Cao Hoàng nhà Nguyễn là một bậc có tài trí, quyết chí phục thù, cho nên cơ nghiệp nhà Tây Sơn không được bao lâu mà đổ nát vậy.



## CHƯƠNG XII

# NGUYỄN VƯƠNG NHẤT THỐNG NƯỚC NAM



1. Nguyễn Vương Ánh ở Tiêm La
2. Nguyễn Vương về lấy Gia Định
3. Nguyễn Vương sửa sang mọi việc ở Gia Định
4. Việc khai khẩn điền thổ
5. Việc buôn bán
6. Ông Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh ở Pháp về
7. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ nhất
8. Thế lực Tây Sơn
9. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ hai
10. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ ba
11. Quân Tây Sơn vây thành Bình Định
12. Nguyễn Vương thu phục Phú Xuân
13. Võ Tánh tử tiết
14. Trận Trấn Ninh
15. Nguyễn Vương lên ngôi tôn
16. Quân Nam ra lấy Bắc Hà

### 1. Nguyễn Vương Ánh ở Tiêm La

Tháng tư năm Ất Ty (1785), ông Nguyễn Huệ phá quân Tiêm La ở Mỹ Tho, Nguyễn Vương thế cô, lại phải sang nương nhờ nước Tiêm. Đến khi các tướng sĩ đã biết ngài ở Tiêm La,

đều lục tục kéo sang báı yết, bấy giờ có quan cũ là Lê Văn Câu 黎文勾 (còn gọi Quân hay Duân) đem 600 người sang theo giúp. Vua nước Tiêm để cho người Việt Nam ở riêng một chỗ gọi là Long Kỳ, ở ngoài thành Vọng Các (Bangkok)<sup>(1)</sup>.

Nguyễn Vương bèn phân trí mọi người đi làm các việc: người thì đi làm ruộng để lấy thóc gạo nuôi quân, người thì đi ra các đảo làm sẵn chiến thuyền, người thì đi lên về Gia Định, chiêu tập những kẻ nghĩa dũng để đợi ngày khôi phục.

Lúc bấy giờ nhân có quân Diên Điện sang đánh Tiêm La, Nguyễn Vương cùng với bọn Lê Văn Câu 黎文勾, Nguyễn Văn Thành 阮文誠 đem quân bản bộ đi đánh giúp nước Tiêm. Nguyễn Vương lại có công trừ được những giặc Mã Lai, thường vẫn hay đến quấy nhiễu ở mặt bể. Bởi vậy cho nên nước Tiêm lại càng trọng đãi vua tôi nhà Nguyễn lắm.

## 2. Nguyễn Vương về lấy Gia Định

Trong khi Nguyễn Vương còn phải nương náu ở đất Tiêm La, ông Nguyễn Huệ tiến binh ra Bắc Hà giết Trịnh Khải, tôn vua Lê, rồi về được phong là Bắc Bình Vương, đóng ở Phú Xuân. Ông Nguyễn Nhạc xưng là Trung Ương Hoàng đế, phong cho Nguyễn Lữ làm Đông Định Vương vào giữ đất Gia Định.

Nhưng chẳng được bao lâu, Nguyễn Nhạc và Nguyễn Huệ không hòa với nhau. Nguyễn Huệ đem quân Phú Xuân vào vây thành Quy Nhơn nguy cấp lắm. Nguyễn Nhạc phải vờ Đò đốc Đặng Văn Chân 鄧文真 đem quân ở Gia Định ra cứu.

Từ đó quân thế của Tây Sơn ở Gia Định đã kém, ở các nơi lại có nhiều đảng theo về chúa Nguyễn, rồi nổi lên đánh phá, làm cho quân Tây Sơn càng ngày càng khó giữ. Vả trong mấy anh em Tây Sơn chỉ có Nguyễn Huệ là anh hùng kiệt hiệt hơn

---

(1) Nay ở Bangkok có một chỗ gọi là làng Gia Long tức là chỗ Nguyễn Vương ở ngày trước.





cả, mà đã ra chuyên giữ mặt Bắc, thì công việc mặt Nam phó mặc Nguyễn Lữ là người tâm thường, cho nên thế Tây Sơn ở mặt ấy thành ra suy nhược.

Lúc bấy giờ Nguyễn Vương ở Tiêm La vẫn có người đi về tin tức, biết có cơ hội lấy được đất Gia Định, mà cũng biết rằng người Tiêm La vẫn không giúp được cho mình lại còn có bụng ghen ghét: như năm Đinh Mùi (1787) có người Bồ Đào Nha đưa quốc thư cho Nguyễn Vương xin đem binh và thuyền ở thành Goa<sup>(1)</sup> lại giúp. Vua Tiêm La biết việc ấy lấy làm không bằng lòng, Nguyễn Vương phải từ chối và tạ ơn người Bồ Đào Nha.

Đến khi được tin rằng đất Gia Định có thể lấy được, vương bèn để thư lại từ tạ vua Tiêm La, rồi nửa đêm đem vương mẫu và cung quyến xuống thuyền về nước. Bấy giờ là tháng bảy năm Đinh Mùi (1787).

Nguyễn Vương đi qua đảo Cổ Cốt có người nhà Thanh tên là Hà Hỉ Văn 何喜文 thuộc về Thiên Địa hội 天地會 đem mấy người đến xin theo giúp. Vương về đến Hà Tiên cho người đưa vương mẫu và cung quyến ra ở Phú Quốc, rồi cùng mọi người về đóng ở Long Xuyên.

Lúc bấy giờ Nguyễn Vương đi đến đâu, những người hào kiệt ra theo rất nhiều lại có tướng Tây Sơn là Nguyễn Văn Trương 阮文張 đem 300 quân, 15 chiếc thuyền ra hàng. Qua tháng 6, vương vào cửa Cần Giuộc, quân thế to lắm, Đông Định Vương Nguyễn Lữ khiếp sợ để quan Thái phó Phạm Văn Tham 范文參 ở lại giữ thành Sài Gòn rồi lui về đóng ở Lạng Phụ, thuộc Biên Hòa.

Nguyễn Vương sai người trá làm một cái thư của Nguyễn Nhạc gửi cho Nguyễn Lữ, trong thư bảo phải giết Phạm Văn Tham đi, rồi vương sai người giả tảng đưa làm cho Phạm Văn Tham, Phạm Văn Tham bắt được cái thư ấy sợ hãi, lập tức về Lạng Phụ để phân giải tình oan với Nguyễn Lữ, nhưng Nguyễn

---

(1) Đất thuộc địa của Bồ Đào Nha ở Ấn Độ.



Lữ thấy tự nhiên Phạm Văn Tham kéo quân đến, lại có cờ trắng đi trước, tưởng là Văn Tham đã hàng nhà Nguyễn rồi, vội vàng bỏ thành chạy về Quy Nhơn, được ít lâu thì mất.

Phạm Văn Tham trở về giữ thành Gia Định đánh phá được quân nhà Nguyễn. Nguyễn Vương phải rút quân về miền Mỹ Tho, chỉ còn được 300 quân và vài mươi chiếc thuyền, thế lực đã núng lăm. Nhưng nhờ có mộ thêm được mấy nghìn quân Cao Miên và lại có mấy toán quân Tây Sơn về hàng, cho nên quân thế mới hơi vững.

Bấy giờ lại nhờ có Võ Tánh<sup>(1)</sup> 武性 là tướng giỏi ra giúp, cho nên Nguyễn Vương lại tiến lên đánh Nước Xoáy, Phạm Văn Tham lùi về đóng ở Ba Thắc.

Wõ Tánh là người ở Biên Hòa, có người anh tên là Võ Nhân làm thuộc tướng Đỗ Thanh Nhân 杜清仁. Sau Thanh Nhân bị giết, Võ Nhân tụ quân Đông Sơn làm phản, đánh lại chúa Nguyễn, nhưng chẳng bao lâu cũng bị bắt, phải giết. Võ Tánh mới đem dư đảng Đông Sơn của anh về giữ Vườn Trầu (thuộc Gia Định), rồi sau lại về đóng ở Gò Công, xưng là Tổng Nhung, thủ hạ có mấy vạn người, quân Tây Sơn đã bị đánh phá nhiều lần, thường nói rằng: *“Trong bọn tam hùng đất Gia Định, Võ Tánh là anh hùng bậc nhất, không nên phạm đến”*. Khi Nguyễn Vương ở Tiêm La về có sai Nguyễn Đức Xuyên 阮德川 đến dụ Võ Tánh về giúp. Đến khi Nguyễn Vương về đóng ở Nước Xoáy, Võ Tánh đem bộ hạ đi đuổi đánh Phạm Văn Tham, rồi đến tháng tư năm Mậu Thân (1788) mới đem Võ Văn Lượng 武文涼, Nguyễn Văn Hiếu 阮文孝, Mạc Văn Tô 莫文蘇, Trần Văn Tín 陳文信 đến hành tại bái kiến Nguyễn Vương. Nguyễn Vương mừng rỡ, phong cho làm Tiền Phong dinh Chuông cơ và lại gả cho bà Ngọc Du công chúa là em gái. Bọn Võ Văn Lượng đều được phong làm Cai cơ.

---

(1) Cũng gọi là Võ Tánh [BT].



Qua tháng 7 năm ấy (1788) Nguyễn Vương đem quân về đóng ở Ba Giồng, rồi sai Tôn Thất Hội 尊室會 và Võ Tính đem binh vào đánh quan đốc chiến Tây Sơn là Lê Văn Minh 黎文明 ở đồn Ngũ Kiều 伍橋, đốt phá cả đồn trại, bắt được tướng sĩ rất nhiều. Lại có tướng là Nguyễn Văn Nghĩa 阮文義 phá được quân Tây Sơn ở Lộc Dã (tức là Đồng Nai). Tháng tám thì Nguyễn Vương vào thành Gia Định, chiêu yên trăm họ, sửa sang phép tắc và phong thưởng cho các tướng sĩ.

Bấy giờ quan Thái bảo Tây Sơn là Phạm Văn Tham vẫn đóng ở Ba Thắc 巴忒; vương sai giữ các cửa bể không cho quân Tây Sơn chạy thoát, rồi sai Nguyễn Văn Nhân 阮文仁 sang Tiêm La báo tiếp; sai Nguyễn Văn Nhân 阮文仁 và Trương Phúc Giáo 張福教 ra Phú Quốc đón vương mẫu và cung quyến về Gia Định.

Sang năm Kỷ Dậu (1789) Phạm Văn Tham ở Ba Thắc đem binh xuống thuyền định ra bể về Quy Nhơn, nhưng Nguyễn Vương đã sai Lê Văn Câu (còn gọi Duân), Tôn thất Hội, Võ Tính, Nguyễn Văn Trương hợp binh lại đánh ở Hồ Châu, quân Phạm Văn Tham không phá được vây, lại phải lui về Ba Thắc. Văn Tham chờ không thấy viện binh, liệu thế giữ không nổi, bèn đem binh ra hàng, được ít lâu bị tội phải giết.

Từ đó toàn đất Gia Định thuộc về chúa Nguyễn cả.

### 3. Nguyễn Vương sửa sang mọi việc ở Gia Định

Nguyễn Vương thu phục được đất Gia Định rồi, lập ra luật pháp, không cho dân gian đánh cờ bạc, lại nghiêm cấm phù thủy và đồng bóng để giữ phong tục cho khỏi sự mê hoặc.

Trước hết vương lo chỉnh đốn những việc thuế khóa, việc canh nông, để lấy lương tiền nuôi tướng sĩ và tu bổ việc vũ bị. Lại đặt ra các sở công đồng để các quan văn võ hội nghị mọi việc quốc quân, và lo sự tiến binh đánh Tây Sơn.

#### 4. Việc khai khẩn điền thổ

Đất Gia Định lúc bấy giờ chia ra làm 4 doanh là: Phiên Trấn 藩鎮, Trấn Biên 鎮邊, Trấn Vĩnh 鎮永 và Trấn Định 鎮定 nhưng vì phải loạn lạc mãi, dân sự đói khổ, ruộng đất bỏ hoang, lương thực không đủ. Nguyễn Vương bèn sai văn thân là Trịnh Hoài Đức 鄭懷德, Lê Quang Định 黎光定, Ngô Tùng Chu 吳從周, Hoàng Minh Khánh 黃明慶 cả thảy là 12 người làm Điền tuần quan 田畯官 để khuyên nhủ quân dân cố sức làm ruộng. Từ lính phủ binh cho đến người cùng cố đều bắt phải làm ruộng cả. Hễ ai không chịu làm thì bắt phải làm lính để thay cho phủ binh.

Đến mùa lúa chín, thì cứ mỗi người cày ruộng đồng bằng phải nộp 100 cơ<sup>(1)</sup>, mà ai cày ruộng núi thì phải nộp 60 cơ trở lên. Ai nộp đủ lệ ấy, như phủ binh thì được miễn cho một năm không phải đi đánh giặc, mà dân đinh thì được miễn cho một năm giao dịch. Ai không nộp đủ thì không được dự vào lệ miễn ấy.

Lại mộ những dân ở các nơi đến làm ruộng, gọi là điền tốt 田卒. Quan Điền tuần lấy ruộng bỏ hoang cấp cho để cày cấy. Ai không có đủ trâu bò mà cày bừa, thì quan cũng cấp cho, rồi đến mùa phải trả bằng thóc.

Nguyễn Vương lại phát trâu bò và điền khí cho quân dân, bắt đi khai khẩn những nơi rừng núi để làm ruộng gọi là đồn điền, rồi đến mùa lấy thóc để vào kho, gọi là đồn điền kho 屯田庫.

Các quan văn võ đều phải mộ người lập thành đội, gọi là đồn điền đội 屯田隊 mỗi năm mỗi người phải nộp 6 hộc thóc. Còn dân mà ai mộ được 10 người trở lên, thì cho làm cai trại và được trừ sưu dịch.

Cách Nguyễn Vương khai khẩn đất Gia Định thật là khôn khéo, khiến cho đất Nam Việt trước là một chỗ đất bỏ hoang,

(1) Mỗi một cơ là 42 bát.



không có người ở, mà sau thành ra một nơi rất đông người và rất trù phú trong nước Nam ta. Ấy cũng là một cái công lớn của ông Nguyễn Phúc Ánh vậy.

## 5. Việc buôn bán

Nguyễn Vương lập lệ: phàm những thuyền của khách mà có chở những đồ gang, sắt, kẽm và lưu hoàng, thì quan mua để làm binh khí, và cho cứ theo số hàng nhiều ít, được chở thóc gạo về nước. Bởi vậy những khách buôn bán cũng vui lòng đem đồ hàng đến bán. Vương lại sai quan ở doanh trấn biên cứ theo giá chợ mà mua lấy đường cát để đổi cho những người Tây dương mà lấy đồ binh khí.

## 6. Ông Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh ở Pháp về

Từ mùa đông năm Giáp Thìn (1784), ông Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh cùng với Phạm Văn Nhân, Nguyễn Văn Khiêm xuống tàu sang Tây; đi qua Ấn Độ Dương vào thành Phong Ti Thê Ri (Pondichéry) đất Ấn Độ, ở lại gần 20 tháng, rồi đến mùa xuân năm Đinh Mùi (1787), thì chiếc tàu chở ông Bá Đa Lộc mới vào cửa Lorient ở phía Tây nước Pháp Lan Tây.

Ông Bá Đa Lộc đưa Hoàng tử Cảnh vào yết kiến Pháp hoàng Louis XVI. Pháp hoàng lấy vương lễ tiếp đãi Hoàng tử, và giao cho Thượng thư Ngoại giao bộ là De Montmorin Bá tước, thương nghị với ông Bá Đa Lộc việc sang giúp Nguyễn Vương.

Đến ngày 28 tháng 11 năm 1787 thì ông Bá Đa Lộc và De Montmorin Bá tước ký tờ giao ước, đại lược nói rằng:

1. Vua nước Pháp thuận giúp cho Nguyễn Vương 4 chiếc tàu chiến và một đạo binh: 1.200 lục quân, 200 pháo binh, 250 hắc binh ở Phi châu (Cafres) và đủ các thứ súng ống thuốc đạn.

2. Vì vua nước Pháp có lòng giúp như thế, Nguyễn Vương phải nhường đứt cho nước Pháp của Hội An (Faifo) và đảo Côn Lôn (Poulo Condore).



3. Nguyễn Vương phải để cho người nước Pháp ra vào buôn bán tự do ở trong nước, ngoại giả không cho người nước nào ở Âu châu sang buôn bán ở nước Nam nữa.

4. Khi nào nước Pháp có cần đến lính thủy, lính bộ, lương thực, tàu bè ở phương Đông, thì Nguyễn Vương phải ứng biện cho đủ giúp nước Pháp.

5. Khi Nguyễn Vương đã khôi phục được nước rồi, thì phải cứ mỗi năm làm một chiếc tàu, y như tàu của nước Pháp đã cho sang giúp, để đem sang trả cho Pháp hoàng<sup>(1)</sup>.

Tờ giao ước ký xong rồi, Pháp hoàng xuống chiếu giao cho quan Tổng trấn thành Pondichéry ở đất Ấn Độ, tên là De Conway Bá tước, kinh lý việc sang giúp Nguyễn Vương.

Ngày mồng 8 tháng chạp tây, năm 1787, ông Bá Đa Lộc vào bái tạ Pháp hoàng Louis XVI, rồi đem Hoàng tử Cảnh xuống tàu về nước Nam. Nhưng đến khi sang tới thành Pondichéry, vì De Conway Bá tước có chuyện bất hòa với ông Bá Đa Lộc, cho nên Bá tước mới tìm cách ngăn trở việc giúp Nguyễn Vương, rồi làm sớ về tâu Pháp hoàng xin bãi việc ấy đi, lấy cớ rằng sự đem binh sang cứu viện Nguyễn Vương là việc rất khó mà không có lợi gì.

Pháp đình thấy sớ của De Conway Bá tước nói như vậy cũng lấy làm nản; vả lại lúc bấy giờ chính phủ còn đang bối rối về việc trong nước dân cách mệnh đã rục rịch cả mọi nơi, cho nên bỏ việc ấy không nói đến nữa.

Ấy cũng vì có De Conway Bá tước, cho nên việc sang cứu viện Nguyễn Vương không thành, bởi vậy sau ông Faure chép chuyện ông Bá Đa Lộc, có tiếc rằng: “Ví bằng lúc bấy giờ chính phủ nước Pháp mà sẵn lòng giúp ông Bá Đa Lộc thì có lẽ ông ấy đã lập nên cho nước Pháp thành cuộc bảo hộ ở An Nam ngay từ

---

(1) Tờ giao ước này hiện còn ở Ngoại giao bộ ở Paris, và đã biên rõ ở sách ông Gosselin.



cuối đời thập bát thế kỷ, khiến cho về sau khỏi phải dùng đến sự chiến tranh mới xong công việc”.

Ông Bá Đa Lộc thấy De Conway Bá tước không chịu xuất binh thuyền, bèn đứng lên đi mộ người, mua tàu và súng ống khí giới để đem sang giúp Nguyễn Vương.

Đến tháng 6 năm Kỷ Dậu (1789), ông Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh đi chiếc tàu chiến Méduse về đến Gia Định. Các tàu buôn chở súng ống thuốc đạn cũng lục tục sang sau.

Bấy giờ những người Pháp tên là Chaigneau (Nguyễn Văn Thắng), tức là chúa tàu Long, Vannier (Nguyễn Văn Chấn), tức là chúa tàu Phụng, De Forcant (Lê Văn Lăng), Victor Ollivier (ông Tín), Dayot, v.v... cả thảy đến non 20 người theo ông Bá Đa Lộc sang giúp Nguyễn Vương; vương phong quan tước cho cả mọi người để luyện tập quân sĩ, làm tàu, đúc súng, và chỉnh đốn mọi việc vũ bị.

Từ đó, thế lực của Nguyễn Vương mỗi ngày một mạnh, tướng tá mỗi ngày một đông, lương thực nhiều, quân sĩ giỏi, việc đánh phá Tây Sơn đã chắc lắm rồi.

Tháng tư năm Tân Hợi (1791) bà thứ phi sinh ra Hoàng tử thứ tư tên là Đảm 膽, tức là vua Thánh Tổ, ở làng Tân Lộc, gần Sài Gòn bây giờ. Đến tháng ba năm Quý Sửu (1793), thì vương lập Hoàng tử Cảnh làm Đông cung, phong chức Nguyên súy, lĩnh tả quân doanh.

## 7. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ nhất

Nguyễn Vương đã khôi phục được đất Gia Định rồi, nghỉ ngơi hơn một năm để chỉnh đốn mọi việc. Đến tháng tư năm Canh Tuất (1790) mới sai quan Chưởng tiền quân là Lê Văn Câu 黎文勾 đem 5.000 quân thủy và quân bộ ra đánh lấy Bình Thuận, sai Võ Tính 武性 và Nguyễn Văn Thành 阮文誠 đem quân đi làm tiên phong. Chẳng bao lâu nhà Nguyễn lấy được



đất Phan Rí và hạ được thành Bình Thuận. Nhưng vì Lê Văn Câu và Võ Tính hai người không chịu nhau, Nguyễn Vương bèn lưu Lê Văn Câu ở lại giữ Phan Rí, triệu Võ Tính và Nguyễn Văn Thành về Gia Định. Lê Văn Câu đem quân ra đóng ở Phan Rang, bị quân Tây Sơn đến vây đánh, phải cho người đi gọi Võ Tính và Nguyễn Văn Thành trở lại cứu, nhưng Võ Tính không chịu trở lại, chỉ có Nguyễn Văn Thành đưa binh đến đánh giải vây rồi cùng Lê Văn Câu về giữ Phan Rí.

Lê Văn Câu lấy điều bại binh ấy làm thẹn, xưng bệnh không ra coi việc binh nữa. Đến khi về Gia Định nghị tội phải cách hết chức tước, Lê Văn Câu uống thuốc độc tự tử<sup>(1)</sup>.

Quân nhà Nguyễn ra đánh Tây Sơn lần ấy không lợi; và bấy giờ là mùa tháng 7, gió Bắc thổi mạnh, cho nên Nguyễn Vương truyền rút quân về Gia Định để đợi mùa gió thuận thì mới đem quân đi đánh nhau, cho nên người đời bấy giờ gọi là *giặc mùa*.

Năm Nhâm Tý (1792) tháng ba, nhân khi mùa gió Nam thổi mạnh, Nguyễn Vương sai tướng là Nguyễn Văn Trương cùng với Nguyễn Văn Thành, Dayot và Vannier (Nguyễn Văn Chấn) đem chiến thuyền từ cửa Cần Giờ ra đốt phá thủy trại của Tây Sơn ở cửa Thị Nại (cửa Quy Nhơn) rồi lại về.

Tháng ba năm Quý Sửu (1793) Nguyễn Vương để Đông cung ở lại giữ đất Gia Định, sai Tôn Thất Hội cùng Nguyễn Hoàng Đức và Nguyễn Văn Thành đem bộ binh ra đánh Phan Rí. Nguyễn Vương cùng với Nguyễn Văn Trương và Võ Tính đem thủy sư đi đánh mặt bể. Đến tháng năm thì chiến thuyền của Nguyễn Vương vào cửa bể Nha Trang rồi lên đánh lấy phủ Diên Khánh và phủ Bình Khang, sau lại ra đánh lấy phủ Phú Yên.

---

(1) Lê Văn Câu là một người công thần đã theo phò Nguyễn chủ trong lúc gian nan, nay cũng bắt đắckỳ tử.



Mặt thủy, Nguyễn Vương được toàn thắng, còn mặt bộ, thì Tôn Thất Hội chỉ lấy được phủ Bình Thuận mà thôi. Vương bèn sai người đưa thư giục Tôn Thất Hội phải kịp tiến binh lên hội với thủy sư, để hai mặt cùng ra đánh Quy Nhơn.

Khi quân của Nguyễn Vương vào cửa Thị Nại, vua Tây Sơn là Nguyễn Nhạc sai Thái tử là Nguyễn Bảo 阮寶, đem binh ra chống giữ. Nguyễn Vương bèn mật sai Võ Tính đem binh lên đi hội với toán quân Tôn Thất Hội và Nguyễn Văn Thành để đánh tập hậu. Quân của Nguyễn Bảo bị hai mặt đánh lại, chống không nổi, phải bỏ chạy về Quy Nhơn. Từ đó quân thủy và quân bộ của Nguyễn Vương tương thông được với nhau. Vương bèn sai Tôn Thất Hội, Võ Tính, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Văn Thành đem binh tiến lên đánh thành Quy Nhơn.

Nguyễn Nhạc phải sai người ra cầu cứu ở Phú Xuân.

Bấy giờ vua Quang Trung đã mất rồi, vua Cảnh Thịnh, tức là Nguyễn Quang Toản, sai quan Thái úy là Phạm Công Hưng 范公興, quan Hộ giá là Nguyễn Văn Huấn 阮文訓, quan Đại tư lệ là Lê Trung 黎忠 và quan Đại tư mã là Ngô Văn Sở 吳文楚 đem 17.000 bộ binh và 80 con voi đi đường bộ, và sai quan Đại thống lĩnh là Đặng Văn Chân 鄧文真 đem hơn 30 chiếc thuyền đi đường bể, cả hai đạo cùng tiến vào cứu Quy Nhơn.

Nguyễn Vương thấy viện binh đã đến, liệu thế chống không nổi, rút quân về Diên Khánh (tức là Khánh Hòa bây giờ) rồi về Gia Định. Để Nguyễn Văn Thành 阮文誠 ở lại giữ Diên Khánh, Nguyễn Hoàng Đức 阮黃德 ở lại giữ Bình Thuận.

Đến tháng 11, Nguyễn Vương lại sai Đông cung Cảnh và ông Bá Đa Lộc, Phạm Văn Nhân, Tống Phúc Khê ra giữ thành Diên Khánh.

## 8. Thế lực Tây Sơn

Bọn Phạm Công Hưng giải được vây rồi, kéo quân vào thành Quy Nhơn, chiếm giữ lấy thành trì và tịch biên cả các kho tàng.



Nguyễn Nhạc thấy vậy, tức giận đến nổi thổ huyết ra mà chết. Ông làm vua được 16 năm.

Vua Cảnh Thịnh ở Phú Xuân thấy Nguyễn Nhạc mất rồi, phong cho Nguyễn Bảo làm Hiến Công, cho ăn lộc một huyện, gọi là *tiểu triều* 小朝 rồi để Lê Trung và Nguyễn Văn Huấn ở lại giữ thành Quy Nhơn.

Từ đó các tướng Tây Sơn mới hoạt động hơn trước. Tháng ba năm Giáp Dần (1794) Nguyễn Văn Hưng đem bộ binh vào đánh Phú Yên, và Trần Quang Diệu vào vây thành Diên Khánh.

Đông cung Cảnh cho người về Gia Định cầu viện, Nguyễn Vương bèn đem đại binh đến đánh giải vây. Trần Quang Diệu rút quân về.

Nguyễn Vương thấy thế Tây Sơn còn mạnh và lại đến mùa gió Bắc, cho nên vương đem Đông cung về Gia Định; để Võ Tính ở lại giữ thành Diên Khánh.

Tháng giêng năm Ất Mão (1795) Trần Quang Diệu lại đem quân vào đánh Diên Khánh, Võ Tính hết sức chống giữ, Quang Diệu đánh mãi không được. Đến tháng hai, Nguyễn Vương để Đông cung ở lại giữ Gia Định, đem thủy sư ra cứu Diên Khánh.

Trong khi hai bên còn đang chống giữ nhau ở đất Diên Khánh, thì ở Phú Xuân các quan đại thần nhà Tây Sơn giết hại lẫn nhau, gây thành mối loạn.

Nguyên từ khi vua Quang Trung mất rồi, vua Cảnh Thịnh lên ngôi, nhưng quyền về cả Thái sư Bùi Đắc Tuyên, các quan có nhiều người oán giận. Năm Ất Mão (1795) Bùi Đắc Tuyên sai Ngô Văn Sở ra Bắc Hà thay cho Vũ Văn Dũng. Văn Dũng về Phú Xuân, đi đến trạm Hoàng Giang<sup>(1)</sup> gặp quan Trung thư lệnh là Trần Văn Kỷ 陳文紀 phải tội đày ra ở đấy. Văn Kỷ nhân đang cảm tức Bùi Đắc Tuyên, bèn xui Vũ Văn Dũng rằng: “Thái

(1) Có nơi chép là trạm Hán Xuyên.



sư ngôi trùm cả nhân thần, cho ai sống được sống, bắt ai chết phải chết; nếu mà không sớm trừ đi, thì rồi có chuyện bất lợi cho nhà nước. Ông nên liệu sớm đi”.

Vũ Văn Dũng xưa nay vẫn tin trọng Văn Kỳ, nay thấy nói như vậy, bèn nghe lời ấy, về mưu với Phạm Công Hưng và Nguyễn Văn Huấn, lừa đến đêm đem quân vây nhà Bùi Đắc Tuyên bắt bỏ ngục, rồi sai Nguyễn Văn Huấn vào Quy Nhơn bắt con Đắc Tuyên là Bùi Đắc Trụ 裴得宙 và cho người đưa thư ra Bắc Hà truyền cho quan Tiết chế là Nguyễn Quang Thùy 阮光垂 (em Nguyễn Quang Toản) bắt giải Ngô Văn Sở về Phú Xuân.

Bọn Vũ Văn Dũng bèn đặt chuyện ra vu cho những người ấy làm phản, đem dìm xuống sông giết đi. Vua Cảnh Thịnh không sao ngăn giữ được, chỉ gạt nước mắt khóc thầm mà thôi.

Lúc bấy giờ Trần Quang Diệu đang vây thành Diên Khánh, nghe tin ấy, thất kinh, nói với các tướng rằng: “Chúa thượng không phải là người cứng cỏi, để cho đại thần giết lẫn nhau. Nếu trong mà không yên, thì ngoài đánh người ta thế nào được?”.

Quang Diệu bèn giải vây rút quân về. Khi về đến Quy Nhơn, Nguyễn Văn Huấn đến tạ tội trước. Trần Quang Diệu không hỏi đến, rồi dẫn quân về đến làng An Cựu đóng bên bờ sông mé Nam.

Vũ Văn Dũng cùng với nội hầu Tú 賜 cũng đem quân bản bộ ra đóng ở mé Bắc bờ sông, ỷ mệnh vua ra cự nhau với Trần Quang Diệu.

Vua Cảnh Thịnh sợ hãi sai quan ra khuyên giải cả hai bên, Trần Quang Diệu mới đem các tướng vào chầu, rồi cùng với bọn Vũ Văn Dũng giảng hòa.

Từ đó Trần Quang Diệu 陳光耀 làm Thiếu phó, Nguyễn Văn Huấn làm Thiếu bảo, Vũ Văn Dũng 武文勇 làm Đại tư đồ,



Nguyễn Văn Danh 阮文名 (hay Nguyễn Văn Tú 阮文賜) làm Đại tư mã, gọi là *tứ trụ đại thần*. Nhưng chẳng được bao lâu có người gièm pha, Trần Quang Diệu bị thu hết cả binh quyền, chỉ được giữ chức tại triều mà thôi. Thế lực Tây Sơn từ đấy về sau mỗi ngày một kém: trên vua thì còn nhỏ dại, không có đủ uy quyền để sai khiến các quan, dưới tướng tá thì vì lòng ghen ghét rồi cứ tìm cách mà giết hại lẫn nhau. Bởi vậy cho nên đến khi quân Nguyễn Vương ở Nam ra đánh, chẳng phải mất bao nhiêu công phu mà lập nên công lớn vậy.

## 9. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ hai

Từ khi quân của Trần Quang Diệu giải vây Diên Khánh về Phú Xuân rồi, Nguyễn Vương cũng rút quân về Gia Định sửa soạn việc quân lương, và sai người đi do thám mọi nơi để chiêu mộ người về đánh Tây Sơn.

Đến năm Đinh Tỵ (1797) Nguyễn Vương để Tôn Thất Hội ở lại giữ Gia Định, rồi cùng Đông cung Cảnh đem binh thuyền ra đánh Quy Nhơn. Lại sai Nguyễn Văn Thành và Võ Tánh ra đánh Phú Yên.

Quân thủy của Nguyễn Vương ra đến Quy Nhơn, thấy Tây Sơn đã phòng bị, liệu đánh không đổ được, Nguyễn Vương bèn ra đánh Quảng Nam. Được vài tháng quân nhu không đủ, lại phải đem quân về Gia Định, sai Nguyễn Văn Thành 阮文誠 và Đặng Trần Thường 鄧陳常 ở lại giữ thành Diên Khánh.

## 10. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ ba

Nguyễn Vương về Gia Định rồi, một mặt sai Nguyễn Văn Thụy 阮文瑞 sang Tiêm La xin với quốc vương nước ấy đem quân đi đường Vạn Tượng, hoặc sang đánh Thuận Hóa, hoặc sang đánh Nghệ An, để chặn đường quân ở Bắc Hà vào. Một mặt sai quan Binh bộ Tham tri là Ngô Nhân Tĩnh 吳仁靜 sang sứ nhà Thanh, để do thám mọi việc.



Năm Mậu Ngọ (1798) Tiểu triều là Nguyễn Bảo cầm tùc vua Cảnh Thịnh là Nguyễn Quang Toản chiếm giữ mất đất Quy Nhơn, bèn định bỏ về hàng Nguyễn triều. Vua Cảnh Thịnh biết mưu ấy, sai tướng vào bắt Nguyễn Bảo đưa về dìm xuống sông giết đi.

Lại có người nói gièm rằng việc Tiểu triều làm phản là tại quan Trấn thủ Lê Trung. Vua Cảnh Thịnh triệu Lê Trung về Phú Xuân, sai võ sĩ bắt chém đi. Được ít lâu quan Thiệu phó Nguyễn Văn Huân cũng bị giết. Từ đó tướng sĩ Tây Sơn ai cũng nản lòng, có nhiều người bỏ theo về Nguyễn Vương.

Bấy giờ có người con rể Lê Trung là Lê Chất 黎質 vốn là người đánh trận giỏi có tiếng, quan làm đến chức Đại đô đốc; đến khi thấy vua Tây Sơn hay nghi kỵ mà giết hại các công thần như vậy, bèn bỏ trốn sang hàng nhà Nguyễn. Nguyễn Vương trọng dụng cho làm chức tướng quân.

Nguyễn Vương thấy thế Tây Sơn đã suy nhược, đến tháng ba năm Kỷ Mùi (1799) bèn cử đại binh ra đánh Quy Nhơn. Đến tháng tư thủy quân của Nguyễn Vương vào cửa Thị Nại, rồi Nguyễn Vương sai quan hậu quân Võ Tính, hữu quân Nguyễn Hoàng Đức đem quân lên bộ đóng ở Trúc Khê 竹溪. Ngay lúc bấy giờ quan Khâm sai tiền quân Chuởng cơ Nguyễn Văn Thành đem bộ binh ra đánh lấy Phú Yên, rồi tiến quân lên tiếp ứng cho toán quân Võ Tính.

Đến tháng năm, thì quân của Nguyễn Vương đến vây thành Quy Nhơn. Ở Phú Xuân sai Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đem binh vào cứu. Nhưng mà vào đến Quảng Nghĩa gặp quân của Nguyễn Văn Thành giữ ở Thạch Tân 石津, cho nên không cứu được Quy Nhơn.

Sử chép rằng khi đạo quân của Vũ Văn Dũng vào đến Chung Xá 終舍, đóng lại ở đấy, đến đêm có con nai ở trong rừng chạy ra, có người trông thấy kêu to lên rằng: “Con nai!”. Quân



Tây Sơn nghe lầm là “*quân Đông Nai*”. Mọi người luống cuống bỏ chạy. Các quân đội Tây Sơn tưởng là quân nhà Nguyễn đã đến vây đánh, đều vỡ tan cả. Quân nhà Nguyễn thừa thế đánh đuổi, thành ra quân Tây Sơn thua to.

Quan trấn thủ Quy Nhơn là Lê Văn Thanh 黎文清 không thấy viện binh đến, mà lương thực ở trong thành thì hết cả, bèn cùng các tướng mở cửa ra hàng. Nguyễn Vương đem quân vào thành rồi đổi tên Quy Nhơn gọi là Bình Định.

Vua Tây Sơn được tin Quy Nhơn thất thủ, liền cử đại binh vào đóng ở Trà Khúc 茶曲 (thuộc Quảng Nghĩa) để đốc các tướng tiến binh đánh quân nhà Nguyễn. Nhưng vì phải độ trái mùa gió, thủy chiến không tiện, cho nên các quan đều can xin rút quân về. Vua Cảnh Thịnh bèn sai Nguyễn Văn Giáp 阮文甲 ở lại giữ Trà Khúc, sai Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng giữ Quảng Nam.

Nguyễn Vương cũng đem quân về Gia Định, để Võ Tính 武性 và Ngô Tông Chu 吳從周 ở lại giữ thành Bình Định. Năm ấy (1799) ông Bá Đa Lộc 百多祿 đi tông chinh, mất ở cửa Thị Nại. Nguyễn Vương đem về hậu táng ở Gia Định, tặng phong làm *Thái tử Thái phó Bi Nhu quận công* 太子太傅悲柔郡公.

## 11. Quân Tây Sơn vây thành Bình Định

Khi quân nhà Nguyễn ra vây đánh thành Quy Nhơn, vua Tây Sơn sai Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đem binh vào cứu, nhưng vì quân của Văn Dũng không đánh mà tan, đến nỗi bại binh. Việc ấy là tội Văn Dũng, nhưng nhờ có Quang Diệu giấu đi, cho nên không ai biết. Văn Dũng cảm ơn ấy, cho nên mới kết nghĩa sinh tử với Quang Diệu.

Bấy giờ ở Phú Xuân có nhiều người ghét Quang Diệu, nhân dịp ấy mà đổ tội cho Quang Diệu, bèn tâu vua xin sai người đưa mật thư ra cho Vũ Văn Dũng để giết Quang Diệu. Vũ Văn



Dũng tiếp được thư ấy đưa cho Trần Quang Diệu xem. Trần Quang Diệu sợ hãi, lập tức đem quân về Phú Xuân, đóng ở mé Nam sông Hương Giang, nói rằng về bắt những người loạn thần. Vua Tây Sơn sai người ra giảng hòa. Không ai dám đi, sau phải bắt mấy người nộp cho Quang Diệu. Quang Diệu mới vào châu. Vua Cảnh Thịnh cũng tìm lời giảng dụ, khuyên phải hết sức giúp đỡ nhà nước.

Quang Diệu khóc lạy rồi xin cùng Văn Dũng đem thủy bộ quân vào lấy lại thành Quy Nhơn.

Đến tháng giêng năm Canh Thân (1800), quân của Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng tiến đến gần thành Quy Nhơn. Võ Tính giữ vững, không ra đánh. Quang Diệu sai đắp lũy chung quanh thành và chia quân ra vây bốn mặt. Văn Dũng thì đem hai chiếc tàu lớn và hơn 100 chiến thuyền ra đóng giữ cửa Thị Nại, xây đồn và đặt súng đại bác ở hai bên cửa bể, để phòng ngự thủy quân của nhà Nguyễn.

Nguyễn Vương được tin quân Tây Sơn ra vây thành Bình Định, liền cử đại binh ra cứu viện, sai Nguyễn Văn Thành đem Lê Chất, Nguyễn Đình Đắc, Trương Tiến Bảo, chia ra làm ba đạo ra đánh lấy đồn Hội An ở Phú Yên, rồi kéo ra đánh ở Thị Dã 柿野 (thuộc Bình Định). Nguyễn Vương đem thủy binh ra đến Quy Nhơn đóng thuyền ở ngoài cửa Thị Nại. Bấy giờ quân bộ của Nguyễn Văn Thành và quân thủy của Nguyễn Vương không thông được với nhau, cho nên sự cứu viện không có công hiệu gì cả.

Đến tháng giêng năm Tân Dậu (1801), Nguyễn Vương sai Nguyễn Văn Trương 阮文張, Tống Phúc Lương 宋福樑 đem quân tiên đạo đến đánh đồn thủy của Tây Sơn và sai Lê Văn Duyệt 黎文悅, Vũ Di Ngụy 武彝巍 đem thủy quân vào đánh cửa Thị Nại. Vũ Di Ngụy trúng đạn chết, còn Lê Văn Duyệt ra sức xông đột, đốt được cả tàu và thuyền của Tây Sơn.

Tướng Tây Sơn là Vũ Văn Dũng phải bỏ cửa Thị Nại đem binh về hợp với Trần Quang Diệu để phòng giữ mọi nơi.

Nguyễn Vương lấy được cửa Thị Nại rồi, cho người đưa tin về Gia Định báo cho tướng sĩ các nơi đều biết.

Năm ấy Đông cung Cảnh lên đậu, mất ở Gia Định, thọ được 22 tuổi. Được một tháng Hoàng tử thứ hai tên là Hy 曦 cũng mất ở Diên Khánh, đem về táng ở Gia Định.

## 12. Nguyễn Vương thu phục Phú Xuân

Nguyễn Vương đánh được trận thủy ở Thị Nại rồi, bèn sai Nguyễn Văn Trương đem thủy quân ra đánh Quảng Nam, Quảng Nghĩa, và lại thấy quân Tây Sơn vây thành Quy Nhơn một cách cẩn mật lắm, đánh phá không được. Vương cho người lẻn vào thành bảo Võ Tính và Ngô Tông Chu bỏ thành mà ra. Nhưng Võ Tính phúc thư lại rằng: quân tinh binh của Tây Sơn ở cả Quy Nhơn, vậy xin đừng lo việc giải vây vội, hãy nên kíp ra đánh lấy Phú Xuân thì hơn.

Nguyễn Vương bèn để Nguyễn Văn Thành ở lại chống giữ với Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng, rồi đem đại quân ra đánh Phú Xuân.

Bấy giờ nhà Tây Sơn cũng bối rối lắm: ở Nghệ An thì có tướng nhà Nguyễn là Nguyễn Văn Thụy 阮文瑞 và Lưu Phúc Tường 劉福祥 đem quân Vạn Tượng sang đánh phá; ở Thanh Hóa thì có phiên thần là Hà Công Thái 何功泰 khởi binh giúp nhà Nguyễn; ở Hưng Hóa thì có thổ ty là Phan Bá Phụng 潘伯奉 nổi lên quấy nhiễu. Còn các trấn ở Bắc Hà thì rối vì những việc tông giáo; các đạo trưởng và đạo đồ đạo Thiên Chúa cũng nổi lên, có ý giúp nhà Nguyễn; dân tình thì bị quan quân những lạm hà hiếp, ai ai cũng có lòng oán giận. Ở Phú Xuân, vua thì hèn, các quan đại thần thì cứ ghen ghét nhau rồi tìm kế giết hại lẫn nhau, việc chính trị không sửa sang gì cả. Bởi vậy nhân dân





đều mong mỗi chúa Nguyễn, cho nên có câu hát rằng: “*Lạy trời cho chóng gió nồm, để cho chúa Nguyễn giông buồm thẳng ra*”.

Nguyễn Vương thấy lòng người đã không theo Tây Sơn nữa, bèn đem binh ra đánh Phú Xuân, đến tháng năm (1801), thủy sư vào cửa Tư Dung. Tướng Tây Sơn là phò mã Nguyễn Văn Trị 阮文治 đem quân ra lập đồn giữ ở núi Quy Sơn. Tiền quân nhà Nguyễn đánh không được. Nguyễn Vương sai Lê Văn Duyệt và Lê Chất đem thủy binh ra đánh tập hậu. Nguyễn Văn Trị bỏ đồn mà chạy. Quân Nguyễn Vương vào cửa Nhuyễn Hải<sup>(1)</sup> (cửa Thuận An) rồi kéo lên đánh thành Phú Xuân. Vua Tây Sơn phải ngự giá đem quân ra chống giữ, hai bên đánh nhau đến giữa trưa, thì quân Tây Sơn vỡ tan. Quân Nguyễn Vương tiến lên đuổi đánh, thu phục được đô thành. Bấy giờ là ngày mồng 3 tháng 5 năm Tân Dậu (1801).

Nguyễn Vương vào thành Phú Xuân treo biển yên dân, rồi sai Lê Chất đem bộ binh đuổi đánh quân Tây Sơn, sai Nguyễn Văn Trương đem thủy binh ra chặn ở Linh Giang, để đánh quân Tây Sơn chạy ra Bắc. Lại sai Phạm Văn Nhân ra giữ cửa Nhuyễn Hải, sai Lưu Phúc Tường đem quân đi đường Cam Lộ sang Vạn Tượng truyền bảo các Mường giữ đường yếu lộ không cho quân Tây Sơn chạy tràn sang.

### 13. Võ Tính tử tiết

Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng đang vây đánh thành Quy Nhơn, được tin Phú Xuân thất thủ, liền sai tướng đem quân ra cứu, nhưng ra đến Quảng Nam, gặp quân của Lê Văn Duyệt kéo vào đánh chặn đường, quân Tây Sơn phải lùi trở lại. Từ đó Trần Quang Diệu ngày đêm hết sức đốc quân đánh thành. Quân Nguyễn Vương ở trong thành hết cả lương thực, không thể chống giữ được nữa, quan trấn thủ là Võ Tính 武性

---

(1) Sách gốc ghi là cửa Nguyễn Hải [BT].



bèn viết thư sai người đưa ra cho Trần Quang Diệu nói rằng: “Phận sự ta làm chủ tướng, thì đành liều chết ở dưới cờ. Còn các tướng sĩ không có tội gì, không nên giết hại”.

Đoạn rồi sai người lấy rơm cỏ chất ở dưới lầu Bát Giác, đổ thuốc súng vào tự đốt mà chết. Quan Hiệp trấn là Ngô Tông Chu 吳從周 cũng uống thuốc độc tự tử.

Trần Quang Diệu vào thành Quy Nhơn tha cho cả bọn tướng sĩ và sai làm lễ liệm táng Võ Tính và Ngô Tông Chu, rồi sai Đại đô đốc Trương Phúc Phụng 張福鳳 và Tư khấu Định, đem binh đi đường thượng đạo ra đánh Phú Xuân. Đi được nửa đường thì quân hết lương. Trương Phúc Phụng về hàng nhà Nguyễn, còn Tư khấu Định thì đánh thua chạy vào chết ở trong Mường. Trần Quang Diệu lại sai Lê Văn Diêm vào đánh Phú Yên, cũng không được.

Bấy giờ Trần Quang Diệu tuy đã lấy được thành Quy Nhơn, nhưng một mặt thì có quân của Lê Văn Duyệt và Lê Chất ở Quảng Nam, Quảng Nghĩa đánh vào, một mặt thì quân của Nguyễn Văn Thành ở cửa Thị Nại đánh lên, còn ở phía Nam lại có quân của Tống Viết Phúc và Nguyễn Văn Tính ở Phú Yên đánh ra. Ba mặt thụ địch, quân Tây Sơn phải hết sức chống giữ, để chờ quân ở Bắc Hà vào cứu viện.

#### 14. Trận Trấn Ninh

Từ khi thất thủ Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh ngày đêm kíp ra Bắc Hà, đổi niên hiệu là Bảo Hưng 寶興 và truyền hịch đi các trấn để lấy viện binh, rồi sai em là Nguyễn Quang Thùy 阮光垂 đem binh mã vào giữ Nghệ An. Đến tháng 11, vua Tây Sơn đem quân 4 trấn ở xứ Bắc và quân Thanh Hóa, Nghệ An, cả thủy được non 3 vạn người, sang sông Linh Giang. Lại sai tướng đem hơn 100 chiếc chiến thuyền vào giữ cửa Nhật Lệ. Bấy giờ có vợ Trần Quang Diệu là Bùi Thị Xuân 裴氏春 cũng đem 5.000 thủ hạ đi tòng chinh.



Quan Chưởng trung quân Bình Tây Đại tướng quân Nguyễn Văn Trương 阮文張, cùng với Tổng Phúc Lương 宋福樑, Đặng Trần Thường 鄧陳常 giữ ở Linh Giang, thấy quân Tây Sơn thế mạnh phải lui về giữ Đồng Hới. Nguyễn Vương được tin ấy, liền thân chinh đem đại binh ra tiếp ứng, sai Phạm Văn Nhân và Đặng Trần Thường đem quân ra giữ mặt bộ, sai Nguyễn Văn Trương ra giữ mặt bể.

Tháng giêng năm Nhâm Tuất (1802), vua Tây Sơn sai Nguyễn Quang Thùy tiến quân lên đánh lũy Trấn Ninh; đánh mãi không đổ. Vua Tây Sơn đã toan rút quân về, nhưng Bùi Thị Xuân không chịu, xin cho ra đốc quân đánh trận. Đánh từ sáng sớm đến chiều tối, chưa bên nào được thua. Bỗng có tin rằng thủy quân của Tây Sơn ở cửa Nhật Lệ (cửa Đồng Hới) đã bị Nguyễn Văn Trương phá tan cả. Quân Tây Sơn khiếp sợ bỏ chạy, tướng là Nguyễn Văn Kiên 阮文堅 về hàng nhà Nguyễn.

Vua Tây Sơn đem tàn quân chạy về Bắc, để Nguyễn Văn Thận 阮文慎 ở lại giữ Nghệ An.

Nguyễn Vương phá được quân Tây Sơn ở thành Trấn Ninh rồi đem quân về Phú Xuân, để trung quân Nguyễn Văn Trương giữ Đồng Hới, để Tổng Phúc Lương và Đặng Trần Thường giữ Linh Giang.

Trần Quang Diệu và Vũ Văn Dũng ở Quy Nhơn được tin quân Tây Sơn thua ở Trấn Ninh, liệu chống không nổi, bèn đến tháng 3 năm Nhâm Tuất (1802) bỏ thành Quy Nhơn, đem binh tượng đi đường thượng đạo qua Ai Lao ra Nghệ An, để hội với vua Tây Sơn mà lo sự chống giữ.

## 15. Nguyễn Vương lên ngôi tôn

Nguyễn Vương từ khi khởi binh ở Gia Định tuy đã xưng vương, nhưng vẫn theo các chúa đời trước không đặt niên hiệu. Đến nay khôi phục được Phú Xuân, thanh thế lừng lẫy, Bắc phá



đại quân của Tây Sơn, Nam lấy lại thành Quy Nhơn; đất An Nam bấy giờ từ sông Linh Giang vào đến Gia Định lại thuộc về nhà Nguyễn như trước. Các quan thân thuộc đều xin Nguyễn Vương đặt niên hiệu và lên ngôi tôn.

Tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802) ngài lập đàn tế cáo trời đất, rồi thiết triều để các quan châu mừng, và đặt niên hiệu Gia Long nguyên niên 嘉隆元年.

## 16. Quân Nam ra lấy Bắc Hà

Nguyễn Vương đã lên ngôi làm vua rồi, sai Trịnh Hoài Đức 鄭懷德 và Ngô Nhân Tĩnh 吳仁靜 đem các đồ phẩm vật và những ấn sách của nhà Thanh phong cho Tây Sơn sang nộp Thanh triều và xin phong. Ngài lại định ngự giá đi đánh Bắc Hà, bèn sai Nguyễn Văn Trương lĩnh thủy binh, Lê Văn Duyệt và Lê Chất lĩnh bộ binh, hai mặt thủy bộ cùng tiến.

Tháng 6, thì quân bộ sang sông Linh Giang tiến lên đóng ở Hà Trung, quân thủy vào cửa Hội Thống rồi lên đánh phá các đồn lũy của Tây Sơn. Quan trấn thủ Nghệ An là Nguyễn Văn Thận bỏ thành chạy ra giữ đồn Tiên Lý ở Diễn Châu.

Bấy giờ Trần Quang Diệu đi đường Ai Lao ra đến châu Quy Hợp, xuống huyện Hương Sơn thấy quân nhà Nguyễn đã lấy được Nghệ An rồi, bèn cùng với Bùi Thị Xuân về huyện Thanh Chương, bao nhiêu quân sĩ đều bỏ cả, được mấy hôm hai vợ chồng cũng bị bắt. Còn Vũ Văn Dũng chạy ra đến Nông Cống cũng bị dân bắt được đem nộp.

Quân Nguyễn triều kéo tràn ra lấy Thanh Hóa, đi đến đâu quân Tây Sơn chưa đánh đã tan, chỉ trong một tháng đã ra đến Thăng Long.

Vua Tây Sơn thấy thế mình không chống giữ được nữa, bèn cùng với em là Nguyễn Quang Thùy 阮光垂, Nguyễn Quang Thiệu 阮光紹 và mấy người bề tôi là bọn Đô đốc Tú 秀 và

Nguyễn Văn Tú 阮文賜 sang sông Nhị Hà chạy về phía Bắc, nhưng lên đến địa hạt Phượng Nhồn, bị dân ở đấy bắt được. Nguyễn Quang Thùy tự tử, Đô đốc Tú và vợ cũng tự vẫn. Còn vua tôi nhà Tây Sơn mấy người đều bị đóng cũi đem về nộp ở Thăng Long.

Nhà Tây Sơn khởi đầu từ năm Mậu Tuất (1778), Nguyễn Nhạc xưng đế ở Quy Nhơn, đến năm Nhâm Tuất (1802), cả thầy được 24 năm. Nhưng Nguyễn Nhạc chỉ làm vua từ đất Quảng Nam, Quảng Nghĩa trở vào mà thôi, còn từ Phú Xuân trở ra, thì thuộc về nhà Lê. Đến năm Mậu Thân (1788), vua Quang Trung xưng đế hiệu, rồi ra đánh giặc Thanh, lấy lại đất Bắc Hà, sửa đổi việc chính trị. Từ đó nước Nam mới thuộc về nhà Nguyễn Tây Sơn.

Vậy kể từ năm Mậu Thân (1788) đến năm Nhâm Tuất (1802) thì nhà Tây Sơn chỉ làm vua được có 14 năm mà thôi.

Trong bấy nhiêu năm phải đánh Nam dẹp Bắc luôn, không mấy lúc nghỉ việc chiến tranh, cho nên nhà Tây Sơn không sửa sang được việc gì. Và sau khi vua Quang Trung mất rồi, vua thì hèn, quan thì nhũng, chính trị bỏ nát, lòng người oán giận, ai cũng mong mỗi được thời thịnh trị để yên nghiệp mà làm ăn. Bởi vậy cho nên khi vua Thế Tổ Cao Hoàng nhà Nguyễn cất quân ra Bắc, lòng người theo phục, chỉ một tháng trời mà bình được đất Bắc Hà, đem giang sơn về một mối, Nam Bắc một nhà, làm cho nước ta thành một nước lớn ở phương Nam vậy.

TIỀN NGUYỄN (TÂY SƠN) THẾ PHỔ  
前阮 (西山) 世譜

HỒ PHI PHÚC

胡丕福

Thái Đức Đế Nguyễn Nhạc  
泰德帝阮岳

Nguyễn Lữ  
阮侶

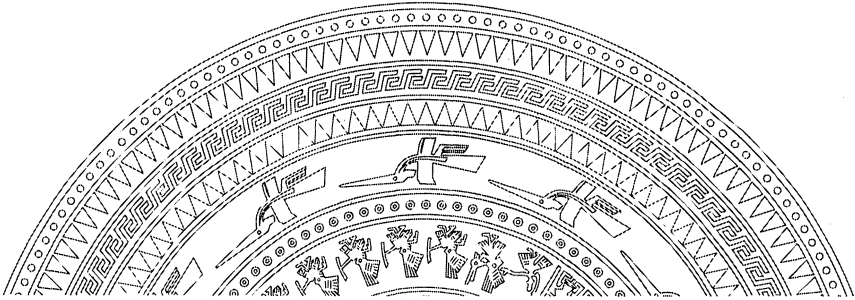
1. Thái Tổ Võ Hoàng Đế Nguyễn Huệ  
太祖武皇帝阮惠

Nguyễn Bảo  
阮寶  
(Tiểu triều)

2. Cảnh Thịnh Đế Nguyễn Quang Toản  
景盛帝阮光縝

Quang Thủy  
光垂

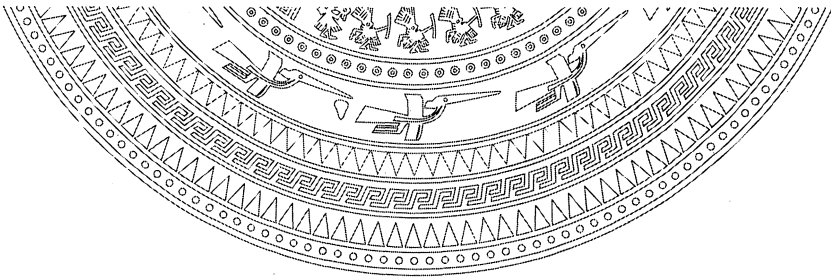
Quang Thiệu  
光紹



**QUYỂN V**

**CẬN KIM THỜI ĐẠI**

近 今 時 代





# NHÀ NGUYỄN

阮氏

(1802 - 1945)

## CHƯƠNG I

### THẾ TỔ

(1802 - 1819)

Niên hiệu: Gia Long 嘉隆



- |  |                                 |
|--|---------------------------------|
| 1. Thế Tổ xưng đế hiệu                               | 2. Việc triều chính             |
| 3. Binh chế  | 4. Việc tài chánh               |
| 5. Công vụ   | 6. Pháp luật                    |
| 7. Việc học hành                                     | 8. Việc giao thiệp với nước Tàu |
| 9. Việc giao thiệp với nước Chân Lạp và nước Tiêm La |                                 |
| 10. Việc giao thiệp với nước Hồng Mao                |                                 |
| 11. Việc giao thiệp với nước Pháp Lan Tây            |                                 |
| 12. Sự giết hại công thần                            |                                 |
| 13. Xét công việc của vua Thế Tổ                     |                                 |

#### 1. Thế Tổ xưng đế hiệu

Thế Tổ khởi binh chống nhau với Tây Sơn ở đất Gia Định từ năm Mậu Tuất (1778), kể vừa 24 năm, mới dứt được nhà Tây Sơn, thu phục được giang sơn cũ của chúa Nguyễn khi xưa và hợp cả Nam Bắc lại làm một mối. Khi việc đánh dẹp xong rồi, ngài xưng đế hiệu, đặt quốc hiệu là Việt Nam 越南, đóng kinh đô ở Phú Xuân 富春, tức là thành Huế bây giờ.



Khi vua Thế Tổ lấy được đất Bắc Hà rồi, ngài xuống chỉ tha cho dân một vụ thuế, và thăng thưởng cho các tướng sĩ. Ngài lại phong tước cho con cháu nhà Lê, nhà Trịnh, cấp cho ruộng đất và trừ giao dịch cho dòng dõi hai họ ấy để giữ việc thờ phụng tổ tiên.

Đoạn rồi, ngài đổi Bắc Hà là Bắc Thành, đặt quan Tổng trấn 總鎮, triệu Nguyễn Văn Thành 阮文誠 ở Quy Nhơn ra sung chức ấy, để coi mọi việc. Lại đặt ra tam tào 三曹 là tào Hộ, tào Binh, tào Hình, sai Nguyễn Văn Khiêm 阮文謙, Đặng Trần Thường 鄧陳常 và Phạm Văn Đăng 范文登 ra coi các tào ấy, để giúp Nguyễn Văn Thành.

Đến tháng bảy năm Nhâm Tuất (1802), Thế Tổ về kinh, đem vua tôi nhà Tây Sơn về làm lễ hiến phù ở đền Thái Miếu 太廟, rồi đem ra tận pháp trường xử trị. Lại sai quật mả vua Thái Đức Nguyễn Nhạc và vua Thái Tổ Nguyễn Huệ lên, đem vút thây đi, còn đầu thì đem bỏ giam ở trong ngục tối.

Những bọn văn thân nhà Tây Sơn như Ngô Thì Nhiệm 吳時任, Phan Huy Ích 潘輝益 ra hàng, đem nọc ra đánh ở trước Văn miếu, rồi tha cho về. Lúc bấy giờ có Ngô Thì Nhiệm vì trước có hiềm với Đặng Trần Thường, cho nên đến khi đánh ở Văn miếu, Đặng Trần Thường sai người đánh chết.

Vua Thế Tổ định tội, thưởng công xong rồi, lo sửa sang mọi việc; làm điện Cần Chính 勤政殿 để lập thường triều, điện Thái Hòa 太和殿 để lập đại triều; lại sai quân dân xây thành kinh đô và hoàng thành cùng các thành trì ở ngoài các doanh trấn.

Tuy rằng ngài đã đặt niên hiệu, lên ngôi tôn từ năm Nhâm Tuất (1802), nhưng mà đến năm Giáp Tý (1804), tức là Gia Long tam niên, vua nhà Thanh mới sai sứ sang phong vương, và đến năm Bính Dần (1806), ngài mới làm lễ xưng đế hiệu ở điện Thái Hòa. Định triều nghi, cứ ngày rằm ngày mồng một thì thiết đại triều; ngày mồng 5, mồng 10, 20 và 25 thì thiết tiểu triều.



Lúc ngài đánh xong Tây Sơn, thì chính trị trong nước đổ nát, phong tục hủy hoại, việc gì cũng cần sửa sang lại. Bởi vậy ở trong thì ngài chỉnh đốn pháp luật, và mọi việc cai trị cùng là sửa sang phong tục, cấm dân gian không cho lấy việc thần, Phật mà bày ra rượu chè ăn uống, nghiêm dụ quan lại không được sinh sự nhiều dân. Ở ngoài thì ngài lo sự giao hiếu với nước Tàu, nước Tiêm, nước Chân Lạp, khiến cho nước Việt Nam lúc bấy giờ trong ngoài đều được yên trị.

## 2. Việc triều chính

Ở trong cung, nhà vua không đặt ngôi Hoàng hậu, chỉ có ngôi Hoàng phi và các cung tần. Sau khi vua mất, thì tự quân lên ngôi, mới tôn mẹ lên làm Hoàng thái hậu.

Quan lại trong triều đại khái theo chế độ nhà Lê, nhưng bỏ chức Tham tụng và Bồi tụng tức là chức Tể tướng đời xưa. Mọi việc đều do lục bộ chủ trương hết cả. Mỗi bộ có quan Thượng thư 尚書 làm đầu, quan tả hữu Tham tri 參知, tả hữu Thị lang 侍郎, cùng các thuộc viên như là lang trung, viên ngoại lang, chủ sự và bát cửu phẩm thơ lại, v.v...

*Bộ Lại* 吏部 coi việc tuyển bổ quan văn, ban thưởng phẩm cấp, khảo xét công trạng, phong tặng tước ấm, thảo những tờ chiếu sắc cáo mệnh và làm những sổ các hàng quan lại, v.v...

*Bộ Hộ* 戶部 coi việc đinh điền thuế má, tiền bạc chuyển thông, kho tàng chứa chất, hóa vật đất rẻ, v.v...

*Bộ Lễ* 禮部 coi việc triều hội, khánh hạ, tế tự, tôn phong, cùng là cách thức học hành thi cử, tinh biểu cho người sống lâu, người có tiết nghĩa, phong thụ cho các thần nhân, v.v...

*Bộ Binh* 兵部 coi việc tuyển bổ võ chức, giảng duyệt quân lính, sai khiến quân đi thú hoặc đi đánh dẹp, kén chọn binh đinh, xét người có công kẻ có lỗi về việc binh.



**Bộ Hình** 刑部 coi việc hình danh pháp luật, tra nghĩ dân tấu, duyệt lại những tội nặng án ngờ, xét kỹ những tù giam ngục cấm.

**Bộ Công** 工部 coi việc làm cung điện, dinh thự, xây thành, đào hào, tu tạo tàu bè, đặt làm kiểu mẫu, thuê thợ thuyền, mua vật liệu, v.v...

Ngoài lục bộ lại có Đô sát viện 都察院 để giữ việc can gián vua và đàn hạch các quan. Cấp sự trung 給事中 các khoa và Giám sát Ngự sử 監察御史 các đạo, đều thống thuộc về viện ấy. Trong viện có tả hữu Đô ngự sử và tả hữu Phó Đô ngự sử đứng đầu.

Bấy giờ vua Thế Tổ lại đặt ra Tào chính 曹正 để coi việc vận tải cùng là thuế má tàu bè. Có quan Tào chính sứ 曹政使 và Tào phó sứ 曹副使 làm đầu.

Các địa phương thì lúc bấy giờ từ Nam chí Bắc chia ra làm 23 trấn và 4 doanh. Từ Thanh Hóa ngoại (tức là Ninh Bình bây giờ) trở ra, gọi là Bắc Thành 北城, thống cả 11 trấn chia làm 5 nội trấn: Sơn Nam thượng 山南上, Sơn Nam hạ 山南下, Sơn Tây 山西, Kinh Bắc 京北 và Hải Dương 海陽; 6 ngoại trấn: Tuyên Quang 宣光, Hưng Hóa 興化, Cao Bằng 高平, Lạng Sơn 諒山, Thái Nguyên 太原, Quảng Yên 廣安. Từ Bình Thuận trở vào gọi là Gia Định thành 嘉定城, thống cả 5 trấn: Phiên An 藩安 (địa hạt Gia Định), Biên Hòa 邊和, Vĩnh Thanh 永清 (tức là Vĩnh Long và An Giang), Vĩnh Tường và Hà Tiên 河僊.

Còn ở quãng giữa nước, thì đặt Thanh Hóa trấn 清化鎮 (gồm cả Thanh Hóa nội, Thanh Hóa ngoại), Nghệ An trấn 乂安鎮, Quảng Nghĩa trấn 廣義鎮, Bình Định trấn 平定鎮, Phú Yên trấn 富安鎮, Bình Hòa trấn 平和鎮 (tức là Khánh Hòa) và Bình Thuận trấn 平順鎮. Đất kinh kỳ thống bốn doanh là: Trực Lệ Quảng Đức doanh 直隸廣德營 (tức là Thừa Thiên bây giờ), Quảng Trị doanh 廣治營, Quảng Bình doanh 廣平營, Quảng Nam doanh 廣南營.



Ở Bắc Thành và Gia Định thành đều đặt chức Tổng trấn 總鎮 và Phó tổng trấn, để coi mọi việc. Ở các trấn thì đặt quan Lưu trấn 留鎮 hay là quan Trấn thủ 鎮守, quan cai bạ và quan ký lục để coi việc cai trị trong trấn.

Trấn lại chia ra phủ, huyện, châu, đặt chức tri phủ, tri huyện, tri châu để coi việc cai trị.

Những trấn ở Nghệ An, Thanh Hóa và 5 nội trấn ở Bắc Thành, thì dùng những quan cựu thần nhà Lê làm quan cai trị. Còn 6 ngoại trấn ở Bắc Thành, thì giao quyền cai trị cho những thổ hào sở tại.

### 3. Binh chế

Khi vua Thế Tổ đánh được Tây Sơn rồi, ngài ban thưởng cho các tướng sĩ, tặng phong và làm đền thờ những người tử trận. Còn những quân lính già nua thì cho về quê quán. Đặt ra phép giản binh: lệ định các trấn, tự Quảng Bình vào đến Bình Thuận thì cứ 3 tên đinh kén lấy 1 tên lính; tự Biên Hòa trở vào thì cứ 5 tên đinh kén lấy 1 tên lính; tự Hà Tĩnh trở ra đến 5 nội trấn ở Bắc Thành thì cứ 7 tên đinh kén lấy 1 tên lính. Còn 6 ngoại trấn là Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Quảng Yên, thì cứ 10 tên đinh kén lấy 1 tên lính.

Ở chỗ kinh thành thì đặt ra thân binh 親兵, cấm binh 禁兵, tinh binh 精兵. Lính thân binh mỗi vệ có 500 người và có 50 người tập quân nhạc. Ở các trấn thì đặt ra lính cơ, lính mộ. Lại đặt biên binh ban lệ, nghĩa là các binh lính chia ra làm 3 phiên, 2 phiên về quán, còn một phiên ở tại ban luân lưu thay đổi cho nhau.

Những binh khí thì dùng gươm giáo, mã tấu, và lại có súng lớn bằng đồng gọi là súng đại bác, súng nhỏ gọi là súng thạch cơ diểu thương, nghĩa là bắn thì mở bằng máy đá lửa. Ở chỗ kinh thành lập ra ba sở xạ trường để quân lính tập bắn.



Ở các cửa bể đều làm đồn đặt súng để phòng giữ và để xem xét những tàu bè ngoại quốc đi lại.

Nước Việt Nam ta có nhiều bể cần phải giữ gìn, bởi vậy vua Thế Tổ lưu tâm về việc chỉnh đốn binh thuyền: lấy người ở gần bể về doanh Quảng Đức và doanh Quảng Nam làm 6 vệ thủy quân đóng tại kinh thành. Còn ở các hải khẩu, mỗi nơi có một cơ lính thủy coi giữ. Nhà vua lại làm một thứ thuyền lớn ngoài bọc đồng, để đi lại tuần phòng ở miền bể.

#### 4. Việc tài chính

Thuế đinh, thuế điền đều định lại cả. Thuế điền thì chia ra làm 3 hạng: *nhất đẳng điền* mỗi mẫu đồng niên nộp thóc 20 thăng; *nhị đẳng điền* 15 thăng; *tam đẳng điền* 10 thăng. Còn thứ ruộng mùa đồng niên phải nộp 10 thăng.

Thuế đinh thì lệ định: Từ Nghệ An ra đến nội ngoại Thanh Hóa, mỗi suất đồng niên phải chịu:

Thuế thân	1 quan 2 tiền
Mân tiền	1 tiền
Cước mễ	2 bát

5 nội trấn Bắc Thành và phủ Phụng Thiên<sup>(1)</sup>, mỗi suất đinh đồng niên phải chịu:

Thuế thân	1 quan 2 tiền
Mân tiền	1 tiền
Điền tiền (tạp dịch)	6 tiền
Cước mễ	2 bát

6 ngoại trấn Bắc Thành, mỗi suất đinh đồng niên phải chịu:

Thuế thân	6 tiền
-----------	--------

(1) Tức là phủ Hoài Đức bây giờ.



Mân tiên	1 tiên
Điệu tiên	3 tiên
Cước mẽ	1 bát

*Lệ giảm thuế:* Thuế lệ tuy định như vậy, nhưng năm nào ở đâu mất mùa, như là bị hoàng trùng, đại hạn hay là nước lụt, v.v... thì nhà nước chiếu theo sự thiệt hại nhiều ít mà giảm thuế cho dân. Lúa 10 phần thiệt hại tới 4 phần thì khoan giảm cho hai phần thuế; thiệt hại 5 phần thì giảm cho 3; thiệt hại 6 phần thì giảm cho 4; thiệt hại 7 phần thì giảm cho 5; thiệt hại 8 phần thì giảm cho 6; thiệt hại 9 phần thì giảm cho 7; thiệt hại hết cả thì giảm cả. Hoặc nhà nước có lấy dân đinh đi làm đường, đào sông, xây thành, v.v... thì cũng được giảm thuế.

*Vụ thuế:* Nhà vua lại tùy từng địa phương mà định vụ thuế. Từ Quảng Bình đến Bình Thuận cứ mỗi năm một vụ thu thuế, khởi đầu từ tháng 4 đến tháng 7 thì hết. Từ Nghệ An ra đến Thanh Hóa ngoại, cùng các trấn ở Bắc Thành, mỗi năm thu thuế làm 2 vụ: mùa hạ thì khởi tự tháng 4 đến tháng 6 thì hết; mùa đông thì khởi tự tháng 10 đến tháng 11 thì hết.

*Đinh bạ:* Lệ định 5 năm một lần làm sổ đinh, trong làng từ chúc sắc cho đến quân dân, đều phải vào sổ. Kể từ 18 tuổi trở lên, 59 tuổi trở xuống, đều phải khai vào sổ.

*Điền bạ:* Các làng, hoặc ruộng mùa, hoặc ruộng chiêm, hoặc ruộng hai mùa, hoặc có đất hạng nào, bao nhiêu mẫu, sào, thước, tấc, tọa lạc tại đâu, Đông Tây tứ chí phải chua cho rõ ràng. Mỗi làng phải làm 3 quyển sổ, cứ 5 năm làm một lần đệ vào bộ đóng dấu kiểm, rồi một bản lưu lại bộ, để phòng khi xét đến; còn hai bản giao về tỉnh, tỉnh để một bản lưu chiếu, còn một bản giao trả dân xã lưu thủ.

*Cấm bán ruộng công điền:* Từ khi nhà Lê mất ngôi, dân xã có nơi thì đem công điền đổi ra tư điền, có nơi thì đem cố bán đi, bởi vậy năm Gia Long thứ hai (1803) nhà vua lập lệ cấm dân



xã không được mua bán công điền công thổ, chỉ trừ lúc nào xã thôn có công dụng điều gì, thì mới được phép cho điền cố, hạn hết 3 năm lại phải trả lại. Ai giữ quá hạn ấy thì phải tội.

*Thuế các sản vật:* Năm Gia Long thứ hai (1803), định lệ các quế hộ ở Nghệ An, đồng niên phải nộp các hạng quế 120 cân. Ở Thanh Hóa phải nộp 70 cân, và đều được miễn trừ thuế thân cả. Những người tìm được cây quế, phải trình quan để cấp cho văn bằng mới được dẫn. Dẫn xong rồi một nửa nộp quan, một nửa cho người tìm được.

Năm Gia Long thứ tư (1805), định lệ những người đi lấy yến sào ở các đảo về hạt Quảng Nam, mỗi người đồng niên phải nộp thuế yến 8 lạng, và được tha việc binh lính.

Còn những thuế hương, thuế sâm, thuế chiếu, thuế gỗ, đều có lệ riêng, định cho nộp bằng tiền hay là bằng sản vật.

Vua Thế Tổ lại định lệ đánh thuế những thuyền các nước vào buôn bán, cứ do thuyền lớn nhỏ mà định số thuế phải nộp.

Những mỏ đồng, mỏ thiếc, mỏ kẽm, cũng cho người Tàu khai để đánh thuế.

*Đúc tiền:* Năm Gia Long thứ hai (1803), mở sở đúc tiền ở Bắc Thành, để đúc tiền đồng và tiền kẽm; lại đúc ra nén vàng, nén bạc, lượng vàng, lượng bạc, để cho tiện sự giao thông buôn bán trong nước.

Mỗi đồng tiền kẽm nặng 7 phân, một mặt in chữ “*Gia Long thông bảo*”, một mặt in chữ “*thất phân*”, mỗi quan tiền nặng 2 cân 10 lạng.

Giá vàng ở Bắc Thành thì định cứ một lượng vàng đổi lấy 10 lượng bạc.

Về sau mở thêm lò đúc tiền ở Gia Định thành và ở các trấn.

*Thuốc đo:* Vua Thế Tổ chế tạo ra kiểu thước đồng đo ruộng, một mặt khắc 7 chữ “*Gia Long cửu niên thu bát nguyệt*”, một



mặt khắc 10 chữ “*ban hành đặc điền xích, Công bộ đường kính tạo*”. Chuẩn định lại các thước vuông đo ruộng khi trước, chế tạo ra thước đồng, một mặt khắc 7 chữ “*Gia Long cửu niên thu bát nguyệt*”, một mặt khắc 12 chữ “*ban hành đặc điền cựu kinh xích, Công bộ đường khâm tạo*”.

**Phép cân:** Năm Gia Long thứ 12 (1813), chế tạo ra cân thiên bình, cấp cho các doanh các trấn, để cân đồng, sắt, chì, thiếc và các sản vật. Còn vàng và bạc thì dùng cân trung bình.

## 5. Công vụ

Vua Thế Tổ lại sửa sang những đường sá, xoi đào các sông ngòi, đắp các đê điều, để cho việc làm ăn của dân gian được tiện lợi.

**Đường quan lộ:** Đường sá trong nước là sự khẩn yếu cho việc chính trị, vậy nên vua Thế Tổ mới định lệ sai quan ở các doanh, các trấn phải sửa sang đường quan lộ: bắt dân sở tại phải đắp đường làm cầu, lệ cứ 15.000 trượng đường thì phát cho dân 10.000 phương gạo.

Lại từ cửa Nam Quan (thuộc Lạng Sơn) vào đến Bình Thuận, cứ độ 4.000 trượng phải làm một cái nhà trạm ở cạnh đường quan lộ, để cho quan khách đi lại nghỉ ngơi. Cả thấy có 98 trạm.

Còn từ Bình Thuận trở vào phía Nam đến Hà Tiên thì đi đường thủy.

**Sông ngòi và đê điều:** Những sông ngòi và đê điều, đều là sự khẩn yếu cho việc canh nông, bởi vậy vua Thế Tổ truyền cho quan ở các trấn phải xoi đào sông ngòi và các cửa bể, và nhất là ở Bắc Thành phải giữ gìn đê điều cho cẩn thận: chỗ nào không có thì đắp thêm, chỗ nào hư hỏng thì phải sửa lại. Ở các trấn lại đặt ra kho chứa thóc gạo, để phòng khi mất mùa đói kém thì lấy mà phát cho dân.





## 6. Pháp luật

Nguyên khi trước vẫn theo luật nhà Lê, nhưng nay nhà Nguyễn đã nhất thống cả Nam Bắc, vua Thế Tổ bèn truyền cho đình thần lập ra pháp luật rõ ràng, để cho tiện sự cai trị. Năm Tân Mùi (1811) sai Nguyễn Văn Thành 阮文誠 làm tổng tài, coi việc soạn ra sách luật; lấy luật cũ của đời Hồng Đức 洪德 nhà Lê, mà tham chiếu với luật nhà Thanh làm thành một bộ, cả thảy 22 quyển, có 398 điều.

Đến năm Ất Hợi (1815) thì in sách luật ấy phát ra mọi nơi. Bộ luật ấy tuy nói theo luật Hồng Đức nhưng kỳ thực là chép luật của nhà Thanh và chỉ thay đổi ít nhiều mà thôi.

## 7. Việc học hành

Thời bấy giờ nhờ có võ công mới dựng nên cơ nghiệp, cho nên lúc ấy các quan đầu triều là quan Ngũ quân Đô thống, và quan Tổng trấn Nam Bắc hai thành đều là quan võ cả. Nhưng vua Thế Tổ cũng biết rằng sự trị nước cần phải có võ có văn, bởi vậy đêm ngày ngài lưu ý về việc học hành thi cử trong nước.

Ngài lập nhà Văn miếu ở các doanh các trấn, thờ đức Khổng Tử để tỏ lòng trọng Nho học. Đặt Quốc Tử Giám ở kinh đô, để dạy con các quan và các sĩ tử. Mở khoa thi Hương để kén lấy những người có học hành ra làm quan.

Đặt thêm chức Đốc học ở các trấn, và dùng những người có khoa mục ở đời nhà Lê, để coi việc dạy dỗ.

Vua Thế Tổ lo cả đến địa dư và quốc sử, bởi vậy ngài sai quan Binh bộ Thượng thư là Lê Quang Định 黎光定 kê cứu ở trong các trấn các doanh, tự Lạng Sơn đến Hà Tiên, xem sơn xuyên hiểm trở, đường sá xa gần, sông bể, cầu quán, chợ búa, phong tục, thổ sản, có những gì làm thành sách *Nhất thống địa dư chí* 一統地輿志 để dâng lên. Đến năm Bính Dần (1806), bộ sách ấy làm xong cả thảy được 10 quyển.

Năm Tân Mùi (1811) ngài sai quan tìm những sách dã sử nói chuyện nhà Lê và nhà Nguyễn Tây Sơn để sửa lại quốc sử.

Thời bấy giờ văn quốc âm cũng thịnh lắm. Một đôi khi nhà vua cũng dùng chữ Nôm mà làm văn tế. Bài văn tế tướng sĩ khi quan Tiền quân Nguyễn Văn Thành, Tổng trấn Bắc Thành ra chủ tế không rõ ai làm, nhưng thật là một bài văn chương đại bút. Lại có những truyện như *Hoa tiên* của ông Nguyễn Huy Tự, *Truyện Thúy Kiều* của quan Hữu Tham tri bộ Lễ là ông Nguyễn Du 阮攸<sup>(1)</sup>, cũng phát hiện ra thời bấy giờ.

*Truyện Thúy Kiều* là một tập văn chương rất hay, diễn được đủ cả nhân tình thế cố, tả được cả mọi cảnh trong đời, mà chỗ nào văn chương cũng tao nhã, lời lẽ cũng lý thú. Nói theo tiếng đời nay thì *Truyện Thúy Kiều* thật là một tập văn chương đại trước tác của nước ta vậy.

## 8. Việc giao thiệp với nước Tàu

Khi vua Thế Tổ dứt được nhà Nguyễn Tây Sơn và lấy được đất Bắc Hà rồi, sai quan Thượng thư Binh bộ là Lê Quang Định 黎光定 làm chánh sứ sang Tàu cầu phong và xin đổi quốc hiệu là Nam Việt 南越, lấy lẽ rằng Nam là An Nam và Việt là Việt Thường. Nhưng vì đất Nam Việt đời nhà Triệu ngày trước gồm cả đất Lương Quảng, cho nên Thanh triều mới đổi chữ Việt lên trên, gọi là Việt Nam 越南 để cho khỏi lầm lẫn với tên cũ.

Đến năm Giáp Tý (1804) Thanh triều sai quan Án sát sứ tỉnh Quảng Tây là Tề Bố Sâm 齊布森 sang tuyên phong. Đoạn rồi, vua sai Lê Bá Phẩm 黎伯品 làm chánh sứ đem đồ cống sang tạ và từ đó cứ chiếu lệ ba năm một lần sang cống.

Đồ cống phẩm là:

Vàng

200 lượng

---

(1) Ông Nguyễn Du người làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh.

Bạc	1.000 lượng
Lựa và cấp mỗi thứ	100 cây
Sừng tê giác	2 bộ
Ngà voi và quế mỗi thứ	100 cân

## 9. Việc giao thiệp với nước Chân Lạp và nước Tiêm La

Nguyên lúc còn Lê triều thì chúa Nguyễn vẫn giữ quyền bảo hộ nước Chân Lạp. Sau vua nước ấy là Nặc Ông Tôn<sup>(1)</sup> bị anh em hiếp chế, phải chia quyền ra làm ba, để cho Nặc Ông Vinh làm vua đầu, mình làm vua thứ hai, em là Nặc Ông Thâm làm vua thứ ba. Được ít lâu Nặc Ông Vinh giết cả Nặc Ông Tôn và Nặc Ông Thâm giữ lấy quyền làm vua một mình.

Lúc bấy giờ Nguyễn Vương còn ở Gia Định mới sai Đỗ Thanh Nhân 杜清仁 sang đánh Nặc Ông Vinh và lập con Nặc Ông Tôn là Nặc Ông Ấn 匿翁印 lên làm vua. Nặc Ông Ấn bấy giờ mới có 8 tuổi. Nguyễn Vương sai Hồ Văn Lân 胡文璘 ở lại bảo hộ. Nhưng đến khi đất Gia Định thất thủ quyền bảo hộ nước Chân Lạp thuộc về nước Tiêm La.

Năm Bính Thìn (1796), Nặc Ông Ấn mất, truyền ngôi lại cho con là Nặc Ông Chân 匿翁禎. Vua Tiêm La sai sứ sang phong, như thế là vua Chân Lạp phải thần phục vua Tiêm La.

Đến năm Đinh Mão (1807) Nặc Ông Chân lại bỏ Tiêm La mà xin về thần phục vua Việt Nam ta, theo lệ cống tiến, cứ ba năm một lần.

Đồ cống vật là:

Voi đực cao 5 thước	2 con
Sừng tê giác	2 chiếc
Ngà voi	2 cái

---

(1) Xem ở chương VI, quyển IV.



Hột sa nhân	50 cân
Đậu khấu	50 cân
Hoàng lạp	50 cân
Cánh kiến	50 cân
Sơn đen	20 lạng

Nặc Ông Chân có ba người em tên là Nặc Ông Nguyên, Nặc Ông Lem, Nặc Ông Đôn, muốn tranh quyền của anh, mới sang cầu cứu nước Tiêm La. Tiêm La bắt Nặc Ông Chân phải chia đất cho các em. Nặc Ông Chân không chịu, quân Tiêm La bèn sang đánh thành La Bích. Nặc Ông Chân chạy sang Tân Châu, rồi dâng biểu cầu cứu. Quan Tổng trấn Gia Định thành bấy giờ là Nguyễn Văn Nhân 阮文仁 mới đem việc ấy tâu về triều đình.

Năm Tân Mùi (1811) vua Thế Tổ cho sứ đưa thư sang trách nước Tiêm La sinh sự. Năm sau, vua Tiêm La sai sứ sang phúc thư lại rằng: việc ấy là muốn giảng hòa cho anh em Nặc Ông Chân, chứ không có ý gì cả. Vậy xin để Việt Nam xử trí thế nào, Tiêm La<sup>(1)</sup> cũng xin thuận.

Qua năm Quý Dậu (1813) vua Thế Tổ sai quan Tổng trấn Gia Định thành Lê Văn Duyệt 黎文悅 đem hơn 10.000 quân, hội đồng với sứ nước Tiêm La, đưa Nặc Ông Chân về nước.

Nước Tiêm La tuy không dám kháng cự, nhưng vẫn lưu quân ở lại giữ tỉnh Bắc Tầm Bon (Battambang), nói rằng để đất ấy phong cho các em Nặc Ông Chân. Lê Văn Duyệt mới viết thư sang trách nước Tiêm La về điều ấy, quân Tiêm mới rút về.

Lê Văn Duyệt dâng sớ xin xây thành Nam Vang (Phnom Penh) và thành La Lêm. Khi những thành ấy xây xong, thì vua Thế Tổ sai Nguyễn Văn Thụy 阮文瑞 đem 1.000 quân ở lại bảo hộ nước Chân Lạp. Từ đó quyền bảo hộ Chân Lạp lại về nước ta.

---

(1) Tức là Thái Lan ngày nay.



## 10. Việc giao thiệp với nước Hồng Mao

Năm Quý Hợi (1803), nước Hồng Mao (tức là Anh Cát Lợi) sai sứ là ông Robert đem đồ phương vật sang dâng và xin cho mở cửa hàng buôn bán ở Trà Sơn 茶山, thuộc Quảng Nam. Vua Thế Tổ không nhận đồ, và cũng không cho mở cửa hàng. Sau người Hồng Mao còn đưa thư sang hai ba lần nữa, nhưng ngài vẫn một niềm từ chối không chịu.

## 11. Việc giao thiệp với nước Pháp Lan Tây

Đối với Pháp thì vua Thế Tổ còn biết nhõn hơn, là vì khi ngài còn gian truân, ngài có nhờ ông Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh sang cầu cứu ở bên nước Pháp. Tuy sự không thành nhưng ông Bá Đa Lộc có đem mấy người sang giúp ngài. Đến khi xong việc đánh dẹp rồi, còn có Chaigneau, Vannier và Despiau làm quan tại triều, mà vua Thế Tổ cũng có lòng trọng đãi, cho mỗi người 50 lính hầu, và đến buổi chiều thì không bắt lay.

Vả trong khi vua Thế Tổ làm vua ở nước Việt Nam, thì Nã Phá Luân đệ nhất (Napoléon I) làm vua bên nước Pháp, đang còn phải đánh nhau với các nước, cho nên tàu Pháp cũng không hay đi lại ở phía Viễn Đông này. Đến khi Nã Phá Luân thất thế, dòng dõi nhà vua cũ lại trung hưng lên, bấy giờ sự chiến tranh đã yên, thì mới có tàu sang buôn bán ở phương Á Đông. Năm Đinh Sửu (1817), có chiếc tàu La Paix của hiệu Balguerie, Sarget et Cie chở đồ hàng sang bán, nhưng mà những đồ hàng ấy, người Việt Nam ta không dùng được, lại phải chở về. Vua Thế Tổ tha không đánh thuế. Qua tháng sáu năm ấy, chiếc tàu binh tên là Cybèle của nước Pháp vào cửa Đà Nẵng. Quan thuyền trưởng là De Kergarion Bá tước nói rằng Pháp hoàng Louis XVIII sai sang xin thi hành những điều ước của ông Bá Đa Lộc ký năm 1787 về việc nhường cửa Đà Nẵng và đảo Côn Lôn. Vua Thế Tổ sai quan ra trả lời rằng những điều ước ấy nước Pháp trước đã không thi hành thì nay bỏ, không nói đến nữa.



Năm Kỷ Mão (1819) có chiếc tàu buôn ba cột tên là Rose và Le Henri vào cửa Đà Nẵng. Lần này hàng hóa đem sang bán được, lại chở chè và lụa về. Năm ấy Chaigneau xin nghỉ ba năm, đem vợ con xuống tàu Le Henri về Pháp.

## 12. Sự giết hại công thần

Những người công thần như Nguyễn Văn Thành 阮文誠 và Đặng Trần Thường 鄧陳常 đều bị giết hại trong khi vua Thế Tổ còn đang trị vì.

Nguyễn Văn Thành, nguyên là người ở Thừa Thiên, nhưng vào ở Gia Định đã hai ba đời. Theo vua Thế Tổ từ khi ngài mới khởi binh đánh Tây Sơn, chịu hết mọi đường khổ sở. Sau ra đánh Tây Sơn ở Quy Nhơn, lập được công lớn, đứng đầu hàng công thần.

Khi vua Thế Tổ ra lấy Bắc Hà, triệu ông ra làm Tổng trấn, giao cho xếp đặt mọi việc, chỉ có mấy năm mà đất Bắc Hà được yên trị. Sau về kinh làm chức Trung quân.

Ông có học thức, cho nên triều đình cử làm tổng tài việc làm sách luật và quốc sử.

Nguyễn Văn Thành có người con tên là Nguyễn Văn Thuyên 阮文詮 thi đậu cử nhân, thường hay làm thơ để giao du với những kẻ văn sĩ. Bấy giờ nghe người ở Thanh Hóa là Nguyễn Văn Khuê 阮文奎 và Nguyễn Đức Nhuận 阮德潤 có tiếng hay chữ, Văn Thuyên làm bài thơ sai tên Nguyễn Trương Hiệu 阮張效 cầm đi mời vào chơi.

Bài thơ rằng:

Văn đạo Ái Châu đa tuấn kiệt,  
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.  
Vô tâm cứu bão Kinh Sơn phác,  
Thiện tướng phương tri Ký Bắc kỳ.  
U cốc hữu hương thiên lý viễn,



*Cao cương minh phượng cứu thiên tri.  
Thử hồi nhược đắc sơn trung tế,  
Tá ngã kinh luân chuyển hóa ky.*

Dịch Nôm là:

*Ái Châu nghe nói lắm người hay,  
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.  
Ngọc phác Kinh Sơn tài sẵn đó,  
Ngựa kỳ Ký Bắc biết lâu thay.  
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,  
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.  
Sơn tế phen này dù gặp gỡ,  
Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.*

Tưởng bài thơ này chẳng qua là lời lẽ của người thiếu niên nói ngông mà thôi, không ngờ tên Hiệu đưa cho Nguyễn Hữu Nghi 阮祐儀 xem, Hữu Nghi xui tên Hiệu đi cáo với Lê Văn Duyệt. Lê Văn Duyệt vốn ghét Nguyễn Văn Thành, nay thấy bài thơ này, nắm lấy đem vào tâu vua, vua sai bắt Nguyễn Văn Thuyên đem bỏ ngục. Bấy giờ triều thần có nhiều người bẻ tội ông Thành. Một hôm bãi triều rồi, ông Thành chạy theo nắm lấy áo vua mà kêu khóc rằng: “Thần theo bệ hạ từ thuở nhỏ đến bây giờ, nay không có tội gì mà bị người ta cấu xé, bệ hạ nỡ lòng nào ngồi nhìn để người ta giết thần mà không cứu?”. Vua Thế Tổ giật áo ra đi vào cung, rồi từ đó cấm không cho ông Thành vào châu nữa, và sai Lê Văn Duyệt đem con Nguyễn Văn Thành ra tra hỏi, bắt phải nhận tội. Nguyễn Văn Thành sợ tội, uống thuốc độc mà chết, còn Nguyễn Văn Thuyên thì phải chém.

Đặng Trần Thường 鄧陳常 người ở Chương Đức (tức là huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Đông<sup>(1)</sup> bây giờ) có tài văn học, trốn

---

(1) Nay thuộc Hà Nội [BT].

Tây Sơn vào Gia Định theo giúp vua Thế Tổ làm đến Binh bộ Thượng thư. Sau vì làm gian sắc phong thần cho Hoàng Ngũ Phúc là tướng nhà Trịnh vào bậc phúc thần, triều đình làm án phải tội chém. Nhưng rồi lại được tha. Đặng Trần Thường vốn có hiềm với Lê Chất, cho nên Lê Chất mới bói những việc như là khi ra coi tào Binh ở Bắc Thành, có chiếm giữ đầm ao và ẩn lậu đình điền, v.v... Lại bị bắt bỏ ngục và xử phải tội giảo.

Tương truyền rằng Đặng Trần Thường ở trong ngục có làm bài *Hàn Vương tôn phú* bằng quốc âm để ví mình như Hàn Tín đòi Hán.

### 13. Xét công việc của vua Thế Tổ

Vua Thế Tổ là ông vua có tài trí, rất khôn ngoan, trong 25 năm trời, chống nhau với Tây Sơn, trải bao nhiêu lần hoạn nạn, thế mà không bao giờ ngã lòng, cứ một niềm lo sự khôi phục. Ngài lại có cái đức tính rất tốt của những kẻ lập nghiệp lớn, là cái đức tính biết chọn người mà dùng, khiến cho những kẻ hào kiệt ai cũng nức lòng mà theo giúp. Bởi vậy cho nên không những là ngài khôi phục được nghiệp cũ, mà lại thống nhất được sơn hà, và sửa sang được mọi việc, làm cho nước ta lúc bấy giờ thành một nước cường đại, từ xưa đến nay, chưa bao giờ từng thấy.

Công nghiệp của ngài thì to thật, tài trí của ngài thì cao thật, nhưng chỉ hiềm có một điều là khi công việc xong rồi, ngài không bảo toàn cho những công thần, mà lại lấy những chuyện nhỏ nhặt đem giết hại những người có công với ngài, khiến cho hậu thế ai xem đến những chuyện ấy, cũng nhớ đến vua Hán Cao, và lại thở dài mà thương tiếc cho những người ham mê hai chữ công danh về đời áp chế ngày xưa.

Vua Thế Tổ mất năm Kỷ Mão (1819), trị vì được 18 năm, thọ 59 tuổi, miếu hiệu là Thế Tổ Cao Hoàng đế 世祖高皇帝.



## CHƯƠNG II

# THÁNH TỔ

(1820 - 1840)

Niên hiệu: Minh Mệnh 明命



- |                                      |                               |
|--------------------------------------|-------------------------------|
| 1. Đức độ vua Thánh Tổ               | 2. Việc chính trị trong nước  |
| 3. Nội các                           | 4. Cơ mật viện                |
| 5. Tôn nhân phủ                      | 6. Quan chế                   |
| 7. Đặt Tổng đốc, Tuần phủ ở các tỉnh |                               |
| 8. Lương bổng của các quan           |                               |
| 9. Tiền dưỡng liêm                   | 10. Sự học hành thi cử        |
| 11. Sách vở                          | 12. Việc sửa sang phong tục   |
| 13. Nhà dưỡng tế                     | 14. Việc đình điển và thuế má |
| 15. Việc võ bị                       |                               |

### 1. Đức độ vua Thánh Tổ

Tháng giêng năm Canh Thìn (1820), Hoàng thái tử huy là Đảm 膽 lên ngôi, đặt niên hiệu là Minh Mệnh 明命.

Vua Thánh Tổ là một ông vua có tư chất minh mẫn, có tính hiếu học và lại hay làm; phàm có việc gì, ngài cũng xem xét đến, và có châu phê rồi mới được thi hành.

Ngài tinh thâm Nho học, sùng đạo Khổng Mạnh, cho nên không ưa đạo mới, cho là một tả đạo lấy trời thánh ra mà làm mê hoặc lòng dân. Bởi vậy, ngài mới nghiêm cấm và trừng trị những người theo đạo Gia Tô.



Về sau có nhiều nhà làm sử, vị ý riêng mà cho ngài là bạo quân, thì thiết tưởng điều ấy không hợp với lẽ công bằng.

Phải biết rằng nước ta từ xưa đến nay, điều gì cũng theo Nho giáo, lấy tam cương ngũ thường làm căn bản cho sự ăn ở. Vua tôi, cha con, vợ chồng, ấy là cái khóa luân lý của xã hội mình. Ai tháo cái khóa ấy ra thì cho là không phải loài người nữa. Vậy con phải theo cha, tôi phải theo vua, ai trái với cái đạo ấy ra phải tội nặng, đáng chém giết.

Lúc trong nước mình từ vua quan cho chí dân sự, ai ai cũng lấy cái lý tưởng ấy làm phải, làm hay hơn cả, mà lại thấy có người bỏ đi theo đạo khác, nói những chuyện mà lúc bấy giờ lại không mấy người hiểu rõ ra thế nào thì tất cho là theo tả đạo, làm hư hỏng cái phong tục hay của mình. Bởi vậy cho nên nhà vua mới cấm, không cho người trong nước đi theo đạo mới.

Một ông vua nghiêm khắc như Thánh Tổ mà cấm không được thì tất là phải giết. Trong khi cấm và giết như vậy, là vẫn tưởng mình làm việc bốn phận làm vua của mình, chớ có biết đâu là mình làm sự thiệt hại cho dân cho nước.

Vả, bao giờ cũng vậy, hễ người ta đã sùng tín một tông giáo nào, thì tất cho cái tông giáo của mình là hay hơn, và cho người theo tông giáo khác là thù nghịch với mình, rồi hễ có quyền thế là làm thế nào cũng dùng cách mà hà hiếp người khác đạo với mình. Cũng vì lẽ ấy, cho nên ngày trước vua Philippe II nước Y Pha Nho, vua Louis XIV nước Pháp Lan Tây giết hại bao nhiêu người trong nước. Mà chắc rằng lúc bấy giờ các ông ấy cũng tưởng là mình làm điều phải, chớ có biết đâu là mình làm điều trái lẽ.

Vẫn biết rằng sự giết đạo là sự không lành, nhưng phải hiểu cái trí não người Việt Nam ta lúc bấy giờ, không rõ cái tông chỉ đạo Thiên Chúa ra thế nào, cho nên dẫu không phải là vua Thánh Tổ nữa, thì ông vua khác cũng không chắc đã tránh khỏi cái lỗi giết đạo ấy.



Nhà làm sử lại đổ cho vua Thánh Tổ giết Nguyễn Văn Thành, song xét trong các truyện như sách *Thực lục chính biên* và sách *Đại Nam chính biên liệt truyện*, thì chỉ thấy chép rằng Nguyễn Văn Thành bị tội phải uống thuốc độc mà tự tử năm Gia Long thứ 15 mà thôi. Còn như vụ án Lê Văn Duyệt và Lê Chất thì có hẹp hòi thật, nhưng khi các ông ấy đã mất rồi, và lại vì có tên Khôi khởi loạn cho nên mới truy tội hai ông ấy mà làm án, chứ lúc hai ông ấy còn sống, thì vua Thánh Tổ, tuy có bụng nghi ngờ, nhưng vẫn không bạc đãi.

Việc ngài giết chị dâu là bà vợ Hoàng tử Cảnh và các cháu, thì không thấy sách nào chép cả, chỉ thấy một đôi người truyền ngôn như thế mà thôi. Vậy việc ấy thực hư thế nào không rõ.

Còn việc không biết giao thiệp với các nước ngoại dương, thì không phải là cái lỗi riêng một mình ngài. Lúc bấy giờ người mình ai cũng chỉ biết có nước Tàu là văn minh hơn, còn thì cho là man di cả. Phỏng sử có ai là người biết mà nói ở thiên hạ còn có nhiều nước văn minh hơn nữa cũng không ai tin. Bởi thế, hễ thấy người ngoại quốc vào nước mình, thì không những là sợ có sự phản trắc và sợ đem đạo mới vào nước mà thôi, lại còn sợ lây phải cái phong tục dã man nữa, cho nên không muốn giao thông với ngoại quốc làm gì. Như thế thì có nên riêng trách một mình ai không?

Cái nghĩa vụ người làm sử, tưởng nên kê cứu cho tường tận, rồi cứ sự thực mà nói, chứ không nên lấy lòng yêu ghét của mình mà xét đoán. Dẫu người mình ghét mà có làm điều phải, mình cũng phải khen; người mình yêu mà có làm điều trái, mình cũng phải chê. Vua Thánh Tổ là một ông vua chuyên chế, tất thế nào cũng có nhiều điều sai lầm và có nhiều điều tàn ác, nhưng xét cho kỹ, thì thật ngài cũng có lòng vì nước lắm. Trong, lo sửa sang mọi việc, làm thành ra nền nếp chính tề, ngoài, đánh Tiêm dẹp Lào, làm cho nước không đến nỗi kém hèn.



Vậy cứ bình tĩnh mà xét, thì dầu ngài không được là ông anh quân nữa, thì cũng không phải là ông vua tầm thường; cứ xem công việc của ngài làm thì hiểu rõ.

## 2. Việc chính trị trong nước

Vua Thánh Tổ đã 30 tuổi mới lên ngôi vua, cho nên việc triều chính ngài đã am hiểu lắm. Việc gì ngài cũng muốn biết. Có khi xong buổi chầu rồi, ngài đòi một vài quan đại thần lên bàn mọi việc kinh lý và hỏi những sự tích đời xưa, những nhân vật và phong tục ở các nước xa lạ. Ngài chăm xem xét mọi việc, có khi đêm thắp đèn xem chương, sổ, đến trống hai, trống ba mới thôi. Thường thường ngài nói với các quan rằng: Lòng người ai cũng muốn ở yên, mà không muốn sinh sự ra để thay đổi luôn, nhưng lúc trẻ mạnh mà không sửa sang mọi việc, thì rồi đến lúc già yếu, mỗi một còn làm gì được. Bởi vậy cho nên trăm không dám lười biếng lúc nào<sup>(1)</sup>.

Ở trong triều, thì ngài đặt thêm ra các *tự* 寺 và các *viện* 院. Bấy giờ có Nội các 內閣 và Cơ mật viện 機密院 là quan trọng hơn cả.

## 3. Nội các

Đời vua Thế Tổ đã đặt Thị thư viện 侍書院 làm chốn cơ yếu ở trong điện, để có điều gì thì vua hỏi han và làm các việc như biểu, sách, chế, cáo, chương, tấu, sắc, mệnh, v.v... Đại khái cũng tự hồ phòng bí thư của vua vậy.

Năm Canh Thìn (1820) là năm Minh Mệnh nguyên niên, vua Thánh Tổ cải làm Văn thư phòng; đến năm Minh Mệnh thứ mười (1829), đổi làm Nội các 內閣, lấy quan tam tứ phẩm ở các bộ, viện, vào quản lĩnh mọi việc.

---

(1) *Minh Mệnh chính yếu*, quyển “Căn chính”.



#### 4. Cơ mật viện

Năm Giáp Ngọ (1834) là năm Minh Mệnh thứ 15, nhân vì việc quân quốc cơ yếu là việc rất quan trọng, vua Thánh Tổ mới theo như Khu mật viện nhà Tống và Quân cơ xứ nhà Thanh mà châm chước đặt ra Cơ mật viện 机密院, cho có trách nhiệm riêng. Các quan đại thần sung chức trong viện ấy thì dùng 4 viên, văn võ từ tam phẩm trở lên, phụng chỉ kén dùng. Thuộc viên thì có viên ngoại lang, chủ sự, tư vụ, biên tu, đều kén ở trong các bộ viện ra bổ sung. Các quan đại thần ở Cơ mật viện có đặc chỉ cho đeo kim bài để phân biệt với các quan khác. Kim bài khởi đầu có từ đấy.

#### 5. Tôn nhân phủ

Năm Bính Thân (1836) là năm Minh Mệnh thứ 17, vua Thánh Tổ đặt ra Tôn nhân phủ 尊人府 và đặt quan chức để coi mọi việc ở trong họ nhà vua.

Nhà vua thờ tiên tổ có 7 miếu: những miếu phía tả gọi là *chiêu* 昭, những miếu phía hữu gọi là *mục* 穆. Con cháu các dòng chiêu hay là mục phải phân biệt chi nào ra chi ấy.

Đặt tôn nhân lệnh một người, tả hữu tôn chính hai người, tả hữu tôn nhân hai người, để coi việc hoàng tộc và việc phân biệt tự hàng chiêu hàng mục, ghi chép hàng lượt người thân người sơ, việc nuôi nấng và cấp tước lộc cho mọi người trong hoàng tộc; lại đặt tả hữu tôn khanh hai người, tả hữu tá lý hai người, để coi thứ trật mọi người tôn thất và việc cấp dưỡng cho kẻ cô ấu, giúp đỡ những việc tang hôn, v.v...

#### 6. Quan chế

Vua Thánh Tổ lại đặt các phẩm cấp, quan chế, từ nhất phẩm đến cửu phẩm, mỗi phẩm chia ra làm chánh và tòng hai bậc.



## CHÁNH NHẤT PHẨM

Văn: Cần chính điện Đại học sĩ 勤政殿大學士, Văn minh điện Đại học sĩ 文明殿大學士, Võ hiển điện Đại học sĩ 武顯殿大學士, Đông các Đại học sĩ 東閣大學士.

Võ: Ngũ quân Đô thống phủ Đô thống chưởng phủ sự 五軍都統府都統掌府事.

## TÔNG NHẤT PHẨM

Văn: Hiệp biện Đại học sĩ 協辦大學士.

Võ: Ngũ quân Đô thống phủ đô thống 五軍都統府都統.

## CHÁNH NHỊ PHẨM

Văn: Thượng thư, Tổng đốc, Tả hữu đô ngự sử.

Võ: Thống chế, Đề đốc.

## TÔNG NHỊ PHẨM

Văn: Tham tri, Tuần phủ, Tả hữu phó đô ngự sử.

Võ: Chưởng vệ, Khinh xa đô úy, Đô chỉ huy sứ, Phó đề đốc.

## CHÁNH TAM PHẨM

Văn: Chưởng viện học sĩ, Thị lang, Đại lý tự khanh, Thái thường tự khanh, Bố chính sứ, Trục học sứ, Thông chính sứ, Thiêm sự, Phủ doãn.

Võ: Nhất đẳng thị vệ, Chỉ huy sứ, Thân cấm binh vệ úy, Lãnh binh.

## TÔNG TAM PHẨM

Văn: Quang lộc tự khanh, Thái bộc tự khanh, Thông chính phó sứ.

Võ: Binh mã sứ, Tinh binh vệ úy, Thân cấm binh phó vệ úy, Phó lãnh binh, Kiêu kỵ đô úy, Phò mã đô úy.



## CHÁNH TỬ PHẨM

Văn: Hồng lô tự khanh, Đại lý tự thiếu khanh, Thái thường tự thiếu khanh, Tế tửu, Lang trung, Thị độc học sĩ, Thiếu thiêm sự, Thái y viện sứ, Tào chính sứ, Phủ thừa, Án sát sứ.

Võ: Quản cơ, Nhị đẳng thị vệ, Binh mã phó sứ, Tinh binh phó vệ úy, Thành thủ úy.

## TÔNG TỬ PHẨM

Văn: Quang lộc tự thiếu khanh, Thái bộc tự thiếu khanh chuồng ấn, Cấp sự trung, Thị giảng học sĩ, Kinh kỳ đạo ngự sử, Tư nghiệp, Từ tế sứ, Quản đạo.

Võ: Phó quản cơ, Tuyên úy sứ, Kỵ đô úy.

## CHÁNH NGŨ PHẨM

Văn: Hồng lô tự thiếu khanh, Giám sát Ngự sử, Hàn lâm viện Thị độc, Viên ngoại lang, Trưởng sử, Từ tế phó sứ, Ngự y, Giám chánh, Tào chánh phó sứ, Đốc học, Phó quản đạo.

Võ: Tam đẳng thị vệ, Thân cấm binh chánh đội trưởng, Phòng thủ úy.

## TÔNG NGŨ PHẨM

Văn: Hàn lâm viện Thị giảng, Hàn lâm viện Thừa chỉ, Miếu lang, Giám phó, Phó trưởng sử, Phó ngự y, Tri phủ.

Võ: Tinh binh chánh đội, Tứ đẳng thị vệ, Thân cấm binh chánh đội trưởng suất đội, Tuyên phó sứ, Phi kỵ úy.

## CHÁNH LỤC PHẨM

Văn: Hàn lâm viện trước tác, Chủ sự, Đồng tri phủ, Kinh huyện, Tri huyện, Y tả viện phán, Ngũ quan chánh.

Võ: Ngũ đẳng thị vệ, Cấm y hiệu úy, Tinh binh chánh đội trưởng suất đội, Thổ binh chánh đội, Trợ quốc lang.



## TÔNG LỤC PHẨM

*Văn:* Hàn lâm viện tu soạn, Tri huyện, Tri châu, Miếu thừa, Học chánh, Thông phán, Thổ tri phủ, Y hữu viện phán.

*Võ:* Thân cấm binh chánh đội trưởng, Ân kỵ úy, Thổ binh chánh đội trưởng suất đội.

## CHÁNH THẤT PHẨM

*Văn:* Hàn lâm viện biên tu, Tư vụ, Lục sự, Giám thừa, Giám linh đài lang, Giáo thụ, Kinh lịch.

*Võ:* Thân cấm binh chánh đội trưởng, Nội tạo tư chánh tượng, Tinh binh chánh đội trưởng.

## TÔNG THẤT PHẨM

*Văn:* Hàn lâm viện kiểm thảo, Y chánh, Tinh linh đài lang, Thổ tri huyện, Tri châu.

*Võ:* Tinh binh đội trưởng, Phụng ân úy, Dịch thừa, Tông thất phẩm thiên hộ, Nội tạo phó tư tượng.

## CHÁNH BÁT PHẨM

*Văn:* Hàn lâm viện điển tịch, Huấn đạo, Chánh bát phẩm thơ lại.

*Võ:* Chánh bát phẩm đội trưởng, Chánh bát phẩm bá hộ, Dịch mục, Chánh bát phẩm chánh tư tượng.

## TÔNG BÁT PHẨM

*Văn:* Hàn lâm viện điển bạ, Y phó, Tông bát phẩm thơ lại.

*Võ:* Tông bát phẩm đội trưởng, Tông bát phẩm bá hộ, Thừa ân úy, Tông bát phẩm phó tư tượng.

## CHÁNH CỬU PHẨM

*Văn:* Hàn lâm viện cung phụng, Chánh cửu phẩm thơ lại, Thái y y chánh, Tự thừa, Phủ lại mục.





Võ: Chánh cử phẩm đội trưởng, Phủ lệ mục, Chánh cử phẩm bá hộ, Chánh cử phẩm tượng mục.

## TÒNG CỬ PHẨM

Văn: Hàn lâm viện đãi chiếu, Tòng cử phẩm thơ lại, Tỉnh y sinh, Huyện lại mục, Chánh tổng.

Võ: Tòng cử phẩm đội trưởng, Tòng cử phẩm bá hộ, Huyện lệ mục, Tòng cử phẩm tượng mục.

## 7. Đặt Tổng đốc, Tuần phủ ở các tỉnh

Nguyên trước nước Nam ta chia ra làm từng trấn, có quan Trấn thủ, hay là quan Lưu trấn để coi việc trong trấn. Từ đời Gia Long trở đi, ở Bắc Thành và Gia Định thành đặt quan Tổng trấn và quan Hiệp trấn, để coi việc quân và việc dân trong cả toàn xứ.

Đến năm Tân Mão (1831) là năm Minh Mệnh thứ 12, vua Thánh Tổ mới theo lối nhà Thanh, đổi trấn làm tỉnh và đặt chức Tổng đốc 總督, Tuần phủ 巡撫, Bố chính sứ 布正使, Án sát sứ 按察使 và Lãnh binh 領兵.

Tổng đốc thì coi việc quân, việc dân, khảo hạch quan lại, sửa sang bờ cõi ở trong hạt; Tuần phủ thì coi việc chính trị, giáo dục và giữ gìn phong tục; Bố chính sứ thì coi việc thuế má, đình điền, lính tráng và triều đình có ân trạch hay là cấm lệnh điều gì, thì phải tuyên cho mọi nơi biết; Án sát sứ thì coi việc hình luật và kiêm cả việc trạm dịch bưu chính; Lãnh binh thì chuyên coi binh lính.

Từ Tuần phủ trở xuống đều phải theo lệnh quan Tổng đốc. Thường thì tỉnh nào lớn, có lắm việc quan trọng mới đặt Tổng đốc để quản trị cả hai ba tỉnh. Còn những tỉnh nhỏ thì chỉ đặt Tuần phủ là quan đầu tỉnh<sup>(1)</sup>.

(1) Đời vua Thế Tổ nước Nam ta có 27 trấn, đến đời vua Thánh Tổ đặt thêm 4 tỉnh nữa là Hưng Yên, Ninh Bình, Hà Tĩnh và An Giang, cả thảy thành ra 31 tỉnh.



## 8. Lương bổng của các quan viên

Năm Kỷ Hợi (1839) là năm Minh Mệnh thứ 20, vua Thánh Tổ định lương bổng đồng niên và tiền xuân phục của các quan viên.

*Chánh nhất phẩm:* tiền 400 quan, gạo 300 phương, tiền xuân phục 70 quan.

*Tòng nhất phẩm:* tiền 300 quan, gạo 250 phương, tiền xuân phục 60 quan.

*Chánh nhị phẩm:* tiền 250 quan, gạo 200 phương, tiền xuân phục 50 quan.

*Tòng nhị phẩm:* tiền 180 quan, gạo 150 phương, tiền xuân phục 30 quan.

*Chánh tam phẩm:* tiền 150 quan, gạo 120 phương, tiền xuân phục 20 quan.

*Tòng tam phẩm:* tiền 120 quan, gạo 90 phương, tiền xuân phục 16 quan.

*Chánh tứ phẩm:* tiền 80 quan, gạo 60 phương, tiền xuân phục 14 quan.

*Tòng tứ phẩm:* tiền 60 quan, gạo 50 phương, tiền xuân phục 10 quan.

*Chánh ngũ phẩm:* tiền 40 quan, gạo 35 phương, tiền xuân phục 9 quan.

*Tòng ngũ phẩm:* tiền 35 quan, gạo 30 phương, tiền xuân phục 8 quan.

*Chánh lục phẩm:* tiền 30 quan, gạo 25 phương, tiền xuân phục 7 quan.

*Tòng lục phẩm:* tiền 25 quan, gạo 22 phương, tiền xuân phục 6 quan.

*Chánh thất phẩm:* tiền 25 quan, gạo 20 phương, tiền xuân phục 5 quan.

<i>Tòng thất phẩm:</i>	tiền 22 quan, gạo 20 phương, tiền xuân phục 5 quan.
<i>Chánh bát phẩm:</i>	tiền 20 quan, gạo 18 phương, tiền xuân phục 5 quan.
<i>Tòng bát phẩm:</i>	tiền 20 quan, gạo 18 phương, tiền xuân phục 4 quan.
<i>Chánh cửu phẩm:</i>	tiền 18 quan, gạo 16 phương, tiền xuân phục 4 quan
<i>Tòng cửu phẩm:</i>	tiền 18 quan, gạo 16 phương, tiền xuân phục 4 quan.
<i>Lại dịch binh tượng:</i>	mỗi tháng tiền một quan, gạo một phương.
<i>Hậu bổ:</i>	mỗi tháng tiền 2 quan, gạo 2 phương.

Từ nhất phẩm đến tam phẩm, mỗi năm hai kỳ trình giấy lĩnh bổng; tự tứ phẩm đến thất phẩm, mỗi năm 4 lần, đến tháng cuối mùa xuân, hạ, thu, đông, trình giấy lĩnh bổng; tự bát cửu phẩm trở xuống, thì cứ mỗi tháng đến lĩnh một kỳ.

Tiền lương bổng của các quan viên lúc bấy giờ mà so sánh với bây giờ thì thật là ít ỏi quá. Nhưng mà chắc là sự ăn tiêu thuở trước rẻ rúng không hết bao nhiêu. Nhà vua lại sợ những phủ huyện thiếu thốn mà những lạm của dân, cho nên mỗi năm lại phát thêm tiền *dưỡng liêm*.

## 9. Tiền dưỡng liêm

Tri phủ: tối yếu khuyết cho 50 quan, yếu khuyết 40 quan, khuyết 30 quan, giản khuyết 25 quan.

Đồng tri phủ: tối yếu khuyết cho 50 quan, yếu khuyết 40 quan, khuyết 30 quan, giản khuyết 25 quan.

Tri huyện, tri châu: tối yếu khuyết cho 40 quan, yếu khuyết 30 quan, trung khuyết 25 quan, giản khuyết 20 quan.



## 10. Sự học hành thi cử

Việc trị nước cần phải có văn học, cho nên từ đời vua Thế Tổ cũng đã lưu ý về việc mở mang sự học hành. Đến đời vua Thánh Tổ thì ngài lại trọng sự văn học lắm, ngài thường nói với các quan rằng: Đạo trị nước thì trước hết cần phải gây lấy nhân tài. Bởi vậy ngài có lòng yêu dùng những người có văn học, cho các hương cống vào làm Hành tẩu ở trong lục bộ, để học tập việc chính trị. Mở Quốc Tử Giám 國子監 cho các giám sinh được lương bổng ở ăn học.

Đời vua Thế Tổ thì chỉ có thi Hương mà thôi, đến năm Nhâm Ngọ (1822) là năm Minh Mệnh thứ 3, mới mở khoa thi Hội, thi Đình để lấy tiến sĩ; đến năm Minh Mệnh thứ 10 (1829) nhà vua lại cho những người trúng cách, nhưng không cập phân, được đỗ Phó bảng. Phó bảng khởi đầu có từ đây.

Nguyên trước cứ 6 năm một khoa thi, nay đổi lại làm 3 năm một khoa, cứ năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi Hương; năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi Hội, thi Đình.

Phép thi thì vẫn theo như đời Gia Long, nghĩa là kỳ đệ nhất: kinh nghĩa; kỳ đệ nhị: tứ lục; kỳ đệ tam: thi phú; kỳ đệ tứ: văn sách. Trước ai đỗ tam trường, gọi là sinh đồ, ai đỗ tứ trường gọi là hương cống, nay đổi sinh đồ là tú tài 秀才, hương cống là cử nhân 舉人. Vua Thánh Tổ là ông vua thông minh, ngài vẫn biết sự học của nước ta sai lầm, những sĩ phu trong nước chỉ học theo lối cử nghiệp, nghĩa là cốt học lấy thi đỗ, chứ không mấy người có thực học. Thường ngài nói chuyện với các quan rằng: “Lâu nay khoa cử làm cho người ta sai lầm. Trẫm nghĩ văn chương vốn không có quy củ nhất định, mà nay những văn cử nghiệp chỉ câu nệ cái hủ sáo, khoe khoang lẫn với nhau, biệt lập mỗi nhà một lối, nhân phẩm cao hay thấp do tự đó, khoa tràng lấy hay bỏ cũng do tự đó. Học như thế thì trách nào mà nhân tài chẳng mỗi ngày một kém đi. Song tập tục đã quen rồi, khó đổi ngay được, về sau nên dần dần đổi lại”. Vua Thánh



Tổ thật là biết rõ cái tật của những người đi học ở trong nước ta, nhưng chỉ vì thói quen lâu ngày khó bỏ. Và lại dấu có muốn đổi, thì dễ thường cũng không biết đổi ra thế nào cho hay hơn được, cho nên sự học của mình vẫn nguyên như cũ.

## 11. Sách vở

Vua Thánh Tổ mới lên ngôi, đã lo việc làm sách vở; ngài đặt ra Quốc sử quán 國史館 để gộp nhặt những chuyện làm quốc sử. Ngài lại lưu ý về việc tưởng lệ cho những người làm ra sách vở. Bởi vậy, ngài xuống chiếu: Hễ ai tìm được sách cũ, hay làm ra sách mới, thì được ban thưởng. Tự đó ông Trịnh Hoài Đức 鄭懷德 dâng sách: *Gia Định thông chí* 嘉定通志 và sách *Minh Bật di hoán văn thảo*<sup>(1)</sup> 明渤遺渙文草; ông Hoàng Công Tài 黃公才 dâng một bản *Bản triều ngọc phả* 本朝玉譜, 2 bản *Kỷ sự* 紀事; ông Cung Văn Hy 龔文曦, người ở Quảng Đức dâng 7 quyển *Khai quốc công nghiệp diễn chí* 開國功業演志; ông Nguyễn Đình Chính 阮廷正, người Thanh Hóa dâng 34 quyển *Minh lương khải cáo lục* 明良啓告錄; ông Vũ Văn Tiêu 武文鏐, người Quảng Nghĩa, dâng một quyển *Cố sự biên lục* 故事編錄. Vua Thánh Tổ lại sai quan soạn xong bộ *Liệt thánh thực lục tiền biên* 列聖實錄前編, bộ *Khâm định tiễu bình lương kỳ phỉ khấu phương lược* 欽定勦平兩圻匪寇方略, còn sách của ngài soạn ra có hai bộ là *Ngự chế tiễu bình Nam Kỳ tặc khấu thi tập* 御製勦平南圻賊寇詩集 và *Ngự chế thi tập* 御製詩集.

(1) Trần Trọng Kim đã đọc sai và hiểu nhầm bản *Minh bật di ngư văn thảo* của Mạc Thiên Tích [hay Mạc Thiên Tứ] do Trịnh Hoài Đức cho in lại vào năm 1820 là *Minh Bật di hoán văn thảo* của Trịnh Hoài Đức. Sai lầm này đã di căn qua nhiều sách văn học sử sau đó. Đến năm 1943, Ngạc Xuyên Ca Văn Thịnh đã đính chính sai lầm nói trên trong bài “*Minh bật di ngư, một quyển sách, hai thi xã*” trên *Đại Việt tập chí*, số 12, ngày 1-4-1943. Trên cơ sở bản in *Minh bật di ngư văn thảo* năm 1920, Ngạc Xuyên đã giới thiệu khá chi tiết tác phẩm này, cung cấp nhiều tài liệu quan trọng cho những người quan tâm tới thơ văn Mạc Thiên Tích nói riêng cũng như thơ văn Chiêu Anh Các nói chung (theo Cao Tự Thanh, Chuyên gia Hán Nôm, “Đọc lại bài *Minh bật di ngư văn thảo* tự của Trịnh Hoài Đức”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 6 (97), 2009, tr. 68-71) [BT].



## 12. Việc sửa phong tục

Mấy năm về cuối đời vua Thánh Tổ trong nước lắm giặc giã, phong tục thành ra kiêu bạc, dân sự lắm người cờ bạc rượu chè và hay mê hoặc những tà giáo. Nhà vua lấy sự ấy làm lo, bèn soạn ra 10 điều huấn dụ, ban ra mọi nơi, để dạy bảo ngu dân.

1. **Đôn nhân luân** 惇人倫: trọng tam cương ngũ thường.
2. **Chính tâm thuật** 正心術: làm việc gì cũng cốt phải giữ bụng dạ cho chính đính trong sạch.
3. **Vụ bản nghiệp** 務本業: giữ bốn phận chăm nghề nghiệp của mình.
4. **Thượng tiết kiệm** 尚節儉: chuộng đường tiết kiệm.
5. **Hậu phong tục** 厚風俗: giữ phong tục cho thuần hậu.
6. **Huấn tử đệ** 訓子弟: phải dạy bảo con em.
7. **Sùng chính học** 崇正學: chuộng học đạo chính.
8. **Giới dâm thắc** 戒淫慝: răn giữ những điều gian tà dâm dục.
9. **Thận pháp thủ** 慎法守: cẩn thận mà giữ pháp luật.
10. **Quảng thiện hạnh** 廣善行: rộng sự làm lành.

Năm Bính Thân (1836) là năm Minh Mệnh thứ 17, có quan Giám sát Ngự sử là Bùi Mậu Tiên 裴茂先 dâng sớ tâu rằng: “Các làng ở ngoài Bắc Thành nhiều kẻ hào cường trái phép, mà dân thì biếng nhác chỉ cờ bạc rượu chè; việc tế lễ quỷ thần thì hay dùng cách xa xỉ, việc táng tế thì chuộng đường xa hoa, thậm chí có kẻ bán sạch cửa nhà cơ nghiệp để đền nợ miệng, thực là trái với nghĩa tương bảo tương lân”.

Vua Thánh Tổ bèn xuống chiếu trách cứ các quan địa phương phải đem những điều huấn dụ đã ban ra trước mà



khuyến bảo dân sự, và phải chuyển sức cho tổng lý: hễ thấy ai biếng nhác rong chơi cờ bạc rượu chè, thì phải cấm chỉ đi. Những kẻ hào cường trong làng mà ỷ thế hống hách điều toa kiện tụng, chống cưỡng với quan trên, dậm dọa kẻ bình dân, thì phải theo phép mà trừng trị. Còn những lệ thờ thần và lễ tang tế thì Lễ bộ đã định ra phép tắc, hễ ai không tuân theo thì phải tội.

### 13. Nhà dưỡng tế

Không những là vua Thánh Tổ chỉ lo việc dạy dân mà thôi, ngài lại thương đến những kẻ nghèo khổ, vậy nên ngài truyền cho các quan ở các trấn ngoài Bắc Thành được quyền lấy tiền kho mà lập một sở dưỡng tế: hễ những kẻ quan quả, cô độc, và kẻ tàn tật không có nơi nương nhờ, phải đến ở đó, thì mỗi ngày cấp cho mỗi tên 20 đồng tiền và nửa bát quan đồng gạo.

### 14. Việc đinh điền và thuế má

Thuế đinh và thuế điền thì đại khái cũng theo như đời vua Thế Tổ đã định. Chỉ có năm Bính Thân (1836) là năm Minh Mệnh thứ 17, đất Nam Kỳ đạc điền xong, tính ra được hơn 630.075 mẫu và định lại các thứ thuế điền thổ ở miền ấy. Còn như số dân đinh và điền thổ trong nước, thì cứ theo sổ bộ tổng cộng lại được 970.516 suất đinh và 4.063.892 mẫu ruộng và đất.

Những dân Tàu sang thành lập hương ấp ở nước Nam ta gọi là Minh Hương 明鄉 thì có lệ định mỗi người đồng niên phải nộp hai lạng bạc và được trừ giao dịch. Những người lão hạng và tàn tật thì phải chịu một nửa.

Còn những người nhà Thanh sang buôn bán ở nước Nam, phàm người nào mà có vật lực thì đồng niên phải đóng 6 quan năm tiền; ai không có vật lực thì phải nộp một nửa, hạn cho 3 năm thì chiếu lệ thu cả thuế.

Nhà vua lại đặt lệ đánh thuế muối. Cứ mỗi ruộng muối đồng niên phải nộp bằng muối từ 6 phương cho đến 10 phương. Mỗi phương nộp bằng tiền thì phải từ 3 tiền cho đến 4 tiền 30 đồng.

Còn các thứ thuế mỏ, thuế sản vật, v.v... thì đại khái cũng theo lệ đời vua Thế Tổ đã định, chứ không thay đổi mấy tí.

## 15. Việc võ bị

Khi vua Thánh Tổ lên nối nghiệp làm vua thì trong nước đã được yên trị, nhưng ngài vẫn biết việc trị nước cần phải có võ bị, cho nên thường thường ngài vẫn có dụ truyền bảo các quan phải luyện tập binh mã đề phòng khi hữu sự.

Ở những nơi hiểm yếu thì lập đồn ải, ở các cửa bể và các đảo thì lập pháo đài. Và lại làm tàu đồng, tập thủy quân để phòng giữ mặt bể.

Binh chế thì có bộ binh, thủy binh, tượng binh, kỵ binh và pháo thủ binh.

Bộ binh thì có *kinh binh* 京兵 và *cơ binh* 奇兵. Kinh binh chia ra làm doanh, vệ, đội, hoặc để đóng giữ ở kinh thành, hoặc sai đi đóng giữ các tỉnh. Mỗi doanh có 5 vệ, mỗi vệ có 10 đội, mỗi đội có 50 người, có suất đội và đội trưởng cai quản.

Những binh khí của mỗi vệ, thì có hai khẩu súng thần công, 200 khẩu điều thương và 21 ngọn cờ.

Cơ binh là lính riêng của từng tỉnh, cũng chia ra làm cơ, làm đội. Cơ thì có quản cơ, mà đội thì có suất đội cai quản.

Tượng quân chia ra thành đội, mỗi đội là 40 con voi. Số voi ở kinh thành 150 con, ở Bắc Thành 110 con, ở Gia Định thành 75 con, ở Quảng Nam 35 con, ở Bình Định 30 con, ở Nghệ An 21 con, ở Quảng Bình, Quảng Nghĩa, Thanh Hóa mỗi nơi 15 con, Quảng Trị, Phú Yên, Bình Thuận, Ninh Bình mỗi nơi 7 con.





Thủy quân có 15 vệ, chia ra làm 3 doanh, mỗi doanh có quan Chương vệ quản lĩnh, và có quan Đô thống coi cả 3 doanh.

Vua Thánh Tổ vẫn biết rằng nước ta ở dọc bờ bể, thủy binh là việc rất yếu trọng cho sự phòng bị. Thường ngài bắt quan đem binh thuyền ra để luyện tập.

Đại khái việc binh cơ, ngài không bỏ trễ chút nào. Ngài lập toán giáo dưỡng binh, để cho con các quan võ, từ suất đội trở lên ai muốn tình nguyện vào học thì cho lương bổng, và cử quan đại thần ra dạy võ nghệ.

Còn như khi nào có quân lính đi đâu, thì nhà vua đặt lệ sai mấy người y sinh đi theo để điều hộ.

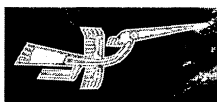
Tuy nhà vua muốn lưu ý về việc binh lính, nhưng người mình lúc bấy giờ ai cũng trọng văn khinh võ, bình nhật không ai lo gì đến việc quân lính khí giới. Hễ có lâm sự thì mới rối lên. Dẫu rằng nhà vua nay có chỉ dụ ra tập binh, mai có chỉ dụ ra tập trận mặc lòng, các quan chỉ làm cho xong việc, rồi lại bỏ mặc bọn quản đội làm thế nào thì làm. Thành ra quân số ở trong sổ sách thì nhiều, mà thế lực thì vẫn không đủ: ấy là về đời vua Thánh Tổ mà còn thế, huống chi đến những đời sau, lại còn suy nhược hơn nữa.

### CHƯƠNG III

## THÁNH TỔ

(1820 - 1840)

(Tiếp theo)



- |  |                      |
|--|----------------------|
| 1. Sự giặc giã                                 | 2. Giặc ở Bắc Kỳ     |
| 3. Phan Bá Vành                                | 4. Lê Duy Lương      |
| 5. Nông Văn Vân                                | 6. Giặc ở Nam Kỳ     |
| 7. Án Lê Văn Duyệt và Lê Chất                  | 8. Giặc Tiêm La      |
| 9. Việc Ai Lao                                 | 10. Việc Chân Lạp    |
| 11. Việc giao thiệp với những nước ngoại dương |                      |
| 12. Sự cấm đạo                                 | 13. Vua Thánh Tổ mất |

### 1. Sự giặc giã

Vua Thánh Tổ thật là hết lòng lo việc chính trị, điều gì ngài cũng xem xét đến, việc gì ngài cũng sửa sang lại, có ý muốn cho nước thịnh dân giàu, nhưng phải mấy năm về sau, trong nước có lắm giặc giã, quan quân phải chinh Nam phạt Bắc, phải đánh Tiêm, dẹp Lào, thành ra dân sự không được yên nghiệp mà làm ăn.

Xét sự giặc giã về đời vua Thánh Tổ là do ở ba lẽ cốt yếu:

Một là, khi nhà Nguyễn thất thế ở Nam, quân họ Trịnh thua ở Bắc, nhà Nguyễn Tây Sơn còn phải lo việc trong nước, lúc bấy giờ nước Tiêm La nhân lấy dịp ấy mà giữ quyền bảo hộ



nước Chân Lạp và hiệp chế các nước ở đất Lào. Đến khi vua Thế Tổ nhất thống Nam Bắc, thanh thế lừng lẫy, nước Chân Lạp lại xin về thần phục nước Nam, và các nước Ai Lao, Vạn Tượng, đều sang triều cống nhà Nguyễn. Từ đó nước Tiêm La đối với nước Nam, bề ngoài tuy không ra mặt cừu địch, nhưng bề trong chỉ tìm cách mà sinh sự để cướp lại cái quyền bảo hộ ở Chân Lạp và ở các nước Lào. Bởi vậy cho nên về phía Tây và phía Nam bao giờ cũng có giặc Tiêm và giặc Lào quấy nhiễu mãi.

Hai là ở Bắc Kỳ tuy đã là thống thuộc về nhà Nguyễn rồi, nhưng còn có người mong nhớ nhà Lê, thỉnh thoảng lại có nơi nổi lên, hoặc muốn khôi phục cho nhà Lê, hoặc để chống cự với nhà Nguyễn, bởi thế cho nên ở đất Bắc cứ phải loạn lạc luôn.

Ba là quan lại cứ hay những nhiễu, làm cho lòng người không được thỏa thuận, và trong đám quan trường thường hay có thói bói móc nhau để tăng công tăng cán. Nhà vua lại có tính hẹp hòi, không bao dung cho những kẻ công thần, hay tìm chuyện làm uất ức mọi người, mà ở với thần dân thì nghiêm khắc quá, cho nên mới thành ra nhiều sự rối loạn.

Bởi những lẽ ấy, cho nên ở ngoài thì có giặc Tiêm đánh phá, ở trong thì có nguy Khôi dấy loạn phía Nam. Lê Duy Lương và Nông Văn Vân dấy binh ở phía Bắc. Lúc bấy giờ cũng nhờ có tôi hiền tướng giỏi như Trương Minh Giảng 張明講, Tạ Quang Cự 謝光巨, Lê Văn Đức 黎文德, Nguyễn Công Trứ 阮公著, v.v... đều ra công đánh dẹp, cho nên không những là giặc trong nước dẹp yên được, mà lại thêm được bờ cõi rộng rãi hơn cả những đời trước.

## 2. Giặc ở Bắc Kỳ

Sự giặc già ở đất Bắc thì từ năm Minh Mệnh thứ hai (1822) trở đi, thỉnh thoảng ở các trấn vẫn có những giặc cỏ quấy nhiễu ở các châu huyện. Còn những giặc có thanh thế to mà quan quân phải đánh dẹp khó nhọc, thì có Phan Bá Vành 潘伯鐸



khởi ở Nam Định, Lê Duy Lương 黎維良 khởi ở Ninh Bình và Nông Văn Vân 農文雲 khởi ở Tuyên Quang.

### 3. Phan Bá Vành

Năm Minh Mệnh thứ 7 (1826), ở Nam Định có Võ Đức Cát 武德葛 cùng với Phan Bá Vành 潘伯鑠 và Nguyễn Hạnh 阮幸 khởi binh đánh phủ Trà Lý và Lân Hải, giết quan Thủ ngự là Đặng Đình Miễn 鄧廷勉 và Nguyễn Trung Diễn 阮忠演. Quan trấn thủ ở Nam Định là Lê Mậu Cúc 黎茂菊 đem quân xuống đánh, cũng bị giặc giết mất. Quan quân ở các trấn phải về tiểu trừ, bắt được tên Võ Đức Cát. Còn tên Vành và dư đảng thì chạy tan cả. Nhưng đến tháng chạp năm ấy, Phan Bá Vành và Nguyễn Hạnh lại thông với đảng giặc Khách đi cướp ở ngoài bể, rồi lại đem quân về đánh phá ở huyện Tiên Minh và huyện Nghi Dương ở Hải Dương.

Nhà vua thấy thế giặc to lắm, bèn sai quan Tham biện Thanh Hóa là Nguyễn Công Trứ 阮公著, quan Tham biện Nghệ An là Nguyễn Đức Nhuận 阮德潤 đem binh thuyền ở Thanh, Nghệ ra cùng với quan Hiệp trấn Bắc Thành là Nguyễn Hữu Thận 阮有慎 đi đánh giặc.

Tháng giêng năm Đinh Hợi (1827) là năm Minh Mệnh thứ 8, Vành lại về đánh lấy phủ Thiên Trường và phủ Kiến Xương, sau lại về vây quan quân ở chợ Quán. Phạm Văn Lý và Nguyễn Công Trứ đem quân đến đánh giải vây, Vành thua chạy về giữ Trà Lũ. Quan quân vây đánh, bắt được Vành và cả đảng hơn 765 người.

### 4. Lê Duy Lương

Khi dẹp xong giặc Vành thì trong xứ yên được một độ, nhưng còn có dòng dõi nhà Lê muốn khôi phục nghiệp cũ, bởi vậy đến tháng ba năm Quý Tỵ (1833) là năm Minh Mệnh thứ 14, ở Ninh Bình có Lê Duy Lương 黎維良, là con cháu nhà Lê



nổi lên, xưng là Đại Lê Hoàng Tôn 大黎皇孫, cùng với bọn thổ ty là Quách Tất Công 郭必功, Quách Tất Tế 郭必濟, Đinh Thế Đức 丁世德, Đinh Công Trịnh 丁功鄭, đem binh đi đánh phá các phủ huyện và chiếm giữ được 3 châu huyện là Lạc Thổ, Phụng Hóa và Yên Hóa. Lê Duy Lương lại sai quân đến vây đánh thành Hưng Hóa nguy cấp lắm.

Vua Thánh Tổ sai quan Tổng đốc Nghệ Tĩnh là Tạ Quang Cự 謝光巨 đem quân ra Ninh Bình cùng với Tổng đốc Thanh Hóa là Nguyễn Văn Trọng 阮文仲 đi đánh Lê Duy Lương.

Lê Duy Lương ở Ninh Bình thế cô lắm, chống không nổi mấy đạo quan quân, chỉ đương được vài ba tháng thì bị bắt, đóng cũi giải về kinh trị tội. Còn bọn Quách Tất Công, Quách Tất Tế thì chẳng được bao lâu mà tan.

Vì có chuyện Lê Duy Lương dấy binh, cho nên nhà vua truyền bắt dòng dõi nhà Lê đem đày vào ở Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, cứ chia cho 15 người ở một huyện và phát cho 10 quan tiền và 2 mẫu ruộng để làm ăn.

## 5. Nông Văn Vân

Ở Bắc còn đang dẹp loạn Lê Duy Lương chưa xong thì ở Nam Lê Văn Khôi 黎文懷 làm phản chiếm giữ thành Gia Định. Nguyên tên Khôi là người Bắc, có họ hàng bà con mạn Tuyên Quang, Cao Bằng, bởi vậy nhà vua sai quan tìm bắt anh em của tên Khôi đem về kinh làm tội. Bấy giờ ở Tuyên Quang có người anh vợ tên Khôi là Nông Văn Vân 農文雲 bị quan bắt bớ, bèn nổi lên đánh phá trong hạt Tuyên Quang, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn. Giặc Nông khởi từ tháng 7 năm Quý Tỵ (1833) cho đến tháng 3 năm Ất Mùi (1835) dai dẳng trong non hai năm trời, làm cho quan quân thật là vất vả.

Nông Văn Vân làm Tri châu châu Bảo Lạc. Nhân thấy quan quân tìm bắt họ hàng Lê Văn Khôi, bèn nổi lên tự xưng là



Tiết chế thượng tướng quân 節制上將軍, và bắt viên tỉnh phái thích chữ vào mặt rằng: “Quan tỉnh hay ăn tiền của dân”, rồi đuổi về.

Nông Văn Vân chia quân ra đánh phá các tỉnh, quan sở tại chống không nổi, phải xin quân cứu viện. Vua Thánh Tổ được tin ấy, bèn sai Sơn Hưng Tuyên Tổng đốc và Lê Văn Đức 黎文德 làm Tam nguyên Tổng đốc quân vụ, và sai Hải An thự Tổng đốc là Nguyễn Công Trứ 阮公著 làm Tham tán, đem quân hội với Ninh Thái Tổng đốc là Nguyễn Đình Phổ 阮廷普 đi tiêu trừ giặc Nông.

Quân giặc vây đánh Cao Bằng và Lạng Sơn ngặt quá, nhà vua lại sai An Tĩnh Tổng đốc là Tạ Quang Cự 謝光巨 làm Tổng thống đại thần, lên đánh ở mạn Cao Bằng và Lạng Sơn.

Nông Văn Vân nhân được chỗ Mường Mán lắm núi nhiều rừng, bèn chia quân đi tản ra mọi nơi, tìm chỗ hiểm yếu mà ẩn nấp, hễ có quan quân đến, đánh được thì tiến, không đánh được thì lui, cứ ra vào bất trắc, lui tới không nhất định. Quan quân đi đánh thật là khó nhọc và lại hao binh tổn tướng rất nhiều.

Tháng chạp năm Quý Tỵ (1833) đạo quân của Tạ Quang Cự giải được vây tỉnh Lạng Sơn và lấy lại được thành Cao Bằng. Đạo quân của Lê Văn Đức và Nguyễn Công Trứ vào đến Vân Trung 雲中 (tức là Bảo Lạc) là chỗ sào huyệt của giặc. Nông Văn Vân phải chạy trốn sang Tàu.

Nhưng mà khi quan quân rút về, thì Nông Văn Vân lại về rủ đảng đánh phá như cũ. Nhà vua lại sai các đạo quân tiến lên phòng giữ các tỉnh mạn ngược.

Đến tháng 9 năm Giáp Ngọ (1834) Lê Văn Đức 黎文德 và Phạm Văn Điển 范文典 đi từ Sơn Tây lên Tuyên Quang; Tạ Quang Cự 謝光巨, Nguyễn Tiến Lâm 阮進林 và Hồ Hữu 胡祐 đi từ Cao Bằng; Nguyễn Đình Phổ 阮廷普 và Nguyễn Công Trứ 阮公著 đi từ Thái Nguyên, ba mặt quân cùng tiến lên hội tiêu.



Quan quân đi đường sá khó khăn, lương thực vận tải không tiện, nhưng mà quân sĩ đều cố hết sức, đi đến đâu quân giặc tan đến đấy. Tháng chạp năm ấy, cả ba đạo cùng đến hội ở Vân Trung, rồi sai người đưa thư sang nói với quan nhà Thanh phòng giữ, đừng cho quân giặc chạy sang bên ấy. Quả nhiên Nông Văn Vân lại chạy sang Tàu, bị quân Tàu đuổi bắt, lại phải trở về Tuyên Quang.

Tháng 3 năm Ất Mùi (1835), Phạm Văn Điển được tin biết chỗ tên Văn Vân ở, liền đem quân đi đuổi. Văn Vân chạy ẩn vào trong rừng, Phạm Văn Điển bèn vây 4 mặt, rồi phóng hỏa đốt rừng. Văn Vân bị chết cháy. Quan quân chém lấy đầu đem về kinh báo tiệp.

## 6. Giặc ở Nam Kỳ

Đất Nam Kỳ là đất của nhà Nguyễn khai sáng ra, và cũng bởi vậy mà vua Thế Tổ lập nên cơ nghiệp bản triều bây giờ, thế mà lại có sự phản nghịch là tại làm sao? Có phần là tại vua Thánh Tổ không dong thú cho những kẻ cự thần, có phần là tại những người gian nịnh, muốn chiều ý vua để lấy công, làm ức hiếp người ta, cho nên mới thành ra sự loạn lớn.

Nguyên mấy năm trước, Lê Văn Duyệt làm Tổng trấn 總鎮 ở Gia Định thành, có uy quyền lắm, mà lòng người ai cũng kính phục. Chỉ vì ông ấy là quan võ, tính khí nóng nảy, lắm khi ở chỗ triều đường tấu đối không được hợp thể, vua Thánh Tổ lấy làm không bằng lòng, nhưng ông ấy là bậc khai quốc công thần, cho nên ngài cũng làm ngơ đi. Đến khi ông ấy mất, thì vua Thánh Tổ bãi chức Tổng trấn thành Gia Định, và đặt chức Tổng đốc, Tuần phủ, Bố chính, Án sát, Lĩnh binh, như các tỉnh ở ngoài Bắc.

Tỉnh Phiên An (tức là tỉnh Gia Định) có Nguyễn Văn Quế 阮文桂 làm Tổng đốc, Bạch Xuân Nguyên 白春元 làm Bố chính, Nguyễn Chương Đạt 阮章達 làm Án sát. Nhưng Bạch Xuân Nguyên vốn là người tham lam tàn ác; khi đến làm Bố chính

ở Phiên An, nói rằng phụng mật chỉ truy xét việc riêng của Lê Văn Duyệt, rồi đòi hỏi chúng có, trị tội bọn tôi tớ của ông Duyệt ngày trước.

Trong bọn ấy có Lê Văn Khôi 黎文懷. Nguyên trước tên ấy gọi là Nguyễn Hữu Khôi 阮祐懷, người ở Cao Bằng, nhân có khởi binh làm loạn, bị quan quân đuổi đánh, mới chạy vào Thanh Hóa, gặp Lê Văn Duyệt làm kinh lược ở đấy, nó xin ra thú. Ông Duyệt tin dùng cho làm con nuôi, đổi tên họ là Lê Văn Khôi, rồi đem về Gia Định cất nhắc cho làm đến chức Phó vệ úy.

Bấy giờ Lê Văn Khôi bị bắt giam, phần thì tức giận, phần thì sợ tội, bèn mưu với mấy người đảng của nó để dấy loạn; ở Gia Định lại có những người có tội ở Bắc Kỳ đem đày vào, hoặc cho làm ăn với dân sự, hoặc bắt làm lính gọi là *hồi lương* 回良; những lính ấy đều theo tên Khôi cả.

Đến đêm ngày 18 tháng năm, năm Quý Ty (1833) là năm Minh Mệnh thứ 14, Khôi cùng với 27 người lính hồi lương vào dinh quan Bố, giết cả nhà Bạch Xuân Nguyên, rồi ra gặp quan Tổng đốc là Nguyễn Văn Quế đem người đến cứu, chúng cũng giết nốt. Còn quan Án và quan Lãnh thì chạy thoát được.

Bấy giờ những quân kinh đóng ở Phiên An phần nhiều theo về Lê Văn Khôi. Lê Văn Khôi bèn tự xưng làm Đại nguyên súy 大元帥, phong cho đảng mình là bọn Thái Công Triều 蔡公朝 và Lê Đắc Lực quản trung quân, Nguyễn Văn Đà và Nguyễn Văn Tông quản tiền quân, Dương Văn Nhã, Hoàng Nghĩa Thư quản tả quân, Võ Vĩnh Tiên và Võ Vĩnh Tái quản hữu quân, Võ Vĩnh Lộc và Nguyễn Văn Bột quản hậu quân, Lưu Tín và Trần Văn Tha quản thủy quân, Nguyễn Văn Tâm và Nguyễn Văn Chân quản tượng quân, v.v... Lại đặt các quan chức như một triều đình riêng vậy. Đoạn rồi Lê Văn Khôi sai bọn Thái Công Triều đem quân đi lấy các tỉnh thành, chỉ trong một tháng mà 6 tỉnh Gia Định thuộc về giặc cả.





Triều đình được tin ấy, liền sai Tống Phúc Lương 宋福樑 làm Thảo nghịch tả tướng quân 討逆左將軍 và Nguyễn Xuân 阮春 làm Tham tán, sai Phan Văn Thúy 潘文瑒 làm Thảo nghịch hữu tướng quân, Trương Minh Giảng 張明講 làm Tham tán, cùng với Bình khấu tướng quân là Trần Văn Năng 平寇將軍陳文能 đem thủy bộ binh tượng vào đánh Lê Văn Khôi.

Khi quan quân vào đến Gia Định không biết tại có gì, mà trung quân của ngụy là Thái Công Triều xin về đái tội lập công. Nguyên Thái Công Triều là người ở Thừa Thiên, trước làm quan Vệ úy, coi vệ biên binh đóng ở Gia Định, sau theo tên Khôi làm phản. Nay lại trở về với triều đình, đem quân đi đánh Lê Văn Khôi lấy lại các tỉnh.

Lê Văn Khôi biết thế không chống nổi, vào thành Phiên An 藩安 đóng cửa lại, rồi chia quân ra chống giữ, và lại sai người đi sang Tiêm La cầu cứu. Quân Tiêm La nhân dịp ấy, chia làm mấy đạo sang đánh nước Nam. Việc ấy sẽ nói ở mục sau.

Quan quân một mặt thì đánh đuổi quân Tiêm, một mặt thì vây đánh thành Phiên An, Lê Văn Khôi hết sức chống giữ, nhưng đến tháng chạp năm ấy thì phải bệnh chết. Tuy vậy, quân ngụy ở trong thành cứ chống giữ mãi, non ba năm trời quan quân mới hạ được thành.

Thành Phiên An là thành của ông Lê Văn Duyệt xây xong năm Minh Mệnh thứ 11 (1830). Xây toàn bằng đá ong, thành cao và rộng, hào sâu, ở trong thành lại có đủ cả lương thực khí giới, cho nên quan quân đánh thành lần nào cũng bị chết hại nhiều người, mà không lấy được. Mãi đến tháng 7 năm Ất Tỵ (1835), quân ngụy ở trong thành đã mỗi một lăm rồi, tướng quân là Nguyễn Xuân 阮春 và Nguyễn Văn Trọng 阮文仲 mới hạ được thành và vào bắt giết quân giặc cả thấy đến 1.831 người, đem chôn vào một chỗ, nay gọi là “mả ngụy”. Còn những người thủ phạm thì đóng cũi đem về kinh trị tội.



Ông J. Silvestre chép chuyện Lê Văn Khôi khởi loạn ở Gia Định<sup>(1)</sup> nói rằng trong 6 người thủ phạm phải đóng cũi giải về Huế, có một ông linh mục người nước Pháp tên là Marchand (bấy giờ gọi là cố Du), một người Khách tên là Mịch Tấn Giai và một đứa con của Khôi, mới lên 7 tuổi.

Việc ông cố Marchand thì đã nhiều người bàn đi bàn lại: người thì bảo ông ấy có ý muốn làm như ông Bá Đa Lộc, để giúp Lê Văn Khôi lập nên một nước theo đạo Thiên Chúa ở Gia Định, người thì bảo ông ấy bị Lê Văn Khôi bắt vào trong thành. Việc ấy vẫn phân vân không rõ hẳn ra thế nào.

Đến khi về đến Huế thì ông Marchand và 5 người kia đều phải tội lăng trì. Thiết tưởng dẫu thế nào mặc lòng, đem một đứa con vô tội và 2 người ngoại quốc ra làm cái tội thảm hình ấy, thì thật gớm ghê quá. Tục Á Đông ta trước hay dùng những nhục hình như là tội lăng trì, tội ngựa xé, tội voi giày, v.v... thì thật là dã man vô cùng, ngày nay ai nghĩ đến cũng phải ghê mình.

## 7. Án Lê Văn Duyệt và Lê Chất

**Lê Văn Duyệt:** Quan quân bình xong giặc Lê Văn Khôi rồi vua Thánh Tổ sai phá thành Phiên An đi, xây lại chỗ khác và ngài xuống chiếu định truy tội Lê Văn Duyệt 黎文悅 và tội Lê Chất 黎質.

Cứ bình tĩnh mà xét, thì chẳng qua là vua Thánh Tổ vốn có ý không ưa hai ông ấy, rồi đình thần lại nhân đó mà bối việc ra để chiều ý ngài, cho nên thành ra hai cái án thật là không đáng.

Nay cứ theo trong sách *Đại Nam chính biên liệt truyện* 大南正編列傳 mà chép ra, để mọi người đều được lấy lẽ công bằng mà phán đoán.

---

(1) Xem tập tạp chí *Revue Indochinoise* số 7-8 năm 1915 và quyển *An Nam sử lược* (Abrégé de l'histoire d'Annam) của ông A. Schreiner.



Từ khi tên Khôi khởi loạn, vua Thánh Tổ thường ban trách Lê Văn Duyệt che chở quân phỉ đảng, để gây nên họa loạn.

Năm Ất Mùi (1835) ở Đô sát viện có Phan Bá Đạt 潘伯達 dâng sớ nói rằng: “Lê Văn Duyệt trước ở Gia Định, lấy bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã 雅, làm trảo nha, lấy binh Bắc thuận, hồi lương<sup>(1)</sup> làm tâm phúc. Bọn ấy vốn là quân hung ác, không phải là người lương thiện, cho nên Duyệt mất chưa bao lâu mà bọn nghịch Khôi, nghịch Nhã, đã đem quân hồi lương, Bắc thuận cùng với bọn thủ hạ giữ thành làm phản; lại làm phản hoặc nhân tâm, để vạ lây đến các tỉnh Nam Kỳ, mà khó nhọc đến đại đội quan quân phải tiến tiêu. Năm tỉnh nay đều thu phục rồi, song thành Phiên An tặc đảng vẫn còn thiết cứ, quan quân tiến tiêu, lắm người thương vong, cái vạ ấy nói sao cho xiết. Nay Duyệt mất rồi, sự trạng đều không có thể tường cứu được, nhưng cứ xem con nuôi là Lê Văn Hán 黎文漢, trước đây vào ra trong thành, nhập đảng với nghịch Khôi, và đem Bạch Xuân Nguyên 白春元 làm đuốc để tế từ đường, thì tâm tích của Duyệt tưởng không phải xét cũng đã rõ. Nếu không bắt tội e không làm gương được cho đời sau. Vậy xin truy đoạt quan chức của Duyệt, còn vợ con thì giao về Hình bộ tra minh nghiêm nghị, để tỏ phép nước”.

Vua dụ Nội các rằng: “Lê Văn Duyệt xuất thân từ kẻ yêm hoạn, vốn là một đứa đầy tớ trong nhà. Xảy gặp hồi trung hưng, rồng mây gặp gỡ, đánh dẹp Tây Sơn, cũng dự có phần công lao. Đức Hoàng khảo ta nghĩ tới nó thuở nhỏ sai khiến ở trong cung, mới đem lòng tin cậy, nhiều lần cho nó cầm quyền đại tướng. Không ngờ bọn ấy phần nhiều là quân bất lương, mỗi ngày sinh ra kiêu căng, manh tâm phản nghịch, sinh chí làm càn, ăn nói hỗn xược. Vì nó còn e Hoàng khảo ta thánh minh, cho nên đều có lòng gian mà chưa dám lộ. Mà Hoàng

(1) *Bắc thuận* 北順, *hồi lương* 回良 là những người ở Bắc Kỳ bị tội phải đày vào làm lính ở Nam Kỳ.



khảo ta đến văn niên cũng đã biết rõ. Nhưng lại nghĩ hấn dẫu có lòng gian, song thiên hạ đã yên rồi, thần dân ai còn theo kẻ thị hoạn đó, thì chắc hấn cũng chẳng làm gì được. Đến khi trẫm lên ngôi, cự thần không còn mấy, vả lại nghĩ nó tuổi đã già, cho nên cũng tạm khoan dung, hoặc là hấn biết nghĩ mà chữa đi, để cho toàn vẹn công danh, thì cũng là việc hay. Không ngờ kẻ kia lòng như rắn rết, tính tựa sài lang, càng ngày càng sinh kiêu ngạo, dám nói xấu triều đình trước mặt chúng nhân, mà khoe cái tài riêng của mình. Năm trước các quân tù phạm xứ Thanh, Nghệ cũng là những kẻ hung ác, hấn đều chiêu dụ ra thú, tâu xin ghép vào trướng hạ để làm nanh vuốt. Lê Văn Khôi là quân vô lại, thì tiến cử đến chức Vệ úy, theo dưới cờ hấn, để làm phúc tâm. Thổ hào như bọn Dương Văn Nhã 楊文雅, Đặng Vĩnh Ưng 鄧永膺 thì hấn ngầm ngầm vờ dùng; nhân thích như bọn Võ Vĩnh Tiền 武永錢, Võ Vĩnh Lộc 武永祿 thì hấn âm thầm lập đảng. Những kẻ tù phạm Bắc Kỳ phát phối vào đó, hấn cho ở trong thành, rồi tha cho làm lính; lại kén lấy những voi khỏe đem ra nơi đồn trú; vét lấy những thuyền bè khí giới trong 6 tỉnh Nam Kỳ chứa vào thành Phiên An; rồi lại nghe tên Trần Nhật Vĩnh 陳日永 mà hút hết cao huyết của dân Nam Kỳ. Đắp thành Phiên An, tiếm bằng kinh thành, hào thì đào sâu hơn. Nếu bảo thành cao hào sâu để phòng giặc Tiêm, thì đường bể phải phòng ở Hà Tiên, đường bộ phải phòng ở Chân Lạp, có lẽ nào bỏ bốn tỉnh An, Hà, Long, Tường không giữ, mà lại giữ ở Phiên An hay sao? Thế là rõ ràng phòng triều đình, chứ không phải phòng ngoại hoạn. Cứ suy điều đó, thì ruột gan hấn, dẫu người đi đường cũng biết, ai không cảm tức, chỉ giận vì ai không chịu nói rõ cho triều đình biết sớm mà thôi. Đến nỗi ngày nay như nuôi cái nhọt bọc để nên đau, mỗi ngày mầm vạ một lớn, cho nên kẻ quyền yểm dẫu chịu tội minh tru, mà bọn nhỏ nhặt còn dám giữ thành làm phản. Ví dù quan cai trị không hèn đốn như Nguyễn Văn Quế 阮文桂, tham tàn như Bạch Xuân Nguyên 白春元, thì chúng nó có ngày làm phản chứ



không sao khỏi được. Vì bọn tiêu hạ hấn toàn là quân hung đồ, quen làm những việc bất thiện. Chúng nó đã quen thấy hấn dối chúa, lẩn trên, đều bắt chước hấn. Thậm chí hấn nói với người ta rằng hấn vào trấn Gia Định, vốn là phong vương để giữ lấy đất, chứ không phải như các Tổng trấn tầm thường khác. Mả của cha hấn, em hấn, cũng tiếm gọi là *lãng*; hoặc dám đối với người ta, tự xưng là *cô*, để cho bộ hạ tập quen thành thói, chỉ biết có Lê Văn Duyệt mà không biết đến triều đình. Thầy Hữu Tử 有子 nói rằng: “Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ”. Vậy thì ưa phạm người trên và không ưa làm loạn, cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Mối vạ gây nên đã lâu, lẽ nào mà muốn cho bọn tiêu hạ không làm phản được? Vậy nên hấn chết chưa bao lâu, mà bọn Lê Văn Khôi đã khởi loạn, cháu hấn cũng đồng tình tạo phản, để cho cả bọn bộ khúc của hấn đều theo giặc cả, không một tên nào trốn đi, rồi nó kết tử đảng, cây có thành cao, hào sâu, lương thực như núi, khí giới tinh nhuệ, đồ đảng lại nhiều, kháng cự lại vương sư, chầy đến 3 năm trời, nhiều lần mở đường sống cho nó, mà chúng nó không biết hối tội đầu thành, đến nổi binh dân gan óc lầy đường, nói ra đau xót đến gốc nguồn thì tội hấn kể từng cái tóc cũng không xuể. Nay hãy đem những công việc của hấn làm, rõ ràng ở tai mắt người ta, để gây nên họa loạn, hiểu thị cho ai nấy đều biết. Còn như Lê Văn Duyệt và con cháu hấn nên xử tội thế nào, thì giao cho đình thần nghị xử”.

Vài hôm sau, Nội các là Hà Quyền 何權, Nguyễn Tri Phương 阮知方, Hoàng Quýnh 黃炯 tâu rằng: Duyệt che chở cho quân phản loạn, gây nên sự biến, cái tai vạ tích lại đã lâu. Nay xét những giấy má của y ngày trước, rõ ra hình tích bội nghịch, có 6 điều:

1. Năm Minh Mệnh thứ 4, y tự tiện sai người riêng là bọn Phan Đạt 潘達 giả danh đi thám, đi thuyền sang nước Diên Điện. Trong thư ấy chắc có giao thông. Cứ lấy nghĩa “làm tôi

không có phép được giao thông với nước ngoài”, thì tâm sự của y đã rõ, ấy là một tội.

2. Đến khi sứ thần nước Diến Điện đến thành, mới tâu vào triều đình. Đã có chỉ dụ nói việc đó quan hệ đến đại nghĩa, không nên khinh thường, nghe lời ngoài mà bỏ tình hòa hiếu, gây việc cừ thù. Vậy mà y cố xin dung nạp. May mà triều đình đã trả đồ cống vật cho sứ Diến Điện về nước, thì danh nghĩa nước lớn ta mới tỏ giải ra thiên hạ. Thế là y chẳng những mưu việc nước không ra gì, mà lại cố giữ lấy ý riêng để che điều lỗi, ấy là hai tội.

3. Năm Minh Mệnh thứ 7, tàu bát phong nước Anh Cát Lợi đậu vào cửa Bình Thuận, đã có chỉ sai sở tại hộ tống, mà y cố xin đưa vào Gia Định, và nói rằng: “Quan trấn kiêm thúc, không bằng thần có quyền, khiến cho kẻ kia sợ tướng lệnh và biết binh oai”. Hai chữ “có quyền” từ xưa vẫn lấy làm răn, mà y dám ngất ngưỡng tự nhận, kiêu tứ đường nào, ấy là ba tội.

4. Năm Minh Mệnh thứ 4, thị vệ là Trần Văn Tình 陳文情 nhân việc công sai ở Gia Định về, có tâu việc Trần Nhật Vĩnh làm riêng phố ngôi, mua trộm các món. Y nghe chuyện làm vậy, năm sau vào châu, cố xin bắt Trần Văn Tình giao cho y để y chém, nếu không giao thì y xin trả chức Tổng trấn; rồi y xin từ chức thực. Có ý yêu quân như vậy, tội gì còn to bằng tội ấy. Vả y xin giết một Trần Văn Tình, thế là bắt người ta phải khóa lưỡi, không ai dám nói nữa, rất là dụng tâm nham hiểm, ấy là bốn tội.

5. Trần Nhật Vĩnh đã có chỉ bổ thụ ký lục Vĩnh Thanh, mà y cố xin lưu ở lại trong thành. Lê Đại Cương 黎大綱 có chỉ tuyên triệu mà y cố xin lưu lại làm việc phủ Lạc Hóa, đều là có ý vi chiếu. Trong tập tâu của y lại nói rằng: “Chuẩn cho thần cầu xin việc ấy, thì hầu có ích cho việc ngoài biên cương”; lại ở trong tập tâu xin chi bổng cho bọn thơ lại, cơ, đội, các vệ, có câu rằng: “Lão thần xa ở ngoài biên khốn chỉ e triều đình tin dùng không được vững bền”. Trong lời lẽ ấy đều là không kính, ấy là năm tội.

6. Năm Minh Mệnh thứ 6, y tâu xin tăng thọ cho Lê Chất, có nói rằng: “Ấy là vị thánh được khởi tử hồi sinh, tiếc gì mà không làm”. Y là chức biên khố dám kết đảng tư tình như thế, rất trái với đạo làm tôi, ấy là sáu tội. Vả lại nghe y bình nhật thường khoe chuyện với người ta rằng: y xin được quẻ thẻ có 4 câu thơ:

*Tá Hán tranh tiên chư Hán tướng,  
Phù Chu ninh hậu thập Chu thần.  
Tha niên tái ngộ Trần Kiều sự,  
Nhất đán hoàng bào bức thử thân.*

Dịch Nôm:

*Giúp Hán há thua cùng tướng Hán,  
Phò Chu nào kém bọn tôi Chu,  
Trần Kiều nếu gặp cơn binh biến,  
Mảnh áo hoàng bào dễ ép nhau!*

Giá y không phải là người sẵn có bụng bất trung, thì không khi nào dám khoe bài thơ ấy với người ta. Bởi vậy bọn tiêu hạ tập quen thành thói, cho nên thầy y chưa lạnh mà đã có việc này. Vậy xin giao cả lời tâu này cho đình thần kết án để chính tội.

Vua ưng cho. Đến khi nghị án xong, trích ra các lời nói, việc làm, bội nghịch, có 7 tội nên trảm:

1. Sai người đi riêng sang Diên Điện, âm kết ngoại giao.
2. Xin giao tàu Anh Cát Lợi đến thành, để tỏ có quyền.
3. Xin giết thị vệ là Trần Văn Tình, để khóa miệng người ta.
4. Kháng số xin lưu quan viên bỏ đi chỗ khác.
5. Lập đảng mà xin tăng thọ cho Lê Chất.
6. Giấu chứa giấy ngụy bảo.
7. Mộ cha, tiếm gọi là *lăng*, đối với người ta, tự xưng là cô.

Có hai tội nên giảo: 1. Cố xin dung nạp Diến Điện để che chở cái lỗi của mình; 2. Nói chuyện với người ta xin được quẻ thẻ có câu thơ hoàng bào.

Một tội nên phát quân: tự tiện sai biên binh tu tạo tàu thuyền.

Sự biến Phiên An, y thực là đầu vạ nên chiếu theo luật mưu phản, khép vào tội lăng trì; song y đã chịu minh tru, vậy xin truy đoạt cáo sắc, bỏ quan quách giết thân, để tỏ gương răn cho người khác. Còn như tăng tổ, tổ phụ của y được phong tặng cáo sắc, thì xin truy đoạt cả; tiên phần có tiếm dụng trái phép nào thì tước hủy đi; con, cháu, vợ cả, vợ lẽ, đều phân biệt nghị tội; tài sản thì tịch biên hết.

Ấn ấy đệ lên. Những tội nguyên nghị trăm quyết đổi làm giam hậu, con cháu từ 15 tuổi trở xuống, tạm hãy nghiêm cấm; trẻ thơ ấu chưa biết gì thì tha không bắt; ba họ phải phát nô cũng đều tha; nguyên nghĩ lục thì cũng thôi.

Lại sai Hình bộ sao bản văn án phát cho Tổng đốc, Tuần phủ các tỉnh, cho cứ ý kiến riêng mà tâu về. Hộ phủ Lạng Bình là Trần Huy Phác 陳輝樸 xin điều phép tội trăm quyết. Hộ phủ Quảng Yên là Lê Dục Đức 黎育德 xin người nào từ 16 tuổi trở lên đều chém, còn thì đều y như đình nghị. Tổng đốc Bình Phú là Võ Xuân Cẩn 武春謹, Tổng đốc Ninh Thái là Hoàng Văn Trạm 黃文站 cũng đều xin y đình nghị. Lại nói kèm một câu rằng: hoặc nên lấy công bù tội châm chước ít nhiều thì tự thiên ân.

Dụ rằng: “Xem vậy thì đủ biết lẽ trời không sai, mà công đạo ở lòng người không ai giấu được. Kẻ quyền gian kia gây vạ, thiên hạ ai ai cũng căm tức, muôn miệng cùng lời, đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội Lê Văn Duyệt nhổ từng cái tóc mà kẻ cũng không hết, nói ra đau lòng, dù có bỏ quan quách mà giết thân, cũng là đáng tội. Song nghĩ hấn chết đã lâu, và đã truy đoạt quan tước, xương khô trong mả, không bỏ gia hình. Vậy cho Tổng đốc Gia Định đến chỗ mả hấn, san làm đất phẳng và khắc





đá dựng bia ở trên viết to chữ “*Chỗ này là nơi quyền yêm Lê Văn Duyệt phục pháp*”, để chính tội danh cho kẻ đã chết, mà tỏ phép nước về đời sau, làm gương cho kẻ quyền gian muôn đời.

Không những Lê Văn Duyệt là họa thủ tội Khôi, mà tên cháu y là Lê Văn Hán cũng giao thông với giặc, thì thân thuộc phải tội, trong luật đã có điều nói rõ rồi. Song nghĩ nó chẳng qua cuồng dại một lúc, qua lại với giặc mà thôi, sánh với kẻ trước sau theo giặc kháng cự quan quân, hơi có khác nhau. Và đã xử cực hình, cũng đủ tỏ phép nước rồi. Những kẻ thân thuộc khác, khép tội trảm giam hậu, cũng đủ cho nó phục tội. Lời dụ này chuẩn lục tống phát cho mỗi tỉnh một đạo, để cho ai nấy đều biết triều đình xử rất công, rõ ràng cái cân ba thước mà nghiêm như rìu búa nghìn thu”.

**Lê Chất:** Án Lê Văn Duyệt phát ra năm trước thì năm sau có quan Lại bộ tả Thị lang là Lê Bá Tú 黎伯秀 truy tham những tội bất thần của Lê Chất 黎質, có 6 tội nên chết:

1. Chất cùng Duyệt toan mưu làm việc Y, Hoắc (phế lập), bị hai đứa ở nói hở ra ngoài, bèn giết chúng nó để buộc miệng, là một tội.
2. Mấy lần cố xin thưởng cho Hoàng tử để làm con nuôi, muốn bắt chúc lối cũ của Dương Kiên, là hai tội.
3. Muốn cho con gái chính vị trong cung, không được thỏa chí, nói ra những lời oán vọng, là ba tội.
4. Thường nói chuyện với Lê Văn Duyệt rằng: “Người ta thường nói trời, vua và cha mẹ, người làm con, làm tôi dù có điều bất bình, cũng không dám giận, mà một mình tôi dám giận” là bốn tội.
5. Lại nói rằng: “Vua cậy có Trịnh Hoài Đức, Nguyễn Hữu Thuận phúc tâm, chỉ đem độ vài trăm người vào châu, quát to một tiếng, bọn ấy cũng phải phục xuống đất, rồi ta muốn làm gì ta làm” là năm tội.



6. Lại nói rằng quốc tính đổi làm tôn thất, đều là bọn Hoài Đức a dua xui giục, nên đem chém ở trước cửa miếu để chính tội, là sáu tội.

Lại có 10 tội tiếm lạm:

1. Khi y ở Bắc Thành, đầu năm điểm binh, dám lên lầu Ngũ Môn ngồi chính giữa.

2. Đệ niên thuyền tải ngoài bể, y lấy của riêng mà tải vào thuyền công.

3. Cùng với Lê Văn Duyệt dâng biểu từ chức để bắt bí nhà vua.

4. Việc sinh sát dữ đoạt, hay tự tiện.

5. Trái phép, ăn lễ, giàu đến nghìn vạn.

6. Tấu số không hợp phép, có chỉ không cho, mà cứ nhất định nộp lại, có Lê Văn Duyệt ngăn đi mới thôi.

7. Nuôi những cung nữ tiên triều, không biết kiêng nể gì.

8. Nơi công sảnh tiếm làm gác chuông, gác trống.

9. Tội án Lê Duy Thanh đã thành, lại còn cùng với Lê Văn Duyệt cố xin nghị lại.

10. Điều bổ cơ binh, phủ binh, xin lấy chức quan văn mà thi hành.

Vậy xin giao cho đình nghị, để chính tội danh làm gương cho kẻ gian trăm đời.

Vua dụ rằng: “Chất, tính vốn sài lang, nét như ma quỷ, làm tôi thì bất trung, bất chính, xử việc thì đại ác đại gian, việc nào cũng càn rỡ, ai là chẳng tức giận, chẳng những là 16 tội mà thôi đâu. Trước kia trăm nghĩ hấn cùng với Lê Văn Duyệt, dẫu mang lòng bất thần, nhưng người ta không chịu theo, thì chắc không dám gây sự. Vả hấn là nhất phẩm đại thần; dù có mưu



gian mà thần dân chưa cáo tố, thì không nổi bắt tội. Kể đến hấn lại chịu tội minh tru rồi thì lưới trời tưởng cũng không thoát, cho nên cũng chẳng kể làm gì nữa. Nay đã có người tham hạch, vậy thì phải trái cho công, đã có triều đình pháp luật. Chuẩn cho đình thần đem 16 điều tội của hấn mà định rõ tội danh, vợ con cũng án luật mà nghị xử, duy con gái nào đã xuất giá, cùng là cháu trai còn nhỏ thì tha”.

Đình thần nghị rằng: Chất, bất pháp bất trung, đại gian đại ác, có 6 tội nên lăng trì, 8 tội nên trảm, 2 tội nên giảo. Những tội phạm phạm, âm mưu điều bất quỷ, thì khép vào tội bạn nghịch mà xử lăng trì. Song y đã chịu tội minh tru, vậy xin truy đoạt cáo sắc, bỏ áo quan, lột thân, khiêu thủ để thị giới. Còn cáo sắc phong cho cha mẹ y, cũng xin truy đoạt; vợ là Lê Thị Sai 黎氏瑤 từng đồng mưu bạn với chồng, nghĩ trảm lập quyết. Lại phát cho các Tổng đốc, Tuần phủ, mỗi nơi một đạo văn án, để cho đem ý riêng bày tỏ tâu về, cho công lòng chúng. Các địa phương tâu về, đều xin y đình nghị.

Ngài dụ rằng: “Như vậy đủ rõ lẽ trời ở tại lòng người, công luận không bao giờ mất. Kể gian thần chứa vạ, muôn miệng cùng một lời, đủ làm án sắt thiên cổ. Vả Lê Chất cùng với Lê Văn Duyệt, dựa nhau làm gian, tội ác đầy chứa, nhổ từng cái tóc mà tính cũng không hết, giá thủ bỏ áo quan giết thân, cũng không là quá. Song lại nghĩ Chất tội cũng như Duyệt, trước kia Duyệt đã không bỏ áo quan giết thân, thì nắm xương khô của Chất nay cũng chẳng màng bắt tội. Vậy cho Tổng đốc Bình Phú Võ Xuân Cẩn 武春謹 san phẳng mộ của hấn, khắc bia dựng lên trên đề to mấy chữ: “*Chỗ này là nơi Lê Chất phục pháp*” để làm gương cho kẻ gian tặc muôn đời. Còn vợ hấn là Lê Thị Sai cùng ở một nhà, dự biết mưu bạn nghịch, xử vào cực hình, cũng là phải, song kẻ đàn bà chẳng cần vội vàng chính pháp. Vậy Lê Thị Sai cùng con là Lê Cẩn 黎瑾, Lê Trương 黎張, Lê Thường



黎常, Lê Ky 黎騎, đều cải làm trăm giam hậu. Lại tịch biên gia sản, được hơn 12.000 quan tiền, giao tỉnh chứa cả vào kho<sup>(1)</sup>.

## 8. Giặc Tiêm La

Nước Tiêm La 暹羅 tự khi mất quyền bảo hộ ở Chân Lạp, vẫn có ý muốn sinh sự với nước Nam, nhưng còn sợ thế lực Nguyễn triều chưa dám làm gì, chỉ thỉnh thoảng sang sinh sự với những nước ở Lào. Hễ khi nào Tiêm và Lào đánh nhau, thì nhà vua sai quan quân phòng giữ những chỗ biên thù, và sang cứu viện những nước bị người Tiêm bắt nạt. Như năm Đinh Hợi (1827) là năm Minh Mệnh thứ 8, nước Tiêm đánh lấy nước Vạn Tượng (Vientiane). Quốc trưởng nước ấy là A Nỗ<sup>(2)</sup> 阿弩 chạy sang cầu cứu, vua Thánh Tổ sai quan Thống chế là Phan Văn Thúy 潘文瑒 làm Kinh lược biên vụ đại thần, đem binh tượng sang cứu A Nỗ.

Tháng chín năm ấy, bọn Lê Đức Lộc 黎德祿, Nguyễn Công Tiến 阮公進 đem binh ở Nghệ An chia làm hai đạo đi đường Quy Hợp và đường Lạc Phàm qua Trấn Ninh sang cứu A Nỗ. Đi đến đâu vẽ những sông núi hình thế hiểm trở rồi gửi về kinh.

A Nỗ mất nước không lấy lại được, phải theo quân An Nam về Nghệ An, đợi thu xếp quân sĩ để về đánh báo thù. Đến năm Mậu Tý (1828) A Nỗ nói rằng quân Lào tụ hợp được đủ rồi, xin

---

(1) Đến năm Tự Đức nguyên niên (1847) quan Đông các Đại học sĩ là Võ Xuân Cẩn 武春謹 làm sớ tâu xin gia ân cho con cháu Nguyễn Văn Thành. Trong bài sớ có lắm câu thăm thiết. Có chỗ nói rằng: “Nguyễn Văn Thành, Lê Văn Duyệt và Lê Chất đều có lòng theo mây đợi gió, xông pha chỗ mũi tên hòn đạn, thân làm đại tướng, tước đến Quận công, sau hoặc vì con đại, hoặc vì cậy công mà làm thành tội... Dù bọn Nguyễn Văn Thành có tội, thì tội đã trị rồi, mà công thì không hỏi đến, chẳng hóa ra đem cái công lao bách chiến mà để đến nỗi cái tàn hồn phải bơ vơ như ma trôi ngoài đồng, khác nào quỷ Mạc Ngao không ai thờ cúng không?”. Vua Dực Tông xem bài sớ ấy lấy làm cảm động bèn truy phong cho bọn Nguyễn Văn Thành và cấp phẩm hàm cho các con cháu.

(2) Sách gốc ghi là A Nộ [BT].



cho quan quân đưa về nước. Vua Thánh Tổ sai Phan Văn Thúy 潘文琚 làm Kinh lược đại thần, Nguyễn Văn Xuân 阮文春 làm phó, Nguyễn Khoa Hào 阮科豪 làm Tham tán, đem 3.000 quân và 24 con voi, đưa A Nỗ về Trấn Ninh.

Đến Trấn Ninh, A Nỗ xin đem quân Lào về Vạn Tượng (Vientiane). Phan Văn Thúy cho hai đội quân Thần sách đi hộ tống. Về đến Vạn Tượng, A Nỗ đem quân đi đánh quân Tiêm, quân sĩ chết hại rất nhiều, rồi lại sai người sang Nghệ An xin viện binh.

Vua Thánh Tổ thấy A Nỗ hay sinh sự đánh nhau mà không được việc gì, bèn không cho quân sang cứu, chỉ xuống lệnh truyền cho các hạt ở Lào phải phòng giữ những chỗ biên thù. A Nỗ không có quân cứu viện, bị quân Tiêm đến đánh, lại phải bỏ thành mà chạy sang Trấn Ninh. Được ít lâu, Chiêu Nội 昭內 là thủ lĩnh Trấn Ninh bắt A Nỗ đem nộp cho Tiêm La.

Quân Tiêm La phá được Vạn Tượng rồi, lại xâm vào đến các châu phụ thuộc về nước Nam, ở mạn gần Quảng Trị. Vua Thánh Tổ sai Thống chế Phạm Văn Điển 范文典 kinh lý mọi việc ở Cam Lộ, sai Lê Đăng Doanh 黎登瀛 làm Tham tán quân vụ, cùng với quân các đạo ở Lào đi tiêu trừ.

Phạm Văn Điển, một mặt thì cho người đem thư sang trách nước Tiêm La sinh sự, một mặt thì chia quân làm ba đạo tiến lên đánh.

Tướng Tiêm La viết thư trả lời một cách khiêm nhường lắm, rồi rút quân về. Từ đó nước Tiêm bề ngoài vẫn thông sứ đi lại để giữ sự hòa hiếu, nhưng ngầm ngầm cứ tìm cách quấy nhiễu nước Nam. Ở phía Tây Nam, người Tiêm vẫn dung túng những người phản nghịch nước Chân Lạp mà ở phía Tây Bắc thì vẫn cứ hà hiếp Vạn Tượng và các nước nhỏ khác. Dù thế mặc lòng, vua Thánh Tổ không muốn gây việc binh đao, cứ dùng lời nói ngọt mà trang trải mọi việc.



Đến cuối năm Quý Tỵ (1833) nhân có nguy Khôi khởi loạn ở đất Gia Định và tên Khôi lại cho người sang cầu cứu, vua Tiêm La bèn sai quân thủy bộ chia ra làm 5 đạo sang đánh Việt Nam.

Đạo thứ nhất thủy quân đem hơn 100 chiếc thuyền vào đánh lấy Hà Tiên; đạo thứ nhì bộ quân sang đánh Nam Vang (Phnom Penh), rồi tiến lên đánh lấy Châu Đốc và An Giang; đạo thứ ba đánh lấy mặt Cam Lộ; đạo thứ tư đánh Cam Cát, Cam Môn; đạo thứ năm đánh Trấn Ninh.

Tuy rằng quân nghịch năm đạo cùng tiến, nhưng chủ đích của Tiêm La là cốt đánh Chân Lạp và Nam Kỳ, còn các đạo khác là để phân quân lực của nước Nam mà thôi.

Vua Thánh Tổ được tin báo cấp, liền xuống chiếu sai quan quân phòng ngự các nơi. Phía Tây Nam thì sai quân thứ ở Gia Định, chia quân cho Trương Minh Giảng 張明講 và Nguyễn Xuân 阮春 đi tiến tiểu ở mặt An Giang. Phía Tây Bắc thì sai Lê Văn Thụy 黎文瑞 giữ mặt Cam Lộ, thuộc Quảng Trị, Phạm Văn Điển 范文典 giữ mặt Nghệ An. Lại sai Nguyễn Văn Xuân 阮文春<sup>(1)</sup> làm Kinh lược đại sứ đi tiểu trừ quân Tiêm và quân Lào ở Trấn Ninh.

Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân đại phá quân Tiêm La ở sông Cổ Căng. Quân Tiêm La ở Chân Lạp cũng bị người bản xứ đánh phá. Chỗ nào quân nghịch cũng thua to chết hại rất nhiều; chỉ trong một tháng mà quan quân lấy lại Hà Tiên và Châu Đốc, đuổi quân Tiêm ra ngoài bờ cõi, rồi tiến lên đánh lấy lại thành Nam Vang và đưa vua Chân Lạp là Nặc Ông Chân về nước.

Trương Minh Giảng và Nguyễn Xuân từ Nam Vang tiến lên đánh quân Tiêm, liên phá mấy trận, chém tướng bắt binh lấy được súng ống khí giới không biết ngần nào mà kể. Tướng

---

(1) Nguyễn Xuân 阮春 thì làm Tham tán đại thần theo Trương Minh Giảng, Nguyễn Văn Xuân 阮文春 thì làm hữu quân lĩnh An Tĩnh Tổng đốc đi đánh mặt Trấn Ninh.



Tiêm La là Phi Nhã Chất Tri 丕雅質知 đem bại binh chạy về nước, quan quân đuổi đánh lấy lại thành Phú Túc (Pursat) rồi cho người Chân Lạp ở lại giữ các nơi: chỗ nào hiểm yếu thì làm đồn đắp lũy, để phòng ngự quân giặc.

Những đạo quân Tiêm và quân Lào sang đánh ở mặt Quảng Trị, Nghệ An và Trấn Ninh, đều bị tướng quân là Nguyễn Văn Xuân 阮文春, Phạm Văn Điển 范文典 và Lê Văn Thụy 黎文瑞 đánh đuổi, chỗ nào quan quân cũng được toàn thắng, giữ được bờ cõi nguyên như cũ cả.

Quân Tiêm sang đánh từ tháng giêng năm Giáp Ngọ (1834), đến tháng năm năm ấy, thì quan quân đã bình xong cả mọi nơi. Vua Thánh Tổ mừng rỡ, ban thưởng cho các tướng sĩ và bố cáo ra cho mọi nơi đều biết.

## 9. Việc Ai Lao

Nước Nam ta về đời vua Thánh Tổ thì to rộng hơn cả, là vì quân Tiêm La cứ hay sang quấy nhiễu cho nên các xứ ở Lào đều xin về nội thuộc nước ta.

Năm Đinh Hợi (1827), người Nam Chưởng (Luang Prabang) thông với Tiêm La, rồi cứ đem quân xuống quấy nhiễu đất Trấn Ninh. Từ trưởng là Chiêu Nội 昭內 xin đem đất Trấn Ninh về nội thuộc Việt Nam. Vua Thánh Tổ phong cho Chiêu Nội làm Trấn Ninh phòng ngự sứ 防禦使 cai quản cả 7 huyện, lại phong cho những thổ mục làm thổ tri huyện và thổ huyện thừa. Chiêu Nội dâng số dân đinh và điền thổ, cả thấy được 3.000 suất đinh và 28 sở ruộng.

Lại có đất Tam Động và Lạc Phàn (trước thuộc về Vạn Tượng) cũng xin nội thuộc. Triều đình chia những đất ấy ra làm hai phủ là Trấn Tĩnh phủ 鎮靖府 và Lạc Biên phủ 樂邊府. Năm ấy lại có xứ Xa Hồ (?), Sâm Tộ (Sam-teu), Mường Soạn (?), Mang Lan (Mường Lam), Trình Cố (Xiêng Khô), Sâm Nứa



(Sam-neua), Mường Duy (?) và ở Ngọc Ma có Cám Cát (Kham-keut), Cam Môn và Cam Linh (?) đều xin về nội thuộc. Vua Thánh Tổ chia những đất ấy ra làm ba phủ là Trấn Biên 鎮邊, Trấn Định 鎮定 và Trấn Man 鎮蠻.

Phủ Trấn Biên có bốn huyện là Xa Hồ, Sầm Tộ, Mang Soạn, Mang Lan; phủ Trấn Định<sup>(1)</sup> có ba huyện là Cam Cát, Cam Môn và Cam Linh. Hai phủ ấy đều thuộc về Nghệ An. Còn phủ Trấn Nam có ba huyện là Trình Cố, Sầm Nứa, Man Duy thì thuộc về Thanh Hóa.

Ở miền Cam Lộ thuộc Quảng Trị lại có những mường Mang Vang (?), Ná Bí (?), Thượng Kế (?), Tả Bang (?), Xương Thịnh (?), Tầm Bồn (?), Ba Lan (?), Mang Bồng (?), Lang Thời (?), xin về nội thuộc, chia ra làm 9 châu, cho chiếu lệ triều cống.

Đại khái là đất Sầm Nứa, đất Trấn Ninh, đất Cam Môn và đất Savannakhet bây giờ, thuở ấy thuộc về Việt Nam ta cả.

## 10. Việc Chân Lạp

Ở nước Chân Lạp thì từ khi quan quân phá được giặc Tiêm rồi, Tướng quân là Trương Minh Giảng 張明講 và Tham tán là Lê Đại Cương 黎大綱 lập đồn An Nam ở gần Nam Vang để bảo hộ Chân Lạp.

Cuối năm Giáp Ngọ (1834), vua nước Chân Lạp là Nặc Ông Chân mất, không có con trai, quyền cai trị trong nước về cả mấy người phiên liêu là bọn Trà Long 茶龍 và La Kiên 羅堅. Những người này đều là người Chân Lạp mà lại nhận quan chức Việt Nam. Đến năm Ất Mùi (1835), Trương Minh Giảng xin lập người con gái của Nặc Ông Chân tên là Angmey lên làm quận chúa, gọi là Ngọc Vân công chúa 玉雲公主, rồi đổi nước Chân Lạp ra làm Trấn Tây thành 鎮西城, chia ra làm 32 phủ và 2 huyện. Đặt một Tướng quân 將軍, một Tham tán đại thần

(1) Ở gần địa hạt Hà Tĩnh bây giờ.





參贊大臣, một Đề đốc 提督, một Hiệp tán 協贊 và 4 chánh phó Lĩnh binh 領兵, để coi mọi việc quân dân. Ở các chỗ yếu hại, lại đặt chức Tuyên phủ 宣撫, An phủ 安撫 để phòng ngự.

Năm Canh Tý (1840), nhà vua sai Lê Văn Đức 黎文德 làm khâm sai đại thần, Doãn Uẩn 尹蘊 làm phó và cùng với Trương Minh Giảng để kinh lý mọi việc ở Trấn Tây thành, khám xét việc buôn bán, đo ruộng đất, định thuế đình, thuế thuyền bè buôn bán dưới sông.

Nhưng vì quan lại Việt Nam ta sang làm nhiều điều trái lẽ, những nhiều dân sự, lại bắt Ngọc Vân chúa đem về để ở Gia Định, bắt bọn Trà Long và La Kiên đày ra Bắc Kỳ, dân Chân Lạp ai cũng oán giận, chỗ nào cũng có giặc giã nổi lên đánh phá. Lại có em Nặc Ông Chân là Nặc Ông Đôn khởi nghĩa, có người Tiêm La giúp đỡ, thành ra quan quân đánh mãi không được. Về sau đến khi vua Thánh Tổ mất rồi, quan quân phải bỏ thành Trấn Tây mà rút về An Giang.

Ấy cũng là vì người mình không biết bênh vực kẻ hèn yếu, chỉ đem lòng tham tàn mà ức hiếp người ta, cho nên thành ra hao tổn binh lương, nhọc mệt tướng sĩ, mà lại phải sự bại hoại thật là thiệt hại cho nước mình.

## 11. Việc giao thiệp với những nước ngoại dương

Việc giao thiệp của nước Nam ta với các nước ngoại dương mà ngăn trở là bởi có hai lẽ: một là vì sự cấm giảng đạo Thiên Chúa; hai là vì người nước mình lúc bấy giờ không hiểu thời thế, cứ tự đắc mình là văn minh hơn người, không chịu học tập như người ta mà theo đường tiến bộ.

Nước ta từ đời thập thất thế kỷ, về nhà Hậu Lê đã có người Âu La Ba ra vào buôn bán, hoặc ở Phố Hiến (Hưng Yên), hoặc ở cửa Hội An (Faifo), đều không có việc gì ngăn trở cả. Chỉ có sự giảng đạo Thiên Chúa ở trong nước là hay bị sự ngăn cấm.



Ngày trước chúa Trịnh và chúa Nguyễn đã có dụ nghiêm cấm. Đến đời Nguyễn Tây Sơn thì trong nước rối loạn, còn phải lo việc chiến tranh, cho nên không nói đến việc cấm đạo. Về sau, khi vua Thế Tổ nhất thống cả Nam Bắc, thì ngài nhớ ơn bên đạo có công giúp rập trong lúc gian truân, vẫn để các giáo sĩ được phép đi giảng đạo mọi nơi. Mãi đến đời vua Thánh Tổ thì việc nước đã yên, nhà vua lưu ý về sự giáo hóa, lấy Nho đạo làm chính đạo và cho các tôn giáo khác làm tả đạo, bắt dân gian phải bỏ tà theo chính. Sự cấm đạo lại khởi đầu phát ra nữa.

Mà cũng vì cấm đạo, cho nên sự buôn bán của những người ngoại dương ở nước ta, thành ra ngăn trở. Bởi vì triều đình thấy thỉnh thoảng có chiếc tàu buôn lại, thì có một vài người giáo sĩ vào giảng đạo, ngăn cấm thế nào cũng không được, tưởng là có ý do thám gì chẳng, cho nên lại càng nghi ngờ lắm.

Vả lại về đời nhà Nguyễn lúc bấy giờ ở trong nước cũng không có người ngoại quốc ra vào buôn bán, chỉ có mấy người Pháp Lan Tây trước đã theo giúp vua Thế Tổ, rồi ở lại làm quan tại triều là Chaigneau và Vannier. Khi vua Thế Tổ hãy còn, thì Chaigneau có xin về nước Pháp nghỉ ba năm, đến năm Tân Tỵ (1821), ông ấy trở sang thì lại nhận chức lãnh sự và chức khâm sai của vua Louis XVIII, đem đồ phẩm vật và tờ quốc thư sang điều đình việc thông thương với nước Nam. Chaigneau sang đến nơi thì vua Thế Tổ mất rồi, vua Thánh Tổ tiếp đãi Chaigneau cũng tử tế, và ngài sai quan trả lời cho Pháp hoàng rằng nước Nam và nước Pháp không việc gì mà phải làm điều ước về việc thương mại. Việc vào buôn bán ở nước Nam, thì cứ theo luật nước Nam, không điều gì ngăn trở cả.

Năm Nhâm Ngọ (1822) có chiếc tàu chiến của Pháp tên là Cléopâtre vào cửa Đà Nẵng, người quản tàu tên là Courson de la Ville Héllio nhờ Chaigneau xin phép cho vào yết kiến vua Thánh Tổ; ngài không cho. Tháng 7 năm ấy, có tàu Anh Cát Lợi vào Đà Nẵng xin thông thương, nhà vua cũng không cho.



Chaigneau thấy nhà vua càng ngày càng nhạt nhẽo với mình, và cũng không làm được công việc gì có ích, bèn cùng với Vannier xin từ chức, rồi đến cuối năm Giáp Thân (1824), hai người xuống tàu đi qua Gia Định về Pháp.

Tháng giêng năm Ất Dậu (1825), lại có Thủy quân Đại tá nước Pháp là ông Bougainville đem hai chiếc tàu chiến là Thétis và Espérance vào cửa Đà Nẵng, đem đồ phẩm vật và quốc thư, xin vào yết kiến vua Thánh Tổ. Ngài nói rằng nước Pháp và nước Anh là hai nước cừu địch, mà nước ta trước đã không tiếp sứ Anh Cát Lợi, lẽ nào nay lại tiếp sứ nước Pháp. Và lúc bấy giờ Chaigneau và Vannier đã về cả rồi, ngài bèn đem đồ vật ban thưởng cho sứ nước Pháp và nói rằng ở trong triều không có ai biết tiếng Pháp, cho nên không thể tiếp được.

Qua năm sau (1826) chính phủ Pháp lại sai cháu ông Chaigneau sang làm Lãnh sự thay cho chú, nhưng sang đến nơi, triều đình nước ta không nhận, đến năm Kỷ Sửu (1829) lại phải trở về.

Từ đó cho đến 10 năm về sau nước Pháp tuyệt giao với nước Nam ta. Mà lúc bấy giờ chỉ trừ mấy người giáo sĩ đi giảng đạo ở chỗ thôn dã ra, thì trong nước cũng không có người ngoại dương nào ở nữa.

## 12. Sự cấm đạo

Từ khi vua Thánh Tổ lên ngôi, ngài đã có ý không cho người ngoại quốc vào giảng đạo ở trong nước. Đến năm Ất Dậu (1825), khi chiếc tàu Thétis vào cửa Đà Nẵng, có một người giáo sĩ tên là Rogerot ở lại đi giảng đạo các nơi, vua Thánh Tổ nhân dịp ấy mới có dụ cấm đạo, và truyền cho các quan phải khám xét các tàu bè của ngoại quốc ra vào cửa bể. Trong dụ nói rằng: “Đạo phương Tây là tả đạo, làm mê hoặc lòng người và hủy hoại phong tục, cho nên phải nghiêm cấm để khiến người ta phải theo chính đạo”.



Ngài lại sai tìm bao nhiêu những giáo sĩ ở trong nước đem cả về Huế để dịch những sách Tây ra chữ Việt Nam, chủ ý là không phải vì việc dịch sách, nhưng là để cho khỏi đi giảng đạo ở chỗ hương thôn.

Lúc bấy giờ không phải là một mình vua Thánh Tổ ghét đạo mà thôi, phần nhiều những quan lại cũng đều một ý cả, cho nên sự cấm đạo lại càng nghiêm ngặt thêm. Nhưng mà dầu cấm thế nào mặc lòng, trong nước vẫn có người đi giảng đạo, nhà vua lấy điều đó làm trái phép, lại có dụ ra lần nữa truyền cho dân bên giáo phải bỏ đạo, và ai bắt được giáo sĩ đem nộp thì được thưởng. Năm ấy ở Huế có một người giáo sĩ phải xử giáo, và ở các nơi cũng rối loạn vì sự bắt đạo và giết đạo.

Từ đó trở đi, trong Nam ngoài Bắc, chỗ nào cũng có giặc giã nổi lên, nhà vua ngờ cho dân bên đạo theo giúp quân giặc, lại càng cấm nghiêm: từ năm Giáp Ngọ (1834) cho đến năm Mậu Tuất (1838) có nhiều giáo sĩ và đạo đồ bị giết nhất là từ khi bắt được cố Du (P. Marchand) ở Gia Định rồi, sự giết đạo lại dữ hơn trước nữa.

Nhà vua một mặt thì cấm đạo, một mặt thì ban những huấn điều ra để khuyên dân giữ lấy đạo chính. Nhưng nhà vua mà dùng uy quyền để giết hại bao nhiêu, thì dân sự lại khổ sở bấy nhiêu, chứ lòng tin tưởng của người ta không sao ngăn cấm được. Vả lại đạo Thiên Chúa cũng là một đạo tôn nghiêm, dạy người ta lấy lòng nhân ái, việc gì mà làm khổ dân sự như thế? Các giáo sĩ bấy giờ cứ một niềm liều sống chết đi truyền giáo cho được, có người phải đào hầm mà ở dưới đất hàng mấy tháng để dạy đạo. Những người có chí bền chặt như vậy, thì hình phạt cũng vô ích mà thôi. Năm Mậu Tuất (1838), vua Thánh Tổ thấy cấm thế nào cũng không được những người đi giảng đạo trong nước, ngài bèn sai sứ sang nước Pháp để điều đình với chính phủ Pháp về việc ấy. Song khi sứ thần Việt Nam ta sang đến nơi thì hội Ngoại quốc Truyền đạo xin Pháp hoàng là vua Louis



Philippe dừng tiếp<sup>(1)</sup>. Sứ thần ta phải trở về không; khi về đến Huế thì vua Thánh Tổ đã mất rồi.

Về sau việc cấm đạo cứ dai dẳng mãi đến khi nước Pháp sang bảo hộ mới thôi.

### 13. Vua Thánh Tổ mất

Vua Thánh Tổ mất năm Canh Tý (1840), thọ được 50 tuổi, và trị vì được 21 năm, miếu hiệu là Thánh Tổ Nhân Hoàng đế 聖祖仁皇帝.

Trong đời vua Thánh Tổ làm vua, pháp luật, chế độ, điều gì cũng sửa sang lại cả, làm thành một nước có cương kỷ. Nhưng chỉ vì ngài nghiêm khắc quá, cứ một mực theo cổ, chứ không tùy thời mà biến hóa phong tục; lại không biết khoan dung cho sự sùng tín, đem giết hại những người theo đạo, và lại tuyệt giao với ngoại quốc làm thành ra nước Nam ta ở lẻ loi một mình.

Đã hay rằng những điều lầm lỗi ấy là trách nhiệm chung cả triều đình và cả bọn sĩ phu nước ta lúc bấy giờ, chứ không riêng chỉ một mình ngài, nhưng ngài là ông vua chuyên chế một nước, việc trong nước hay dở thế nào, ngài cũng có một phần trách nhiệm rất to, không sao chối từ được. Vậy cứ bình tĩnh mà xét, thì chính trị của ngài tuy có nhiều điều hay cũng có nhiều điều dở: ngài biết cương mà không biết nhu, ngài có uy quyền mà ít độ lượng, ngài biết có dân có nước mà không biết thời thế tiến hóa. Bởi vậy cho nên nói rằng ngài là một ông anh quân thì khí quá, mà nói rằng ngài là ông bạo quân thì không công bằng. Dầu thế nào mặc lòng, ngài là một ông vua thông minh, có quả cảm, hết lòng lo việc nước, tưởng về bản triều nhà Nguyễn chưa có ông vua nào làm được nhiều công việc hơn ngài vậy.

---

(1) Sách *Histoire de la Cochinchine Francaise* của ông Cultru.

# NƯỚC NAM VỀ ĐỜI MINH MỆNH





## CHƯƠNG IV

# HIẾN TỔ

(1841 - 1847)

Niên hiệu: *Thiệu Trị* 紹治



1. Đức độ vua Hiến Tổ

2. Việc Chân Lạp

3. Việc Tiêm La

4. Việc giao thiệp với nước Pháp

### 1. Đức độ vua Hiến Tổ

Tháng giêng năm Tân Sửu (1841) Hoàng thái tử huy là Miên Tông 綿宗 lên ngôi ở điện Thái Hòa, đặt niên hiệu là Thiệu Trị.

Tính vua Hiến Tổ thuần hòa, không hay bày ra nhiều việc và cũng không được quả cảm như Thánh Tổ. Trong đời ngài làm vua, học hiệu, chế độ, thuế má, điều gì cũng theo như triều vua Thánh Tổ cả. Bầy tôi lúc bấy giờ có Trương Đăng Quế 張登桂, Lê Văn Đức 黎文德, Doãn Uẩn 尹蘊, Võ Văn Giải 武文解, Nguyễn Tri Phương 阮知方, Lâm Duy Tiếp 林維浹 trong ngoài ra sức giúp rập. Nhưng mà đất Nam Kỳ có giặc giã, dân Chân Lạp nổi loạn, quân Tiêm La sang đánh phá, nhà vua phải dùng binh đánh dẹp mãi mới xong.

### 2. Việc Chân Lạp

Nguyên từ cuối đời đức Thánh Tổ, đất Nam Kỳ và đất Chân Lạp đã có giặc giã, các ông Trương Minh Giảng, Nguyễn



Tiến Lâm, Lê Văn Đức, Nguyễn Công Trứ cứ phải đem quân đi tiêu trừ mãi, đánh được chỗ này thì chỗ kia nổi lên. Sau ở Nam Kỳ lại có Lâm Sâm 林森 cùng với bọn thầy chùa làm loạn ở Trà Vinh; ở Chân Lạp thì những người bản xứ cùng với người Tiêm La đánh phá. Quan quân chống không nổi. Triều đình lấy việc ấy làm lo phiền. Năm Thiệu Trị nguyên niên (1841) ở trong triều, ông Tạ Quang Cự 謝光巨 tâu xin bỏ đất Chân Lạp, rút quân về giữ An Giang. Vua nghe lời ấy, xuống chiếu truyền cho tướng quân là Trương Minh Giảng rút quân về. Trương Minh Giảng về đến An Giang thì mất. Bởi vì việc kinh lý đất Chân Lạp là ở tay ông cả, nay vì có biến loạn, quan quân phải bỏ thành Trấn Tây mà về, ông nghĩ xấu hổ và buồn bực đến nỗi thành bệnh mà chết.

### 3. Việc Tiêm La

Khi quân của Nguyễn Tiến Lâm và Nguyễn Công Trứ dẹp xong giặc Lâm Sâm ở Nam Kỳ, thì quân Tiêm La lại đem binh thuyền sang cùng với quân giặc để đánh phá. Vua bèn sai Lê Văn Đức làm tổng thống đem binh tướng đi tiêu trừ. Sai Nguyễn Tri Phương và Nguyễn Tiến Lâm giữ mặt Tiền Giang, Nguyễn Công Trứ và Nguyễn Công Nhân giữ mặt Vĩnh Tế, Phạm Văn Điển và Nguyễn Văn Nhân giữ mặt Hậu Giang. Ba mặt cùng tiến binh lên đánh, quân Tiêm và quân giặc thua to, phải rút về giữ Trấn Tây. Quan quân đuổi được quân Tiêm La ra ngoài bờ cõi rồi, đặt quân giữ các nơi hiểm yếu để đợi ngày tiến tiêu.

Nguyên là Nặc Ông Đôn<sup>(1)</sup> đem quân Tiêm La về cứu viện để đánh lấy lại nước. Nhưng đến khi Việt Nam rút về rồi, quân Tiêm La tàn bạo, người Chân Lạp lại không phục, có người sang cầu cứu ở Nam Kỳ, vua bèn sai Võ Văn Giải sang kinh lý việc Chân Lạp.

---

(1) Nặc Ông Đôn là em Nặc Ông Chân, chú nàng Angmey là Ngọc Vân quận chúa.



Tháng sáu năm Ất Tỵ (1845), là năm Thiệu Trị thứ năm, Võ Văn Giải vào đến Gia Định, cùng với Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn, Tôn Thất Nghị, tiến binh sang đánh Chân Lạp, phá được đồn Dây Sắt, lấy lại thành Nam Vang, người Chân Lạp về hàng kể hơn 23.000 người.

Đoạn rồi, Nguyễn Tri Phương và Doãn Uẩn đem binh ẩuổi đánh quân Tiêm La và quân Chân Lạp, vây Nặc Ông Đôn và tướng Tiêm La là Chắt Tri ở Ô Đông (Oudon).

Tháng chín năm ấy, Chắt Tri sai người sang xin hòa. Qua tháng mười thì Nguyễn Tri Phương, Doãn Uẩn và Chắt Tri ký tờ hòa ước ở nhà hội quán, hai nước đều giải binh. Nguyễn Tri Phương rút quân về đóng ở Trấn Tây, dọi quân Tiêm thì hành những điều ước đã định.

Tháng chạp năm Bính Ngọ (1846), Nặc Ông Đôn dâng biểu tạ tội và sai sứ đem đồ phẩm vật sang triều cống.

Tháng hai năm Đinh Mùi (1847) là năm Thiệu Trị thứ bảy, triều đình phong cho Nặc Ông Đôn làm Cao Miên quốc vương và phong cho Mỹ Lâm quận chúa làm Cao Miên quận chúa. Lại xuống chiếu truyền cho quân thứ ở Trấn Tây rút về An Giang.

Từ đó nước Chân Lạp lại có vua, và việc ở phía Nam mới được yên vạy.

#### **4. Việc giao thiệp với nước Pháp**

Từ khi vua Hiến Tổ lên trị vì, thì sự cấm đạo hơi nguôi đi được một ít. Nhưng mà triều đình vẫn ghét đạo, mà những giáo sĩ ngoại quốc vẫn còn giam cả ở Huế. Có người đưa tin ấy cho Trung tá nước Pháp tên là Favin Lévêque coi tàu Héroine. Ông Favin Lévêque đem tàu vào Đà Nẵng xin cho năm người giáo sĩ được tha.

Qua năm Ất Tỵ (1845) là năm Thiệu Trị thứ năm có một giám mục tên Lefèbvre phải án xử tử. Bấy giờ có người quản



tàu Mỹ Lợi Kiên ở Đà Nẵng xin mãi không được, mới báo tin cho Hải quân Thiếu tướng nước Pháp là Cécile. Thiếu tướng sai quân đem chiếc tàu Alcmène vào Đà Nẵng lĩnh giám mục ra.

Năm Đinh Mùi (1847) quan nước Pháp được tin rằng ở Huế không còn giáo sĩ phải giam nữa, mới sai Đại tá De Lapierre và Trung tá Rigault de Genouilly đem hai chiếc chiến thuyền vào Đà Nẵng, xin bỏ những chỉ dụ cấm đạo và để cho người trong nước được tự do theo đạo mới.

Lúc hai bên còn đang thương nghị về việc ấy, thì quan nước Pháp thấy thuyền của ta ra đóng gần tàu của Pháp và ở trên bờ lại thấy có quân ta sắp sửa đồn lũy, mới nghi có sự phản trắc gì chẳng, bèn phát súng bắn đắm cả những thuyền ấy, rồi nhổ neo kéo buồm ra bể.

Vua Hiến Tổ thấy sự trạng như thế, tức giận vô cùng lại có dụ ra cấm người ngoại quốc vào giảng đạo, và trị tội những người trong nước đi theo đạo.

Việc tàu nước Pháp vào bắn ở Đà Nẵng xong được mấy tháng thì vua Hiến Tổ phải bệnh mất. Bấy giờ là tháng chín năm Đinh Mùi (1847), năm Thiệu Trị thứ bảy. Ngài làm vua được bảy năm, thọ 37 tuổi, miếu hiệu là Hiến Tổ Chương Hoàng đế 憲祖章皇帝.



## CHƯƠNG V

# DỤC TÔNG

(1847 - 1883)

Niên hiệu: Tự Đức 嗣德



1. Đức độ vua Dục Tông

2. Đình thần

3. Việc ngoại giao

4. Việc cấm đạo

5. Việc thuế má

6. Việc văn học

7. Việc binh chế

### 1. Đức độ vua Dục Tông

Vua Hiến Tổ mất, truyền ngôi lại cho Hoàng tử thứ hai hụy là Hồng Nhậm 洪任. Bấy giờ Hoàng tử mới có 19 tuổi, nhưng học hành đã thông thái. Đến tháng 10 năm Đinh Mùi (1847), thì ngài lên ngôi Hoàng đế ở điện Thái Hòa, đặt niên hiệu là Tự Đức 嗣德, lấy năm sau là năm Mậu Thân (1848) làm Tự Đức nguyên niên.

Vua Dục Tông 翼宗 đối với vận hội nước Nam ta thật là quan hệ, vì là đến đời ngài thì nước Pháp sang bảo hộ, đổi xã hội mình ra một cảnh tượng khác. Bởi vậy cho nên ta cần phải biết rõ ngài là người thế nào, để xét đoán những công việc thời bấy giờ cho khỏi sai lầm. Quan Tổng đốc Thân Trọng Huê 申仲攜 đã được trông thấy dung nhan của ngài và đã tả rõ chân tượng của ngài ra như sau này:

*“Ngài hình dung như một người nho sĩ, không cao, không thấp, trạc người bạc trung, không gầy không*



béo, có một phần hơi gầy một tí. Da không trắng không đen. Mặt hơi dài, cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn, hai con mắt tinh mà lành.

Ngài hay chít cái khăn vàng mà nhỏ và mặc áo vàng, khi ngài có tuổi thì hay mặc quần vàng đi giày hàng vàng của Nội vụ đóng. Ngài không ưa trang sức mà cũng không cho các bà nội cung đeo đồ nữ trang, chỉ cốt lấy sự ăn mặc sạch sẽ làm đẹp.

Tính ngài thật là hiền lành. Những người được hầu gần ngài nói chuyện rằng: một hôm ngài ngự triều tại điện Văn Minh, ngài cầm cái hoa mai<sup>(1)</sup> sắp hút thuốc, tên thái giám đứng quạt hầu, vô ý quạt mạnh quá, lửa hoa mai bay vào tay ngài. Tên thái giám sợ xanh mặt lại, mà ngài chỉ xoa tay, chứ không nói gì cả.

Ngài thờ đức Từ Dụ 慈裕 rất có hiếu. Lệ thường cứ ngày chẵn thì châu cung, ngày lẻ thì ngự triều: trong một tháng châu cung 15 lần, trừ khi đi vắng và khi se yếu<sup>(2)</sup>. Trong 36 năm, thường vẫn như thế, không sai chút nào.

Khi ngài châu cung thì ngài tâu chuyện này chuyện kia, việc nhà việc nước, việc xưa việc nay. Đức Từ Dụ thuộc sử sách đã nhiều mà biết việc đời cũng rộng. Khi đức Từ Dụ ban câu chi hay, thì ngài biên ngay vào một quyển giấy gọi là Từ huấn lục.

Một hôm rảnh việc nước, ngài ngự bắn tại rừng Thuận Trực<sup>(3)</sup> gặp phải khi nước lụt. Còn hai ngày nữa thì có kỵ đức Hiến Tổ, mà ngài chưa ngự về. Đức Từ Dụ

(1) Hoa mai là một sợi dây làm bằng chỉ để thắp lửa mà hút thuốc.

(2) Se yếu là đau yếu. Tiếng se ở Huế nói cách tôn kính như vua đau thì nói vua se mình.

(3) Cách kinh thành chừng độ 15 cây số, ở bên bờ sông Lợi Giang, có một cái rừng cấm gọi là Thuận Trực. Chỗ ấy nhiều chim, đức Dực Tông thường ngự đến bắn ở đấy.



nóng ruột, sai quan đại thần là Nguyễn Tri Phương đi rước. Nguyễn Tri Phương đi được nửa đường, vừa gặp thuyền ngự đương chèo lên, mà nước thì chảy mạnh, thuyền không đi mau được. Gần tới thuyền ngự mới tới bến. Khi ấy trời đang mưa, mà ngài vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung, lạy xin chịu tội. Đức Từ Dụ ngồi xoay mặt vào màn, chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài lấy một cây roi mây, dâng lên để trên ghế trát kỷ rồi ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu, đức Từ Dụ xoay mặt ra lấy tay hất cái roi mà ban rằng:

- Thôi, tha cho! Đi chơi để cho quan quân cực khổ thì phải ban thưởng cho người ta, rồi sớm mai đi hầu kỵ.

Ngài lạy tạ lui về, nội đêm đó ngài phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi người được một đồng tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm, còn lính thì mỗi tên được một quan tiền kẽm. Đến sáng ngài ngự ra điện Long An lạy kỵ. Xem cách ngài thờ mẹ như thế, thì tự xưa đến nay ít có.

Tính ngài siêng năng, sáng chường năm giờ, ngài đã ngự tánh, nghĩa là thức dậy, chường sáu giờ, ngài đã ra triều. Cho nên các quan ở kinh buổi ấy cũng phải dậy sớm để mà đi chầu. Thường thấy các quan thấp đèn ăn cháo để vào triều cho sớm.

Thường ngài ngự triều tại điện Văn Minh, ở bên tả điện Cần Chính. Các quan đến sớm, quan văn thì ngồi chực tại tả vu, quan võ tại hữu vu. Khi ngài đã ngự ra, thì thái giám tuyên triệu các quan vào chầu. Các quan đều mặc áo rộng xanh, đeo thẻ bài đi vào, quan văn bên hữu, quan võ bên tả<sup>(1)</sup>.

---

(1) Khi ngài ngự điện Thái Hòa hay điện Cần Chính, hay là đi hành lễ điện Phụng Tiên, thì quan văn lại đứng bên tả, quan võ bên hữu, duy ở điện Văn Minh thì quan võ bên tả, quan văn bên hữu, không biết tại làm sao?

Khi các quan theo thứ tự đứng yên rồi, quan bộ Lại hay là quan bộ Binh tâu xin cho mấy ông quan mới được thăng thuyền bá mạng. Các quan bá mạng thì phải chực ở ngoài, đợi bộ Lại hay là bộ Binh tâu xong mới được vào. Quan văn thuộc bộ Lại, quan võ thuộc bộ Binh. Bá mạng thì phải mặc áo đại trào.

Các ông bá mạng xong rồi, bộ nào có việc gì tâu thì đến chỗ tấu sự quỳ tâu. Như bộ nào có tâu việc gì thì các quan ấn quan trong bộ ấy đều quỳ chỗ tấu sự, rồi ông nào tâu, thì đọc bài diện tấu. Một bên các quan tấu sự lại có một ông quan Nội các và một ông Ngự sử đều quỳ. Quan Nội các để biên lời ngài ban; quan Ngự sử để đàn hạch các quan phạm phép.

Đức Dực Tông đã thuộc việc mà lại chăm cho nên nhiều bữa ngài ban việc đến chín mười giờ mới ngự vào nội.

Ngài thường làm việc ở chái Đông điện Cần Chánh. Trong chái ấy lót ván đánh bóng. Gần cửa kính có mấy chiếc chiếu, trên trải một chiếu cạp bằng hàng vàng, để một cái yên với nghiên bút, một trái dứa (cái gỏi dứa), chứ không bày bàn ghế gì cả. Cách một khoảng có để một cái đầu hồ với thềm. Ngài làm việc mỗi thì đứng dậy đánh đầu hồ hay là đi bách bộ. Ngài ngồi làm việc một mình, vài tên thị nữ đứng hầu để mài son, thấp thuốc hay là đi truyền việc.

Lệ nước ta xưa nay các quan không được vào chỗ ngự tọa làm giúp việc cho vua, cho nên việc lớn việc nhỏ, ngài phải xem cả.

Phiến sổ các nơi đều gửi về Nội các. Nội các để trong tráp tấu sự, đưa cho giám, giám đưa cho nữ quan dâng lên ngài. Ngài xem rồi giao Nội các. Nội các giữ



*bản chính có châu điểm, châu phê, lục bản phó ra cho các bộ nha.*

*Nay xem các nguyên bản trong Các, thì thấy có nhiều tờ phiến ngài phê dài hơn của các quan tâu. Chữ đã tốt mà văn lại hay, ai cũng kinh cái tài của ngài.*

*Ngài vốn là người hiếu học. Đêm nào ngài cũng xem sách đến khuya. Có ba tập Ngự chế thi văn của ngài đã in thành bản. Ngài lại làm sách chữ Nôm để dạy dân cho dễ hiểu, như là sách Thập điều, Tự học diễn ca, Luận ngữ diễn ca, v.v...”*

Xem cái chân tượng của vua Dục Tông như thế, thì ngài không phải là người to béo vạm vỡ<sup>(1)</sup>, mà cũng không phải là ông vua tàn ác bạo ngược như người ta thường nói. Chỉ vì ngài làm vua về một thời đại khó khăn, trong nước lăm việc, mà những người phò tá thì tuy có người thanh liêm như ông Trương Đăng Quế, ông Vũ Trọng Bình, trung liệt như ông Phan Thanh Giản, ông Nguyễn Tri Phương, ông Hoàng Diệu, v.v... nhưng mà các ông ấy đều là người cũ, không am hiểu thời thế mới. Vả lại cái thế lực lúc bấy giờ kém hèn quá, dẫu có muốn cải cách duy tân cũng không kịp nữa, cho nên mọi việc đều hỏng cả.

## 2. Đình thần

Đình thần là các quan ở trong triều giúp vua để lo việc nước. Nhưng lúc bấy giờ tình thế đã nguy ngập lắm, vì từ đầu thập cửu thế kỷ trở đi, sự sinh hoạt và học thuật của thiên hạ

---

(1) Ta thường trông thấy có cái tranh vẽ một người to béo vạm vỡ, mặt mũi dữ tợn mà mặc áo đội mũ không ra lối lăng gì cả, ở dưới cái tranh có chữ đề là vua Tự Đức.

Cái tranh ấy chắc là của một người nào tưởng tượng mà vẽ ra chứ không phải là chân dung của ngài. Vì là thuở trước chỉ trừ những quan đại thần và những người được vào hầu cận, vua ta không cho ai trông thấy mặt, mà cũng không bao giờ có hình ảnh gì cả.



đã tiến bộ nhiều mà sự cạnh tranh của các nước cũng kịch liệt hơn trước. Thế mà những người giữ cái trách nhiệm chính trị nước mình chỉ chăm việc văn chương, khéo nghề nghiên bút, bàn đến quốc sự thì phi Nghiêu, Thuấn, lại Hạ, Thương, Chu, việc mấy nghìn năm trước cứ đem làm gương cho thời hiện tại, rồi cứ ngỗ nghênh tự xưng mình hơn người, cho thiên hạ là đã man. Ấy, các đình thần lúc bấy giờ phần nhiều là những người như thế cả. Tuy có một vài người đã đi ra ngoài, trông thấy cảnh tượng thiên hạ, về nói lại, thì các cụ ở nhà cho là nói bậy, làm hủy hoại mất kỷ cương! Thành ra người không biết thì cứ một niềm tự đắc, người biết thì phải làm câm làm điếc, không tỏ ra với ai được, phải ngồi khoanh tay mà chịu.

Xem như mấy năm về sau, nhà vua thường có hỏi đến việc phú quốc cường binh, các quan bàn hết lẽ nọ lẽ kia, nào chiến, nào thủ, mà chẳng thấy làm được việc gì ra trò. Vả thời bấy giờ, cũng đã có người hiểu rõ thời thế, chịu đi du học và muốn thay đổi chính trị. Như năm Bính Dần (1866) là năm Tự Đức thứ 19, có mấy người ở Nghệ An là Nguyễn Đức Hậu 阮德厚, Nguyễn Trường Tộ 阮長祚, Nguyễn Điều 阮條 đi du học phương Tây. Sau Nguyễn Trường Tộ về làm mấy bài điều trần, kể hết cái tình thế nước mình, và cái cảnh tượng các nước, rồi xin nhà vua phải mau mau cải cách mọi việc, không thì mất nước. Vua giao những tờ điều trần ấy cho các quan duyệt nghị. Đình thần đều lấy làm sự nói càn, không ai chịu nghe.

Năm Mậu Thìn (1868) là năm Tự Đức thứ 21, có người ở Ninh Bình tên là Đinh Văn Điền 丁文田 dâng tờ điều trần nói nên đặt doanh điền, khai mỏ vàng, làm tàu hỏa, cho người các nước phương Tây vào buôn bán, luyện tập sĩ tốt để phòng khi chiến thủ, thêm lương thực cho quan quân, bớt sưu dịch cho dân sự, thưởng cho những kẻ có công nuôi nấng những người bị thương, tàn tật, v.v... Đại để là những điều ích quốc lợi dân cả, thế mà đình thần cho là không hợp thời thế, rồi bỏ không dùng.





Các quan đi sứ các nơi về tâu bày mọi sự, vua hỏi đến đình thần thì mọi người đều bác đi, cái gì cũng cho là không hợp thời. Năm Kỷ Mão (1879) là năm Tự Đức thứ 32, Nguyễn Hiệp 阮協 đi sứ Tiêm La về nói rằng khi người nước Anh Cát Lợi mới sang xin thông thương, thì nước Tiêm La lập điều ước cho ngay, thành ra người Anh không có cớ gì mà sinh sự để lấy đất, rồi Tiêm La lại cho nước Pháp, nước Phổ, nước Ý, nước Mỹ, v.v... đặt lĩnh sự để coi việc buôn bán. Như thế mọi người đều có quyền lợi không ai hiếp chế được mình. Năm Tân Tỵ (1881) là năm Tự Đức thứ 34, có Lê Đĩnh 黎挺 đi sứ ở Hương Cảng về, tâu rằng: các nước Thái Tây mà phú cường là chỉ cốt ở việc binh và việc buôn bán. Lấy binh lính mà bênh vực việc buôn bán, lấy việc buôn bán mà nuôi binh lính. Gần đây Nhật Bản theo các nước Thái Tây cho người đi buôn bán khắp cả mọi nơi. Nước Tàu cũng bắt chước cho người ngoại quốc ra vào buôn bán. Nước ta, người khôn ngoan, lại có lắm sản vật, nên theo người ta mà làm thì cũng có thể giữ được quyền độc lập của nước nhà.

Năm ấy lại có quan Hàn lâm viện Tu soạn là Phan Liêm 潘簾 làm sớ mật tâu việc mở sự buôn bán, sự chung vốn lập hội, và xin cho người đi học nghề khai mỏ. Giao cho đình thần xét, các quan đều bàn rằng buôn bán không tiện, còn việc khác thì xin đòi hỏi các tỉnh xem thế nào, rồi sẽ xét lại. Ấy cũng là một cách làm cho trôi chuyện, chứ không ai muốn thay đổi thói cũ chút gì cả. Nhân việc đó vua Dục Tông khuyên rằng các quan xét việc thì nên cẩn thận và suy nghĩ cho chín, nhưng cũng nên làm thế nào cho tiến bộ, chứ không tiến, thì tức là thoái vậy.

Xem lời ấy thì không phải là vua không muốn thay đổi. Chỉ vì vua thì ở trong cung điện, việc đời không biết rõ, phải lấy các quan làm tai làm mắt, mà các quan thì lại số người biết thì ít, số người không biết thì nhiều. Những người có quyền tước thì



lắm người trông không rõ, nghe không thấy, chỉ một niềm giữ thói cũ cho tiện việc mình. Lại có lắm người tự nghĩ rằng mình đã quyền cả ngôi cao, thì tất là tài giỏi hơn người, chứ không hiểu rằng cái tài giỏi không cần phải nhiều tuổi, sự khôn ngoan không phải làm quan to hay là quan nhỏ. Cái phẩm giá con người ta cốt ở tư tưởng, học thức, chứ không phải ở tiền của hay là ở quyền tước.

Đến khi nước Pháp đã sang lấy đất Nam Kỳ, đã ra đánh Bắc Kỳ, tình thế nguy cấp đến nơi rồi, thế mà cứ khu khu giữ lấy thói cổ, hễ ai nói đến sự gì hơi mới một tí, thì bác đi. Như thế thì làm thế nào mà không hỏng việc được.

Đã hay rằng vua có trách nhiệm vua, quan có trách nhiệm quan, dẫu thế nào vua Dục Tông cũng không tránh khỏi cái lỗi với nước nhà, nhưng mà xét cho xác lý, thì cái lỗi của đình thần lúc bấy giờ cũng không nhỏ vậy.

### 3. Việc ngoại giao

Việc chính trị đời Dục Tông là nhất thiết không cho người ngoại quốc vào buôn bán. Như năm Canh Tuất (1850) là năm Tự Đức thứ 3, có tàu Mỹ Lợi Kiên vào cửa Đà Nẵng, đem thư sang xin thông thương, nhà vua không tiếp thư.

Từ năm Ất Mão (1855) cho đến năm Đinh Sửu (1877) tàu Anh Cát Lợi ra vào mấy lần ở cửa Đà Nẵng, cửa Thị Nại (Bình Định) và ở Quảng Yên, để xin buôn bán, cũng không được. Người Y Pha Nho và nước Pháp Lan Tây xin thông thương, cũng không được.

Về sau đất Gia Định đã mất rồi, việc ngoại giao một ngày một khó, nhà vua mới đặt Bình chuẩn ty 平準司 để coi việc buôn bán, và Thương bạc viện 商舶院 để coi việc giao thiệp với người ngoại dương. Tuy vậy nhưng cũng không thấy ai là người hiểu việc buôn bán và biết cách giao thiệp cả.



#### 4. Việc cấm đạo

Việc cấm đạo thì từ năm Mậu Thân (1848) là năm Tự Đức nguyên niên, vua Dục Tông mới lên ngôi, đã có dụ cấm đạo. Lần ấy trong dụ nói rằng những người ngoại quốc vào giảng đạo, thì phải tội chết, những người đạo trưởng ở trong nước mà không chịu bỏ đạo, thì phải khắc chữ vào mặt, rồi phải đày đi ở chỗ nước độc. Còn những ngu dân thì các quan phải ngăn cấm, đừng để cho đi theo đạo mà bỏ sự thờ cúng cha ông, chứ đừng có giết hại, v.v...

Đến năm Tân Hợi (1851) là năm Tự Đức thứ 4, lại có dụ ra cấm đạo. Lần này, cấm nghiêm hơn lần trước, và có mấy người giáo sĩ ngoại quốc phải giết.

Sức đã không đủ giữ nước mà lại cứ làm điều tàn ác. Đã không cho người ngoại quốc vào buôn bán, lại đem làm tội những người đi giảng đạo, bởi thế cho nên nước Pháp và nước Ý Pha Nho mới nhân cơ ấy mà đánh nước ta vậy.

#### 5. Việc thuế má

Thuế má trong nước đời bấy giờ, thì đại khái cũng như đời vua Thánh Tổ và Hiến Tổ, duy chỉ từ khi nước Pháp và nước Ý Pha Nho vào đánh lấy mấy tỉnh Nam Kỳ rồi, lại phải bồi tiền binh phí mất 4 triệu nguyên, nhà nước mới tìm cách lấy tiền, bèn cho người Khách tên là Hầu Lợi Trinh 侯利貞 trưng thuế bán thuốc nha phiến từ Quảng Bình ra đến Bắc Kỳ. Sử chép rằng đồng niên nhà vua thu được có 302.200 quan tiền thuế nha phiến.

Nhà vua lại định lệ cho quyên từ 1.000 quan trở lên thì được hàm cửu phẩm, lên đến 10.000 quan thì được hàm lục phẩm, nghĩa là phải dùng lối đời trước bán quan để lấy tiền.



## 6. Việc văn học

Vua Dục Tông là một ông vua hay chữ nhất đời nhà Nguyễn, cho nên ngài trọng sự Nho học lắm. Ngài chăm về việc khoa giáp, sửa sang việc thi cử đặt ra Nhã sĩ khoa 雅士科 và Cát sĩ khoa 吉士科, để chọn lấy người văn học ra làm quan.

Ngài lại đặt ra Tập hiền viện 集賢院 và Khai kinh diên 開經筵 để ngài ngự ra cùng với các quan bàn sách vở, làm thơ phú hoặc nói chuyện chính trị. Lại sai quan soạn bộ *Khâm định Việt sử* 欽定越史, từ đời thượng cổ cho đến hết đời nhà Hậu Lê.

## 7. Việc binh chế

Đời vua Dục Tông lắm giặc giã, nhà vua cần đến việc võ, nên chi năm Tân Dậu (1861) là năm Tỵ Đức thứ 14 mới truyền cho các tỉnh chọn lấy những người khỏe mạnh để làm lính võ sinh. Đến năm Ất Sửu (1865) là năm Tỵ Đức thứ 18 lại mở ra khoa thi võ tiến sĩ.

Tuy rằng lúc bấy giờ nước mình có lính võ sinh, có quan võ tiến sĩ, nhưng mà thời đại đã khác đi rồi, người ta đánh nhau bằng súng nạp hậu, bằng đạn trái phá chứ không bằng gươm bằng giáo như trước nữa. Mà quân lính của mình mỗi đội có 50 người thì chỉ có 5 người cầm súng điều thương cũ, phải chằm ngòi mới bắn được, mà lại không luyện tập, cả năm chỉ có một lần tập bắn. Mỗi người lính chỉ được bắn có 6 phát đạn mà thôi, hễ ai bắn quá số ấy thì phải bồi thường.

Quân lính như thế, binh khí như thế, mà quan thì lại cho lính về phòng, mỗi đội chỉ để độ chừng 20 tên tại ngũ mà thôi. Vậy nên đến khi có sự, không lấy gì mà chống giữ được.



## CHƯƠNG VI

# CHẾ ĐỘ VÀ TÌNH THỂ NƯỚC VIỆT NAM ĐẾN CUỐI ĐỜI TỰ ĐỨC



1. Cách tổ chức chính trị và xã hội
2. Bốn hạng dân
3. Sự sinh hoạt của người trong nước

### 1. Cách tổ chức chính trị và xã hội

Nước Việt Nam tuy nói là một nước quân chủ chuyên chế<sup>(1)</sup>, nhưng theo cái tinh thần và cách tổ chức của xã hội thì có nhiều chỗ rất hợp với cái tinh thần dân chủ. Nguyên Nho giáo là cái học căn bản của nước ta khi xưa, mà về đường thực tế thì cái học ấy rất chú trọng ở sự trị nước. Trị nước thì phải lấy dân làm gốc (以民爲本), nghĩa là phải lo cho dân được sung túc, phải dạy dỗ dân cho biết đạo lý và mở mang trí tuệ của dân. Những việc quan trọng như thế không phải bất cứ ai cũng làm được, tất là phải có những người có đủ đức hạnh, tài năng và uy quyền mới có thể đảm đương được. Bởi vậy cho nên mới cần có vua có quan.

*Vua:* Theo cái lý thuyết của Nho giáo, thì khi đã có quân chúng, là phải có quân. Quân là một đơn vị giữ cái chủ quyền để chịu hết thảy các trách nhiệm về sự sinh hoạt và tính mệnh của toàn dân trong nước. Cái đơn vị ấy gọi là *đế* hay là *vương*,

---

(1) Ta thường hiểu mấy chữ quân chủ chuyên chế theo cái nghĩa của các nước Âu Tây ngày xưa, chứ không biết mấy chữ ấy theo cái học Nho giáo có nhiều chỗ khác nhau.



được giữ cái chủ quyền cả nước. Cái chủ quyền ấy người ta còn gọi là cái *thần khí* 神器, nghĩa là một vật thiêng liêng do trời cho, tức là dân thuận mới được giữ. Nói rằng những người làm những điều gian ác bạo ngược mà cướp lấy chủ quyền thì sao? Đó là sự tiếm đoạt chứ không phải là chính nghĩa. Ngay những người đã làm đế làm vương mà lạm dụng chủ quyền để làm những điều tàn bạo, thì cũng chỉ là người tàn tặc mà thôi, chứ không phải là thật bậc đế bậc vương nữa.

*Triều đình:* Sở dĩ đời xưa quần chúng công nhận một ông vua giữ cái chủ quyền cả nước, là muốn cho có mối thống nhất để khỏi sự tranh giành và cuộc biến loạn. Song việc trị nước là việc chung cả nước, cho nên có vua là phải có triều đình. Triều đình không phải là một nhóm cận thần để hầu hạ và làm việc riêng cho nhà vua, chính là một hội nghị chung cả nước, do sự kén chọn những người xứng đáng bằng cách thi cử mà đặt ra. Cách thi cử không phân biệt sang hèn giàu nghèo gì cả, miễn là ai có học, có hạnh và có đủ tài năng thì được ra ứng thí. Người nào đã đỗ rồi và đã ra làm quan là người ấy có chân ở trong triều đình.

Lệ nhà vua, mỗi tháng phải mấy lần thiết đại triều, các quan tại kinh đều phải đến đủ mặt và theo phẩm trật mà đứng để tâu bày mọi việc. Bởi vì khi có chuyện gì quan trọng, thì vua hạ đình nghị, nghĩa là giao cho đình thần bàn xét. Các quan bất kỳ lớn bé đều được đem ý kiến của mình mà trình bày. Việc gì đã quyết định, đem dâng lên để vua chuẩn y rồi mới thi hành.

Vua tuy có quyền lớn thật, nhưng không được làm điều gì trái phép thường. Khi vua có làm điều gì lầm lỗi, thì các quan Giám sát Ngự sử 監察御史 phải tâu bày mà can ngăn vua. Trừ những ông vua bạo ngược không kể, thường là vua phải nghe lời can ngăn của các quan.

Hễ triều đình có những người ngay chính và sáng suốt, thì việc nước được yên trị; nếu có những người gian nịnh mờ tối, thì việc nước hư hỏng. Đó là lệ chung từ xưa đến nay như vậy.



*Quan tư*: mệnh lệnh của triều đình đã phát ra, thì quan tư ở các quận huyện phải theo mà thi hành. Các quan coi các quận huyện có nhiệm vụ dạy dỗ dân, đừng để dân làm những điều trái luân thường đạo lý hay những việc phản loạn. Ngoài ra quan phải để cho dân được yên nghiệp làm ăn, không nên bày việc ra để nhiễu dân. Bởi vậy đời xưa ông quan nào cai trị một hạt mà dân hạt ấy được yên trị là ông quan giỏi.

*Quyền tự trị của dân làng*: Quan của triều đình bỏ ra chỉ có đến phủ huyện, còn từ tổng trở xuống thuộc về quyền tự trị của dân. Dân tự chọn lấy người của mình mà cử ra coi mọi việc trong hạt. Tổng là một khu gồm có mấy làng hay xã, có một cai tổng và một phó tổng do hội đồng kỳ dịch các làng cử ra coi việc thuế khóa, đê điều và mọi việc trị an trong tổng.

Làng hay xã là phần tử cốt yếu của dân. Phong tục, lệ luật của làng nào hay làng ấy, triều đình không can thiệp đến, cho nên tục ngữ có câu: “*Phép vua thua lệ làng*”. Làng có hội đồng kỳ dịch do dân cử ra để trông coi hết cả mọi việc. Hội đồng ấy có người *tiên chỉ* và *thứ chỉ* đứng đầu, rồi có *lý trưởng* và *phó lý* do hội đồng kỳ dịch cử ra để thay mặt làng mà giao thiệp với quan tư, có tuần đinh chuyên coi việc cảnh sát trong làng. Khi một người nào can phạm việc gì thì quan trách cứ ở làng, cho nên ai đi đâu hay làm việc gì cũng phải lấy làng làm gốc.

Ngày xưa các làng không có sổ khai sinh tử và giá thú, nhưng tục lệ của làng, cứ con trai đến 12 tuổi thì phải vào làng, tức là vào sổ đình của làng, con gái thì không có lệ ấy. Lại vì sự thờ cúng tổ tiên hay sự tin số, tướng, v.v... cho nên nhà nào đẻ con ra, bất kỳ trai hay gái, cha mẹ phải nhớ cho đúng giờ, ngày tháng và năm sinh của đứa con ấy. Bởi vậy người nào cũng biết rõ ngày tháng sinh của mình.

Việc giá thú là việc quan hệ về gia tộc, phải làm đúng lệ thường, nhưng đối với làng, thì tục lệ bắt người chồng khi cưới vợ, phải trình làng và nộp cho làng một số mấy quan tiền, gọi



là nộp *tiền cheo*. Như thế, thành ra theo tục lệ, tuy không có sổ khai sinh tử giá thú, mà mọi điều cũng đủ như là có vậy.

## 2. Bốn hạng dân

Người trong nước chia ra làm bốn hạng là: sĩ, nông, công, thương.

**Công:** Công là hạng người làm nghề thợ hoặc làm một công nghệ gì để lấy lợi. Nhưng vì nước ta khi xưa chỉ có những tiểu công nghệ, như quây tơ, dệt vải, dệt lụa, làm chài lưới, làm mắm muối, v.v... chứ không có đại công nghệ để làm giàu như các nước khác. Đại công nghệ đã không có thì những người làm thợ, ai chuyên tập nghề gì thì làm thành phường, như thợ mộc, thợ nề, thợ rèn, thợ đúc, thợ gốm, v.v... Mỗi phường có thợ cả, thợ phó và thợ, và phường nào có tục lệ riêng của phường ấy. Những người làm nghề thợ thường là người ít học, quanh năm ngày tháng đi làm thuê làm mướn chỉ được đủ ăn mà thôi.

**Thương:** Thương là hạng người làm nghề buôn bán. Song việc buôn bán của ta ngày xưa kém cỏi lắm. Người thiên hạ đi buôn nước này, bán nước nọ, xuất cảng, nhập cảng, kinh doanh những công cuộc to lớn kể hàng ức hàng triệu. Người mình cả đời không đi đến đâu, chỉ quanh quẩn ở trong nước, buôn bán những hàng hóa lặt vặt, thành ra bao nhiêu mối lợi lớn về tay người ngoài mất cả. Thỉnh thoảng có một ít người có mười lăm chiếc thuyền mảnh chở hàng từ xứ nọ đến xứ kia, nhưng vốn độ năm bảy vạn quan tiền, thì đã cho là hạng cự phú.

Công nghệ như thế, buôn bán như thế, bảo nước mình phú cường làm sao được? Rút cục lại, chỉ có nghề nông và nghề sĩ là trọng yếu hơn cả.

**Nông:** Nông là hạng người chuyên nghề làm ruộng. Dân Việt Nam ta thường thì ai cũng có ít ra là vài sào ruộng để cày cấy, nghĩa là nghề làm ruộng là nghề gốc của người mình.





Nhưng trừ những nơi ruộng nhiều người ít và đất lại phì nhiêu như đất ở Nam Việt, còn thì đất xấu và lại vì khí hậu không điều hòa, nắng mưa thất thường, việc cày cấy gặp nhiều nỗi khó khăn. Dân ở nhà quê, phần nhiều ăn nhờ về ruộng nương, hễ năm nào mưa hòa gió thuận, mùa màng tốt thì năm ấy dân được no ấm, nhưng năm nào mưa lụt hay hạn hán, mùa màng mất hết, thì dân đói khổ.

Sĩ Sĩ là hạng người chuyên nghề đi học, hoặc để thi đỗ ra làm quan, hoặc để đi dạy học, làm thầy thuốc, thầy địa lý, thầy bói, thầy tướng, thầy số, v.v... là những nghề phong lưu nhàn hạ.

Sự học của nước ta ngày trước có bộ Lễ coi việc giáo hóa cả toàn nước. Ở tỉnh có quan Đốc học, ở phủ có quan Giáo thụ, ở huyện và ở châu thì có quan Huấn đạo, là những người có khoa mục, triều đình bổ ra coi việc giáo dục ở các hạt, và mỗi người coi một trường công ở trong hạt. Những sĩ tử học ở các trường tư thực đã kha khá đều được đến học tập ở các trường công của quan Đốc, quan Giáo hay quan Huấn, đợi đến khi có khoa thi Hương thì ra ứng thí. Năm nào có khoa thi, thì các quan Huấn đạo, Giáo thụ và Đốc học mở cuộc khảo học trò để lựa chọn những người có đủ sức mới cho ra ứng thí.

Lệ nhà vua cứ ba năm mở khoa thi Hương ở các địa phương. Những người đỗ cao ở khoa thi Hương gọi là cử nhân, những người đỗ thấp gọi là tú tài. Năm sau ở kinh đô mở khoa thi Hội tại bộ Lễ, những người đỗ cử nhân năm trước vào ứng thí, ai trúng cách thì được vào thi Đình ở trong điện nhà vua để lấy các bậc Tiến sĩ, là những bậc đại khoa, người trong nước rất lấy làm quý trọng.

Mỗi khi có khoa thi Hương, các quan ở kinh ra chấm thi có cái biển đề bốn chữ: *Phụng chỉ cầu hiền* 奉旨求賢 nghĩa là: vâng chỉ vua ra tìm người giỏi. Vậy sự thi cử ngày trước có cái ý nghĩa khác sự thi cử ngày nay.



Đó là nói cách tổ chức việc giáo hóa của triều đình. Còn ở chỗ dân gian, thì sự học tập rất tự do. Bất kỳ người nào có học lực kha khá cũng có thể mở trường tư thục để dạy học. Mỗi làng có vài ba trường tư thục, hoặc ở nhà thầy hoặc ở nhà những người hào phú nuôi thầy cho con học và cho con các nhà lân cận đến học. Người Việt Nam ta vốn chuộng sự học, cho nên người đi học cũng nhiều.

Nguyên sự học ngày xưa có cái mục đích chân chính là học cho hiểu đạo lý, biết phải trái, và luyện tập tâm tính cho thành người có tiết tháo và có phẩm cách cao quý, để gặp thời thì ra giúp nước giúp dân, nếu không, thì làm người ngay chính trong xã hội. Sau dần dần vì sự sinh hoạt ở đời, sự học thành ra cái học chuyên về mặt cử nghiệp, nghĩa là học chỉ cốt lấy đỗ để ra làm quan. Người đi học đã đỗ đạt rồi, tự tin mình là tài giỏi, chỉ vụ lấy cái hoa mỹ bề ngoài để loè người, chứ không thiết gì đến sự thực học. Tự trung cũng có người muốn thi đỗ để lấy chút danh phận rồi về ở nhà học thêm hay dạy học. Nhưng đại đa số chỉ mong đỗ để đi làm quan vì làm quan là có địa vị tôn quý, ngoài ra không có gì hơn nữa.

Chương trình sự học cử nghiệp có những gì? Bao nhiêu công phu của người đi học chú trọng vào sự học cho nhớ những sách *Tứ thư*, *Ngũ kinh* cùng những lời thể chú của tiên nho trong những sách ấy và học thêm mấy bộ sử nước Tàu. Còn sự luyện tập hàng ngày thì cốt tập cho thạo thuộc các lễ lối ở chỗ khoa trường là: kinh nghĩa, tứ lục, thi phú, văn sách. Ấy là dùng hư văn mà xét tài thực dụng, đem sự hoa mỹ làm mực thước đo tài kinh luân. Bởi vậy ai hay kinh nghĩa đã nghĩ mình hơn người, ai tài thi phú đã tưởng mình giỏi nghề trị nước. Việc đời thì tối tăm mờ mịt mà lại tự phụ và kiêu căng, cho thiên hạ như rơm rác, coi mình như thần thánh.

Sự học của mình đã hư hỏng như thế, những hủ tục lại ăn sâu vào trí não, thành ra một thứ cố tật không sao chữa



được. May nhờ cái tinh thần học cũ, người đi học, kiến thức tuy không có cái gì mấy, nhưng thường có khí tiết, biết liêm sỉ và lại nhờ có cái thanh nghị của bọn sĩ phu ràng buộc, ngăn ngừa sự hành động bất chính. Song chỉ có thế mà thôi, vẫn không đủ để sinh tồn trong cái thời đại quyền lợi cạnh tranh, quyền mưu quý quyết, trí thuật gian trá. Cho nên trong khi người tiến thì ta thoái, người thịnh thì ta suy.

Đại khái, cái trình độ của bọn sĩ phu ở nước ta lúc bấy giờ là thế, cho nên vận nước suy đến nơi mà hồn người vẫn mê muội ở chỗ mơ màng mộng mị. Bọn sĩ phu là người có học, làm tai làm mắt cho mọi người mà còn kém cõi như thế, thì bảo dân gian khôn ngoan làm sao được?

### 3. Sự sinh hoạt của người trong nước

Tình thế trong nước như đã nói trên, công nghệ không có, buôn bán không ra gì, trừ việc cày cấy làm ruộng ra thì người nghèo đói không có nghề nghiệp gì mà làm ăn cả, cho nên thuở ấy tuy một tiền được bốn bát gạo, mà vẫn có người chết đói, vì rằng giá gạo thì rẻ, nhưng kiếm được đồng tiền thật là khó. Người đi làm thuê khôn khéo, thì mới được một ngày một tiền, không thì chỉ được 18 hay 30 đồng tiền mà thôi. Sự làm ăn ở chỗ thôn quê đã vất vả mà lại thường bị nhiều sự hà lạm, ai có đồng tiền ở trong nhà thì lo sợ đủ mọi đường: nào sợ kẻ gian phi trộm cắp, nào sợ giặc đêm giặc ngày cướp phá, cho nên phải chôn phải giấu cho kín.

Nhà cửa phần nhiều là nhà tranh nhà lá, ít khi có nhà ngói nhà gạch. Kiểu nhà làm cũng phải theo hướng mà làm chứ không được làm nhà lầu và nhà kiểu chữ *công* 工 hay kiểu chữ *môn* 門. Ai làm nhà cửa mà không theo đúng phép, thì cho là lộng hành, phải tội.

Cách ăn mặc thì chỉ có đồ vải đồ nâu, người nghèo khổ chỉ có manh áo cánh và thường thì đóng cái khố, có đi đâu mới mặc

cái quần vải dài đến đầu gối. Người sung túc mới có vài cái áo nâu đen và vài cái quần hoặc nhuộm nâu hoặc để trắng, chứ không được mặc đồ gấm đồ vóc và đi giày. Nhà vua cấm như thế, là cũng có ý muốn cho dân không quen thói xa hoa hoang phí, chỉ trừ những người làm quan làm tư mới có cái đặc ân được ăn mặc hơn người. Cũng vì thế cho nên người trong nước ai cũng mong được đi làm quan cho hiển đạt cái thân hình và cho rõ ràng mẹ cha, chứ không lo nghĩ làm việc gì khác nữa. Hễ ai đi học mà vì lẽ gì thi không đỗ, làm quan không được, thì bức chí quay ra làm giặc để tìm cách hiển vinh, thành ra trong nước hay có giặc giã.

Nước nghèo, dân khổ, lại phải lúc có nhiều tai biến, người ngoài vào xâm lược, triều đình ngơ ngác không biết xoay xở ra thế nào, lòng người ly tán, phân ra bè nọ đảng kia, giết hại lẫn nhau. Ấy là cái tình thế nước Việt Nam ta vào cuối đời Tự Đức là thế, cho nên sự nguy vong mới xảy ra vậy.



## CHƯƠNG VII

# NƯỚC PHÁP LẤY ĐẤT NAM KỲ



1. Quân Pháp đánh Đà Nẵng
2. Quân Pháp hạ thành Gia Định
3. Mất tỉnh Định Tường
4. Mất tỉnh Biên Hòa và tỉnh Vĩnh Long
5. Hòa ước năm Nhâm Tuất (1862)
6. Sứ Việt Nam sang Tây
7. Việc bảo hộ Cao Miên
8. Nước Pháp lấy ba tỉnh phía Tây đất Nam Kỳ

### 1. Quân Pháp đánh Đà Nẵng

Trong thời đại khó khăn như đời vua Dục Tông, mà vua quan cứ khư khư giữ lấy thói cũ, không biết theo thời mà mở nước cho người ta vào buôn bán, không biết nhân dịp mà khai hóa dân trí, lại vì sự sùng tín mà đem giết hại người trong nước, và đem làm tội những người đi giảng đạo. Bởi những sự lầm lỗi ấy, cho nên nước Pháp mới dùng binh lực để báo thù cho những người giáo sĩ bị hại.

Nguyên từ năm Tân Hợi (1851) là năm Tỵ Đức thứ 4 về sau, nghĩa là từ khi có tờ dụ cấm đạo lần thứ hai, ở Bắc Kỳ có mấy người giáo sĩ là ông Bonard, ông Charbonnier, ông Matheron và ông giám mục Y Pha Nho tên là Diaz bị giết. Còn những giáo sĩ khác thì phải đào hầm đào hố mà ở, hoặc phải trốn tránh ở trong rừng trong núi để giảng đạo. Những tin ấy



về đến bên Tây, các báo chí, ngày ngày kể những thảm trạng của các người giáo sĩ đi truyền đạo ở nước ta, lòng người náo động cả lên.

Chính phủ nước Pháp bèn sai ông Leheur de Ville sur Arc, đem chiếc thuyền Catinat vào cửa Đà Nẵng rồi cho người đem thư lên trách triều đình Việt Nam về việc giết đạo. Sau thấy quan ta lôi thôi không trả lời, quân nước Pháp bèn bắn phá các đồn lũy ở Đà Nẵng, rồi bỏ đi. Bấy giờ là tháng 8 năm Bính Thìn (1856) là năm Tỵ Đức thứ 9.

Được 4 tháng sau thì sứ thần nước Pháp là ông Montigny ở nước Tiêm La sang, để điều đình mọi việc. Chiếc tàu của ông Montigny đi vào đóng ở cửa Đà Nẵng, rồi cho người đưa thư lên nói xin cho người nước Pháp được tự do vào thông thương, đặt lãnh sự ở Huế, mở cửa hàng buôn bán ở Đà Nẵng, và cho giáo sĩ được tự do đi giảng đạo. Trong bấy nhiêu điều, triều đình nước ta không chịu điều nào cả.

Bấy giờ bên nước Pháp đã lập lại đế hiệu, cháu ông Nã Phá Luân đệ nhất là Nã Phá Luân đệ tam lên làm vua. Triều chính lúc bấy giờ thì thuận đạo, lại có bà Hoàng hậu Eugénie cũng sùng tín. Vả chẳng khi chiếc tàu Catinat vào cửa Đà Nẵng, có ông giám mục Pellerin trốn được xuống tàu rồi về bộ kiến Pháp hoàng, kể rõ tình cảnh các người giảng đạo ở Việt Nam.

Ông P. Cultru chép ở trong sách *Nam Kỳ sử ký (Histoire de la Cochinchine)* rằng: Lúc bấy giờ có nhiều người quyền thế như ông chủ giáo thành Rouen là Mgr de Bonnechose và có lẽ cả bà Hoàng hậu cũng có nói giúp cho ông giám mục Pellerin. Bởi vậy Pháp hoàng mới quyết ý sai quan đem binh thuyền sang đánh nước ta. Lại nhân vì những giáo sĩ nước Y Pha Nho cũng bị giết, cho nên chính phủ hai nước mới cùng nhau trù tính việc sang đánh nước Việt Nam. Ấy cũng tại vua quan mình làm điều trái đạo, giết hại những người theo đạo Gia Tô cho nên mới có tai biến như vậy.



Tháng 7 năm Mậu Ngọ (1858) là năm Tỵ Đức thứ 11, Hải quân Trung tướng nước Pháp là Rigault de Genouilly đem tàu Pháp và tàu Y Pha Nho cả thủy 14 chiếc, chở hơn 3.000 quân của hai nước vào cửa Đà Nẵng, bắn phá các đồn lũy, rồi lên hạ thành An Hải An Hải 安海 và thành Tôn Hải 尊海.

Triều đình được tin ấy liền sai ông Đào Trí 陶致 ra cùng với quan Tổng đốc Nam Nghĩa là Trần Hoằng 陳弘 tiểu ngự. Ông Đào Trí ra đến nơi thì hai cái hải thành đã mất rồi. Triều đình lại sai hữu quân Lê Đình Lý 黎廷理 làm Tổng thống đem 2.000 cấm binh vào án ngự.

Ông Lê Đình Lý vào đánh với quân Pháp một trận ở xã Cẩm Lệ 錦荔 bị đạn, về được mấy hôm thì mất.

Vua Dục Tông lại sai quan Kinh lược sứ là ông Nguyễn Tri Phương 阮知方 vào làm Tổng thống, ông Chu Phúc Minh 朱福明 làm Đề đốc cùng với ông Đào Trí chống giữ với quân Pháp và quân Y Pha Nho.

Ông Nguyễn Tri Phương lập đồn Liên Trì 蓮池屯 và đắp lũy dài từ Hải Châu cho đến Phúc Ninh, rồi chia quân ra phòng giữ. Cứ như sách *Nam Kỳ sử ký* của ông Cultru thì ý quan Trung tướng Rigault de Genouilly định lấy Đà Nẵng xong rồi, lên đánh Huế, nhưng mà đến lúc bấy giờ thấy quan quân phòng giữ cũng rất, và lại có người đem tin cho Trung tướng biết rằng có hơn 10.000 quân ở Huế sắp kéo xuống. Trung tướng không biết rõ tình thế ra làm sao, mà đường sá lại không thuộc, cho nên cũng không dám tiến quân lên.

Nhân vì khi trước các giáo sĩ đều nói rằng, hễ quân Pháp sang đánh, thì dân bên đạo tức khắc nổi lên đánh giúp, đến nay không thấy tin tức gì, mà quân lính của Trung tướng thì tiến lên không được. Ở Đà Nẵng thì chỗ ăn chỗ ở không có, lại phải bệnh dịch tả chết hại mất nhiều người, bởi vậy Trung tướng lấy làm phiền lắm. Bấy giờ có ông giám mục Pellerin cũng đi theo



sang ở dưới tàu Ménésis, Trung tướng cứ trách ông giám mục đánh lừa mình, giám mục cũng tức giận bỏ về ở nhà tu dạy đạo tại thành Pénang ở bên xứ Mã Lai.

Được mấy tháng, Trung tướng liệu thể đánh Huế chưa được, bèn định kế vào đánh Gia Định là một nơi dễ lấy, và lại là một nơi trù phú của nước Nam ta.

## 2. Quân Pháp vào đánh Gia Định

Trước đã có người bàn với Trung tướng Rigault de Genouilly ra đánh Bắc Kỳ, nói rằng ở Bắc Kỳ có hơn 40 vạn người đi đạo, và lại có đảng theo nhà Lê, có thể giúp cho quân Pháp được thành công. Trung tướng cho đi do thám biết rằng đất Nam Kỳ dễ lấy hơn, và lại là đất giàu có, nhiều thóc gạo. Đến tháng giêng năm Kỷ Mùi (1859) là năm Tỵ Đức thứ 12, Trung tướng giao quyền lại cho Đại tá Toyon ở lại giữ các đồn tại Đà Nẵng, rồi còn bao nhiêu binh thuyền đem vào Nam Kỳ. Quân Pháp vào cửa Cần Giờ, bắn phá các pháo đài ở hai bên bờ sông Đồng Nai, rồi tiến lên đánh thành Gia Định.

Ở Gia Định, bấy giờ tuy có nhiều binh khí, nhưng quân lính không luyện tập, việc võ bị bỏ trễ nải, cho nên khi quân Pháp ở cửa Cần Giờ tiến lên, quan Hộ đốc là Vũ Duy Ninh 武維寧 vội vàng tư đi các tỉnh lấy binh về cứu viện; nhưng chỉ trong hai ngày thì thành vỡ. Vũ Duy Ninh tự tận. Quân nước Pháp và nước Y Pha Nho vào thành, lấy được 200 khẩu súng đại bác, 8 vạn rưỡi kilô thuốc súng và độ chừng 18 vạn phật lạng (francs) cả tiền lẫn bạc, còn các binh khí và thóc gạo thì không biết bao nhiêu mà kể.

Trung tướng Rigault de Genouilly lấy được thành Gia Định rồi, đốt cả thóc gạo và san phẳng thành trì làm bình địa, chỉ để một cái đồn ở phía Nam, sai Thủy quân Trung tá Jauréguiberry đem một đạo quân ở lại chống giữ với quân của ông Tôn Thất Hợp 尊室鎰 đóng ở đất Biên Hòa.





Trung tướng lại đem quân trở ra Đà Nẵng, rồi tiến lên đánh một trận ở đồn Phúc Ninh 福寧. Quân ông Nguyễn Tri Phương thua phải lui về giữ đồn Nại Hiên 耐軒 và đồn Liên Trì 蓮池.

Trung tướng muốn nhân dịp đó mà định việc giảng hòa, nhưng mà triều đình cứ để lời thôi mãi, người thì bàn hòa, kẻ thì bàn đánh, thành ra không xong việc gì cả<sup>(1)</sup>. Mà quân Pháp lúc bấy giờ ở Đà Nẵng khổ sở lắm, nhiều người có bệnh tật; Trung tướng Rigault de Genouilly cũng đau, phải xin về nghỉ.

Chính phủ Pháp sai Hải quân Thiếu tướng Page (Badu) sang thay cho Trung tướng Rigault de Genouilly và nhân thể để chủ việc giảng hòa cho xong. Đến tháng 10 năm Kỷ Mùi (1859) thì Thiếu tướng sang đến nơi, và cho người đưa thư bàn việc hòa, chỉ cốt xin đừng cấm đạo, để cho các giáo sĩ được tự do đi giảng đạo, đặt lĩnh sự coi việc buôn bán ở các cửa bể và đặt sứ thần ở Huế. Đại để thì cũng như những điều của ông Montigny đã bàn năm trước. Nhưng chẳng may lúc bấy giờ ở trong triều không ai hiểu chính sách ngoại giao mà chủ trương việc ấy, hóa ra làm mất cái dịp hay cả cho hai nước.

Thiếu tướng thấy cuộc hòa không xong bèn tiến binh lên đánh, trận ấy bên quân Pháp chết mất một viên Lục quân Trung tá là Dupré Déroulède.

Khi quân Pháp và quân Y Pha Nho sang đánh nước ta ở Đà Nẵng và ở Gia Định, thì quân nước Anh và quân nước Pháp đang đánh nước Tàu ở mạn Hoàng Hải 黃海. Đến bấy giờ quân Pháp cần phải tiếp sang bên Tàu, chính phủ nước Pháp mới truyền cho Thiếu tướng Page phải rút quân ở Đà Nẵng về, và

(1) Chỗ này sách Tây có quyền chép rằng khi hai bên đang bàn việc hòa, thì vua Tự Đức sai ông Nguyễn Tri Phương đánh quân Pháp ở Gia Định. Và xem sử ta lúc bấy giờ thì ông Nguyễn Tri Phương đang còn ở Quảng Nam mãi đến tháng 5 năm Canh Thân (1860), ông ấy mới vào Nam Kỳ. Vậy việc đánh ở Gia Định là ông Tôn thất Hợp, chứ không phải là ông Nguyễn Tri Phương.



chỉ để quân giữ lấy Gia Định, còn bao nhiêu binh thuyền phải đem sang theo Hải quân Trung tướng Charner đi đánh Tàu. Bởi vậy đến tháng ba năm Canh Thân (1860) quân Pháp đốt cả dinh trại ở Trà Sơn rồi xuống tàu. Về đến Gia Định, Thiếu tướng Page để Hải quân Đại tá d'Ariès ở lại giữ Gia Định, còn bao nhiêu binh thuyền đem lên phía Bắc hội với binh thuyền của nước Anh để đánh nước Tàu.

Triều đình ở Huế thấy quân Pháp bỏ Đà Nẵng đi, bèn sai Nguyễn Tri Phương 阮知方, Phạm Thế Hiển 范世顯 vào Nam Kỳ, để cùng với ông Tôn Thất Hợp 尊室合 sung Gia Định quân thứ.

Đến tháng 7 năm Canh Thân (1860) ông Nguyễn Tri Phương khởi hành. Lúc gần đi, ông ấy có tâu bày mấy lẽ về việc giữ nước và nói rằng việc đánh nhau với nước Pháp bây giờ khó gấp năm gấp bảy lúc trước, nhưng ông ấy xin cố hết sức để đền ơn nước, còn ở mặt Quảng Nam mà có việc gì, thì ông Phan Thanh Giản 潘清簡 và ông Nguyễn Bá Nghi 阮伯儀 có thể cáng đáng được.

Quân Pháp và quân Y Pha Nho ở Sài Gòn lúc bấy giờ chỉ có độ 1.000 người mà quân của Việt Nam ta thì có đến hơn một vạn người. Nhưng mà quân ta đã không luyện tập, lại không có súng ống như quân Tây, mình chỉ có mấy khẩu súng cổ, bắn bằng đá lửa, đi xa độ 250 hay là 300 thước tây là cùng; còn súng đại bác thì toàn là súng nạp tiền mà bắn mười phát không đậu một. Lấy những quân lính ấy, những khí giới ấy mà đối địch với quân đã lập theo lối mới, bắn bằng súng nạp hậu và bằng đạn trái phá, thì đánh làm sao được. Bởi vậy cho nên xem trận đồ của Việt Nam ta từ đầu cho đến cuối, chỉ còn cách đào hầm đào hố để làm thế thủ, chứ không bao giờ có thể công, mà người Tây thì lợi cả công lẫn thủ. Tuy vậy, ông Nguyễn Tri Phương cùng với quan Tham tán đại thần Phạm Thế Hiển vào xếp đặt ở Gia Định một cách rất có quy củ, đắp lũy đồn Kỳ Hòa (người Pháp

gọi là dãy đồn Chí Hòa) cũng hợp quy thức, để chống nhau với quân của Đại tá d'Ariès. Hai bên đã từng đánh nhau hai ba trận, đều bị thiệt hại cả.

Đến tháng 9 năm Canh Thân (1860), thì nhà Thanh bên Tàu ký tờ hòa ước với nước Anh và nước Pháp, hai bên bãi sự chiến tranh. Chính phủ nước Pháp sai Hải quân Trung tướng Charner đem binh thuyền về chủ trương việc lấy Nam Kỳ.

Tháng giêng năm Tân Dậu (1861), Trung tướng Charner đem cả thủy 70 chiếc tàu và 3.500 quân bộ về đến Gia Định<sup>(1)</sup>. Được 20 ngày thì Trung tướng truyền lệnh tiến quân lên đánh lấy đồn Kỳ Hòa. Hai bên đánh nhau rất dữ trong hai ngày. Quân Pháp chết hơn 300 người, nhưng mà súng Tây bắn hăng quá, quân ta địch không nổi, phải thua bỏ đồn chạy về Biên Hòa.

Trận ấy bên Tây thì có Lục quân Thiếu tướng Vassoigne, Đại tá Y Pha Nho Palanca và mấy người nữa bị thương, mà bên ta thì ông Nguyễn Tri Phương 阮知方 bị thương, em ngài là Nguyễn Duy 阮惟 tử trận, quan Tham tán là Phạm Thế Hiển 范世顯 về đến Biên Hòa được mấy hôm cũng mất, còn quân sĩ thì chết hại rất nhiều.

### 3. Mất tỉnh Định Tường

Phá được đồn Kỳ Hòa rồi, Trung tướng Charner truyền cho quân thủy bộ tiến lên đuổi đánh, quan quân vỡ tan cả. Tàu thủy của Pháp lên lấy Thủ Dầu Một và Tây Ninh. Trung tướng lại sai người đưa thư sang cho vua Cao Miên là Norodom (Nặc Ông Lê), đại lược nói rằng: chủ ý của Pháp định lấy đất Gia Định làm thuộc địa, và nay mai sẽ đánh lấy Mỹ Tho (Định Tường) để cho tiện đường giao thông với nước Cao Miên.

(1) Sử ta chép rằng quân Pháp lúc bấy giờ có hơn 1 vạn người, mà các sách chép việc lấy Nam Kỳ thì chỉ nói có 3.500 người thôi và trong số ấy lại có mấy đội lính mộ An Nam nữa. Thiết tưởng số 3.500 có lẽ thật hơn.



Bấy giờ bại quân của Nguyễn Tri Phương rút về đóng ở Biên Hòa, còn đang rối loạn, chưa dám làm gì, quân Pháp bèn quay về phía Tây đánh tỉnh Định Tường. Trước Trung tướng đã cho tàu đi dò các ngọn sông xem đi đường nào tiện, đến cuối tháng 2 năm Tân Dậu (1861), một mặt Trung tướng sai Trung tá Bourdais đem tàu đi đường sông, tiến lên đánh các đồn, một mặt thì sai Thiếu tướng Page đi đường bể, theo cửa sông Mê Kông vào, hai mặt cùng tiến lên đánh lấy thành Mỹ Tho. Quan Hộ đốc là Nguyễn Công Nhân 阮工聞 phải bỏ thành chạy.

Từ khi hạ xong thành Mỹ Tho rồi, Trung tướng đặt đồn lũy ở các nơi hiểm yếu, và có ý hoãn việc binh để sửa sang việc cai trị trong địa hạt đã lấy được, cho nên cũng không đánh các tỉnh khác.

Triều đình ở Huế được tin quan quân thất thủ đại đồn Kỳ Hòa, và thành Mỹ Tho cũng thất thủ rồi, sai quan Thượng thư Hộ bộ là Nguyễn Bá Nghi 阮伯儀 làm Khâm sai đại thần vào kinh lý việc Nam Kỳ. Nguyễn Bá Nghi biết thế không chống nổi với quân Pháp, dưng sớ về xin giảng hòa. Nhưng ở trong triều lúc bấy giờ có bọn Trương Đăng Quế 張登桂 không chịu, bắt phải tìm kế chống giữ.

Có nhà chép sử trách Nguyễn Bá Nghi rằng tuy ông ấy muốn giảng hòa, nhưng không chịu nhường đất, cứ lấy lý mà cãi, chứ không biết rằng thời buổi cạnh tranh này, hễ cái sức đã không đủ, thì không có cái lý gì là phải cả. Vả chẳng quân nước Pháp đã sang đánh lấy mấy tỉnh ở Nam Kỳ là cốt để làm thuộc địa, lẽ nào tự nhiên lại đem trả lại. Bởi vậy sự giảng hòa cứ lồi thối mãi không xong. Mà ở trong địa hạt tỉnh Gia Định và tỉnh Định Tường lúc ấy lại có mấy người như Tri huyện Toại 遂, Phó Quản cơ Trương Định 張定, Thiên hộ Dương 楊 rủ những người nghĩa dũng nổi lên đánh phá quân Pháp. Quân Pháp cứ đánh dẹp mãi dân tình cũng bị lắm điều cực khổ.



Đến tháng 10 năm Tân Dậu (1861), chính phủ Pháp sai Hải quân Thiếu tướng Bonard sang thay cho Trung tướng Charner về nghỉ.

#### 4. Mất tỉnh Biên Hòa và tỉnh Vĩnh Long

Thiếu tướng Bonard thấy quan quân ta cứ chống giữ mãi, bèn quyết ý đánh lấy tỉnh Biên Hòa và tỉnh Vĩnh Long. Đến tháng 11 năm ấy, thì quân Pháp chia ra làm 3 đạo, cùng tiến lên đánh lấy thành Biên Hòa, rồi lại tiến lên mặt Đông Nam đánh lấy đồn Bà Rịa. Qua tháng 3 năm sau là năm Nhâm Tuất (1862), Thiếu tướng Bonard lại đem 11 chiếc tàu và hơn 1.000 quân đi đánh Vĩnh Long. Tinh thần ở đây chống giữ được 2 ngày thì thành phá. Tổng đốc Trương Văn Uyển 張文琬 phải đem quân lui về phía Tây sông Mê Kông.

#### 5. Hòa ước năm Nhâm Tuất (1862)

Lúc bấy giờ ở ngoài Bắc Kỳ có tên Phụng 奉, tên Trường 長, đánh phá ở mặt Quảng Yên và Hải Dương ngật lăm, lại có Nguyễn Văn Thịnh 阮文盛, tục gọi là cai tổng Vàng, quấy nhiễu ở Bắc Ninh, mà trong Nam Kỳ thì lại mất thêm hai tỉnh nữa. Triều đình lấy làm lo sợ lắm, bèn sai Phan Thanh Giản 潘清簡 và Lâm Duy Tiếp 林維浹 vào Gia Định giảng hòa.

Đến tháng 4 thì sứ thần nước ta theo chiếc tàu Forbin<sup>(1)</sup> vào Sài Gòn. Đến hôm 9 tháng 5 thì Thiếu tướng Bonard và sứ thần nước Nam ta là ông Phan Thanh Giản và ông Lâm Duy Tiếp ký tờ hòa ước.

Tờ hòa ước ấy có 12 khoản, nhưng cốt có những khoản sau này là quan trọng hơn cả:

---

(1) Nguyên trước Thiếu tướng Bonard có sai Trung tá Simon đem chiếc tàu Forbin vào cửa Thuận An để đợi xem triều đình ở Huế có xin hòa không. Nay chiếc tàu ấy đem thuyền của sứ thần Việt Nam ta về Gia Định.



1. Nước Nam phải để cho giáo sĩ nước Pháp và nước Y Pha Nho được tự do vào giảng đạo, và để dân gian được tự do theo đạo.

2. Nước Nam phải nhường đất cho nước Pháp tỉnh Biên Hòa, tỉnh Gia Định và tỉnh Định Tường, và phải để cho chiến thuyền của Pháp được ra vào tự do ở sông Mê Kông.

3. Nước Nam không được đem binh khí, thuốc đạn đi qua những tỉnh đã nhường cho nước Pháp.

4. Hễ nước Nam có giao thiệp với nước nào khác thì phải cho chính phủ Pháp biết, và khi nào muốn nhường đất cho nước nào, thì phải tùy ý nước Pháp có thuận cho mới được.

5. Người nước Pháp và nước Y Pha Nho được ra vào buôn bán tự do ở cửa Đà Nẵng, cửa Ba Lạt và cửa bể ở Quảng Yên.

6. Nước Nam phải trả tiền binh phí 4.000.000 nguyên, chia làm mười năm, mỗi năm 40 vạn nguyên.

7. Nước Pháp trả tỉnh Vĩnh Long lại cho nước Nam, nhưng quân Pháp cứ đóng ở tỉnh lỵ cho đến khi dẹp yên giặc giã ở tỉnh Gia Định và tỉnh Định Tường thì mới rút về.

Sự giảng hòa xong rồi thì triều đình sai ông Phan Thanh Giản làm Tổng đốc Vĩnh Long, ông Lâm Duy Tiếp làm Tuần phủ Khánh Thuận, để giao thiệp với quan nước Pháp ở Gia Định.

Bấy giờ nước Y Pha Nho cũng nhường quyền lấy đất làm thuộc địa cho nước Pháp, chỉ nhận tiền binh phí và quyền được cho giáo sĩ đi giảng đạo thôi.

Tháng 2 năm Quý Hợi (1863) là năm Tỵ Đức thứ 16, Thiếu tướng Bonard và Đại tá nước Y Pha Nho là Palanca vào Huế triều yết vua Dục Tông để công nhận sự giảng hòa của ba nước. Đoạn rồi Thiếu tướng Bonard về Pháp nghỉ. Hải quân Thiếu tướng De la Grandière sang thay.

## 6. Sứ Việt Nam sang Tây

Vua Dục Tông tuy thế bất đắc dĩ phải nhường đất ba tỉnh Nam Kỳ cho nước Pháp, nhưng trong bụng vẫn muốn cố hết sức để chuộc lại, vì là đất Gia Định là đất khai nghiệp của nhà Nguyễn và lại là đất quê ngoại của ngài, nên chi hòa ước đã ký rồi, mà ngài vẫn sai quan thương nghị với quan nước Pháp về việc ấy. Mà chủ ý người nước Pháp lúc bấy giờ thì không những là chỉ giữ lấy ba tỉnh mà thôi, lại còn định mở rộng thêm ra nữa. Vậy lẽ nào lại đem trả lại cho mình?

Vua Dục Tông thấy việc bên này bàn không xong, bèn sai quan Hiệp biện Đại học sĩ Phan Thanh Giản 潘清簡, quan Tả Tham tri Lại bộ Phạm Phú Thứ 范富庶 và quan Án sát sứ tỉnh Quảng Nam là Ngụy Khắc Đản 魏克檀 đem phẩm vật sang sứ nước Pháp và nước Y Pha Nho. Còn việc giao thiệp ở trong Nam Kỳ thì giao lại cho quan Tổng đốc tỉnh Vĩnh Long là Trương Văn Uyên 張文琬.

Tháng 6, các sứ thần xuống tàu Echo vào Gia Định, rồi sang tàu Européen cùng với quan nước Pháp và quan nước Y Pha Nho sang Tây. Đến tháng 8 thì tàu Européen về tới nước Pháp, sứ thần nước ta lên Paris, xin vào triều yết Pháp hoàng Nã Phá Luân đệ tam. Nhưng bấy giờ Pháp hoàng sắp đi ngự mát, sứ thần ta phải ở lại chờ đến hơn một tháng mới được yết kiến. Ông Phan Thanh Giản tâu bày mọi lẽ về việc xin chuộc ba tỉnh Nam Kỳ. Pháp Hoàng ban rằng việc đó để đình nghị xem thế nào rồi sau sẽ trả lời cho triều đình Huế.

Mấy hôm sau, bọn ông Phan Thanh Giản đi sang Y Pha Nho, rồi đến cuối năm thì các sứ thần xuống tàu Japon trở về.

## 7. Việc bảo hộ Cao Miên

Trong khi sứ nước ta sang Tây lo việc chuộc lại mấy tỉnh ở Nam Kỳ, thì ở bên này Thiếu tướng De la Grandière một mặt



cứ đánh dẹp mọi nơi, xếp đặt cách cai trị, định thuế lệ, và mở trường dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ<sup>(1)</sup>, một mặt sai quan đi kinh doanh việc bảo hộ nước Cao Miên (Chân Lạp).

Nguyên từ năm Kỷ Mùi (1859), vua nước Cao Miên là An Dương (tức là Nặc Ông Tôn) mất rồi, người con trưởng tên là Norodom (Ông Lân) lên nối ngôi. Đến năm Tân Dậu (1861), thì người em Norodom là Si Vатtha nổi lên tranh ngôi của anh. Norodom phải chạy sang Tiêm La. Sang năm Nhâm Tuất (1862) vua Tiêm La sai quân đem Norodom về nước, rồi đặt quan ở Ô Đông để bảo hộ Cao Miên.

Lúc bấy giờ ở Cao Miên có ông giám mục tên là Miche khuyên vua Norodom về với nước Pháp thì Tiêm La không dám bắt nạt. Bên này Thiếu tướng De la Grandière cũng sai Đại úy Doudart de Lagrée sang kinh doanh việc bảo hộ Cao Miên. Ông Doudart de Lagrée sang Cao Miên trong một năm trời thu xếp mọi việc, đến năm Giáp Tý (1864) thì nước Tiêm La phải rút quân về, nhường quyền bảo hộ cho nước Pháp.

## 8. Nước Pháp lấy ba tỉnh phía Tây đất Nam Kỳ

Ở bên Pháp lúc bấy giờ chính phủ cũng còn phân vân, chưa quyết hẳn lấy hay là trả đất Nam Kỳ, mà Pháp hoàng thì thấy đường sá xa xôi cũng ngại, bèn sai Hải quân Trung tá Aubaret (Ha Ba Lý) sang điều đình với triều đình ở Huế về việc cho chuộc ba tỉnh Nam Kỳ.

---

(1) Nguyên người nước ta tự xưa tuy có tiếng nói riêng mà không có chữ viết. Học hành, văn chương, án tử, việc gì cũng làm bằng Hán tự cả. Từ đời nhà Trần về sau đã có người dùng Hán tự mà đặt ra chữ Nôm để viết tiếng quốc ngữ. Nhưng mà những nhà văn học không hay dùng đến chữ Nôm. Đến cuối đời nhà Lê có các giáo sĩ Bồ Đào Nha sang giảng đạo ở nước ta, thấy Hán tự khó học và không mấy người hiểu, mới mượn chữ Latinh mà đặt ra chữ quốc ngữ, để cho tiện sự giảng dạy. Ngày nay ta cũng nhờ có chữ quốc ngữ ấy mà làm thành ra nước ta có một lối chữ riêng rất tiện.



Vua Dục Tông lại sai quan Lại bộ Thượng thư là ông Phan Thanh Giản ra sung chức toàn quyền cùng với Trần Tiễn Thành 陳踐誠 và Phan Huy Vịnh 潘輝泳 để thương nghị với sứ thần nước Pháp.

Ông Aubaret đưa bản thảo tờ hòa ước, đại lược nói rằng:

Nước Pháp trả lại ba tỉnh Gia Định, Biên Hòa và Định Tường cho nước Nam, chỉ giữ Sài Gòn, Mỹ Tho và Thủ Dầu Một để đóng quân. Nhưng nước Nam phải để nước Pháp được quyền bảo hộ cả 6 tỉnh Nam Kỳ. Nước Nam lại phải chịu mỗi năm là 2.000.000 nguyên tiền thuế.

Sứ hai nước cứ bàn đi bàn lại mãi không xong, mà ở bên Pháp thì có nhiều người không muốn trả lại đất Nam Kỳ. Cuối năm Giáp Tý (1864) quan Thượng thư Hải quân bộ là Hầu tước De Chasseloup Laubat dâng sớ tâu với Pháp hoàng nhất định xin không cho nước Nam chuộc ba tỉnh. Pháp hoàng nghe lời ấy bèn xuống chỉ truyền cứ chiếu tờ hòa ước năm Nhâm Tuất (1862) mà thi hành.

Năm Ất Sửu (1865), quan Thượng thư De Chasseloup Laubat muốn biết rõ tình thế bên Việt Nam này, bèn gọi Thiếu tướng De la Grandière về hội nghị và sai Hải quân Thiếu tướng Roze sang thay. Thiếu tướng De la Grandière về Pháp cả đi lẫn về mất 7 tháng, lại trở sang kinh lý việc Nam Kỳ.

Lúc bấy giờ việc cai trị ở ba tỉnh của Pháp đã thành nếp rồi, Thiếu tướng De la Grandière ở Pháp sang đã quyết ý lấy nốt ba tỉnh phía Tây. Lại nhân từ khi trước nước Pháp sang lấy Nam Kỳ, người bản xứ thỉnh thoảng vẫn nổi lên đánh phá, quân Pháp dẹp mãi không yên. Ở Cao Miên lại có tên sư Pu Kầm Bô xưng là cháu Nặc Ông Chân cũng nổi lên đánh vua Norodom. Sứ phủ ở Sài Gòn đổ cho quan Việt Nam ta xui giục và giúp đỡ những người làm loạn, bèn sửa soạn việc lấy tỉnh Vĩnh Long, tỉnh An Giang và tỉnh Hà Tiên.

Ở Huế tuy triều đình còn cứ mong chuộc lại đất ba tỉnh, nhưng vẫn biết ý sớ phủ ở Sài Gòn rồi tất lấy cả ba tỉnh phía Tây, cho nên năm Bính Dần (1866), lại sai ông Phan Thanh Giản vào làm Kinh lược sứ để tìm kế chống giữ.

Ở bên Pháp, thì từ năm Đinh Mão<sup>(1)</sup> (1867), Hải quân Trung tướng Rigault de Genouilly lên làm Thượng thư Hải quân bộ<sup>(2)</sup> ra sức giúp Thiếu tướng De la Grandière cho xong việc. Bởi vậy sớ phủ ở Sài Gòn chỉ đợi dịp để khởi sự.

Tháng 6 năm Đinh Mão (1867) là năm Tỵ Đức thứ 20, Thiếu tướng De la Grandière hội hơn 1.000 quân ở Mỹ Tho, rồi định ngày kéo sang lấy Vĩnh Long, An Giang và Hà Tiên. Ông Phan Thanh Giản biết thế không chống nổi, bảo các quan đành chịu nộp thành trì cho khỏi sự tai hại, rồi ông uống thuốc độc mà tự tận, dặn lại con cái phải cày ruộng mà ăn, chứ không được nhận quan chức gì ở Nam Kỳ.

Bấy giờ ông đã già, đã ngoài 74 tuổi, làm quan thật là thanh liêm, nhưng chẳng may gặp phải khi nước có biến, biết thế mình không làm gì được, đem tấm lòng son sắt mà báo đền ơn nước cho hết bốn phận người làm tôi.

Từ đó đất Nam Kỳ toàn cảnh thành ra đất thuộc địa của Pháp, thuế má, luật lệ, điều gì cũng do sớ phủ ở Sài Gòn quyết định cả.

---

(1) Sách gốc ghi là năm Đinh Mùi, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

(2) Lúc bấy giờ Hải quân bộ kiêm cả Thuộc địa bộ.



## CHƯƠNG VIII

# GIẶC GIÃ Ở TRONG NƯỚC



- |                                |                        |
|--------------------------------|------------------------|
| 1. Việc rối loạn trong nước    | 2. Giặc Tam Đường      |
| 3. Giặc châu chấu              | 4. Giặc tên Phụng      |
| 5. Sự phản nghịch ở kinh thành | 6. Giặc Khách ở Bắc Kỳ |

### 1. Việc rối loạn trong nước

Vua Dục Tông vốn là ông vua có lòng chăm chỉ về việc trị dân, ngay từ năm Canh Tuất (1850), là năm Tỵ Đức thứ 3, ngài đã sai ông Nguyễn Tri Phương 阮知方 làm Kinh lược đại sứ 6 tỉnh Nam Kỳ; ông Phan Thanh Giản 潘清簡 làm Kinh lược đại sứ Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa và Bình Thuận; ông Nguyễn Đăng Giai 阮登階 làm Kinh lược đại sứ Hà Tĩnh, Nghệ An và Thanh Hóa. Các ông ấy đi khám xét công việc các quan lại và sự làm ăn của dân gian, có điều gì hay dở phải số tấu về cho vua biết.

Tuy vậy mặc lòng, không có đời nào lắm giặc giã bằng đời ngài làm vua. Chỉ được vài ba năm đầu thì còn có hơi yên trị, còn từ năm Tân Hợi (1851) là năm Tỵ Đức thứ 4 trở đi, thì càng ngày càng nhiều giặc. Mà nhất là đất Bắc Kỳ có nhiều giặc hơn cả, bởi vì đất Bắc Kỳ là đất của nhà Lê cũ, dân tình cũng có nhiều người tưởng nhớ đến tiền triều, nên chỉ những người muốn làm loạn, hoặc tự nhận là dòng dõi nhà Lê, rồi tôn lên làm minh chủ 盟主 để lấy cớ mà khởi sự.

Lại nhân lúc bấy giờ bên Tàu có giặc Thái Bình nổi lên đánh nhà Thanh, đến khi giặc ấy tan thì dư đảng chạy tràn



sang nước ta cướp phá ở mạn thượng du. Nào giặc Khách, nào giặc ta, quan quân cứ phải đi đánh dẹp luôn. Ở trong nước thì thỉnh thoảng lại có tai biến, như nước lụt, đê vỡ, v.v... Ở Hưng Yên, đê Văn Giang vỡ 18 năm liền, cả huyện Văn Giang thành ra bãi cát bỏ hoang, dân gian đói khổ, nghề nghiệp không có, cho nên người đi làm giặc càng ngày càng nhiều vậy.

## 2. Giặc Tam Đường

Năm Tân Hợi (1851) là năm Tỵ Đức thứ 4, có giặc Khách là bọn Quảng Nghĩa Đường 廣義堂, Lục Thắng Đường 六勝堂, Đức Thắng Đường 德勝堂, v.v... tục gọi là giặc Tam Đường 三堂, quấy nhiễu ở mặt Thái Nguyên, vua sai ông Nguyễn Đăng Giai 阮登階 ra kinh lược Bắc Kỳ. Ông ấy dùng cách khôn khéo dụ được chúng nó về hàng. Bởi vậy trong hạt lại được yên một độ. Nhưng đến cuối năm Giáp Dần (1854) là năm Tỵ Đức thứ 7, Nguyễn Đăng Giai mất, đất Bắc Kỳ lại có loạn.

## 3. Giặc châu châu

Năm Tỵ Đức thứ 7 (1854), ở tỉnh Sơn Tây có một bọn người đem Lê Duy Cự 黎維柜 là dòng dõi nhà Lê lập lên làm minh chủ để khởi sự đánh nhà Nguyễn. Lúc ấy có Cao Bá Quát 高伯适, người làng Phú Thụy, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh, thi đỗ cử nhân, ra làm quan, được bổ chức Giáo thụ phủ Quốc Oai (Sơn Tây). Cao Bá Quát có tiếng là người văn học giỏi ở Bắc Kỳ, mà cứ bị quan trên đè nén, cho nên bức chí, bỏ quan về đi dạy học, rồi theo bọn ấy xưng là quốc sư để dấy loạn ở vùng Sơn Tây và Hà Nội. Tháng chạp năm ấy quan phó Lãnh binh tỉnh Sơn Tây là Lê Thuận đi đánh bắt được Cao Bá Quát đem về chém tại làng.

Nhân vì mùa tháng năm ấy ở vùng tỉnh Bắc Ninh và Sơn Tây có nhiều châu châu ra phá hại mất cả mùa màng, rồi đến cuối năm lại có giặc ấy, cho nên người thời bấy giờ gọi là *giặc châu châu*.



Cao Bá Quát chết đi rồi, Lê Duy Cự còn quấy rối đến mấy năm sau mới dẹp yên được. Từ đó trở đi, không năm nào là năm không có giặc, nhưng kiệt kiệt hơn cả là có giặc tên Phụng và giặc Khách ở mạn thượng du.

#### 4. Giặc tên Phụng

Năm Tân Dậu (1861), quân nước Pháp và nước Y Pha Nho sang đánh Quảng Nam, có mấy người ở Bắc Kỳ theo vào làm lính mộ. Trong ấy có tên Tạ Văn Phụng 謝文奉, trước đã theo giáo sĩ ra ngoại quốc đi học đạo, sau lại theo Trung tướng Charner về đánh Quảng Nam.

Đến tháng chạp, thì tên Phụng ra Bắc Kỳ, mạo xưng là Lê Duy Minh 黎維明 dòng dõi nhà Lê 黎, rồi tự xưng làm minh chủ, cùng với một người đạo trưởng tên là Trường 長 làm mưu chủ, và tên Ước 約, tên Độ 度 dấy binh ở Quảng Yên. Đảng tên Phụng đem quân giặc Khách ở ngoài bể vào đánh lấy phủ Hải Ninh, rồi lại thông với giặc Khách và giặc ta ở các tỉnh, để làm loạn ở Bắc Kỳ.

Tháng ba năm Nhâm Tuất (1862), ở Bắc Ninh có tên cai tổng Nguyễn Văn Thịnh 阮文盛 (tục gọi là cai tổng Vàng) xưng làm nguyên súy, lập tên Uẩn 溫 mạo xưng là con cháu nhà Lê, lên làm minh chủ rồi nhập đảng với tên Phụng, đem binh đi đánh phủ Lạng Giang, huyện Yên Dũng và vây thành Bắc Ninh.

Bấy giờ quan Bố chính tỉnh Hà Nội là Nguyễn Khắc Thuật 阮克述, quan Bố chính tỉnh Sơn Tây là Lê Dụ 黎裕 và quan Phó Lãnh binh tỉnh Hưng Yên là Vũ Tảo 武早 đem quân ba tỉnh về đánh giải vây cho tỉnh Bắc. Vũ Tảo đánh nhau với quân giặc hơn 10 trận mới phá được quân giặc.

Ở phía Đông thì tên Phụng vây đánh thành Hải Dương, tỉnh thần dâng sớ cáo cấp. Triều đình bèn sai quan Thượng thư bộ Hình là Trương Quốc Dụng 張國用 ra làm Tổng thống Hải



An<sup>(1)</sup> quân vụ, cùng với Phan Tam Tỉnh 潘三省, Đặng Hạnh 鄧杏, Lê Xuân 黎春, đem quân kinh và quân Thanh, Nghê ra tiến tiêu. Lại sai Đào Trí 陶致 làm Tham tán đại thần, Nguyễn Bá Nghi 阮伯儀 làm Sơn Hưng Tuyên<sup>(2)</sup> Tổng đốc, để cùng với Trương Quốc Dụng đánh giặc ở Bắc Kỳ.

Lúc ấy, tỉnh Thái Nguyên thì có giặc Nông và giặc Khách đánh phá, tỉnh Tuyên Quang thì có bọn tên Uẩn 溫, tên Nông Hùng Thạc 農雄碩 quấy nhiễu, tỉnh Cao Bằng thì bị tên giặc Khách Lý Hợp Thắng 李合勝 vây đánh, tỉnh Bắc Ninh thì có cai tổng Vàng cướp phá, các quan lo rối cả lên. Vua Dục Tông lại sai Nguyễn Tri Phương 阮知方 ra làm Tây Bắc Tổng thống quân vụ đại thần, cùng với Phan Đình Tuyển 潘廷選 và Tôn Thất Tuệ 尊室穗 ra đánh Bắc Ninh, Thái Nguyên và Tuyên Quang.

Tháng 3 năm Quý Hợi (1863) Vũ Tảo 武早 đánh lấy lại thành Tuyên Quang và bắt được tên Uẩn đóng cũi giải về trị tội. Qua tháng 4, Nguyễn Tri Phương dẹp xong giặc ở Bắc Ninh, rồi đem binh lên lấy lại thành Thái Nguyên, bắt được tên Thanh 清 tên Đắc 得, tên Vân 雲 và lại phá được sào huyệt của giặc ở núi Ma Hiên, thuộc châu Bạch Thông.

Còn ở mặt Hải Dương và Quảng Yên, thì tuy Trương Quốc Dụng và Đào Trí đã giải được vây cho thành Hải Dương, nhưng thế quân giặc ở mặt bể còn mạnh lắm. Vua Dục Tông lại sai Nguyễn Tri Phương làm Tổng thống Hải An quân vụ, Trương Quốc Dụng làm Hiệp thống đem quân ra đánh mặt ấy.

Lúc bấy giờ bọn tên Phụng có sai người vào cầu viện quan Thiếu tướng Bonard ở trong Nam Kỳ, ước hễ lấy được Bắc Kỳ thì xin để nước Pháp bảo hộ. Nhưng vì trong Nam Kỳ còn lắm việc, mà sự giảng hòa với triều đình ở Huế đã sắp xong, cho

---

1) Hải Dương và Quảng An [hay Quảng Yên, nay thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh - BT].

(2) Sơn Tây, Hưng Hóa và Tuyên Quang.



nên Thiếu tướng không nhận. Đảng tên Phụng vẫn chiếm giữ đất Quảng Yên và những đảo ở ngoài bể, để làm sào huyệt, rồi cho binh thuyền đi cướp phá các nơi, quan quân đi đánh, nhiều người bị hại.

Cuối năm Quý Hợi (1863) là năm Tỵ Đức thứ 16, quân giặc họp hơn 500 chiếc thuyền ở đảo Cát Bà và ở núi Đồ Sơn, có ý muốn đem quân vào đánh đất kinh kỳ, nhưng chẳng may phải bão, thuyền đắm mất nhiều. Quan Đề đốc là Lê Quang Tiến 黎光薦 và quan Bộ phủ Bùi Huy Phan 裴輝璠 được tin ấy liền đem quân ra đánh, bị quân giặc đánh tập hậu, quan quân bỏ chạy. Lê Quang Tiến và ông Bùi Huy Phan phải nhảy xuống bể tự tận.

Đến tháng 6 năm Giáp Tý (1864) là năm Tỵ Đức thứ 17, quan Hiệp thống Trương Quốc Dụng 張國用, quan Tán lý Văn Đức Khuê 文德圭, quan Tán tương Trần Huy Sách 陳輝冊 và quan Chưởng vệ Hồ Thiện 胡善 đánh nhau với giặc ở đất Quảng Yên, bị giặc giết cả. Trận ấy quan quân thua to, quân sĩ thiệt hại rất nhiều.

Tháng 4 năm Ất Sửu (1865), quân giặc đem 300 chiếc thuyền phân ra làm 3 đạo vào cướp ở mạn Hải Dương. Nguyễn Tri Phương sai Nguyễn Văn Vĩ đem quân ra đón đánh, bắt và chém được rất nhiều. Từ đó quan Đề đốc Mai Thiện 枚善, quan Tán lý Đặng Trần Chuyên 鄧陳顥, quan Đốc binh Ông Ích Khiêm 翁益謙 phá được quân giặc hơn 10 trận. Quân giặc lui về giữ mặt Hải Ninh.

Tháng 7 năm ấy, Nguyễn Tri Phương sai Đặng Trần Chuyên, Ông Ích Khiêm đem binh ra Quảng Yên, ước với quan nhà Thanh ở Khâm Châu để đánh lấy lại thành Hải Ninh. Quân giặc thua to, đem hơn 70 chiếc thuyền chạy ra bể. Quan quân đem binh thuyền ra đuổi đánh, tên Phụng, tên Ước thì chạy vào mạn Quảng Bình, Quảng Trị, còn những đồ đảng, đứa thì phải bắt, đứa thì chạy trốn được. Sau tên Phụng và tên Ước cũng bị bắt đem về trị tội ở Huế.

Giặc Phụng khởi từ cuối năm Tân Dậu (1861) đến cuối năm Ất Sửu (1865) mới dẹp xong, kể vừa 4 năm trời, nhà nước tổn hại rất nhiều. Khi giặc Phụng ở Quảng Yên dẹp gần xong, thì ở mạn Cao Bằng đã có giặc Khách đánh lấy tỉnh thành. Quan Kinh lược Võ Trọng Bình 武仲平 và quan Tuần phủ Phạm Chi Hương 范芝香 đem binh lên Lạng Sơn rồi chia quân đi đánh các nơi, từ tháng 9 năm Ất Sửu (1865) cho đến tháng 3 năm Bính Dần (1866), thì tướng giặc là Trương Cận Bang 長觀邦 mới xin về hàng, và mới thu phục lại được thành Cao Bằng.

Nguyễn Tri Phương và Võ Trọng Bình về kinh coi việc triều chính.

## 5. Sự phản nghịch ở kinh thành

Việc ngoài Bắc mới hơi nguôi nguôi, thì kinh đô lại có việc làm cho náo động lòng người.

Nguyên vua Dục Tông là con thứ mà được nối ngôi, là vì người anh ngài là Hồng Bảo 洪保 phóng dăng, không chịu học hành cho nên không được lập. Ông lấy điều đó làm tức giận, bèn mưu đồ với một nước ngoại quốc để tranh ngôi vua. Chẳng may sự lộ ra, ông ấy phải bỏ ngục, rồi uống thuốc độc mà chết. Còn con ông ấy thì được tha mà phải đổi tên là Đinh Đạo 丁導.

Đến năm Bính Dần (1866) là năm Tỵ Đức thứ 19, nhà vua đang xây Vạn Niên Cơ tức là Khiêm Lăng bây giờ, quân sĩ phải làm lụng khổ sở, có nhiều người oán giận. Bấy giờ ở kinh có Đoàn Trưng 段徵 cùng với em là Đoàn Hữu Ái 段有愛, Đoàn Tư Trục 段司直, và bọn Trương Trọng Hòa 張仲和, Phạm Lương 范梁, kết làm “Đông Sơn thi tửu hội”<sup>(1)</sup> 東山詩酒會 để mưu việc lập Đinh Đạo 丁導 lên làm vua. Bọn tên Trưng mới chiêu dụ những lính làm ở Vạn Niên Cơ và cùng với quan Hữu quân Tôn Thất Cúc 尊室菊 làm nội ứng, định ngày khởi sự.

---

(1) Sách gốc ghi là *Sơn Đông thi tửu hội* [BT].





Đến đêm hôm mồng 8 tháng 8, bọn tên Trưng đem quân vào cửa tả địch, chực xông vào điện giết vua Dục Tông. May nhờ có quan Chương vệ là Hồ Oai 胡威 đóng được cửa điện lại, hô quân bắt được tên Trưng, tên Trục và cả bọn đồng đảng.

Đình Đạo phải tội giảo, Tôn Thất Cúc thì tự vẫn chết, còn các quan có trách nhiệm đều phải chiếu tội nặng nhẹ, hoặc phải cách.

Lúc ấy ngoài thì có giặc cướp đánh phá, trong thì có nghịch thần làm loạn. Ở mặt Quảng Nghĩa lại có giặc mọi Đá Vách cứ hay xuống quấy nhiễu dân gian, may nhờ có quan tiểu phủ Nguyễn Tấn 阮縉 ra sức đánh dẹp mới yên được. Việc giao thiệp với nước Pháp thì càng ngày càng khó. Ở Bắc Kỳ thì có giặc Khách một ngày một mạnh, đến nỗi quan quân đánh không được, phải nhờ quân Tàu sang dẹp hộ. Triều đình cũng bối rối không biết tính ra thế nào cho khỏi được sự biến loạn.

## 6. Giặc Khách ở Bắc Kỳ

Ở bên Tàu lúc bấy giờ cũng loạn: ngoài thì đánh nhau với nước Anh Cát Lợi và nước Pháp Lan Tây, triều đình phải bỏ kinh đô mà chạy; trong thì có giặc Thái Bình nổi lên đánh phá, tí nữa ngôi vua nhà Thanh cũng đổ nát.

Nguyên từ năm Đạo Quang thứ 29, là năm Kỷ Dậu (1849), tức là bên ta năm Tự Đức thứ 2, ở Quảng Tây có tên Hồng Tú Toàn 洪秀全 cùng với bọn Dương Tú Thanh 楊秀清, Tiêu Triều Quý 蕭朝貴, Lý Tú Thành 李秀成, nổi lên xưng là *Thái Bình thiên quốc* 太平天國, rồi chiếm giữ đất Kim Lăng và các tỉnh ở phía Nam sông Trường Giang. May nhờ có bọn Tăng Quốc Phiên 曾國藩, Tả Tôn Đường 左宗棠, Lý Hồng Chương 李鴻章, hết sức đánh dẹp, và lại có thể ngoại quốc tư giúp, cho nên đến năm Đồng Trị thứ hai là năm Quý Hợi (1863) tức là bên ta năm Tự Đức thứ 16, quan nhà Thanh mới bắt được các tướng Thái Bình, Hồng Tú Toàn phải uống thuốc độc tự tử, triều đình nhà Thanh lại thu phục được các tỉnh ở phía Nam nước Tàu.



Lúc ấy có dư đảng của Hồng Tú Toàn là bọn Ngô Côn 吳鯤 chạy tràn sang nước ta, trước còn nói xin hàng, rồi sau đem quân đi cướp phá các tỉnh, quan quân đánh mãi không được.

Năm Mậu Thìn (1868) là năm Tỵ Đức thứ 21, Ngô Côn chiếm giữ tỉnh thành Cao Bằng. Triều đình sai quan Tổng đốc Phạm Chi Hương 范芝香 viết thư sang cho quan nhà Thanh để xin quân Tàu sang tiêu trừ. Nhà Thanh sai phó tướng Tạ Kế Quý 謝繼貴 đem quân sang cùng với quan tiêu phủ Ông Ích Khiêm 翁益謙 và quan Đề đốc Nguyễn Viết Thành 阮曰成, đánh phá quân của Ngô Côn ở Thất Khê. Nhưng đến tháng 7 năm ấy, quân ta đánh thua ở Lạng Sơn, quan Tham tán Nguyễn Lệ 阮勵, quan Phó Đề đốc Nguyễn Viết Thành 阮曰成 tử trận, quan Thống đốc Phạm Chi Hương 范芝香 bị bắt.

Triều đình sai Võ Trọng Bình 武仲平 ra làm Hà Ninh Tổng đốc kiêm chức Tuyên Thái Lạng Quân thứ khâm sai đại thần, để hội với quan Đề đốc tỉnh Quảng Tây là Phùng Tử Tài 馮子材 mà đánh giặc Ngô Côn.

Quân hai nước cùng đồng sức đánh dẹp, đến tháng 5 năm Kỷ Tỵ (1869) thì mới khôi phục lại được tỉnh thành Cao Bằng. Đến cuối năm Canh Ngọ (1870), Ngô Côn đem quân vây đánh tỉnh thành Bắc Ninh, quan tiêu phủ Ông Ích Khiêm 翁益謙 đánh một trận bắn chết Ngô Côn và phá tan quân giặc.

Ngô Côn tuy chết, song còn có những đồ đảng là Hoàng Sùng Anh 黃崇英, hiệu Cờ vàng, Lưu Vĩnh Phúc 劉永福 hiệu Cờ đen, Bàn Văn Nhị 盤文二, Lương Văn Lợi 梁文利, hiệu Cờ trắng, vẫn cứ quấy nhiễu ở mạn Tuyên Quang, Thái Nguyên, quan quân phải hết sức chống giữ thật là vất vả. Triều đình sai quan Trung quân Đoàn Thọ 段壽 ra làm Tổng thống quân vụ ở Bắc Kỳ.

Đoàn Thọ vừa mới ra, kéo quân lên đóng ở tỉnh thành Lạng Sơn, bọn giặc Khách là Tô Tứ 蘇泗 nổi lên, nửa đêm vào



lấy thành, bắt ông ấy giết đi, còn Võ Trọng Bình thì vượt thành chạy thoát được.

Tin ấy vào đến Huế, triều đình vội vàng sai Hoàng Kế Viêm 黃繼炎<sup>(1)</sup> ra làm Lạng Bình Ninh Thái Thống đốc quân vụ đại thần, cùng với quan Tán tương Tôn Thất Thuyết 尊室說 đi dẹp giặc ở Bắc Kỳ. Qua tháng tư năm sau (1871), nhà vua lại sai quan Hình bộ Thượng thư là Lê Tuấn 黎俊 làm chức Khâm sai thị sự để cùng với ông Hoàng Kế Viêm lo việc đánh dẹp.

Tháng 11 năm Tân Mùi (1871), ở Quảng Yên lại có tên Hoàng Tề 黃齊 nổi lên, thông với giặc Tô Tứ và giặc Tàu Ô ở ngoài bể, rồi đem binh thuyền đi cướp phá các nơi. Hoàng Kế Viêm giữ mạn Sơn Tây, Lê Tuấn ra cùng với tỉnh thần Hải Dương đem quân đi đánh giặc Tề. Được ít lâu, quân thứ tỉnh Hải Dương bắn chết tên Tề ở huyện Thanh Lâm, dư đảng giặc ấy đều tan cả.

Ở mạn thượng du thì đảng Cờ đen là bọn Lưu Vĩnh Phúc và đảng Cờ vàng là bọn Hoàng Sùng Anh quấy nhiễu ở đất Tuyên Quang. Bao nhiêu thuế má ở mạn ấy, chúng thu cả, sau hai đảng ấy lại thù khích nhau, đánh phá nhau thật là tàn hại. Đảng Cờ đen về hàng với quan ta, nhà vua bèn dùng Lưu Vĩnh Phúc cho ở đất Lao Kay, được thu cả quyền lợi ở chỗ ấy, để chống giữ với đảng Cờ vàng, đóng ở mạn Hà Giang.

Đất Bắc Kỳ cứ giặc giã mãi, quan quân đánh dẹp thật là tổn hại mà không yên được. Đến tháng 7 năm Nhâm Thân (1872), triều đình lại sai Nguyễn Tri Phương 阮知方 làm Tuyên sát đồng sức đại thần 宣察董飭大臣 ra thay mặt vua xem xét việc đánh giặc ở Bắc Kỳ. Nhưng lúc bấy giờ việc giặc ở trong nước chưa xong, thì sự giao thiệp với nước Pháp đã sinh ra lắm nỗi khó khăn, khiến việc nước lại rối thêm ra nữa.

---

(1) Có sách chép là Hoàng Tá Viêm 黃佐炎.



## CHƯƠNG IX

# QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC KỲ

## Lần thứ nhất



1. Người Pháp tìm đường sang Tàu
2. Đồ Phổ Nghĩa
3. Đại úy Francis Garnier ra Hà Nội
4. Hạ thành Hà Nội năm Quý Dậu (1873)
5. Lấy mấy tỉnh ở Trung châu
6. Đại úy Francis Garnier chết
7. Ông Philastre ra Hà Nội
8. Hòa ước năm Giáp Tuất (1874)

### 1. Người Pháp tìm đường sang Tàu

Từ khi nước Pháp lấy xong đất Nam Kỳ rồi, súp phủ ở Sài Gòn sửa sang mọi việc, và cho người đi xem xét tình thế và sông núi ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ để mở mang sự giao thông. Lại có ý muốn tìm đường thông sang nước Tàu, bởi vậy tháng 5 năm Bính Dần (1866), Thiếu tướng De la Grandière sai Trung tá Doudart de Lagrée cùng với Đại úy Francis Garnier (Ngạc Nhi) và mấy người Pháp nữa theo sông Mê Kông đi tìm đường sang Tàu. Đến tháng 3 năm Mậu Thìn (1868), non hai năm trời, ông Dodart de Lagrée mới sang đến Vân Nam. Nhưng chẳng may ông ấy phải bệnh đau gan mà chết. Ông Francis Garnier đem xác ông ấy đi qua nước Tàu, rồi xuống tàu thủy về Sài Gòn.

Đến năm Canh Ngọ (1870) là năm Tỵ Đức thứ 23, ở bên Tây, nước Pháp đánh nhau với nước Phổ; quân Pháp thua, Pháp hoàng là Nã Phá Luân đệ tam bị bắt. Dân nước Pháp bỏ đế quốc mà lập Dân chủ cộng hòa. Tuy ở bên Pháp có sự chiến tranh, nhưng ở bên Viễn Đông này, quân Pháp vẫn giữ vững đất Nam Kỳ. Và triều đình ở Huế còn bận dẹp giặc Khách ở Bắc Kỳ, cho nên cũng không sinh sự lôi thôi gì cả.

## 2. Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis)

Thuở ấy, có một người Pháp tên là Jean Dupuis, ta gọi là Đồ Phổ Nghĩa 涂普義 mấy năm trước đã đi du lịch ở các tỉnh bên Tàu, để tìm cách buôn bán, biết có sông Hồng Hà từ đất Vân Nam chảy qua Bắc Kỳ ra bể, là một đường tiện lợi hơn, bèn nhận với quan nhà Thanh ở Vân Nam để chở đồ binh khí sang bán.

Đồ Phổ Nghĩa về cùng với một người Pháp nữa tên là Millot buôn bán ở Thượng Hải, trừ tính việc chở binh khí sang Vân Nam, đoạn rồi về Pháp để mua hàng. Khi trở sang bên này, Đồ Phổ Nghĩa vào Sài Gòn xin sớ phủ giúp thanh thế cho để đi qua Bắc kỳ. Viên Thống đốc Nam Kỳ lúc bấy giờ là Lục quân Thiếu tướng d'Arhaud, có hứa với Đồ Phổ Nghĩa cho chiếc tàu Bourayne đi theo.

Đồ Phổ Nghĩa sang Hương Cảng để cùng với Millot đem ba chiếc tàu con là Hồng Giang, Lao Kay và Sơn Tây chở đồ binh khí và hàng hóa vào Quảng Yên. Trong lúc ấy Hải quân Trung tá Sénès đã đem tàu Bourayne ra Bắc Kỳ, rồi lên Hải Dương, Hà Nội, Bắc Ninh đi xem các nơi.

Trung tá ở Bắc Ninh nghe tin bọn Đồ Phổ Nghĩa đã đến Quảng Yên, liền trở ra để cùng bàn với quan Khâm sai Lê Tuấn 黎俊 về việc thông thương ở sông Hồng Hà.

Ông Lê Tuấn không có lệnh triều đình, không dám tự tiện, nói xin đợi vài mươi hôm để có mệnh nhà vua ra sẽ hay.



Đồ Phổ Nghĩa và Millot thấy đợi lâu, bèn cứ đem tàu lên đóng ở Hà Nội, rồi thuê thuyền chở đồ lên Vân Nam. Bấy giờ là cuối năm Nhâm Thân (1872), là năm Tỵ Đức 25. Thuyền của Đồ Phổ Nghĩa đi qua những đồn của quan ta, của giặc Cờ vàng và giặc Cờ đen đều vô sự cả. Khi lên đến Vân Nam, quan nhà Thanh cho chở đồ khoáng vật xuống, đến tháng tư năm Quý Dậu (1873), thì Đồ Phổ Nghĩa và Millot lại trở về đến Hà Nội, đem một bọn lính Cờ vàng về theo. Millot thì vào Sài Gòn nói cho sếp phủ biết tình thế ở Bắc Kỳ, và nhân thể đem đồ khoáng vật sang bán ở Hương Cảng. Còn Đồ Phổ Nghĩa thì ở lại Hà Nội, đóng ở phố Mới bây giờ, rồi cùng với mấy người Khách là Bành Lợi Ký 彭利記, Quan Tá Đình 關佐庭 mua gạo, mua muối chở lên Vân Nam.

Bấy giờ luật nước ta cấm không cho chở muối sang Tàu, mà việc thông thương ở sông Hồng Hà cũng chưa định rõ thế nào, nhưng Đồ Phổ Nghĩa tự xưng là có lệnh quan Tàu cho, thì không cần phải theo luật nước Nam, vì nước Nam là một nước phải thần phục nước Tàu.

Đồ Phổ Nghĩa không hiểu rõ sự giao thiệp nước Tàu và nước ta ngày trước. Đối với Tàu thì bề ngoài nước ta tuy xưng là cống thần, nhưng kỳ thực vẫn là độc lập. Khi có việc gì, phải có sứ hai nước sang thương nghị rồi mới thi hành. Mà có khi sứ nước Tàu sang bàn điều gì, nước ta không thuận cũng thôi, chứ không cho phép tự tiện mà làm được. Chỉ trừ lúc nào nước Tàu ỷ thế mạnh mà bắt nạt, như đời nhà Nguyên, nhà Minh và nhà Thanh, thì lại có ông Trần Hưng Đạo, ông Lê Thái Tổ và ông Nguyễn Quang Trung tỏ cho người Tàu biết rằng nước Nam vốn không phải đất thuộc địa của Tàu.

Tuy vậy, quan ta phải nể Đồ Phổ Nghĩa là người nước Pháp, sợ có việc gì, thì thành ra bất hòa với sếp phủ ở Sài Gòn, cho nên cứ dùng lời nói ngọt để can ông ấy đừng làm điều trái với

luật nước. Nhưng ông ấy cứ một niềm tự ý mình mà làm. Quan ta nhờ cả giám mục Puginier ở Kẻ Sở lên can cũng không được.

Sau quan ta có bắt mấy tên Khách Bành Lợi Ký và Quan Tá Đình về sự đem thuyền chở muối và gạo lên Vân Nam, thì Đồ Phổ Nghĩa đem người đi bắt quan phòng thành Hà Nội và quan huyện Thọ Xương, đem xuống thuyền giam lại. Quan ta cũng ngơ ngác không biết ra thế nào. Một bên thì cố tình sinh sự, một bên thì mệnh nhà vua ra không được lời thôi điều gì.

Bấy giờ triều đình sai quan Hữu tham tri ở bộ Binh là Phan Đình Bình 潘廷評 làm khâm phái ra giao cho ông Nguyễn Tri Phương 阮知方 phải thu xếp cho yên chuyện ấy. Ông Nguyễn Tri Phương mới sai quan Bố chính là Vũ Đường 武堂 định ngày mời Đồ Phổ Nghĩa đến hội quán Quảng Đông để hội nghị. Khi hai bên đến hội đồng, quan ta nói rằng sự giao thiệp nước Pháp với nước Nam đã có tờ hòa ước năm Nhâm Tuất (1862), và sự đem muối và gạo lên bán ở Vân Nam là trái với tờ hòa ước ấy, và lại trái với luật bản quốc. Đồ Phổ Nghĩa cãi rằng ông ấy có lệnh quan Tàu cho là đủ, không cần phải xin phép gì nữa, rồi đứng dậy ra về.

Triều đình ở Huế thấy việc lời thôi mãi, sợ để lâu thành ra nhiều sự, mới sai ông Lê Tuấn 黎俊, ông Nguyễn Văn Tường 阮文祥 và ông Nguyễn Tăng Doãn vào sứ Sài Gòn, để thương nghị về việc ba tỉnh phía Tây đất Nam Kỳ và nhân thể nhờ súy phủ phân xử việc Đồ Phổ Nghĩa cho xong.

### 3. Đại úy Francis Garnier (Ngạc Nhi) ra Hà Nội

Viên Thống đốc Nam Kỳ bấy giờ là Hải quân Thiếu tướng Dupré vốn đã lưu ý về việc Bắc Kỳ. Trước đã viết thư về cho Thượng thư Thuộc địa bộ ở Paris nói rằng: “Đất Bắc Kỳ là đất tiếp giáp với những tỉnh Tây Nam nước Tàu, ta nên chiếm giữ lấy thì sự cai trị của ta ở Viễn Đông này mới được chắc chắn”.

Nhưng bên Pháp bấy giờ mới đánh nhau với nước Phổ vừa xong, không muốn gây chuyện khác, bèn điện sang cho Thiếu tướng rằng: “Không được sinh sự ở Bắc Kỳ”. Đến khi Millot về Sài Gòn kể công việc ở Bắc Kỳ, Thiếu tướng lại điện về Paris nói rằng: “Việc Đồ Phổ Nghĩa ở Bắc Kỳ đã thành công rồi. Cần phải lấy xứ Bắc Kỳ và giữ lấy con đường thông sang Tàu. Không cần phải viện binh. Thành công chắc lắm. Ngay hôm ấy, Thiếu tướng lại viết thêm một cái thư về nói rõ mọi lẽ, và quyết rằng xin chính phủ để cho Thiếu tướng được tự tiện, hễ có việc gì thì Thiếu tướng xin chịu lỗi<sup>(1)</sup>.”

Đang lúc ấy thì triều đình ở Huế sai bọn ông Lê Tuấn vào xin Thiếu tướng ra điều đình việc Đồ Phổ Nghĩa ở Bắc Kỳ.

Cứ như ý của Thiếu tướng Dupré điện về cho chính phủ Pháp thì Thiếu tướng chỉ mong có cái cơ hội gì để đem quân ra Bắc Kỳ. Nay thấy triều đình ta vào nhờ súp phở ở Sài Gòn phân xử việc Đồ Phổ Nghĩa, thật là gặp được cái dịp mình đang mong, Thiếu tướng liền gọi quan Hải quân Đại úy Francis Garnier ở Thượng Hải về, rồi sai ra Hà Nội, nói rằng ra phân xử việc Đồ Phổ Nghĩa<sup>(2)</sup>.

Đại úy Francis Garnier đem mấy chiếc tàu con và 170 người lính ra đến cửa Thuận, nghỉ lại mấy hôm để đợi quan khâm sai cùng ra Bắc Kỳ. Đến tháng 10 năm Quý Dậu (1873), thì các quan ra đến Hà Nội.

Bấy giờ ai cũng tưởng là Đại úy Francis Garnier ra chuyến này thì mọi việc xong cả, cho nên đi đến đâu quan ta cũng tiếp đãi rất trọng hậu. Nhưng xem những thư từ của Đại úy lúc bấy giờ, thì cốt ra có chủ ý khác. Khi ở Sài Gòn sắp đi, Đại úy viết

(1) Sách *L'Empire d'Annam* của Capitaine Ch. Gosselin.

(2) Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) có làm quyển sách *Le Tonkin de 1872 à 1886* kể những công việc của ông ở Bắc Việt, và nói rõ tình ý của các quan coi việc súp phở ở Sài Gòn lúc bấy giờ là thế nào. Ta cũng nhờ có sách ấy mà kê cứu ra được nhiều việc rất là tường tận.





thư về cho người anh ở bên Pháp nói rằng: “Lệnh của sếp phủ cho, là được tự tiện. Việc gì Hải quân Thiếu tướng cũng ủy thác cho tôi cả. Vậy vì nước Pháp mà tôi phải cố sức”. Đến khi đến Hải Dương, Đại úy vào ở Kê Sắt, rồi viết thư sai người đem cho Đồ phổ Nghĩa, báo tin cho ông ấy biết cái chủ đích của mình, và lại nói rằng trăm sự Đại úy trông cậy vào ông ấy chỉ bảo cho, bởi vì ông ấy đã quen biết mọi việc ở Bắc Kỳ.

Đồ Phổ Nghĩa tiếp được thư, liền đem chiếc tàu Man Hao đi đón Đại úy. Lên đến Hà Nội, Đại úy đem mấy người đi thẳng vào thành ra mắt ông Nguyễn Tri Phương, và đòi đem quân đóng ở trong thành. Quan ta nói mãi, Đại úy mới thuận ra đóng ở Trường Thi. Đoạn rồi Đại úy viết thư mời giám mục Puginier ở Kê Sở lên Hà Nội, để nhờ làm thông ngôn. Đại úy lại làm tờ hiểu dụ, cho dân biết, nói rằng: “Bản chúc ra Bắc Kỳ cốt để dẹp cho yên giấc giã, và để mở mang sự buôn bán”.

#### **4. Hạ thành Hà Nội năm Quý Dậu (1873)**

Quan ta thấy Đại úy không nói gì đến việc Đồ Phổ Nghĩa, mà lại nói những việc dẹp giặc và mở sự buôn bán, thì đều lấy làm phân vân. Sau lại thấy tàu và quân ở Sài Gòn tiến ra, quan ta lại càng lo lắng. Được mấy hôm, Đại úy không bàn hỏi gì đến quan ta, tự tiện làm tờ tuyên bố sự mở sông Hồng Hà cho người nước Pháp, nước Y Pha Nho và nước Tàu được ra vào buôn bán.

Quan ta lúc bấy giờ cũng bối rối quá. Việc giao thiệp và việc buôn bán với nước Pháp thì đã định rõ trong tờ hòa ước năm Nhâm Tuất (1862), nay thấy Đại úy Francis Garnier đường đột làm như thế, thì cũng lấy làm lo, cho nên cũng có tìm cách phòng bị. Mà Đại úy cũng đã biết trước rằng thế nào quan ta cũng không chịu, cho nên đã định kế đánh thành Hà Nội.

Đến đầu tháng 10, một mặt Đại úy viết thư cho ông Nguyễn Tri Phương, trách quan ta làm ngăn trở việc buôn bán của Đồ Phổ Nghĩa; vậy vì sự văn minh và cái quyền lợi của nước Pháp



cho nên súp phủ ở Sài Gòn sai Đại úy ra mở sự buôn bán ở Bắc Kỳ. Dẫu quan Việt Nam có thuận hay không cũng mặc, Đại úy cứ theo lệnh của súp phủ mà thi hành. Một mặt Đại úy bàn định với Đồ Phổ Nghĩa định ngày đánh thành và bắt ông Nguyễn Tri Phương giải vào Sài Gòn.

Cứ như sách của Đồ Phổ Nghĩa, thì lúc bấy giờ có cả những người mạo xưng là đảng nhà Lê, cũng xin theo Đại úy để vào thành làm nội ứng.

Đến sáng hôm rằm tháng 10 năm Quý Dậu (1873) thì quân Pháp phát súng bắn vào thành Hà Nội. Ông Nguyễn Tri Phương cùng với con là phò mã Nguyễn Lâm 阮林 hoảng hốt lên thành giữ cửa Đông và cửa Nam. Được non một giờ đồng hồ thì thành vỡ, phò mã Lâm trúng đạn chết, ông Nguyễn Tri Phương thì bị thương nặng. Quân Pháp vào thành bắt được ông Nguyễn Tri Phương và quan khâm phái Phan Đình Bình đem xuống tàu.

Ông Nguyễn Tri Phương nghĩ mình là một bậc lão thần thờ vua đã trải ba triều, đánh Nam dẹp Bắc đã qua mấy phen, nay chẳng may vì việc nước mà bị thương, đến nỗi phải bắt, ông quyết chí không chịu buộc thuốc và nhịn ăn mà chết.

Ông Nguyễn Tri Phương là người ở Thừa Thiên, do lại điển xuất thân, làm quan từ đời vua Thánh Tổ, trải qua ba triều, mà nhà vẫn thanh bạch, chỉ đem trí lực mà lo việc nước, chứ không thiết của cải. Nhưng chẳng may phải khi quốc bộ gian nan, ông phải đem thân hiến cho nước, thành ra cả nhà cha con, anh em đều mất vì việc nước. Thật là một nhà trung liệt xưa nay ít có vậy.

## 5. Lấy mấy tỉnh ở Trung châu

Thành Hà Nội thất thủ rồi, quan ta thì trốn tránh đi cả, giặc cướp lại nhân dịp nổi lên. Đại úy Francis Garnier lại cho



những người theo với mình đi làm quan các nơi để chống với quan triều, rồi lại sai người đi đánh lấy tỉnh Ninh Bình, Nam Định và Hải Dương.

Quan ta ở các tỉnh đều ngờ ngác không biết ra thế nào, hề thấy người Tây đến là bỏ chạy. Bởi vậy, chỉ có người Pháp tên là Hautefeuille và 7 người lính Tây mà hạ được thành Ninh Bình, và chỉ trong 20 ngày mà 4 tỉnh ở Trung châu mất cả.

## 6. Đại úy Francis Garnier chết

Triều đình được tin biến ở Bắc Kỳ, vội vàng sai ông Trần Đình Túc 陳廷肅, ông Nguyễn Trọng Hợp 阮仲合, ông Trương Gia Hội 張嘉會 cùng với giám mục Bình (Mgr Bohier) và linh mục Đăng (Dangelzer) ra Hà Nội, để điều đình mọi việc và sai ông Hoàng Kế Viêm 黃繼炎 ở Sơn Tây làm Tiết chế quân vụ, để phòng giữ các nơi. Lại sai ông Lê Tuấn 黎俊 làm toàn quyền, ông Nguyễn Văn Tường 阮文祥 làm phó, vào thương thuyết với sứ phủ ở Sài Gòn về việc Đại úy Francis Garnier đánh Bắc Kỳ.

Lúc bấy giờ ông Hoàng Kế Viêm đóng ở Sơn Tây, có đảng Cờ đen là bọn Lưu Vĩnh Phúc 劉永福 về giúp. Vua phong cho Lưu Vĩnh Phúc làm Đề đốc, để cùng với quan quân chống giữ quân Pháp. Lưu Vĩnh Phúc đem quân về đóng ở mạn phủ Hoài Đức. Khi ông Trần Đình Túc và ông Nguyễn Trọng Hợp đang thương thuyết với Đại úy Francis Garnier, thì quân Cờ đen về đánh Hà Nội. Đại úy đem quân đi đuổi đánh, lên đến Cầu Giấy thì bị phục quân giết chết.

## 7. Ông Philastre ra Hà Nội

Nguyên khi Thiếu tướng Dupré sai Đại úy Francis Garnier ra Bắc Kỳ là tự ý mình chứ chính phủ nước Pháp vẫn không thuận, bởi vậy khi được tin Đại úy đã khởi sự đánh Hà Nội, Thiếu tướng liền sai Hải quân Đại úy, kiêm chức thống soái việc hình luật ở Nam Kỳ, là ông Philastre (ta gọi là Hoắc Đạo



Sinh 霍道生) cùng với quan phó sứ nước ta là ông Nguyễn Văn Tường 阮文祥 ra điều đình mọi việc ở Bắc Kỳ.

Đến Cửa Cấm thì ông Philastre và ông Nguyễn Văn Tường mới biết rằng Đại úy Francis Garnier đã bị quân Cờ đen giết mất rồi. Sử chép rằng khi được tin ấy, ông Philastre tức giận vỗ bàn mà bảo ông Nguyễn Văn Tường rằng: “Việc không xong rồi, phải trở về đợi lệnh sứ phủ mới được”. Ông Nguyễn Văn Tường sợ ông Philastre giận quá mà làm nhỡ việc, mới ung dung mà nói rằng: “Việc đánh lấy Hà Nội sứ phủ bảo không phải là bản ý, mà quân bản quốc ở 4 tỉnh Bắc Kỳ cũng không tranh giành gì cả. Vậy hai bên không có làm điều gì trái nhau. Nay Đại úy Francis Garnier chết, hoặc là vì giặc giết, hoặc là vì dân nổi lên làm loạn, việc ấy ta chưa rõ. Huống chi trả thành lại để định hòa ước cho xong, ấy là lệnh của quý sứ phủ; mà thu lấy thành rồi mới nghị hòa, ấy là mệnh của bản quốc. Còn như việc Hà Nội giết Đại úy Francis Garnier thì cũng như Đại úy Francis Garnier giết ông Nguyễn Tri Phương, việc đó xuất ư ý ngoại, chứ có phải lỗi chúng ta đâu. Bây giờ chúng ta ra đây, mắt chưa trông thấy việc gì cả, mới nghe thấy tin báo mà đã bỏ về, thế chẳng hóa ra mình đi uống mất công không hay sao? Chi bằng ta cho người đưa thư lên Hà Nội bảo đem tàu xuống đón, chúng ta sẽ lên tới nơi, hoặc là cứ theo mệnh lệnh mà làm, hoặc là xét rõ duyên do tại làm sao mà Đại úy Francis Garnier chết, rồi sẽ báo tin, thế chẳng ổn việc lắm hay sao?”. Ông Philastre nghe lời ấy, bèn sai người đưa thư lên cho Hà Nội biết.

Ngay lúc ấy có tàu Decrès còn đóng ở gần Đồ Sơn, ông Philastre muốn sang tàu ấy để cho chiếc tàu mình đi là D'Estrées trở về báo tin cho Sài Gòn biết. Nguyễn Văn Tường ngăn đi rằng: “Tàu của mình đã vào cửa rồi lại trở ra, nhỡ sĩ dân biết, lại bắt chước Hà Nội mà làm bậy, thì làm thế nào mà ngăn cấm được; sợ có việc tổn hại, thì lấy lẽ gì mà bẩm với quý



sứ. Vậy nay xin sai chiếc tàu Decrès ra bể, đuổi đánh những giặc Tàu Ô, còn cứ đem tàu D'Estrées vào đến Hải Phòng, rồi ta lên Hải Dương, đem trả tỉnh thành lại cho bản triều, để bỏ cái lòng tin cho sĩ dân biết, sau ta lên Hà Nội, trả nốt cả mấy thành kia, và tra hỏi việc Đại úy Francis Garnier chết ra thế nào sẽ bẩm cho quý sứ biết”.

Ông Philastre vốn là một người rất công bằng, lại thấy ông Nguyễn Văn Tường nói hợp lẽ, bèn thuận nghe, và lên Hải Dương truyền trả thành lại cho quan ta, rồi lên Hà Nội làm tờ giao ước trả lại cả 4 thành cho quan ta coi giữ. Còn những tàu bè và quân lính của Pháp ở các tỉnh thì thu cả về Hà Nội, rồi định ngày rút quân ra đóng ở Hải Phòng đợi đến ngày ký tờ hòa ước xong thì rút về. Bấy giờ là tháng giêng năm Giáp Tuất (1874), là năm Tỵ Đức thứ 27.

Đồ Phổ Nghĩa thấy ông Philastre phá mất cả những việc của mình đã làm với Đại úy Francis Garnier, bèn vào Sài Gòn kêu với sứ phủ và đòi tiền phí tổn non một triệu nguyên.

## 8. Hòa ước năm Giáp Tuất (1874)

Mọi việc ở Hà Nội xếp đặt xong rồi, sứ phủ ở Sài Gòn sai ông Rheinart (Lê Na) ra thay cho ông Philastre. Ông Philastre cùng với ông Nguyễn Văn Tường về Nam Kỳ, định sự hòa ước cho kịp ngày Thiếu tướng Dupré về Pháp.

Ngày 27 tháng giêng năm Giáp Tuất (1874) là năm Tỵ Đức thứ 27, Hải quân Thiếu tướng Dupré và ông Lê Tuấn, ông Nguyễn Văn Tường ký tờ hòa ước cả thảy 22 khoản, đại lược có những khoản này là quan trọng hơn cả.

*Khoản II.* Quan thống lĩnh nước Pháp nhận quyền độc lập của vua nước Nam không phải thần phục nước nào nữa, và khi nào vua nước Nam có cần đến việc gì để đánh dẹp giặc giã, thì nước Pháp sẵn lòng giúp mà không yêu cầu điều gì.



*Khoản III.* Vua nước Nam phải đoan nhận y theo chính lược ngoại giao của nước Pháp, và chính lược ngoại giao hiện lúc bấy giờ thế nào phải để nguyên như thế, không được đổi khác đi.

Quan thống lĩnh nước Pháp lại tặng vua nước Nam:

1. 5 chiếc tàu có đủ máy móc súng ống.
2. 100 khẩu súng đại bác, và mỗi khẩu có 200 viên đạn.
3. 1.000 khẩu súng tay và 5.000 viên đạn.

*Khoản IV.* Quan thống lĩnh nước Pháp hứa cho quan binh sang giúp vua nước Nam để dạy tập lính thủy, lính bộ; cho những kỹ sư sang dạy làm mọi việc, và cho những người giỏi việc tài chính sang tổ chức việc thuế má và việc thương chính, v.v...

*Khoản V.* Vua nước Nam phải thuận nhường đứt đất 6 tỉnh Nam Kỳ cho nước Pháp.

*Khoản IX.* Vua nước Nam phải để cho giáo sĩ được tự do đi giảng đạo, và để cho dân trong nước được tự do theo đạo.

*Khoản XI.* Vua nước Nam phải mở cửa Thị Nại (Quy Nhơn), cửa Ninh Hải (Hải Phòng), thành Hà Nội và sông Hồng Hà cho ngoại quốc vào buôn bán.

*Khoản XIII.* Nước Pháp được quyền đặt lãnh sự ở các cửa bể và các thành thị đã mở ra cho ngoại quốc vào buôn bán.

*Khoản XV.* Người nước Pháp hay là người ngoại quốc, hễ có giấy thông hành của quan lãnh sự Pháp và có chữ quan Việt Nam phê nhận thì được phép đi xem các nơi ở trong nước.

*Khoản XVI.* Người nước Pháp và người ngoại quốc có điều gì kiện tụng tại đất Việt Nam, thì do lãnh sự Pháp phân xử.

*Khoản XX.* Khi nào tờ hòa ước này ký xong, thì quan Thống lĩnh nước Pháp đặt sứ thần ở Huế, để chiếu những điều đã giao

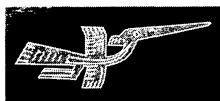
ước mà thi hành. Vua nước Nam cũng được quyền đặt sứ thần ở Paris và ở Sài Gòn.

Tờ hòa ước ấy ký xong, thì quan chánh sứ Lê Tuấn mất, ông Nguyễn Văn Tường về Huế. Thiếu tướng Dupré giao mọi việc ở Nam Kỳ cho Hải quân Thiếu tướng Krantz quyền lĩnh, rồi về Pháp.

Tháng 6, triều đình ở Huế lại sai quan Hình bộ Thượng thư là Nguyễn Văn Tường 阮文祥 và quan Lại bộ Thị lang là Nguyễn Tăng Doãn 阮增允, vào Sài Gòn cùng với Thiếu tướng Krantz định các lệ về sự buôn bán ở nước Nam. Đến 20 tháng 7, thì tờ thương ước lập xong.

## CHƯƠNG X

# TÌNH THẾ NƯỚC NAM TỪ NĂM GIÁP TUẤT VỀ SAU



- |                                  |                      |
|----------------------------------|----------------------|
| 1. Văn thân nổi loạn ở Nghệ Tĩnh | 2. Giặc ở Bắc Kỳ     |
| 3. Sự giao thiệp với nước Tàu    | 4. Tình thế nước Tàu |
| 5. Sự giao thiệp với nước Pháp   |                      |

### 1. Văn thân nổi loạn ở Nghệ Tĩnh

Nhờ có ông Philastre và ông Nguyễn Văn Tường 阮文祥 thu xếp việc Bắc Kỳ vừa xong, thì ở mạn Nghệ Tĩnh có loạn.

Nguyên lúc bấy giờ dân trong nước ta chia làm hai phái: Bên lương, bên giáo; hai bên vẫn không ưa nhau. Đến khi xảy ra việc Đại úy Francis Garnier lấy Hà Nội, bọn sĩ phu ở mạn Nghệ Tĩnh thấy giáo dân có nhiều người theo giúp ông ấy thì lấy làm tức giận lắm, bèn rủ nhau nổi lên đánh phá.

Tháng giêng năm Giáp Tuất (1874), là năm Tỵ Đức thứ 27, đất Nghệ An có hai người tú tài là Trần Tấn 陳璠 và Đặng Như Mai 鄧如梅 hội tập cả các văn thân trong hạt, rồi làm một bài hịch gọi là *Bình Tây sát tử*, đại lược nói rằng: “Triều đình dẫu hòa với Tây mặc lòng, sĩ phu nước Nam vẫn không chịu, vậy trước nhất xin giết hết giáo dân, rồi sau đánh đuổi Tây cho hết, để giữ lấy cái văn hóa của ta đã hơn 1.000 năm nay,...”. Bọn văn thân cả thầy đồ non ba nghìn người, kéo nhau đi đốt phá những làng có đạo.



Nước ta mà không chịu khai hóa ra như các nước khác là cũng bởi bọn sĩ phu cứ giữ thói cũ, không chịu theo thời thế mà thay đổi. Nay sự suy nhược của mình đã sờ sờ ra đấy, thế mà vẫn cứ không chịu mở mắt ra mà nhìn, lại vì sự tức giận một lúc mà làm việc nông nổi càn rỡ, để cho thiệt hại thêm, như thế thì cái tội trạng của bọn sĩ phu đối với nước nhà chẳng to lắm ru!

Lúc bấy giờ quan Tổng đốc Nghệ An là ông Tôn Thất Triệt 尊室澈 lại có ý dung túng bọn văn thân, cho nên họ càng đắc thế càng phá dữ. Triều đình thấy vậy, mới truyền bắt quan quân phải dẹp cho yên. Bọn văn thân thấy quan quân đuổi đánh, bèn cùng với bọn giặc Trần Quang Hoán 陳光浣, Trương Quang Thủ 張光首, Nguyễn Huy Điển 阮輝璵 đánh lấy thành Hà Tĩnh, rồi ra vây phủ Diễn Châu.

Triều đình thấy thế giặc càng ngày càng to bèn sai ông Nguyễn Văn Tường 阮文祥 ra làm khâm sai, và ông Lê Bá Thận 黎伯慎 làm Tổng thống, đem quân ra đánh dẹp, từ tháng 2 đến tháng 6 mới xong.

## 2. Giặc ở Bắc Kỳ

Thuở ấy ở mạn thượng du đất Bắc Kỳ lúc nào cũng có giặc, quan quân đánh mãi không được, phải nhờ quân Tàu sang đánh giúp cũng không xong.

Ở mạn Hải Dương và Quảng Yên thì vẫn có những người mạo xưng là con cháu nhà Lê, cứ quấy rối mãi. Khi Francis Garnier ra lấy Hà Nội, những người ấy về xin theo đi đánh quan ta, nhưng vì sau nước Pháp trả lại các tỉnh ở Bắc Kỳ, họ lại tản đi. Vả từ khi nước ta và nước Pháp đã ký hòa ước rồi, quan Pháp có đem binh thuyền đi đánh giúp, cho nên mới tiết được đảng ấy.

Còn ở mạn Tuyên Quang, thì có giặc Cờ vàng những nhiều đã lâu. Quan quân phải đánh dẹp mãi không được. Đến tháng



8 năm Ất Hợi (1875), là năm Tự Đức thứ 28, tướng Cờ vàng là Hoàng Sùng Anh 黃崇英 đem quân về đóng ở làng Châu Thượng, thuộc phủ Vĩnh Tường. Bấy giờ quan Tán tương quân vụ tỉnh Sơn Tây là Tôn Thất Thuyết 尊室說 về đánh một trận, bắt được Hoàng Sùng Anh và giết được quân Cờ vàng rất nhiều. Giặc ấy từ đó tan dần.

Năm sau Tôn Thất Thuyết lại giết được tên giặc Trần ở làng Cổ Loa, và dẹp yên được mạn Sơn Tây. Nhưng đến năm Mậu Dần (1878) ở Lạng Sơn lại có tên giặc Khách là Lý Dương Tài 李楊才 nổi lên.

Lý Dương Tài trước làm quan Hiệp trấn ở Tâm Châu, thuộc tỉnh Quảng Tây, sau bị cách mới nổi lên làm giặc và đem quân tràn sang đánh lấy tỉnh Lạng Sơn. Quan ta đem thư sang cho quan Tàu biết. Quan Đề đốc Quảng Tây là Phùng Tử Tài 馮子材 đem quân 26 doanh sang cùng với quân ta hội tiểu. Đến tháng 9 năm Kỷ Mão (1879), quan quân mới bắt được Lý Dương Tài ở núi Nghiêm Hậu, thuộc tỉnh Thái Nguyên, đem giải sang Tàu.

Vì đất Bắc Kỳ cứ có giặc giã luôn cho nên triều đình đặt ra chức Tĩnh biên sứ 靖邊使 để giữ các nơi về đường ngược. Năm Canh Thìn (1880), đặt ra Lạng Giang đạo và Đoan Hùng đạo sai hai viên Tĩnh biên phó sứ là Trương Quang Đản 張光愼 đóng ở Lạng Giang và Nguyễn Hữu Độ 阮有度 đóng ở Đoan Hùng, lại phong cho Hoàng Kế Viêm 黃繼炎 là Tĩnh biên sứ, kiêm cả hai đạo.

### 3. Sự giao thiệp với nước Tàu

Nước ta tự xưa đến nay tuy là độc lập, nhưng vẫn giữ lệ triều cống nước Tàu, lấy cái nghĩa rằng nước nhỏ phải tôn kính nước lớn. Cho nên khi chiến tranh, dầu ta có đánh được Tàu đi nữa, thì rồi nhà nào lên làm vua cũng phải theo cái lệ ấy, mà đời nào cũng lấy điều đó làm tự nhiên vì rằng triều cống cũng



không tổn hại gì mấy, mà nước vẫn độc lập và lại không hay có việc lôi thôi với một nước láng giềng mạnh hơn mình. Bởi vậy hễ vua nào lên ngôi, cũng chiếu lệ sai sứ sang Tàu cầu phong, và cứ ba năm sai sứ sang cống một lần.

Các vua đời nhà Nguyễn cũng theo lệ ấy, nhưng các đời vua trước thì vua phải ra Hà Nội mà tiếp sứ Tàu và thụ phong. Đến đời vua Dục Tông thì sứ Tàu vào tại Huế phong vương cho ngài.

Còn những cống phẩm thì cứ theo lệ, mà thường chỉ đưa sang giao cho quan Tổng đốc Lương Quảng để đệ về kinh, chứ không mấy khi sứ ta sang đến Yên Kinh. Trong đời vua Dục Tông thì sử chép rằng năm Mậu Thìn (1868), có ông Lê Tuấn 黎俊, ông Nguyễn Tư Giản 阮思儼 và ông Hoàng Tịnh 黃並 sang sứ Tàu. Năm Quý Dậu (1873), lại có các ông Phan Sĩ Thục 潘仕俶, ông Hà Văn Khai 河文開, và ông Nguyễn Tu 阮修 sang sứ Tàu, để bày tỏ việc đánh giặc Khách ở Bắc Kỳ.

Từ năm Giáp Tuất (1874) trở đi, triều đình ở Huế đã ký tờ hòa ước với nước Pháp, công nhận nước Nam độc lập, không thần phục nước nào nữa, chứ trong bụng vua Dục Tông vẫn không phục, cho nên ngài cứ theo lệ cũ mà triều cống nước Tàu, có ý mong khi hữu sự, nước Tàu sang giúp mình. Bởi vậy năm Bính Tý (1876) vua Dục Tông sai ông Bùi Ân Niên 裴殷年 tức là ông Bùi Dị 裴異, ông Lâm Hoành 林宏 và ông Lê Cát 黎吉 sang sứ nhà Thanh. Năm Canh Thìn (1880) lại sai các ông Nguyễn Thuật 阮述, Trần Khánh Tiến 陳慶洊, Nguyễn Hoan 阮歡 sang Yên Kinh dâng biểu xưng thần và các đồ cống phẩm. Năm sau, triều đình nhà Thanh sai Đường Đình Canh 唐廷庚 sang Huế bàn việc buôn bán và lập Cục chiêu thương 招商局, chủ ý là để thông tin cho chính phủ Tàu biết mọi việc bên nước ta.

Một bên đã hòa với nước Pháp, nhận theo chính lược ngoại giao của nước Pháp mà độc lập<sup>(1)</sup>, một bên cứ triều cống nước

---

(1) Tờ hòa ước năm Giáp Tuất 1874.



Tàu, có ý để cầu viện, bởi thế cho nên chính phủ Pháp lấy điều đó mà trách triều đình ta vậy.

#### 4. Tình thế nước Tàu

Xưa nay ta vẫn công nhận nước Tàu là thượng quốc và vẫn phải giữ lệ triều cống. Hễ khi nào trong nước có việc biến loạn là vẫn trông mong nước Tàu sang cứu viện. Không ngờ từ thế kỷ thứ XIX trở đi, thế lực các nước bên Âu Tây mạnh lên, người phương Tây đi lược địa rất nhiều, mà tình thế nước Tàu thì rất là suy nhược. Năm Đạo Quang thứ 19 (1839) tức là năm Minh Mệnh thứ 20 bên ta, vì việc cấm thuốc nha phiến ở Quảng Đông thành ra có chiến tranh với nước Anh Cát Lợi. Quân nước Anh đánh phá thành Ninh Ba, Thượng Hải, v.v... Vua Đạo Quang phải nhận những điều hòa ước năm Nhâm Dần (1842) làm tại thành Nam Kinh, nhường đảo Hương Cảng cho nước Anh và mở những thành Quảng Châu, Hạ Môn, Phúc Châu, Ninh Ba và Thượng Hải ra cho ngoại quốc vào buôn bán.

Cuộc hòa ước ở Nam Kinh định xong, các nước ngoại dương vào buôn bán ở nước Tàu và đặt lãnh sự ở Quảng Châu, Ninh Ba, Thượng Hải, v.v...

Đến năm Hàm Phong thứ 8 (1858) tức là năm Tự Đức thứ 11, nước Anh và nước Pháp ký tờ hòa ước với nước Tàu, đặt sứ thần ở Bắc Kinh. Đoạn nước Tàu có điều trái ước, gây thành việc chiến tranh với hai nước ấy. Quân nước Anh và nước Pháp đánh lấy hải khẩu, rồi kéo lên đánh lấy Bắc Kinh. Vua Hàm Phong lại phải nhận những điều hòa ước năm Canh Thân (1860) làm tại Thiên Tân.

Từ đó nước Tàu cứ bị các nước sách nhiễu mọi điều và bị đè nén nhiều cách. Lúc ấy nước Tàu chẳng khác gì cái nhà lớn đã hằm nát sắp đổ, mà ta vẫn không tỉnh ngộ, cứ mê mộng là nước ấy còn cường thịnh, có thể giúp ta được trong khi nguy hiểm. Bởi vậy khi quân nước Pháp đã lấy Bắc Kỳ rồi, người mình còn



trông cậy ở quân cứu viện của nước Tàu. Phương ngôn ta có câu rằng: “Chết đuối vớ phải bọt” thật là đúng lắm. Nếu người Tàu có đủ thế lực cứu được ta, thì trước hết họ hãy cứu lấy họ đã. Nhưng lúc bấy giờ từ vua quan cho chí bọn sĩ phu trong nước, ai là người hiểu rõ cái tình thế ấy? Cho nên không những là ta không chịu cái cách chính thể của ta cho hợp thời mà lại còn làm những điều ngang ngạnh để cho chóng hỏng việc. Ấy cũng là cái vận nước chẳng may, song những người đương lộ lúc ấy cũng không sao tránh được cái lỗi của mình vậy.

## 5. Sự giao thiệp với nước Pháp

Từ khi ông Philastre ra điều đình mọi việc ở Bắc Kỳ xong rồi, ông Rheinart ra thay ở Hà Nội, đợi cho đến ngày ký hòa ước thì chiếu mọi khoản mà thi hành. Ông Rheinart ở được mấy tháng, rồi lại về Sài Gòn, giao quyền cho Lục quân Thiếu tá Dujardin (La Đăng). Thiếu tá có đem binh thuyền giúp quan ta đi đánh giặc ở mạn Hải Dương và Quảng Yên.

Đến khi tờ hòa ước và tờ thương ước đã ký xong thì triều đình sai ông Nguyễn Tăng Doãn 阮增允 ra Bắc Kỳ để cùng Thiếu tá Dujardin chọn đất ở Hà Nội và ở Ninh Hải (Hải Phòng) để làm dinh làm trại cho quan quân nước Pháp đóng, và lại sai quan thự Thượng thư bộ Hộ là ông Phạm Phú Thứ 范富庶 ra làm Hải An Tổng đốc sung chức Tổng lý thương chánh đại thần, cùng với ông Nguyễn Tăng Doãn và ông Trần Hy Tăng bàn định việc thương chánh ở Bắc Kỳ.

Tháng 6 năm Ất Hợi (1875) chính phủ nước Pháp sai ông Rheinart sang làm khâm sứ ở Huế, ông Truc làm lãnh sự ở Hải Phòng và ông Kergaradec (Kê La Đích) làm lãnh sự ở Hà Nội. Triều đình ta sai ông Nguyễn Thành Ý 阮誠意 vào làm lãnh sự ở Sài Gòn.

Ông Rheinart ở Huế đến tháng 10 năm Bính Tý (1876), thì cáo bệnh xin về, ông Philastre ra thay.



Triều đình lúc bấy giờ cũng đã hiểu rằng hễ không theo tân học thì không tiến hóa được, cho nên mới định cho người đi du học. Năm Mậu Dần (1878) bên Pháp có mở hội vạn quốc đấu xảo ở Paris, vua sai ông Nguyễn Thành Ý 阮誠意 và ông Nguyễn Tăng Doãn 阮增允 đem đồ đi đấu xảo và cho người sang học ở Toulon.

Nhưng vì năm Tân Ty (1881), triều đình lại sai quan Lễ bộ Thị lang là Phạm Bính 范炳 sang Hương Cảng, đem 12 đứa trẻ con đi học ở trường Anh Cát Lợi, rồi lại sai sứ đi sang Tiêm La và sang Tàu mà không cho sứ thần nước Pháp biết, bởi vậy chính phủ Pháp lấy những điều đó mà trách triều đình ở Huế không theo hòa ước năm Giáp Tuất (1874).

Khi ông Philastre còn ở Huế, vì ông ấy là một người công chính và lại có học chữ Nho, cho nên triều đình ta trọng đãi và có điều gì trang trải cũng còn dễ. Từ năm Kỷ Mão (1879) về sau, ông ấy về Pháp rồi, sự giao thiệp càng ngày càng khó thêm: phần thì vì người mình không biết cách giao thiệp với ngoại quốc, phần thì cái quyền lợi nước ta và nước Pháp lúc bấy giờ tương phản với nhau, cho nên hai bên không có lòng tin cậy nhau, thành ra sự giao thiệp không được thân thiết lắm.

Vả về sau, sự cai trị ở Nam Kỳ đã thành nếp, giặc giã đã yên cả; ở bên Pháp thì thế lực đã mạnh, và đã có nhiều người bàn đến việc bên Viễn Đông này và việc bảo hộ ở Bắc Kỳ. Lại nhân có những nước Italy, Y Pha Nho, Anh Cát Lợi và Hoa Kỳ muốn sang thông thương với nước Nam, mà có ý không muốn chịu để quan nước Pháp phân xử những việc can thiệp đến người những nước ấy. Bởi vậy nước Pháp muốn lập hẳn cuộc bảo hộ để cho khỏi mọi sự lồi thối, bèn bỏ lệ đặt quan Hải quân kiêm lĩnh chức Thống đốc ở Nam Kỳ, mà sai quan văn sang sung chức ấy để trừ tính mọi việc.



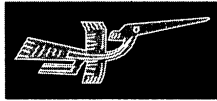
Tháng 6 năm Kỷ Mão (1879), viên Thống đốc mới là ông Le Myre de Vilers sang nhận chức ở Sài Gòn và ông Rheinart lại sang làm khâm sứ ở Huế để thay cho ông Philastre.

Ở Bắc Kỳ thì người Pháp đã ra vào buôn bán, nhưng vì quan ta không biết lo sự khai hóa, việc thông thương không được tiện lợi, và ở mạn thượng du thì quân Cờ đen tuy là mượn tiếng theo lệnh quan ta, nhưng kỳ thực chúng nó làm gì cũng không ai ngăn cấm được. Bởi vậy, chính phủ Pháp mới lấy những điều đó mà trách quan ta và sai quan đem quân ra Bắc Kỳ, lấy cớ nói ra mở mang sự buôn bán, kỳ thực là ra kinh doanh việc ở vùng ấy.

## CHƯƠNG XI

# QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC KỲ

## Lần thứ hai



1. Đại tá Henry Rivière ra Hà Nội
2. Hạ thành Hà Nội lần thứ hai
3. Việc cầu cứu nước Tàu
4. Quân Pháp lấy Nam Định
5. Đại tá Henry Rivière chết

### 1. Đại tá Henry Rivière ra Hà Nội

Cuối năm Tân Tỵ (1881)<sup>(1)</sup>, nhân có hai người Pháp tên là Courtin và Villeroi được giấy thông hành đi lên Vân Nam, nhưng lên đến gần Lao Kay, bị quân Khách làm ngăn trở, không đi được. Viên Thống đốc Le Myre de Vilers bèn gửi thư về Pháp, nói rằng nước Pháp nên dùng binh lực mà dẹp cho yên đất Bắc Kỳ. Sang tháng 2 năm Nhâm Ngọ (1882) một mặt Thống đốc sai Hải quân Đại tá Henry Rivière sắp sửa binh thuyền ra Hà Nội; một mặt viết thư vào Huế, đại lược nói rằng: đất Bắc Kỳ loạn lạc, luật nhà vua không ai theo. Người Pháp có giấy thông hành của quan An Nam cấp cho mà đi đến đâu cũng bị quân Khách ngăn trở. Ở Huế thì quan Việt Nam thất lễ với quan khâm sứ Rheinart. Vậy nên nước Pháp phải dùng cách để bênh vực quyền lợi của người nước Pháp.

---

(1) Độc giả hiểu cho rằng những ngày tháng chép trong sách này là theo ngày tháng Việt Nam chứ không phải là theo ngày tháng Tây.



Được ít lâu, Đại tá Henry Rivière đem hai chiếc tàu và mấy trăm quân đến Hải Phòng, rồi đi tàu nhỏ đến Hà Nội, đóng ở Đồn Thủy.

## 2. Hạ thành Hà Nội lần thứ hai

Quan Tổng đốc Hà Nội bấy giờ là ông Hoàng Diệu 黃耀 thấy binh thuyền nước Pháp tự nhiên ra Bắc Kỳ, lấy làm nghi kỵ lắm, tuy có sai quan Tuần phủ Hoàng Hữu Xứng 黃有秤 ra tiếp đãi tử tế, nhưng trong bụng vẫn lo cho nên mới sai sửa dọn thành trì để phòng bị. Đại tá Henry Rivière vào thành thấy vậy có ý không bằng lòng, bèn quyết định đánh thành.

Sáng 5 giờ ngày mồng 8 tháng 3 năm Nhâm Ngọ (1882) quan Tổng đốc tiếp được tờ tối hậu thư của Đại tá hẹn cho đến 8 giờ phải giải binh, và các quan võ Việt Nam phải ra đội lệnh ở Đồn Thủy. Đúng 8 giờ thì quân Pháp khởi sự đánh thành, 11 giờ thì thành đổ. Ông Hoàng Diệu treo lên cây thắt cổ mà tự tận, còn các quan thì bỏ chạy cả.

Lúc tiếp được thư của Đại tá, thì ông Hoàng Diệu có sai Án sát sứ là Tôn Thất Bá 尊室灞 ra thương thuyết. Ông Tôn Thất Bá ở trên thành bỏ thang treo xuống vừa xong, thì quân Pháp bắn súng vào thành, ông ấy bỏ trốn mất. Đến khi hạ được thành rồi, Đại tá sai tìm ông Tôn Thất Bá về quyền lĩnh mọi việc<sup>(1)</sup>.

Vua Dục Tông được tin thành Hà Nội thất thủ, bèn xuống chiếu truyền cho quan Kinh lược chánh phó sứ là ông Nguyễn Chính 阮政 và Bùi Ân Niên 裴殷年 đem binh lui về mặt Mỹ Đức để cùng với Hoàng Kế Viêm 黃繼炎 tìm cách chống giữ. Nhưng quan khâm sứ Rheinart sang thương thuyết rằng việc đánh thành Hà Nội không phải là chủ ý của nước Pháp, và xin

(1) Về sau có bài *Chính khí ca* nói về việc quan ta giữ thành Hà Nội lúc bấy giờ, và ai hay ai dở cũng chép rõ ràng. Bài ca ấy không biết ai làm.



sai quan ra giữ lấy thành trì. Triều đình bèn sai quan nguyên Hà Ninh Tổng đốc là Trần Đình Túc 陳廷肅 làm khâm sai đại thần, quan Tĩnh biên phó sứ là Nguyễn Hữu Độ 阮有度 làm phó khâm sai, ra Hà Nội để cùng với Đại tá Henry Rivière thu xếp mọi việc. Đại tá trả thành Hà Nội lại cho quan ta, nhưng vẫn đóng quân ở trong hành cung. Hai bên thương nghị mãi. Đại tá đòi 4 khoản:

- 1 - Nước Nam phải nhận nước Pháp bảo hộ;
- 2 - Phải nhường thành thị Hà Nội cho nước Pháp;
- 3 - Đặt thương chánh ở Bắc Kỳ;
- 4 - Sửa lại việc thương chánh ở các nơi, và giao quyền cho người Pháp cai quản.

Bọn ông Trần Đình Túc đệ những khoản ấy về kinh. Triều đình hội nghị, các quan có nhiều người nói rằng: Nước ta trong còn có Lưu Vĩnh Phúc 劉永福, ngoài còn có nước Tàu, lẽ nào lại bó tay mà chịu. Bèn trả lời không chịu.

Đến tháng 10 thì ông Trần Đình Túc về Huế, ông Nguyễn Hữu Độ ở lại làm Hà Ninh Tổng đốc.

### 3. Việc cầu cứu nước Tàu

Triều đình ta bấy giờ nghi nước Pháp có ý chiếm đoạt, và lại tưởng rằng nước Tàu có thể bênh vực được mình, cho nên mới sai ông Phạm Thận Duật 范慎通 sang Thiên Tân cầu cứu. Chẳng qua là người mình hay có tính ỷ lại, cho nên mới đi kêu cầu người ta, chớ không biết rằng người Tàu giữ nước Tàu không xong còn đi cứu ai được. Tuy vậy, không những là Tàu không cứu được mình mà lại còn muốn nhân dịp để mượn tiếng sang lấy nước mình. Xem như khi thành Hà Nội thất thủ, quan Tổng đốc Lương Quảng là Trương Thụ Thanh 張樹清 làm mật sớ về tâu với vua nhà Thanh, đại lược nói rằng: “Nước Nam và nước Tàu tiếp giáp với nhau mà thế lực nước Nam thật là suy

hèn, không có thể tự chủ được nữa, vậy ta nên mượn tiếng sang đánh giặc mà đóng giữ các tỉnh ở thượng du. Đợi khi có biến thì ta chiếm lấy những tỉnh ở phía Bắc sông Hồng Hà”. Bởi vậy triều đình nhà Thanh mới sai Tạ Kính Bưu 謝敬彪, Đường Cảnh Tùng 唐景松 đem quân sang đóng ở Bắc Ninh và ở Sơn Tây, sau lại sai quan Bố chính Quảng Tây là Từ Diên Húc 徐延旭 đem quân sang tiếp ứng.

#### 4. Quân Pháp lấy Nam Định

Chính phủ Pháp trước cũng muốn thu xếp dần dần cho xong việc bảo hộ ở nước Nam, và cho khỏi sự chiến tranh, nhưng sau thấy triều đình ở Huế không chịu, lại thấy có quân Tàu sang đóng ở các tỉnh, bèn một mặt sai ông Charles Thomson sang làm Thống đốc Nam Kỳ, để thay cho ông Le Myre de Vilers về Pháp; một mặt tiếp quân ra cho Đại tá Henry Rivière và triệu quan khâm sứ Rheinart ở Huế về.

Nguyên trước Đại tá Henry Rivière ở Hà Nội chỉ có độ 400 lính, sau lại tiếp được 750 người nữa, Đại tá bèn để Đại úy Berthe de Villers với 400 quân ở lại giữ Hà Nội, còn bao nhiêu đem đi đánh Nam Định. Ngày 28 tháng 2 năm Quý Mùi (1883), thì quân Pháp khởi đánh thành. Đánh từ sáng đến trưa thì quân Pháp vào thành; quan Tổng đốc Vũ Trọng Bình 武仲平 bỏ chạy, quan Đề đốc Lê Văn Điểm 黎文店 tử trận, quan Án sát sứ Hồ Bá Ôn bị thương.

#### 5. Đại tá Henry Rivière chết

Quan ta thấy quân Pháp tiến binh, và lại cậy có quân Tàu sang cứu, bèn quyết ý đổi thế hòa ra thế công. Một mặt quan Tổng đốc Bắc Ninh là Trương Quang Đản 張光愼 cùng với quan phó kinh lược Bùi Ân Niên 裴殷年 đem binh về đóng ở Giốc Gạch, thuộc huyện Gia Lâm chực sang đánh Hà Nội. Đại úy Berthe de Villers đem quân ở Hà Nội sang đánh đuổi, quan



quân phải lui về phía Bắc Ninh. Một mặt quan Tiết chế Hoàng Kế Viêm 黃繼炎 sai Lưu Vĩnh Phúc 劉永福 làm tiên phong đem quân về đóng ở phủ Hoài Đức, để đánh quân Pháp.

Đại tá Henry Rivière lấy xong Nam Định rồi về Hà Nội thấy quân ta và quân Cờ đen sắp đến đánh, bèn truyền lệnh tiến binh lên đánh mặt phủ Hoài Đức. Sáng hôm 13 tháng 4 thì Đại tá đem 500 quân ra đánh ở mạn Cầu Giấy, bị quân Cờ đen phục ở chung quanh đổ ra đánh, quân Pháp chết và bị thương non 100 người. Đại tá Henry Rivière tử trận, Đại úy Berthe de Villers bị thương nặng.

Ở Sài Gòn được tin Đại tá Henry Rivière chết, viên Thống đốc Thomson liền điện về cho chính phủ Pháp biết. Lúc bấy giờ ở Paris, hạ nghị viện còn đang do dự về việc đánh lấy Bắc Kỳ. Khi tiếp được điện báo ở Sài Gòn về, nghị viện liền thuận cho chính phủ trích ra 5 triệu rưỡi phật lạng để chi tiêu về việc binh phí, và lại thuận cho một viên quan văn làm toàn quyền, sang kinh lý mọi việc ở Bắc Kỳ.

Chính phủ Pháp liền điện sang truyền cho Lục quân Thiếu tướng Bouet ở Nam Kỳ ra Thống đốc quân vụ ở Bắc Kỳ, sai Hải quân Thiếu tướng Courbet đem một đội chiến thuyền sang tiếp ứng và lại cử ông Harmand là sứ thần Pháp ở Tiêm La ra làm toàn quyền.

Ngày mồng 3 tháng 5, thì Thiếu tướng Bouet đem 200 lính Tây, 300 lính tập ra đến Hải Phòng. Lập tức Thiếu tướng sửa sang sự chống giữ ở Hà Nội và ở Nam Định, và lại cho Georges Vlavianos (ông Kiêu) là người theo Đồ Phổ Nghĩa ngày trước, được phép mộ lính Cờ vàng đi làm tiền quân.

Quân ta đem quân về đánh quân Pháp ở Hà Nội, ở Hải Phòng và ở Nam Định, nhưng chỗ nào cũng thất bại.

Quân ta bấy giờ không có thống nhất, ai đứng lên mộ được năm ba trăm người, cho mang gươm mang giáo đi đánh, hễ



phải độ vài ba phát đạn trái phá thì xô đẩy nhau mà chạy; còn quân của nhà vua thì không có luyện tập, súng đại bác toàn là súng cổ, súng tay thì ít và xấu. Như thế thì chống làm sao được với quân Pháp là quân đã quen đánh trận và lại có đủ súng ống tinh nhuệ?

Bấy giờ cuộc hòa hoãn ra cuộc chiến, sủng phủ ở Sài Gòn đuổi quan lĩnh sự Việt Nam là ông Nguyễn Thành Ý 阮誠意 về Huế. Trong khi việc nước đang rối cả lên như thế, thì vua Dục Tông mất.

Ngài mất ngày 16 tháng 6 năm Quý Mùi (1883), trị vì được 36 năm, thọ 55 tuổi, miếu hiệu là Dục Tông Anh Hoàng đế 翼宗英皇帝.

**CHƯƠNG XII****CUỘC BẢO HỘ CỦA NƯỚC PHÁP**

1. Sự phế lập ở Huế: vua Hiệp Hòa
2. Quân Pháp lấy cửa Thuận An
3. Hòa ước năm Quý Mùi (1883)
4. Việc ở Bắc Kỳ
5. Vua Hiệp Hòa bị giết
6. Vua Kiến Phúc
7. Sự đánh lấy các tỉnh ở Bắc Kỳ
8. Lấy tỉnh Sơn Tây
9. Lấy thành Bắc Ninh
10. Lấy Hưng Hóa
11. Lấy Tuyên Quang
12. Hòa ước Fournier
13. Hòa ước Patenôtre tháng 5 năm Giáp Thân
14. Việc triều chính ở Huế
15. Vua Hàm Nghi

**1. Sự phế lập ở Huế: vua Hiệp Hòa**

Bản triều nhà Nguyễn truyền ngôi đến hết đời vua Dục Tông thì mất quyền tự chủ. Nước Nam từ đó thuộc về nước Pháp bảo hộ. Nghĩa là ngôi nhà vua tuy vẫn còn, nhưng quyền chính trị phải theo chính phủ bảo hộ xếp đặt.

Ấy cũng vì thời đại biến đổi mà người mình không biết biến đổi, cho nên nước mình mới thành ra suy đồi. Và lúc ấy ở ngoài Bắc Kỳ thì rối loạn, ở trong triều thì quyền thần chuyên chế, bởi vậy cho nên lại sinh ra lắm việc khó khăn<sup>(1)</sup>.

(1) Những chuyện ở trong triều lúc bấy giờ, phần nhiều là lấy ở quyển *Hạnh Thục ca* 幸蜀歌 của Lê tảo Nguyễn Nhược Thị 礼孀阮若氏 (Tân Việt cũng đã xuất bản). Bà ấy là một người cung phi của vua Dục Tông sau lại làm thư ký cho bà Từ Dự, cho nên những việc trong triều bà ấy biết được rõ.



Vua Dục Tông không có con, nuôi 3 người cháu làm con nuôi: trưởng là ông Dục Đức 育德<sup>(1)</sup>, phong Thụy Quốc Công 瑞國公, thứ là ông Chánh Mông 正蒙, phong Kiên Giang Quận Công 堅江郡公, ba là ông Dưỡng Thiện 養善. Khi ngài sắp mất, có để di chiếu nói rằng: đức tính ông Dục Đức không đáng làm vua, mà ý ngài muốn lập ông Dưỡng Thiện, nhưng vì ông ấy còn bé, mà việc nước cần phải có vua lớn tuổi, cho nên phải lập con trưởng. Ngài lại cho Trần Tiến Thành 陳踐誠, Nguyễn Văn Tường 阮文祥 và Tôn Thất Thuyết 尊室說 làm Phụ chính.

Được ba ngày thì Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đổi tờ di chiếu, bỏ ông Dục Đức mà lập em vua Dục Tông là Lăng Quốc Công<sup>(2)</sup> 朗國公 lên làm vua. Triều thần ngơ ngác, không ai dám nói gì, chỉ có quan Ngự sử Phan Đình Phùng 潘廷逢 đứng dậy can rằng: “Tự quân chưa có tội gì mà làm sự phế lập như thế, thì sao phải lẽ”. Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết truyền đem bắt giam ông Phan Đình Phùng, rồi cách chức đuổi về.

Lăng Quốc Công, húy Hồng Dật 洪佚 lên làm vua, đặt niên hiệu là Hiệp Hòa 協和. Còn ông Dục Đức thì đem giam ở Dục Đức giảng đường 育德講堂.

## 2. Quân Pháp lấy cửa Thuận An

Vua Hiệp Hòa vừa lập xong, thì viên Toàn quyền mới là ông Harmand đến Hải Phòng, rồi hội Hải quân Thiếu tướng Courbet và Lục quân Thiếu tướng Bouet, để bàn định mọi việc.

Định một mặt thì Thiếu tướng Bouet đem quân lên đánh lấy đồn phủ Hoài, một mặt thì Thiếu tướng Courbet đem tàu

---

(1) Dục Đức, Chánh Mông, Dưỡng Thiện là tên nhà học của những ông hoàng con nuôi vua Dục Tông gọi là Dục Đức đường, Chánh Mông đường, v.v... Lúc các ông hoàng ấy chưa được phong thì người ta cứ lấy tên nhà học mà gọi.

(2) Sách gốc ghi là Lăng Quốc Công, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].



vào đánh lấy cửa Thuận An, để bắt triều đình phải nhận nước Pháp bảo hộ.

Ngày 12 tháng 7, Thiếu tướng Bouet lên đánh quân Cờ đen ở mạn làng Vòng. Hai bên đánh nhau non ba ngày trời. Sau quân Cờ đen phải lùi lên đóng ở đồn Phùng. Nhưng vì lúc bấy giờ nước lũ lên to, đe dọa cho nên quân Pháp không tiến lên được.

Ngày 16, Lục quân Trung tá Brionval ở Hải Phòng đem quân lên lấy thành Hải Dương.

Quân Pháp tuy thắng, nhưng quân Cờ đen còn mạnh, nên chỉ Thiếu tướng Bouet phải điện về Paris xin thêm quân tiếp ứng.

Trong khi Lục quân Thiếu tướng Bouet tiến quân đánh tại Bắc Kỳ, thì Hải quân Thiếu tướng Courbet cùng với viên Toàn quyền Harmand đem tàu vào đánh cửa Thuận An, từ ngày 15 đến ngày 18 tháng bảy thì thành Trấn Hải vỡ. Quan trấn thành là Lê Sĩ 黎仕, Lê Chuẩn 黎準 tử trận, Lâm Hoàn 林宏, Trần Thúc Nhẫn 陳叔詒 thì nhảy xuống sông tự tử.

### 3. Hòa ước năm Quý Mùi (1883)

Triều đình thấy sự nguy cấp, liền sai quan ra xin hòa. Viên Toàn quyền Harmand bắt quan ta phải giải binh cả mọi nơi, rồi cùng với ông De Champeaux lên Huế để nghị hòa. Triều đình sai quan Hiệp biện hứu trí là Trần Đình Túc 陳廷肅 làm khâm sai toàn quyền, và Nguyễn Trọng Hợp 阮仲合 làm phó, để cùng với quan Pháp hội nghị.

Ngày 23 tháng 7 thì tờ hòa ước lập xong, có chữ ông Harmand, ông De Champeaux, ông Trần Đình Túc và ông Nguyễn Trọng Hợp cùng ký.

Tờ hòa ước ấy có 27 khoản: *Khoản thứ nhất* nói rằng: Nước Nam chịu nhận nước Pháp bảo hộ, có việc gì giao thiệp với ngoại quốc, thì phải do nước Pháp chủ trương. *Khoản thứ hai*:





tỉnh Bình Thuận thuộc về Nam Kỳ. *Khoản thứ ba*: Quân Pháp đóng giữ ở núi Đèo Ngang và ở Thuận An. *Khoản thứ sáu*: Từ tỉnh Khánh Hòa ra đến Đèo Ngang thì quyền cai trị thuộc về triều đình.

Nhưng khoản sau nói rằng viên khâm sứ ở Huế được quyền tự do ra vào yết kiến nhà vua. Còn đất Bắc Kỳ kể từ Đèo Ngang trở ra thì nước Pháp đặt công sứ<sup>(1)</sup> ở các tỉnh để kiểm soát công việc của quan Việt Nam. Nhưng người Pháp không dự vào việc cai trị ở trong hạt.

Tờ hòa ước ấy ký xong, gửi về Paris để chính phủ duyệt y, rồi mới hồ giao, nghĩa là mới tuyên cáo cho thiên hạ biết. Ông De Champeaux ở lại Huế làm khâm sứ, viên Toàn quyền Harmand ra Bắc kỳ để kinh lý việc đánh dẹp.

#### 4. Việc ở Bắc Kỳ

Triều đình ở Huế nhận hòa ước xong rồi, sai quan Lại bộ Thượng thư Nguyễn Trọng Hợp 阮仲合 làm khâm sai đại thần, quan Công bộ Thượng thư Trần Văn Chuẩn 陳文準 và quan Lại bộ Tham tri Hồng Phì<sup>(2)</sup> 洪肥 làm phó khâm sai, ra Bắc Kỳ để cùng với viên Toàn quyền Harmand hiểu dụ nhân dân và bãi quân thứ ở các nơi.

Bấy giờ ở Bắc Kỳ có quan nhà Thanh là Đường Cảnh Tùng 唐景松 đóng ở Sơn Tây, Từ Diên Húc 徐延旭 đóng ở Bắc Ninh, lại có quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc 劉永福 đóng ở đồn Phùng.

Triều đình tuy có chỉ ra truyền cho quan ta phải rút quân về Huế, nhưng quan ta còn có nhiều người muốn y nước Tàu mà chống giữ với quân Pháp, cho nên không ai phụng chỉ. Bởi vậy cuộc chiến tranh ở Bắc Kỳ mãi không xong được.

(1) *Résident* tức là *lưu trú quan*, nhưng bấy giờ ta chưa quen dùng chữ ấy, và nhân có chữ *consul* cho nên mới dùng chữ *công sứ*.

(2) Sách gốc ghi là *Hồng Phi* [BT].



## 5. Vua Hiệp Hòa bị giết

Ở trong Huế thì vua Hiệp Hòa cũng muốn nhận chính sách bảo hộ để cho yên ngôi vua, nhưng các quan có nhiều người không chịu, và lại thấy Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên chế thái quá, muốn dùng kế mà trừ bỏ đi, bèn đổi Nguyễn Văn Tường sang làm Binh bộ Thượng thư, Tôn Thất Thuyết làm Lại bộ Thượng thư, để bớt binh quyền của Tôn Thất Thuyết.

Hai người thấy vua có lòng nghi, sợ để lâu thành vạ, bèn vào tâu với bà Từ Dụ Thái hậu 慈禧太后 để lập ông Dưỡng Thiện 養善 là con nuôi thứ ba vua Dục Tông, rồi bắt vua Hiệp Hòa đem ra phủ ông Dục Đức cho uống thuốc độc chết. Vua Hiệp Hòa làm vua được hơn 4 tháng, sử gọi là Phế Đế 廢帝.

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đã giết vua Hiệp Hòa rồi, lại thấy quan Phụ chính Trần Tiễn Thành 陳踐誠 không theo ý mình, cũng sai người giết nốt.

## 6. Vua Kiến Phúc

Ngày mồng 7 tháng 10 năm Quý Mùi (1883), ông Dưỡng Thiện, húy là Ứng Đăng 膺登 lên ngôi làm vua, đặt niên hiệu là Kiến Phúc 建福. Bấy giờ ngài mới có 15 tuổi, việc gì cũng ở Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết quyết định cả.

Ở Bắc Kỳ thì Hoàng Kế Viêm 黃繼炎 còn đóng tại Sơn Tây, Trương Quang Đản 張光曄 còn đóng tại Bắc Ninh, cùng với quân Tàu chống giữ quân Pháp. Viên khâm sứ ở Huế lấy điều đó trách triều đình. Triều đình lại có dụ ra truyền cho Hoàng Kế Viêm và Trương Quang Đản phải về kinh.

Các quan bấy giờ cũng có ông về, cũng có ông nộp ấn trả triều đình, rồi hoặc đi chiêu mộ những người nghĩa dũng, hoặc đi theo quan nhà Thanh, để chống nhau với quân Pháp. Bấy giờ có quan Đề đốc Nam Định là Tạ Hiện 謝現 lãnh chức Đề đốc

của Tàu, và quan Án sát sứ Phạm Vụ Mẫn 范務敏 và quan Tri phủ Kiến Xương Hoàng Văn Hòe 黃文槐 bỏ chức mà đi; quan Tán tương quân vụ ở Sơn Tây là Nguyễn Thiện Thuật 阮善述 bỏ về Hải Dương, đi mộ quân để chống với quân Pháp.

## 7. Sự đánh lấy các tỉnh ở Bắc Kỳ

Viên Toàn quyền Harmand ra Bắc Kỳ sửa sang sự cai trị, lập ra những đội lính tuần cảnh, tục gọi là *lính khố xanh*, để phòng giữ các nơi, và bãi lính Cờ vàng của Thiếu tướng Bouet đã cho mộ được mấy trăm, vì những lính ấy hay cướp phá dân gian. Nhưng vì viên Toàn quyền xâm vào quyền quan binh, cho nên Thiếu tướng Bouet lấy làm bất bình.

Ngày mồng một tháng 8, Thiếu tướng đem quân lên đánh quân Cờ đen ở đồn Phùng. Hai bên đánh nhau rất dữ. Quân Cờ đen tuy phải lui, nhưng chưa thực thua. Thiếu tướng thấy đánh giặc chưa được và lại có ý bất hòa với viên Toàn quyền, bèn xin về Pháp, giao binh quyền lại cho Lục quân Đại tá Bichot.

Được ít lâu, có quân tiếp ở Sài Gòn ra, Đại tá Bichot bèn vào lấy tỉnh Ninh Bình.

## 8. Lấy tỉnh Sơn Tây

Ngày 25 tháng 9, chính phủ Pháp điện sang cho Hải quân Thiếu tướng Courbet làm Thống đốc quân vụ, kiêm chức Toàn quyền ở Bắc Kỳ. Viên nguyên Toàn quyền Harmand xin về Pháp.

Từ đó việc binh nhung, việc cai trị và việc giao thiệp, ở cả tay Thiếu tướng Courbet. Trong khi Thiếu tướng còn phải sửa sang mọi việc và đợi quân tiếp ở Pháp sang thì quan ta đem quân về đánh Hải Dương, đốt phá cả phố xá. Quân Pháp nghi tình thần thông với văn thân, bèn bắt đầy vào Côn Lôn.

Đến khi Thiếu tướng tiếp được quân ở bên Pháp sang, số quân Pháp ở Bắc Kỳ bấy giờ được hơn 9.000 người, Thiếu tướng



chia ra làm hai đạo, đem cả thủy bộ tiến lên đánh thành Sơn Tây. Đánh từ sáng ngày 13 đến hết ngày 16 mới hạ được thành. Quân Cờ đen chống giữ hăng lắm, nhưng quân Tàu và quân ta thấy súng của Pháp bắn lên mạnh quá, đều bỏ thành rút lên mạn ngược, quân Cờ đen cũng phải chạy theo. Trận ấy quân Pháp bị 83 người tử trận và 319 người bị thương.

## 9. Lấy thành Bắc Ninh

Quân Pháp tuy đã lấy được Sơn Tây, nhưng quân Tàu càng ngày càng sang đông, Thiếu tướng phải chờ có quân tiếp thêm mới đi đánh chỗ khác. Bên Pháp lại sai một lữ đoàn 旅團<sup>(1)</sup> sang Bắc Kỳ và sai Lục quân Trung tướng Millot sang làm Thống đốc quân vụ thay cho Hải quân Thiếu tướng Courbet.

Ngày 16 tháng giêng năm Giáp Thân (1884), Thống tướng Millot sang nhận chức, Thiếu tướng Courbet được thăng lên Hải quân Trung tướng và lại ra coi hải quân để giữ mặt bể. Bấy giờ quân Pháp cả thủy được hơn 1 vạn 6 nghìn người và 10 đội pháo thủ, chia ra làm 2 lữ đoàn. Một lữ đoàn ở bên hữu ngạn sông Hồng Hà thì đóng ở Hà Nội, có Thiếu tướng Brière de l'Isle coi; một lữ đoàn ở bên tả ngạn sông Hồng Hà, thì đóng ở Hải Dương, có Thiếu tướng De Négrier coi.

Bấy giờ con đường từ Hà Nội sang Bắc Ninh, chỗ nào cũng có quân Tàu và quân ta đóng. Thống tướng Millot bèn truyền lệnh cho Thiếu tướng Brière de l'Isle đem quân qua sông Hồng Hà, rồi theo sông Đuống (tức là sông Thiên Đức) đi về phía Đông. Còn toán quân của Thiếu tướng De Négrier ở Hải Dương, đi tàu đến Phả Lại lên bộ, để tiếp vào với toán quân của Thiếu tướng Brière de l'Isle, rồi cả thủy bộ theo sông Cầu (sông Nguyệt Đức) tiến lên đánh Bắc Ninh.

---

(1) Mỗi một lữ đoàn (brigade) có hai vệ quân, độ chừng bảy tám nghìn người, có chức Thiếu tướng coi. Hai lữ đoàn là một sư đoàn (division), có chức Trung tướng coi.



Hai bên khởi sự đánh nhau từ ngày 11 tháng 2 đến ngày 16, thì [quân Pháp] lấy được Đáp Cầu. Quân Tàu thấy quân Pháp chặn mất đường lên Lạng Sơn, bèn bỏ Bắc Ninh rút lên mạn Thái Nguyên. Tối ngày 16, thì quân Pháp vào thành Bắc Ninh. Trận ấy quân Pháp chỉ mất có 8 người và 40 người bị thương mà thôi.

Thiếu tướng Brière de l'Isle đem quân lên đánh Yên Thế, rồi đến ngày 23 thì lên lấy thành Thái Nguyên.

## 10. Lấy Hưng Hóa

Hạ được thành Bắc Ninh và thành Thái Nguyên rồi, quân Pháp quay về mạn sông Hồng Hà để đánh lấy Hưng Hóa và Tuyên Quang. Thiếu tướng Brière de l'Isle đem lữ đoàn thứ nhất theo con đường Sơn Tây lên Hưng Hóa, rồi dàn trận ở bên này sông Đà Giang. Hai bên khởi sự đánh nhau từ sáng ngày rằm tháng 3 đến 2 giờ chiều ngày hôm ấy thì quân Pháp sang sông ở chỗ gần địa hạt huyện Bất Bạt. Chín giờ sáng ngày 16, thì Thiếu tướng De Négrier đem lữ đoàn thứ nhì tiếp đến, cả hai lữ đoàn cùng hợp lực tiến lên đánh. Quân Tàu và quân Cờ đen thấy thế không chống được, bèn đốt cả phố xá, rồi bỏ thành Hưng Hóa rút lên mạn ngược. Còn bọn ông Hoàng Kế Viêm thì kéo lên mạn núi, rồi đi đường thượng đạo rút về kinh. Trưa ngày 17 thì quân Pháp vào thành Hưng Hóa. Lập tức Thiếu tá Coronnat đem một toán quân lên đánh phá đồn Vàng.

## 11. Lấy Tuyên Quang

Lấy xong Hưng Hóa rồi, chỉ còn có thành Tuyên Quang là chỗ quân Cờ đen còn đóng giữ. Thống tướng Millot bèn sai quân đem tàu đi dò xem sông Lô Giang tàu thủy lên được đến đâu, đoạn rồi sai Trung tá Duchesne đem đạo quân ở Hưng Hóa và một đội năm chiếc tàu binh lên đánh Tuyên Quang. Quân của Trung tá Duchesne đóng ở Việt Trì khởi hành từ hôm mồng 3



tháng 5 đến ngày mồng 8 thì đến Tuyên Quang. Chỉ đánh độ một giờ đồng hồ thì quân Cờ đen bỏ thành chạy.

## 12. Hòa ước Fournier

Bấy giờ tuy các tỉnh ở mạn trung châu đất Bắc Kỳ đều thuộc về quan Pháp cai trị cả, nhưng quan Tàu còn đóng ở Lạng Sơn, Cao Bằng và mạn Lao Kay. Bởi vậy chính phủ Pháp muốn dùng cách giao thiệp mà trang trải với nước Tàu, để chính phủ Tàu nhận cuộc bảo hộ của nước Pháp ở nước Nam cho xong. Lại nhân bấy giờ có Hải quân Trung tá Pháp tên là Fournier quen một người nước Đức tên là Détring làm quan bên Tàu coi việc thương chánh ở Quảng Đông. Détring vốn thân với quan Tổng đốc Trực Lệ là Lý Hồng Chương 李鴻章. Một hôm Détring gặp Trung tá Fournier nói chuyện việc hòa với nước Tàu, Détring điện về cho Lý Hồng Chương biết. Hai bên đều có ý muốn hòa cho êm chuyện.

Chính phủ Pháp bèn sai Trung tá Fournier lên Thiên Tân để cùng với Lý Hồng Chương nghị hòa. Đến ngày 18 tháng 4 năm Giáp Thân (1884) thì lập xong tờ hòa ước. Đại lược nói rằng nước Tàu thuận rút quân đóng ở Bắc Kỳ về, và từ đây về sau chính phủ Tàu thuận nhận tờ giao ước của nước Pháp lập với nước Nam. Nghĩa là nước Tàu để cho nước Pháp được tự do xếp đặt mọi việc ở đất Việt Nam.

## 13. Hòa ước Patenôtre tháng 5 năm Giáp Thân (1884)

Tờ giao ước ký xong thì Trung tá Fournier điện cho Thống tướng Millot ở Bắc Kỳ biết sự hòa ước đã xong, mà quân Tàu ở Bắc Kỳ phải rút về.

Lúc bấy giờ công sứ nước Pháp ở Bắc Kinh là ông Patenôtre ở bên Pháp sang, đi qua đến Sài Gòn, chính phủ ở Paris điện sang sai ông ấy ra Huế sửa lại tờ hòa ước của ông Harmand đã ký ngày 23 tháng 7 năm Quý Mùi (1883).



Ông Patenôtre và ông Rheinart ra Huế cùng với triều đình thương nghị mấy ngày, rồi đến ngày 13 tháng 5 năm Giáp Thân là ngày mồng 6 tháng sáu năm 1884, ông Patenôtre cùng với ông Nguyễn Văn Tường 阮文祥, ông Phạm Thận Duật 范慎遒 và ông Tôn Thất Phan 尊室旂 ký tờ hòa ước mới. Cả thấy có 19 khoản, đại để thì cũng như tờ hòa ước của ông Harmand, chỉ đổi có mấy khoản nói về tỉnh Bình Thuận và 3 tỉnh ở ngoài Đèo Ngang là Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa vẫn thuộc về Trung Kỳ.

Tờ hòa ước ký xong, ông Rheinart ở lại làm khâm sứ ở Huế, và ông Patenôtre hội cả các quan, bắt đem cái ấn của Tàu phong cho vua Việt Nam, thụt bể nấu lên mà hủy đi, nghĩa là từ đó nước Nam thuộc về nước Pháp bảo hộ, chứ không thần phục nước Tàu nữa.

Hòa ước ký năm Giáp Thân là năm 1884, là hòa ước của triều đình ở Huế ký với nước Pháp công nhận cuộc bảo hộ của Pháp và chia nước ra làm hai khu vực là Trung Kỳ và Bắc Kỳ. Tuy hai kỳ cùng thuộc về quyền bảo hộ của nước Pháp, nhưng mỗi kỳ có một cách cai trị khác, về sau dần dần hòa ước năm 1884 cũng mất cả ý nghĩa, và thực quyền về chính phủ bảo hộ hết cả. Triều đình ở Huế chỉ giữ cái hư vị mà thôi.

Nước Việt Nam trước kia, từ Nam chí Bắc là một, có cái tính cách duy nhất hơn cả các nước khác. Văn hóa, lịch sử, phong tục, ngôn ngữ đều là một cả, mà nay thành ra ba xứ: Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ; mỗi kỳ có một chính sách riêng, luật lệ riêng như ba nước vậy. Thậm chí lúc đầu người kỳ này đi sang kỳ kia phải xin giấy thông hành mới đi được. Kỳ nghĩa là xứ, là khu trong một nước, chứ không có nghĩa là nước.

Một nước mà tam phân ngũ liệt ra như thế, thật là một mối đau lòng cho người Việt Nam là dân một nước đã có một lịch sử vẻ vang hàng mấy nghìn năm.



## 14. Việc triều chính ở Huế

Triều đình lúc bấy giờ việc gì cũng do ở hai quan Phụ chính là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết định đoạt.

Tôn Thất Thuyết là người tính nóng nảy, dữ dội, ai cũng khiếp sợ. Nhưng tài năng thì kém mà lại nhát gan, cho nên đa nghi và hay chém giết. Nguyễn Văn Tường là người ở Quảng Trị, thi đỗ cử nhân năm Tự Đức thứ 5, thật là một người có tài trí, giỏi nghề giao thiệp, nhưng chỉ có tính tham lam và lại tàn nhẫn.

Hai ông ấy chuyên giữ triều chính. Quan lại thì ở tay ông Tường, binh quyền thì ở tay ông Thuyết. Nhưng mà thường việc gì cũng do ở ông Thuyết xui khiến cả. Trong triều từ hoàng thân quốc thích cho đến các quan, ai có điều gì trái ý hai ông ấy là bị giam chấp hay chém giết cả.

Ông Thuyết thì mộ quân *phấn nghĩa* để giữ mình, và thường hay tiếm dùng nghi vệ của vua; ông Tường thì chịu tiền hối lộ của những người Khách, cho chúng nó đem *tiền sên*, là một thứ tiền niên hiệu Tự Đức, mỏng và xấu, đúc ở bên Tàu đem sang, bắt dân phải tiêu. Ai không tiêu thì phải tội. Và lúc ấy vua hãy còn trẻ tuổi chưa biết gì, cho nên hai ông lại càng chuyên chế lắm nữa.

Vua Kiến Phúc lên ngôi vừa được hơn 6 tháng, đến ngày mồng 6 tháng tư năm Giáp Thân (1884) thì phải bệnh mất<sup>(1)</sup>, miếu hiệu là Giản Tông Nghị Hoàng Đế 簡宗毅皇帝.

## 15. Vua Hàm Nghi

Vua Kiến Phúc mất, đáng lẽ ra con nuôi thứ hai của vua Dục Tông là ông Chánh Mông 正蒙 lên nối ngôi thì phải. Nhưng

---

(1) Có chuyện nói rằng: khi vua Kiến Phúc se mình, nằm trong điện, đêm thấy Nguyễn Văn Tường vào trong cung, ngài có quở mắng. Đến ngày hôm sau, thì ngài ngộ thuốc mà mất.



Tường và Thuyết không muốn lập người lớn tuổi, sợ mình mất quyền, bèn chọn người em ông Chánh Mông là ông Ưng Lịch 膺 蹶 mới 12 tuổi, lập lên làm vua, đặt niên hiệu là Hàm Nghi 咸 宜. Viên khâm sứ Rheinart trước đã tư giấy sang cho triều đình Huế rằng: Nam triều có lập ai lên làm vua, thì phải xin phép nước Pháp mới được. Nhưng Tường và Thuyết cứ tự tiện lập vua, không cho viên khâm sứ biết.

Viên khâm sứ thấy vậy, viết thư ra Hà Nội. Thống tướng Millot bèn sai chức tham mưu là Đại tá Guerrier đem 600 quân và một đội pháo binh vào Huế, bắt triều đình phải xin phép lập ông Ưng Lịch lên làm vua. Tường và Thuyết làm tờ xin phép bằng chữ Nôm gửi sang bên khâm sứ, viên khâm sứ không nghe, bắt phải làm bằng chữ Nho. Đến ngày 27 tháng 6, Đại tá và viên khâm sứ đi cửa chính vào điện làm lễ phong vương cho vua Hàm Nghi. Xong rồi quân Pháp lại trở ra Hà Nội.



## CHƯƠNG XIII

# CHIẾN TRANH VỚI NƯỚC TÀU



- |                            |                                   |
|----------------------------|-----------------------------------|
| 1. Trận Bắc Lệ             | 2. Đánh Phúc Châu và vây Đài Loan |
| 3. Trận đồn Chũ và đồn Kép | 4. Trận Yên Bạc                   |
| 5. Lấy thành Lạng Sơn      | 6. Thành Tuyên Quang bị vây       |
| 7. Mất thành Lạng Sơn      | 8. Hòa ước Thiên Tân              |

### 1. Trận Bắc Lệ

Ở Bắc Kỳ thì quân Pháp tưởng là việc hòa ước với nước Tàu đã xong, chỉ còn đợi ngày quân Tàu rút về, thì lên thu nhận lấy thành Lạng Sơn, Cao Bằng và Lao Kay. Cứ theo như tờ hòa ước của Trung tá Fournier ký ở Thiên Tân, thì vào chừng rằm tháng 5 quân Tàu ở Lạng Sơn, Thất Khê và Cao Bằng phải rút về. Vậy đến cuối tháng 5, thì Thống tướng Millot sai Trung tá Dugenne đem 1.000 quân lên thu lại các thành ấy. Ngày mồng một tháng 5 nhuận thì quân Pháp lên đến đồn Bắc Lệ 北麗. Khi quân Pháp sang qua sông Thương, thì quân Tàu bắn vào quân Pháp, phải ba người bị thương. Được một chốc bên quân Tàu sai người đưa thư sang nói rằng quân Tàu đã biết có hòa ước, nhưng chưa được lệnh rút quân về, vậy xin hoãn lại 6 ngày để đợi lệnh Bắc Kinh. Trung tá Dugenne không chịu; đến quá trưa, Trung tá cho người đưa thư sang bảo quân Tàu rằng: trong một giờ nữa mà quân Tàu không rút về thì quân Pháp cứ việc tiến lên. Đoạn rồi Trung tá truyền lệnh tiến binh; đi được một lúc, thì quân Tàu phục hai bên đường bắn ra. Quân



Pháp dàn trận đánh nhau đến tối. Sáng ngày hôm sau, quân Pháp thấy quân Tàu sắp vây cả bốn mặt, bèn rút về bên này sông Thương để đợi quân cứu viện ở Hà Nội lên. Trận ấy quân Pháp bị 28 người tử trận, 46 người bị thương, còn những phu phen chết không biết bao nhiêu mà kể.

Thống tướng Millot tiếp được tin quân Pháp thua ở Bắc Lệ, liền sai thiếu tướng De Négrier đem 2 đại đội quân bộ, 2 đội pháo binh và một toán công binh đi đường Phủ Lạng Thương qua làng Kép, lên tiếp ứng cho Trung tá Dugenne. Khi tiếp được quân của Trung tá rồi, Thống tướng Millot triệu Thiếu tướng De Négrier về Hà Nội, để chờ lệnh và quân ở bên Pháp sang.

## **2. Đánh Phúc Châu và vây Đài Loan**

Chính phủ bên Pháp tiếp được sự khai chiến ở Bắc Kỳ, liền điện truyền cho Hải quân Trung tướng Courbet đem tàu sang đóng gần thành Phúc Châu là tỉnh lỵ Phúc Kiến, và lại truyền cho ông Patenôtre là công sứ Pháp ở Bắc Kinh đòi nước Tàu phải trả 250 triệu tiền binh phí về việc chiến tranh ở Bắc Kỳ. Chính phủ 2 nước thương thuyết mãi, đến ngày 29 tháng 6, thì chính phủ Pháp gửi tờ tối hậu thư đòi nước Tàu 80 triệu phật lạng tiền binh phí, hạn cho trả làm 10 năm. Đến ngày mồng 3 tháng 7 năm Giáp Thân (1884), thì Hải quân Trung tướng Courbet được lệnh khởi sự đánh Phúc Châu.

Trung tướng truyền lệnh cho các chiến thuyền bắn lên các pháo đài và phá các xưởng làm binh khí ở Phúc Châu, và lại đánh cả chiến thuyền của Tàu đóng ở trong sông Mân Giang. Trung tướng bắn phá ở Phúc Châu rồi đem binh thuyền ra vây đánh đảo Đài Loan.

Hải quân của Pháp vây Đài Loan và các cửa bể mãi đến tháng 6 năm Ất Dậu (1885), nước Tàu ký hòa ước rồi mới thôi.

### 3. Trận đồn Chũ và đồn Kép

Trong khi hải quân của Pháp đánh phá ở mặt bể, quân Tàu ở Quảng Đông, Quảng Tây kéo sang Bắc Kỳ càng ngày càng nhiều, mà quân tiếp ứng của Pháp mãi không thấy sang, đến trung tuần tháng 7, Thống tướng Millot bèn cáo bệnh xin về, giao quyền lại cho Thiếu tướng Brière de l'Isle.

Được ít lâu, Thiếu tướng Brière de l'Isle tiếp được 6 nghìn quân ở Pháp sang, số quân bấy giờ cả thảy được non 2 vạn người, Thiếu tướng bèn chia ra làm 4 đạo để đi đánh quân Tàu và quân ta; Thiếu tá Servière đem một đạo quân lên mạn Đông Triều; Trung tá Donnier đem một đạo quân theo sông Lục Nam đến đánh đồn Chũ và đồn Đầm; Trung tá Defoy đem một đạo quân lên mạn sông Thương; Thiếu tá Mibielle và Thiếu tướng De Négrier thì đóng đại đồn ở Lạng Thương. Ngày 20 tháng 8, quân Pháp tiến lên đánh đồn Chũ, đồn Bảo Lạc và đồn Kép. Quân Tàu chống lại được một ngày, mà quân hai bên đánh nhau ở đồn Kép hăng hơn cả. Quân Tàu chết có đến 2.000 người; còn bên quân Pháp thì thiếu Tướng De Négrier bị thương ở chân, 27 người tử trận và 109 người bị thương. Quân Tàu chết hại mất nhiều, phải bỏ đồn Kép, đồn Bảo Lạc và đồn Chũ chạy lui trở về.

Ở mạn Đông Bắc, quân Tàu đã lui, Thiếu tướng Brière de l'Isle bèn sai Đại tá Duchesne đem 700 quân lên đánh quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc ở mạn Tuyên Quang và lại sai Trung tá Berger đem quân lên giữ Thái Nguyên.

### 4. Trận Yên Bạc

Quân Tàu tuy đã thua ở đồn Chũ và đồn Kép, nhưng vẫn còn đóng ở địa hạt Lạng Sơn và Quảng Yên. Đến trung tuần tháng 11, quân Tàu lại về đóng ở gần An Châu, Thiếu tướng De Négrier đem quân bộ và quân pháo binh đi theo tả ngạn sông

Lục Nam lên đánh quân Tàu ở núi Bóp. Quân Tàu chết đến hơn 600 người, quân Pháp thiệt hại mất 19 người tử trận và 65 người bị thương.

## 5. Lấy thành Lạng Sơn

Đầu năm 1885 là quãng tháng 11 năm Giáp Thân, Thiếu tướng Brière de l'Isle được thăng chức Trung tướng và lại tiếp được hơn 1.000 quân ở bên Pháp sang. Qua tháng chạp ta, Trung tướng mộ non 7.000 phu để tải đồ và đem 7.500 quân, chia ra làm 2 đạo lên đánh Lạng Sơn. Đạo thứ nhất thì thuộc quyền Thiếu tướng De Négrier, đạo thứ nhì thì thuộc quyền Đại tá Giovanninelle.

Con đường đi từ Kép lên Lạng Sơn là đường hẻm trong núi, mà chỗ nào cũng có quân Tàu đóng, cho nên quân Pháp mới dùng kế đánh ngang từ đồn Chũ đánh lại, để lấy đồn Tuần Muội<sup>(1)</sup>. Thiếu tướng De Négrier trước đã lên đồn Kép, giương thanh thế tiến binh, rồi lên về đồn Chũ đem quân qua đèo Vân, lấy đồn Đồng Sơn tức là đồn Sung, rồi sang lấy Tuần Muội. Quân Tàu đang giữ ở mạn Bắc Lệ, thấy quân Pháp đã chặn mất đường về, liền rút quân chạy. Thiếu tướng De Négrier đem quân đánh tràn lên đến Lạng Sơn, trưa hôm 29 tháng chạp ta thì lấy được thành. Đánh từ ngày 25 đến 29 tháng Chạp, quân Pháp thiệt mất 40 người tử trận và 222 người bị thương.

Lấy xong thành Lạng Sơn, quân Pháp nghỉ ngơi mấy ngày, rồi lại tiến lên đánh Đồng Đăng. Quân Tàu chạy phân ra làm hai ngả: một ngả chạy lên Thất Khê, một ngả chạy lên cửa Nam Quan về Tàu. Đến ngày mồng 8 tháng giêng năm Ất Dậu (1885) thì Thiếu tướng De Négrier lên đến cửa Nam Quan, truyền phá ải quan, rồi trở về giữ Lạng Sơn.

---

(1) Tức là ải Chi Lăng ngày trước.



## 6. Thành Tuyên Quang bị vây

Khi quân Pháp đi đánh mặt Lạng Sơn, thì quân Tàu và quân Cờ đen ở mạn sông Hồng Hà và sông Lô Giang lại kéo về đánh Tuyên Quang. Bấy giờ quân Pháp ở trong thành cả thủy độ hơn 600 người, thuộc quyền Thiếu tá Dominé. Từ đầu tháng mười năm Giáp Thân (1884), quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc đã kéo về đóng ở gần phủ Yên Bình và phủ Đoan Hùng. Đến tháng 11 thì quân Tàu giữ cả các chỗ hiểm yếu, để chặn đường không cho quân Pháp ở trung châu lên tiếp ứng, rồi Lưu Vĩnh Phúc đem quân lên đánh thành Tuyên Quang; đánh mãi đến 15 tháng chạp mới vây được thành. Quân Cờ đen dùng đủ kế để phá thành, mà quân Pháp ở trong thành cũng cố hết sức để chống giữ.

Lúc ấy quân Pháp đã lấy được thành Lạng Sơn rồi, Trung tướng Brière de l'Isle liền để Thiếu tướng De Négrier ở lại giữ thành, đến ngày mồng 2 tết đem quân đi đường đôn Chũ về Hà Nội, rồi lập tức lên cứu Tuyên Quang. Ngày 13 tháng giêng năm Ất Dậu, thì lên đến Đoan Hùng, rồi sang sông Chảy. Quân Tàu và quân Pháp giao chiến từ đó cho đến ngày 16, mới giải được vây. Trận ấy quân hai bên thiệt hại cũng nhiều, nhưng quân Tàu không địch được quân Pháp, phải vội vàng giải vây mà rút lên mạn ngược.

## 7. Mất thành Lạng Sơn

Thành Tuyên Quang vừa giải vây xong, thì ở Lạng Sơn lại khởi sự giao chiến. Quân Tàu tuy đã thua phải bỏ thành Lạng Sơn, nhưng quan Đề đốc Quảng Tây là Phùng Tử Tài 馮子材 vẫn đóng đại đồn ở Long Châu, chực sang đánh lấy lại Lạng Sơn.

Ngày mồng 6 tháng 2 năm Ất Dậu (1885), quân Tàu sang đánh Đồng Đăng, Thiếu tướng De Négrier đem quân lên cứu, rồi chực đánh sang Long Châu. Quân Pháp đánh trong 2 ngày,

chết hại mất non 200 người. Đến mùng 8, Thiếu tướng rút quân về Lạng Sơn, còn những người bị thương thì đem về đồn Chũ. Quân Pháp đóng ở Lạng Sơn bấy giờ có 3.500 người.

Ngày 13 thì quân Tàu tràn sang đánh Kỳ Lừa, Thiếu tướng De Négrier bị thương nặng, phải giao quyền lại cho Trung tá Herbinger, để chống với quân nghịch. Nhưng bấy giờ quân Tàu sang đông quá, Trung tá phải bỏ thành Lạng Sơn rút về Tuần Mũi, rồi về đồn Chũ và đồn Kép.

Trung tướng Brière de l'Isle tiếp được tin bại trận ở Lạng Sơn, liền điện cho chính phủ Pháp để xin tiếp quân sang cứu viện, và lập tức đi tàu lên đồn Chũ để phòng sự chống giữ.

Quân Tàu lấy được Lạng Sơn rồi chia quân giữ các chỗ hiểm yếu, chứ không dám đuổi xa. Còn ở mạn sông Hồng Hà, thì quân Cờ đen và quân của các quan cựu thần ta lại về đánh phá ở mạn gần Hưng Hóa và Lâm Thao.

## **8. Hòa ước Thiên Tân**

Bên Pháp tiếp được điện tín của Trung tướng Brière de l'Isle đánh về nói quân Pháp phải bỏ thành Lạng Sơn, thì lòng người náo động cả lên. Thủ tướng Jules Ferry phải từ chức. Chính phủ Pháp thấy sự chiến tranh không lợi bèn ký tờ giao ước đình chiến với nước Tàu. Rồi một mặt thì truyền lệnh cho sứ thần nước Pháp ở Bắc Kinh là ông Patenôtre lập tờ hòa ước với chính phủ Tàu; một mặt thì cho quân sang tiếp ứng Bắc Kỳ và sai Trung tướng Roussel de Courcy làm Thống đốc quân dân sự vụ, Trung tướng Warnel làm Tham mưu tổng trưởng, cùng với Thiếu tướng Jamont và Thiếu tướng Prudhomme đem hai sư đoàn sang Bắc Kỳ.

Chính phủ Tàu thấy chiến tranh không có lợi, bèn thuận ký tờ hòa ước, và lập tức sai quan sang Hà Nội truyền lệnh cho quân Tàu phải rút về. Ngày 27 tháng 4 năm Ất Dậu (1885) là



năm Quang Tự thứ 11, ông Patenôtre và ông Lý Hồng Chương 李鴻章 ký tờ hòa ước, đại lược nói rằng nước Tàu nhận cuộc bảo hộ của nước Pháp ở Việt Nam, và lại hòa thuận buôn bán như cũ. Nước Pháp thì trả lại các chỗ mà hải quân đã chiếm giữ ở mặt bể, và thuận bỏ cái khoản tiền binh phí không đòi nữa. Ngay hôm quan hai nước ký tờ hòa ước ấy ở Thiên Tân, thì Hải quân Trung tướng Courbet phải bệnh mất ở gần đảo Đài Loan. Hải quân của Pháp cũng chiếu theo điều ước mà rút quân về.





## CHƯƠNG XIV

# LOẠN Ở TRUNG KỲ



1. *Thống tướng De Courcy vào Huế*
2. *Triều đình chạy ra Quảng Trị*
3. *Nguyễn Văn Tường ra thú*
4. *Xa giá các bà Thái hậu về Khiêm Lăng*
5. *Quân Cần Vương*
6. *Vua Đồng Khánh*
7. *Thống tướng De Courcy phải triệt về*
8. *Vua Hàm Nghi ở Quảng Bình*
9. *Ông Paul Bert*
10. *Lập Tổng đốc toàn quyền phủ*

### 1. **Thống tướng De Courcy vào Huế**

Việc đánh nhau với Tàu xong, thì tức là cuộc bảo hộ ở nước Nam thành. Nhưng ở các nơi, những quan cũ ta còn chống nhau với quân Pháp, mà ở Huế thì Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết chuyên chế đủ mọi đường.

Tháng 9 năm Giáp Thân (1884), hai ông ấy đem ông Dục Đức giam vào nhà tối, không cho ăn uống để chết đói, đổ tội cho là thông mưu với giặc. Hai ông ấy lại mộ quân tập lính và lập đồn Tân Sở 新所 ở gần Cam Lộ thuộc tỉnh Quảng Trị, đem đồ báu ngọc vàng bạc ra đây, phòng khi có việc gì thì đem quân ra đó để chống nhau với quân Pháp. Cũng vì các ông ấy có ý muốn kháng cự, cho nên quân Pháp đã chiếm giữ Mang Cá ở thành Huế và lại bắt bỏ súng đại bác ở trên thành đi.

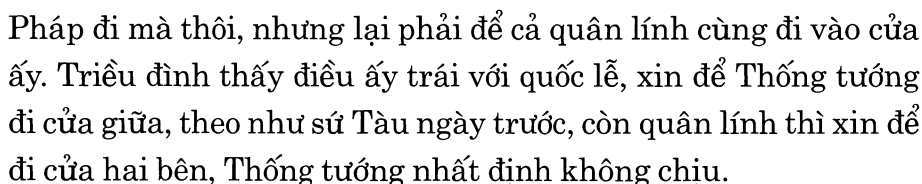
Ngày 18 tháng 4 năm Ất Dậu (1885), Thống tướng De Courcy sang tới Bắc Kỳ. Bấy giờ sự hòa ước với Tàu đã xong, bởi vậy Thống tướng mới định vào Huế bắt triều đình ta phải chịu quyền bảo hộ. Thống tướng đến Hà Nội đã nói chuyện với các người Pháp và những người Nam ra làm quan với Pháp, đã biết tình hình ở trong Huế là thế nào. Đến ngày 19 tháng 5 thì Thống tướng đem non 500 quân đi tàu vào Huế. Triều đình cử hai quan đại thần theo viên khâm sứ Pháp là ông De Champeaux ra đón Thống tướng ở cửa Thuận An. Sáng hôm sau, Thống tướng cho đòi hai quan Phụ chính sang bên khâm sứ để định việc vào yết kiến vua Hàm Nghi.

Hai ông lúc bấy giờ còn đang lừng lẫy, việc triều chính ở tay mình cả, mà thấy Thống tướng làm sự đường đột như thế, cũng đã tức giận lắm, lại cứ như lời mấy ông quan cự thần nói chuyện, thì ông Thuyết là quan văn làm tướng võ, nhưng hình dáng thì không được thanh tú: đầu thì trọc, người thì béo mà đen, cách đi đứng thì không được chững chạc, sự giao thiệp và đối đáp thì không sành. Xưa nay chỉ lấy quyền thế mà đè nén người ta, hơi một tí thì lấy sự chém giết làm oai. Đến khi phải ra theo lễ bang giao mà đối với một người tướng ngoại quốc như ông De Courcy thì trong bụng khiếp sợ không biết ra thế nào.

Ông Tường thì là một tay giao thiệp giỏi, lại có nhiều mưu cơ và tài nghệ ứng biến, cho nên lúc ấy chỉ có một mình ông Tường sang ra mắt quan Thống tướng De Courcy mà thôi, còn ông Thuyết thì cáo bệnh không sang. Thống tướng thấy vậy, bảo đau cũng phải kiêng sang.

Tôn Thất Thuyết thấy quan Pháp ra oai như thế, phần thì tức giận, phần thì sợ, lại nhân lúc bấy giờ mới có diềm động đất, mới nghĩ bụng rằng đây là diềm trời xui khiến bèn quyết ý sửa soạn để đánh nhau.

Thống tướng De Courcy định đến hôm vào diện yết kiến vua Hàm Nghi, thì phải mở cửa chính, không những là để quan nước



Trưa hôm 22 các quan ở Cơ mật viện sang dinh Khâm sứ xin vào bàn định cho xong việc đi cửa chính, cửa bên, nhưng Thống tướng De Courcy không tiếp. Bà Từ Dụ Thái hậu sai quan đem đồ lễ vật sang tặng Thống tướng, Thống tướng cũng khước đi không nhận.

Các quan thấy Thống tướng làm dữ dội như vậy, đều ngờ ngác không hiểu ra ý tứ gì mà khinh mạn triều đình đến như thế. Tôn Thất Thuyết càng thấy thế càng lấy làm tức giận, thôi sống chết cũng liều một trận, họa may trời có giúp kẻ yếu hèn gì chẳng? Ấy là tướng sĩ lúc bấy giờ ai cũng tưởng như thế, cho nên mới định đến nửa đêm khởi sự phát súng bắn sang dinh Khâm sứ và đánh trại lính của Pháp ở Mang Cá.

Chiều hôm ấy, Thống tướng làm tiệc đãi các quan Pháp. Tiệc vừa tan xong, thì súng ở trong thành nổ ra đùng đùng, rồi những nhà ở chung quanh dinh Khâm sứ cháy, lửa đỏ rực trời. Quân Pháp thấy bất thành linh nửa đêm quân ta đánh phá như vậy, chưa biết ra thế nào, chỉ yên lặng mà chống giữ. Đến sáng ngày 23 mới tiến lên đánh, thì quân ta thua chạy<sup>(1)</sup>. Nguyễn Văn Tường 阮文祥 cho người vào điện tâu xin rước vua và các bà Thái hậu tạm lánh lên Khiêm Lăng<sup>(2)</sup>. Khi xa giá ra gần đến cửa hữu, thì gặp Nguyễn Văn Tường đã chực sẵn ở đấy để đi

(1) Việc Tôn Thất Thuyết đánh quân Pháp ở Huế, sử ta không nói rõ số quân ta là bao nhiêu. Mà sách Tây có nơi chép là 2 vạn, có nơi chép là 3 vạn. Nhưng cứ những người biết việc ở Huế lúc bấy giờ, thì quân ta cả thảy độ chừng non 2 vạn trở lại, chứ không hơn.

(2) *Khiêm Lăng* là lăng của vua Dục Tông, có khi gọi là *Khiêm Cung* cũng là đây.



hộ giá, nhưng lệnh truyền cho Nguyễn Văn Tường ở lại để thu xếp mọi việc. Nguyễn Văn Tường vâng lệnh trở lại. Xa giá đi qua làng Kim Long 金龍, lên đến chùa Thiên Mục, thì Tôn Thất Thuyết 尊室說 đem quân chạy đến truyền rước xa giá quay trở về Trường Thi<sup>(1)</sup>.

Lúc bấy giờ vương tôn công tử, người đi ngựa, kẻ đi chân, dân gian thì trẻ cống già, đàn bà dắt trẻ con, ai nấy chạy hốt hoảng tìm đường tránh cho khỏi chỗ binh đao.

Xa giá đến Trường Thi vào nghỉ được một lát, thì Tôn Thất Thuyết lại giục lên đường, nói rằng quân Pháp đã sắp đuổi tới. Tối ngày 23, xa giá vào nghỉ nhà một người bá hộ, sáng ngày 24 ra đi, đến tối mới tới thành Quảng Trị. Quan Tuần phủ Trương Quang Đản<sup>(2)</sup> ra rước xa giá vào hành cung và đặt quân lính để phòng giữ.

Trận đánh nhau ở Huế, quân Pháp chết mất 16 người và 80 người bị thương. Sách Tây chép rằng quân ta chết đến vài nghìn người, còn bao nhiêu khí giới lương thực và hơn một triệu tiền của đều mất cả.

### 3. Nguyễn Văn Tường ra thú

Ở Huế, cả buổi sáng hôm 23, quân Pháp chiếm lấy thành trì và giữ gìn các nơi. Còn quan ta, người thì đi theo xa giá, người thì ẩn nấp một nơi, chưa biết thế nào, chưa ai dám ra. Đến trưa hôm ấy, Nguyễn Văn Tường 阮文祥 vào ăn cơm nhà ông giám mục Caspard, rồi nhờ ông ấy đưa ra thú với Thống tướng De Courcy. Thống tướng cho Nguyễn Văn Tường ra ở Thương bạc viện, giao cho Đại úy Schmitz và một toán lính

---

(1) Trường Thi thuở bấy giờ ở làng Đa Chữ cách kinh thành 10 cây số [theo các tài liệu hiện nay, Trường Thi xưa ở làng La Chữ, nay thuộc thôn La Chữ, xã Hương Chữ, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên-Huế - BT].

(2) Trương Quang Đản trước làm Tổng đốc Bắc Ninh, chống nhau với quân Pháp, sau về kinh phải giáng xuống Tuần phủ ra giữ thành Quảng Trị.

Pháp phải coi giữ, và hẹn cho trong hai tháng phải làm thế nào cho yên mọi việc.

#### 4. Xa giá các bà Thái hậu về Khiêm Lăng

Nguyễn Văn Tường viết sớ ra Quảng Trị xin rước xa giá trở về kinh để cho yên lòng người. Nhưng lúc ấy vua Hàm Nghi và tam cung là bà Từ Dụ Thái hoàng thái hậu, mẹ đức Dục Tông, bà Hoàng thái hậu là vợ đức Dục Tông và mẹ nuôi ông Dục Đức, bà Hoàng thái phi là vợ thứ đức Dục Tông và mẹ nuôi vua Kiến Phúc, bị Tôn Thất Thuyết 尊室說 gìn giữ, sớ của Nguyễn Văn Tường gửi ra vắn an, ông ấy đem giấu đi không cho vua biết. Ai cũng muốn xin rước xa giá lên Tân Sở, để lo liệu sự khôi phục. Đức Từ Dụ và hai bà Thái hậu nhất định không chịu đi.

Ngày 27, Tôn Thất Thuyết nghe tin có tàu Pháp sắp đến, bèn xin tam cung ở lại Quảng Trị và xin rước vua lên Tân Sở. Khi sắp đi, vua Hàm Nghi vào lạy ba bà Thái hậu: tình ly biệt, nỗi sầu thảm, kể sao cho xiết! Vua đi khỏi độ một giờ đồng hồ, thì bọn nội giám đều trở lại nói rằng Tôn Thất Thuyết không cho đi. Đến ngày 28 thì tam cung mới tiếp được tin của Nguyễn Văn Tường ra nói xin rước xa giá trở về Huế, mọi việc đã thu xếp xong rồi. Bà Từ Dụ cho người đi rước vua trở lại để cùng về Huế, nhưng tìm mãi không biết vua ở đâu, chỉ tiếp được thư của Tôn Thất Thuyết gửi về nói Nguyễn Văn Tường phản trắc nọ kia, xin đừng có nghe. Người bàn đi, kẻ bàn lại, ai nấy phân vân chưa biết ra thế nào. Ngày 30 lại tiếp được sớ của Nguyễn Văn Tường ra giục xa giá trở về. Đức Từ Dụ mới quyết ý về kinh, định ngày mồng 4 thì lên đường, sai quan Tuần phủ Trương Quang Đản đem quân đi hộ giá. Đến chiều tối ngày mồng 5, xa giá các bà Thái hậu về đến Khiêm Cung. Nguyễn Văn Tường dâng sớ lên thỉnh an và kể tình mọi việc.

Trong khi vua còn đi vắng, Thống tướng De Courcy đặt ông Thọ Xuân 壽春 lên làm Giám quốc, giao quyền Binh bộ Thượng



thư cho viên khâm sứ De Champeaux, để bãi việc binh lính của ta đi, và gọi quan Kinh lược ở Bắc Kỳ là Nguyễn Hữu Độ 阮有度 và quan Tổng đốc Nam Định là Phan Đình Bình 潘廷評 về cùng với Nguyễn Văn Tường 阮文祥 coi việc cơ mật. Vì hai ông ấy ở Bắc Kỳ đã hiểu mọi việc và đã biết theo chính sách của bảo hộ, cho nên Thống tướng đem về để thu xếp mọi việc cho chóng xong. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Hữu Độ không hợp ý nhau, Nguyễn Hữu Độ lại trở ra Bắc Kỳ.

## 5. Quân Cần Vương

Tôn Thất Thuyết ở Quảng Bình làm hịch Cần Vương truyền đi các nơi, bởi vậy chỉ trừ những chỗ chung quanh kinh thành ra, còn tự Bình Thuận trở ra cho đến Nghệ An, Thanh Hóa, chỗ nào sĩ dân cũng nổi lên, đổ cho dân bên đạo gây thành mối loạn, rồi đến đốt phá những làng có đạo. Sách Tây chép rằng từ đầu tháng 6 cho đến cuối tháng 8, dân bên đạo phải 8 ông cố và hơn 2 vạn người bị giết.

Thống tướng De Courcy thấy chỗ nào cũng có loạn cả, bèn trở ra Bắc Kỳ, hội các tướng lại để bàn sự đánh dẹp. Thống tướng đã định sai Đại tá Pernot đem 1.500 quân ở Huế ra đuổi Tôn Thất Thuyết, lại sai Thiếu tướng De Négrier đem một đạo quân đi từ Thanh Hóa đánh vào. Nhưng chính phủ ở Paris điện sang không cho Thống tướng khởi sự dùng đại binh, và lại nhân lúc bấy giờ ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ có bệnh dịch tả, quân Pháp chết hại đến ba bốn nghìn người, bởi vậy cho nên việc dùng binh phải đình lại.

Ở Huế thì mãi không ai biết vua Hàm Nghi ở đâu. Triều đình thì mỗi ngày một rối, việc lập vua mới thì tuy rằng đã định rồi, nhưng còn lồi thoi chưa xong.

Đến ngày 27 tháng 7, vừa hết hạn 2 tháng của Thống tướng De Courcy hẹn cho Nguyễn Văn Tường, và bấy giờ ở Bắc Kỳ lại có nhiều người ghét Nguyễn Văn Tường xin Thống tướng đem



trị tội. Bởi vậy sang ngày 28, Thống tướng bắt quan nguyên Phụ chính Nguyễn Văn Tường 阮文祥, quan Hộ bộ Thượng thư Phạm Thận Duật 范慎適 và Tôn Thất Đính 尊室訂 là thân sinh ra Tôn Thất Thuyết, đem đày ra Côn Lôn. Phạm Thận Duật đang đi tàu thì mất, phải ném xuống bể, Nguyễn Văn Tường thì sau lại phải đày ra hải đảo Haiti ở Thái Bình Dương<sup>(1)</sup>, được ít lâu cũng mất, cho đem xác về chôn ở quê nhà.

## 6. Vua Đồng Khánh

Thống tướng De Courcy đày bọn Nguyễn Văn Tường đi rồi, đem quân Nguyễn Hữu Độ 阮有度 về cùng với Phan Đình Bình 潘廷評 coi việc triều chính, sai Nguyễn Trọng Hợp 阮仲合 ra quyền kinh lược ở Bắc Kỳ. Thống tướng lại sai ông De Champeaux lên Khiêm Cung yết kiến đức Từ Dụ xin lập ông Chánh Mông 正蒙 là Kiên Giang quận công lên làm vua.

Ngày mồng 6 tháng 8, ông Chánh Mông phải thân hành sang bên Khâm sứ làm lễ thụ phong, rồi làm lễ tấn tôn, đặt niên hiệu là Đồng Khánh 同慶.

Vua Đồng Khánh tính hiền lành, hay trang sức và cũng muốn duy tân, ở rất được lòng người Pháp; đình thần thì nhiều người đã biết theo chính sách bảo hộ cho nên mọi việc trong triều đều được yên ổn. Nhưng vua Hàm Nghi còn ở mạn Quảng Bình, kéo cờ nghĩa chống nhau với quân Pháp, truyền hịch Cần Vương đi các nơi để mong đường khôi phục. Lúc bấy giờ, lòng người còn tưởng nhớ chúa cũ, cho nên từ tỉnh Bình Thuận trở ra, chỗ nào cũng có người nổi lên đánh phá để toan bề khôi phục.

Ở Quảng Nam thì bọn thân hào lập ra Nghĩa Hội 義會 có quan Sơn phòng sứ là Trần Văn Dự 陳文璵 làm chủ, rồi những tỉnh Phú Yên, Bình Định, Bình Thuận đều noi theo mà nổi lên. Ở Quảng Trị có các ông Trương Đình Hội 張廷繪, Nguyễn Tự

(1) Đảo Haiti ở vùng biển Ca-ri-bê, Đại Tây Dương [BT].

Như 阮自如, ở Quảng Bình có quan nguyên Tri phủ là Nguyễn Phạm Tuân 阮范遵, ở Hà Tĩnh có cậu ấm Lê Ninh 黎寧<sup>(1)</sup>; ở Nghệ An có ông nghề Nguyễn Xuân Ôn 阮春溫 và quan Sơn phòng sứ Lê Doãn Nhạ 黎允迓; ở Thanh Hóa có Hà Văn Mao 何文旄, v.v... Những người ấy đều xướng lên việc Cần Vương, đem quân đi hoặc chiếm giữ tỉnh thành, hoặc đánh lấy các phủ huyện, và đốt phá những làng có đạo. Ở ngoài Bắc Kỳ thì các quan cự thần là quan Đề đốc Tạ Hiện 謝現, quan Tán tướng Nguyễn Thiện Thuật 阮善述 tụ họp ở Bãi Sậy, rồi đi đánh phá ở mạn trung châu, còn ở mạn thượng du, thì chỗ nào cũng có quân giặc Tàu quấy nhiễu. Bởi vậy quân Pháp phải chia binh ra chống giữ các nơi.

## 7. Thống tướng De Courcy phải triệt về

Thống tướng De Courcy thấy ở ngoài Bắc có lắm việc, bèn đề Thiếu tướng Prudhomme ở lại Huế, rồi ra Hà Nội kinh lý mọi việc. Nhưng vì Thống tướng tính khổ khắc và đa nghi, cho nên công việc càng ngày càng khó thêm. Ở bên Pháp thì có nhiều người không muốn giữ đất Bắc Kỳ, có ý muốn bãi binh. Bởi vậy đến cuối năm 1885 là năm Ất Dậu, Thủ tướng nước Pháp là ông Brisson xin nghị viện thuận cho lấy ra 75 triệu phật lạng để chi tiêu về việc Bắc Kỳ. Nghị viện đặt hội đồng để xét việc ấy. Hội đồng định rút quân về và chỉ cho 18 triệu phật lạng mà thôi. Đến khi đầu phiếu thì đảng theo chính phủ được 274 phiếu, và đảng phản đối với chính phủ được 270, nghĩa là đảng muốn giữ đất Bắc Kỳ chỉ hơn có 4 phiếu. Thủ tướng Brisson thấy trong nghị viện có nhiều người không hợp ý mình bèn xin từ chức.

Ông Freycinet lên làm Thủ tướng, thấy Thống tướng De Courcy ở bên nước Nam làm lắm việc lôi thôi, bèn điện sang triệt về Pháp, giao binh quyền lại cho Trung tướng Warnel, và sai ông Paul Bert là quan văn sang sung chức Thống đốc, để kinh lý mọi việc ở nước Nam.

(1) Người ở La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, con quan nguyên Bố chính Lê Kiên.



## 8. Vua Hàm Nghi ở Quảng Bình

Bấy giờ tuy ở Huế đã lập vua Đồng Khánh rồi, nhưng đảng cự thần còn có nhiều người theo phò vua Hàm Nghi, quyết chí chống lại với quân Pháp. Quan Pháp bèn sai Đại tá Chaumont đem quân ra đóng ở thành Quảng Bình, để chặn đường không cho đảng Tôn Thất Thuyết thông với Bắc Kỳ. Nhưng ở mạn Thanh Hóa, Nghệ An, bọn văn thân đánh phá rất dữ. Đại tá Chaumont bèn để Thiếu tá Grégoire ở lại giữ thành Quảng Bình, rồi trở về Đà Nẵng lấy thêm binh và tàu chiến đem ra đóng ở thành Nghệ An, chia quân đi tuần tiễu các nơi.

Tôn Thất Thuyết thấy thế không chống nổi quân Pháp bèn bỏ vua Hàm Nghi ở lại đồn Vė, thuộc huyện Tuyên Hóa (tên cũ là Quy Hợp châu) tỉnh Quảng Bình, rồi cùng với Đề đốc Trần Xuân Soạn 陳春撰 đi đường thượng đạo, nói rằng sang cầu cứu bên Tàu<sup>(1)</sup>.

Vua Hàm Nghi bấy giờ phải ẩn nấp ở vùng huyện Tuyên Hóa, có các con Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp cùng với Đề đốc Lê Trực 黎直 và Nguyễn Phạm Tuân 阮范遵<sup>(2)</sup> hết sức giữ gìn và đem quân đi đánh phá ở mạn Quảng Bình và Hà Tĩnh.

---

(1) Tôn Thất Thuyết đi đường thượng đạo ra vùng Hưng Hóa rồi theo thượng lưu sông Đà lên Lai Châu nương tựa vào họ Diêu. Đến lúc nghe tiếng quân Pháp lên đánh, liền bỏ họ Diêu mà trốn sang Tàu. Con cháu họ Diêu nói chuyện lại rằng: Khi Tôn Thất Thuyết lên đến Lai Châu còn có mấy chục người đi theo. Lên đến ở một độ, chém giết gần hết. Xem như thế thì ông Thuyết là một người cuồng dại mà lại nhát gan. Một người như thế mà làm đại tướng để giữ nước, thì tài gì mà nước không nguy được.

Về sau chết già ở Thiệu Châu, thuộc tỉnh Quảng Đông.

(2) Sách ông Gosselin chép là Phạm Thuận. Nhưng xét trong sử nước ta thì không có ai là Phạm Thuận, chỉ có Nguyễn Phạm Tuân trước làm Tri phủ, sau theo vua Hàm Nghi chống cự với quân Pháp, rồi bị đạn phải bắt. Vậy Phạm Thuận tức là Nguyễn Phạm Tuân.



Tháng giêng năm Bính Tuất (1886) Trung tá Mignot đem quân ở Bắc Kỳ vào Nghệ An, rồi chia làm hai đạo: một đạo thì Thiếu tá Pelletier đem lính tập theo sông Ngàn Sâu vào mạn Tuyên Hóa; một đạo thì Trung tá Mignot tự đem quân đi đường quan lộ vào giữ thành Hà Tĩnh, rồi vào đóng ở sông Gianh.

Ở Huế lại sai Trung tá Metzniger đem một toán quân ra tiếp ứng các đạo. Quân Pháp đóng ở chợ Đồn và ở Minh Cầm, rồi Trung tá Metzniger đem ông cố Tortuyaux đi làm hướng đạo để lên lấy đồn Vé. Thế quân Pháp tiến lên mạnh lắm, quân văn thân chống lại không nổi, phải tan cả.

Nhưng qua sang tháng hai, ở ngoài Bắc Kỳ có việc, vả lại viên Thống đốc Paul Bert đã sang đến nơi, chính sách đổi lại cả, cho nên mới triệt các đạo quân về, chỉ đóng giữ ở Quảng Khê, ở Roon và ở chợ Đồn mà thôi. Quân văn thân thấy quân Pháp rút về, lại trở về đóng ở các đồn cũ.

## 9. Ông Paul Bert

Ngày mồng 5 tháng 3 năm Bính Tuất (1886), viên Thống đốc Paul Bert sang đến Hà Nội. Lập tức đặt phủ Thống sứ ở Bắc Kỳ và sở kiểm soát về việc tài chính. Đến cuối tháng 3 thì Thống đốc vào yết kiến vua Đồng Khánh ở Huế, và xin lập nha Kinh lược ở Bắc Kỳ, cho quan Kinh lược đại sứ được quyền cùng với phủ Thống sứ tự tiện làm mọi việc. Vì rằng ở ngoài Bắc vào đến Huế đường sá xa xôi, có việc gì tâu bẩm vào Bộ mất nhiều ngày giờ lắm, bởi vậy xin cho được tự tiện làm việc, rồi trong một năm độ vài kỳ đem các việc tâu về vua biết.

Thống đốc Paul Bert ở Huế đến cuối trung tuần tháng 4 lại ra Hà Nội, rồi một mặt thì lo đánh dẹp, một mặt thì mở Pháp Việt học đường, lập Thương nghiệp cục, đặt lệ đồn điền. Chủ ý của Thống đốc là muốn khai hóa đất Bắc Kỳ ra cho chóng được thịnh lợi. Nhưng cũng vì Thống đốc phải lo nghĩ nhiều việc, vả lại nay đi kinh lược chỗ này, mai đi kinh lược chỗ nọ, thành ra



khí lực suy nhược đi, cho nên mới cảm bệnh nặng, đến ngày rằm tháng 10 năm Bính Tuất (11 tháng 11 năm 1886) thì mất. Nhà nước đem linh cữu về Pháp mai táng.

Chính phủ Pháp sai ông Bihourd sang lĩnh chức Thống đốc thay ông Paul Bert.

## **10. Lập Tổng đốc toàn quyền phủ**

Nước Pháp đã lấy đất Nam Kỳ, lập bảo hộ ở nước Cao Miên, rồi lại lập bảo hộ ở Bắc Kỳ và ở Trung Kỳ, mở ra một cuộc thuộc địa lớn ở Viễn Đông này; nhưng buổi đầu thì mỗi xứ có một chức Thủ hiến để coi riêng việc chính trị. Đến năm Đinh Hợi (1887), chính phủ nước Pháp mới đặt phủ Tổng đốc toàn quyền để điều khiển việc chính trị cả mấy xứ ở nước ta và nước Cao Miên. Tháng 10 năm Đinh Hợi (15 tháng 11 năm 1887), thì viên Tổng đốc toàn quyền mới, tức là viên Tổng đốc toàn quyền trước nhất, là ông Constant sang nhận chức tại Sài Gòn.

Từ đó ở các nơi như Nam Kỳ thì có viên Thống đốc, Trung Kỳ và Cao Miên thì mỗi nơi có viên Khâm sứ, Bắc Kỳ và Lào thì mỗi nơi có viên Thống sứ đứng đầu coi việc cai trị trong hạt; những việc gì quan hệ đến chính sách cả toàn cảnh thì phải theo lệnh viên Tổng đốc toàn quyền mà thi hành.



## CHƯƠNG XV

# VIỆC ĐÁNH DỆP Ở TRUNG KỲ VÀ BẮC KỲ



- |   |                                     |
|---|-------------------------------------|
| 1. Việc đánh dẹp ở các nơi                  | 2. Vua Đồng Khánh ra Quảng Bình     |
| 3. Hoàng Kế Viêm ra quân thứ mạn Quảng Bình |                                     |
| 4. Lập đồn Minh Cẩm                         | 5. Vua Hàm Nghi bị bắt              |
| 6. Vua Thành Thái                           | 7. Sự đánh dẹp ở Bắc Kỳ             |
| 8. Việc Phan Đình Phùng                     | 9. Lòng yêu nước của người Việt Nam |

### 1. Việc đánh dẹp ở các nơi

Trong khi Thống đốc Paul Bert xếp đặt mọi việc ở Bắc Kỳ, thì ở Trung Kỳ quân Cần Vương ở các tỉnh vẫn đánh phá. Quân Pháp phải tìm cách mà đánh dẹp cho yên. Ở mạn Bình Thuận, Phú Yên thì Thiếu tá De Lorme và viên công sứ Aymonier cùng với Trần Bá Lộc 陳伯祿 đem lính Tây và lính ở Nam Kỳ ra đánh dẹp. Trần Bá Lộc dùng cách dữ dội, chém giết rất nhiều, bởi vậy đất Bình Thuận không bao lâu mà yên; rồi đem quân ra dẹp đảng văn thân ở Phú Yên và Bình Định, bắt được cử nhân Mai Xuân Thuởng 枚春賞, Bùi Điền 裴佃 và Nguyễn Đức Nhuận 阮德潤 đem chém. Từ tháng 6 năm Bính Tuất (1886) đến tháng 6 năm Đinh Hợi (1887), thì những tỉnh ở phía Nam đất kinh kỳ đã dẹp yên.

### 2. Vua Đồng Khánh ra Quảng Bình

Đất Trung Kỳ từ Quảng Trị trở ra chưa được yên. Vua Đồng Khánh bèn định ra tuần thú mặt Bắc, để dụ vua Hàm



Nghi và những quan đại thần về cho yên việc đánh dẹp. Quan Pháp sai Đại úy Henry Billet đi hộ giá.

Ngày 16 tháng 5 năm Bính Tuất (1886), xa giá ở kinh đi ra, mãi đến cuối tháng 7 mới tới Quảng Bình. Xa giá đi đến đâu thì đảng cự thần vẫn không phục, cứ đem quân đến chống cự, cho nên việc vua đi tuần thú lần ấy, không có kết quả gì cả. Ra đến Quảng Bình thì vua Đồng Khánh yếu, ở được vài mươi ngày rồi phải xuống tàu đi đường hải đạo trở về Huế.

### 3. Hoàng Kế Viêm ra quân thú mạn Quảng Bình

Vua Đồng Khánh về Huế được vô sự. Đến tháng 9 vua khai phục nguyên hàm cho Hoàng Kế Viêm 黃繼炎 và phong cho làm Hữu trực kỳ An phủ kinh lược đại sứ, được quyền tiện nghi hành sự để ra Quảng Bình dụ vua Hàm Nghi và các quan cự thần về. Trong tờ dụ của vua Đồng Khánh ban cho Hoàng Kế Viêm đại lược nói rằng: Nếu vua Hàm Nghi mà thuận về, thì sẽ phong cho làm Tổng trấn ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh, và lại cấp cho bổng lộc theo tước vương. Các quan cự thần như các ông Trương Văn Ban 張文班, Nguyễn Trực 阮直, Nguyễn Chư 阮諸, Lê Mô Khải 黎模楷, Nguyễn Nguyên Thành 阮元誠, Phan Trọng Mưu 潘仲謀, Nguyễn Xuân Ôn 阮春溫, Lê Doãn Nha 黎允迓, Ngô Xuân Quỳnh 武春瓊, ai về thú thì được phục nguyên chức, cho vào làm quan ở các tỉnh từ Quảng Trị trở vào. Còn như các ông Trần Xuân Soạn 陳春撰, Nguyễn Phạm Tuân 阮范遵, Phan Đình Phùng 潘廷逢 mà có chịu về thì sẽ tha những điều lỗi trước, và sẽ phong cho chức hàm khác. Những điều ấy được bàn với viên Thống đốc Paul Bert, hai bên đã thuận cho như thế, quyết không sai lời.

Bấy giờ quân của quan Đề đốc Lê Trực 黎直 đóng ở mạn Thanh Thủy, thuộc huyện Tuyên Chánh; quân của Tôn Thất Đạm là con Tôn Thất Thuyết thì đóng ở ngàn Hà Tĩnh, về hạt



Kỳ Anh và Cẩm Xuyên. Còn Tôn Thất Thiệp và Nguyễn Phạm Tuấn thì phò vua Hàm Nghi ở mạn huyện Tuyên Hóa.

Ông Hoàng Kế Viêm ra Quảng Bình, sai người đi dụ ông Lê Trực về. Nhưng các ông ấy cứ nhất thiết không chịu, chỉ có bọn thủ hạ lác đác vài người ra thú mà thôi. Bởi vậy, việc Hoàng Kế Viêm ra kinh lược cũng không thành công, cho nên đến tháng 5 năm Đinh Hợi (1887), lại phải triệt về.

#### 4. Lập đồn Minh Cầm

Triều đình ở Huế thấy dùng cách phủ dụ không được, bèn để quyền cho người Pháp tìm kế đánh dẹp.

Người Pháp cũng biết là thế lực của đảng vua Hàm Nghi chẳng được là bao nhiêu, cốt tìm đường mà chiếm dần địa thế và mua chuộc những đứa làm tay trong, thì tất thế nào rồi cũng trừ hết được, bởi vậy cho nên không dùng đến đại binh.

Trước Đại úy Mouteaux ở Quảng Bình đã cùng với ông cố Tortuyaux đem quân đi đánh lấy đồn của Lê Trực ở Thanh Thủy, nhưng quân của ông ấy vẫn không tan, cứ đánh phá mãi. Đến tháng giêng năm Đinh Hợi (1887), Đại úy Mouteaux đem quân lên lập đồn Minh Cầm 鳴榭 đóng ở mé trên Thanh Thủy. Đại úy vẫn biết ông Lê Trực là một người có nghĩa khí, và trong khi hai bên chống cự với nhau không bao giờ ông ấy làm điều tàn ác, cho nên Đại úy vẫn có ý trọng lăm. Trước đã cho người đưa thư lên dụ ông ấy về thú. Ông ấy phúc thư lại rằng: “Tôi vì vua, vì nước, chết sống cũng một lòng làm cho hết việc bốn phận, chứ không dám tham sự sống mà quên việc nghĩa”.

Từ khi quân Pháp đóng đồn ở Minh Cầm, các ông Lê Trực và Nguyễn Phạm Tuấn phải lui lên mé trên. Ông Lê Trực thì ra mạn Hà Tĩnh, ông Nguyễn Phạm Tuấn thì lên đóng ở làng Yên Lộc về phía Nam sông Gianh.



Qua tháng 3, nhờ có người do thám, biết chỗ ông Nguyễn Phạm Tuân 阮范遵 đóng, Đại úy Mouteaux bèn đem quân lên vây làng Yên Lộc, bọn ông Nguyễn Phạm Tuân, trong khi bất ý, đều bị bắt cả. Ông Nguyễn Phạm Tuân phải đạn bên cạnh sườn, sống được mấy ngày thì mất.

Quân Pháp tuy đã trừ được ông Nguyễn Phạm Tuân nhưng ông Lê Trực hầy còn, và vẫn chưa biết rõ vua Hàm Nghi ở chỗ nào, sau có những người ra thú, mách rằng muốn bắt vua Hàm Nghi thì mưu với tên Trương Quang Ngọc 張光玉. Tên ấy là người bản xứ ở đấy và từ khi vua ra ở vùng ấy nó được vào hầu cận, và lại là một đứa khí độ tiểu nhân, thì chắc có lẽ mua chuộc nó được. Đại úy định tìm cách để thông với tên Ngọc, cho người đi do thám, biết tên Ngọc hiện đóng ở làng Chà Mạc, bèn đem quân lên vây làng ấy. Nhưng khi lên đến nơi, tên Ngọc thấy động, chạy thoát được. Đại úy sai tìm trong làng chỉ thấy có một bà lão, Đại úy bèn đưa cái thư viết cho tên Ngọc, nhờ bà lão ấy đưa cho nó, rồi rút quân về đồn Minh Cầm.

Được mấy hôm kỳ dịch những làng mé trên về thú ở đồn Minh Cầm, Đại úy đưa cho chánh tổng những dân ấy mấy lạng thuốc phiện và mấy bì gạo trắng để gửi cho tên Ngọc và nhờ bảo nó dỗ vua Hàm Nghi về. Tên Ngọc nhận những đồ ấy và trả lời xin hết lòng giúp người Pháp, nhưng cần phải để thông thả, sợ việc tiết lộ ra thì không thành.

Từ đó việc bắt vua Hàm Nghi chỉ trông cậy vào tên Ngọc. Nhưng bấy giờ có người con thú Tôn Thất Thuyết là Tôn Thất Thiệp giữ gìn vua Hàm Nghi một cách nghiêm mật quá. Tôn Thất Thiệp thể sống chết không để cho quân Pháp bắt được vua. Bởi vậy, hễ ai nói đến sự về thú thì bắt chém ngay, cho nên bọn tên Ngọc tuy đã nhĩ tâm, nhưng chưa dám hạ thủ.

Ở mé ngoài, thì các ông Lê Trực và Tôn Thất Dạm, nay đánh chỗ này mai phá chỗ kia mà không sao bắt được. Đại úy Mouteaux đánh đuổi lâu ngày nhọc mệt, bèn xin về Pháp nghỉ.



## 5. Vua Hàm Nghi bị bắt

Qua tháng giêng năm Mậu Tý (1888), viên Đại tá coi đạo quân ở Huế ra Quảng Bình, rồi chia quân đi tuần tiễu, để tìm vua Hàm Nghi và đuổi bắt ông Lê Trực và ông Tôn Thất Đạm. Đến tháng 9 năm ấy, quân lính mỗi mệt mà không thành công được. Quân Pháp đã toan rút về giữ những đồn ở gần mạn bể, bỗng dưng có tên suất đội Nguyễn Đình Tình 阮廷情 hầu cận vua Hàm Nghi ra thú ở đồn Đồng Cỏ, phía trên đồn Minh Cầm, và khai rõ tình cảnh cùng chỗ vua đóng. Người Pháp bèn sai tên Tình đem thư lên dụ tên Ngọc về. Được mấy hôm tên Ngọc và tên Tình về tình nguyện xin đi bắt vua Hàm Nghi.

Người Pháp truyền cho bọn tên Ngọc phải làm thế nào mà bắt sống được vua Hàm Nghi, còn những người khác hễ ai chống cự, thì cứ giết đi.

Ngày 26 tháng 9, tên Ngọc và tên Tình đem hơn 20 đứa thủ hạ, người ở làng Thanh Lang và Thanh Cuộc lên vây làng Tả Bảo<sup>(1)</sup> là chỗ vua Hàm Nghi đóng. Đến độ nửa đêm, khi chúng nó xông vào, thì Tôn Thất Thiệp còn đang ngủ, hoảng hốt cầm gươm nhảy ra, bị chúng đâm chết. Vua Hàm Nghi trông thấy tên Ngọc làm phản như vậy, cầm thanh gươm đưa cho nó và bảo rằng: “Mày giết tao đi, còn hơn đưa tao về nộp cho Tây”. Ngài vừa nói dứt lời, thì bọn chúng nó có một đứa lén ra sau lưng ôm quàng lấy ngài rồi giựt thanh gươm ra. Từ khi ngài bị bắt rồi, ngài không nói năng gì nữa.

Sáng ngày hôm sau, bọn tên Ngọc vờng ngài ra đến bến Ngã Hai, rồi đem xuống cái bè, đi mất hai ngày mới về đến đồn Thanh Lang, nộp cho viên Đại úy coi đồn ấy là ông Boulanger.

---

(1) Những chuyện nói về việc bắt vua Hàm Nghi là phần nhiều lấy ở trong sách *Empire d'Annam* của Đại úy Gosselin, cho nên những tên làng tên đất nói ở đoạn này viết không được đúng dấu. Nhưng đại để những làng Mường ở vùng sông Giai, thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.





Đại úy lập tức đem ngài về đồn Thuận Bài đóng ở tả ngạn sông Gianh, gần chợ Đồn.

Vua Hàm Nghi bấy giờ đã 18 tuổi, quan Pháp lấy vương lễ mà tiếp đãi. Tuy vậy ai hỏi gì, ngài cũng không nói, chỉ nhất thiết chối rằng mình không phải là vua. Nhưng đến lúc vào trong buồng ngồi một mình, thì hai hàng nước mắt chứa chan, buồn vì nỗi nước đổ nhà tan, thân mình phải nhiều nỗi gian truân.

Người Pháp đem vua Hàm Nghi xuống tàu về Thuận An rồi đem sang để ở bên xứ Algérie, là xứ thuộc địa của nước Pháp, ở phía Bắc châu A Phi Ly Gia, mỗi năm cấp cho 2 vạn rưỡi phật lạng<sup>(1)</sup>.

Tên Trương Quang Ngọc được thưởng hàm Lĩnh binh, tên Nguyễn Đình Tình cũng được thưởng hàm quan võ. Còn bọn thủ hạ, đứa thì được thưởng hàm suất đội, đứa thì được thưởng mấy đồng bạc.

Tôn Thất Dạm ở ngàn Hà Tĩnh, nghe tin vua Hàm Nghi bị bắt, bèn hội cả bọn tướng sĩ lại, truyền cho ra thú để về làm ăn, rồi viết hai bức thư: một bức để dâng vua Hàm Nghi, xin tha lỗi cho mình làm tội không cứu được vua, và một bức thư gửi cho Thiếu tá Dabat, đóng ở đồn Thuận Bài xin cho bọn thủ hạ ra thú. Viết xong thư rồi, Tôn Thất Dạm nói rằng: “Bây giờ người Pháp có muốn bắt ta thì vào tìm thấy mả ta ở trong rừng!”. Đoạn rồi thất cổ mà tự tận<sup>(2)</sup>.

Ông Tôn Thất Thuyết làm đại tướng mà cư xử ra một cách rất hèn nhát không đáng làm người trượng phu chút nào.

---

(1) Hiện nay [tức là năm 1920 - BT] vua Hàm Nghi còn ở Algérie, và đã lấy một người nước Pháp, được mấy đứa con.

(2) Hai bức thư ấy dịch ra chữ Pháp in ở trong sách *Empire d'Annam* của Đại úy Gosselin. Lời lẽ thì thật là cương nghị đáng bậc thiếu niên anh hùng. Nhưng vì thư ấy đã dịch ra chữ Pháp nếu nay lại theo chữ Pháp mà dịch ra chữ ta thì sợ không đúng với bản chính, cho nên không đem vào đây.



Nhưng hai người con thì thật là bậc thiếu niên anh hùng, có thể che được cái xấu cho cha vậy<sup>(1)</sup>.

Quan Đề đốc Lê Trực 黎直 cũng đem hơn 100 quân ra thú ở đồn Thuận Bài. Triều đình ở Huế xem cái tờ xin ra thú, thấy lời lẽ của quan Đề đốc cũ nói khẳng khái, không được khiêm tốn, có ý muốn bắt tội, nhưng người Pháp thấy là một người trung nghĩa, có lòng quý trọng, tha cho về yên nghiệp ở nhà.

Ông Tôn Thất Đạm và ông Lê Trực là người phản đối với nước Pháp lúc bấy giờ, nhưng các ông ấy vì việc nước mà hết lòng làm việc bốn phần cho nên người Pháp cũng biết lượng tình mà thương tiếc. Sau ông Lê Trực về ở làng Thanh Thủy, thuộc huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, người Pháp thường vẫn đi lại thăm nom và có ý kính trọng lắm. Người bản quốc thấy vậy, ai cũng lấy làm cảm phục.

## 6. Vua Thành Thái

Ngày 27 tháng chạp năm Mậu Tý là ngày 28 tháng giêng năm 1888, vua Đồng Khánh phải bệnh mất, thọ 25 tuổi, làm vua được 3 năm, miếu hiệu là Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế 景宗純皇帝.

Bấy giờ ông Rheinard lại sang làm Khâm sứ ở Huế, thấy con vua Đồng Khánh còn nhỏ, và lại nhớ ông Dục Đức ngày trước, khi vua Dục Tông hãy còn, thường hay đi lại với người Pháp bởi vậy viên Khâm sứ nghĩ đến tình cũ mà truyền lập ông Bửu Lâm là con ông Dục Đức lên làm vua.

Ông Bửu Lâm bấy giờ mới lên 10 tuổi, đang cùng với mẹ phải giam ở trong ngục. Triều đình vào rước ra, tôn lên làm vua, đặt niên hiệu là Thành Thái, cử ông Nguyễn Trọng Hợp 阮仲合 và ông Trương Quan Đản 張光燾 làm Phụ chính.

---

(1) Có nhiều đánh giá trái ngược liên quan đến cuộc đời của Tôn Thất Thuyết, các nhà nghiên cứu lịch sử sau năm 1954 đánh giá cao nhân cách Tôn Thất Thuyết và trân trọng tấm lòng yêu nước nhiệt thành của ông [BT].



## 7. Sự đánh dẹp ở Bắc Kỳ

Khi nhà Thanh bên Tàu đã ký hòa ước với nước Pháp ở Thiên Tân rồi, quân Tàu ở nước ta rút về. Nhưng các cựu thần như quan Tán tương quân vụ là Nguyễn Thiện Thuật 阮善述 và quan Đề đốc Tạ Hiện 謝現 còn giữ ở vùng Bãi Sậy thuộc Hải Dương cùng với các thổ hào như Đốc Tít ở vùng Đông Triều; Đề Kiều ở vùng Hưng Hóa; Cai Kinh, Đốc Ngũ ở vùng phủ Lạng Thương và Yên Thế; Lương Tam Kỳ, dư đảng Cờ đen, ở vùng chợ Chu; đều nổi lên tương ứng với nhau mà đánh phá. Lúc ấy quan quyền Kinh lược sứ là ông Nguyễn Trọng Hợp 阮仲合 cử quan quyền Tổng đốc Hải Dương là Hoàng Cao Khải 黃高啓 làm chức Tiểu phủ sứ đi đánh dẹp ở vùng Bãi Sậy.

Hoàng Cao Khải đem quân đi đánh riết mấy mặt. Bọn văn thân người thì tử trận, người thì bị bắt. Nguyễn Thiện Thuật chạy sang Tàu, sau mất ở Nam Ninh, thuộc Quảng Tây. Đốc Tít ra hàng, phải đày sang ở thành Alger, bên Algérie. Đề Kiều và Lương Tam Kỳ ra thú được ở yên. Cai Kinh bị bắt, Đốc Ngũ ra thú, Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế cũng ra thú<sup>(1)</sup>, được giữ ở vùng ấy, mãi đến năm 1909 mới bị đánh đuổi, đến năm 1912 mới bị giết<sup>(2)</sup>.

Hoàng Cao Khải đi đánh dẹp có công, về được chính phủ bảo hộ cho lĩnh chức Bắc Kỳ Kinh lược sứ.

## 8. Việc Phan Đình Phùng

Từ năm Kỷ Sửu (1889) là năm Thành Thái nguyên niên cho đến năm Quý Tỵ (1893) là năm Thành Thái ngũ niên, đất Trung Kỳ không có việc gì quan hệ lắm. Các quan cựu thần, người thì về thú, người thì ẩn nấp ở chỗ sơn lâm. Riêng ông Phan Đình

---

(1) Nghĩa là giảng hòa với quân Pháp [BT].

(2) Hiện có nhiều giả thiết khác nhau xung quanh vấn đề này, nhiều ý kiến cho rằng thủ lĩnh Hoàng Hoa Thám đã sống ẩn dật những ngày cuối đời trong dân chúng và mất vì bệnh tật [BT].



Phùng thì về mở đồn điền ở Vũ Quang 武光 về phía Bắc huyện Hương Khê, thuộc tỉnh Hà Tĩnh, rồi cho người đi sang Tàu, sang Tiêm, học đúc súng đúc đạn, để đợi ngày khởi sự.

Ông Phan Đình Phùng 潘廷逢 người tỉnh Hà Tĩnh, thi đỗ Đình nguyên về đời vua Dục Tông, quan làm đến chức Ngự sử bị bọn quyền thần là Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết cách chức đuổi về. Sau ông ấy đứng đầu đảng văn thân để chống cự với quân Pháp. Ông không những là một người có tài văn chương mà thôi, mà lại là một nhà có thao lược, sửa sang quân lính có cơ ngũ, luyện tập tướng sĩ có kỷ luật, cho nên Đại úy Gosselin làm quyển sách *Empire d'Annam* có khen rằng: “Quan Đình nguyên Phan Đình Phùng có tài kinh doanh việc quân binh, biết luyện tập sĩ tốt theo phép Thái Tây, áo quần mặc một lối, và đeo súng kiểu 1874, những súng ấy là súng của người quan Đình nguyên đúc ra thật nhiều mà máy móc cũng hết như súng Pháp chỉ vì lòng súng không xẻ rãnh, cho nên đạn không đi xa được”.

Đến cuối trung tuần tháng 11 năm Quý Tỵ (1893), ông sai người đến vây nhà tên Trương Quang Ngọc ở làng Thanh Lang, huyện Tuyên Hóa, bắt tên Ngọc chém lấy đầu để báo thù về việc tên ấy làm sự phản ác. Từ đó quân của quan Đình nguyên vây vùng ở mạn Hương Khê, đảng văn thân cũ lại về tụ họp ở đấy.

Bấy giờ người Pháp không muốn dùng đại binh sợ náo động lòng người ở bên Pháp, cho nên chỉ sai quan đem lính tập đi đánh. Đánh từ cuối năm Quý Tỵ (1893) cho đến cuối năm Ất Mùi (1895) ngót 2 năm trời mà không dẹp yên được, quân lính chết hại cũng nhiều. Bên bảo hộ cũng đã tìm đủ mọi cách, như bảo Hoàng Cao Khải viết thư dụ Phan Đình Phùng về hàng cho xong cũng không được. Sau cùng triều đình ở Huế thấy việc dai dẳng mãi không yên, mới xin chính phủ bảo hộ để sai quan Tổng đốc Bình Định là Nguyễn Thân 阮紳 làm Khâm mạng tiết



chế quân vụ đem quân ra tiêu trừ. Ông Phan Đình Phùng lúc bấy giờ tuổi đã già, mà thể lực mỗi ngày một kém, lại phải nay ẩn chỗ này, mai chạy chỗ kia, thật là lao khổ vô cùng, bởi vậy khi Nguyễn Thân đem quân ra đến Hà Tĩnh, thì ông đã phải bệnh mất rồi. Nguyễn Thân sai người đuổi đánh, tìm thấy mả, đào lấy xác đem về xin người Pháp cho đem đốt lấy tro trộn với thuốc súng mà bắn đi. Có người nói rằng việc ấy tuy Nguyễn Thân trước định thế, nhưng sau lại cho đem chôn, vì muốn để làm cái tang chứng cho đảng phản đối với chính phủ bảo hộ là quan Đình nguyên đã mất rồi. Từ đó đảng văn thân tan vỡ; ai trốn đi mất thì thôi, ai ra thú thì phải về kinh chịu tội.

Nguyễn Thân về kinh được thăng làm Phụ chính thay cho ông Nguyễn Trọng Hợp về hưu.

## **9. Lòng yêu nước của người Việt Nam**

Người Việt Nam vì hoàn cảnh, vì tình thế bắt buộc phải im hơi lặng tiếng, nhưng lòng ái quốc mỗi ngày một nồng nàn, sự uất ức đau khổ mỗi ngày một tăng thêm. Cho nên cứ cách độ năm bảy năm lại có một cuộc phiến động, như sau việc Phan Đình Phùng rồi, có việc Kỳ Đồng và việc Thiên Bình vào khoảng 1897 - 1898 ở vùng Thái Bình, Hải Dương, Bắc Ninh, v.v... Vào quãng năm 1907 ở Hà Nội có việc Đông Kinh nghĩa thực. Lúc ấy có những người chí sĩ như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, người thì không sợ tù tội, đứng lên tố cáo sự tham nhũng của bọn quan lại, người thì ra ngoại quốc bốn ba khắp nơi để tìm cách giải phóng cho nước. Năm 1908, ở Trung Việt, vùng Nghệ Tĩnh và Nam Nghĩa có việc dân nổi lên kêu sư. Ở Hà Nội thì có việc đầu độc lính Pháp, rồi ở Thái Nguyên, Hoàng Hoa Thám lại nổi lên đánh phá.

Khi bên Âu châu có cuộc đại chiến thì bên ta lại có việc đánh phá ở Sơn La và Sầm Nứa và việc vua Duy Tân mưu sự độc lập, bị bắt đầy sang ở đảo Réunion. Thế là nước Việt Nam bấy giờ



có ba ông vua bị đày: vua Hàm Nghi đày sang xứ Algérie, vua Thành Thái và vua Duy Tân đày sang ở đảo Réunion.

Sau cuộc Âu chiến lần thứ nhất, có toán lính khố xanh nổi lên đánh Thái Nguyên do Đội Cấn, tức Trịnh Văn Cấn và ông Lương Ngọc Quyến làm đầu. Năm 1927, ở vùng Nghệ Tĩnh có cuộc phiến động gây ra bởi đảng Cộng sản do Nguyễn Ái Quốc cầm đầu. Đến năm 1930, ở Bắc Việt có cuộc cách mệnh của Quốc dân Đảng, có Nguyễn Thái Học điều khiển ở Yên Bái và các nơi. Năm 1940, ở Nam Việt có cuộc phiến động ở vùng Gia Định, Hóc Môn... Từ khi có cuộc đại chiến lần thứ hai, nước Pháp bại trận, bị nước Đức chiếm cứ, quân Nhật Bản ở bên Tàu sang đánh Lạng Sơn rồi ký hiệp ước với người Pháp cho người Nhật được đóng quân ở Đông Pháp. Đến ngày mồng 9 tháng 3 năm 1945, quân Nhật đánh quân Pháp và giao quyền nội trị lại cho vua Bảo Đại. Được mấy tháng thì quân Đồng Minh thắng trận, Nhật Bản đầu hàng. Đảng Việt Minh<sup>(1)</sup> dưới quyền lãnh đạo của Nguyễn Ái Quốc - đổi tên là Hồ Chí Minh - thừa cơ nổi lên cướp quyền, vua Bảo Đại phải thoái vị và nhường quyền cho đảng Việt Minh.

Đây chỉ nói qua cái đại lược một đoạn lịch sử của nước Việt Nam để dành về sau nhà làm sử sẽ tìm đủ tài liệu mà chép cho rõ ràng và phê bình cho chính đáng.

---

(1) *Việt Minh* 越盟 là tên gọi tắt một đảng cách mệnh gọi là *Việt Nam độc lập đồng minh* 越南獨立同盟 do Đảng Cộng sản lập ra khi còn ở bên Quảng Tây, bên Tàu, để tránh hai chữ Cộng sản cho người ta khỏi ngờ. [Tháng 10 năm 1940, tại Quế Lâm, Quảng Tây, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc lấy danh nghĩa Việt Nam Độc lập Vận động Đồng minh Hội, gọi tắt là Việt Minh, do Hồ Học Lãm, Nguyễn Hải Thần và một số chính trị gia khác thành lập, đồng thời mời ông Hồ Học Lãm đứng ra chủ trì để các đảng viên cộng sản Việt Nam tại Trung Quốc có thể hoạt động hợp pháp. Có lẽ ở đây tác giả nhầm Việt Nam Độc lập Vận động Đồng minh Hội với Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương sáng lập - BT].



## CHƯƠNG XVI

# CÔNG VIỆC CỦA BẢO HỘ



1. Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng thành đất nhượng địa

2. Việc kinh doanh ở các xứ bảo hộ

### TỔNG KẾT

## 1. Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng thành đất nhượng địa

Từ khi sự đánh dẹp ở các nơi đã yên rồi, các viên Tổng đốc toàn quyền lần lượt sang kinh doanh việc Đông Pháp và lo mở mang về đường chính trị, kinh tế và xã hội theo chính sách của nước Pháp.

Tháng ba năm Mậu Tý (1888) tức là năm Thành Thái nguyên niên, ông Richaud sang làm Tổng đốc toàn quyền. Tháng tám năm ấy, triều đình ở Huế ký giấy nhường hải cảng Đà Nẵng, thành thị Hà Nội và Hải Phòng cho nước Pháp để làm đất nhượng địa, nghĩa là từ đó việc cai trị và pháp luật ở ba thành thị ấy thuộc về nước Pháp, chứ không thuộc về nước Nam nữa. Trừ ba thành thị ấy ra, thì việc cai trị ở các tỉnh trong toàn hạt, bảo hộ vẫn để quan lại làm việc như cũ, nhưng phải do người Pháp điều khiển và kiểm duyệt.

## 2. Việc kinh doanh ở các xứ bảo hộ

Cuộc bảo hộ đã lập xong, người Việt Nam vì thế bất đắc dĩ phải chịu, nhưng phần nhiều người trong lòng còn mong khôi phục nước nhà, cho nên chính phủ bảo hộ một mặt thì lo việc phòng giữ, một mặt lo mở mang các công cuộc kiến thiết để gây

thêm mối lợi. Về đường phòng giữ, thì chính phủ lập ra những đội lính bảo an, lấy người bản xứ làm lính. Những lính ấy đội một thứ nón dẹt có giải xanh và mũi thắt lưng xanh, cho nên tục gọi là *lính khố xanh*. Lính ấy do người Pháp cai quản ở dưới quyền quan cai trị người Pháp, cho đi canh giữ các dinh thự, các công sở, và cho đi đóng đồn ở các nơi trong vùng thôn quê, để phòng giữ trộm cướp. Ở những nơi hiểm yếu thì có lính Pháp và lính khố đỏ đóng. *Lính khố đỏ* là một thứ bộ binh người bản xứ, cách ăn mặc cũng như lính khố xanh, chỉ khác là quai nón đỏ mà mũi thắt lưng đỏ. Những lính ấy có cơ, có đội do sĩ quan Pháp cai quản ở dưới quyền nhà binh Pháp. Khi có việc gì quan hệ thì đem lính Pháp và lính ấy ra đánh dẹp.

Về việc hành binh và việc thương mại, thì chính phủ bảo hộ trước hết phải lo sửa sang và mở mang thêm đường sá cho tiện sự giao thông. Vì rằng có đường thì khi hữu sự, việc đánh dẹp mới tiện lợi và việc buôn bán cũng nhân đó mà được dễ dàng. Bởi vậy thoạt đầu tiên chính phủ mở thương cục, lập xưởng làm tàu thủy chở hàng hóa và hành khách đi trong các sông ở trong xứ.

Năm Tân Mão (1891), ông De Lanessan sang làm Tổng đốc toàn quyền, mở đường xe lửa từ phủ Lạng Thương lên đến Lạng Sơn, đến năm Giáp Ngọ (1894), con đường ấy mới xong. Chủ đích là để cho tiện sự phòng giữ ở chỗ biên thù.

Chính phủ bảo hộ lại lo mở mang thêm bờ cõi về phía Lào. Nguyên đất Lào ngày trước vẫn thần phục nước Nam. Những nơi như Trấn Ninh, Cam Môn, Cam Cát, v.v... về đời vua Minh Mệnh đã lập thành phủ huyện và đặt quan cai trị cả. Nhưng về sau nước ta suy nhược lại có việc chiến tranh với nước Pháp, cho nên nước Tiêm La mới nhân dịp mà sang chiếm giữ lấy. Sau có người Pháp tên là Pavie sang dụ nước Lào nhận sự bảo hộ của nước Pháp, rồi đến đầu năm Quý Tỵ (1893), quân Pháp sang lấy lại những đất cũ thuộc về nước Nam ta trước. Bấy giờ





quân Tiêm La ở mạn Cam Môn giết mất một người quan binh Pháp, người Pháp bèn sai hải quân đem hai chiếc tàu chiến vào sông Mê Nam, lên đậu ở gần thành Băng Cốc (Bangkok). Ngày 24 tháng 8 năm ấy, nước Tiêm La phải ký hòa ước, nhường những đất Lào cho nước Pháp bảo hộ, hạn trong một tháng phải rút quân đóng ở bên tả ngạn sông Mê Kong về, lại phải bồi thường 2 triệu phật lạng, và phải trị tội những người dám chống cự với người Pháp.

Người Pháp lập phủ Thống sứ ở Vientiane để cai trị các địa hạt bên Lào.

Năm Ất Mùi (1895), viên Tổng đốc toàn quyền Rousseau sang thay ông De Lanessan, thấy còn nhiều nơi chưa yên bèn vay nước Pháp cho Bắc Kỳ 80 triệu phật lạng, để chi tiêu về việc đánh dẹp và việc mở mang.

Năm Đinh Dậu (1897), ông Doumer sang làm Tổng đốc toàn quyền, chỉnh đốn lại việc tài chính và việc chính trị. Lập ra sổ chi thu chung cả toàn cảnh Đông Pháp, định các thứ thuế: thuế đình, thuế điền, thuế thổ, thuế xuất cảng, nhập cảng, v.v... và cho người được độc quyền lĩnh trưng thuế rượu, thuế muối, thuế nha phiến. Bỏ nha Kinh lược ở Bắc Kỳ, giao quyền lại cho viên Thống sứ (tháng 6 năm Đinh Dậu 1897)<sup>(1)</sup>, vay nước Pháp 200 triệu phật lạng, để mở đường hỏa xa trong xứ Đông Pháp và mở mang thêm việc canh nông và việc công nghệ.

Năm Nhâm Dần (1902) ông Doumer về Pháp, ông Beau sang làm Tổng đốc toàn quyền. Ông Beau chủ việc khai hóa dân trí, lo mở mang sự học hành và đặt ra Y tế cục, làm nhà bệnh viện, để cứu giúp những kẻ yếu đau nghèo khổ. Ấy là những công việc làm của chính phủ bảo hộ vậy.

---

(1) Có một điều rất kỳ, là viên Thống sứ Bắc Kỳ là người đại biểu chính phủ bảo hộ mà lại kiêm chức Kinh lược sứ là một chức quan của triều đình ở Huế.



## TỔNG KẾT

Sách *Việt Nam sử lược* này chép đến đây hãy tạm ngừng, để sau có tài liệu đầy đủ và các việc biến đổi ở nước Việt Nam này được rõ rệt hơn, sẽ làm tiếp thêm<sup>(1)</sup>.

Việc chép lịch sử cũng như việc dệt vải dệt lụa, dệt xong tấm nào mới biết tấm ấy tốt hay xấu, còn tấm đang dệt, chưa biết thế nào mà nói được.

Ta chỉ biết rằng các dây sợi dệt tấm Nam sử này còn dài, người dệt tuy phải lúc đau yếu, bỏ ngừng công việc, nhưng còn mong có ngày khỏe mạnh lại dệt thêm, có lẽ lại dệt được tốt đẹp hơn, cũng chưa biết chừng.

Vận mệnh nước Việt Nam hiện nay còn ở trong tay người Pháp, sự hay dở tương lai chưa biết ra thế nào? Song người bản quốc phải biết rằng phạm sự sinh tồn tiến hóa của một nước, là ở cái chí nguyện, sự nhẫn nại và sự cố gắng của người trong nước. Vậy ta phải hết sức mà học tập, mà giữ cái tâm chí cho bền vững thì chắc tương lai còn có nhiều điều hy vọng. Nước Việt Nam ta đã có cái văn hóa chẳng thua kém gì ai, và lại có một lịch sử vẻ vang, nếu ta biết lợi dụng cái tiềm lực cố hữu và cái tính thông minh hiếu học của ta để theo thời mà tiến hóa, thì sao ta lại không có ngày nổi được cái chí của ông cha mà dệt thêm một đoạn lịch sử mỹ lệ hơn trước?

Có một điều thiết tưởng nên nhắc lại là ta nên giữ lấy những điều hay của ta vẫn có, bỏ những điều hủ bại đi, và bắt

---

(1) Trước tôi đã dự bị viết một quyển sử nối theo sách này. Tôi đã thu nhặt được rất nhiều tài liệu. Chẳng may đến cuối năm Bính Tuất (1946) có cuộc chiến tranh ở Hà Nội, nhà tôi bị đốt cháy, sách vở mất sạch, thành ra đành phải bỏ quyển sử ấy không làm được nữa.

chước lấy những điều hay của người, để gây lấy cái nhân cách đặc biệt của dân tộc ta và cùng tiến với người mà không lẫn với người. Muốn được như thế, ta phải biết phân biệt cái hay cái dở, không ham muốn những cái huyền ảo bề ngoài, rồi đồng tâm hiệp lực với nhau mà làm mọi việc cho thành cái hiệu quả mỹ mãn.

Nước nào cũng có lúc bĩ lúc thái, đó là cái công lệ tuần hoàn của tạo hóa trong thế gian. Tự xưa chưa thấy có nước nào cứ thịnh mãi hay cứ suy mãi. Khi lâm vào cảnh bĩ mà người trong nước cứ vững lòng giữ được cái nghị lực để sinh tồn và tiến hóa, thì rồi thế nào cũng có ngày chấn khởi lên được. Vậy chúng ta đây đều là một dòng dõi nhà Hồng Lạc, nếu ta biết kiên tâm bền chí, thì há lại không có một ngày ta có cái địa vị vẻ vang với thiên hạ hay sao? Sự ước ao mong mỏi như thế là cái nghĩa vụ chung cả chủng loại Việt Nam ta vậy.



## NIÊN BIỂU

Năm (Theo Tây lịch)	Nước Nam (Các đời vua và những sự biến cố trong nước)	Nước Tàu	Nước Pháp
2879 - 258 tr. Tây lịch kỷ nguyên	Họ Hồng Bàng	Phục Hy thị (4480 - 4365 tr. Tây lịch kỷ nguyên). Họ Phục Hy truyền được 15 đời, cộng là 1.260 năm.  Thần Nông thị (3220 - 3080). Họ Thần Nông truyền được 8 đời, cộng là 520 năm.  Hiên Viên thị Hoàng Đế (2700 - 2600). Họ Hiên Viên truyền được 5 đời, cộng là 341 năm mới đến vua Đế Nghiêu.  Đào Đường thị Đế Nghiêu (2359 - 2259).  Hữu Ngu thị Đế Thuấn (2256 - 2208); Hạ (2205 - 1766), Thương (1766 - 1122), Chu (1122 - 256).	
257 - 207	Nhà Thục	Tấn (221 - 206)	
207 - 111	Nhà Triệu	Tây Hán (202 tr. Tây lịch - 8 sau Tây lịch). Tây Hán.	
111 tr. Tây lịch - 39 sau Tây lịch	Bắc thuộc lần thứ nhất	Tân, Vương Mãng (9 - 23)	Tướng Jules César bình định đất Gaule (57 - 51 tr. Tây lịch).
40 - 43	Trung Nữ Vương	Đông Hán (25 - 220)	
43 - 544	Bắc thuộc lần thứ hai	Đông Hán	La Mã đế quốc Auguste xưng đế (30 - 14 tr. Tây lịch)
187 - 226	Sĩ Nhiếp		
248	Bà Triệu	Tam Quốc, Đông Ngô (222 - 265)	
399 - 413	Giặc Lâm Ấp	Tấn (265-420). Nam Bắc triều: Tống (420 - 447)	Quân Bắc Địch (Barbares) chiếm giữ đất Gaule (406 sau Tây lịch)



544 - 602	Nhà Tiền Lý	Tế (479 - 501) Lương (502 - 556) Trần (557 - 587)	Họ Mérovingiens (481 - 752) Clovis I xưng vương ở nước Pháp (481 - 511)
544 <sup>(1)</sup>	Tiền Lý Nam Đế		
549	Triệu Việt Vương		
571	Hậu Lý Nam Đế		
602 - 939	Bắc thuộc lần thứ ba	Tùy (589 - 617)	Họ Carolingiens (752 - 987)
722	Mai Hắc Đế	Đường (618 - 907)	Pépin le Bref (752 - 768)
791	Bố Cái Đại Vương	Đường Thái Tông (627 - 650)	Charlemagne (768 - 814)
862	Giặc Nam Chiếu - Cao Biền	Đường Huyền Tông (713 - 756)	
906 - 923	Họ Khúc	Ngũ Quý (907 - 959)	Chư hầu phân tranh từ thế kỷ thứ IX đến thế kỷ thứ XIV mới suy
939 - 944	Nhà Ngô		
945 - 967	Thập nhị sứ quân	Tống (960 - 1278)	
968 - 980	Nhà Đinh	Tống Thái Tổ (960 - 975)	
981 - 1009	Nhà Tiền Lê		Họ Capétiens (987 - 1328)
1010 - 1225	Nhà Lý		Hugues Capet (987 - 996)
1010	Lý Thái Tổ lên ngôi và dời đô ra Thăng Long		Louis VI (1108 - 1137)
1048	Giặc Nông Trí Cao <sup>(2)</sup>		
1069	Vua nhà Lý lấy đất Chiêm Thành mở ra đất Quảng Bình, Quảng Trị		
1073	Lý Thường Kiệt đánh Tàu	Tống Thần Tông (1068 - 1085)	Philippe Auguste (1180 - 1223)
1225 - 1400	Nhà Trần		Saint Louis (1226 - 1270)
1225	Trần Thái Tông lên ngôi		
1257	Quân Mông Cổ đánh Vân Nam tràn sang nước Nam		
1284	Thoát Hoan đánh nước Nam lần thứ nhất	Nguyên (1280 - 1341)	Philippe le Bel (1285 - 1314)
1287	Thoát Hoan đánh nước Nam lần thứ hai	Nguyên Thế Tổ (1280 - 1294)	Mở quốc hội để giảm quyền chư hầu (1302)
1306	Vua Chiêm Thành dâng đất Thừa Thiên	Minh (1368 - 1628)	Họ Capétiens, chi Valois (1328 - 1589)



1383	Vua Chế Bồng Nga đánh kinh thành Thăng Long	Minh Thái Tổ (1368 - 1398)	Cuộc chiến tranh một trăm năm (1338 - 1453)
1396	Hồ Quý Ly dời đô vào Tây Đô		
1400 - 1407	Nhà Hồ		
1400	Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần		
1402	Nhà Hồ lấy đất Chiêm Thành mở ra đất Quảng Nam, Quảng Nghĩa	Minh Thành Tổ (1403-1424)	Charles VII (1422 - 1461)
1406	Nhà Minh đánh nhà Hồ		
1407 - 1427	Thuộc nhà Minh		
1408	Nhà Hậu Trần dấy binh đánh quân Minh		
1418 - 1427	Lê Lợi khởi nghĩa		Jeanne d'Arc cứu chúa (1429 - 1431)
1427 - 1527	Nhà Lê	Minh Nhân Tông (1425 - 1426)	Louis XI (1461 - 1483) Louis XII (1498 - 1515)
1428	Lê Thái Tổ lên ngôi	Minh Tuyên Tông (1426 - 1436)	
1470	Lê Thánh Tông đánh Chiêm Thành lấy đất Bình Định		
1527 - 1592	Nhà Mạc	Minh Thế Tông (1522 - 1566)	Francois I (1515 - 1517)
1527	Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê		
1532 - 1788	Nhà Lê Trung hưng		
1532	Nguyễn Kim lập vua Lê ở Ai Lao		
1543	Nguyễn Kim khôi phục đất Nghệ An và Thanh Hóa lập ra Lê Nam triều.		Họ Capétiens, chi Bourbons (1589 - 1792)
1545	Trịnh Kiểm giữ binh quyền		
1558	Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa		
1592	Trịnh Tùng dứt nhà Mạc, khôi phục kinh thành Thăng Long		
1611	Nguyễn Hoàng đánh Chiêm Thành lấy đất Phú Yên		Louis XIII (1610 - 1643) Louis XIV (1643 - 1715)

1627 - 1672	Chúa Trịnh và chúa Nguyễn đánh nhau ở Quảng Bình và Hà Tĩnh	Thanh (1644 - 1911) Thanh Thế Tổ (Thuận Trị) (1644 - 1661)	
1692	Chúa Nguyễn lấy hết đất Chiêm Thành vào đến Bình Thuận	Thanh Thánh Tổ (Khang Hy) (1644 - 1722)	
1698 - 1757	Chúa Nguyễn lấy đất Cao Miên lập ra sáu tỉnh Nam Việt	Thanh Thế Tông (Ung Chính) 1723 - 1735) Thanh Cao Tông (Cần Long) (1736 - 1795)	Louis XV (1715 - 1774)
1771	Nguyễn Nhạc khởi binh đánh chúa Nguyễn ở Quy Nhơn		Louis XVI (1774 - 1793)
1775	Chúa Trịnh sai Hoàng Ngũ Phúc vào lấy thành Phú Xuân và đất Quảng Nam. Chúa Nguyễn chạy vào Gia Định		
1776	Anh em ông Nguyễn Nhạc đánh lấy đất Gia Định		
1778	Nguyễn Nhạc xưng đế ở Quy Nhơn		
1780	Nguyễn Phúc Ánh xưng vương ở Nam Việt		
1782	Loạn kiêu binh ở kinh thành Thăng Long		
1783	Nguyễn Vương nhờ ông Bá Đa Lộc đem Hoàng tử Cảnh về Pháp cầu cứu		
1784	Nguyễn Huệ phá quân Tiêm La ở đất Gia Định		
1786	Nguyễn Huệ lấy thành Phú Xuân rồi ra Bắc Hà dứt họ Trịnh		
1787	Vũ Văn Nhậm đánh Bắc Hà. Nhà Lê mất ngôi.		
1788	Nguyễn Vương ở Tiêm La về khôi phục Gia Định		
1788 - 1802	Nhà Nguyễn Tây Sơn		



1789	Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế rồi ra phá quân Thanh ở Thăng Long	Thanh Nhân Tông (Gia Khánh) (1796 - 1820)	Cuộc đại Cách mệnh (1789). Dân quốc cộng hòa lần thứ nhất (1792 - 1804).
1792	Vua Quang Trung mất		
1799	Nguyễn Vương khôi phục thành Quy Nhơn		
1801	Nguyễn Vương khôi phục thành Phú Xuân.		
1802 - 1945	Nhà Nguyễn		
1802	Nguyễn Thế Tổ (Gia Long) lên ngôi rồi ra đánh lấy Bắc Hà		Đế Quốc lần thứ nhất (1804 - 1814). Nã Phá Luân I xưng đế (1804)
1819	Nguyễn Thế Tổ mất		
1820	Nguyễn Thánh Tổ (Minh Mệnh) lên ngôi	Thanh Tuyên Tông (Đạo Quang) (1821 - 1851)	Họ Capétiens, chi Bourbons trung hưng (1814 - 1848)
1826	Giặc Phan Bá Vành ở Nam Định		Louis XVIII (1814 - 1824)
1833	Lê Duy Lương khởi binh ở Ninh Bình		Charles X (1824 - 1830)
	Lê Văn Khôi khởi nguy ở Gia Định		Cuộc cách mệnh lần thứ hai (1830) Louis Philippe (1830 - 1848)
	Nông Văn Vân dấy loạn ở Bắc Việt		
1834	Giặc Tiêm La		
1835	Lấy nước Cao Miên lập ra Trấn Tây thành.		
1840	Nguyễn Thánh Tổ mất		
1841	Nguyễn Hiến Tổ (Thiệu Trị) lên ngôi lập lại nước Cao Miên		
1847	Chiến thuyền của Pháp bắn vào các đồn ở Đà Nẵng. Nguyễn Hiến Tổ mất.		



1848	Nguyễn Dục Tông (Tự Đức) lên ngôi	Loạn Thái Bình Thiên Quốc (1849 - 1864) Thanh Văn Tông (Hàm Phong) (1851 - 1861)	Cuộc Cách mệnh lần thứ ba (1848) Dân quốc cộng hòa lần thứ hai (1848 - 1851). Đế quốc lần thứ hai (1851 - 1870). Nã Phá Luân III xưng đế (1851).
1858	Chiến thuyền của Pháp và của Y Pha Nho đánh Đà Nẵng		
1859	Quân Pháp đánh lấy Gia Định		
1861	Đồn Kỳ Hòa thất thủ		
1862	Hòa ước nhường ba tỉnh phía Đông Nam Việt	Thanh Mục Tông (Đồng Trị) (1862 - 1874)	
1864	Lập cuộc bảo hộ ở nước Cao Miên		
1867	Lấy ba tỉnh phía Tây Nam Việt. Phan Thanh Giản tự tận.		
1872	Đồ Phổ Nghĩa đem thuyền vào Hà Nội		
1873	Francis Garnier hạ thành Hà Nội. Nguyễn Tri Phương tử tiết.	Thanh Đức Tông (Quang Tự) 1875 - 1902)	Phổ Pháp chiến tranh (1870 - 1871)
1874	Hòa ước trả lại đất Bắc Việt		Dân quốc cộng hòa lần thứ ba (1870 - 1940)
1882	Henry Rivière hạ thành Hà Nội. Hoàng Diệu tử tiết.		
1883 - 1945	Cuộc bảo hộ của nước Pháp		
1883	Vua Dục Tông mất. Hòa ước nhận cuộc bảo hộ.		
1884	Hòa ước Patenôtre định các thể lệ bảo hộ.		
1885	Tôn Thất Thuyết đánh phủ Khâm sứ ở Huế		
1888	Vua Hàm Nghi bị bắt		
1893	Phan Đình Phùng khởi sự ở Hà Tĩnh		

(1) Sách gốc ghi là năm 554, ở đây chúng tôi đã sửa lại [BT].

(2) Cũng gọi là Nùng Trí Cao [BT].



## BẢNG CHỈ MỤC

### A

A Bát Xích 164, 167, 168,  
172

A Lý 152

A Loa Đà 139

A Mĩ Lệ Gia 357

A Nỗ 514, 515

A Nùng 108

A Phi Lệ Gia 378

Ai Lao 16, 42, 108, 176,  
180, 184, 185, 186, 231,  
265, 304, 448, 449, 488,  
489, 509

Ái Châu 69, 80, 106, 468,  
469

Ái Tử 318, 372, 373

Ải Nữ Nhi 170, 172

Ải quan 151, 422

Algérie 623, 635, 628

An Dương Vương/Thục  
Vương Phán/Thục An  
Dương Vương 15, 28, 29,  
30, 31, 32, 39, 82

An Giang 457, 479, 508,  
511, 518, 519, 551, 552,  
554

An Hải 541

An Lạc 355W

An Nam 14, 323, 325, 338,  
339, 415, 418, 420, 421,  
435, 449, 390

*An Nam chí lược* 158

An Nam Đô hộ phủ 19, 69,  
74, 124

An Nam quốc 15, 124

An Nam Quốc vương 208,  
249, 313, 325, 338, 410,  
412, 418, 427 294

An Quốc Thiếu Quý 44

An Sinh Vương 134

An Trường 307, 331

An Viễn tướng quân 55

Angmey 510, 518

Anh Cát Lợi (Angleterre)  
376, 377, 467, 500, 501,  
512, 513, 527, 527, 559,  
578, 580

Anh Tế 43

Áo Lỗ Xích 167, 172

Áo Môn (Ma Cao) 376

Aubaret 550, 551

Aymonier 618

Ayouthia 370

Ấn Độ 60, 83, 86, 87, 88,  
375, 376, 377, 430, 434

Âu Cơ 23

Âu Châu 375, 376, 435, 627

Âu La Ba 139, 375, 377, 378,  
379

Âu Lạc 15, 28, 29, 30, 31, 32,  
39, 85

### B

Ba Đích 205, 207

Ba Điểm 175

Ba Lạt 548

Ba Luy 210, 245

Ba Thắc 392, 431, 432

Ba Thục 22, 28

Ba Việt (Vĩnh Long)

Bà La Môn 87

Bà Rịa 547

Bà Thấm 363

Bà Tranh 363

Bà Triệu 56

Bá Đa Lộc 391, 392, 393,  
428, 434, 435, 436, 443,  
467, 496

Bách Việt 23, 28, 29, 30

- Bạch Đằng giang 101, 159, 165, 170, 172  
 Bạch Hạc 66, 75, 94, 118, 192, 208, 210, 242, 355  
 Bạch Xuân Nguyên 493, 494, 497, 498  
 Bái Đáp Giang 385  
 Bái Tân 152  
 Bãi Sậy 614, 625  
 Baldinoti 379  
 Balquerie 467  
 Ban Lân (Biên Hòa) 365  
 Ban Siêu 88  
 Bàn Sơn 413  
 Bàn Thạch (Thanh Hóa) 422  
 Bàn Văn Nhị 560  
*Bản triều ngọc phả* 483  
 Bàng Hà 175  
 Bành Lợi Ký 564, 565  
 Bảo Đại 628  
 Bảo Hưng 152, 170, 227  
 Bảo Lộc 353, 406  
 Bảo Ninh Đại Vương 204  
 Bảo Quang (tháp) 132  
 Bạt Đạt Gia 207  
 Battambang 466  
 Bắc Bình Vương 405, 406, 411, 413, 429  
 Bắc Bộ Chính 329, 330, 335, 336, 359  
 Bắc Đạo 241, 342  
 Bắc Giang 134, 162, 163, 164, 197, 209, 212, 215, 236, 241, 245, 270  
 Bắc Hà 396, 398, 399, 402, 403, 404, 405, 406, 409, 423, 427, 428, 429, 439, 440, 441, 445, 447, 447, 455, 450, 644, 468, 469  
 Bắc Kỳ 468, 488, 489, 494, 498, 511, 528, 529, 539, 542, 547, 553, 554, 556, 556, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 569, 570, 574, 575, 576, 577, 578, 579, 580, 581, 582, 583, 584, 586  
 Bắc Kinh 141, 207, 246, 338, 578, 600, 601  
 Bắc Lệ 600, 601, 603  
 Bắc Liêu 115  
 Bắc Ninh 23, 25, 94, 105, 113, 118, 133, 159, 161, 242, 265, 412, 547, 554, 555, 556, 560, 563, 585, 586, 588, 591, 592, 594, 595, 627  
 Bắc Thành 423, 427, 455, 457, 458, 459, 460, 461, 462, 464, 470, 479, 484, 485, 486, 490, 504  
 Bắc triều 52, 61, 62, 77, 88, 100, 290, 301, 305, 348  
 Băng Cốc (Bangkok) 631  
 Bất Bạt 595  
 Beau 631  
 Berger 602  
 Berthe de Villers 585  
 Bế Nguyễn Cung 419  
 Bế Nguyễn Doãn 419  
 Bến Trà 388  
 Bi Sơn 325  
 Bì La Cáp 72  
 Bichot 593  
 Biên Hòa 364, 365, 366, 367, 387, 430, 431, 457, 458, 515, 539, 542, 545, 546, 547, 548, 551  
*Binh thư yếu lược* 153, 156  
 Bihourd 617  
 Bình Định 193, 228, 326, 411, 428, , 443, 444, 457, 486, 491, 528, 553, 613, 618, 626  
 Bình Định Vương 228, 229, 230, 231, 232, 233, 234, 236, 237, 238, 240, 241, 242, 243, 244, 245, 246, 247, 249, 250  
 Bình Hòa trấn 457  
 Bình Lỗ 156, 179, 266

- Bình Lục 311  
*Bình Ngô đại cáo* 250, 252  
 Bình Tây sát tả 574  
 Bình Than 150, 151, 211, 218, 219, 254, 258  
 Bình Thuận 296, 364, 384, 386, 389, 436, 437, 438, 457, 458, 460, 462, 486, 500, 553, 591, 597, 612, 613, 618  
 Bình Văn 24  
 Bình Vương 78, 92  
 Bonard 539, 547, 548, 556  
 Bouet 586  
 Bougainville 513  
 Boulanger 622  
 Bourayne 563  
 Bourdais 546  
 Bô Cô 214, 217  
 Bồ chính 24  
 Bồ Đào Nha (Portugal) 375, 376, 377, 430  
 Bồ Đề 189, 228, 242, 266, 283, 284, 286, 354  
 Bồ Điền 57, 207  
 Bồ Kiên 167  
 Bồ Cái Đại Vương 67, 70, 71  
 Bồ Chính (châu) 113, 120, 215, 226, 236, 243, 249, 262, 362, 384, 479, 493, 555, 565  
 Bồ Gia La 139  
 Bôn Ma 372  
 Brière de l'Isle 594  
 Brionval 590  
 Bùi Ân Niên 577, 583, 585  
 Bùi Bị 236, 240  
 Bùi Công Thắng 329  
 Bùi Dị 577  
 Bùi Đắc Tuyên 426, 427, 439, 440  
 Bùi Đắc Trụ 440  
 Bùi Điền 618  
 Bùi Huy Bích 396  
 Bùi Huy Phan 557  
 Bùi Mậu Tiên 484  
 Bùi Nguyên Dụ 73  
 Bùi Sĩ Lương 332  
 Bùi Thế Dân 399  
 Bùi Thế Đạt 351, 357, 387, 397  
 Bùi Thế Toại 399  
 Bùi Thị Xuân 447  
 Bùi Ứng Đẩu 216  
 Bùi Văn Khuê 310, 311, 319, 321  
**C**  
 Cai Kinh 625  
 Cai tổng Vàng 457, 555, 556  
 Cam Cát 230, 508, 510, 630  
 Cam Lộ 446, 507, 508, 510, 607  
 Cam Môn 230, 508, 510, 630, 631  
 Càn Đức 113, 114, 130  
 Càn Long 411, 412, 416, 418, 420  
 Cảnh giáo 379,  
 Cảnh Thịnh 408, 427, 438, 439, 440, 442, 443, 444, 447  
 Cao Bá Quát 554, 555  
 Cao Bằng 23, 119, 292, 294, 295, 301, 312, 314, 316, 317, 321, 322, 323, 326, 336, 338, 339, 340, 412, 457, 458, 491, 492, 494, 556, 558, 560, 596, 600  
 Cao Biền 67, 74, 75, 76  
 Cao Bộ 239  
 Cao Chính Bình 71  
 Cao Miên 16, 431, 519, 539, 545, 549, 550, 551, 617  
 Cao Tầm 76  
 Cao Vọng 212  
 Cao Vương 76  
 Caspard 610  
 Cát Bà 557  
 Cát Hồng 86

- Catinat 540  
 Cẩm Bành 234  
 Cẩm Giang (huyện) 312, 354  
 Cẩm Giang Vương 283, 284  
 Cẩm Khê 95  
 Cẩm La 330  
 Cẩm Lệ 541  
 Cẩm Quý 235  
 Cẩn Bột 369  
 Cẩn Chính 455, 476, 523  
 Cẩn Giờ 390, 430, 437, 542  
 Cầu Giấy 569, 586  
 Cécile 520  
 Chà Mạc 621  
 Chà Và 17, 366, 376  
 Chaigneau (Nguyễn Văn Thẳng) 436, 468, 512, 513  
 Chánh Mông 589, 598, 599, 613  
 Charbonnier 539  
 Charles Thomson 585  
 Charner 544, 545, 547, 555  
 Chân Giáo (chùa) 129, 132  
 Chân Lạp 19, 60, 70, 106, 118, 122, 185, 297, 298, 359, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 382, 389, 390, 456, 465, 466, 488, 489, 498, 506, 507, 508, 509, 510, 511, 517, 518, 519, 550, 554  
 Chất Sĩ Đa 392  
 Chất Tri (Chakkri) 390, 519  
 Châu Ái 417  
 Châu Cầu 405  
 Châu Chấu (giặc) 553, 554  
 Châu Diên 23, 49, 64  
 Châu Đốc 369, 508  
 Châu Đốc Đạo 369  
 Châu Hoa 207  
 Châu Hoan 72  
 Châu Khâm 117, 119, 166, 167, 179  
 Châu Liêm 117, 119, 166, 167, 179, 365  
 Châu Nghĩa 207  
 Châu Nhai 46, 331, 332, 333  
 Châu Ô 181, 387  
 Châu Ri 181, 387  
 Châu Tư Lang 119  
 Châu Tư Minh 164, 167, 168, 172  
 Châu Thăng 207  
 Châu Văn Tiếp 391, 392  
 Chế A Nan 189  
 Chế Bồng Nga 183, 190, 191, 192, 193, 194, 197, 198, 199  
 Chế Củ 113, 120  
 Chế Chí 181, 182  
 Chế Đà A Bà 181  
 Chế Ma Na 120  
 Chế Mân 181  
 Chế Mộ 189  
 Chế Năng 182  
 Chi Châu 69  
 Chi La 218  
 Chi Lăng 101, 152, 209, 228, 224, 246, 254, 258, 260  
 Chí Linh 168, 188, 211, 225, 228, 230, 233, 252, 265  
 Chiêm Động 190, 207  
 Chiêm Nhĩ 46  
 Chiêm Thành 19, 22, 60, 72, 181, 182, 183, 185, 187, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 196, 197, 198, 199, 203, 204, 205, 207, 222, 259, 265, 266, 270, 276, 277, 293, 294, 296, 359, 363, 364, 368, 370, 373, 382, 388  
 Chiêu Đế 199  
 Chiêu Định Vương 196  
 Chiêu Đốc 371  
 Chiêu Linh Thái hậu 125  
 Chiêu Nội 507, 509  
 Chiêu Sương 392



Chiêu Tăng 392

Chiêu Thánh 108, 129, 130,  
133

Chiêu Thúy 371

Chiêu Xỉ Khang 371

Chợ Chu 625

Chu Cổ Đạo 75

Chu Công 24, 33, 112, 199

Chu Công Đán 24

Chu Kiệt 235

Chu Năng 119

Chu Nguyên Chương 189

Chu Phúc Minh 541

Chu Thành Vương 24, 199

Chu Văn An 182, 188

Chúa Hiền 294, 295, 296,  
330, 334, 336, 363, 365,  
373, 380Chúa Sãi 293, 294, 325, 326,  
327, 328, 329, 359, 361,  
373, 376, 379Chúa Trịnh 293, 299, 316,  
328, 354, 364, 368, 373,  
377, 379, 380, 383, 384,  
386, 387, 388, 394, 400

Chúc Động 239

Chung Xá 442

Chư Cát Địa 72

Chương Dương Độ 147, 161

Cléopâtre 512

Constant 617

Constantin 370, 387

Constantin Phaulcon 370

Coronnat 595

Courbet 586, 589, 590, 593,  
594, 601, 606

Courson de la Ville Héliio 512

Courtin 582

Cổ Lãm 238

Cổ Lâu 208

Cổ Loa 29, 31, 92, 576

Cổ Lộng 217

Cổ Luy 189, 207

Cổ Pháp 105, 191, 208

Cổ Sở 238, 239

Cổ Du (P. Marchand) 496

*Cổ sự biên lục* 377Côn Lôn 71, 109, 117, 377,  
391, 392, 434, 467, 483,  
593, 613

Côn Lôn quan 117

Côn Man 368

Cơ Ngọc 172, 173

Cù Thị 43

Cung Định Vương 190

Cung Tĩnh Vương 190

Cung Túc Vương 190

Cung Văn Hy 483

Cửa Thuận An 446, 547, 588,  
589, 590, 608Cửu Chân 15, 23, 46, 47, 48,  
49, 50, 55, 56, 57, 60, 61,  
62, 65, 192

Cửu Đức 24, 65

Cửu Loan 302

Cybèle 467

**D**

Dabat 623

D'Arhaud 563

D'Ariès 544

Dayot 436

D'Estrées 570

Dã Năng 65

Dã Tượng 152

Dạ Trạch 64

Dạ Trạch Vương 65

De Conway 435, 436

De Courcy 605

De Champeaux 590, 591,  
608, 612, 613

De Chasseloup Laubat 551

De Forcant 398

De Kergarion 467

De la Grandière 548, 549,  
550, 551, 552, 562

De Lanessan 630, 631

De Lorme 618

De Montmorin 434

De Négrier 594, 595, 601,  
602, 603, 604, 605, 612

Decrès 570

Defoy 602

Despiau 467

Détring 596

Di Luân 192

Diaz 539

Diego Adverte 379

Diên Hồng 151

Diên Khánh 294, 363, 386,  
389, 437, 438, 439, 440,  
441, 445Diễn Châu 69, 106, 120,  
192, 215, 217, 235, 242,  
449, 575

Diễn Châu lộ 192, 202

Diễn Điện 278, 324, 371,  
429, 499, 500, 501

Do Thái (Juifs) 378

Doãn Uẩn 511, 517, 519

Dominé 604

Donnier 602

Doudart de Lagrée 550, 562

Doumer 631

Duchesne 595, 602

Dugenne 600, 601

Dujardin 579

Dupré (Thiếu tướng) 543,  
565, 566, 569, 571, 573

Dupré Déroulède 543

Duy Hội 296, 336

Duy Kỳ 293, 322, 403, 419

Duy Tân 293, 321, 627, 628

Duy Vũ 295, 336

Dư Tinh 109

Dực Thánh Vương 107, 130

Dương Anh Nhị 122

Dương Bộc 44, 46

Dương Bột 208

Dương Cát Lợi 93

Dương Chấn Nhất 304, 305

Dương Chu 36

Dương Diên Nghệ 67, 79,  
80, 92, 96

Dương Hậu 41

Dương Hồ 332

Dương Kiên 503

Dương Khuông 190

Dương Ngạn Địch 365, 366

Dương Nhật Lễ 187, 190

Dương Phiêu 64

Dương Sàn 65

Dương Tam Kha 92, 93

Dương Tập 75

Dương Tú Thanh 559

Dương Tuyển 23

Dương Tư Húc 70

Dương Tư Tấn 74, 75

Dương Tự Minh 123

Dương Thái hậu 98

Dương Trí 332

Dương Văn Nhã 494

Dưỡng Thiện 589, 592

**Đ**

Đa Bang 204, 208, 210

Đa Căng 234

Đa Lôi 235

Đà Giang 184, 190, 202,  
326, 405, 595

Đà Giang lộ 202

Đà Nẵng 380, 467, 468, 512,  
513, 519, 520, 528, 539,  
540, 541, 542, 543, 544,  
548, 615, 629

Đài Loan 600, 601, 606

Đái Lương 56

Đại An 66, 191, 193, 211,  
319, 321, 399

Đại Cổ Việt 15, 97, 124

Đại Hành Hoàng đế 100

Đại La 76, 105, 309



- Đại Lễ 73  
 Đại Lý 73, 110, 140  
 Đại Lịch quốc 108  
 Đại Mông 73  
 Đại Nam 109  
*Đại Nam chính biên liệt truyện*  
 13, 473, 496  
 Đại Nạn thiên sư 195  
 Đại Ngu 204  
 Đại Nguyên 389  
 Đại Tư mã Sở 414  
 Đại Thanh 324  
 Đại Việt 13, 15, 79, 111, 117,  
 124, 252, 260, 282, 350,  
 374, 483  
*Đại Việt sử* 142  
*Đại Việt sử ký* 13, 26, 224,  
 259, 275  
*Đại Việt thông giám* 259,  
 282, 350  
 Đại Vũ 32  
 Đàm Thận Xưởng 421  
 Đàm Trung 245  
 Đan Kỳ 172  
 Đàn Hòa Chi 62  
 Đào Cam Mộc 105  
 Đào Duy Từ 325, 326, 328  
 Đào Hoàng 57, 60  
 Đào Lang Vương 65  
 Đào Quang Nhiều 332, 333,  
 335  
 Đào Tôn Nguyên 119  
 Đào Tử Kỳ 175  
 Đào Trí 541, 556  
 Đào Văn Đích 189  
 Đảo Cổ Cốt 391, 393, 430  
 Đảo Mã Pha 246  
 Đảo Thổ Châu 393  
*Đạo Đức kinh* 86  
 Đạt lỗ Hoa xích 143, 144  
 Đăng Đạm 72  
 Đặng Dung 218, 219, 220,  
 221, 281  
 Đặng Đình Miễn 490  
 Đặng Hạnh 556  
 Đặng Như Mai 574  
 Đặng Nhưượng 47  
 Đặng Tất 216, 217, 218  
 Đặng Thị Huệ 299, 394, 395  
 Đặng Trần Chuyên 557  
 Đặng Trần Thường 441, 448,  
 455, 468, 469, 470  
 Đặng Văn Chân 393, 418,  
 429, 438  
 Đặng Vinh Ứng 498  
 Đèo Ngang 591, 597  
 Đế Hiến 187, 195, 196, 197  
 Đế Kiều 625  
 Đế Lai 23  
 Đế Minh 22  
 Dịch Thanh 109  
 Điều Điều 242  
 Đinh Bộ Lĩnh 95, 96, 97  
 Đinh Công Trịch 491  
 Đinh Công Trứ 96  
 Đinh Đạo 558  
 Đinh Diễm 99  
 Đinh Lễ 235, 236, 239, 240,  
 242, 243  
 Đinh Liễn 97, 99  
 Đinh Liệt 235, 245, 267  
 Đinh Lĩnh Dận 419  
 Đinh Nhạ Hành 419, 421  
 Đinh Phế Đế 96  
 Đinh Tích Nhưỡng 399, 406  
 Đinh Tiên Hoàng 96, 97, 99,  
 411, 275, 282, 290  
 Đinh Tuệ 98, 99, 100  
 Đinh Thế Đức 491  
 Đinh Văn Diễm 526  
 Đinh Văn Giai 353  
 Đinh Văn Tả 339  
 Đinh Tường 365, 388, 539,  
 545, 546, 548, 551  
 Đoàn Chí 50  
 Đoàn Danh Chấn 352



- Đoàn Hữu Ái 558  
 Đoàn Nguyễn Thục 356  
 Đoàn Nhữ Hài 177, 181, 182, 185, 186  
 Đoàn Tù Thiên 74  
 Đoàn Tư Trực 558  
 Đoàn Thọ 560  
 Đoàn Thượng 134  
 Đoàn Trung 558  
 Đô Dương 50  
 Đô đốc Muu 414  
 Đô đốc Tú 449  
 Đô đốc Tuyết 414  
 Đô Bàn 193, 207, 266, 277, 388  
 Đô Phổ Nghĩa 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 571, 586,  
 Đô Sơn 352, 557, 570  
 Đỗ Anh Vũ 121, 123, 124  
 Đỗ Thư 29  
 Đỗ Bí 236, 237, 238  
 Đỗ Cảnh Thạc 93, 94, 97  
 Đỗ Duy Trung 227  
 Đỗ Gia 234  
 Đỗ Lâm 352  
 Đỗ Lễ 68  
 Đỗ Mẫn 205, 207  
 Đỗ Mục 47  
 Đỗ Nhàn Trập 390  
 Đỗ Tôn Thành 72  
 Đỗ Tuệ Độ 61  
 Đỗ Tử Bình 189, 190, 192, 193, 194, 195  
 Đỗ Thái hậu 125  
 Đỗ Thanh Nhân 387, 389, 431, 465  
 Đỗ Thế Giai 353  
 Đỗ Thích 98  
 Đỗ Thiên Thứ 173  
 Đỗ Thủ Trùng 73  
 Đỗ Uông 311, 313  
 Đỗ Viện 61  
 Đỗ Yên Di 126  
 Đốc Ngự 625  
 Đốc Tít 625  
 Độ Gia 234  
 Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn) 628  
 Đồn Bảo Lạc 602  
 Đồn Chũ 602, 603, 604, 605  
 Đồn Đầm 602  
 Đồn Kép 602, 603, 605  
 Đồn Phùng 590, 591, 593  
 Đồn Thủy 444  
 Đông An Nam dinh 420  
 Đông Bộ Đầu 140  
 Đông Chinh Vương 107, 130  
 Đông Đạo 352, 421  
 Đông Đô 208, 211, 217, 228, 233, 236, 241, 242, 253, 256, 292, 306, 312, 313, 319, 323  
 Đông Hải bộ 323  
 Đông Hán 15, 47, 50, 52, 53, 54, 55, 60, 86, 88  
 Đông Kinh nghĩa thực 627  
 Đông Khẩu đạo 369  
 Đông Ngô 52, 55, 56, 60  
 Đông Pháp 628, 629, 631  
 Đông Phố 365, 366  
 Đông Quan 217, 225, 235, 236, 237, 238, 240, 241, 242, 243, 245, 247  
 Đông quân 276, 341  
 Đông Tấn 59, 60, 86, 88, 158  
 Đông Triều 134, 216, 225, 283, 312, 314, 352, 602, 625  
 Đồng Cả 622  
 Đồng Cổ (đền) 107  
 Đồng Hới 192, 328, 398, 448  
 Đồng Khánh 607, 613, 615, 616, 618, 619, 624  
 Đồng Nai (Biên Hòa) 16, 634, 366  
 Đồng Đa 379  
 Động Cổ Xung 303  
 Động Đình hồ 394



Động Kim Lạc 303

Động La Phù 303

Động Liễu Cát 303

Động Tê Phù 303

Đức Thắng Đường 554

Đường Cảnh Tùng 585, 591

Đường Đình Canh 577

Đường Lâm 71, 80, 94

Đường Ngột Ngại 154, 159

**E**

Echo 549

Empire d'Annam 626

Espérance 376, 513

Eugénie 540

Européen 549

**F**

Faure 435

Favin Lévêque 519

Forbin 547

Fournier 588, 596, 600

Francis Garnier (Ngạc Nhi)  
562, 565, 566, 567, 568,  
569, 570, 571, 574, 575**G**

Georges Vlavianos 586

Gò Công 431

Gosselin 14, 435, 566, 615,  
622, 623, 626

Guerrier 599

Gia Cát Lượng 125, 199, 326

Gia Định 14, 265, 296, 297,  
298, 299, 300, 365, 366,  
367, 368, 382, 385, 386,  
387, 388, 389, 390, 391,  
393, 405, 409, 420, 428,  
429, 430, 431, 432, 433,  
436, 437, 438, 439, 441,  
443, 445, 448, 449, 454,  
457, 458, 461, 465, 466,  
468, 470, 479, 483, 486,  
491, 493, 494, 495, 496,  
497, 499, 500, 502, 508,  
511, 513, 514, 519, 528,  
539, 542, 543, 544, 545,  
546, 547, 548, 549, 551,  
628*Gia Định thông chí* 483

Gia Hưng 236, 241

Gia Khánh 111, 422

Gia Lâm 157, 182, 225, 242,  
282, 285, 323, 554, 585Gia Long 15, 449, 454, 455,  
460, 461, 462, 473, 479,  
482Gia Lễ Tấn Lĩnh (Jérusalem)  
378

Gia Tĩnh 376

Gia Tô 378, 379, 380, 391

Giám mục Bình (Mgr Bohier)  
569

Giản Định Đế 214, 216

Giao Châu 15, 52, 54, 55,  
56, 57, 59, 60, 61, 62, 63,  
64, 66, 67, 68, 69, 71, 72,  
73, 74, 75, 76, 77, 78, 79,  
82, 83, 89, 116, 117, 124,  
158, 215, , 237Giao Chỉ 15, 18, 23, 24, 44,  
46, 47, 49, 50, 53, 54, 55,  
56, 57, 61, 97, 101, 106,  
119, 124, 216Giáp Tuất (hòa ước) 184,  
200, 380, 562, 571, 574,  
577, 580

Giặc Mường 134

Giặc Ninh Xá 338, 352

Giặc Nùng 104, 108, 110

Giặc Ngàn Già 338, 351

Giovanninelle 603

Giốc Gạch 585

Giubite (Jupiter) 378

**H**

Hà Công Thái 445

Hà Hỉ Văn 445

Hà Hoa 192

Hà Hối 414



- Hà Nội 23, 63, 69, 105, 108,  
 120, 225, 554, 555, 562,  
 563, 564, 565, 566, 567,  
 568, 569, 570, 571, 572,  
 574, 575, 577, 579, 582,  
 583, 584, 585, 586, 594,  
 599, 601, 604, 605, 608,  
 614, 616, 627, 629, 632  
 Hà Quyền 499  
 Hà Tiên 296, 366, 367, 368,  
 369, 371, 372, 374, 39,  
 430, 457, 462, 463, 498,  
 508, 551, 552  
 Hà Tĩnh 24, 64, 70, 194, 212,  
 218, 221, 326, 423, 458,  
 464, 479, 553, 475, 597,  
 614, 615, 616, 619, 620,  
 623, 626, 627, 628  
 Hà Thế Lộc 309  
 Hà Trung 307, 328, 330, 331,  
 332, 333, 337, 385, 449  
 Hà Văn Khai 577  
 Hà Man (động) 102  
 Hạ Dương 54  
 Hạ Hồng 218  
 Hạ Lang 119, 339  
 Hạ Môn 578  
 Hải Châu 541  
 Hải Dương 23, 78, 92, 134,  
 146, 151, 152, 158, 159,  
 160, 163, 168, 169, 177,  
 188, 211, 218, 270, 283,  
 285, 286, 287, 305, 306,  
 311, 314, 317, 322, 341,  
 342, 349, 351, 352, 406,  
 414, 457, 490, 457, 555,  
 556, 557, 561, 563, 567,  
 569, 571, 575, 579, 590,  
 593, 594, 625, 627  
 Hải Ninh 555, 557  
 Hải Phòng 169, 571, 572, 579,  
 583, 586, 589, 590, 629  
 Hải Triều 198  
 Hải Vân 325, 386, 397, 405  
 Haiti 613  
 Hàm Nghi 613, 615, 618,  
 619, 620, 621, 622, 623,  
 628, 588, 598, 599, 607,  
 608, 611, 612  
 Hàm Phong 578  
 Hàm Tử Quan 147, 159, 204,  
 212  
 Hàn An Quốc 43  
 Hàn Dũ 146  
 Hàn Phi 36  
 Hàn Quan 209  
*Hàn vương tôn phú* 470  
 Hàng Châu 120  
 Hán Bình Đế 47  
 Hán Cao Tổ 198  
 Hán Kiến Vũ 47  
 Hán Văn Đế 40, 42  
 Hạng Lang 98, 99  
 Hạng Vũ 198  
*Hạnh Thục ca* 13  
 Hào Vọng Giác (Cap de Bonne  
 Espérance) 376  
 Harmand 586, 589, 590,  
 591, 593, 596, 597  
 Hát Giang 50, 240, 311  
 Hát Môn 50  
 Hạt Lỗ 140  
 Hautefeuille 569  
 Hắc Bạch 207  
 Hắc Long Giang 139, 421  
 Hẩu Cảnh 65  
 Hẩu Lợi Trinh 529  
 Hẩu Nhân Bảo 101  
 Hậu Chủ 199  
 Hậu Lê 10, 290, 291, 301,  
 313, 347, 348, 350, 402,  
 407, 511, 530  
 Hậu Lý Nam Đế 63, 66  
 Hậu Ngô Vương 92, 93, 97  
 Hậu Trần 214, 216, 220, 221,  
 281  
 Henry Rivière 582, 583, 584,  
 585, 586  
 Henry Billet 619  
 Herbingier 605  
 Héroïne 519



- Hy Lạp (Grec) 370  
Hiệp Hòa 588, 589, 592  
Hoa Kỳ 469, 580  
Hoa Lư 95, 96, 97, 105  
*Hoa tiên* 464  
Hòa Lan (Hollande) 376, 377  
Hòa Thân 418, 419, 420, 421  
Hóa Châu 181, 190, 192, 214, 216, 219, 220, 266, 276  
Hóa Giang 171  
Hoài Hoan 23  
Hoan Châu 69, 70, 96, 106, 192  
Hoàn Vương Quốc 72  
Hoàng Cao Khải 625, 626  
Hoàng Công Chất 338, 351, 354, 356  
Hoàng Công Kỳ 327  
Hoàng Công Phụ 351  
Hoàng Công Tài 483  
Hoàng Công Toàn 356  
Hoàng Diệu 525, 583  
Hoàng Đình Ái 309, 311, 312, 313  
Hoàng Đình Bảo 384, 394, 395, 396  
Hoàng Đình Thế 357, 384, 385, 386, 397  
Hoàng Giang 197, 198, 211, 212, 231, 439  
Hoàng Hoa Thám 625, 627  
Hoàng Hữu Xứng 583  
Hoàng Ích Hiếu 420  
Hoàng Kế Viêm 561, 569, 576, 583, 586, 592, 595, 618, 619, 620  
Hoàng Kim Qua 352  
Hoàng Mai 243, 322, 354  
Hoàng Minh Khánh 433  
Hoàng Nghĩa Bá 351, 352  
Hoàng Nghĩa Giao 333, 334, 335  
Hoàng Nghĩa Hiền 123  
Hoàng Nghĩa Hồ 397  
Hoàng Ngũ Phúc 351, 352, 353, 354, 384, 385, 386, 387, 396, 397, 470  
Hoàng Phúc 215, 216, 222, 223, 234, 245, 246, 247, 249, 254, 258  
Hoàng Phùng Cơ 384, 386, 400  
Hoàng Phụng Thế 197  
Hoàng Quynh 499  
Hoàng Sùng Anh 560, 561, 576  
Hoàng Sư Mật 110  
Hoàng Tể 561  
Hoàng Tiến 365, 366  
Hoàng Tĩnh 577  
Hoàng tử Cảnh 391, 392, 428, 434, 435, 436, 467, 473  
Hoàng tử Thẩm 127  
Hoàng Thành 235  
Hoàng Văn Hòe 593  
Hoàng Văn Trạm 502  
*Hoàng Việt văn tuyển* 250  
Hoắc Quang 199  
Hoàng Tháo 80  
Hoành Sơn 317  
Hồ Bá Ôn 585  
Hồ Bắc 85  
Hồ Đổ 211  
Hồ Hán Thương 205, 207, 208, 209, 212, 213  
Hồ Hưng Dật 191  
Hồ Hữu 492  
Hồ Liêm 191  
Hồ Nam 22, 23, 29, 40, 166  
Hồ Ngụy Thức 212  
Hồ Nguyên Trừng 211, 212, 213  
Hồ Oai 559  
Hồ Ông 241  
Hồ Phi Phúc 241, 383  
Hồ Quảng 23, 151, 166

- Hồ Quý Ly 205, 208, 209, 211, 212, 213, 215, 383  
 Hồ Sĩ Dương 350  
 Hồ Tôn 22  
 Hồ Thiện 557  
 Hồ Văn Lân 389, 390, 465  
 Hồ Xạ 211  
 Hồ Xá 318, 384  
 Hồ Luân Bộ 323  
 Hội An (Faifo) 374, 376, 377, 385, 392, 434, 444, 511  
 Hồng Bàng 9, 15, 22, 24, 26, 27, 82, 275, 282  
 Hồng Bảo 558  
 Hồng Dật 589  
 Hồng Đức 10, 267, 275, 276, 279, 280, 340, 347, 349, 463  
 Hồng Giang (tàu) 563  
 Hồng Hà 16, 17, 50, 118, 136, 140, 157, 161, 168, 197, 209, 210, 211, 241, 311, 563, 564, 567, 572, 585, 594, 595, 604, 605  
 Hồng Lĩnh 332  
 Hồng Mao 305, 467  
 Hồng Nhậm 521  
 Hồng Phi 591  
 Hồng Tú Toàn 559  
 Hốt Tất Liệt 140, 144, 154, 175, 375  
 Hợp Phố 46, 49, 53, 55, 56, 57  
 Huế 376, 454, 496, 514, 515, 520, 541, 542, 544, 546, 547, 550, 552, 556, 561, 563, 565, 566, 572, 573, 577, 579, 580, 581, 582, 584, 585, 587, 588, 590, 591, 592, 596, 597, 598, 599, 607, 608, 609, 610, 611, 612, 614, 615, 616, 619, 620, 622, 624, 626, 629, 631  
 Huệ Sinh 88  
 Hung Nô 59, 87, 101  
 Hùng Lộc 363  
 Hùng Vương 23, 24, 25, 26, 29, 82  
 Huyền Trang 88  
 Huyền Trân công chúa 181  
 Hứa Thế Hanh 412  
 Hưng Đạo Vương 147, 150, 152, 153, 156, 157, 158, 159, 160, 162, 163, 164, 165, 166, 167, 168, 170, 171, 172, 174, 177, 178, 179, 180  
 Hưng Hiếu Vương Ủy 163  
 Hưng Hóa 23, 64, 140, 241, 266, 270, 271, 278, 306, 341, 347, 349, 356, 357, 445, 457, 458, 491, 588, 595, 605, 615, 625  
 Hưng Võ Vương Nghiễn 163  
 Hương Cảng 527, 563, 564, 578, 580  
 Hương Giang 444  
 Hương Lãm 70, 354  
 Hương Úc 369  
 I  
 Inêkhu 379  
 J  
 J, Silvestre 14, 496  
 Jamont 605  
 Japon (tàu) 549  
 Jauréguiberry 542  
 Jean de la Croix 376  
 Jean Rhodes 379  
 Jehovah 378  
 Jules Ferry 605  
 K  
 Kê Sặt 605  
 Kergaradec (Kê La Đích) 579  
 Kỳ Cấp 544, 545, 546  
 Kỳ La 212  
 Kỳ Ôn 242  
 Kỳ Tín 153, 231  
 Kiếm Châu 184



Kiên Thành 383

Kiến Đức 613

Kiến Phúc 588, 592, 598

Kiến Xương 96, 215, 236,  
241, 243, 490, 593

Kiêu binh 394

Kiểu Công Hãn 93, 94

Kiểu Công Tiện 67, 79, 80

Kiểu Thuận 94

Kim Anh 356

Kim Động 399

Kim Giải 420, 421

Kim Lạc 303

Kim Lăng 189, 195, 207, 215,  
216, 18, 223, 232, 559

Kim Long 373, 610

Kim Mã 347

Kim Quy 30

Kim Sa 278

Kim Thành 54, 92, 311, 322

Kinh Bắc 161, 270, 282, 412,  
457

Kinh Dương Vương 22, 161

Kinh kỳ 376, 395, 457, 477,  
557, 618

Kính Thiên 378

Krantz 573

Kha Luân Bồ (Christophe  
Colomb) 375

Khả Ly 152

Khả Lưu 234

Khách (giặc) 347, 386, 388

*Khai quốc công nghiệp diễn*  
chí 483

Khang Hy 338

Khánh Hòa 457, 553, 591

Khâm Châu 17, 225, 557

*Khâm định Việt sử* 13, 28,  
118, 379, 530

Khâu Hòa 68

Khiêm Cung 611

Khiêm Lăng 558, 607, 609,  
611

Khiết Đan 101

Khoan Triệt 159

Khôi Sách 233

Khổng Cấp 85

Khổng Minh 199

Khổng Tử 36, 83, 85, 87,  
112, 124, 463

Khu Liên 60

Khuất Liêu 64, 65

Khúc Hạo 67, 78, 79

Khúc Thừa Dụ 67, 78

Khúc Thừa Mỹ 67, 79

Khương Thái Công 349

**L**

La Bích 337, 367, 466

La Hà 398

La Hộc 370

La Kiên 510

La Mã (Romain) 375

La Paix (tàu) 467

La Sơn phu tử 423

La Thành 71, 75, 105

Lã Tống 362

Lạc Biên phủ 509

Lạc Dương 88

Lạc hầu 24, 47

Lạc Long Quân 22, 23

Lạc tướng 24, 47, 49

Lạc Thủy 230

Lại Thế Chiêu 357

Lam Giang 234, 330, 331,  
333, 334, 335, 337Lam Sơn 228, 229, 230, 233,  
253, 256, 288

Lãng Bạc 50

Lạng Giang 215, 236, 245,  
246, 254, 258, 411, 414,  
555, 576Lạng Sơn 23, 69, 101, 108,  
119, 124, 128, 150, 151,  
152, 156, 158, 168, 170,  
171, 202, 215, 254, 258,



- 267, 270, 271, 284, 306,  
 312, 314, 341, 347, 349,  
 352, 412, 416, 457, 458,  
 462, 463, 491, 492, 558,  
 560, 576, 595, 600, 602,  
 603, 604, 605, 628, 630  
 Lao Kay 561, 563, 582, 596,  
 600  
 Lào 17, 65, 90, 123, 145,  
 180, 181, 185, 186, 232,  
 233, 268, 276, 277, 279,  
 291, 473, 488, 489  
 Lão Tử 85, 86  
 Lapierre 520  
 Lâm Ấp 19, 52, 59, 60, 61,  
 62, 67, 68, 70, 71, 72, 364  
 Lâm Bình phủ 192  
 Lâm Duy Tiếp 517, 548  
 Lâm Hoành 577, 590  
 Lâm Sâm 518  
 Lâm Thao 605  
 Lập Bạo 318  
 Le Myre de Vilers 581, 582,  
 585  
 Lefebvre 519  
 Leheur de Ville sur Arc 540  
 Lê Anh Tông 292  
 Lê Anh Tuấn 350  
 Lê Bá Phẩm 464  
 Lê Bá Tú 503  
 Lê Bá Thận 575  
 Lê Bôi 237  
 Lê Cảnh 313  
 Lê Cát 577  
 Lê Cẩn 505  
 Lê Cập Đệ 307  
 Lê Công Uyên 301  
 Lê Cự 242  
 Lê Chất 442, 444, 446, 447,  
 449, 470, 473, 488, 496,  
 501, 503, 505  
 Lê Châu 339  
 Lê Chích 239  
 Lê Chiêu Thống 299, 403,  
 404, 405, 406, 407, 408,  
 410, 411, 412, 416, 419,  
 420, 421, 422  
 Lê Dĩnh 419  
 Lê Doãn 419, 614, 619  
 Lê Dụ 297, 380, 555  
 Lê Dục Đức 502  
 Lê Duy Án 419  
 Lê Duy Cận 406  
 Lê Duy Cự 554  
 Lê Duy Chúc 350, 356  
 Lê Duy Kỳ 419  
 Lê Duy Lương 488, 489, 490,  
 491  
 Lê Duy Mật 338, 350, 356, 357  
 Lê Duy Minh 555  
 Lê Duy Quy 350, 356  
 Lê Duy Thanh 504  
 Lê Đại Cương 510  
 Lê Đại Hành 100  
 Lê Đắc Lực 494  
 Lê Đăng Doanh 507  
 Lê Đế Duy Phương 297  
 Lê Đĩnh 527  
 Lê Đình Lý 541  
 Lê Đức Huy 247  
 Lê Đức Lộc 506  
 Lê Gia Tông 295  
 Lê Hành 231  
 Lê Hàn 420  
 Lê Hy 282, 296, 350, 377,  
 380  
 Lê Hiến 279, 333, 334, 335,  
 336, 337, 339  
 Lê Hiến Tông 299  
 Lê Hoa 245, 246, 254, 258  
 Lê Hòa 309  
 Lê Hoàn 97, 98, 99, 100, 103  
 Lê Huấn 191  
 Lê Huyền Tông 350  
 Lê Hữu Đức 330  
 Lê Kỳ 506  
 Lê Kính Tông 293



- Lê Khôi 246  
 Lê Khuyển 227  
 Lê Lai 231  
 Lê Lý 245  
 Lê Liễu 229  
 Lê Linh 245  
 Lê Long Đĩnh 100, 102, 105  
 Lê Long Việt 102, 103  
 Lê Lợi/Lê Thái Tổ 26, 213, 228, 229, 260, 275, 282, 411  
 Lê Lưu 313  
 Lê Mẫn Đế 299  
 Lê Mậu Cúc 490  
 Lê Mịch 128  
 Lê Mô Khải 619  
 Lê Mục 148  
 Lê Nỗ 236  
 Lê Ngã 231  
 Lê Ngân 236, 237, 267  
 Lê Nguyễn 243  
 Lê Phụ Trần 141, 168  
 Lê Phụng Hiếu 104, 107, 136  
 Lê Quang Cảnh 247  
 Lê Quang Định 433, 463, 464  
 Lê Quang Tiến 557  
 Lê Quốc Hưng 242  
 Lê Quý Đôn 350, 387  
 Lê Quý Ly 187, 191, 193, 194, 196, 197, 198, 199, 200, 203  
 Lê Quý Thích 420  
 Lê Quỳnh 405  
 Lê Sát 236, 242, 245, 246, 264, 267  
 Lê Sĩ 590, 332, 335, 337, 360, 361  
 Lê Tắc 158  
 Lê Tuấn 148  
 Lê Tuấn 288, 561, 563, 565, 566, 569, 571, 573, 577  
 Lê Tùng 420  
 Lê Thạch 229, 232  
 Lê Thái hậu 123  
 Lê Thận 237, 229, 232  
 Lê Thần Tông 293, 295, 379  
 Lê Thế Tông 292  
 Lê Thị Sai 505  
 Lê Thiều Dĩnh 247  
 Lê Thụ 242, 245, 266  
 Lê Thuần Tông 298  
 Lê Thức 420  
 Lê Thường 505  
 Lê Trang Tông 291  
 Lê Trần 233  
 Lê Trung 100, 102, 290, 340  
 Lê Trừ 292  
 Lê Trực 615, 619, 620, 621, 622, 624  
 Lê Văn An 237, 245  
 Lê Văn Câu 429, 432, 436, 437, 389  
 Lê Văn Duyệt 444, 446, 447, 449, 466, 469, 473, 488, 493, 494, 495, 496, 497, 499, 502, 503, 504, 505  
 Lê Văn Diễm 447, 585  
 Lê Văn Diễm 447  
 Lê Văn Đức 489, 492, 511, 517, 518  
 Lê Văn Hán 497, 503  
 Lê Văn Hiếu 329, 330, 331  
 Lê Văn Hưu 26, 51, 142, 224  
 Lê Văn Linh 237  
 Lê Văn Minh 432  
 Lê Văn Quân 389  
 Lê Văn Thanh 443  
 Lê Văn Thịnh 114, 119, 120  
 Lê Văn Thụy 508, 509  
 Lê Văn Trương 420  
 Lê Xuân 556  
 Lê Ý 298  
*Lịch triều hiến chương* 223, 241  
*Lịch triều hiến chương văn tịch chí* 223



- Liêm Châu 117  
 Liên Trì 541, 543  
 Liệt Tử 86  
*Liệt thánh thực lục tiền biên*  
 483  
 Liêu Tây 324  
 Liễu Thăng 212, 228, 244,  
 245, 246, 247, 254, 257,  
 260  
 Linh Đức Vương 197, 199  
 Linh Giang 291, 325, 326,  
 328, 330, 331, 336, 337,  
 384, 398, 446, 447, 448,  
 449  
 Linh mục Đấng 569  
 Linh Quỳnh 369  
 Lĩnh Nam 73, 74  
 Loa Thành 29, 30, 31  
 Long Biên 57, 63, 64, 65, 66  
 Long Cán 125, 130  
 Long Châu 209, 312, 314,  
 340, 411, 604  
 Long Độ đình hầu 55  
 Long Hưng 168, 173  
 Long Nữ 22  
 Long Xuyên 388, 389, 430  
 Long Xương 125, 130  
 Lorient 434  
 Louis Philippe 472, 515  
 Louis XIV 370, 472  
 Louis XVI 435  
 Louis XVIII 467, 512  
 Lô Giang 595, 604  
 Lô Bác Đức 44, 46, 82  
 Lỗ Vương 197  
 Lộc Châu 152, 172, 208  
 Lộc Dã 365, 432  
 Lộc Tục 22, 70, 202  
 Lôi Lạp 368  
 Lỗi Giang 212, 228, 231,  
 232, 238, 240  
*Luận ngữ diễn ca* 525  
 Lục Châu 69  
 Lục Dân 56, 57  
 Lục Giả 39, 40, 41, 83, 474  
 Lục Hải 23  
 Lục Hợp 56  
 Lục Nam 602, 603  
 Lục Thắng Đường 554  
 Lung Giang 240  
 Lư Sơn 228, 231, 233, 238  
 Lữ Đại 55, 56  
 Lữ Đường 94  
 Lữ Gia 44  
 Lữ Nghị 215, 216, 217  
 Lương Giang 197  
 Lương Hữu Khánh 305  
 Lương Minh 245, 246, 254,  
 258, 260  
 Lương Ngọc Quyến 628  
 Lương Nhữ Hốt 227, 234,  
 242  
 Lương Tam Kỳ 625  
 Lương Tăng 175  
 Lương Văn Lợi 560  
 Lưu Ẩn 78, 79  
 Lưu Bang 39  
 Lưu Bị 199  
 Lưu Cung 252, 255  
 Lưu Di 117  
 Lưu Dự 61  
 Lưu Khánh Đàm 122  
 Lưu Phúc Tường 445  
 Lưu Phương 66  
 Lưu Quốc Kiệt 175  
 Lưu Tín 494  
 Lưu Trùng 101  
 Lưu Vĩnh Phúc 560, 561,  
 560, 584, 586, 591, 602,  
 604  
 Lý An 121, 235, 253, 257  
 Lý Anh Tông 15, 123  
 Lý Bân 209, 227  
 Lý Bí/Lý Nam Đế 63, 64, 65,  
 66  
 Lý Bôn 62, 63



Lý Cao Tông 121, 125, 127, 199  
Lý Cẩm 52, 53, 54  
Lý Công Tín 123  
Lý Công Uẩn/Lý Thái Tổ 103, 105, 130  
Lý Chiêu Hoàng 26, 121, 129, 142  
Lý Duy Chu 74, 75  
Lý Dương Tài 576  
Lý Đại Quyền 66  
Lý Đạo Thành 104, 114  
Lý Giác 120  
Lý Hằng 159, 164, 166  
Lý Hộ 73  
Lý Hồng Chương 559, 596, 606  
Lý Hợp Thắng 556  
Lý Huệ Tông 121, 127, 132  
Lý Kỳ 249  
Lý Kính Tu 126  
Lý Khánh 245, 246, 254, 258  
Lý Khánh Văn 105  
Lý Khắc Chính 79  
Lý Khôi 35  
Lý Khuê 94  
Lý Lượng 239, 254, 257  
Lý Nguyên Cát 188  
Lý Nhân Nghĩa 107

Lý Nhân Tông 104, 113, 119  
Lý Phật Tử 65, 66  
Lý Phổ Đĩnh 66  
Lý Quán 164, 166  
Lý Tài 384, 386, 388  
Lý Thái Tông 104, 107  
Lý Thánh Tông 15, 104  
Lý Thần Tông 121, 122  
Lý Thiên Bảo 65  
Lý Thường Kiệt 117, 118, 120, 179  
Lý Tiến 52, 53, 54, 79  
Lý Tú Thành 324, 559  
Lý Tử Cầu 216  
Lý Tự Thành 324, 559  
Lý Trác 72  
Lý Triện 236, 237, 238, 239, 240, 242, 243  
Lý Ý 208, 209

## M

Ma Cao 362  
Ma Linh 113, 120  
Mã Anh 238, 249, 254, 255, 257, 258  
Mã Giang 212, 302, 307  
Mã Kỳ 227, 230, 238, 239, 240, 249, 255, 258  
Mã Lai 60, 429, 542

Mã Viện 49, 50, 53, 114  
Mạc Cửu 366, 367, 371  
Mạc Đăng Doanh 291, 302  
Mạc Đăng Dung 259, 281, 285, 286, 287, 288, 291, 301, 302, 303, 304, 312  
Mạc Đĩnh Chi 142, 178, 182, 285  
Mạc Đôn Nhượng 308  
Mạc Kính Cung 312, 314, 321, 322, 323, 340  
Mạc Kính Chỉ 312, 314  
Mạc Kính Chương 314  
Mạc Kính Dục 314  
Mạc Kính Điển 306, 307, 308, 312  
Mạc Kính Khoan 322, 323, 339, 340  
Mạc Kính Vũ 339, 340  
Mạc Mậu Hợp 292, 306, 309, 310, 311, 312, 314, 319, 340  
Mạc Ngọc Liễn 308, 309, 310, 311, 312  
Mạc Phúc Hải 291, 302, 303, 305  
Mạc Phúc Nguyên 292, 305, 306  
Mạc Toàn 311, 312



- Mạc Thiên Tứ 367, 368, 369, 372  
 Mạc Văn Tô 431  
 Mạch Tấn Giai 496  
 Machault 377  
 Mai Hắc Đế 67, 70  
 Mai Lĩnh 179  
 Mai Thiệu 557  
 Mai Thúc Loan 70  
 Mai Văn Hoan 362  
 Mai Xuân Thưởng 618  
 Man Châu 69  
 Man Hao 567  
 Mãn Châu bộ 323  
 Mạn Hòe 390  
 Mang Cá 607, 609, 629  
 Mạnh Kha 34, 85  
 Mao Bá Ôn 302  
 Marco Polo 375  
 Marchand 496, 514  
 Matheron 539  
 Maybon 14, 376  
 Mặc Dịch 36  
 Mân Giang 601  
 Mân Thít 392  
 Mân Việt 43  
 Mẫn Văn Liên 332, 334  
 Mật Ôn 194  
 Méduse 436  
 Ménésis 542  
 Metzniger 616  
 Mê Linh 49, 53  
 Mê Kông 16, 17, 364, 369, 546, 547, 548, 562  
 Mgr de Bonnechose 540  
 Mĩ Tho 365, 366, 393, 428, 431, 545, 546, 551, 552  
 Mibielle 602  
 Miche 550  
 Mignot 616  
 Minh bột di hoán văn thảo 483  
 Minh Cẩm 616, 618, 620, 621, 622  
 Minh Đức Đại Vương 196  
 Minh Hương  
 Minh Lương khải cáo lục 483  
 Minh Mệnh 13, 15, 471, 474, 475, 479, 480, 482, 484, 485, 489, 490, 494, 495, 499, 500, 501, 506, 578, 630  
 Minh Thái Tổ 189, 195  
 Minh Thành Tổ 209  
 Mọi Đá Vách 559  
 Montigny 540, 543  
 Mouteaux 620, 621  
 Mô Độ 216  
 Mô Xoài 364  
 Mộ Dạ 31  
 Mộc Phàm Giang 204, 211  
 Mộc Thạnh 209, 210, 211, 212, 216, 217, 218, 220, 222, 245, 246, 247, 254, 257, 258  
 Mông Cổ 59, 131, 134, 138, 139, 140, 141, 143, 144, 145, 149, 150, 151, 156, 157, 164, 172, 364, 566, 632  
 Mông Huệ 72  
 Mông Kha 140  
 Mông Thế Long 74  
 Mông Xá 72  
 Mục Sơn 405, 406  
 Muộn Hải 211  
 Mỹ Động 243  
 Mỹ Lâm quận chúa 519  
 Mỹ Lợi Kiên 520, 528  
 Mỹ Châu 30, 31  
 Mỹ Ê 110  
 Mỹ Nương 24, 26, 29  
**N**  
 Nã Phá Luân 467, 540, 549, 563



- Nam Bắc triều 52, 61, 62, 77, 88  
Nam Bình Vương 78, 101, 106, 120  
Nam Bố Chính 326, 329, 330, 335, 336, 387, 326  
Nam Chiêu 67, 70, 72, 73, 74, 75, 154  
Nam Chương 509  
Nam Đạo 241  
Nam Định 23, 66, 69, 127, 211, 311, 319, 490, 569, 582, 585, 586, 592, 612  
Nam Hải 16, 22, 29, 30, 39, 46, 49, 55, 57  
Nam Hán 67, 79, 80, 97, 290  
Nam Kỳ sử ký 540, 541  
Nam Kinh 59, 324, 578  
Nam Ninh 109, 117, 339, 419, 625  
Nam Quan 150, 210, 232, 245, 302, 303, 313, 374, 416, 462, 603  
Nam Tấn Vương 93, 94, 95, 97  
Nam Tống 120  
Nam Vang 365, 367, 368, 372, 466, 508, 510, 519  
Nam Việt Đế 64  
Nam Việt Vương 97, 98  
Nặc Đôn 368  
Nặc Hiền 368  
Nặc In 389  
Nặc Non 372  
Nặc Nguyên 368  
Nặc Nhuận 368  
Nặc Ông Ấn 465  
Nặc Ông Chân 365, 465, 466, 508, 510, 511, 518, 551  
Nặc Ông Đài 365  
Nặc Ông Đôn 466, 551, 518, 519  
Nặc Ông Lem 466  
Nặc Ông Nộn 365, 367  
Nặc Ông Nguyên 466  
Nặc Ông Tôn 465, 550  
Nặc Ông Tha 368  
Nặc Ông Thâm 367, 368, 465  
Nặc Ông Thu 365, 366, 367  
Nặc Ông Vinh 465  
Nặc Ông Yêm 367, 368  
Nặc Tôn 369, 371, 372, 389  
Nặc Thâm 371  
Nặc Yếm 368  
Ninh Ba 245, 578  
Ninh Bình 23, 96, 162, 181, 194, 216, 217, 309, 310, 457, 479, 486, 490, 491, 526, 569, 593  
Ninh Cường 379  
Ninh Giang 218, 236, 237  
Ninh Hải 23, 572, 579  
Ninh Kiều 237, 238, 239, 254, 257  
Ninh Xá 338, 351, 352  
Norodom 352, 338, 551, 545, 550  
Nổ Nhĩ Cáp Xích 324  
Nội hầu Lân 414  
Nông Cống 56, 197, 449  
Nông Hùng Thạc 556  
Nông Văn Vân 488, 489, 490, 491, 492, 493  
Nùng Tôn Phúc 108  
Nùng Trí Cao 108, 109, 110  
Nùng Trí Thông 108  
Nữ Chân 323  
Nga Lạc 230, 231  
Ngã Hai 622  
Ngạc Châu 166  
Ngạn Dịch 365  
Nghệ An 23, 31, 69, 70, 157, 290, 292, 294, 304, 308, 318, 331, 332, 333, 334, 335, 337, 341, 342, 349, 351, 354, 357, 363, 383, 395, 396, 399, 404, 413, 423, 445, 447, 448, 449, 457, 458, 459, 460, 461, 486, 490, 560, 507, 508,

- 509, 510, 526, 553, 574,  
575, 597, 612, 614, 615,  
616, 619
- Nghệ Tĩnh 108, 326, 491,  
574, 627, 628
- Nghi Xuân 331, 332, 334
- Nghĩa Tĩnh 88
- Ngọa Long Cương 326
- Ngọa Triều 103
- Ngọa Vân Sơn 352
- Ngọc Bảo 304, 318
- Ngọc Hân công chúa 403
- Ngọc Tú 319
- Ngô Bệ 188
- Ngô Cảnh Hữu 309
- Ngô Côn 560
- Ngô Đình Hàm 319
- Ngô Nhân Tĩnh 441
- Ngô Nhật Khánh 94
- Ngô Quyền 67, 80, 82, 92
- Ngô Sĩ Liên 13, 26, 275
- Ngô Tam Quế 324, 339
- Ngô Tạo 311
- Ngô Tôn Quyền 55
- Ngô Tùng Chu 433
- Ngô Tử An 102
- Ngô Thời Nhậm/Ngô Thi  
Nhậm 406
- Ngô Thời Sĩ 350
- Ngô Văn Sở 406, 412, 413,  
417, 418, 438, 439, 440
- Ngô Vương Quyền 95, 96,  
290
- Ngô Xuân Quỳnh 619
- Ngô Xương Ngập 92, 93, 95
- Ngô Xương Văn 93, 95
- Ngô Xương Xí 94, 95
- Ngột Lương Hợp Thai 140,  
141
- Ngu Giang 194, 198
- Ngũ Hồ 59
- Ngũ Kiều 432
- Ngũ Lĩnh 22
- Ngũ Quý 9, 67, 73, 77, 78,  
81, 191
- Ngụy Khắc Đản 549
- Nguyên Định Tông 139
- Nguyên Hiến Tông 140
- Nguyên Thái Tổ 139
- Nguyên Thái Tông 139
- Nguyên Thành Tông 175
- Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí  
Minh 628
- Nguyễn Bá Linh 167
- Nguyễn Bá Nghi 556
- Nguyễn Bá Quynh 318, 363
- Nguyễn Bảo 325, 438, 439,  
442
- Nguyễn Bắc 97, 99
- Nguyễn Bằng 137, 395
- Nguyễn Biểu 219
- Nguyễn Bình Khiêm 305,  
306, 317
- Nguyễn Cảnh Chân 217, 218
- Nguyễn Cảnh Dị 218, 219,  
220
- Nguyễn Công Hãng 345, 350
- Nguyễn Công Nhân 518,  
546
- Nguyễn Công Nhân 518,  
546
- Nguyễn Công Tiến 506
- Nguyễn Công Thái 351
- Nguyễn Công Trứ 489, 490,  
492, 518
- Nguyễn Cừ 351, 352, 356
- Nguyễn Cư Trinh 368, 369
- Nguyễn Cửu Đàm 372
- Nguyễn Cửu Phú 367
- Nguyễn Cửu Vân 367
- Nguyễn Chế Nghĩa 171
- Nguyễn Chính 583, 356
- Nguyễn Chư 619
- Nguyễn Chương Đạt 493
- Nguyễn Danh Phương 338
- Nguyễn Danh Thế 327
- Nguyễn Diên 351, 352



Nguyễn Duệ 351, 352, 404  
Nguyễn Duy 74, 288, 327, 545  
Nguyễn Dương 123, 365  
Nguyễn Đa Cấu 231  
Nguyễn Đa Phương 194, 198  
Nguyễn Đại Pháp 175  
Nguyễn Đạo Thanh 106  
Nguyễn Đặc 231  
Nguyễn Đăng Giai 553  
Nguyễn Điều 395, 526  
Nguyễn Đình Chính 483  
Nguyễn Đình Đắc 444  
Nguyễn Đình Miên 420, 421  
Nguyễn Đình Phái 365  
Nguyễn Đình Phổ 492  
Nguyễn Đình Tình 622, 623  
Nguyễn Đức Hậu 526  
Nguyễn Đức Huân 245  
Nguyễn Đức Nhuận 468, 490, 618  
Nguyễn Đức Xuyên 431  
Nguyễn Hạnh 490  
Nguyễn Hiệp 527  
Nguyễn Hoan 577  
Nguyễn Hoàn 350  
Nguyễn Hoàng 293, 317, 318, 319, 325, 363, 372, 373, 379, 382, 437, 438

Nguyễn Hoàng Dự 283, 284, 285, 286, 304  
Nguyễn Huân 227  
Nguyễn Huy Tự 464  
Nguyễn Hữu Cầu 338, 351, 352, 353, 354, 356  
Nguyễn Hữu Chinh 300, 386, 396, 397, 398, 399, 402, 403, 404, 405, 406, 410  
Nguyễn Hữu Dật 325, 328, 330, 331, 332, 333, 334, 335, 336, 363  
Nguyễn Hữu Doãn 368  
Nguyễn Hữu Đăng 339  
Nguyễn Hữu Độ 576, 584, 612, 613  
Nguyễn Hữu Kính 363, 366, 367  
Nguyễn Hữu Liêu 308, 309, 313  
Nguyễn Hữu Nghi 469  
Nguyễn Hữu Tiến 325, 326, 330, 331, 332, 333, 334, 335  
Nguyễn Hựu Thận 490  
Nguyễn Hữu Thuận 503  
Nguyễn Hy Chu 212  
Nguyễn Kỳ 197  
Nguyễn Kim 291, 293, 304, 305, 306, 317

Nguyễn Khải 327  
Nguyễn Khắc Tuyên 384  
Nguyễn Khoa Hào 507  
Nguyễn Khoái 160, 163, 164, 168, 171, 174  
Nguyễn Khoan 94  
Nguyễn Lâm 568  
Nguyễn Lệ 560  
Nguyễn Linh 158  
Nguyễn Lữ 387, 388, 389, 391, 405, 430  
Nguyễn Ly 395  
Nguyễn Mĩ Đức 336  
Nguyễn Minh Không 122  
Nguyễn Nộn 134  
Nguyễn Ngã 301  
Nguyễn Nguyên Thành 619  
Nguyễn Nhạc 383, 384, 385, 386, 387, 388, 390, 396, 403, 404, 405, 409, 411, 429, 430, 438, 439, 450, 455  
Nguyễn Nhan (Nguyễn Bá Linh) 167  
Nguyễn Nhân Thiêm 314  
Nguyễn Nhược Thị 13  
Nguyễn Phạm Tuân 614, 615, 619, 620, 621  
Nguyễn Phan 351, 355, 356, 357



- Nguyễn Phi Khanh 224, 232  
 Nguyễn Phi Sáng 353, 354  
 Nguyễn Phú 60, 158  
 Nguyễn Phúc Ánh 299, 300, 385, 389, 434  
 Nguyễn Phúc Chu 296, 297, 298, 361, 363, 366, 374  
 Nguyễn Phúc Dương 385  
 Nguyễn Phúc Hiệu 382  
 Nguyễn Phúc Khê 329  
 Nguyễn Phúc Khoát 298, 299, 361, 371, 374, 382  
 Nguyễn Phúc Lan 294, 329, 360, 373, 380  
 Nguyễn Phúc Nguyên 293, 294, 325, 327, 329, 359, 373  
 Nguyễn Phúc Tần 294, 295, 296, 329, 330, 363  
 Nguyễn Phúc Thuần 299  
 Nguyễn Phúc Trần 296, 366, 373  
 Nguyễn Phúc Vệ 328  
 Nguyễn Phương Đình 353  
 Nguyễn Quang Bình 411  
 Nguyễn Quang Hiến 418  
 Nguyễn Quang Toàn 426, 427, 438, 440, 422  
 Nguyễn Quang Thiệu 449  
 Nguyễn Quang Thùy 440, 447, 448, 449, 450  
 Nguyễn Quang Trung/  
 Nguyễn Huệ 382, 387, 388, 389, 390, 391, 393, 397, 398, 399, 400, 402, 403, 405, 406, 410, 411, 416, 418, 428, 429, 455, 564  
 Nguyễn Quốc 123, 395, 420, 421  
 Nguyễn Quý Cảnh 351, 395  
 Nguyễn Quý Đức 350  
 Nguyễn Quyện 308, 309, 310  
 Nguyễn Sao 230  
 Nguyễn Siêu 94  
 Nguyễn Sứ 218, 220  
 Nguyễn Tăng Doãn 565, 573, 579, 580  
 Nguyễn Tấn 559  
 Nguyễn Tây Sơn 408, 409, 410, 411, 422, 450, 464, 488, 512  
 Nguyễn Tiến Lâm 492, 518  
 Nguyễn Toán 209  
 Nguyễn Thái Học 628  
 Nguyễn Thanh 197  
 Nguyễn Thành Ý 579, 580, 587  
 Nguyễn Thân 626, 627  
 Nguyễn Thất Lý 309, 311  
 Nguyễn Thế Lộc 158  
 Nguyễn Thiện Thuật 593, 614, 625  
 Nguyễn Thiếp 423  
 Nguyễn Thọ Trường 301  
 Nguyễn Thủ Tiệp 94  
 Nguyễn Thuật 577  
 Nguyễn Thuyền 145  
 Nguyễn Trãi 228, 232, 250, 261, 265, 268  
 Nguyễn Trang 400  
 Nguyễn Tri Phương 499, 517, 518, 519, 523, 525, 541, 543, 544, 545, 546, 553, 556, 557, 558, 561, 565, 567, 568  
 Nguyễn Triêm 395  
 Nguyễn Trọng Hợp 569, 590, 591, 613, 624, 625, 627  
 Nguyễn Trung Diễn 490  
 Nguyễn Trung Ngạn 178, 182, 184, 185, 188, 224  
 Nguyễn Trực 619  
 Nguyễn Trương Hiệu 468  
 Nguyễn Trường Tộ 526  
 Nguyễn Tu 577  
 Nguyễn Tuyển 351, 352, 356  
 Nguyễn Tư Giản 577  
 Nguyễn Tự Như 613  
 Nguyễn Ưông 317



Nguyễn Văn Bột 494  
Nguyễn Văn Chân 436, 494  
Nguyễn Văn Chính 385  
Nguyễn Văn Danh 441  
Nguyễn Văn Đà 494  
Nguyễn Văn Giai 313  
Nguyễn Văn Giáp 443  
Nguyễn Văn Hiếu 431  
Nguyễn Văn Hòa 405  
Nguyễn Văn Hoàng 389  
Nguyễn Văn Huân 438, 439,  
440, 442  
Nguyễn Văn Huệ 299  
Nguyễn Văn Kiên 448  
Nguyễn Văn Khiêm 434, 455  
Nguyễn Văn Khuê 468  
Nguyễn Văn Liêm 392  
Nguyễn Văn Nghĩa 432  
Nguyễn Văn Nhân 432  
Nguyễn Văn Nhân 432, 466,  
518  
Nguyễn Văn Quế 493, 494, 498  
Nguyễn Văn Quyên 421  
Nguyễn Văn Tâm 494  
Nguyễn Văn Thái 303  
Nguyễn Văn Thành 429,  
436, 437, 438, 441, 442,  
444, 445, 447, 455, 463,  
464, 468, 469, 473, 506

Nguyễn Văn Thận 448, 449  
Nguyễn Văn Thắng 328, 436  
Nguyễn Văn Thịnh 547, 555  
Nguyễn Văn Thụy 441, 445,  
466  
Nguyễn Văn Thuý 468, 469  
Nguyễn Văn Tính 447  
Nguyễn Văn Tông 494  
Nguyễn Văn Trị 446  
Nguyễn Văn Trọng 491, 495  
Nguyễn Văn Trương 430,  
432, 437, 444, 445, 446,  
448, 449  
Nguyễn Văn Tứ 441, 450  
Nguyễn Văn Tường 565, 569,  
570, 571, 573, 574, 575,  
589, 592, 597, 598, 607,  
609, 610, 611, 612, 613,  
626  
Nguyễn Văn Vĩ 557  
Nguyễn Văn Xuân 507, 508,  
509  
Nguyễn Viết Thành 560  
Nguyễn Viết Triệu 420, 421  
Nguyễn Xí 236, 239, 243,  
246, 266, 267  
Nguyễn Xuân Ôn 614, 619  
*Ngự chế thi văn* 525  
Ngưu Hống 123, 176, 184  
Nha Trang 365, 437

Nham Diên 46, 47, 48  
Nham Năng 236  
Nham Ngao 30  
Nhân Huệ Hoàng Đế 109  
Nhân Mục 237, 238, 414  
Nhật Bản 158, 166, 362,  
366, 376, 527, 628  
Nhật Lệ 192, 217, 328, 329,  
335, 447, 448  
Nhật Nam 15, 46, 49, 54, 57,  
60, 61, 62, 64  
Nhị Hà 140, 209, 240, 310,  
415, 450  
Nhiệt Hà 418, 421  
Nho giáo 82, 83, 84, 380,  
472, 531  
Nhụy Kiều tướng quân 57

## Ô

Ô Đông 550  
Ô Lý 160  
Ô Mã Nhi 150, 157, 158,  
159, 159, 163, 165, 167,  
168, 169, 170, 171, 172,  
173, 242  
Ông Ích Khiêm 557, 560

## P

Palanca 545, 548



- Palestine 378  
 Paris 549, 565, 566, 573, 580, 586, 590, 591, 596, 612  
 Patenôtre 588, 596, 597, 601, 605, 606  
 Paul Bert 607, 614, 616, 617, 618, 618  
 Pavie 630  
 Pellerin 540, 541  
 Pelletier 616  
 Pénang 542  
 Poivre 377  
 Pondichéry 434, 435  
 Prudhomme 605, 614  
 Pu Kầm Bô 551  
 Puginier 14, 565, 567  
 Phả Lại 168, 594  
 Phạm Bạch Hổ 95  
 Phạm Bính 580  
 Phạm Bình Di 126, 127  
 Phạm Công Hưng 438, 440  
 Phạm Công Thế 357  
 Phạm Công Trị 418  
 Phạm Công Trứ 344, 348, 350, 395  
 Phạm Cự Lượng 99, 102  
 Phạm Chi Hương 558, 560  
 Phạm Chư Nông 61  
 Phạm Dật 60  
 Phạm Du 126  
 Phạm Dương Mại 61, 62  
 Phạm Đầu Lê 72  
 Phạm Đình Thiện 421  
 Phạm Đình Trọng 351, 352, 353, 354, 356  
 Phạm Hạc 106  
 Phạm Hồ Đạt 60, 61  
 Phạm Hùng 60  
 Phạm Kiện 61  
 Phạm Khả Vĩnh 198  
 Phạm Linh Công 92, 93  
 Phạm Lương 558  
 Phạm Nê Ta 75  
 Phạm Ngạn 389  
 Phạm Ngô Cầu 397, 398  
 Phạm Ngũ Lão 145, 161, 163, 171, 174, 177, 178, 180, 182  
 Phạm Nguyên Khôi 207  
 Phạm Như Tùng 420, 421  
 Phạm Phạm Chí 68, 71  
 Phạm Phật 60  
 Phạm Phòng Ất 95, 97  
 Phạm Phú Thứ 549, 579  
 Phạm Sư Ôn 187, 197  
 Phạm Tất Toàn 330  
 Phạm Tu 64  
 Phạm Thận Duật 584, 597, 613  
 Phạm Thế Căng 217  
 Phạm Thế Hiển 544, 545  
 Phạm Trấn Long 72  
 Phạm Văn Đăng 455  
 Phạm Văn Điển 492, 493, 507, 508, 509, 518  
 Phạm Văn Khoái 311  
 Phạm Văn Lý 490  
 Phạm Văn Nhân 392, 434, 438, 446, 448  
 Phạm Văn Tham 430, 431, 432  
 Phạm Văn Xảo 236, 237, 246, 261, 264  
 Phạm Vãn 246  
 Phạm Vụ Mẫn 593  
 Phan Bá Đạt 497  
 Phan Bá Phụng 445  
 Phan Bá Vành 488, 489, 490  
 Phan Bội Châu 627  
 Phan Chu Trinh  
 Phan Đạt 499  
 Phan Đình Bình 565, 568, 612, 613  
 Phan Đình Phùng 565, 568, 612, 613



- Phan Đình Tuyển 556  
 Phan Huy Chú 13, 137, 223, 241  
 Phan Huy Ích 417, 418, 423, 455  
 Phan Kiêm Toàn 334  
 Phan Khải Đức 419  
 Phan Lang 363, 364  
 Phan Liêm 527  
 Phan Liêu 220, 231  
 Phan Mĩ 97  
 Phan Ngạn 314, 319, 312, 321  
 Phan Nha Văn Sản 390  
 Phan Quý Hữu 220  
 Phan Sĩ Thục 577  
 Phan Tam Tĩnh 556  
 Phan Thanh Giản 525, 544, 547, 548, 549, 551, 552, 553  
 Phan Trọng Mưu 619  
 Phan Văn Lân 406, 417  
 Phan Văn Tuế 386  
 Phan Văn Thúy 495, 506, 507  
 Phan Văn Trị 327  
 Phàn Tiếp 164, 167, 170, 171, 172, 173  
 Phao Sơn 352  
 Pháp Hiển 88  
 Pháp Lan Tây 11, 376, 377, 379, 382, 391, 384, 454, 467, 472, 512, 528, 559  
 Phật giáo 82, 83, 87  
 Phật Kim 129, 130  
 Phật Mã 107, 130  
*Phật quốc ký* 88  
 Phép bảo giáp 116  
 Phép bảo mã 116  
 Phép miễn dịch 116  
 Phép thị dịch 116  
 Phi Luật Tân 376  
 Phi Nhã Chất Tri 509  
 Phiên An 457, 493, 494, 495, 496, 497, 498, 502  
 Phiên Ngung 39, 57, 79, 80, 179  
 Phiên Trấn 366, 367, 373, 389, 433  
 Philastre 562, 569, 570, 571, 574, 579, 580, 581  
 Phnom Penh 466, 508  
 Phong Châu 24, 63, 64, 66, 69, 75, 94  
 Phong Vương 371  
 Phổ Hiến 376, 377, 511  
 Phra Naroi 370  
 Phù Đồng Thiên Vương 22, 25  
 Phù Ly 383  
 Phù Nam 60, 369, 370  
 Phù Sơn 168  
 Phù Ủng 177  
 Phù Vân 133  
 Phủ Lạng Thương 601  
 Phú Lĩnh 210  
 Phú Lương 118, 124  
 Phú Quốc 390, 391, 430, 432  
 Phú Túc 509  
 Phú Xuân 296, 299, , 347, 363, 373, 379, 382, 383, 384, 385, 387, 391, 399, 405, 411, 412, 427, 428, 429, 438, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 450, 454  
 Phú Xuyên 211, 414  
 Phú Yên 293, 363, 370, 373, 386, 391, 437, 439, 441, 442, 444, 447, 457, 486, 553, 613, 618  
 Phúc An 29  
 Phúc Châu 324, 578, 600, 601  
 Phúc Kiến 43, 601  
 Phúc Khang An 417, 418, 419, 420  
 Phúc Lâm 324  
 Phúc Lộc 23, 50, 69, 336

- Phúc Ninh 541, 543  
 Phúc Vương 324  
 Phùng An 71  
 Phùng Hưng 71, 80  
 Phùng Khắc Khoan 305, 307, 313, 314  
 Phùng Tử Tài 560, 576, 604  
 Phụng Thiên 421, 459  
 Phương Chính 234, 237, 238, 240, 243, 249, 253, 255, 257, 258  
 Phường đức 345  
 Phượng Nhỡn 311, 414, 450
- Q**
- Quách Bốc 126, 127  
 Quách Gia Di 110  
 Quách Quỳ 118, 119  
 Quách Tất Công 491  
 Quách Tất Tế 491  
 Quách Thịnh Dật 109  
 Quan Công 283, 349, 589  
 Quan Gia 233  
 Quan lang 24  
 Quan Tá Đình 564, 565  
 Quân Tử 349  
 Quang Sở Khách 70  
 Quang Tự 606
- Quảng Bình 24, 60, 113, 192, 266, 294, 326, 328, 329, 334, 365, 366, 373, 387, 411, 457, 458, 460, 486, 529, 557, 607, 612, 613, 614, 615, 618, 619, 620, 622, 624  
 Quảng Châu 39, 55, 56, 57, 78, 79, 151, 578  
 Quảng Đông 16, 23, 29, 46, 109, 117, 362, 365, 366, 371, 386, 411, 565, 578, 596, 602  
 Quảng Nam 72, 190, 207, 270, 271, 277, 293, 299, 318, 319, 328, 329, 341, 362, 363, 364, 373, 374, 376, 384, 385, 386, 387, 388, 396, 416, 441, 443, 445, 446, 447, 450, 457, 459, 461, 467, 486, 491, 544, 549, 555, 613  
 Quảng Nghĩa 72, 189, 207, 362, 374, 384, 386, 387, 442, 443, 445, 447, 450, 457, 483, 486, 491, 554, 559  
 Quảng Nguyên 104, 108, 109, 119  
 Quảng Oai 194, 202, 215, 236  
 Quảng Tây 16, 23, 29, 46, 109, 117, 147, 210, 215, 245, 294, 324, 325, 339, 365, 411, 418, 419, 427, 464, 559, 560, 576, 585, 602, 604, 625  
 Quảng Trị 24, 60, 113, 318, 373, 384, 457, 486, 507, 508, 509, 510, 557, 598, 607, 609, 610, 611, 618, 619  
 Quảng Uyên 119, 339  
 Quảng Yên 23, 69, 133, 151, 159, 163, 168, 169, 170, 181, 457, 458, 502, 528, 547, 548, 555, 556, 557, 558, 561, 563, 575, 579, 602  
 Quân Thần 66, 196, 507  
 Quân Anh 379  
 Quế Lâm 29, 419  
 Quế Vương 294, 324, 325  
 Quốc Oai 134, 194, 197, 202, 236, 237, 238, 270, 554  
*Quốc sử tục biên* 350  
*Quốc sử thực lục* 350  
 Quốc Tổ Chương Hoàng 203  
 Quy Hóa 127, 215, 236, 245  
 Quy Nghĩa 73  
 Quy Nhơn 193, 374, 383, 384, 385, 386, 387, 389, 390, 391, 393, 398, 405, 409, 428, 429, 431, 432,

436, 437, 438, 439, 440,  
441, 442, 443, 444, 44, 5,  
446, 447, 448, 449, 450,  
455, 468, 572

Quý Do 139

Quyết Dũng 334

## R

Rạch Giá 392

Rama 390

Réunion 627, 628

Rheinart 571, 579, 581,  
582, 583, 585, 597, 599

Richaud 629

Rigault de Genouilly 520,  
541, 542, 543, 552

Robert 467

Rogerot 513

Rose 468

Rouen 540

Rousseau 631

Roussel de Courcy 605

Russier 17, 376

## S

Sa Đéc 389, 392, 396

Sa Li Nha 207

Sa Thôi 238

Sài Côn/Sài Gòn 390, 391,

392, 365, 387, 430, 436,  
544, 547, 551, 552, 562,  
563, 564, 565, 566, 567,  
568, 569, 570, 571, 573,  
579, 581, 586, 587, 593,  
596, 617, 365, 366, 387,  
388, 389

Sài Mạt 366, 369

Sài Thung 147, 148, 150

Saint Joseph 377

Saint Paul 378

Saint Pierre 378

Sarget et Cie 467

Sát Thát 156

Savannakhet 510

Sầm Châu 304

Sầm Nứa 509, 510, 627

Sầm Nghi Đống 412, 415

Schmitz 610

Sénès 563

Servière 602

Si Vатtha 550

Sĩ Huy 55, 56

Sĩ Nhiếp 52, 54, 55, 56

Sĩ Tứ 54

Siêu Loại 94, 113

Sóc Sơn 25, 304

Sông Bình Than 150, 151

Sông Cái 136, 210, 211, 240

Sông Cầu 118, 594

Sông Đại Than 168

Sông Đáy 50, 237, 240, 311

Sông Đuống 150, 594

Sông Gianh 616, 620, 623,  
637

Sông Lục Đầu 168, 414

Sông Nam Triều 159

Sông Thái Bình 16, 150

Sông Thao 140, 210

Sông Thiên Mạc 140, 158, 162

Sông Thương 601, 602, 660

Sơn Hải quan 324

Sơn Nam 270, 305, 306,  
307, 308, 317, 341, 342,  
349, 351, 352, 354, 356,  
399, 400, 406, 423, 457

Sơn Tây 23, 26, 49, 50, 63, 69,  
71, 80, 93, 94, 95, 140, 208,  
218, 238, 270, 282, 287,  
306, 342, 349, 351, 355,  
356, 357, 395, 400, 416,  
457, 492, 554, 555, 561,  
563, 569, 576, 585, 588,  
591, 592, 593, 594, 595

Sơn Tinh Thủy Tinh 22, 25,  
26

Sơn Thọ 233, 249, 253, 257

Sùng Hiền Hầu 122, 130

Sùng Lãm 22

**T**

Tả Ao 334	Tầm Phong Long 369	Thái Công Triều 494, 495
Tả Bảo 622	Tân Bình phủ 192, 202	Thái Hòa 73, 120, 455, 517, 521
Tả Tôn Đường 559	Tân Châu đạo 369	Thái Kinh 73
Tả Trà Viên 363, 364	Tân Hưng 23, 236, 241, 243	Thái Khang 363, 365
Tạ Danh Thù 399	Tân Phong 309	Thái Nguyên 23, 124, 179, 215, 241, 266, 270, 271, 306, 322, 339, 347, 349, 355, 420, 457, 458, 491, 492, 554, 556, , 560, 576, 595, 602, 627, 628
Tạ Hiện 592, 614, 625	Tân Sở 607, 611	Thái Phúc 237, 242
Tạ Kế Quý 560	Tân Xương 64	Thái Tập 73, 74
Tạ Kính Bưu 585	Tập Đình 384, 386	Thái tử Hoảng 142
Tạ Quang Cự 489, 491, 492, 518	Tấn Mục Đế 60	Thái tử Khâm 144
Tạ Văn Phụng 555	Tây An Nam dinh 420	Thái tử Mạnh 182
Tam Đái 94, 209, 236, 242, 245	Tây Ban Nha 376, 379	Thái tử Sam 127
Tam Điệp 412, 413	Tây Dương Kiều 240	Thang Châu 69
Tam Động 509	Tây Đạo 241	Thanh Đàm 239, 240
Tam Đường 553, 554	Tây Đô 187, 202, 212, 228, 230, 231, 235, 236, 238, 247, 281, 304, 306, 348	Thanh Hà 366, 568
Tam Giang 215, 237, 241, 242, 341	Tây Hạ 115, 139	Thanh Hóa 23, 57, 69, 80, 102, 135, 147, 157, 159, 160, 161, 162, 163, 168, 180, 184, 191, 192, 194, 197, 202, 212, 215, 217, 218, 225, 229, 230, 231, 237, 263, 266, 270, 278, 285, 286, 287, 290, 291, 292, 301, 304, 305, 306, 307, 308, 309, 310, 311, 318, 321, 322, 323, 325, 326,
Tam Miêu 17, 18	Tây Hồ 426, 427	
Tam Quốc 52, 60, 77, 88, 125	Tây Kết 147, 162, 163	
Tam Tạng (kinh) 104, 106	Tây Ninh 545, 245	
Tản Viên 26	Tây Phù Liệt 94, 243	
Tàu Ô 426, 561, 571	Tế Bồ Sâm 464	
Tăng đạo ty 223	Thạch Đái 47	
Tăng Quốc Phiên 559	Thạch Lâm 339	
Tăng Sâm 85	Thái Am 88	
Tầm Bôn 368	Thái bình diên yến 173	
	Thái Bình Dương 376, 613	
	Thái Bình thiên quốc 559	



- 341, 342, 351, 354, 356,  
357, 394, 399, 422, 445,  
447, 449, 457, 458, 459,  
460, 461, 468, 483, 486,  
490, 491, 494, 510, 553,  
597, 612, 614, 615, 619
- Thanh Lang 622, 626
- Thanh Lâm 146
- Thanh Oai 312
- Thanh Quyết Giang 405
- Thanh Thủy 619, 620, 624
- Thanh Trì 94, 239, 243, 322,  
400, 414
- Thành Cát Tư Hãn 139
- Thành Lâm 146, 312, 427,  
561
- Thành Thái 105, 110, 324,  
618, 624, 625, 628, 629
- Thánh Gióng 26
- Thăng Long 104, 105, 108,  
124, 140, 141, 147, 156,  
157, 159, 161, 165, 167,  
168, 173, 187, 190, 191,  
193, 194, 211, 292, 301,  
308, 309, 310, 311, 312,  
313, 319, 321, 322, 328,  
331, 335, 337, 340, 348,  
339, 400, 402, 403, 405,  
406, 410, 411, 412, 413,  
414, 415, 416, 422, 423,  
449, 450
- Thẩm Dương 324
- Thẩm Khởi 116
- Thân Bất Hại 36
- Thân Lợi 121, 123, 124
- Thân Trọng Huề 521
- Thân Văn Quang 332
- Thần Nông 22
- Thétis 513
- Thi Giáo 36
- Thi Lăng 72, 231
- Thi Sách 49
- Thỉ Hoàng 85, 86
- Thị Dã 444
- Thị Kiều 242
- Thị Nại 193, 277, 437, 438,  
442, 443, 444, 445, 447,  
528, 572
- Thích Ca Mâu Ni 87
- Thiên Cực công chúa 132
- Thiên Chúa 11, 375, 377,  
378, 379, 380, 445, 472,  
496, 511, 514
- Thiên Địa hội 426, 430
- Thiên Đức 64, 105, 594
- Thiên hộ Dương 546
- Thiên Kiện 195
- Thiên Mục 610
- Thiên quan 33, 202, 309
- Thiên Sách Vương 93, 94,  
95, 97
- Thiên Tân 578, 584, 596,  
600, 605, 606, 625
- Thiên Tộ 123, 130
- Thiên Trúc 88
- Thiên Trường 144, 146, 157,  
158, 159, 160, 162, 175,  
176, 177, 182, 191, 236,  
241, 243, 270, 490
- Thiết Mộc Chân 139
- Thiệu Trị 517, 518, 519, 520
- Thọ Hương 386
- Thọ Xuân 611
- Thoát Hoan 147, 150, 151,  
152, 156, 157, 158, 159,  
160, 161, 162, 163, 164,  
165, 166, 167, 168, 169,  
170, 172, 175
- Thổ Phồn 73
- Thôi Tự 245, 246, 254, 258
- Thủ Dầu Một 545, 551
- Thuận An 446, 588, 589,  
590, 591, 608, 623
- Thuận Bài 623, 624
- Thuận Châu 119, 181
- Thuận Hóa 160, 215, 217,  
220, 222, 228, 236, 263,  
270, 276, 293, 299, 316,  
318, 319, 322, 325, 326,  
327, 337, 341, 362, 363,  
372, 376, 385, 387, 394,  
396, 397, 398, 399, 403,



- 405, 416, 441  
 Thuận Thành trấn 364  
 Thuận Thiên (niên hiệu)  
 105, 129, 130, 260, 355  
 Thuận Thiên công chúa 129,  
 130  
*Thủy vân tùy bút* 177, 224  
 Thương Ngô 46, 54, 57  
 Thương Ưởng 35  
 Thượng Duy Thăng 415  
 Thượng Hải 362, 563, 566,  
 578  
 Thượng Hồng 236, 241, 354  
 Thượng Lang 119, 339  
 Thượng Phúc 119, 339, 490  
 Tích Lệ 172, 173  
 Tích Quang 46, 47  
 Tiêm La 17, 185, 359, 362,  
 365, 367, 368, 369, 370,  
 371, 372, 376, 377, 382,  
 389, 390, 391, 392, 393,  
 409, 428, 429, 430, 431,  
 432, 441, 454, 465, 466,  
 488, 489, 495, 506, 507,  
 508, 509, 511, 517, 518,  
 519, 527, 540, 550, 580,  
 586, 630, 631  
 Tiên Hoàng Đế 97  
 Tiền Lê 89, 103, 105, 106,  
 343, 348, 407  
 Tiền Lý 57, 62, 449  
 Tiết Tự 242  
 Tiêu Chú 116  
 Tiêu Triều Quý 559  
 Tĩnh Hải 76, 78  
*Tĩnh lý đại toàn* 223  
 Tĩnh Thần 311  
 Tĩnh Thiếu 64  
 Toa Đô 147, 150, 151, 157,  
 158, 159, 160, 161, 162,  
 163, 166, 252, 255  
 Tortuyaux 616, 620  
 Toulon 580  
 Toyon 580  
 Tô Dàm 117  
 Tô Định 49  
 Tô Hiến Thành 121, 123,  
 124, 125, 126, 199  
 Tô Lịch 76  
 Tô Tứ 560  
 Tô Trung Từ 127, 128  
 Tôn Đản 117  
 Tôn Hải 541  
 Tôn Miện 109  
 Tôn nhân phủ 471, 475  
 Tôn Sĩ Nghị 408, 410, 411,  
 412, 413, 415, 416, 417,  
 419  
 Tôn Toàn Hưng 101  
 Tôn Thất Bá 583  
 Tôn Thất Cúc 558, 559  
 Tôn Thất Đạm 615, 619, 621,  
 622, 623, 624  
 Tôn Thất Đính 613  
 Tôn Thất Hội 432, 437, 438,  
 441  
 Tôn Thất Hợp 542, 544  
 Tôn Thất Nghị 519  
 Tôn Thất Phan 597  
 Tôn Thất Tiệp 385  
 Tôn Thất Thiệp 615, 620,  
 621, 622  
 Tôn Thất Thuyết 561, 576,  
 589, 592, 598, 607, 608,  
 610, 611, 612, 613, 615,  
 619, 621, 623, 626  
 Tôn Thất Triệt 575  
 Tôn Vĩnh Thanh 418  
 Tôn Võ Tử 349  
 Tông Xác 62  
 Tổng đốc Chu 388, 389  
 Tổng Hữu Đại 388, 389  
 Tổng Phúc Hợp 386, 387  
 Tổng Phúc Khang 332  
 Tổng Phúc Khê 438  
 Tổng Thần Tông 115  
 Tổng Văn 88  
 Tổng Viêt Phúc 447



- Trà Bát 373  
Trà Khúc 443  
Trà Long 233, 234, 510, 511  
Trà Ôn 392  
Trà Sơn 385, 467, 544  
Trà Vinh 518  
Trang Tử 86  
Trang Trọng 43  
Tràng An lộ 202  
Trạng Trình 305  
Trần An Bình 365  
Trần Anh Tông 224  
Trần Bá Lộc 618  
Trần Bá Tiên 64, 65  
Trần Bách Niên 310, 311  
Trần Bình Trọng 151, 157, 158, 159  
Trần Cảnh/Trần Thái Tông 129, 132, 140, 142, 147, 203  
Trần Cao 228, 241, 246, 247, 248, 249, 259, 260, 283, 284, 285  
Trần Di Ái 147, 148, 150  
Trần Dụ Tông 224  
Trần Duệ Tông 187  
Trần Đình Cẩm 353  
Trần Đình Túc 569  
Trần Đức Hòa 326  
Trần Hi Tăng 579  
Trần Hiến Tông 184  
Trần Hiệp 234, 238, 239, 244, 254, 257  
Trần Hoàng 141, 541  
Trần Húc 209  
Trần Huy Lâm 419  
Trần Huy Phác 502  
Trần Huy Sách 557  
Trần Hưng Đạo Vương 147, 152, 177, 178, 195  
Trần Hữu Lượng 189  
Trần Ích Tắc 142, 159, 166, 167, 174, 175  
Trần Kiệt 158, 174  
Trần Khang 208  
Trần Khánh Dư 150, 151, 165, 169, 181  
Trần Khánh Tiến 577  
Trần Khát Chân 198, 203  
Trần Khắc Chung 181, 183  
Trần Khâm 145  
Trần Lãm 93, 94, 96  
Trần Liên 372  
Trần Liễu 129, 133, 134  
Trần Lựu 242, 245, 246  
Trần Lý 127, 128  
Trần Minh Công 94, 96  
Trần Minh Tông 224  
Trần Nghệ Tông 224  
Trần Ngọc Hậu 330  
Trần Nguyên Đán 196, 232  
Trần Nguyên Hãn 236, 240, 246, 261, 264  
Trần Nguyệt Hồ 217  
Trần Nhạc 183  
Trần Nhân Tông 224  
Trần Nhật Duật 147, 159, 160, 161, 162, 168  
Trần Nhật Hiệu 141  
Trần Nhật Vĩnh 498, 500  
Trần Nhuế 231  
Trần Phong 242  
Trần Phu 175  
Trần Quang Diệu 426, 439, 440, 441, 442, 443, 444, 445, 446, 447, 448, 449  
Trần Quang Hoán 575  
Trần Quang Khải 147, 157, 158, 159, 160, 161, 162, 178, 196, 224  
Trần Quốc Chân 181, 182, 183  
Trần Quốc Toản 160, 161, 168  
Trần Quốc Tuấn 140, 150, 151, 152, 164, 165, 178, 349  
Trần Quý Khoách 214, 218, 219, 220  
Trần Tấn 574



- Trần Tiễn Thành 551, 589, 592  
 Trần Tú Viên 159  
 Trần Tuấn 210, 282  
 Trần Tùng 205  
 Trần Tự Khánh 128  
 Trần Thái hậu 129  
 Trần Thánh Tông 131  
 Trần Thế Hưng 189, 190  
 Trần Thi 56  
 Trần Thiếu Đế 187, 202, 203  
 Trần Thủ Độ 129, 132, 133, 134, 141  
 Trần Thuận Tông 187, 197  
 Trần Thúc Nhẫn 590  
 Trần Thuyên 176  
 Trần Thự 109  
 Trần Thừa 128, 129  
 Trần Thượng Xuyên 365, 367, 368  
 Trần Trí 228, 232, 233, 234, 235, 237, 238, 253, 257  
 Trần Triệu Cơ 216  
 Trần Trung Tá 125  
 Trần Trùng Quang 218  
 Trần Văn Chuẩn 591  
 Trần Văn Dự 613  
 Trần Văn Kỷ 439  
 Trần Văn Lộng 174  
 Trần Văn Năng 495  
 Trần Văn Tín 431  
 Trần Văn Tĩnh 500, 501  
 Trần Văn Tha 494  
 Trần Xuân Soạn 615, 619  
 Trần Biên dinh 366, 373  
 Trần Định 235, 433, 510  
 Trần Giang 393  
 Trần Hải 590  
 Trần Nam 150, 510  
 Trần Ninh 260, 278, 336, 357, 384, 428, 447, 448, 506, 507, 508, 509, 510, 630  
 Trần Tây thành 510, 511  
 Trần Tĩnh phủ 509  
 Trần Vĩnh 433  
 Tri huyện Toại 546  
 Triều Châu 371  
 Triệu Ai Vương 44  
 Triệu Đà 30, 31, 32, 37, 39  
 Triệu Khánh 324  
 Triệu Khuông Dận 97  
 Triệu Minh Vương 39, 43, 44  
 Triệu Nặc Mi 75  
 Triệu Phong 387  
 Triệu Quang Phục 64, 65  
 Triệu Quốc Đạt 56  
 Triệu Tiết 118, 252, 255  
 Triệu Túc 64  
 Triệu Trung 160  
 Triệu Văn Vương 39, 43  
 Triệu Việt Vương 65, 66  
 Triệu Vũ Vương 26, 142, 179  
 Triệu Xương 71  
 Trình Bằng Phi 167, 168, 170, 172  
 Trình Bách 307  
 Trình Bảng 352  
 Trình Bồng 300, , 404, 410  
 Trình Cán 299, 394, 395  
 Trình Căn 296, 297, 333, 334, 335, 336, 350, 358, 380  
 Trình Cối 307, 318  
 Trình Công Chứng 231  
 Trình Cương 296, 297, 298, 340, 343, 345, 346, 347, 349, 350, 358, 380  
 Trình Doanh 298, 299, 343, 346, 347, 349, 351, 352, 353, 354, 355, 356, 357, 358, 380  
 Trình Đổ 322  
 Trình Gia 328  
 Trình Giang 297, 298, 342, 346, 348, 350, 351, 358  
 Trình Hoài Đức 433, 449, 483, 503



- Trịnh Kiểm 292, 293, 304, 305, 306, 307, 317, 318, 358, 363
- Trịnh Kiều 323
- Trịnh Khả 236, 242, 246, 247
- Trịnh Khải 299, 394, 395, 400
- Trịnh Kỳ 184
- Trịnh Lệ 404
- Trịnh Nhạc 328
- Trịnh Quốc Anh 371, 372, 390
- Trịnh Sâm 299, 350, 351, 356, 357, 358, 384, 385, 387, 388, 394, 395, 397
- Trịnh Tạc 295, 296, 332, 333, 335, 336, 338, 339, 341, 343, 348, 350, 358, 380, 395
- Trịnh Tế 335
- Trịnh Toàn 332, 333
- Trịnh Thế Công 333
- Trịnh Tráng 294, 295, 319, 322, 323, 325, 326, 327, 328, 329, 330, 331, 332, 333, 358, 376
- Trịnh Trọng 331
- Trịnh Tùng 292, 293, 294, 301, 307, 308, 309, 310, 311, 312, 313, 314, 316, 317, 318, 319, 321, 322, 325, 358, 400
- Trịnh Tự Quyền 399
- Trịnh Văn Hải 309
- Trịnh Xuân 322
- Trung hưng thực lục 174, 224
- Trung Kỳ 562, 597, 612, 617, 618, 625
- Truyền Thúy Kiều 464
- Trực Lệ Quảng Đức doanh 457
- Trực Sâm 369
- Trung Nhị 49, 51
- Trung Trắc 49, 51
- Trương Bá Nghi 71
- Trương Bá Ngọc 122
- Trương Cận Bang 558
- Trương Chu 72
- Trương Đạo Lăng 86
- Trương Đăng Quế 517, 525, 546
- Trương Định 546, 613
- Trương Đình Hội 613
- Trương Gia Hội 569
- Trương Giác 86
- Trương Hán Siêu 177, 182, 188
- Trương Hùng 235
- Trương Khuông 353
- Trương Lập Đạo 175
- Trương Minh Giảng 489, 495, 508, 510, 511, 517, 518
- Trương Ngọc 167, 172
- Trương Phụ 209, 210, 211, 212, 214, 215, 216, 218, 219, 220, 222, 227, 248
- Trương Phúc Giáo 432
- Trương Phúc Loan 299, 382, 383, 384, 385, 409
- Trương Phúc Phần 329
- Trương Phúc Phương 447
- Trương Quang Đản 576, 595, 592, 610, 611
- Trương Quang Ngọc 621, 623, 626
- Trương Quang Thủ 575
- Trương Quân 170, 172, 624
- Trương Quốc Dụng 555, 556, 557
- Trương Sĩ Long 415
- Trương Sĩ Thành 189
- Trương Tân 54
- Trương Tiến Bảo 444
- Trương Thủ Tiết 117
- Trương Thụ Thanh 584
- Trương Trọng 54, 558
- Trương Văn Ban 619
- Trương Văn Đa 393

- Trương Văn Hồ 167, 169  
 Trương Văn Uyên 547, 549  
 Trương Vĩnh Ký 14, 379  
 Trường Bạch bộ 323, 324  
 Trường Châu 69  
 Trường Dục 326, 329  
 Trường Giang 59, 278, 559  
 Trường Sa Vương 40, 42  
 Trường Thi 567, 610  
 Tú Cao 352  
 Tuấn Muội 603, 605  
 Tùng Châu 326  
 Tuy Động 228  
 Tuyên Quang 23, 210, 236, 241, 245, 270, 347, 349, 355, 412, 420, 457, 458, 490, 491, 492, 493, 556, 560, 561, 575, 588, 595, 596, 600, 602, 604  
 Tuyển Kha 166  
 Tư khấu Đình 447  
 Tư khấu Uy 389  
 Từ Diên Húc 585, 591  
 Từ Dụ 522, 523, 592, 609, 611, 613  
 Từ Đạo Hạnh 122  
 Từ Hanh 245  
 Từ huấn lục 522  
 Từ Liêm 65, 66, 93, 238, 243, 286  
 Từ Mục 102  
 Tự Đức 521, 526, 527, 528, 529, 530, 538, 539, 540, 541, 542, 543, 548, 552, 553, 554, 557, 558, 559, 560, 563, 564, 571, 574, 576, 578, 598  
 Tự học diễn ca 525  
 Tứ Kỳ 175, 354  
 Tượng Lâm 60  
 Tượng Quận 15, 29
- U**
- Uất Lâm 46, 57  
 Ung Châu 109, 116, 117, 147  
 Ưng Lịch 599
- V**
- Vạn Hạnh 122  
 Vạn Kiếp 147, 151, 152, 153, 156, 163, 164, 168, 169, 170, 178, 179, 224  
 Vạn Tượng 441, 445, 446, 489, 506, 507, 509  
 Vạn Thắng Vương 97  
 Vạn Thọ 64, 402  
 Vạn Xuân 400  
 Vannier 436, 437, 467, 512, 513  
 Vasco de Gama 376  
 Vassoigne 545  
 Văn Đình Úc 355  
 Văn Đức Khuê 557  
 Văn Giang 94, 554  
 Văn Lang 15, 22, 23, 24, 28, 29, 82, 282  
 Văn Minh 432, 522, 523  
 Văn Tử 86  
 Vân Đồn 151, 165, 169, 170, 352, 383  
 Vân Nam 16, 72, 140, 141, 147, 154, 167, 195, 208, 210, 217, 236, 237, 245, 254, 257, 258, 411, 416, 302, 339, 356, 562, 563, 564, 565, 582  
 Vân Phong 387  
 Vân Trung 492, 493  
 Verret 377  
 Versailles 370  
 Vệ Sơn 70  
 Vi Trọng Tế 75  
 Victor Ollivier 436  
 Vientiane 631  
 Viên Minh 421  
 Viễn Đông 467, 563, 565, 580, 617  
 Việt Minh 628



Việt Nam 11, 15, 16, 17, 18,  
19, 20, 50, 224, 364, 365,  
369, 422, 424, 426, 429,  
454, 456, 459, 464, 465,  
466, 467, 472, 510, 511,  
514, 518, 531, 534, 536,  
538, 539, 540, 544, 549,  
551, 568, 572, 582, 583,  
587, 597, 627, 628, 629,  
632

*Việt sử toàn thư* 350

Việt Thác 72

Việt Thường 15, 24, 464

Việt Trì 355, 959

Villeroi 582

Vĩnh Lại 311, 354

Vĩnh Long 369, 457, 539,  
547, 548, 549, 551, 552

Vĩnh Tường 49, 50, 64, 94,  
355, 457, 576

Võ An Châu 69

Võ Công Tế 351

Võ Đình Dung 351

Võ Đức Cát 490

Võ Đức Vương 107, 130

Võ Nga Châu 69

Võ Nhân 431

Võ Phương Đề 353

Võ Tá Dao 396

Võ Tá Lý 355

Võ Tính 428, 431, 432, 436,  
437, 438, 439, 441, 443,  
444, 445, 446, 447

Võ Thước 351

Võ Trác Oánh 351, 352

Võ Trọng Bình 558, 560, 561

Võ Văn Giải 517, 518, 519

Võ Văn Lượng 431

Võ Vĩnh Lộc 494, 498

Võ Vĩnh Tài 494

Võ Vĩnh Tiên 494, 498

Võ Xuân Cẩn 502, 505, 506

Vọng Các 390, 392, 393, 429

*Vô dật* 200

Vũ Di Ngụy 444

Vũ Duy Ninh 542

Vũ Đái 123

Vũ Định 23

Vũ Đường 565

Vũ Lương 330, 331

Vũ Ninh 23, 311

Vũ Như Quế 303

Vũ Quang 626

Vũ Quỳnh 282, 350

Vũ Tá Kiên 397

Vũ Tấn Đường 125

Vũ Tảo 555, 556

Vũ Trọng Bình 525, 585

Vũ Văn Nhậm 397, 405, 406,  
410

Vũ Văn Tiêu 483

Vũ Văn Thiêm 332, 333

Vũ Vinh 339

Vũ Vương 33, 39

Vương Ân Quyền 75

Vương An Thạch 115, 116,  
117

Vương Dục 73

Vương Hữu 218

Vương Khoan 73

Vương Mãng 47, 54

Vương Thông 228, 238, 239,  
240, 241, 242, 243, 244,  
247, 249, 254, 255, 257,  
258

Vương Thúc 73

## W

Warnel 605, 614

## X

Xạ Đầu 110, 304

Xích Quỷ 22, 23

Xích Thổ 370

Xuân Thu 36, 37, 83, 84

Xương Giang 242, 246, 254,  
258, 353

**Y**

Y Pha Nho 472, 528, 529,  
539, 540, 541, 542, 543,  
544, 545, 548, 549, 555,  
567, 580

Ỡ Lan Thái phi 104, 113, 114

Yên Bạc 600, 602

Yên Bái 628

Yên Bang 134

Yên Bắc (Lạng Sơn) 134

Yên Đường 133

Yên Kinh 158, 172, 207, 208,  
220, 299, 314, 324, 338,  
418, 420, 577

Yên Mã 309

Yên Phụ 133, 188

Yên Quảng 314, 322, 349

Yên Sinh 134

Yên Thế 405, 414, 595, 625

Yên Vương Lệ 207

Yết Kiêu 152

**Z**

Zant 377



# Mục Lục

Lời nói đầu .....	4
Tựa .....	7
Những sách dùng để kê cứu .....	13
Nước Việt Nam .....	15
1. Quốc hiệu.....	15
2. Vị trí và diện tích .....	16
3. Địa thế.....	16
4. Chủng loại .....	17
5. Gốc tích.....	17
6. Người Việt Nam .....	18
7. Sự mở mang bờ cõi .....	19
8. Lịch sử Việt Nam .....	19

## Quyển I

### THƯỢNG CỔ THỜI ĐẠI

CHƯƠNG I. HỌ HỒNG BÀNG .....	22
1. Họ Hồng Bàng .....	22
2. Nước Văn Lang.....	23
3. Truyền cổ tích về đời Hồng Bàng .....	24

**CHƯƠNG II. NHÀ THỤC ..... 28**

1. Gốc tích nhà Thục ..... 28
2. Nước Âu Lạc ..... 29
3. Nhà Tần đánh Bách Việt ..... 29
4. Nhà Thục mất nước ..... 30

**CHƯƠNG III. XÃ HỘI NƯỚC TÀU VỀ ĐỜI TAM ĐẠI VÀ ĐỜI NHÀ TẦN  
VÀ ĐỜI NHÀ HÁN ..... 32**

1. Phong kiến ..... 32
2. Quan chế ..... 33
3. Pháp chế ..... 34
4. Binh chế ..... 34
5. Điền chế ..... 35
6. Học hiệu ..... 35
7. Học thuật ..... 36
8. Phong tục ..... 36

**CHƯƠNG IV. NHÀ TRIỆU ..... 39**

1. Triệu Vũ Vương (207 - 137 tr. Tây lịch) ..... 39
2. Vũ Vương thụ phong nhà Hán ..... 39
3. Vũ Vương xưng đế ..... 40
4. Vũ Vương thần phục nhà Hán ..... 40
5. Triệu Văn Vương (137 - 125 tr. Tây lịch) ..... 43
6. Triệu Minh Vương (125 - 113 tr. Tây lịch) ..... 43
7. Triệu Ai Vương ..... 44
8. Triệu Dương Vương ..... 44

Quyển II**BẮC THUỘC THỜI ĐẠI**

<b>CHƯƠNG I. BẮC THUỘC LẦN THỨ NHẤT .....</b>	<b>46</b>
1. Chính trị nhà Tây Hán .....	46
2. Tích Quang và Nhâm Diên .....	47
<b>CHƯƠNG II. TRƯNG VƯƠNG .....</b>	<b>49</b>
1. Trưng Thị khởi binh .....	49
2. Mã Viện sang đánh Giao Chỉ .....	50
<b>CHƯƠNG III. BẮC THUỘC LẦN THỨ HAI .....</b>	<b>52</b>
❖ <i>Nhà Đông Hán</i> .....	<b>53</b>
1. Chính trị nhà Đông Hán .....	53
2. Lý Tiến và Lý Cầm .....	53
3. Sĩ Nhiếp (187 - 226) .....	54
❖ <i>Đời Tam Quốc</i> .....	<b>55</b>
1. Nhà Đông Ngô (222 - 280) .....	55
2. Triệu Ẩu .....	56
3. Nhà Ngô chia đất Giao Châu .....	57
❖ <i>Nhà Tấn</i> .....	<b>59</b>
1. Chính trị nhà Tấn .....	59
2. Nước Lâm Ấp quấy nhiễu Giao Châu .....	59
❖ <i>Nam Bắc triều</i> .....	<b>61</b>
1. Tình thế nước Tàu .....	61
2. Việc đánh Lâm Ấp .....	62
3. Sự biến loạn ở đất Giao Châu .....	62



<b>CHƯƠNG IV. NHÀ TIỀN LÝ.....</b>	<b>63</b>
1. Lý Nam Đế (544 - 548).....	63
2. Triệu Việt Vương (549 - 571) .....	65
3. Hậu Lý Nam Đế (571 - 602) .....	66
<b>CHƯƠNG V. BẮC THUỘC LẦN THỨ BA.....</b>	<b>67</b>
❖ <i>Nhà Tùy</i> .....	<b>68</b>
1. Việc đánh Lâm Ấp.....	68
❖ <i>Nhà Đường</i> .....	<b>68</b>
1. Chính trị nhà Đường .....	68
2. An Nam Đô hộ phủ .....	69
3. Mai Hắc Đế (722).....	70
4. Giặc bể.....	71
5. Bố Cái Đại Vương (791).....	71
6. Việc đánh nước Hoàn Vương.....	71
7. Nam Chiếu cướp phá Giao Châu .....	72
8. Cao Biền bình giặc Nam Chiếu .....	74
9. Công việc của Cao Biền .....	76
10. Sự trị loạn của nước Tàu.....	77
❖ <i>Đời Ngũ Quý (907 - 959)</i> .....	<b>78</b>
1. Tình thế nước Tàu .....	78
2. Họ Khúc dấy nghiệp: Khúc Thừa Dụ (906 - 907).....	78
3. Khúc Hạo (907 - 917) .....	79
4. Khúc Thừa Mỹ (917 - 923) .....	79
5. Dương Diên Nghệ và Kiều Công Tiễn (931 - 938) .....	79
6. Ngô Quyền phá quân Nam Hán.....	80

<b>CHƯƠNG VI. KẾT QUẢ CỦA THỜI BẮC THUỘC .....</b>	<b>82</b>
1. Người nước Nam nhiễm văn minh của Tàu.....	82
2. Nho giáo.....	83
3. Đạo giáo.....	85
4. Phật giáo.....	87
5. Sự tiến hóa của người nước Nam.....	89

### Quyển III

## **TỰ CHỦ THỜI ĐẠI**

### **Thời kỳ thống nhất**

<b>CHƯƠNG I. NHÀ NGÔ.....</b>	<b>92</b>
1. Tiền Ngô Vương (939 - 965) .....	92
2. Dương Tam Kha (945 - 950) .....	92
3. Hậu Ngô Vương (950 - 965).....	93
4. Thập nhị sứ quân (945 - 967) .....	93
<b>CHƯƠNG II. NHÀ ĐÌNH .....</b>	<b>96</b>
1. Đinh Tiên Hoàng (968 - 979).....	96
2. Phế Đế (979 - 980).....	98
<b>CHƯƠNG III. NHÀ TIỀN LÊ .....</b>	<b>100</b>
1. Lê Đại Hành (980 - 1005) .....	100
2. Phá quân nhà Tống .....	101
3. Đánh Chiêm Thành .....	101
4. Việc đánh dẹp và sửa sang trong nước .....	102
5. Lê Trung Tông (1005).....	102
6. Lê Long Đĩnh (1005 - 1009).....	102

**CHƯƠNG IV. NHÀ LÝ..... 104****❖ Lý Thái Tổ ..... 105**

1. Thái Tổ khởi nghiệp ..... 105
2. Dời đô về Thăng Long thành ..... 105
3. Lấy kinh Tam Tạng ..... 106
4. Việc chính trị ..... 106

**❖ Lý Thái Tông..... 107**

1. Lê Phụng Hiểu định loạn ..... 107
2. Sự đánh dẹp ..... 108
3. Giặc Nùng ..... 108
4. Đánh Chiêm Thành ..... 110
5. Việc chính trị ..... 111

**❖ Lý Thánh Tông ..... 111**

1. Việc chính trị ..... 111
2. Lấy đất Chiêm Thành..... 112

**❖ Lý Nhân Tông ..... 113**

1. Ý Lan Thái phi ..... 113
2. Lý Đạo Thành ..... 114
3. Việc sửa sang trong nước ..... 114
4. Việc đánh nhà Tống ..... 115
5. Nhà Tống lấy đất Quảng Nguyên..... 117
6. Đánh Chiêm Thành ..... 120

**CHƯƠNG V. NHÀ LÝ (Tiếp theo) ..... 121****❖ Lý Thần Tông..... 122****❖ Lý Anh Tông..... 123**



1. Đỗ Anh Vũ .....	123
2. Tô Hiến Thành.....	123
3. Giặc Thân Lợi.....	124
4. Việc chính trị.....	124
❖ <i>Lý Cao Tông</i> .....	125
1. Tô Hiến Thành làm Phụ chính .....	125
2. Sự nội loạn.....	126
❖ <i>Lý Huệ Tông</i> .....	127
1. Trần Thị .....	127
2. Quyền về họ Trần .....	128
<b>CHƯƠNG VI. NHÀ TRẦN (Thời kỳ thứ nhất 1225 - 1293).....</b>	<b>132</b>
❖ <i>Trần Thái Tông</i> .....	133
1. Trần Thủ Độ.....	133
2. Việc đánh dẹp giặc giả .....	135
3. Việc cai trị.....	135
4. Việc thuế má.....	136
5. Việc đắp đê .....	137
6. Việc học hành.....	138
7. Pháp luật.....	137
8. Quan chế .....	138
9. Binh chế .....	139
10. Việc đánh Chiêm Thành.....	139
11. Quân Mông Cổ xâm phạm đất An Nam .....	140
❖ <i>Trần Thánh Tông</i> .....	142
1. Việc chính trị .....	142
2. Sự giao thiệp với Mông Cổ .....	143



❖ <b>Trần Nhân Tông</b> .....	<b>145</b>
1. Việc chính trị .....	145
2. Việc văn học .....	145

## **CHƯƠNG VII. GIẶC NHÀ NGUYỄN (I)..... 147**

1. Sài Thung sang sứ An Nam .....	147
2. Trần Di Ái theo nhà Nguyễn .....	148
3. Thoát Hoan sang đánh lần thứ nhất .....	150
4. Trần Hưng Đạo Vương quân thua về Vạn Kiếp .....	152
5. Thành Thăng Long thất thủ .....	156
6. Toa Đô đánh Nghệ An .....	157
7. Hưng Đạo Vương đem vua về Thanh Hóa .....	157
8. Trận Hàm Tử Quan: Trần Nhật Duật phá quân Toa Đô .....	159
9. Trận Chương Dương Độ: Trần Quang Khải khôi phục Thăng Long .....	161
10. Trận Tây Kết: Tướng nhà Trần chém được Toa Đô .....	162
11. Trận Vạn Kiếp: Thoát Hoan trốn chạy về Tàu .....	163

## **CHƯƠNG VIII. GIẶC NHÀ NGUYỄN (II)..... 165**

1. Nguyên chủ định khởi binh phục thù .....	165
2. Thoát Hoan sang đánh lần thứ hai .....	167
3. Trận Vân Đồn: Trần Khánh Dư cướp lương của quân Nguyễn ....	169
4. Trận Bạch Đằng giang: Ô Mã Nhi phải bắt .....	170
5. Hưng Đạo Vương đại phá Nguyên binh .....	172
6. Sứ An Nam sang Tàu xin hòa .....	173
7. Định công, phạt tội .....	174
8. Định cuộc hòa hiếu .....	175

**CHƯƠNG IX. NHÀ TRẦN (Thời kỳ thứ hai 1293 - 1341) ..... 176****❖ Trần Anh Tông ..... 176**

1. Đức độ vua Anh Tông ..... 176
2. Trần Hưng Đạo Vương mất ..... 178
3. Việc đánh Ai Lao ..... 180
4. Sự giao thiệp với Chiêm Thành ..... 181

**❖ Trần Minh Tông ..... 182****❖ Trần Hiến Tông ..... 184**

1. Giặc Ngưu Hống ..... 184
2. Giặc Ai Lao ..... 184

**CHƯƠNG X. NHÀ TRẦN (Thời kỳ thứ ba 1341 - 1400) ..... 187****❖ Trần Dụ Tông ..... 188**

1. Việc chính trị ..... 188
2. Việc giao thiệp với nước Tàu ..... 189
3. Việc giao thiệp với Chiêm Thành ..... 189
4. Dương Nhật Lễ (1369 - 1370) ..... 190

**❖ Trần Nghệ Tông ..... 191****❖ Trần Duệ Tông ..... 191**

1. Việc chính trị ..... 191
2. Sự thi cử ..... 192
3. Việc đánh Chiêm Thành ..... 192

**❖ Trần Phế Đế ..... 193**

1. Chiêm Thành sang phá Thăng Long ..... 193
2. Tình thế nước Nam ..... 195
3. Nhà Minh sách nhiễu ..... 195

4. Nghệ Tông thất chính .....	196
5. Lê Quý Ly mưu giết Đế Hiền.....	196
❖ <b>Trần Thuận Tông .....</b>	<b>197</b>
1. Phạm Sư Ôn khởi loạn .....	197
2. Chế Bồng Nga tử trận .....	197
3. Lê Quý Ly chuyên quyền .....	199
4. Nghệ Tông mất .....	200
❖ <b>Lê Quý Ly mưu sự thoán đoạt.....</b>	<b>200</b>
1. Việc tài chính.....	200
2. Việc học hành.....	201
3. Việc cai trị .....	201
4. Lập Tây Đô .....	202
5. Sự phế lập: Trần Thiếu Đế (1398 - 1400).....	202
<b>CHƯƠNG XI. NHÀ HỒ.....</b>	<b>204</b>
❖ <b>Hồ Quý Ly (1400).....</b>	<b>204</b>
❖ <b>Hồ Hán Thương (1401 - 1407) .....</b>	<b>205</b>
1. Việc võ bị.....	205
2. Việc sưu thuế .....	206
3. Việc học hành.....	206
4. Việc giao thiệp với Chiêm Thành .....	207
5. Việc giao thiệp với nhà Minh .....	207
6. Nhà Minh đánh họ Hồ .....	209
7. Thành Đa Bang thất thủ.....	210
8. Trần Mộc Phàm Giang.....	211
9. Trần Hàm Tử Quan .....	212
10. Họ Hồ phải bắt.....	212

## CHƯƠNG XII. NHÀ HẬU TRẦN ..... 214

1. Nhà Minh chiếm giữ đất An Nam.....214
2. Giản Định Đế (1407 - 1409).....216
3. Trần Bô Cô .....217
4. Trần Quý Khoách (1403 - 1413).....218
5. Trương Phụ trở sang An Nam .....218
6. Hóa Châu thất thủ .....220

## CHƯƠNG XIII. THUỘC NHÀ MINH ..... 222

1. Việc chính trị nhà Minh.....222
2. Việc tế tự.....222
3. Cách ăn mặc .....223
4. Sự học hành .....223
5. Việc trạm dịch.....225
6. Việc binh lính .....225
7. Phép hộ thiếp và hoàng sách .....225
8. Việc thuế má .....226
9. Việc sưu dịch.....226
10. Quan lại .....227

## CHƯƠNG XIV. MƯỜI NĂM ĐÁNH QUÂN TÀU..... 228

1. Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn .....229
2. Về Chí Linh lần thứ nhất.....230
3. Về Chí Linh lần thứ hai .....230
4. Bình Định Vương về đóng Lư Sơn .....231
5. Bình Định Vương về đóng Lỗi Giang .....231
6. Nguyễn Trãi.....232
7. Bình Định Vương phá quân Trần Trí.....232



8. Về Chí Linh lần thứ ba .....	233
9. Bình Định Vương hết lương phải hòa với giặc .....	233
10. Bình Định Vương lấy đất Nghệ An .....	233
11. Vây thành Tây Đô.....	235
12. Lấy Tân Bình và Thuận Hóa .....	236
13. Quân Bình Định Vương tiến ra Đông Đô .....	236
14. Trận Tuy Động: Vương Thông thất thế.....	238
15. Vây thành Đông Đô .....	241
16. Vương Thông xin hòa lần thứ nhất .....	241
17. Bình Định Vương đóng quân ở Bồ Đề .....	242
18. Bình Định Vương đặt pháp luật để trị quân dân .....	243
19. Trận Chi Lăng: Liễu Thăng tử trận .....	244
20. Vương Thông xin hòa lần thứ hai.....	247
21. Trần Cao dâng biểu xin phong .....	247
22. Tờ Bình Ngô đại cáo .....	250

## **CHƯƠNG XV. NHÀ LÊ (Thời kỳ thống nhất) ..... 259**

❖ <i>Lê Thái Tổ</i> .....	260
1. Bình Định Vương lên ngôi tôn.....	260
2. Việc học hành.....	261
3. Luật lệ.....	261
4. Việc cai trị .....	263
5. Phép quân điển .....	263
6. Việc binh lính .....	263
7. Công thần bị giết .....	264
❖ <i>Lê Thái Tông</i> .....	264
❖ <i>Lê Nhân Tông</i> .....	266



❖	<b>Lê Thánh Tông</b> .....	<b>267</b>
1.	Việc cai trị .....	268
2.	Việc thuế lệ .....	271
3.	Việc canh nông .....	271
4.	Nhà Tế sinh .....	271
5.	Việc sửa phong tục .....	271
6.	Địa đồ nước Nam .....	275
7.	Đại Việt sử ký .....	275
8.	Việc văn học .....	275
9.	Việc võ bị .....	276
10.	Đánh Chiêm Thành .....	276
11.	Đánh Lão Qua .....	277
12.	Đánh Bồn Man .....	278
13.	Việc giao thiệp với Tàu .....	278
❖	<b>Lê Hiến Tông</b> .....	<b>279</b>
❖	<b>Lê Túc Tông và Lê Uy Mục</b> .....	<b>280</b>
❖	<b>Lê Tương Dực</b> .....	<b>281</b>
1.	Việc thuế má .....	281
2.	Đại Việt thông giám .....	282
3.	Sự biến loạn .....	282
❖	<b>Lê Chiêu Tông và Lê Cung Hoàng</b> .....	<b>283</b>
1.	Giặc Trần Cao quấy nhiễu ở Đông Đô .....	284
2.	Quan trọng triều làm loạn .....	285
3.	Mạc Đăng Dung chuyên quyền .....	286



## Quyển IV

# TỰ CHỦ THỜI ĐẠI

Thời kỳ Nam Bắc phân tranh (1528 - 1802)

<b>NHÀ HẬU LÊ (Thời kỳ phân tranh 1533 - 1788) .....</b>	<b>290</b>
<b>CHƯƠNG I. LỊCH TRIỀU LƯỢC KỶ .....</b>	<b>290</b>
♦ Nam triều Bắc triều .....	291
♦ Trịnh Nguyễn phân tranh .....	293
❖ Lê Kính Tông .....	293
❖ Lê Thần Tông (lần thứ nhất) .....	293
❖ Lê Chân Tông.....	294
❖ Lê Thần Tông (lần thứ hai).....	295
❖ Lê Huyền Tông .....	295
❖ Lê Gia Tông.....	295
❖ Lê Hy Tông .....	296
❖ Lê Dụ Tông .....	297
❖ Lê Đế Duy Phương .....	297
❖ Lê Thuần Tông .....	298
❖ Lê ý Tông.....	298
❖ Lê Hiến Tông .....	299
❖ Lê Mẫn Đế.....	299
<b>CHƯƠNG II. NAM TRIỀU BẮC TRIỀU.....</b>	<b>301</b>
1. Chính trị nhà Mạc .....	301
2. Việc nhà Mạc giao thiệp với nhà Minh.....	302



3. Họ Nguyễn khởi nghĩa giúp nhà Lê .....304
4. Quyền về họ Trịnh.....305
5. Trịnh Tùng thống lĩnh binh quyền.....307
6. Khôi phục thành Thăng Long .....308
7. Nhà Mạc mất ngôi .....311
8. Việc nhà Hậu Lê giao thiệp với nhà Minh.....313
9. Con cháu nhà Mạc ở Cao Bằng.....314

### **CHƯƠNG III. TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH..... 316**

1. Họ Trịnh xưng chúa miền Bắc .....316
2. Họ Nguyễn xưng chúa miền Nam.....317

### **CHƯƠNG IV. SỰ CHIẾN TRANH..... 321**

1. Họ Trịnh đánh họ Mạc ở Cao Bằng .....321
2. Nhà Thanh dấy nghiệp.....323
3. Tình thế họ Nguyễn ở miền Nam .....325
4. Đánh nhau lần thứ nhất.....326
5. Đánh nhau lần thứ hai .....328
6. Đánh nhau lần thứ ba.....329
7. Đánh nhau lần thứ tư .....329
8. Đánh nhau lần thứ năm.....330
9. Đánh nhau lần thứ sáu .....335
10. Đánh nhau lần thứ bảy.....336

### **CHƯƠNG V. CÔNG VIỆC HỌ TRỊNH LÀM Ở ĐẤT BẮC..... 338**

1. Việc giao thiệp với nhà Thanh .....338
2. Việc lấy đất Cao Bằng của họ Mạc .....339
3. Quan chế .....340
4. Việc binh chế.....342

5. Hình luật .....	343
6. Thuế đinh, thuế điền và sưu dịch .....	344
7. Các thứ thuế .....	346
8. Sổ chi thu .....	346
9. Việc khai mỏ .....	347
10. Việc đúc tiền .....	347
11. Sự đồng lương .....	348
12. Việc in sách .....	348
13. Việc học hành thi cử .....	348
14. Trường học võ .....	349
15. Làm quốc sử .....	350
16. Sự đánh dẹp giặc giã trong nước .....	350
<b>CHƯƠNG VI. CÔNG VIỆC HỌ NGUYỄN LÀM Ở MIỀN NAM .....</b>	<b>359</b>
1. Quan chế .....	359
2. Thi cử .....	360
3. Việc võ bị .....	361
4. Việc thuế khóa .....	362
5. Số tiền chi thu trong nước .....	362
6. Lấy đất Chiêm Thành .....	363
7. Mở đất Nam Việt và sự giao thiệp với Chân Lạp .....	364
8. Việc giao thiệp với nước Tiêm La .....	369
9. Lập dinh định phủ .....	372
<b>CHƯƠNG VII. NGƯỜI ÂU CHÂU SANG NƯỚC VIỆT NAM .....</b>	<b>375</b>
1. Sự đi tìm đất .....	375
2. Sự đi truyền giáo .....	377

**CHƯƠNG VIII. VẬN TRUNG SUY CỦA CHÚA NGUYỄN..... 382**

1. Trương Phúc Loan chuyên quyền .....382
2. Tây Sơn dấy binh .....383
3. Quân họ Trịnh vào lấy Phú Xuân .....384
4. Chúa Nguyễn vào Gia Định .....385
5. Nguyễn Vương khởi binh đánh Tây Sơn .....389
6. Nguyễn Vương định cầu viện nước Pháp Lan Tây .....391
7. Nguyễn Huệ phá quân Tiêm La .....393

**CHƯƠNG IX. HỌ TRỊNH MẤT NGHIỆP CHÚA ..... 394**

1. Chúa Trịnh bỏ trưởng lập thứ .....394
2. Kiêu binh .....395
3. Tây Sơn lấy Thuận Hóa .....396
4. Tây Sơn dứt họ Trịnh .....398

**CHƯƠNG X. NHÀ HẬU LÊ MẤT NGÔI VUA..... 402**

1. Tây Sơn rút quân về Nam.....402
2. Nguyễn Hữu Chỉnh chuyên quyền ở đất Bắc .....404
3. Tây Sơn lấy đất Bắc Hà.....405

**CHƯƠNG XI. NHÀ NGUYỄN TÂY SƠN..... 408**

1. Nhà Nguyễn Tây Sơn dấy nghiệp.....408
2. Vua Quang Trung (1788 - 1792) .....411
3. Tôn Sĩ Nghị đem quân sang An Nam .....411
4. Vua Quang Trung đại phá quân nhà Thanh .....413
5. Vua Quang Trung cầu phong .....417
6. Vua Chiêu Thống nhà Lê bị nhục bên Tàu .....419
7. Đức độ vua Quang Trung .....422
8. Chính trị của vua Quang Trung.....423



9. Quan chế .....	424
10. Việc đình điền.....	424
11. Việc học hành.....	424
12. Việc làm chùa chiền.....	425
13. Việc định đánh Tàu.....	425
14. Vua Quang Trung mất.....	426
15. Vua Cảnh Thịnh (1782 - 1802) .....	427

## **CHƯƠNG XII. NGUYỄN VƯƠNG NHẤT THỐNG NƯỚC NAM..... 428**

1. Nguyễn Vương Ánh ở Tiêm La.....	428
2. Nguyễn Vương về lấy Gia Định .....	429
3. Nguyễn Vương sửa sang mọi việc ở Gia Định .....	432
4. Việc khai khẩn điền thổ .....	433
5. Việc buôn bán .....	434
6. Ông Bá Đa Lộc và Hoàng tử Cảnh ở Pháp về .....	434
7. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ nhất .....	436
8. Thế lực Tây Sơn .....	438
9. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ hai .....	441
10. Nguyễn Vương đánh Quy Nhơn lần thứ ba .....	441
11. Quân Tây Sơn vây thành Bình Định.....	443
12. Nguyễn Vương thu phục Phú Xuân.....	445
13. Võ Tính tử tiết .....	446
14. Trần Trấn Ninh.....	447
15. Nguyễn Vương lên ngôi tôn .....	448
16. Quân Nam ra lấy Bắc Hà .....	449

Quyển V**CẬN KIM THỜI ĐẠI****NHÀ NGUYỄN.....454****CHƯƠNG I. THẾ TỔ ..... 454**

1. Thế Tổ xưng đế hiệu.....454
2. Việc triều chính .....456
3. Binh chế .....458
4. Việc tài chính.....459
5. Công vụ.....462
6. Pháp luật.....463
7. Việc học hành.....463
8. Việc giao thiệp với nước Tàu.....464
9. Việc giao thiệp với nước Chân Lạp và nước Tiêm La .....465
10. Việc giao thiệp với nước Hồng Mao .....467
11. Việc giao thiệp với nước Pháp Lan Tây .....467
12. Sự giết hại công thần.....468
13. Xét công việc của vua Thế Tổ.....470

**CHƯƠNG II. THÁNH TỔ ..... 471**

1. Đức độ vua Thánh Tổ.....471
2. Việc chính trị trong nước .....474
3. Nội các.....474
4. Cơ mật viện .....475
5. Tôn nhân phủ.....475
6. Quan chế .....475
7. Đặt Tổng đốc, Tuần phủ ở các tỉnh .....479





8. Lương bổng của các quan viên.....	480
9. Tiền dưỡng liêm .....	481
10. Sự học hành thi cử .....	482
11. Sách vở .....	483
12. Việc sửa phong tục.....	484
13. Nhà dưỡng tể .....	485
14. Việc đình điền và thuế má.....	485
15. Việc võ bị.....	486
<b>CHƯƠNG III. THÁNH TỔ (Tiếp theo).....</b>	<b>488</b>
1. Sự giặc giã .....	488
2. Giặc ở Bắc Kỳ.....	489
3. Phan Bá Vành .....	490
4. Lê Duy Lương .....	490
5. Nông Văn Vân.....	491
6. Giặc ở Nam Kỳ.....	493
7. Án Lê Văn Duyệt và Lê Chất .....	496
8. Giặc Tiêm La .....	506
9. Việc Ai Lao .....	509
10. Việc Chân Lạp.....	510
11. Việc giao thiệp với những nước ngoại dương .....	511
12. Sự cấm đạo.....	513
13. Vua Thánh Tổ mất.....	515
<b>CHƯƠNG IV. HIẾN TỔ .....</b>	<b>517</b>
1. Đức độ vua Hiến Tổ .....	517
2. Việc Chân Lạp.....	517
3. Việc Tiêm La.....	518
4. Việc giao thiệp với nước Pháp.....	519

**CHƯƠNG V. DỤC TÔNG.....521**

1. Đức độ vua Dục Tông .....521
2. Đình thần .....525
3. Việc ngoại giao.....528
4. Việc cấm đạo.....529
5. Việc thuế má .....529
6. Việc văn học .....530
7. Việc binh chế.....530

**CHƯƠNG VI. CHẾ ĐỘ VÀ TÌNH THẾ NƯỚC VIỆT NAM****ĐẾN CUỐI ĐỜI TỰ ĐỨC.....531**

1. Cách tổ chức chính trị và xã hội .....531
2. Bốn hạng dân.....534
3. Sự sinh hoạt của người trong nước.....537

**CHƯƠNG VII. NƯỚC PHÁP LẤY ĐẤT NAM KỲ.....539**

1. Quân Pháp đánh Đà Nẵng .....539
2. Quân Pháp vào đánh Gia Định .....542
3. Mất tỉnh Định Tường .....545
4. Mất tỉnh Biên Hòa và tỉnh Vĩnh Long .....547
5. Hòa ước năm Nhâm Tuất (1862).....547
6. Sứ Việt Nam sang Tây .....549
7. Việc bảo hộ Cao Miên .....549
8. Nước Pháp lấy ba tỉnh phía Tây đất Nam Kỳ .....550

**CHƯƠNG VIII. GIẶC GIÃ Ở TRONG NƯỚC .....553**

1. Việc rối loạn trong nước.....553
2. Giặc Tam Đường .....554
3. Giặc châu châu.....554
4. Giặc tên Phụng .....555



5. Sự phản nghịch ở kinh thành .....558
6. Giặc Khách ở Bắc Kỳ.....559

## **CHƯƠNG IX. QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC KỲ (Lần thứ nhất)..... 562**

1. Người Pháp tìm đường sang Tàu .....562
2. Đồ Phổ Nghĩa (Jean Dupuis) .....563
3. Đại úy Francis Garnier (Ngạc Nhi) ra Hà Nội .....565
4. Hạ thành Hà Nội năm Quý Dậu (1873) .....567
5. Lấy mấy tỉnh ở Trung châu .....568
6. Đại úy Francis Garnier chết.....569
7. Ông Philastre ra Hà Nội .....569
8. Hòa ước năm Giáp Tuất (1874) .....571

## **CHƯƠNG X. TÌNH THẾ NƯỚC NAM TỪ NĂM GIÁP TUẤT VỀ SAU ..... 574**

1. Văn thân nổi loạn ở Nghệ Tĩnh .....574
2. Giặc ở Bắc Kỳ.....575
3. Sự giao thiệp với nước Tàu .....576
4. Tình thế nước Tàu .....578
5. Sự giao thiệp với nước Pháp .....579

## **CHƯƠNG XI. QUÂN NƯỚC PHÁP LẤY BẮC KỲ (Lần thứ hai) ..... 582**

1. Đại tá Henry Rivière ra Hà Nội .....582
2. Hạ thành Hà Nội lần thứ hai.....583
3. Việc cầu cứu nước Tàu .....584
4. Quân Pháp lấy Nam Định .....585
5. Đại tá Henry Rivière chết.....585

## **CHƯƠNG XII. CUỘC BẢO HỘ CỦA NƯỚC PHÁP ..... 588**

1. Sự phế lập ở Huế: vua Hiệp Hòa .....588
2. Quân Pháp lấy cửa Thuận An.....589

3. Hòa ước năm Quý Mùi (1883) .....	590
4. Việc ở Bắc Kỳ .....	591
5. Vua Hiệp Hòa bị giết .....	592
6. Vua Kiến Phúc .....	592
7. Sự đánh lấy các tỉnh ở Bắc Kỳ .....	593
8. Lấy tỉnh Sơn Tây .....	593
9. Lấy thành Bắc Ninh .....	594
10. Lấy Hưng Hóa .....	595
11. Lấy Tuyên Quang .....	595
12. Hòa ước Fournier .....	596
13. Hòa ước Patenôtre tháng 5 năm Giáp Thân (1884) .....	596
14. Việc triều chính ở Huế .....	598
15. Vua Hàm Nghi .....	598

### **CHƯƠNG XIII. CHIẾN TRANH VỚI NƯỚC TÀU .....**

**600**

1. Trận Bắc Lệ .....	600
2. Đánh Phúc Châu và vây Đài Loan .....	601
3. Trận đồn Chũ và đồn Kép .....	602
4. Trận Yên Bạc .....	602
5. Lấy thành Lạng Sơn .....	603
6. Thành Tuyên Quang bị vây .....	604
7. Mất thành Lạng Sơn .....	604
8. Hòa ước Thiên Tân .....	605

### **CHƯƠNG XIV. LOẠN Ở TRUNG KỲ .....**

**607**

1. Thống tướng De Courcy vào Huế .....	607
2. Triều đình chạy ra Quảng Trị .....	609
3. Nguyễn Văn Tường ra thú .....	610
4. Xa giá các bà Thái hậu về Khiêm Lăng .....	611



5. Quân Cần Vương .....	612
6. Vua Đồng Khánh .....	613
7. Thống tướng De Courcy phải triệt về .....	614
8. Vua Hàm Nghi ở Quảng Bình .....	615
9. Ông Paul Bert .....	616
10. Lập Tổng đốc toàn quyền phủ .....	617

## **CHƯƠNG XV. VIỆC ĐÁNH DỆP Ở TRUNG KỲ VÀ BẮC KỲ..... 618**

1. Việc đánh dẹp ở các nơi.....	618
2. Vua Đồng Khánh ra Quảng Bình .....	618
3. Hoàng Kế Viêm ra quân thứ mạn Quảng Bình.....	619
4. Lập đồn Minh Cầm.....	620
5. Vua Hàm Nghi bị bắt.....	622
6. Vua Thành Thái .....	624
7. Sự đánh dẹp ở Bắc Kỳ .....	625
8. Việc Phan Đình Phùng .....	625
9. Lòng yêu nước của người Việt Nam .....	627

## **CHƯƠNG XVI. CÔNG VIỆC CỦA BẢO HỘ .....**

1. Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng thành đất nhượng địa .....	629
2. Việc kinh doanh ở các xứ bảo hộ .....	629

## **TỔNG KẾT .....**

632

## NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409, Fax: 024.38294781

Website: [www.nxbvanhoc.com](http://www.nxbvanhoc.com); [www.nxbvanhoc.com.vn](http://www.nxbvanhoc.com.vn)

E-mail: [info@nxbvanhoc.com.vn](mailto:info@nxbvanhoc.com.vn)

\* Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 028.38469858, Fax: 028.38483481

\* Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương - TP. Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0236 3888333

# VIỆT NAM SỬ LƯỢC

Trần Trọng Kim

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

Giám đốc - Tổng Biên tập

**TS. NGUYỄN ANH VŨ**

*Biên tập:* **NGUYỄN THỊ DINH**

*Thiết kế bìa:* **PHAN ĐẠO**

*Chế bản:* **TRÍ THÁI**

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

**CÔNG TY TNHH VĂN HÓA MINH TÂN - NHÀ SÁCH MINH THẮNG**

Địa chỉ: 808 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội

Điện thoại: 0243 999 7777 - Fax: 0246 266 1133

Website: [www.nhasachminhthang.vn](http://www.nhasachminhthang.vn)

[facebook.com/nhasachminhthang808duonglang/](https://facebook.com/nhasachminhthang808duonglang/)

**Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế - ISBN: 978-604-9829-95-6**

In số lượng 2.000 cuốn (bìa mềm), khổ 16 x 24 cm.

Tại Công ty TNHH Văn hóa Minh Tân - Nhà sách Minh Thắng.

Địa chỉ: Số 200 B3 Tân Mai - Hoàng Mai - Hà Nội.

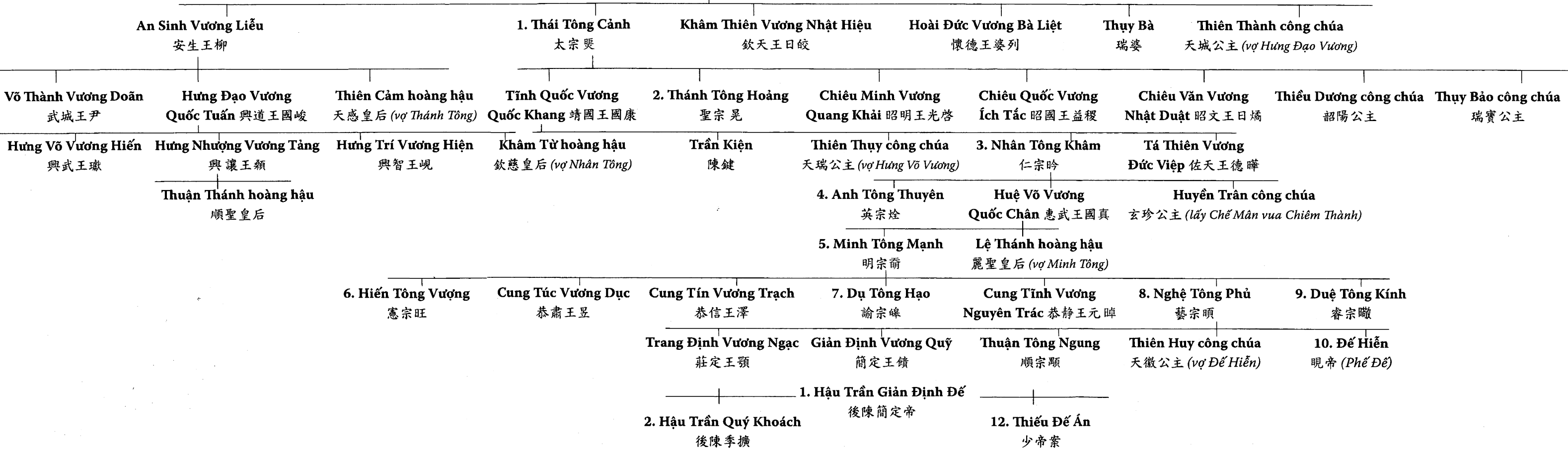
Số xác nhận ĐKXB: 2042-2019/CXBIPH/06-99/VH, ngày 10/6/2019.

Quyết định xuất bản số: 797/QĐ-VH, ngày 13/6/2019.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2019.

TRẦN TRIỀU THẾ PHỔ  
陳朝世譜

TRẦN THỪA 陳丞 (Không làm vua, nhưng truy tôn là Thái Tổ)



HỌ TRẦN LIÊN LẠC VỚI HỌ HỒ

Minh Từ hoàng hậu 明案皇后

Đôn Từ hoàng hậu 惇案皇后

Ông thân sinh ra Quý Ly (không biết tên gì)

Trần Minh Tông 陳明宗

Trần Nghệ Tông 陳藝宗

Trần Thuận Tông 陳順宗

Trần Duệ Tông 陳睿宗

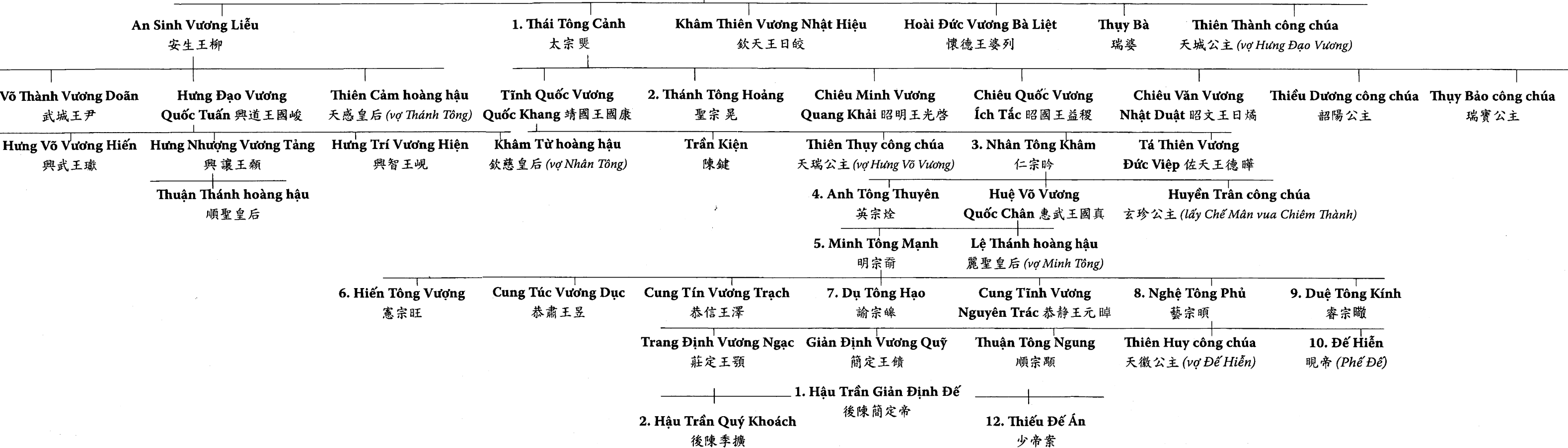
Quý Ly 季犛

Khâm Thánh hoàng hậu 欽聖皇后

Trần Thiếu Đế 陳少帝

TRẦN TRIỀU THẾ PHỔ  
陳朝世譜

TRẦN THỪA 陳丞 (Không làm vua, nhưng truy tôn là Thái Tổ)



HỌ TRẦN LIÊN LẠC VỚI HỌ HỒ

Minh Từ hoàng hậu 明案皇后

Đôn Từ hoàng hậu 惇案皇后

Ông thân sinh ra Quý Ly (không biết tên gì)

Trần Minh Tông 陳明宗

Trần Nghệ Tông 陳藝宗

Trần Thuận Tông 陳順宗

Trần Duệ Tông 陳睿宗

Quý Ly 季犛

Khâm Thánh hoàng hậu 欽聖皇后

Trần Thiếu Đế 陳少帝



LÊ TRIỀU THẾ PHỔ  
黎朝世譜

1. THÁI TỔ LÊ LỢI  
太祖黎利

Quốc Vương Tư Tế  
國王思齊

2. Thái Tông Nguyên Long  
太宗元龍

Lạng Vương Nghi Dân  
諒王宜民

3. Nhân Tông Bang Cơ  
仁宗邦基

Tân Bình vương Khắc Xương  
新平王克昌

4. Thánh Tông Tư Thành  
聖宗思誠

5. Hiến Tông  
憲宗 鑑

Lương Vương  
梁王 銓

Tống Vương  
宋王 從

Đường Vương  
唐王 鎬

Kiến Vương  
建王 檣

Phúc Vương  
福王 掙

Diễn Vương  
演王 總

Quảng Vương  
廣王 標

Lâm Vương  
臨王 鏞

An Vương Tuân  
安王 洵

7. Uy Mục Đế Tuấn  
威穆帝 濬

6. Túc Tông Thuần  
肅宗 濬

Dung Trị  
溶 治

Dưỡng  
養

Cầm Giang Vương  
錦江王 崇

8. Tương Dực Đế  
襄翼帝 濬

Mục Ý Vương  
穆懿王 濬

Dực Cung Vương  
翼恭王 涓

9. Chiêu Tông Ý  
昭宗 椅

10. Xuân (Cung Hoàng)  
椿 (恭皇)

Quang Trị  
光治

# HẬU LÊ THẾ PHỔ

後黎世譜

Lam Quốc công Lê Trừ (anh vua Thái Tổ)

籃國公黎除

Lê Khang 黎康

Lê Thọ 黎壽

Lê Duy Thiệu 黎維紹

Lê Duy Khoáng 黎維統

3. Anh Tông Duy Bang 英宗維邦

4. Thế Tông Duy Đàm 世宗維潭

Duy Trì 維持

5. Kính Tông Duy Tân 敬宗維新

6. Thần Tông Duy Kì 神宗維祺

7. Chân Tông Duy Hữu

真宗維祐

8. Huyền Tông Duy Vũ

玄宗維禡

9. Gia Tông Duy Hội

嘉宗維禧

10. Hi Tông Duy Hợp

熙宗維裕

11. Dụ Tông Duy Đường

裕宗維糖

Duy Chúc

維祝

12. Thuần Tông Duy Tường

純宗維祥

13. Duy Phường Đế

維昉蒂

14. Ý Tông Duy Thì

懿宗維祗

Duy Mật

維密

15. Hiến Tông Duy Diêu 顯宗維祧

Duy Vĩ 維禕

Duy Cẩn 維謹

Mẫn Đế Duy Kì

愍帝維祁

Duy Du

維紬

Duy Chi

維祗

Chiêu Tông Ý (Tiền Lê)

昭宗椅

1. Trang Tông Duy Ninh

莊宗維寧

2. Trung Tông Duy Huyền

中宗維暄

## NGUYỄN THỊ THẾ PHỔ

## 阮氏世譜

## 1. Triệu Tổ - Thái Tổ Nguyễn Kim

肇祖 - 太宰阮淦

Ngọc Bảo (Vợ Trịnh Kiểm) Nguyễn Ưông

玉寶

阮汪

## 2. Thái Tổ Gia Dụ - Đoan quận công Nguyễn Hoàng (Chúa Tiên)

太祖嘉裕 - 端郡公阮潢 (仙主)

Hà  
河Hán  
漢Thành  
成Diễn  
演Hải  
海

## Hi Tông Hiếu Văn - Thụy quận công Nguyễn Phúc Nguyên (Chúa Sãi)

熙宗孝文 - 瑞郡公阮福源 (佛主)

Hợp  
洽Trạch  
澤Khê  
溪Vệ  
衛Tuyên  
宣Tuấn  
浚Kì  
淇

## 4. Thần Tông Hiếu Chiêu - Nhân quận công Nguyễn Phúc Lan (Chúa Thượng)

神宗孝昭 - 仁郡公阮福瀾 (上主)

Ánh  
筵Trung  
忠Tứ  
泗Diệu  
耀

?

## 5. Thái Tông Hiếu Triết - Dũng quận công Nguyễn Phúc Tần (Chúa Hiền)

太宗孝哲 - 勇郡公阮福瀕 (賢主)

Thăng  
昇Diễn  
演

## 6. Anh Tông Hiếu Nghĩa - Hoàng quận công Nguyễn Phúc Trăn (Chúa Nghĩa)

英宗孝義 - 弘郡公阮福湊 (義主)

Hiệp  
協

## 7. Hiến Tông Hiếu Minh - Tộ quốc công Nguyễn Phúc Chu (Thiên Túng đạo nhân)

顯宗孝明 - 祚國公阮福澗 (天縱道人)

Trinh  
貞

## 8. Túc Tông Hiếu Ninh - Đình quốc công Nguyễn Phúc Chú (Vân Tuyên đạo nhân)

肅宗孝寧 - 鼎國公阮福澍 (雲泉道人)

Tứ  
泗Điền  
佃Phong  
豐

## 9. Thế Tông Hiếu Võ - Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát

世宗孝武 - 武王阮福闊

Nghiêm  
嚴

Nguyễn Phúc Chương

阮福璋

Hưng Tổ Nguyễn Phúc Luân

興祖阮福輪

Văn  
文Chí  
晷Hiệu  
昊

## 10. Duệ Tông Hiếu Định - Định Vương Nguyễn Phúc Thuần

睿宗孝定 - 定王阮福淳

Hạo  
暎Đồng  
昞Ánh  
映Mân  
旻Diễn  
暎Dương  
暘

Vua Gia Long

(Tân Chính vương)

NGUYỄN TRIỀU THẾ PHỔ  
阮朝世譜

1. Thế Tổ Cao Hoàng Đế (Gia Long)

世祖高皇帝 (嘉隆)

2. Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế (Minh Mệnh)

聖祖仁皇帝 (明命)

3. Hiến Tổ Chương Hoàng Đế (Thiệu Trị)

憲祖章皇帝 (紹治)

Hồng Bảo

洪保

4. Dục Tông Anh Hoàng Đế (Tự Đức)

翼宗英皇帝 (嗣德)

Thụy Thái Vương

瑞太王

Kiên Thái Vương

堅太王

5. Hiệp Hòa Phế Đế

協和廢帝

Thụy quốc công (Dục Đức)

瑞國公 (育德)

8. Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế (Đồng Khánh)

景宗純皇帝 (同慶)

6. Giản Tông Nghị Hoàng Đế (Kiến Phúc)

簡宗毅皇帝 (建福)

7. Hàm Nghi Đế

咸宜帝

9. Thành Thái Phế Đế

成泰廢帝

11. Khải Định Đế

啓定帝

10. Duy Tân Phế Đế

維新廢帝

12. Bảo Đại Đế

保大帝